Phương Hà *biên soạn*

HỒ SƠ HÌNH SỰ NHỮNG VỤ LỪA ĐẢO NỔI TIẾNG THẾ GIỚI

3 TẬP

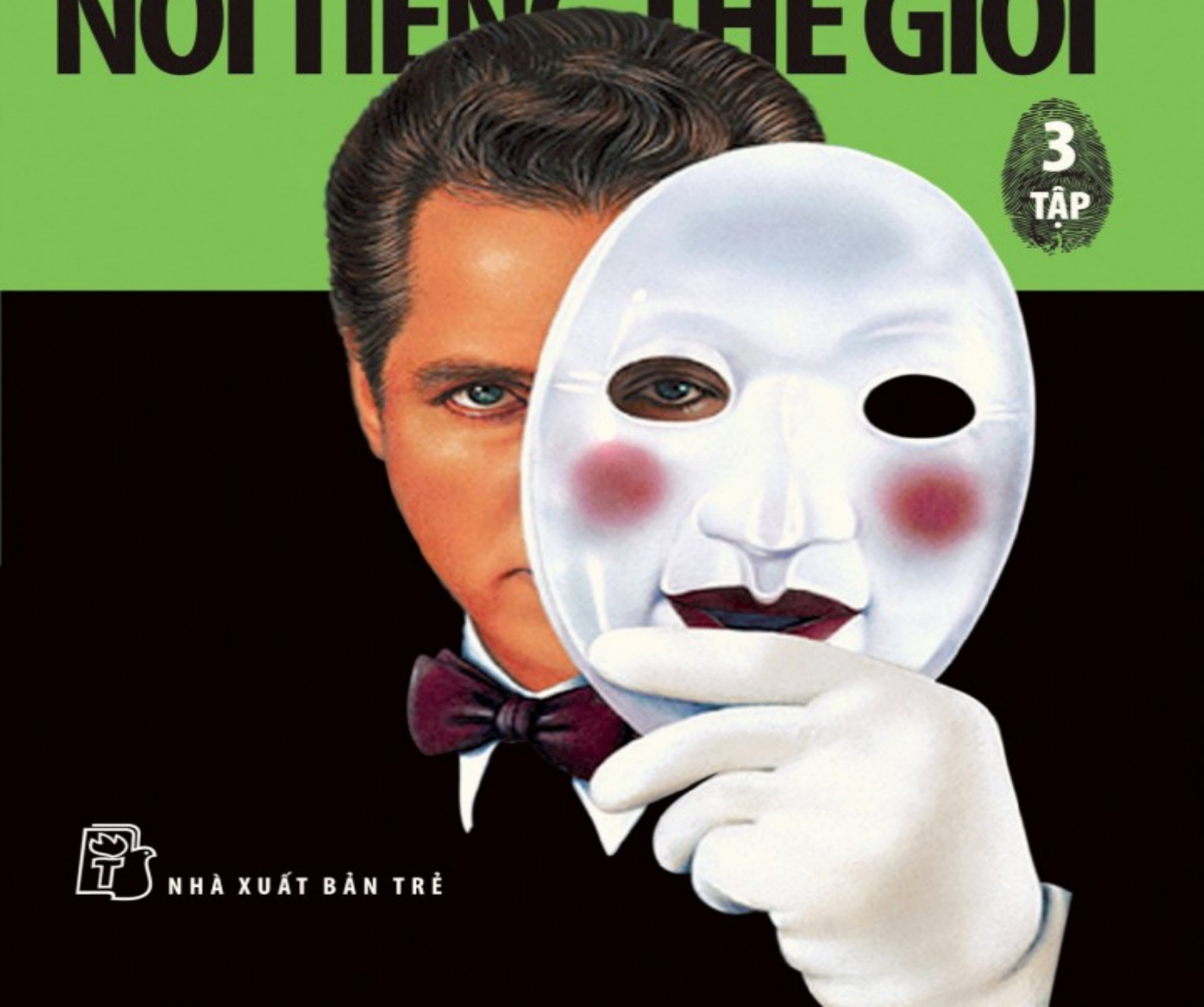

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

NHỮNG VỤ LỪA ĐẢO NỔI TIẾNG THẾ GIỚI

—★—

Phương Hà (biên soạn)

Nhà xuất bản Trẻ 2012

---

ebook©vctvegroup

29-03-2020

Lời nói đầu

Những người thông minh trên Trái Đất này đại thể có hai loại: người thông minh tốt và kẻ thông minh xấu. Người thông minh tốt chỉ nghĩ làm điều có ích cho người xung quanh, cho nhân loại. Kẻ thông minh xấu nghĩ ra những mưu thâm kế hiểm đánh lừa người khác để thỏa lòng háo danh, hám tiền. Thế nhưng chúng chỉ đạt được mục đích khi có những người cũng háo danh, hám tiền như chúng nhưng lại không thông minh bằng chúng. Đây là số đông trong những nạn nhân của bọn lừa đảo.

Những người gặp cơn hoạn nạn đang mong mỏi được cứu giúp dễ sa vào tay những kẻ họ lầm tưởng là ân nhân, là cứu tinh.

Người thích những điều mới lạ, thích phiêu lưu mạo hiểm cũng dễ mắc mưu những kẻ lừa đảo.

Người không háo danh không hám đồng tiền bất chính ít khi mắc lừa bọn chúng nhưng đôi khi chỉ vì muốn giúp người đang gặp khó khăn, hoặc vì nhẹ dạ cả tin nên mắc bẫy.

Cuốn sách này kể lại một số vụ lừa đảo có thật đã xảy ra ở nhiều nước và trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Qua đó bạn đọc có thể thấy được phần nào những mánh khóe thiên hình vạn trạng của bọn lừa đảo để tự bảo vệ và góp phần ngăn chặn kịp thời những tội ác chúng gây ra cho xã hội.

Mong rằng bạn đọc sẽ tìm thấy trong những câu chuyện này đôi điều bổ ích. Và… cả những nụ cười!

Bạc giả có giá hơn bạc thật!

Một buổi chiều cuối năm. Cửa hàng gia cầm gần thủ đô Paris rất đông khách đến mua ngỗng, mua gà tây… để ăn mừng Chúa giáng sinh. Hôm nay đã là ngày 24 tháng 12.

Một người đàn ông trán rộng và cao, tóc đen lượn sóng đứng lẫn trong dòng người xếp hàng. Anh chăm chú nhìn qua cặp kính gọng vàng cô thu ngân đang chăm chú đếm từng xấp bạc vừa nhận của khách. Vẻ mặt cô tươi tỉnh, rất hợp với không khí ngày lễ hôm nay. Cô nhìn kỹ giá tiền ghi trên từng khối hàng khách đã mua và nhanh nhẹn nhận tiền, trả lại tiền thừa đến từng xu lẻ không thiếu một đồng.

Đến lượt người đàn ông trán rộng và cao, tên Stacy. Mặt anh hơi tái, cất giọng hơi lạc đi một chút khi hỏi mua một con ngỗng. Một con ngỗng Noel thật béo, giá 200 frăng hồi đó. Bàn tay anh ta hơi run run đặt lên quầy tờ giấy 1.000 frăng màu xanh. Cô thu ngân trả lại tiền dư. Anh hơi loạng choạng như người mộng du, xách ngỗng đi về ga tàu điện ngầm. Đến đây dường như anh đã cảm thấy bớt căng thẳng, thản nhiên lên tàu điện, ngồi lặng lẽ ôm con ngỗng đặt trên đùi.

Một giờ sau, Stacy về tới nhà. Một ngôi biệt thự xoàng xĩnh nhưng tươm tất ở ngoại ô Paris. Chị vợ nhanh nhẹn mang con ngỗng vào bếp. Hai đứa con, đứa lên hai, đứa lên bốn ngồi chơi bi trong phòng. Stacy lặng lẽ ngồi nhìn con, trong lòng rối bời vừa

hãnh diện lại vừa thấy mình đã đánh mất đi một cái gì đó… Anh vừa sung sướng vì đã thành công, vừa lo lắng tự hỏi: liệu cảnh sát có mò đến đây không?

Sau đó, trong nhiều ngày đêm liên tiếp Stacy nôn nao, thấp thỏm chờ đợi. Chờ cảnh sát có thể ập đến bất cứ lúc nào, đến để bắt anh, để khám nhà…

Stacy sinh ra ở Ba Lan năm 1912, năm 1939 là sĩ quan bất đắc dĩ trong quân đội Hitler, rồi tình nguyện xung vào đội quân lê dương năm 1944. Thế chiến 2 kết thúc, tuy có bằng kỹ sư cơ khí và bằng kiến trúc sư nhưng anh không tài nào kiếm nổi một chân trong cơ quan nhà nước. Chỉ vì anh nói tiếng Pháp quá tồi. Khi cưới được cô con gái một vị luật sư nổi tiếng và giầu sụ anh hí hửng tưởng chừng vận may đã đến với mình. Nhưng chỉ sau ít bữa, gia đình nhà vợ đã coi anh là một kẻ hèn kém không môn đăng hộ đối, coi khinh anh ra mặt, gần như cấm cửa không cho lai vãng nữa. Thế là Stacy lâm vào cảnh bị dồn tới chân tường: thất nghiệp không kiếm ra tiền, nhưng không có gan giết người cướp của, mà cũng không đủ tài và đủ can đảm đi xoáy tiền của người khác. Suy tính mãi, Stacy thấy chỉ còn mỗi một cách: tự mình làm lấy tiền mà xài.

Tờ 1000 frăng màu xanh anh ta đưa trả tiền ngỗng là một tờ bạc giả. Một tờ bạc giả, do một mình anh tự tay làm lấy từ A đến Z, từ đầu đến đuôi: làm giấy, vẽ hình, in… và tự tay mang đi tiêu thụ. Quả thật đó là một công trình tuyệt tác, khó ai phát hiện nổi. Bằng chứng: Stacy ngồi nhà đợi cảnh sát đã mấy ngày rồi mà không thấy họ đến. Vậy thì còn lo ngại nỗi gì mà không đem xài nốt mấy nghìn tờ xanh còn đang cất giấu kia?

Stacy biết rõ: chỉ có tay chuyên viên nào thật giỏi, soi kỹ từng nét vẽ, từng vệt màu mới có thể nhận ra tờ bạc giả do anh in ra. Và cũng biết rõ: tất cả các tờ bạc giả đó đều đánh số như nhau, theo con số sêri in trên một tờ bạc thật dùng làm mẫu. Vì thế, tốt nhất là nên đưa ra từng tờ một thôi. Mỗi lần anh sẽ mua vài thứ lặt vặt và nhận tiền thừa. Những thứ mua được sẽ đẩy đi ngay lập tức, còn tiền thừa cóp nhặt được sẽ dùng vào việc chi tiêu hàng ngày và dành dụm để mua tín phiếu của ngân hàng nhà nước. Cho đến ngày tích được một số vốn kha khá bằng tiền thật và tín phiếu, anh sẽ chấm dứt làm bạc giả. Từ nay tới ngày tươi sáng đó, anh nhất quyết sống thật đạm bạc, khắc khổ như xưa nay vẫn sống… Đó là tóm tắt kế hoạch hành động của Stacy, kế hoạch này sẽ được anh ta thực hiện đúng từng chi tiết.

Theo các chuyên viên về bạc giả Interpol thì hiếm có người nào trên thế giới có thể một mình làm ra bạc giả. Phải có một nhóm gồm ít nhất một thợ vẽ, một thợ khắc, một thợ chế bản, một thợ in và một số tên chuyên mang đi tiêu thụ.

Khó khăn lớn đầu tiên của bọn làm bạc giả là phải chế được thứ giấy in giống giấy in bạc thật. Năm 1950 trên toàn thế giới chỉ có vỏn vẹn ba nhà máy sản xuất được thứ giấy đặc biệt này. Số lượng giấy sản xuất ra được kiểm kê được canh giữ nghiêm ngặt như thể chúng là vàng ròng. Ngoài ba nhà máy đó không có một nhà máy nào khác làm nổi. Vì cần phải có rất nhiều thiết bị đồ sộ, ví dụ máy ép đủ mạnh để làm hình in bóng trên tờ giấy bạc. Vả lại ngân hàng nhà nước Pháp còn cho trộn vào bột giấy những sợi kim loại rất mảnh mắt thường không nhìn thấy nhưng nếu dùng máy quang điện kiểm tra thì trong một giờ có thể soi được 2500 tờ và phân loại dễ dàng bạc thật hay bạc giả. Hình vẽ trên giấy bạc cũng rất khó

bắt chước vì đường nét vô cùng rối rắm, đan nhau chằng chịt, chồng chéo, rất nhiều họa tiết, hoa văn phức tạp. Bọn làm bạc giả tất nhiên tìm mọi cách vượt qua cửa ải này nhưng thường vẫn phạm sai lầm, nhiều tên phải chịu bó tay bỏ cuộc. Tóm lại kỹ nghệ làm bạc giả thường là lĩnh vực hoạt động của những băng rất mạnh, có đầy đủ phương tiện, được tổ chức hết sức chặt chẽ từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ. Phương thức hành động của chúng: sản xuất cấp tốc một khối lượng thật lớn rồi đem đi tiêu thụ bằng hết và thật nhanh. Nhưng đấy cũng chính là nhược điểm chí tử của chúng: vào một thời điểm nhất định nhà chức trách thấy bỗng dưng xuất hiện một số đông những kẻ tiêu thụ bạc giả… Trường hợp của Stacy hoàn toàn khác hẳn: chỉ có một người, tiêu thụ từng tờ một. Nhưng phương thức Stacy lại chứa đựng một mối nguy khác: tuy sự xuất hiện những tờ xanh giả không ồ ạt, không đồng thời ở nhiều địa điểm vì không do nhiều người mang đi tiêu thụ, nhưng lại kéo dài, thường xuyên, đều đều.

Thông thường chu kì vòng quay của đồng tiền khiến cho mỗi tờ giấy bạc quay trở lại Ngân hàng Pháp quốc mỗi năm ba lần. Vì thế Ngân hàng nhanh chóng phát hiện ra những tờ xanh Stacy. Nhưng họ không thể biết chúng từ đâu ra. Năm 1953 Stacy lại tung ra loại 5000 frăng, được làm giả khéo đến nỗi cả các chuyên viên của ngân hàng và của cảnh sát đều nhất trí rằng: phải một nhóm rất đông người mới làm được như thế. Sở dĩ họ phát hiện được là nhờ một chi tiết nhỏ: tất cả các tờ bạc đều mang một con số sêri như nhau. Ngân hàng Pháp biết rõ dân chúng không thể phân biệt nổi thật giả, nên các quan chức ngân hàng chủ trương im lặng và bấm bụng chấp nhận tiêu thụ bạc giả Stacy, coi như giấy bạc do ngân hàng phát hành! Tuy tiêu thụ trót lọt được những tờ bạc giả nhưng

Stacy vẫn thận trọng, vẫn sống đạm bạc như trước kia, không có dấu hiệu bất thường nào khả dĩ làm người xung quanh đánh dấu hỏi.

Năm 1963 Ngân hàng Pháp tung ra tờ 100 frăng có hình Napoléon Bonaparte. Nhờ áp dụng một kỹ thuật in màu hết sức tinh vi, họ cho đây là loại giấy bạc không ai làm giả được. Thế nhưng Stacy vẫn làm ra những tờ bạc y hệt. Chỉ có bốn chỗ sai rất nhỏ, các chuyên viên tài giỏi nhất phải soi qua kính hiển vi mới thấy.

Nếu như Stacy vẫn tiêu thụ bạc giả theo cung cách nhỏ giọt như trước thì có lẽ… Nhưng một bữa kia mười một tháng sau khi phát hành tờ bạc mới một nhân viên Ngân hàng Pháp chợt nhìn thấy một bó giấy bạc Bonaparte giả, tất cả đều cùng số sêri. Lần theo dấu vết bó tiền này Interpol giăng bẫy.

Hơn hai năm trôi qua…

Ngày 17 tháng Giêng 1967, cảnh sát trưởng Berthoux chỉ huy đội Chống Bạc giả nhấc điện thoại nghe báo cáo:

– Mời cảnh sát trưởng tới ngay. Tôi đã phát hiện một tên.

Trên đường FranÇois đệ Nhất, cảnh sát trưởng Berthoux thấy một người đàn ông gầy gò bận áo khoác dài, cổ áo dựng lên che kín mặt. Một thám tử bước tới báo cáo:

– Hắn vừa đẩy một tập mười tờ giả ở bưu điện gần đây!

Bất giác Berthoux thốt lên:

– Thằng ngu!

Đúng vậy. Nếu tên đó chỉ thò ra có một tờ giả lẫn trong nhiều tờ thật thì đã không bị cảnh sát bám theo. Hai tay đút túi quần, gã

vào một căn nhà trên đường rồi trở ra sau mười lăm phút. Lúc này gã xách một chiếc cặp da. Berthoux đón đầu, đặt tay lên vai gã:

– Cảnh sát đây! Anh từ đâu tới?

– Từ nhà anh rể.

– Tên anh ta?

– Down Jines.

– Xin cảm phiền. Đưa cặp tôi xem.

Trong cặp có mười xấp, mỗi xấp mười tờ 100 frăng. Berthoux lấy kính lúp soi qua vài tờ, thấy rõ đó là bạc giả. Anh rể đưa cho anh thứ này?

Gã kia không có cách nào chối tội: khi vào nhà gã đi tay không, khi ra mới mang chiếc cặp này. Gã đành miễn cưỡng gật đầu.

Mấy phút sau Berthoux hỏi người "anh rể" Down Jines:

– Bạc giả này ở đâu ra?

– Mua ngoài chợ.

– Giá bao nhiêu?

– Mỗi tờ giá 65 frăng.

Anh rể không khai thật. Nhưng cảnh sát trưởng Berthoux nhanh chóng tìm ra cuốn sổ ghi địa chỉ và số điện thoại của những người có liên hệ làm ăn với Down Jines. Anh mở sổ đọc to tên từng người: Veriut… Michel… Godsek… Khi đọc đến tên Stacy cảnh sát trưởng thấy mặt Down Jines hơi tái đi.

– Stacy là ai vậy?

– Bạn thân.

– Loại bạn thế nào?

– Chiến hữu.

– Và là gì nữa?

– Chỉ thế thôi. Trong Thế chiến, hai chúng tôi đã cùng nhau trả qua nhiều đận gian nan.

– Hắn đưa cho anh số bạc này?

– Không phải anh ta.

– Nên khai thật sẽ có lợi cho anh hơn, vì chúng tôi sẽ tới nhà người này ngay bây giờ.

Down Jines hiểu là không thể quanh co giấu giếm được nữa. Hắn thú nhận: Stacy chính là người làm ra số giấy bạc này.

Xe cảnh sát kín đáo vây chặt căn nhà treo biển số 33 trên đại lộ Sénat gần Paris. Cảnh sát trưởng Berthoux xem ổ đạn khẩu súng ngắn rồi gõ cửa… Một người nhỏ nhắn ra mở cửa.

– Ông là Stacy?

– Vâng, chính tôi đây.

– Tôi, cảnh sát trưởng Berthoux, đội Chống Bạc giả.

– Thế ạ? Ông tới về việc gì vậy?

– Tất nhiên là về việc làm bạc giả.

Một người đàn bà hiện ra cùng một đứa trẻ mười sáu, một đứa mười tám tuổi. Đồ đạc trong nhà ngăn nắp, mọi chỗ đều sạch sẽ. Bữa ăn trưa đạm bạc dọn trên bàn. Hoàn toàn không có dấu hiệu nào của một xưởng in bạc giả: không có dây phơi, bàn ép, không một dụng cụ đồ nghề gì. Tất cả đều vẽ lên cảnh một tổ ấm của người trí thức hiền lành, nghèo túng. Cảnh sát trưởng Berthoux bắt đầu thấy phân vân. Nhưng Stacy phạm ngay một sai lầm nhỏ về tâm lí. Anh nói:

– Tôi không rõ ông cảnh sát trưởng có ý gì, nhưng xin phép cho vợ con tôi được dùng bữa. Họ không dính líu gì đến chuyện này.

– Được thôi. Xin cứ tự nhiên.

Trong lúc theo Stacy sang phòng khách, Berthoux nghĩ thầm: "nếu vô tội gã sẽ không nói 'họ không dính líu gì đến chuyện này' và nếu vô tội gã sẽ nghĩ rằng sự nghi ngờ của cảnh sát chỉ sau vài phút trò chuyện sẽ tan biến ngay, nhưng gã lại kéo ghế mời mình ngồi, tức là gã cho rằng sẽ phải tranh cãi kéo dài…" Berthoux bèn đưa tờ 100 frăng ra.

– Anh biết loại giấy bạc này chứ?

– Dĩ nhiên. Giấy 100 frăng loại mới.

– Anh thấy có gì lạ không?

– Không. Có gì lạ? Bạc giả hay sao?

– Bạc giả. Và anh đừng giỡn mặt tôi, nghe không? Chính anh đã bán mấy nghìn tờ thứ này cho Down Jines. Stacy kịch liệt phản đối:

– Cái gì? Ông nói gì lạ vậy? Tầm bậy quá. Không phải tôi.

Berthoux ra lệnh khám nhà. Cảnh sát khám rất kỹ trong bốn giờ liền, Berthoux cũng thẩm vấn Stacy trong bốn giờ liền. Cả cuộc xét nhà lẫn cuộc thẩm vấn chẳng thu được kết quả gì.

Tình cờ một thanh tra cảnh sát nhác thấy tấm thảm trải sàn bếp hơi khác thường, trên thảm có vết cắt hình chữ nhật ngay dưới chiếc bếp điện. Anh ta dịch chiếc bếp sang bên, lật mảnh thảm nhựa lên và phát hiện phía dưới có một nắp hầm.

Stacy giải thích:

– Đây là cửa xuống gian xưởng ngầm của tôi. Nhà chật quá, tôi phải làm thế để có chỗ thực hiện các sáng chế của tôi. Tôi là kỹ sư mà!

Berthoux mở nắp hầm. Một chiếc thang tự động dựng lên. Hầm rộng chừng 5 mét vuông, trên chiếc kệ ở vách hầm có ba chục tờ 100 frăng còn ướt. Berthoux chỉ vào các đồ nghề: bàn ép, dây phơi, kính hiển vi.

– Anh mua những thứ này ở đâu?

Stacy tỏ vẻ hãnh diện:

– Tôi tự tay làm lấy tất cả.

– Những hộp sữa kia đựng gì?

– Mực in. Chỉ có thứ đó là tôi phải mua, cùng với giấy cuốn thuốc lá.

– Anh hút thuốc cuốn à?

– Tôi trộn lẫn với giấy bóng và nước mưa để làm giấy in. Pha trộn mấy thứ đó có khó lắm không?

– Rất khó: tôi đã phải mất nhiều tháng mày mò thử đi thử lại mới tìm ra công thức thích hợp.

– Anh làm thế nào để in các hình bóng chìm?

– Phải có khuôn đồng chạm nổi các hình đó. Khi nhào xong bột giấy thì phủ lên chờ khô mới bóc ra.

– Chiếc máy sinh tố kia để làm gì?

– Để làm cho giấy bạc cũ đi.

Làm cho những tờ bạc giả có vẻ đã được lưu hành từ lâu là việc rất khó. Stacy đã tìm ra cách khá độc đáo: cải tiến máy xay sinh tố,

cho giấy bạc vào bình cùng với ít tro và cát mịn rồi cho máy chạy trong nhiều giờ, tờ giấy bạc sẽ nhẵn lì và cũ đi.

Trong ngăn kéo có 220 triệu frăng bó thành từng xấp vuông vắn. Stacy đã tiêu thụ được 50 triệu. Khi bị bắt tháng giêng 1964 vốn liếng bằng tiền thứ thiệt và chứng chỉ ngân hàng của anh ta lên tới 70 triệu frăng.

Cảnh sát trưởng Berthoux không che giấu sự ngạc nhiên và khâm phục:

– Với kỹ thuật tinh xảo và phương pháp của anh, nếu cứ tiêu thụ ít một như trước chắc chắn chúng tôi chưa tóm được anh.

– Tôi cũng biết thế.

– Sau 13 năm làm ăn trót lọt chắc anh cho rằng không cần dè dặt như trước?

– Có thể một phần là vì thế. Nhưng đấy không phải là lý do chính. Lý do chính là vì mới đây tôi được biết mình mắc phải một chứng bệnh nan y nên thấy cần tăng nhanh tốc độ để sau này vợ con đỡ túng thiếu. Vả lại cũng thấy thích làm một cú thật bẫm. Để trả thù đời. Đời không thèm dùng đến tài của tôi, tôi phải cho đời biết tay!

… Hiện nay trong kho lưu trữ bạc giả của Interpol, các tờ bạc giả mệnh giá 1000 frăng, 5000 frăng và 100 frăng của Stacy vẫn được coi là thứ giấy bạc giả tinh vi nhất, khó phát hiện nhất.

Hơn nữa, trên thị trường nó là thứ bạc giả đắt giá nhất thế giới, đắt hơn bạc thật 10 ngàn lần. Những người sưu tập giành giật nhau, sẵn sàng trả 10 triệu frăng để mua một tờ Stacy 100 frăng!

Phiếm luận:

Xưa nay không hiếm những người có tài mà không được đời biết và trọng dụng. Nhưng nếu vì thế mà tìm cách trả thù đời thì không nên. Trong hoàn cảnh như vậy các bậc hiền nhân thường tìm thú tiêu dao hơn là làm bạc giả!

Bán nhà trên thiên đường

Maria Braga đặt bọc giấy to trên tay xuống, nhìn quanh tỏ vẻ kinh ngạc. Năm nay Maria Braga chừng sáu mươi tuổi, mập mạp, hôm nay bận tấm áo đầm màu tối làm nổi bật sợi dây chuyền gắn cây thánh giá bằng vàng cẩn kim cương.

Maria Braga kinh ngạc bởi lẽ khung cảnh nơi đây gây ấn tượng rất mạnh: một căn phòng nhỏ có mặt sàn và trần hình tròn, không cửa sổ, tường và trần đều sơn màu xanh da trời. Đèn được bố trí theo kiểu chiếu sáng gián tiếp tạo không khí huyền ảo mơ màng. Sàn trải tấm nệm trắng rất dày gây cảm giác rất êm chân nhờ nệm được nhồi bằng bông thấm nước. Giữa tấm nệm kê chiếc bàn tròn nhỏ phủ khăn trắng điểm nhiều ngôi sao li ti bằng vàng. Từ một vị trí kín đáo nào đó toát ra bản nhạc êm dịu với tiếng vĩ cầm hòa cùng tiếng đàn hacpơ…

Gây ấn tượng còn mạnh hơn khung cảnh lạ mắt này là người đàn bà đang ngồi đối diện Maria Braga. Chị ta mặc một bộ đồ trông như trang phục người Anhđiêng, hoặc một thứ váy áo kiểu cổ xưa nào đó, gồm nhiều tấm vải mỏng màu xanh phủ chồng lên nhau. Trông người mới khoảng ba mươi, với bộ mặt chỉ nhìn một lần là nhớ đời: đôi mắt màu nhờ nhờ xam xám, cặp môi đầy đặn đa tình, mái tóc đen nhánh rủ xuống đôi vai tròn…

Maria Braga lên tiếng trước. Kiến trúc và cách bài trí căn phòng khiến giọng nói của bà vang vang nghe lạ tai.

– Thưa bà Da Silva, căn phòng này quá đẹp! Trước khi tới đây tôi không hình dung nó lại đẹp như thế này.

Người đàn bà khoác khăn choàng khẽ mỉm cười:

– Xin gọi tôi là Leonora cho thân mật.

Maria Braga càng xúc động mạnh:

– Tôi được phép xưng hô với bà như vậy thật ư?

Nụ cười của Leonora Da Silva càng nở rộng thêm.

– Vâng, tất cả các vị mua nhà đều được quyền như vậy… Và cũng như các chủ nhà khác, từ nay bà có quyền lui tới đây bất cứ lúc nào.

Maria Braga ngả ngay người vào sát Leonora.

– Thánh đã phán rồi ư?

– Rồi. Ngay tại đây, tối qua. Thánh đã tả ngôi nhà của bà. Thật tuyệt vời, như trong mơ! Một tòa lâu đài cực kì lộng lẫy.

Hai mắt Maria Braga long lanh:

– Nhà có trên ba phòng chứ?

– Không, chỉ có ba phòng thôi thưa bà Maria thân mến. Nhưng ba phòng rộng thênh thang. Mỗi phòng đều mênh mông bát ngát như một nhà thờ ấy! Và phòng nào cũng đều có cửa nhìn ra một phong cảnh cực kì đặc sắc!

Maria Braga càng phấn khích:

– Ôi, chắc là vị trí ngôi nhà tuyệt lắm phải không?

Leonora Da Silva đứng lên, các tấm choàng trên người tung bay phấp phới.

– Vị trí rất lí tưởng. Đây là ngôi nhà được nhiều người muốn mua nhất. Ngay Thánh cũng mê. Thưa bà thân mến, bà sẽ làm chủ tòa nhà đẹp nhất trên Thiên đường.

Vừa nói Leonora vừa luồn tay trong ngực rút ra chiếc chìa khóa bằng mút cao su màu xanh dương, nghiêng mình yểu điệu đưa cho Maria Braga.

– Chìa khóa tòa nhà của bà đây, thưa bà…

Maria ngây người, há to mồm… Chiếc chìa khóa, khung cảnh, tiếng nhạc huyền ảo làm bà ta mê mẩn, bất giác buột mồm nói:

– Được như thế này, tôi muốn chết ngay bây giờ để lên ở ngôi nhà ấy!

Leonora Da Silva bước tới bên chiếc bàn trải khăn gắn những ngôi sao bằng vàng.

– Không vội gì, Maria thân mến của tôi! Giờ đây bà đã biết trước linh hồn của mình sẽ có chỗ ở như thế nào trên thiên đường, nhất định từ nay cuộc sống trên cõi đời này của bà sẽ tràn đầy hạnh phúc.

Maria Braga chỉ tay vào gói bọc giấy đặt trước mặt:

– Đủ ba triệu escudos trong này. Mỗi bó một triệu. Mời bà kiểm tra giúp.

Leonora Da Silva khoát mạnh tay làm các tấm choàng bay tung.

– Thánh khỏi cần kiểm tra. Thánh biết hết kẻ gian người ngay, không đếm cũng biết thiếu hay đủ… À, xin nhớ cho điều này: đừng nói lộ cho ai biết. Nói lộ Thánh sẽ nổi giận, tòa nhà bà mua sẽ biến mất…

Hai bàn tay Leonora vung thật cao:

– Biến mất như thế này này: tan thành khói!

Maria Braga có vẻ hoảng sợ trước viễn cảnh hãi hùng đó.

– Tôi hiểu, nên đã giữ hết sức kín. Ngay ông xã nhà tôi cũng không biết. Tuy tôi đã bán nhẵn nhụi mọi đồ nữ trang, mọi món quà cưới mà ông xã tôi đâu có nghi ngờ gì!

Maria cúi xuống nhìn cây thánh giá trên ngực:

– Tôi chỉ giữ lại một món này thôi. Vì nghĩ rằng nếu muốn được lên Thiên đường thì…

Leonora Da Silva nắm tay Maria Braga dẫn tới cánh cửa lẩn trong tường, thoạt nhìn khó nhận ra.

– Bà thân mến, bà giữ lại là đúng.

Bọc tiền đã được giấu kín dưới các tấm choàng.

– Đừng tiếc. Hãy vui lên! Từ nay bà thuộc vào nhóm người may mắn được làm chủ những ngôi nhà trên Thiên đường.

Vậy là ngày 16 tháng Giêng năm 1963, Leonora Da Silva, cô đồng nổi tiếng nhất Rio de Janeiro ở Braxin đã bán một căn hộ ba phòng trên thiên đường cho Maria Braga với giá ba triệu escudos, tương đương hai triệu frăng Pháp, tức khoảng gần bốn tỉ VNĐ theo thời giá!

Sau khi tiễn khách hàng tới tận cổng ngôi biệt thự sang trọng của thị ở ngoại vi Rio, Leonora lên phòng ngủ. Vẻ nhẹ nhõm ra mặt, thị trút bỏ các tấm choàng xanh, mặc lên người chiếc quần jean và tấm áo thun. Ả châm điếu thuốc rồi tới tủ rượu liền tường rót một li whisky. Quay trở lại với bọc tiền để trên bàn phấn, ả bắt đầu vẩy đầu ngón tay trỏ đếm cẩn thận từng xấp. Đang mê mải với các xấp bạc thì có tiếng gọi cửa. Leonora bực mình quát:

– Gì vậy?

– Thưa, Antonia đây ạ. Em cần gặp bà chủ chút xíu.

Antonia Carvallo là cô người ở giúp việc nhà cho Leonara Da Silva. Cô ta muốn gì vậy? Sao dám đường đột quấy rầy khi Leonara đang bận rộn trong phòng ngủ?

Leonara gạt phăng:

– Đang bận! Biến ngay!

Tiếng nói sau cánh cửa vẫn kiên quyết.

– Chuyện rất gấp và rất quan trọng, thưa bà chủ. Em muốn thưa với bà về… việc mua bán nhà trên thiên đường!

Leonara ngạc nhiên, vội nhét hết tiền vào ngăn kéo bàn phấn rồi ra mở cửa.

Cô giúp việc Antonia Carvallo chừng hai lăm, tóc nâu, mẽ người xoàng xĩnh nhưng lúc này lại tỏ ra cấc lấc. Cô ta đi thẳng vào phòng, tự tiện tót lên giường ngồi bắt chéo chân rất đàng hoàng.

– Trước hết em phải thú tội cái đã. Em vừa nghe trộm ngoài cửa phòng khách. Nghe lúc bà đang tiếp khách và đã biết hết mọi chuyện.

Leonara Da Silva quắc mắt nhìn cô giúp việc, phả làn khói thuốc vào giữa mặt cô ta.

– Thế hử? Ta đuổi cô ra khỏi nhà ngay tức thì vì tội nghe trộm. Làm xong việc ta sẽ xuống thanh toán tiền công cho cô.

Antonia cũng quắc mắt nhìn chủ với vẻ tức giận không che đậy:

– Bà chủ sai to rồi. Bà giả bộ không hiểu chứ gì? Vậy để tôi nói huỵch toẹt ra cho mà nghe. Giả dụ tôi đi báo cảnh sát thì sao? Tốt

hơn hết là đưa đây ba trăm ngàn escudos. Có nhiều nhặn gì đâu, chỉ là một phần mười số tiền con mẹ điên rồ kia đưa cho bà thôi!

Thay cho câu trả lời, Leonara Da Silva giáng cho con ở một cái tát nẩy đom đóm mắt. Antonia rú lên, bỏ chạy. Cô lao một mạch xuống thang gác, chạy ra vườn, tới đứng dưới cửa sổ phòng ngủ của chủ gào lên thách thức:

– Nghe đây, bà chủ Leonara thân mến! Đừng hòng mang theo tiền lên thiên đường, nghe không?

Thanh tra cảnh sát Enrique Jabor nhăn mặt cố hiểu mà không sao hiểu nổi thiếu phụ đứng trước mặt mình đang nói gì, vừa nói vừa vung tay nhẩy nhót như điên. Rõ ràng cô ta đang cực kì xúc động. Thanh tra ngắt lời:

– Từ từ nói cho có đầu có đuôi nào! Chị vừa tố cáo bà Leonora Da Silva lừa đảo phải không? Nhưng bà Leonora Da Silva là ai mới được chứ?

– Là bà chủ cũ của tôi. Ngụ trong biệt thự gần đây. Ông thanh tra phải tới đó coi thử mới biết rõ đầu đuôi. Thanh tra Enrique Jabor lại nhăn mặt nhìn Antonia.

– Chị thử nhắc lại vụ mua bán nhà trên thiên đường xem nào. Tôi chưa hiểu…

– Mụ ta bán nhà như vậy không phải lừa đảo là gì?

Xem ra thanh tra Enrique Jabor càng lúc càng nghi ngờ tình trạng thần kinh của vị khách này, có khi anh còn cho cô ta đang lên cơn hoang tưởng cũng nên.

– Nghĩa là chị tới đây gặp chúng tôi để khiếu kiện?

– Phải. Tôi kiện mụ ta.

– Tốt. Vậy xin cho biết bà Leonora Da Silva đã làm gì chị?

– Chẳng làm gì tôi, nhưng…

Thanh tra Enrique Jabor đứng phắt lên, nắm cánh tay thiếu phụ lôi ra ngoài.

– Bà ấy không làm gì có hại cho chị thì chị kiện bà ấy sao được? Thôi nhé, chào!

Antonia tức sùi bọt mép, quay lại đe:

– Tôi sẽ còn quay lại đây!

Thanh tra Enrique Jabor tống khứ được mụ mất trí khỏi văn phòng, yên chí sẽ không bao giờ bị quấy rầy nữa. Nhưng anh đã lầm. Vì tuy tức điên lên nhưng Antonia Carvallo vẫn còn tỉnh táo. Cô ta biết mình không đứng đơn kiện được, phải kiếm một người có thể thay cô làm chuyện này, nghĩa là phải kiếm được một nạn nhân. Nạn nhân đó là ai, Antonia đã nắm trong tay…

Eleazar Braga giám đốc ngân hàng Banco di Rio xưa nay không thích tiếp khách trong phòng làm việc khi ông đang bận. Nhưng bữa nay ông lại cho mời ngay người thiếu phụ không quen biết vào gặp, vì nghe cô thư kí báo vị khách này muốn cung cấp nhiều tin quan trọng về bà vợ ông.

Antonia không úp mở đi thẳng vào việc.

– Em đã từng là người giúp việc bà Leonora Da Silva.

Nghe nói đến cái tên đó, nét mặt Eleazar Braga lộ vẻ nghi ngại.

– Tôi biết cô đồng đó. Bà ta còn đòi hỏi gì ở vợ tôi nữa?

– Mụ làm bà nhà mất trí rồi. Khi biết chuyện, em đã cố ngăn cản nhưng không được. Xin nói vắn tắt là thế này: Leonora Da

Silva đã bán cho bà nhà một căn hộ ba phòng trên thiên đường và lấy của bà nhà ba triệu escudos.

Eleazar Braga, như tất cả các giám đốc ngân hàng khác, là con người rất thực dụng nhất là trong chuyện tiền nong, nên nghe tới số tiền đó ông ta suýt lên cơn đột quị. Mãi ông mới lắp bắp:

– Bà nhà tôi… mua bằng tiền nào?

– Tiền bán nữ trang. Bán sạch sành sanh! Ông định làm gì bây giờ?

Câu trả lời của Eleazar Braga đúng như Antonia mong đợi.

– Mẹ kiếp! Còn làm gì khác nữa cơ chứ? Lôi cổ nó ra tòa!

Ngày 31 tháng Ba năm 1963 Leonora Da Silva phải ra trước tòa tiểu hình Rio de Janeiro với một tội danh hiếm thấy: bán những căn hộ tọa lạc trên thiên đường cho khách hàng tới giao dịch tại nơi hành nghề của thị.

Đích thân giám đốc Eleazar đứng đơn kiện thay cho vợ, lúc này đang ngồi trên ghế nguyên đơn. Phòng xử chật cứng người hiếu kì và phóng viên các báo tới chứng kiến vụ án vô tiền khoáng hậu này. Bị cáo Leonora Da Silva, cũng cư xử như các ngôi sao nổi tiếng khác thường làm: bắt mọi người phải chờ đợi thật lâu, đến phút cuối cùng mới xuất hiện… Mụ vừa thò mặt ra, cử tọa "Ồ" một tiếng khoan khoái. Nhìn dáng vẻ của mụ, mọi người biết chắc mụ sẽ tự bảo vệ đến cùng, phiên tòa hứa hẹn nhiều pha ngoạn mục. Mụ đứng rất thẳng, vươn cao tấm thân bó chặt trong tấm rốp đen như bức tượng, liếc nhìn các quan tòa rồi nguýt bên nguyên đơn với vẻ khinh thường đầy thách thức.

Chủ tọa phiên tòa hỏi:

– Leonora Da Silva, chị bị buộc tội đã bán cho năm khách hàng những "ngôi nhà trên thiên đường" có từ hai đến năm phòng, với giá từ hai đến năm triệu escudos một căn. Chị giải thích hành vi này thế nào?

Giọng Leonora sang sảng đáp lại:

– Không có gì phải giải thích. Đúng là tôi đã bán những căn hộ đó.

– Nghĩa là chị đã lạm dụng lòng tin của các khách hàng?

Leonora lắc mạnh đầu làm mái tóc đen bay tung.

– Không hề có lạm dụng ai. Tôi đã bán cho họ thật.

– Làm gì có nhà trên thiên đường để chị bán?

– Có đấy, thưa tòa. Thánh đã tả rất chi tiết từng căn cho tôi, và tôi đã tả lại y chang cho khách hàng nghe để họ tùy ý chọn lựa.

Vị chủ tọa bắt đầu nóng gáy:

– Bị cáo không được châm chọc tòa!

Leonora không lùi bước:

– Hình như ông chủ tọa thông thạo thiên đường lắm thì phải. Hay là ông đã từng lên đó?

Trong phòng xử rộ lên tiếng cười.

– Và vừa từ đó trở về?

Vị chủ tọa hét khản cả cổ mới lập lại được im lặng trong phòng xử án. Ông cố giành lại ưu thế:

– Dù sao, bị cáo không thể bán cái không tồn tại, cái không có thật.

Leonora Da Silva tủm tỉm:

– Được chứ, thưa tòa. Nếu không được thì tòa phải kết tội Nhà Thờ đã nhận đồ quyên góp của những người mong muốn linh hồn được cứu rỗi.

Xem chừng vị chủ tọa đã có phần lúng túng. Ông gắng gượng phản công:

– Hai chuyện này khác hẳn nhau.

– Khác ở chỗ nào, thưa tòa?

– Khác vì… không giống nhau… Vì bị cáo đã dùng những món tiền đó tậu cho mình một biệt thự sang trọng, sắm nhiều đồ nữ trang đắt tiền…

Leonora Da Silva không chịu thua.

– Thì đã sao? Mọi của cải dưới trần thế này chỉ có thể lên tới trời qua người trung gian. Xin được hỏi: các vị linh mục dùng tiền của giáo dân cúng vào việc gì? Có gì khác nhau đâu?

Vị chủ tọa hết đường bắt bẻ trước lập luận rất lôgic của bị cáo. Ông gắng gượng một lần cuối cùng:

– Thế những chìa khóa bằng mút cao su màu xanh kia thì sao nào? Bị cáo không định nói đó là những thứ nghiêm túc chứ? Chúng được dùng để mở cửa những "ngôi nhà" ấy sao?

Leonora Da Silva mỉm cười thương hại, nện đòn quyết định:

– Thưa quí tòa, đó là biểu tượng. Khi ta đi vào thế giới của huyền bí, của tín ngưỡng, mọi thứ đều chỉ là biểu tượng mà thôi.

Lời tự bào chữa của bị cáo được đoàn bồi thẩm chấp nhận. Sau cuộc tranh luận ngắn, tòa tuyên bố miễn tố Leonora Da Silva về tội lừa đảo, bởi lẽ mụ không hề nói dối khách hàng mặc dù vật mụ dùng để trao đổi có tính chất rất đặc biệt.

Cô đồng Leonora đĩnh đạc bước ra khỏi phòng xử giữa tiếng hoan hô rầm rầm, cả bà Maria Braga và chủ nhân những "ngôi nhà trên thiên đường" cũng chen lấn nhau lời chúc mừng. Họ vẫn tin chắc như đinh đóng cột mình đã tậu được ngôi nhà trên thiên đường làm nơi trú ngụ cho linh hồn họ sau này…

Sau chuyến phải ra trước tòa, Leonora Da Silva thấy tốt nhất là nên rút êm, về ở ẩn một nơi kín đáo để xài cho hết các khoản tiền kiếm được.

Xét cho cùng, kể cũng khó kết tội mụ. Vì tất cả những nạn nhân của mụ đều đã nhìn thấy căn hộ của họ lơ lửng giữa chín tầng mây, đều tưởng tượng họ được sống yên vui trên đó. Họ thường xuyên nhìn thấy căn hộ tràn đầy hào quang rực rỡ đó trước mắt, nhờ vậy mà cuộc sống của họ dưới cõi trần ai này tươi sáng hẳn lên. Tuy tốn rất nhiều tiền, nhưng họ đều là những người dư dả tiền bạc. Vả lại dễ gì mua được chất thơ chất mộng, mua được cảm giác hạnh phúc trong cuộc sống giữa biển trầm luân này! Đó là những thứ vô giá…

Phiếm luận:

Ở đâu và thời nào cũng có những kẻ buôn thần bán thánh lợi dụng tín ngưỡng của người nhẹ dạ cả tin để trục lợi. Sự thanh thoát của linh hồn không thể mua bằng tiền mà là phần thưởng của lối sống nhân hậu, vị tha.

Bức tượng chảy máu

Làng Entrevaux gần thành phố Marseille chỉ có chín trăm dân. Chuyện xẩy ra tại ngôi làng nhỏ này năm 1953 đã khuấy động dư luận một thời gian dài: mười năm.

Lúc gần hai mươi giờ ngày 23 tháng Mười hai năm đó, Jean Leroi chủ cửa hàng cà phêquán trọ ngồi chơi poker với chủ lò bánh mì và cậu thợ phụ lò. Anh ta thua liên tục và thua rất đậm… Sau một ván thua nữa anh ta cáu kỉnh tung hê cỗ bài rồi đứng lên.

Hai con bạc kia tưởng anh ta bỏ cuộc. Nhưng không, chỉ sau ít phút Jean Leroi quay lại, mang trên tay một tượng thờ nhỏ: tượng thánh Anne bằng gỗ nhiều màu cao chừng năm tấc tây, trông cũng ưa nhìn: Nữ thánh đang dạy con gái Maria tập đọc (thánh Anne là mẹ Maria).

Chủ lò bánh và cậu đốt lò ngạc nhiên:

– Thứ gì đó?

– Tượng thánh Anne. Mua ở chợ đấu giá mất những một ngàn hai trăm năm chục frăng cơ đấy!

– Ông theo đạo từ bao giờ thế? Lâu nay chúng tôi vẫn thấy ông không ưa các cha xứ cơ mà?

– Mua vì thấy đẹp thôi.

– Ừ, đẹp thật! Nhưng mang ra đây làm gì?

– Vì đây là lúc hơn lúc nào hết tượng sẽ mang phước lành tới cho tôi. Có tượng ở bên, tôi sẽ thắng lớn.

Hai con bạc đang chơi với Jean Leroi không tin lực lượng chi viện từ trên trời rơi xuống sẽ đảo ngược tình thế nên vui vẻ chơi tiếp. Cỗ bài được chia ra, chủ cửa hàng cà phê không do dự đặt hết số tiền còn lại lên bàn.

Anh ta không lầm: tượng thánh Anne sẽ mang lại thắng lớn cho anh, nhưng không theo cách ta nghĩ.

Jean Leroi ngửa bài. Hai người kia toét mồm cười khoái trá:

– Lại thua nữa rồi nhé!

Chủ hàng cà phê làng Entrevaux lại thua nữa thật. Thậm chí mấy lá bài trên tay lúc này còn xấu hơn những ván trước. Anh ta gầm lên tức giận trút cơn tức lên bức tượng:

– Tại bà! Bà sẽ phải trả giá!

Một cái tát trái tay hất tượng thánh Anne xuống đất. Khi nhặt lên, thấy tượng gẫy mất một ngón tay anh ta càu nhàu:

– Lại mất thêm công gắn!… Thôi, khuya rồi. Tôi đóng cửa.

Hai con bạc không phản đối, đút tiền vào túi, bỏ mặc chủ hàng cà phê ở lại với cơn thịnh nộ. Anh này tìm chổi bắt đầu quét quáy cửa hàng. Nhưng chỉ một phút sau anh ta chạy vội ra đường hét toáng:

– Tới coi này! Nhanh lên!

Chủ lò bánh và cậu giúp việc quay lại. Họ thấy Jean Leroi trong tình trạng phấn khích cao độ.

– Bức tượng… đang chẩy máu!

Quả nhiên ngón tay gẫy của tượng thánh Anne trên bàn đang rỏ chất nước đo đỏ xuống lá bài poker chưa kịp dọn đi, tạo thành một vệt nhỏ…

– Lạ chưa kìa!

– Gọi ngay bác sĩ tới. Xem ông ta nói thế nào.

– Đặt chiếc cốc hứng dưới ngón tay…

Bác sĩ của làng tới nơi đứng nhìn hồi lâu rồi khuyên:

– Mang chất kia tới nhà ông dược sĩ nhờ phân tích xem sao.

Dân làng bị tiếng hét của Jean Leroi đánh thức đã kéo tới khá đông. Một tốp mang cốc nước tới nhà dược sĩ đập cửa thình thình. Dược sĩ ra nhận chiếc li đựng chừng ba mươi giọt nước đỏ mang vào phân tích ngay và kết luận:

– Không nghi ngờ gì hết, đúng là máu người.

Ngay tối hôm đó, vào lúc hơi khuya, anh bưu tá làng thấy trên nóc hàng cà phê có ánh hào quang xanh xanh. Đúng lúc đó, tượng thánh Anne lại rỉ máu. Đến sáng, máu tươi đã lên cao chừng hai xăngtimét trong cốc. Tin lan nhanh trong làng, ra khắp vùng, có khả năng ra khắp nước Pháp thậm chí ra toàn thế giới:

– Phép lạ ở làng Entrevaux! Phép lạ ở làng Entrevaux!

Báo chí ồn lên trước hiện tượng lạ. Sang tháng Giêng năm sau Jean Leroi quyết định lên Paris mang theo bức tượng quí gói ghém cẩn thận. Anh ta rất lạc quan vì ngay từ đầu năm 1954 này cả nước đã bàn tán râm ran về bức tượng thánh Anne. Chỉ một mình cha xứ Entrevaux tỏ ra nghi ngờ. Ngay hôm đầu xẩy ra phép lạ Jean Leroi đã nhào tới nhà thờ báo tin cho cha, nhưng trong làng chỉ

một mình vị cha xứ già tỏ ra dửng dưng, hơn nữa cha còn dội cho Jean Leroi một gáo nước lạnh:

– Nếu tượng thánh Anne của con chảy máu, cứ để mặc cho thánh chảy máu bằng thích!

Đặt chân tới Paris, Jean Leroi quên ngay nốt đàn lạc điệu của cha xứ. Tượng thánh Anne được đặt trong tủ kính, có chiếc cốc nhỏ đặt dưới ngón tay gẫy để hứng máu. Đám đông diễu qua xem phép lạ. Một tờ tuần báo thời sự nổi tiếng dành hẳn mấy trang đăng bài miêu tả phép lạ làng Entrevaux, không đặt trong ngoặc kép cũng chẳng có một lời bình luận tỏ ý dè dặt hay nghi ngờ. Thậm chí còn đề xuất việc mang tượng đi trưng bày khắp các thành phố lớn của Pháp và châu Âu, mang sang cả Caracas thủ đô Venezuela là thành phố được thánh Anne đỡ đầu.

Nhưng Jean Leroi khiêm tốn muốn trở về làng Entrevaux với bức tượng quí. Vừa về tới quê hương, anh ta xưa nay vốn là người có tư tưởng tự do bỗng xin theo đạo Thiên chúa. Sự kiện này được coi là phép lạ thứ hai trong làng. Tín đồ khắp nơi trong nước và nước ngoài lũ lượt kéo tới làng Entrevaux xem tượng chảy máu. Ngôi làng nhỏ bé bỗng trở thành địch thủ cạnh tranh với Lourdes, nơi có dòng suối nước thánh chữa được bá bệnh!

Bức tượng vị thánh từ nay được gọi là tượng Đức Bà Đồng trinh – một tên gọi sai vì đây là tượng bà mẹ của Maria – trưng bày trong tiệm cà phêquán trọ chật ních khách. Tượng mang lại doanh thu lớn chưa từng thấy cho chủ nhân. Mỗi ngày bán được vài trăm suất ăn, mỗi khách hành hương đều không bỏ lỡ dịp mua chiếc kỉ niệm chương thần kì do Jean Leroi đứng bán thu lời… Nhưng thái độ Giáo hội vẫn làm anh ta phiền lòng: đức Giám mục từ chối bình luận, cha xứ già càng công khai bài xích dữ dội…

Cuối năm 1954 Jean Leroi tiếp một vị khách không giống ai. Ông ta khoảng năm mươi, trang phục cố ý ra vẻ chểnh mảng: bộ đồ lớn màu sáng, sơmi lụa, cavát màu lá khô. Ông ta ngỏ lời với Jean Leroi bằng giọng lơ lớ giọng Ý:

– Thưa quí ông thân mến, tôi nghĩ mình có thể giúp ích quí ông. Tôi là Antonini, tên họ đầy đủ là Michel Antonini, điêu khắc gia chuyên ngành tượng thờ. Quí ông chỉ bán rặt thứ kỉ niệm chương nhỏ mọn này thì chẳng ăn nhằm gì đâu. Phải bán loại tượng chép theo mẫu tượng thánh Anne mới vớ to.

– Ông làm được không?

– Thừa sức. Hàng trăm bức.

– Hay đấy! Mỗi tượng ông lấy bao nhiêu tiền?

– Tôi không định làm theo cách đó. Để đúc cho thật giống, tôi phải có nó trong tay. Tôi muốn mua bức tượng ấy.

– Đừng hòng!

Hai người bàn cãi rất găng. Cuối cùng họ đi đến thỏa hiệp: Jean Leroi vẫn làm chủ bức "Đức Mẹ Đồng trinh làng Entrevaux" nhưng cho Antonini thuê với giá một trăm ngàn frăng cũ một tháng, tức mười ngàn frăng hiện nay. Nhà điêu khắc trả ngay tiền thuê tháng đầu, mang tượng đi để "sao chép sơ bộ", theo lời ông ta nói.

Cao nhân tất hữu cao nhân trị… Jean Leroi không biết câu này nên đã để tên lừa đảo kia phỗng tay mất con gà đẻ trứng vàng. Tất nhiên gã không bao giờ thấy lại nó, và chỉ được nhận có một tháng tiền cho thuê tượng: một trăm ngàn frăng.

Đức Mẹ Đồng trinh tuy đã rời xa làng Entrevaux, nhưng phép lạ vẫn phát huy tác dụng gấp nhiều lần trước, vì Michel Antonini là

tên bịp tầm cỡ hơn hẳn chủ hàng cà phêquán trọ. Gã làm ăn với qui mô lớn hơn gấp bội.

Michel mang tượng lên Paris. Cần nói ngay: gã không tái diễn trò phép lạ "tượng chảy máu". Gã thuê in những bức tranh thờ có hình Đức Mẹ Đồng trinh làng Entrevaux, gửi qua bưu điện kèm theo thư yêu cầu quyên góp. Thư hồi âm chuyển về cho gã những món tiền khiêm tốn, nhưng số lượng thư rất lớn vì bức tượng đã nổi tiếng như cồn, báo chí đã từng nói tới rất nhiều. Kết quả khiến Michel Antonini đánh bạo rao bán cả những mảnh quần áo vấy những giọt máu kì diệu, với cái giá vẫn rất khiêm tốn. Vải được gửi bán khắp các thành phố Pháp, gửi ra bán cả ở nước ngoài. Kết quả vẫn thế: tích tiểu thành đại, gã thu gom được một món tiền rất lớn.

Quá say sưa trước thắng lợi Michel Antonini phạm sai lầm. Bằng số tiền kiếm được, gã dựng bộ phim Phép lạ ở làng Entrevaux, rồi bỏ tiền thuê hẳn một rạp chiếu bóng ở Paris để chiếu phim. Khốn thay, tài làm nghệ thuật thứ bẩy không đi đôi với tài lừa đảo nên buổi phim ra mắt gã chỉ bán được gần nửa số vé, buổi thứ hai rạp gần như không người, buổi thứ ba chỉ còn lại bốn khán giả: bốn bà già lụ khụ ngồi cầu kinh trong khi xem phim…

Michel Antonini bị phá sản, đã thế, gã máu mê cờ bạc nên còn đồng nào nướng hết vào cuộc đỏ đen. Tuy vậy gã vẫn chưa chịu bó tay, lại trở về với thủ đoạn cũ: bán thánh tích cho những người sùng tín. Dần dần công việc làm ăn của gã lại phất lên. Sau sáu năm buôn bán theo cách đó, năm 1961 gã có trong tay không dưới bốn chục triệu frăng cũ, tức bốn triệu frăng ngày nay.

Nhưng cũng là lúc xuất hiện kẻ sẽ phăng teo sự nghiệp bất lương của gã.

Kẻ đó không phải ai khác, chính là Jean Leroi. Chủ hàng cà phêquán trọ đã chần chừ rất lâu mới quyết định tố giác mọi chuyện, bởi lẽ tố giác kẻ thù cũng là tự kết tội mình. Nhưng thành công vang dội của Michel Antonini, kẻ đã lừa gã làm gã uất lên chịu không thấu. Jean Leroi viết bài vạch trần quả lừa, gửi đăng lên tờ tuần báo ngày xưa đã có bài nhiệt liệt ca ngợi "Phép lạ làng Entrevaux". Bài báo của Jean Leroi có đoạn:

"Thủ đoạn lừa đảo của tôi quá thô thiển nên tôi vô cùng ngạc nhiên khi thấy thiên hạ mắc bẫy. Tôi đã bẻ gẫy ngón tay bức tượng từ trước, rồi đính lại hờ hờ. Khi tượng bị tôi hất ngã, tất nhiên ngón tay gẫy bị rời ra. Tôi chích ngón tay lấy máu bôi vào ngón tay thánh Anne. Rất đơn giản! Vậy mà ai cũng tin. Trừ các chức sắc Giáo hội."

Cũng chính các chức sắc Giáo hội đưa vụ này ra tòa. Qua đơn kiện của đức giám mục, vụ "Đức Mẹ Đồng trinh làng Entrevaux" được đưa ra xử ngày 24 tháng Chín 1962. Tòa kết án Michel Antonini ba năm tù, Jean Leroi mười ba tháng…

Đức Mẹ Đồng trinh làng Entrevaux – tức bức tượng thánh Anne bị gọi lầm như thế – biến mất tăm, không ai trông thấy nữa.

Rất có thể – biết đâu đấy? một bữa nào đó, bạn thấy nó đứng giữa phiên chợ đấu giá và rước nó về. Nếu tình cờ thấy nó chẩy máu, bạn nên làm theo lời cha xứ già của làng Entrevaux: cứ để mặc nó chảy máu bằng thích!

Phiếm luận:

Những kẻ lợi dụng tôn giáo để làm càn phải bị trừng trị đích đáng, như vậy quyền tự do tín ngưỡng mới được bảo đảm, xã hội

mới được bình yên.

Bức tranh Utrillo dỏm

Với tên gian manh, quả lừa chắc ăn nhất và thú vị nhất của nó là làm cho nạn nhân tưởng họ đánh lừa được nó. Làm được như vậy thì đến khi họ nhận ra mình đã bị lừa, họ không thể oán trách ai khác ngoài việc tự trách mình. Họ lâm vào tình thế há miệng mắc quai vì đã định lừa người khác nhưng rốt cuộc chính họ mới là người bị quả lừa đau điếng. Đau mà phải ngậm quả bồ hòn làm ngọt vì bị lâm vào tình cảnh gậy ông đập lưng ông. Cũng có thể coi đó là chuyện kẻ cắp bà già gặp nhau, mạt cưa gặp mướp đắng thời hiện đại. Câu chuyện về bức tranh Utrillo giả dưới đây tiêu biểu cho mánh lừa đó.

Chuyện xẩy ra ở Paris đầu những năm 50. Nhân vật chính trong chuyện này chỉ có hai người: một tỉ phú Mĩ và một người lái buôn tranh. Cả hai đều có người ruột thịt còn sống nên không tiện nêu tên, xin tạm gọi nhà tỉ phú Mĩ là ông Smith, người Pháp buôn bán tranh là Durand.

Người xưa có câu "Nhân vô thập toàn", nghĩa là không có người hoàn toàn tốt, ai cũng có mặt tốt mặt chưa tốt thậm chí xấu. Ông Smith cũng không là ngoại lệ. Mặt tốt của ông là yêu thích nghệ thuật, nhất là hội họa. Ông đã bỏ tiền sắm một bộ sưu tập tranh vào loại đẹp nhất, quí nhất thế giới (sau này, khi từ trần ông đã tặng hết cho các viện bảo tàng). Mặt không tốt của ông là tính tham lam vô độ, nhờ tính đó mà từ hai bàn tay trắng ông trở thành

tỉ phú. Tính hám lợi thường đi liền với thói keo kiệt ki bo vắt cổ chầy ra nước. Tất cả nhân viên các khách sạn ông đã tới trọ, từ người gác cổng cho chí đầu bếp, bồi phòng, lái xe đều chưa ai được ông thí cho một xu nhỏ tiền boa.

Vì thế ông Smith vừa là khách sộp vừa là người đối thoại cực kì đáng ghét của Durand, người chuyên bán tranh. Ông ta tới đây nhiều lần, đã mua của Durand nhiều tranh và toàn chọn những bức đẹp nhất chứng tỏ ông có khiếu thẩm mĩ rất cao, là người chơi tranh sành điệu. Nhưng chỉ mua sau khi mặc cả thật riết róng, cò kè bớt một thêm hai, chê bôi dìm giá, trở đi trở lại hàng chục lần mới chịu móc túi chi tiền. Sau nhiều lần như thế, Durand rất căm kẻ dám đối xử với người bán tranh mĩ thuật chẳng khác người bán thảm chùi chân. Anh bèn bóp trán nghĩ ra một kế hoạch vừa trả được thù, vừa móc được túi kẻ keo bẩn.

Màn một

Hôm đó, sau một hồi cãi vã như thường lệ ông Smith đồng ý mua một lô tranh của trường phái trừu tượng, loại ông ưa thích vì mang màu sắc hiện đại và vì tác giả đều là những tài năng trẻ đang lên. Hai bên thỏa thuận xong, ông Smith đi theo Durand vào phòng làm việc kế bên phòng trưng bầy để kí séc.

Phòng làm việc của Durand dĩ nhiên lộn xộn bừa bãi rất mĩ thuật: tranh đã có người đặt mua xen lẫn những bức sắp trưng bày, trên tường dưới đất chỗ nào cũng toàn những tranh là tranh. Ông Smith chỉ liếc qua quang cảnh đó rồi nhanh nhẹn rút bút máy chuẩn bị kí séc thật lẹ để khỏi lãng phí thì giờ, theo đúng câu ngạn ngữ cửa miệng của người Mĩ Time is money Thì giờ là tiền bạc. Bất chợt ông dừng tay… Ông vùa thấy dưới đất, ngay bên sọt giấy lộn

một bức chưa đóng khung vẽ cảnh quảng trường Tertre, góc dưới bên phải kí tên "Utrillo1". Ông hất hàm hỏi Durand:

– Tranh nào thế?

– Ông hỏi bức nào… À, đây là một bức nhái tranh Utrillo.

– Cho xem được chứ?

– Tranh nhái, xem làm gì cho phí thì giờ, thưa quí khách. Nhưng nếu thích xin quí khách cứ tự nhiên…

Nhà tỉ phú nhặt bức tranh bỏ rơi dưới đất, ngắm nghía rất kĩ, rất lâu. Chủ phòng tranh có vẻ thích thú hỏi khách:

– Bắt chước cừ lắm, phải không ạ?

– Phải, không đến nỗi tồi.

Smith phán "Không đến nỗi tồi" với hàm ý công nhận đây là tranh nhái nhưng thực ra trong bụng ông đã tin chắc mình đang cầm trên tay một Utrillo chính hiệu. Tuy không phải là chuyên viên về hội họa nhưng ông cũng có đủ kiến thức của nhà sưu tập lọc lõi. Ông biết rõ, khi mới bắt đầu vẽ, Utrillo thường dùng những gam màu tối sẫm, sau đó chuyển sang các gam tươi sáng, rực rỡ hơn, Đây là "thời kì trắng", thời kì thành công nhất của Utrillo, với hàng loạt tác phẩm đẹp nhất, đắt giá nhất. Ông tin chắc mình không lầm, ông đang cầm trên tay một bức Utrillo "thời kì trắng"… Ông đang miên man suy tính thì Durand lôi ông trở về với thực tại.

– Toàn bộ các bức trừu tượng quí khách đã chọn trị giá… Khoan! Tính thêm tiền bức này nữa. Tôi mua luôn thể. Quí khách đùa tôi làm gì! Tôi đâu có bán đồ dỏm!

– Dỏm cũng mua. Thích thì mua. Năm trăm ngàn frăng, chịu không?

– Không dám.

– Một triệu, bán đi!

Chủ hàng bán tranh xích lại gần vị khách.

– Thưa ông Smith, tôi không thể bán hầu ông bức tranh này vì hai lí do. Thứ nhất, vì nó là thứ bỏ đi, chẳng có chút giá trị gì, quá lắm thì cũng chỉ đáng giá mười ngàn frăng vì khéo bắt chước bản chính… Thứ hai, vì đối với riêng tôi nó mới có giá trị: giá trị về tình cảm. Đây là bức đầu tiên tôi mua về, đánh dấu bước khởi đầu sự nghiệp làm ăn của tôi. Tôi đã treo trong phòng ngủ của mình từ khi còn trai trẻ, từ buổi còn lạ nước lạ cái vì mới đặt chân lên Paris…

– Không biết! Tôi cứ mua.

– Rất tiếc, thưa ông Smith. Xin cảm phiền…

Nhà tỉ phú Mĩ không nói gì nữa. Năn nỉ thêm, có khi làm Durand sinh nghi thì hỏng ăn! Hơn nữa, có khi anh ta nói đúng: đây là tranh nhái, một bức nhái cực kì giỏi nhưng vẫn là tranh giả… Smith nghĩ ra một kế, bèn kí séc trả tiền mua mấy bức tranh của đám họa sĩ trẻ thuộc trường phái trừu tượng rồi ra về.

Vài giờ sau, màn kịch thứ hai diễn ra.

Ông Smith lúc này đang ngồi trong phòng khách riêng trong dãy phòng trọ ông thuê tại một đại khách sạn năm sao ở Paris. Ông đang tranh luận rất hăng với Hervé S… một chuyên gia thẩm định tranh nổi tiếng.

Hervé S… lắc đầu từ chối:

– Thưa ông Smith, điều ông vừa yêu cầu tôi thực hiện vượt quá khuôn khổ của pháp luật…

– Tôi có đòi hỏi gì quá quắt đâu! Chỉ nhờ ông giám định giúp thôi.

– Tôi tới gặp Durand với lí do gì được?

– Thì cứ giả bộ tới mua tranh. Là chuyên viên giám định cũng có quyền chơi tranh chứ. Ông phải thu xếp sao đó để vào được phòng làm việc của Durand và quan sát bức Utrillo…

Cuối cùng, sau khi được ông Smith hứa thù lao hậu hĩ, Hervé S… nhận lời, đi ngay tới phòng tranh Durand.

Màn thứ ba

Chuyên viên giám định kiêm nhà phê bình mĩ thuật Hervé S… bước vào phòng trưng bày tranh. Durand niềm nở đón tiếp.

– Chào bạn thân mến! Luồng gió lành nào đưa anh tới đây thế?

– Các bức tranh trừu tượng của anh kéo tôi tới đấy! Nghe nói anh vừa kiếm được nhiều bức đắt giá?

– Mời anh xem qua và cho ý kiến. Ngoài anh ra, chẳng ai có đủ trình độ…

Sau một hồi vờ vịt đứng ngắm các bức tranh đang trưng bày, Hervé S… bất chợt giật mình.

– Chết cha! Mình quên bẵng việc phải gọi một cú phôn rất gấp. Tôi gọi nhờ máy anh được không?

– Sao lại không, anh bạn thân mến? Mời vào phòng làm việc của tôi ngay bên.

Chủ phòng tranh giữ ý, để chuyên viên giám định một mình trong căn phòng bên. Anh này chẳng cần tìm điện thoại, lao ngay tới bức tranh vứt dưới đất vẽ cảnh quảng trường Tertre. Theo thói

quen nhà nghề anh thò tay vào túi rút kính lúp nhưng trong đầu đã khẳng định: đúng là một Utrillo "thời kì trắng" thứ thiệt, thời kì đẹp nhất, đắt giá nhất, một bức xứng đáng đưa vào Viện Bảo tàng hội họa… Chuyên viên ra về, báo tin vui cho ông Smith và nghe ông thốt lên ngạc nhiên: không hiểu sao một người sành sỏi như Durand lại có thể nhầm lẫn ngớ ngẩn đến mức ấy!

Màn bốn.

Sáng sớm hôm sau, vừa mở cửa phòng tranh Durand đã thấy vị khách Mĩ quay lại.

– Thú thật cả đêm qua tôi mất ngủ vì bức Utrillo của anh!

– Ông lại tới vì chuyện đó ư? Tôi đã thưa rồi mà!

– Biết chắc là tranh nhái, nhưng tôi vẫn thích. Muốn mang nó về Mĩ làm kỉ niệm chuyến sang Paris lần này.

– Một lần nữa, xin thưa quí ông: không thể được.

Trên mặt nhà tỉ phú chợt thoáng vẻ lo lắng:

– Anh bán rồi sao?

– Đâu có! Tôi nói không thể được nghĩa là tôi không thể bán. Hôm qua tôi đã nói cặn kẽ lí do tại sao rồi mà! Một triệu frăng, bán cho tôi đi! Này anh Durand, chúng mình quen biết nhau đã lâu. Có thể nói đã thành bạn cố tri. Từ chối tôi sao đành, hử bạn thân mến?

– Chính vì giữa tôi và ông có ít nhiều tình bạn thân thiết nên tôi không cho phép mình bán cho ông của dỏm. Hơn nữa, như tôi đã trình bày, bức này đối với tôi rất có giá trị về tình cảm…

Cuộc tranh luận kéo dài, mỗi bên đều bám chắc vào lập trường của mình. Cuối cùng Durand đành chịu thua với cái giá hai triệu

frăng. Anh đưa khách vào phòng làm việc, nhặt bức tranh chưa vào khung vẫn nằm chỗ cũ, dưới đất, bên sọt giấy lộn.

Time is money! Thì giờ là tiền bạc! Ông Smith gần như chẳng đưa mắt nhìn qua, nhanh nhẹn rút túi lấy sổ séc. Hai triệu frăng hồi đó tương đương khoảng bốn trăm ngàn frăng bây giờ (chừng tám trăm triệu VNĐ). Một số tiền lớn, nhưng chẳng là cái gì so với bức Utrillo đẳng cấp cao như bức này. Ông cười thầm: gã Durand khốn khổ vừa hố to, bị ông ăn chặn của gã một món ra món. Đây là chuyến mua tranh thành công nhất trong đời ông! Ông nở nụ cười tươi rộng nhất trong đời tặng Durand.

– Rất biết ơn sự hi sinh to lớn của anh, anh Durand thân mến! Chào anh.

Chủ cửa hàng tranh ngăn ông Smith lại.

– Xin nán lại một phút, thưa quí khách. Tôi không muốn bị lên án là kẻ bất lương. Tôi cần có chứng thực được miễn trách về đạo đức và pháp lí.

– Muốn chứng thực gì cũng xong ngay.

– Phiền quí khách viết cho mấy chữ trên tờ giấy này. "Tôi là Smith kí tên dưới đây, xác nhận hôm nay mua của ông Durand một bức tranh nhái Utrillo với giá hai triệu frăng. Ông Durand đã thành thực cho biết rõ đây là tranh giả, không đáng giá số tiền tôi trả." Thế thôi ạ. Xin quí khách vui lòng điền ngày tháng năm, kí tên, rồi viết séc cho tôi. Tôi sẽ đóng gói cẩn thận bức Utrillo giả cho quí khách.

Màn thứ năm.

Màn chót của câu chuyện diễn ra trong môt đại khách sạn năm sao của Paris, nơi ông Smith đang trọ. Vừa nãy, chuyên viên Hervé S… nhận được cú phôn khẩn cấp của nhà tỉ phú Mĩ. Ông này không nói rõ trên điện thoại, chỉ đòi chuyên viên phải ngưng hết mọi việc đang làm, tới ngay khách sạn.

Vừa vào tới phòng khách, Hervé S… trông thấy ngay "Quảng trường Tertre" dựa vào lưng chiếc phôtơi.

– Chuyện gì khẩn cấp thế, ông bạn thân mến? Thế là ông đã nắm được bức Utrillo rồi. Thương vụ thế kỉ đã hoàn tất!

Nhưng trên mặt ông Smith chẳng có nét nào của người vừa thực hiện thành công thương vụ thế kỉ. Trái lại, mặt ông nhợt nhạt, gần như mặt người chết rồi. Ông lắp bắp:

– Khi mở tranh ra, tôi chợt có cảm giác là lạ.

Chuyên viên bước tới và kêu toáng lên:

– Tranh giả rồi!

– Chắc không?

– Chắc trăm phần trăm. Nhái rất tài tình, nhưng chắc chắn là tranh giả.

– Sao ông lại nhầm lẫn ngớ ngẩn thế? Ông chẳng đã cam đoan với tôi đây là một Utrillo thời kì trắng đấy ư?

– Tôi chẳng nhầm chút nào, chính ông cũng đã biết như vậy. Bức tranh ông và tôi cùng xem trong văn phòng là một Utrillo thứ thiệt, bức này là giả. Bị đánh tráo. Ông mắc bẫy cò ke rồi, đơn giản thế thôi.

Thấy nhà tỉ phú gần như sắp ngất xỉu, Hervé S… ái ngại dịu giọng tiếp:

– Ông đã hụt ăn bữa tiệc thế kỉ, nhưng còn có thể lấy lại tiền. Hãy tấn công! Lôi cổ Durand ra tòa!

Có lẽ trong suốt cuộc đời nhà tỉ phú chưa lúc nào giọng ông ta thê thảm như lúc này.

– Tôi đã kí giấy xác nhận mình mua một bức Utrillo tuy biết rất rõ là tranh nhái và tuy đã được hắn cảnh báo đầy đủ trước khi mua…

Màn hạ.

Chuyên viên thẩm định tranh chỉ còn nước cố nín cười, rón rén rút lui… Và dĩ nhiên chuyên viên này đã nhanh mồm nhanh miệng thuật lại quả lừa trong giới nghệ sĩ tạo hình. Nhờ vậy nên những người ngoài cuộc như chúng ta mới biết chuyện, chứ cả ông Smith lẫn Durand đâu có chịu hé răng…

Phiếm luận:

Mua bán bất kỳ thứ gì có giá trị hãy cẩn thận kiểm tra mọi khâu đến phút chót. Vụ lừa này lẽ ra sẽ không có, nếu ông Smits đừng quá keo bẩn và coi thường người buôn tranh Durand.

Thẩm định viên hội họa tài giỏi

Vladimir Olchyenski ra đời ở Lítva, nhưng nhờ được Chúa trời phù hộ nên vừa lớn lên đã sang Mĩ học ở đại học Havard nổi tiếng. Vladimir là sinh viên xuất sắc, được tất cả giáo sư các môn học thừa nhận. Vladimir rất mê hội họa, và trong tất cả các trường phái thuộc mọi thời đại anh ta mê nhất trường phái Phục hưng Ý.

Vì niềm đam mê đó nên khi vừa tốt nghiệp Vladimir xuống ngay tàu vượt Đại Tây dương tìm về miền đất hứa: nước Ý. Nước Ý là nơi tràn ngập các tuyệt tác thời Phục hưng, đã được phát hiện hoặc đang tiềm ẩn, hữu danh và khuyết danh, có những tác phẩm đang bị thất lạc đâu đó đang cần tìm lại lai lịch họ hàng, nguồn gốc, phả hệ. Trong cuộc săn lùng cái đẹp Vladimir tỏ ra đặc biệt thính nhạy tuy nguồn gốc anh ta cách rất xa nước Ý tổ quốc của các danh họa bậc thầy Giorgione, Titien, Leonardo de Vinci… Bù lại, anh có trực giác tinh tế, mắt nhìn sắc sảo, làm việc cần cù, có kiến thức rất rộng rất sâu và phương pháp phân loại cực kì chính xác. Nên tuy hoạt động trong một lĩnh vực hoàn toàn mới mẻ nhưng Vladimir có lợi thế lớn so với nhiều người bản địa: năng lực tổ chức của người phương Bắc. Nên những người cần đánh giá một tác phẩm, cần tư vấn trước khi mua tranh đều tìm đến Vladimir, đều coi ý kiến thẩm định của anh là phán quyết bất khả kháng.

Sau nhiều năm – Vladimir đã đổi tên thành Levisson cho dễ gọi – anh ta đã được tôn vinh là chuyên gia thẩm định hội họa sáng giá

nhất. Bóng dáng con người nhỏ nhắn để râu dáng vẻ rất sang trọng có mặt khắp nơi trên đất Ý. Cuối cùng anh ta tới ở hẳn một biệt thự lộng lẫy ở Sienne, kiến trúc rất đẹp khiến ai cũng phải trầm trồ: có vườn bao quanh với những vòi nước phun róc rách, có những hàng cột uy nghi bề thế. Vladimir lấy vợ, trở thành một nhân vật nổi danh trong giới văn hóa thượng lưu của Ý và trên trường quốc tế. Tại đây anh có dịp làm quen Harry Campbell, người thừa kế của một gia đình lớn gồm nhiều thế hệ buôn bán tranh của Anh quốc. Campbell chủ yếu là nhà kinh doanh. Vào năm 1930 này, Thế chiến thứ nhất đã qua từ lâu nhưng hậu quả vẫn còn in đậm trong nền kinh tế và đời sống nhiều nước. Campbell suy tính: ở châu Âu, nhất là ở Ý có rất nhiều tác phẩm hội họa đang được tung ra bán với gía vừa phải, trong khi ở bên kia bờ Đại tây dương các triệu phú tỉ phú người Mĩ đang rất thèm khát các tác phẩm văn hóa nghệ thuật. Họ đang mơ ước được trưng bày trong ngôi nhà dễ nhìn hoặc khó coi của họ những tuyệt tác nghệ thuật của Cựu Châu lục hòng tự tạo cho mình một quá khứ văn hóa mà tổ tiên họ không có để mang theo trong hành trang khi đổ bộ lên châu Mĩ hồi một trăm năm chục năm trước.

Campbell, nhà kinh doanh nhậy bén bèn đứng ra tổ chức việc đổi các bức tranh Ý, nhất là các tranh thời Phục hưng, thành đôla Mĩ. Đặc biệt ăn khách là những bức tranh màu rực rỡ, bóng bẩy, toát ra niềm vui sống trong cảnh xa hoa. Càng ăn khách hơn nếu tranh có kèm theo giấy chứng nhận giá trị. Mà giấy chứng nhận nào so sánh được với giấy chứng nhận của chuyên gia thẩm định trứ danh Vladimir Levisson? Với Vladimir, đòi hỏi của thị trường tranh đến vào lúc này rất thích hợp vì anh ta đang cần rất nhiều tiền để đánh bóng vị thế xã hội, tu bổ ngôi biệt thự kiểu Ý và cung

phụng cô vợ trẻ xài hoang. Hai người gặp nhau, kí kết một thỏa ước ngầm được cụ thể hóa bằng bản hợp đồng ghi rõ Vladimir – lấy mật danh là Dolly được hưởng hăm lăm phần trăm tổng số tiền bán những tranh thời Phục hưng Ý có kèm theo giấy chứng nhận mang chữ kí của anh ta.

Sức hấp dẫn của hợp đồng cuốn Vladimir lao theo không sao cưỡng nổi. Chẳng bao lâu sau phần lớn những bộ sưu tập của các đại gia Mĩ đều được bổ sung bằng những bức tranh nói chung cũng có ít nhiều giá trị nhưng lai lịch đã được tô vẽ thêm, giá cả tất nhiên cũng được nâng lên theo, do đó số phần trăm chảy vào túi Vladimir cũng tăng mạnh. Nếu chỉ có thế thôi thì tội lỗi cũng còn nhẹ. Lúc đầu Vladimir chỉ kí giấy chứng nhận những bức tranh bản thân anh ta ưa thích với tư cách một chuyên gia thẩm định đồng thời là người yêu hội họa. Nhưng Campbell không yêu hội họa mà chỉ yêu tiền nên gã thúc ép Vladimir phải làm tới, phải tăng nhanh công suất, phải chứng nhận búa xua kể cả những bức chẳng có một chút hơi hướng phục hưng nào. Dần dà, những người chơi tranh có ít nhiều kinh nghiệm bắt đầu thấy các bản chứng thực kí tên Levisson xem ra có chỗ đáng ngờ.

Tai hại hơn nữa, một số tranh tuy thực sự do các họa sĩ bậc thầy vẽ từ thời Phục hưng Ý thật, có giá trị nghệ thuật chân chính, nhưng lại không hợp gu các tỉ phú Mĩ ở đầu thế kỉ XX. Thành thử Vladimir Levisson tuy xưa nay vẫn phản đối những nhà phục chế quá bạo tay nhưng cũng buộc phải bảo lãnh những bức tranh được thêm bớt những chi tiết rất phản mĩ thuật. Tệ hơn nữa, anh ta còn đứng ra tổ chức việc tu sửa một số tranh cho hợp gu thời đại. Chẳng hạn: bà mệnh phụ mũm mĩm đầy mỡ hồi thế kỉ XVI bị xóa

mất chiếc cằm hai ngấn và tự dưng biến thành ngôi sao tập sự của màn bạc Hollywood.

Vậy mà thiên hạ chỉ biết đến những tình tiết này khi hai kẻ tòng phạm qua đời. Vụ bịp bợm của chúng kéo dài trong nhiều năm không bị đổ bể, không gây tai tiếng, tuy có một số người đã đánh dấu hỏi. Thậm chí Harry Campbell gã lái buôn tranh còn được vua nước Anh phong tước. Khi gã đứt bóng, qua việc thanh sát các giấy tờ riêng tư của gã giới nghệ thuật mới phát hiện ra các ngón móc ngoặc lén lút giữa gã với "Dolly". Bản thân gã này cho tới khi chấm dứt cuộc đời gian manh vẫn nghiễm nhiên được tôn vinh là chuyên gia thẩm định hội họa tài giỏi nhất thế kỉ XX chuyên về hội họa thời Phục hưng Ý. Và là đệ nhất cáo già trong nghề cấp chứng chỉ dỏm.

Phiếm luận:

Người làm nghệ thuật có trách nhiệm hướng dẫn thị hiếu chứ không chạy theo thị hiếu. Nhưng việc này khó ở chỗ: chạy theo thị hiếu lại dễ kiếm được nhiều tiền!

Chiếc bình nguyên liệu chế bom hạt nhân

Tuy hôm nay là một ngày đẹp trời của mùa hè năm 1950, nhưng nam tước Michel de Rosier lại thấy buồn. Nam tước có thừa mứa mọi thứ trên đời để sống sướng: mới ba mươi tuổi xuân, bảnh trai tới mức nếu muốn thì đã trở thành diễn viên điện ảnh từ lâu. Trên màn ảnh, nếu đóng cặp đôi với cô vợ Rosita lại càng tuyệt: Rosita mới hăm lăm, gốc Nam Mĩ, đẹp hớp hồn. Đã thế, nam tước lại rất giầu có, giầu nứt đố đổ vách: một cơ ngơi lộng lẫy giữa thủ đô Paris, một biệt thự trong mơ trên Bờ Biển Xanh, hàng đống cổ phiếu, rất nhiều bất động sản…

Xét kĩ thì có lẽ chính vì thế mà Michel de Rosier buồn. Chẳng phải động chân động tay vẫn sống sung túc nhờ các khoản lợi tức thì quả là đáng buồn! Tháng Tám năm 1950 này nam tước đang nghỉ hè trong ngôi biệt thự trên Bờ Biển Xanh, nhưng mấy từ "nghỉ hè" chẳng có ý nghĩa gì, chẳng thay đổi được gì trong cuộc sống nhàm chán. Chẳng qua chỉ là nằm dài dưới nắng thay vì nằm dài giữa thành phố, thết đãi khách khứa trên du thuyền thay vì thết đãi trong phòng khách, vô công rồi nghề trong bộ áo đuôi tôm trắng thay vì chẳng có việc gì làm trong bộ áo đuôi tôm đen… Buồn chán này thay cho buồn chán kia…

Lạy Chúa, sống kiểu đó thật vô cùng đơn điệu! Rosita ghét cờ bạc nên không tới sòng, để Michel Rosier ngồi một mình trong

quầy rượu sòng bạc MonteCarlo. Nam tước vừa nướng hết vài chục ngàn frăng ở đây. Anh thở dài, chép miệng uống cạn li whiskysoda. Thở dài không phải vì tiếc số tiền thua bạc, mà vì vừa thoáng thấy xót xa cho số phận mình. Giá được sống như những người thợ, những người làm công cho chủ, tháng tháng lĩnh lương, có ngày nghỉ cuối tuần, có nghỉ phép năm chắc sung sướng hơn sống thế này nhiều. Chỉ nghĩ thoáng qua thế thôi, chứ Michel de Rosier chẳng ưa gì công nhân, chẳng thích những người lao động. Nói thẳng ra là anh ta thù ghét họ. Bởi lẽ ngoài nỗi nhàm chán nam tước còn có một mối quan tâm khác: làm chính trị.

Tình hình sau cuộc Chiến tranh Thế giới thứ 2 đang làm anh ta cực kì lo lắng. Làn sóng cộng sản từ phía đông lan ra đang đe dọa tràn sang Pháp. Một khi cần, anh ta sẽ không do dự, sẽ lập tức di tản sang Mĩ. Nhưng liệu có kịp không? Có bị bên kia tóm được trước khi chạy thoát không? Liệu có tránh khỏi số phận thảm thương của họ hàng thân thích trong dòng họ đại quí tộc của anh ta hồi nổ ra cuộc Cách mạng Tư sản năm 1789 không?

Nam tước Michel de Rosier sợ không phải vì bản tính nhút nhát: thời phát xít Đức chiếm đóng nước Pháp anh ta đã đứng trong hàng ngũ kháng chiến, đã từng làm việc trong cơ quan tình báo của quân đội Pháp. Cái sợ của anh ta là cái sợ bản năng, cái sợ từ trong máu: càng căm thù bao nhiêu càng khiếp sợ bấy nhiêu. Hơn nữa, phải ngồi bó tay, bị động chờ đòn như thế này quả là căng thẳng. Đang suy nghĩ miên man nam tước bỗng giật mình.

– Thời buổi này thật kì cục hết sức, phải không nam tước?

Một người đàn ông trạc tuổi Michel vừa ngồi xuống ghế bên nhìn anh tủm tỉm cười. Người đó cũng có vẻ bên ngoài của diễn

viên điện ảnh: cằm vuông chành chạnh, mắt nhìn kiên nghị, dáng điệu tỏ ra thuộc loại yêng hùng hiệp sĩ. Michel ngạc nhiên:

– Sao anh biết tôi?

– Ở đây chẳng ai lạ gì nam tước. Hơn nữa, biết rõ mọi người là nghề của tôi. Xin tự giới thiệu: thanh tra Bertino…

Hai người tỏ ra hợp gu nhau. Thái độ thanh tra Bertino cởi mở, vẻ mặt khá dễ mến nên chẳng mấy chốc Michel de Rosier đã bộc lộ hết mọi lo nghĩ của mình trước thời cuộc. Và rất khoái khi thấy viên thanh tra cũng nhìn nhận tình hình theo cùng quan điểm với mình… Bỗng Bertino hạ thấp giọng thì thầm:

– Qua những điều vừa trao đổi với nhau, tôi rất tin tưởng ở anh. Nên không ngần ngại thú thật: tôi là nhân viên của DST.

– Thế ư? Anh làm việc ở Cục Phản gián thật ư?

– Thật. Ở phân cục Trung Âu.

Nam tước Michel de Rosier cũng hạ thấp giọng thì thầm:

– Hồi chiến tranh tôi cũng đã từng làm tình báo của quân đội…

Anh hào hứng kể lại các chiến công đã lập trong thời chiến. Thanh tra Bertino kiên nhẫn ngồi nghe, luôn gật gù tán thưởng. Khi Michel ngừng kể thanh tra nhận định:

– Đúng, đúng… Anh chính là người sinh ra để thực thi những nhiệm vụ đặc biệt quan trọng.

– Tôi cũng nghĩ thế.

– Sẽ có việc cho anh thi thố tài năng.

– Anh định bảo tôi làm gì?

– Chưa nói ngay được. Còn phải báo cáo cấp trên, rồi còn phải điều tra kĩ thêm về anh nữa. Chúng ta sẽ gặp nhau sau, thưa nam

tước.

– Bao giờ?

– Vào lúc nào thích hợp… Chúc mừng sự cộng tác sắp tới giữa hai chúng ta!

Hai người cụng li. Nam tước Michel de Rosier sướng hết biết: vậy là cảnh sống đơn điệu nhàm chán sắp chấm dứt! Sắp có một sự kiện mới làm thay đổi cuộc đời vô vị. Mà không phải một sự kiện loại xoàng: anh sẽ có dịp chiến đấu hết mình cho lí tưởng.

Người tự giới thiệu là thanh tra Bertino cũng rất mừng. Gã đã nắm được kẻ gã đang cần tìm: không phải một tình báo viên đủ sức đương đầu với người Nga, với phía bên kia, mà một con mồi vừa bị gã và đồng bọn nhắm chọn từ lúc nãy. Gã sẽ nắm chắc con mồi này, không cho nó thoát!

Khi tự giới thiệu với nam tước, thanh tra Bertino chỉ nói dối một phần. Họ tên gã ta đúng là Sauveur Bertino, người đảo Corse. Gã đã từng làm thanh tra cảnh sát thật, gã chỉ giấu nhẹm một chi tiết quan trọng: đã bị cơ quan cảnh sát thải hồi vì nhúng tay vào một số vụ thiếu tế nhị…

Rời khỏi quầy rượu trong sòng bạc Bertino đi gặp ngay hai tên đàn em: Léon Masiglia và César Carducci. Đây là hai tên vô lại loại tép riu, thanh tra Bertino đã gặp chúng hồi còn làm cảnh sát và đã móc ngoặc với chúng để làm ăn thay vì bắt giữ chúng. Tuy không thuộc loại cao thủ nhưng Léon và César đều có một biệt tài y hệt thanh tra Bertino: giầu tưởng tượng, nghĩ ra lắm mưu ma chước quỉ.

Ba tên nhanh chóng hoàn tất một kế hoạch hành động nhưng quyết định chờ đợi ít lâu mới ra tay. Phải bắt nam tước chờ, chờ

mỏi mắt, chờ đến gần chết vì sốt ruột, vì đến lúc đó chúng mới có thể bắt nam tước nuốt trôi mọi của không ngon.

Hai tháng sau, tức tháng Mười năm 1950.

Nam tước Michel de Rosier đã mỏi mắt trông chờ tin tức của thanh tra Bertino nhưng chẳng thấy, đành ôm nỗi thất vọng quay về Paris… Nam tước rất đỗi băn khoăn: không lẽ chuyện vừa qua chỉ là chuyện phỉnh phờ? Không, không thể như thế được. Có khi sự thật đơn giản hơn và cũng đáng buồn hơn nhiều: thanh tra Bertino đã báo cáo thượng cấp và thượng cấp cho rằng mình không xứng đáng gia nhập cơ quan phản gián DST. Nghĩ thế nên Michel de Rosier rất buồn. Cô vợ Rosita cũng nghĩ như vậy và cũng buồn không kém. Cô đã được chồng cho biết mọi chuyện và đã quyết định sẽ cùng chiến đấu bên chồng. Rosita là một thiếu phụ gan góc, không biết sợ là gì…

Michel de Rosier đang trong tâm trạng như vậy, nên chẳng có gì khó hiểu khi anh ta gần như nhẩy cỡn lên vì xúc động và vui mừng lúc nghe người gác cửa bước vào phòng khách ngôi nhà sang trọng báo tin:

– Thưa nam tước, ngoài cổng có ông xưng là thanh tra Bertino muốn vào yết kiến!

Michel de Rosier lao ngay ra tận cổng đón vị khách quí.

– Ôi thanh tra thân mến!… Không ngờ anh tới tận đây tìm tôi!

Lúc này trông thanh tra Bertino càng giống người hùng trong các phim trinh thám. Gương mặt kiên nghị đầy vẻ quyết đoán.

– Tôi mang tin vui tới cho anh đây, thưa nam tước.

– Cấp trên chấp thuận rồi ư?

– Không những chấp thuận kết nạp anh mà còn giao cho anh một sứ mệnh cực kì quan trọng mà cũng cực kì nguy hiểm.

– Công việc nguy hiểm đến mấy tôi cũng không từ nan.

– Đừng sốt ruột. Sẽ có một sĩ quan quân đội tới chỉ thị cho anh sau…

Tuy rất nóng lòng muốn biết nhưng nam tước Michel de Rosier không dám hỏi thêm câu nào. Viên thanh tra cũng chỉ nói lấp lửng thế thôi rồi bỏ đi… Một tuần nữa trôi qua, dài đằng đẵng, sốt ruột muốn chết đi được.

Một hôm bỗng có chiếc xe quân sự lao thẳng vào sân nhà riêng nam tước. Tài xế, một binh nhì bình thường, nhẩy xuống mở cửa xe cho viên trung tá bận lễ phục bước xuống. Michel de Rosier nhẩy qua bậc thềm chạy ra đón chào. Viên sĩ quan có bộ mặt cứng cỏi tự giới thiệu với lời lẽ ngắn gọn, chứng tỏ anh ta là người quen ra mệnh lệnh, từng trải trong nghề chỉ huy lính tráng thực hiện những cuộc chiến đấu hiểm nghèo:

– Trung tá Berthier, chỉ huy phó phân cục Trung Âu của DST.

– Mời trung tá vào phòng khách.

Đến lúc ngồi trước li rượu nét mặt viên trung tá mới có vẻ hơi hơi thư giãn.

– Điều tôi sắp nói đương nhiên rất bí mật… Trên thị trường hiện đang chào bán một bình cát chứa quặng uranium và bọn Nga đang dự tính mua. Chắc anh cũng đồng ý với tôi: nếu chúng mua được số quặng đó thì sẽ là một tai họa khủng khiếp.

Nam tước Michel de Rosier bất giác nhăn mặt hốt hoảng.

– Phải chặn tay chúng bằng mọi giá! Sao tình báo Pháp chúng ta không mua trước đi?

– Mua bằng gì, hử bạn thân mến? Tình báo chúng ta phụ thuộc các nhà chính trị, nhưng các chính trị gia thì thường rất thiển cận không đánh giá hết hiểm họa. Họ chỉ cấp cho chúng ta một khoản ngân sách chết đói, lấy đâu ra tiền mà mua? Thế đấy, anh bạn ạ. Chỉ còn trông mong vào một nhà yêu nước hào phóng nào đó chịu bỏ tiền ra mua về. Khốn nỗi, giá cả chiếc bình đâu có mềm: mười triệu frăng!

– Chẳng có vấn đề gì đâu, thưa trung tá! Tôi sẽ chi tiền.

Viên sĩ quan nở nụ cười rộng hết cỡ khiến gương mặt nam tước cũng sáng hẳn lên. Trung tá phấn khởi nói:

– Biết mà! Tôi biết ngay có thể trông cậy ở nam tước Michel de Rosier! Thanh tra Bertino không lầm chút nào, anh quả là người xứng đáng… Mà đừng ngại, đây chỉ là khoản anh cho cơ quan chúng ta vay tạm thôi. Này, bọn tình báo Tây Ban Nha cũng đang thèm lắm đấy.

Trung tá Berthier hứng một li cônhắc thứ hai rồi hạ thấp giọng giải thích đầu đuôi… Bọn Tây Ban Nha thuộc phe Franco "đồng minh tin cậy nhất của chúng ta trong cuộc chiến chống bọn Đỏ" sẵn sàng bỏ ra mười bẩy triệu mua chiếc bình uranium này. Michel de Rosier sẽ áp tải chiếc bình sang bên đó cho chúng, nhận mười bẩy triệu trong đó anh sẽ lấy lại mười triệu đã tạm ứng, chỗ dư ra thì tặng cho quĩ đen của DST…

Viên sĩ quan vừa dứt lời Michel de Rosier đã đứng lên đi lấy sổ séc kí luôn số tiền mười triệu frăng. Đưa tờ séc cho phó chỉ huy phân cục Trung Âu, nam tước mỉm cười rụt rè:

– Thưa trung tá, vợ tôi cùng đi với tôi trong sứ mạng này được không? Cô ta một mực đòi đi. Xin bảo đảm cô ấy là người rất tin cẩn.

Viên sĩ quan hơi cau mày, rõ ràng anh ta không chờ đợi câu hỏi này. Sau một lúc suy tính, anh ta vơ tấm séc đút túi rồi gật đầu.

– Tôi tin tưởng anh, Michel! Đồng ý cho vợ anh cùng đi… Nhưng ngày mai khi tới chỗ nhận hàng, anh chỉ được đi một mình thôi. Nửa đêm, đường Hàng Dấm, thành phố Alfort.

Phố Hàng Dấm ở Alfort là một con đường gớm chết, lòng đường lồi lõm đầy ổ gà, đã thế lại chỉ được chiếu sáng lưa thưa bằng vài ngọn đèn khí đốt. Nam tước Michel de Rosier căng mắt tìm mãi mới thấy chiếc xe đen núp trong vùng tối sẫm. Anh tới đậu xe ngay bên. Hai người đàn ông mặc áo mưa, mũ dạ sụp kín mắt bước xuống. Nam tước nhận ra thanh tra Bertino và trung tá Berthier. Bertino tới mở cốp chiếc xe đen, nói:

– Phải nhanh tay!

Nam tước thấy trong cốp một chiếc bình có đai chì, quấn băng keo trên dán nhãn: NGUY HIỂM CHẾT NGƯỜI! CẤM MỞ! Anh phụ một tay giúp thanh tra Bertino chuyển chiếc bình sang cốp xe mình. Thấy đã ổn, trung tá Berthier thấp giọng dặn:

– Chở hàng tới SaintJeandeLuz. Tới đó sẽ nhận chỉ thị mới.

– Bao giờ tôi lên đường?

– Sáng sớm mai… Còn điều này nữa: nếu phát hiện bị bám đuôi, anh phải tạm hoãn giao hàng và vào trốn trong biệt thự của anh ở Bờ Biển Xanh. Ở đó và chờ chỉ thị tiếp.

Michel de Rosier rất muốn hỏi vài điều nhưng không kịp, viên trung tá và thanh tra Bertino đã biến vào trong chiếc xe đen lao

vút đi…

Chuyến đi đầy kịch tính của Michel de Rosier và cô vợ xinh đẹp Rosita bắt đầu. Đề phòng bị nhiễm xạ, hai vợ chồng tự tạo hai chiếc gilê bằng thạch miên (amiante) khiến thân hình họ biến dạng hẳn chẳng còn ra thể thống gì nữa. Cũng may, thời tiết không đến nỗi quá nóng nên họ khoác áo măngtô bên ngoài che kín áo gilê.

Nhưng nguy hiểm không đến từ các tia phóng xạ. Chạy gần tới SaintJeandeLuz, nam tước Michel de Rosier phát hiện mình có đuôi. Nhìn vào kính chiếu hậu, anh thấy một chiếc xe lẳng nhẳng bám theo không dứt. Tuân theo lệnh đã nhận, Michel quay ngoắt xe chạy theo hướng về Bờ Biển Xanh. Chiếc xe bí ẩn kia lập tức ngoặt theo. Về tới biệt thự, Michel de Rosier kiên nhẫn nằm chờ, chiếc bình uranium vẫn để trong cốp.

Ngay sáng hôm sau, có người tới gọi cửa. Không phải người của cục tình báo Pháp như Michel mong đợi, mà một gã mang bộ ria nâu rậm rì. Gã ta nói đặc sệt giọng người slavo:

– Tôi tên Revlov… Tới mua cái trong cốp xe.

Nam tước tái mặt… Trong cơn hốt hoảng Michel không nhận ra người tình báo viên Nga này chính là gã binh nhì đã lái xe cho trung tá Berthier. Chẳng đáng trách, vì Michel đâu phải người có tài nhận diện giỏi! Hơn nữa, Léon Masiglia kẻ đang sắm một lúc hai vai là kẻ thực sự có tài cải trang… Sau thoáng hốt hoảng, nam tước Michel de Rosier đã trấn tĩnh lại. Anh nắm cổ áo địch thủ lắc mạnh:

– Đồ khốn, mày dám to gan thế ư!

– Tôi trả nam tước ba mươi triệu.

Michel nổi xung, nện gã Revlov dỏm một trận nên thân. Tên tình báo Nga giả hiệu quắp chân lên cổ chạy biến… Tối hôm đó, thanh tra Bertino xuất hiện trên điện thoại. Nam tước Michel de Rosier sung sướng thuật lại chiến công lúc sáng rồi nói thêm:

– Đáng lẽ tôi bắn hạ thằng chó chết ấy mới phải. Lúc đó đang sẵn súng trên người…

Tiếng nhân viên cơ quan phản gián DST ở đầu dây bên kia chợt tỏ ra hốt hoảng:

– Chớ! Chớ! Đừng bao giờ làm thế! Lệnh trên không cho phép!

Nam tước vội hứa sẽ không bao giờ đeo súng nữa, nghe vậy thanh tra Bertino mới dịu giọng:

– Nam tước chở hàng quay về Paris ngay. Sẽ có chỉ thị mới…

Chỉ thị mới ở Paris do trung tá Berthier mang tới. Lần gặp nhau này trung tá cởi mở hơn thân mật hơn lần gặp đầu tiên.

– Rất cừ, Michel!… Anh đã xử trí rất tuyệt… À, nhưng sao không thấy bà xã anh nhỉ?

– Cô ấy dự buổi nói chuyện của chúng ta được không?

– Sao lại không? Giờ đây cô ấy là người của chúng ta rồi mà…

Rosita bẽn lẽn vào ngồi. Phó chỉ huy phân cục Trung Âu tuyên bố:

– Chúng tôi vừa phát hiện thêm ba bình nữa cùng với một ống nước nặng. Chúng hét năm mươi triệu. Chẳng cần nói, hai bạn thừa biết DST không đào đâu ra từng ấy tiền.

Lần đầu tiên nam tước Michel de Rosier tỏ vẻ buồn bực.

– Tiếc thật. Trên tài khoản của tôi chỉ còn đúng mười triệu. Làm sao bây giờ? trừ phi Rosita…

Thiếu phụ không do dự:

– Để tôi vét voi toàn bộ nữ trang của mình xem sao. May ra gom được bốn mươi triệu.

Lát sau viên trung tá đã có trên tay tấm séc mười triệu frăng của nam tước đưa và số nữ trang của vợ anh ta, tất cả khoảng năm chục triệu. Trung tá có vẻ cực kì xúc động.

– Chắc tướng quân sẽ trực tiếp tới bày tỏ lòng biết ơn hai bạn.

– Tướng quân nào vậy?

– Cấp trên của tôi, thủ trưởng cục Trung Âu.

Sau đó khá lâu, cuộc hội kiến diễn ra, trong phòng khách của tiệm cà phê Hòa Bình… Tướng quân khoảng ngoài năm mươi, tóc mai đã bạc trắng, ve áo thường phục của tướng gài cuống huân chương Bắc đẩu bội tinh. Trông rất đường bệ nhưng nếu tinh ý sẽ nhận ra đây chính là gã đã tới biệt thự trên Bờ Biển Xanh dưới cái tên Revlov. Sở dĩ sau lâu lâu một chút tướng quân mới tới vì Léon Masiglia phải mất khá nhiều thì giờ chườm nóng mới tan hết vết bầm tím trên mí mắt sau cú đấm của nam tước. Tướng quân cúi xuống nâng bàn tay Rosita đặt lên môi, rồi tới ôm chặt chồng cô ta, tự giới thiệu:

– Thiếu tướng Combaluzier… Tôi thực sự không biết nói gì để cảm ơn hai bạn.

Tướng quân vỗ nhẹ lên ve áo véttông của nam tước:

– Để trống thế này coi sao được! Chúng tôi sẽ tô điểm lên đó chút màu đỏ.

– Ôi, thua thiếu tướng…

– Thôi thôi, đừng khách khí! Bạn thân mến, tôi sẽ đề nghị tặng thưởng Bắc đẩu bội tinh cho bạn vào lễ Giáng sinh năm nay!

Các diễn viên gạo cội thường hay thêm một đoạn tuồng cương vào kịch bản. Gã Léon Masiglia này cũng thế. Hứa hẹn thưởng huân chương là một thứ cụ thể có khả năng làm nạn nhân sinh nghi. Nhưng gã biết quả lừa này đã quá nặng nên chắc chắn sẽ không thể kéo dài hơn.

Lễ Giáng Sinh. Nam tước Michel de Rosier nhẩy bổ vào tờ Công Báo để nhận ra sự thật cay đắng: nam tước không có tên trong danh sách đề nghị thưởng Bắc đẩu bội tinh. Thất vọng ê chề, nam tước gọi điện cả cho bộ trưởng Quốc phòng lẫn cục trưởng DST để chất vấn. Nhưng cả hai nơi đều trả lời: không biết ai là tướng Combaluzier, ai là trung tá Berthier và ai là thanh tra Bertino. Họ khuyên Michel de Rosier làm đơn khiếu kiện. Nam tước nghe theo…

Tuy rất ranh ma nhưng ba tên bịp lại thiếu thận trọng. Đáng lẽ phải nhanh chân đánh bài chuồn thì ngày 1 tháng Giêng tên César Carducci có thói nịnh đầm vẫn giả danh trung tá Berthier tới nhà nam tước Michel de Rosier để tặng giỏ hạt dẻ bọc sôcôla ướp lạnh cho phu nhân bá tước. Gã bị cảnh sát tóm ngay. Sau đó không lâu, hai bợm còn lại cũng bị bắt nốt.

Léon Masiglia sắm vai tướng quân không quanh co thú nhận: sở dĩ hắn xưng tên là Combaluzier là do khi lên thang máy tới gặp nam tước, tình cờ hắn trông thấy nhãn hiệu nhà sản xuất thang máy Combaluzier… Toàn bộ số nữ trang của Rosita đua đã bị bán hết, tiền cũng xài sạch. Tất cả những triệu triệu do nam tước ủng hộ tổ quốc chẳng còn sót đồng nào.

Chỉ còn lại bốn bình uranium mỗi bình sáu chục lít và ống nước nặng đang nằm dưới hầm nhà nam tước. Các chuyên viên về chất phóng xạ được điều tới mang lên xe tải chuyên dùng chở về trung tâm kiểm định đặt trong pháo đài Châtillon. Bên trong chỉ là cát vẫn còn ướt nước biển.

Tòa tiểu hình số 13 của Paris nhóm họp vài tháng sau. để xử bộ ba Sauveur Bertino, Léon Masiglia và César Carducci. Nam tước Michel de Rosier chơi đẹp, thú nhận trước tòa sự khờ dại của mình và tuyên bố không khiếu kiện các bị cáo.

– Lỗi tại tôi hết. Đã ngu rồi, tôi không muốn tỏ ra khiếm nhã.

Chủ tọa hỏi các bị cáo:

– Bán cát với cái giá đó, các bị cáo không biết xấu hổ sao?

Léon Masiglia lúc này không còn lơ lớ giọng slavo như khi sắm vai Revlov cũng chẳng còn điệu đàng oai vệ như khi sắm vai tướng quân Combaluzier nữa, đáp lời vị chủ tọa bằng giọng hoàn toàn người Mác xây:

– Nhưng thưa quí tòa, đó là cát Martigues đấy ạ! Loại cát đắt giá nhất!

Cử tọa ồ lên cười. Nam tước Michel de Rosier cũng phá lên cười theo hắn.

Sauveur Bertino và César Carducci lĩnh án mỗi tên bốn năm tù, Léon Masiglia mười tám tháng. Vụ án những chiếc bình uranium kết thúc trong vui vẻ.

Vì chiến tranh hạt nhân giữa Pháp và Nga đã không xẩy ra. Nhân loại còn đòi hỏi gì hơn thế?

Phiếm luận:

Tư tưởng mù quáng, quá khích có thể dẫn tới những hậu quả còn tai hại hơn việc mất sáu mươi triệu frăng.

Chiếc hòm báu vật

Một người vừa hớt hải chạy vào đại sảnh tòa lâu đài Cẩm Chướng gần thành phố Toulouse. Nói đúng hơn là chạy vào căn phòng chung của trang trại khá lộn xộn nhưng chủ nhân bắt phải gọi bằng cái tên mĩ miều ấy. Anh ta vung một mớ giấy trên tay:

– Ngài D'Aurignac! Hãy trả tiền hối phiếu cho tôi! Chậm mất một tháng rồi!

Người bị đòi nợ vẫn thản nhiên:

– Khỏi lo, bạn thân mến! Tôi sẽ trả hết trả đủ!

– Trả bằng gì? Ông thiếu tiền khắp thiên hạ!

– Ừ, nhưng không còn lâu nữa đâu!... Lại gần đây! Tôi sẽ lộ bem với ông, chỉ cho một mình ông thôi.

Người chủ nợ, một nông dân khá giả ăn vận đúng mốt nông thôn thời Đệ nhị Đế chế không khỏi bối rối trước vẻ tự tin của kẻ được coi là nhà quí tộc phá sản, có phong thái đặc kiểu tỉnh thành. Người này hạ thấp giọng:

– Thế này này... Bà D'Aurignac thực ra không phải mẹ tôi. Tôi là con độc nhất, được quyền thừa kế phu nhân MontMalette de Castel, chủ nhân tòa lâu đài gần Toulouse. Bằng chứng nằm trong cái kia kìa (ông ta chỉ chiếc hòm đặt trong phòng, hơi cổ, đánh đai sắt lằng nhằng, gắn ổ khóa tổ bố...)

Người nông dân nhìn chiếc hòm với vẻ rất chú ý.

– Thế nhé! Hãy cho tôi một thời gian nữa. Phu nhân MontMalette de Castel già lắm rồi, khi bà qua đời tôi sẽ trả ông cả gốc lẫn lãi, mà lãi rất to cơ!

– Thôi được, nếu đúng như vậy thì đồng ý!

Ngài D'Aurignac chỉ còn việc bá vai bác chủ nợ tiễn ra cửa. Khi quay vào, một bé gái chừng mười tuổi đã đứng theo dõi cảnh vừa qua chạy bổ tới.

– Bố ơi, có đúng nhà mình sắp giầu không hử bố?

Bố nó mỉm cười. Ông lấy chiếc chìa khóa to đùng đút vào ổ khóa hòm.

– Còn hơn thế nữa kìa, Thérèse con! Nhìn đây này…

Tiếng ổ khóa rít kèn kẹt. Nắp hòm dựng lên. Trong hòm có rất nhiều bụi và một vỏ chai rỗng.

– Con hiểu không? Điều quan trọng không phải ở chỗ mình có nhiều của mà ở chỗ làm cho thiên hạ tin mình giầu thật.

Thérèse hiểu. Cảnh bố nó trình diễn chiếc hòm sẽ không bao giờ phai mờ trong kí ức nó, sau này lớn lên nó sẽ tái bản theo cách của nó. Bố nó chỉ là gã tinh quái, nó mới là thiên tài. Thérèse sẽ trở thành kẻ lừa đảo tài tình nhất của mọi thời đại.

Thérèse, sau này lấy tên đầy đủ là Thérèse Humbert sinh năm 1856 trong hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn. Bố là con hoang bị người mẹ ruồng bỏ không thừa nhận, mãi tới năm ba mươi tám tuổi mới được người mẹ, bà D'Aurignac nhận là con đẻ. Từ đó anh ta lấy tên GuillaumeAuguste D'Aurignac và tự phong tước bá. Trang trại Cẩm Chướng gần thành phố Toulouse nghiễm nhiên được gọi là "Lâu đài Cẩm Chướng."

Tuy vậy những danh hiệu quí phái đó vẫn không đưa nổi gia đình thoát khỏi cuộc sống nghèo túng. "Bá tước D'Aurignac" chỉ làm công việc mai mối hôn nhân kiêm trồng nho nghiệp dư, những nghề ít lời. Nhưng tuổi trẻ của Thérèse vẫn khá sung sướng. Cũng như các anh chị em trong nhà: Emile, Romain và Marie, cô yêu quí người bố đầy sức sống mãnh liệt, lắm tài. Cả mấy đứa đều coi đạo đức là một khái niệm rất mơ hồ, và khi Thérèse bắt đầu trổ tài, cả nhà đồng lòng xúm lại tiếp tay cô ta…

Thérèse lớn nhanh như thổi. Năm 1877, cô vừa tròn hai mươi… Từ vài năm nay, gia đình D'Aurignac có người bạn hàng xóm mới: gia đình Humbert. Cách tòa Cẩm Chướng không xa, Gustave Humbert có ngôi nhà nghỉ hè, năm nào cũng tới nghỉ. Ông ta mua của Guillaume D'Aurignac một thùng vang, từ đó hai gia đình kết thân với nhau.

Gustave Humbert không phải loại xoàng. Một nhân vật cực kì quan trọng, một chính khách có uy tín lớn của nền Đệ tam Cộng hòa, thượng nghị sĩ, tổng chưởng lí Tòa Kinh tế, giáo sư luật tại đại học Toulouse. Con trai ông, sinh viên luật khoa Frédéric tuy không mấy hào hứng dự thi nhưng cũng vừa tốt nghiệp. Thérèse mê ngay chàng trai hàng xóm.

Cô không đẹp. Sau này một nhà báo tả: "Cô có cái mũi vừa lệch vừa khoằm, môi trên nhô dài, cằm vuông như cằm đàn ông, vẻ mặt chẳng được nét nào dễ nhìn." Nhưng nhà báo viết tiếp: "Thiếu phụ rất xấu gái, nhưng vẻ xấu xí của cô không tầm thường, đã thế lại có biệt tài thuyết phục mọi người…" Quả thật Thérèse có sức quyến rũ mạnh do trí thông minh khác thường. Nên Frédéric mê ngay cô gái.

Trong tình yêu này, công bằng mà nói thì Thérèse hoàn toàn không tính toán vụ lợi. Hai người trẻ tuổi yêu nhau thực tình. Thérèse tuy là người suốt đời toàn nói dối nhưng sau này cũng thú nhận: "Người duy nhất tôi thực lòng muốn chinh phục bằng tình yêu là chồng tôi." Tuy yêu nhau nhưng họ không thể tiến tới hôn nhân. Sự cách biệt về danh giá về của cải ngăn cản họ.

Vì thế Thérèse sực nhớ tới chiếc hòm. Và bịa ra câu chuyện thừa kế…

Câu chuyện bịa được xây dựng rất khéo. Thérèse tuyên bố cô được thừa kế từ phu nhân Baylac chủ lâu đài Marcotte. Khoản thừa kế rất lớn nhưng cô gặp phải một người chủ nợ quá tỉ mẩn, tuy đã được Thérèse cung cấp mọi chứng từ liên quan nhưng vẫn khăng khăng không chịu cho cô vay. Qua tìm hiểu, cô mới biết sở dĩ có vướng mắc là do tên cô bị viết sai chính tả trong hồ sơ hộ tịch, do đó cần tiến hành một số thủ tục pháp lí để hợp thức hóa quyền thừa kế…

Ông bố chồng tương lai, Gustave Humbert, giáo sư luật học, chánh án Tòa Kinh tế tin ngay, không kiểm tra xác minh gì hết. Vì Thérèse rất khéo giả bộ ngây thơ, giả bộ gần như ngốc nghếch, thổ lộ vụ việc với ông bằng giọng ngập ngừng, rụt rè như thổn thức làm ông xúc động la lên:

– Con dâu của bố, đừng lo lắng gì. Có bố đây!

Ngay trong tháng Chín năm đó, năm 1878, đám cưới được cử hành.

Hai vợ chồng dọn về Paris, ở trong phường bình dân Mouffetard. Không có tiền xài, họ thế chấp "lâu đài Marcotte". Thế chấp mà chẳng sợ mất mát vì lâu đài chỉ tồn tại trong tưởng

tượng của Thérèse Humbert, nói đúng ra là trong tưởng tượng của hai vợ chồng, vì anh chồng từ nay đã trở thành đồng phạm đắc lực, cả hai bổ sung cho nhau trong mọi mánh lừa đảo. Vợ có tài dựng đứng, chồng thành thạo pháp luật.

Trong vài năm đầu họ cũng chỉ như bố Thérèse ngày trước, sống nhờ vào những cú lừa nhì nhằng… Phải chờ thời cơ thuận tiện mới có dịp đổi đời. Thời cơ ngàn vàng ấy xuất hiện năm 1882: Gustave Humbert lên làm bộ trưởng Tư pháp. Chỉ sau một đêm, hai vợ chồng đã trở thành con đẻ và con dâu của vị bộ trưởng đầy quyền uy trong chính phủ.

Thérèse Humbert không chần chừ một giây: sẽ tái bản vở kịch chiếc hòm báu vật, sẽ dùng khoản thừa kế bịa đặt làm của thế chấp vay tiền. Lần này, ả biết sẽ không dễ dàng như lần trước. Ả sẽ phải đương đầu không phải với một anh chàng ngốc nghếch tỉnh lẻ hay với ông bố mềm lòng vì mối tình của cậu con cưng. Quả lừa thừa kế là quả lừa rất khó thực hiện vì kẻ đi lừa buộc phải bịp những chủ ngân hàng, những công chứng viên và những tên chuyên sống bằng nghề cho vay nặng lãi. Họ đều khôn ngoan lọc lõi, đặc biệt rất cảnh giác khi chi tiền trên cơ sở những khoản thừa kế chưa nắm chắc trong tay. Nên bao giờ họ cũng xác minh rất kĩ tính hiện thực của số tài sản thừa kế và quyền thừa kế hợp pháp của người vay tiền.

Chính vì thế mà Thérèse Humbert có dịp tỏ rõ biệt tài lừa đảo của ả. Nhằm ngăn cản mọi ý đồ xác minh, ả dựng lên một vụ tranh chấp quyền thừa kế giữa ả và đối thủ, nhưng lợi thế thuộc về phía ả. Mọi người thấy hai bên chi những khoản tiền lớn để theo đuổi kiện tụng sẽ chẳng nghi ngờ gì về sự tồn tại của gia sản thừa kế. Và vì lợi thế thuộc về Thérèse Humbert, sớm muộn ả sẽ thắng kiện

sẽ thụ hưởng gia sản thừa kế nên những người có tiền cho vay sẽ chẳng ngần ngại gì.

Trong lịch sử tội phạm học, vụ này được ghi lại dưới tiêu đề "Vụ thừa kế Crawford".

Tóm tắt vở kịch do Thérèse Humbert dựng lên như sau. Nói là tóm tắt, vì vụ này kéo dài hàng chục năm với nhiều thủ đoạn lắt léo.

… Nhà tỉ phú người Mĩ Henry Robert Crawford là bạn thân gia đình D'Aurignac, thậm chí là người tình của mẹ Thérèse làm di chúc ngày 6 tháng Chín 1877 để lại toàn bộ tài sản cho Thérèse, đứa con ngoại tình của ông ta: một trăm triệu frăng bằng cổ phiếu.

Thérèse Humbert sắp thụ hưởng khoản tiền này thì một di chúc thứ hai của nhà tỉ phú được phát hiện. Henry Robert Crawford đổi ý, trao quyền thừa kế cho Marie D'Aurignac em gái của Thérèse Humbert và hai người cháu ruột của ông: Henry và Robert Crawford. Phần của Thérèse Humbert chỉ còn ba chục ngàn frăng.

Theo luật định, khi có hai di chúc thì bản thứ hai mặc nhiên phủ định bản thứ nhất. Khốn nỗi nhà tỉ phú Mĩ lại viết cả hai bản trong cùng một ngày. Trên bình diện pháp lí, việc phân xử coi như bất khả thi. Hai bên đương sự bèn thỏa thuận: Thérèse Humbert được nhận tài sản với điều kiện chi cho hai người cháu Crawford sáu triệu frăng. Ban thỏa thuận được hai bên kí kết đàng hoàng. Nhưng chẳng bao lâu sau hai người cháu không chịu, tuyên bố chống lại việc Thérèse Humbert thừa hưởng gia tài.

Đầu năm 1883, vụ tranh chấp đang ở tình trạng nhùng nhằng thì vợ chồng Humbert phát hiện hai người cháu Crawford đang ở Paris. Hai vợ chồng bèn cử luật sư tới gặp họ để thương lượng.

Luật sư gặp trong một khách sạn loại sang hai chàng trai nói tiếng Pháp lơ lớ giọng Mĩ (đó là hai em trai Romain và Emile D'Aurignac thủ vai). Họ hỏi:

– Ông luật sư tới có việc gì?

– Tôi yêu cầu hai ông tôn trọng và thực thi bản thỏa thuận đã kí với bà Thérèse Humbert.

– Không đời nào! Hơn nữa, vì đất nước ông đối xử với chúng tôi như vậy, chúng tôi trở về Mĩ và sẽ không bao giờ quay lại!

Hai gã đi Le Havre. Trước khi xuống tàu về nước, họ tới gặp luật sư Parmentier ủy nhiệm ông ta theo đuổi vụ kiện, huy động các luật sư Paris vào cuộc. Vẽ ra tình tiết rất tài hoa này Thérèse Humbert làm mọi người không hề ngạc nhiên khi hai người cháu Crawford sau này không xuất đầu lộ diện một lần nào. Vậy là phe đối thủ tưởng tượng của Thérèse Humbert đã hình thành, mang theo khả năng thua kiện rất rõ ràng. Thoạt tiên Parmentier không chịu, ông bảo hai người cháu Crawford:

– Tôi không thể nhận lời. Hai ông đã kí tên vào bản thỏa thuận đó rồi. Không hi vọng gì đâu.

Có thể luật sư thoáng nghi ngờ: cố tình theo đuổi một vụ kiện cầm chắc sẽ thua, biết đâu chẳng có chuyện mờ ám gì đây! Nhưng Thérèse Humbert đã dự liệu tất cả. Hai cậu em rỉ

Therese Humbert tai luật sư Parmentier: họ chấp nhận bản thỏa thuận vì hai bên đã giao ước miệng với nhau: Marie D'Aurignac sẽ lấy Robert Crawford. Nhưng sau đó Marie lại từ chối. Vì sự lật lọng ấy, họ muốn trả thù Thérèse Humbert, bằng mọi cách trì hoãn ngày bà ta thụ hưởng quyền thừa kế. Một cậu em kết luận:

– Để đạt mục đích, chúng tôi sẵn sàng tận dụng mọi thủ tục pháp lí để kéo dài thời gian…

Cậu em kia tiếp lời:

– Tốn kém bao nhiêu không thành vấn đề. Chúng tôi thừa sức cung cấp mọi phương tiện luật sư cần…

Luật sư Parmentier thấy nên nhận. Hai người này đâu cần thắng kiện! Họ chỉ muốn trả thù theo cách của họ, bằng khả năng tài chính của họ. Còn ông thì sẽ được những khoản thù lao đáng nể. Tội gì!

Ông bắt tay vào cuộc…

Ngay lập tức, toàn Paris đồn ầm lên: con dâu bộ trưởng Tư pháp được thừa kế một trăm triệu frăng. Số tiền khổng lồ đang ở trong tầm tay bà, có thể nói đã nằm trong nhà bà ta, trong chiếc hòm đặt trong phòng riêng. Khốn thay, bà chưa động tay tới được vì hai gã Mĩ xấu bụng đã khiếu kiện bà tuy chúng biết chắc sẽ thua! Công lí đứng về phía bà Thérèse Humbert, chắc chắn bà sẽ thắng nhưng trước mắt cần có nhiều tiền để theo đuổi kiện tụng.

Đúng như Thérèse Humbert dự tính, các chủ ngân hàng, các chưởng khế, các nhà kinh doanh tài chính nườm nượp kéo đến xin được cho ả vay tiền.

Bắt đầu một vụ kiện tụng kéo dài, đồng thời cũng bắt đầu một quá trình giầu lên nhanh chóng của Thérèse Humbert. Luật sư Parmentier ra sức vận dụng mọi biện pháp trì hoãn do pháp luật qui định. Frédéric Humbert cũng bằng mọi mánh khóe hợp pháp ra sức kéo dài thời gian. Trong khi đó, bọn thiêu thân lóa mắt vì quyền thừa kế khoản gia tài ảo của tỉ phú Crawford ảo cứ sốt sắng chi tiền, chi nữa, chi trong hai chục năm liền!

Với mấy chục triệu được vay, hai vợ chồng Humbert dọn tới đường Fortuny, rồi vào ở một cơ ngơi lộng lẫy trên mặt tiền đường GrandeArmée, tậu lâu đài Nước Chảy gần thành phố Melun, ăn chơi thả dàn, mở những cuộc tiếp khách linh đình, khoản đãi các chủ nợ ngày càng đông đúc càng nhiệt tình vì nữ chủ nhân chấp nhận lãi suất rất cao.

Sau ba năm theo đuổi, hai người cháu Crawford đã tận dụng bằng hết mọi biện pháp theo luật định để cản trở Thérèse Humbert thừa kế. Ngày 27 tháng Mười 1886, tòa phán quyết: Thérèse Humbert thắng, các cháu Crawford phải thực thi bản thỏa thuận. Gia sản do nhà tỉ phú để lại sẽ vào tay Thérèse Humbert, đương sự chỉ phải chi sáu triệu cho hai cháu Crawford.

Các chủ nợ chạy tới chúc mừng, nhân thể xin lấy lại tiền cả gốc lẫn lãi. Thérèse Humbert đón tiếp họ rất vui vẻ, chiêu đãi một tiệc linh đình trong ngôi nhà mặt tiền đường GrandeArmée. Sau đó hai vợ chồng làm thủ tục đăng kí chuyển giao tài sản mất một trăm hai chục ngàn frăng (khoảng hai triệu frăng hiện giờ) và chờ giấy phép mở hòm.

Đúng lúc đó tai họa ập tới: hai cháu của Crawford, hai tên ghê tởm mặt dày mày dạn đó lại chống án! Thế là phải đợi. Mọi chuyện phải làm lại từ đầu!

Lần này vụ kiện tụng diễn ra càng ồn ào càng rầm rộ hơn: người ôm tiền đến cho vay càng nhiều, các buổi tiếp khách tại ngôi nhà đường GrandeArmée càng đông vui, các dạ hội trong lâu đài Nước Chảy gần Melun càng lộng lẫy. Frédéric Humbert nhẩy vào chính trường và nhờ sẵn tiền sẵn ô dù, gã được cử tri bầu làm nghị sĩ đại

diện vùng SeineetMarne. Tóm lại, hai vợ chồng thành đạt trên mọi lĩnh vực.

Dù vậy, vụ kiện vẫn tiến triển theo qui trình của nó nên bốn năm sau phán quyết lần xử sơ thẩm, ngày 3 tháng Giêng 1890 tòa Phúc thẩm tuyên Thérèse Humbert thắng kiện. Lần này có lẽ cuộc đại phiêu lưu phải kết thúc, bởi lẽ mọi khả năng về pháp lí nhằm kéo dài thời gian đã sử dụng hết.

Vậy mà vẫn chưa kết thúc. Vì sau khi đã khéo léo luồn lách pháp luật hai vợ chồng Humbert lại gặp may. Khi tuyên án, ông chủ tọa phiên tòa phạm một lỗi về thủ tục tố tụng, sau đó phải đính chính. Như vậy là phạm luật, và hai gã Crawford không bỏ lỡ cơ hội, đòi xử giám đốc thẩm và tin chắc sẽ thắng.

Một lần nữa cả Paris lại xôn xao. Không nghi ngờ mà chỉ thương cảm cho Thérèse Humbert gặp phải những địch thủ cực kì lì lợm. Đã thế lại gặp cảnh ngộ trớ trêu: trong nhà có sẵn một trăm triệu frăngvàng ngay trong tầm tay mà không được đụng tới! Thật đáng thương hết sức!

Tuy nhiên, có một vài chủ nợ muốn lấy lại tiền. Không phải vì nghi ngờ mà vì thực sự cần tiền. Thérèse Humbert trả cho họ bằng tiền vay của người khác. Hơn nữa, còn dự tính sẽ trả nợ cho tất cả! Bằng cách các chủ ngân hàng vẫn làm lâu nay: sinh lợi bằng tiền thiên hạ. Năm 1893, ả đội tên khác mở hội "Niên kim Trọn đời của Paris", hội sở ở số 16 đường Pergolèse (cổng sau ngôi nhà mặt tiền đường GrandeArmée của hai vợ chồng). Rồi đầu tư vào kinh doanh bất động sản.

Thérèse Humbert tỏ ra có tài kinh doanh ngang với tài lừa đảo. Ả thu được lợi nhuận rất cao. Nếu có thời gian, có thể ả sẽ tích góp

được một trăm triệu thật chứ không chỉ bịa như lâu nay vẫn bịa. Và sẽ thực hiện được cú lừa hoàn hảo, tuyệt đối: làm giầu bằng tiền người khác mà không làm ai thiệt hại một xu nhỏ nào, vì tất cả đều được hoàn vốn đầy đủ. Đi lên từ số không, ả sẽ giầu sụ mà không làm ai thiệt hại mảy may!

Nhưng muốn thế phải có thời gian… Khốn khổ cho Thérèse Humbert, tòa giám đốc thẩm động lòng thương xót trước những bất hạnh của ả, nên tuy khuyết điểm của tòa phúc thẩm đã hiển nhiên nhưng tòa giám đốc thẩm đã vận dụng nhiều thủ thuật pháp lí tài tình để không tiêu hủy bản án đã tuyên. (Hiện nay các sách giáo khoa về luật học vẫn nêu trường hợp này làm mẫu mực). Thérèse Humbert thắng kiện, được thừa kế một trăm triệu, chỉ phải chi cho hai cháu Crawford sáu triệu. Thế mới chết!

Tuy tình thế gần như tuyệt vọng, nhưng vợ chồng Humbert, nhất là chuyên gia pháp luật Frédéric một lần nữa lại tỏ ra có biệt tài. Họ tuyên bố: đã kí thỏa thuận mới với Henry thay mặt cho Robert. Dĩ nhiên thỏa thuận này phủ định bản trước. Nhưng khi biết tin, Robert nói hắn không đồng ý và phát đơn kiện Henry, kiện luôn cả hai vợ chồng Humbert. Mọi chuyện phải bắt đầu lại từ đầu!

Lần này mọi người không khỏi ngạc nhiên trước những sự kiện kì cục chưa từng thấy. Để đề phòng mọi bất trắc Thérèse Humbert quyết định đánh một đòn mạnh. Qua luật sư của mình, ả đề nghị luật sư của Robert Crawford kiểm tra bên trong chiếc hòm. Nhưng vị luật sư này nhận được thư của thân chủ ông ta (thư do Romain D'Aurignac viết) cho biết: cấm không được kiểm tra toàn bộ nội dung chiếc hòm vì như vậy có thể bị đối thủ coi là chấp nhận bản thỏa thuận. Ông chỉ được kiểm tra coi thử số lãi của khoản tiền

trong hòm có đấy không. Bữa luật sư của Robert tới kiểm tra, Thérèse Humbert chìa trước mặt ông ta năm trăm chín mươi bẩy ngàn frăng, rồi bỏ lại vào chiếc phong bì gắn xi trong hòm…

Hay tin đó, giới thượng lưu lại mở cuộc diễu hành rầm rộ tới ngôi nhà mặt tiền đường GrandeArmée. Giám đốc cảnh sát Lépine là một trong những người chăm tới đó nhất. Vợ chồng Humbert nhờ có những khoản đầu tư khổng lồ vào thị trường bất động sản trở thành một trong những người giầu nhất nước Pháp thời đó. Sau mười lăm năm lừa bịp, họ vẫn được mọi người rất tin tưởng. Bằng chứng tiêu biểu nhất: một số chủ nợ yêu cầu công ty bảo hiểm Lloyd's lớn nhất nước Anh đứng ra bảo lãnh việc đòi nợ và được công ty này chấp thuận liền!

Nhiều năm nữa trôi qua. Vụ thừa kế gia tài Crawford bắt đầu từ 1883 đã kéo dài tới gần cuối thế kỉ XIX. Bắt đầu xuất hiện những tín hiệu báo trước hồi kết thúc. Một số người chợt đặt câu hỏi: gia đình Crawford có thật hay không? Năm 1889 Girard giám đốc ngân hàng Elbeuf, người đã cho Thérèse Humbert vay mười triệu frăng bỗng uống thuốc ngủ tự sát. Tình hình trở nên nguy ngập. Thérèse Humbert tự bảo vệ bằng cách tung tin Marie D'Aurignac sắp làm lễ cưới với Robert Crawford; cho mọi người vào nhà xem bộ đồ cưới của cô em Marie. Một chủ nợ phát đơn kiện liền được ả trả một lúc toàn bộ số tiền nợ khiến ông ta hỉ hả bãi nại liền.

Dù sao cũng đã quá muộn. Bởi lẽ sự phá sản của ngân hàng Elbeuf đặt ra câu hỏi trước nay chưa ai nghĩ tới: gia đình Crawford ở nơi nào? Lâu nay mọi thư từ Thérèse Humbert gửi cho họ đều gửi theo phương thức lưu kí ở bưu điện New York. Khi được hỏi, ả đáp bừa: "Số nhà 1202 đường Broadway". Kiểm tra tại chỗ, người ta thấy địa chỉ này là… một công viên.

Báo Buổi sáng phát động một chiến dịch tấn công quyết liệt vào hai vợ chồng Humbert. Luật sư của ngân hàng Elbeuf, về sau lên làm chủ tịch hội đồng quản trị ngân hàng này, ông WaldeckRousseau tuyên bố: Đây là vụ lừa đảo lớn nhất thế kỉ!

Đầu tháng Năm 1902, hai vợ chồng Humbert phải ra trước tòa. Thật trớ trêu, chính người đảm nhận trách nhiệm bào chữa cho hai bị cáo, luật sư Du Buit lại là người thúc đẩy sự sụp đổ tới nhanh hơn. Ông ta tin thân chủ của mình vô tội nên lớn tiếng đề nghị tòa:

– Nhằm tránh mọi lời cáo buộc ác ý, tôi đề nghị mở chiếc hòm và kiểm kê mọi thứ trong hòm.

Vị chủ tọa đồng ý ngay:

– Hòm sẽ được mở lúc mười bốn giờ ngày 9 tháng Năm. Luật sư Lanquest chủ tịch hội đồng chưởng khế chịu trách nhiệm kiểm kê.

Đúng ngày giờ đó, đại lộ GrandeArmée kẹt cứng người hiếu kì xen lẫn các kí giả trong nước và nước ngoài. Đích thân giám đốc sở cảnh sát Lépine chỉ huy đội quân giữ trật tự, một nhiệm vụ mà người bạn thân thiết của vợ chồng Humbert chắc chắn không muốn làm. Các thẩm phán có cảnh sát hộ tống cùng với công chứng viên gọi cửa. Một người trong đám đông gia nhân phục vụ trong ngôi nhà trịnh trọng ra nói:

– Ông chủ bà chủ đang ở lâu đài Nước Chảy sắp về.

Mọi người kéo vào căn phòng của Frédéric, nơi để chiếc hòm nổi tiếng… Chiếc két sắt của vợ chồng Humbert đã từng được các nhà biếm họa vẽ lên mọi tờ báo nằm lù lù trong phòng, cửa két khóa chặt bằng những ổ khóa tối tân nhất.

Tuy gia nhân nói vậy nhưng chờ mãi không thấy hai vợ chồng Humbert về, ông chưởng lí ra lệnh gọi thợ khóa tới. Sau nhiều giờ mầy mò, thợ khóa mở được cánh cửa to đùng. Sau những tiếng sắt thép loảng xoảng, giờ đây trong phòng tuyệt đối im lặng, một không khí im lặng thành kính. Chưởng khế Lanquest phụ trách kiểm kê tiến lại gần két sắt dõng dạc xướng to:

– Một tờ báo cũ. Một đồng xu tiền Ý…

Không, chiếc hòm không rỗng tuếch. Hòm rỗng thì quá tầm thường, chỉ hợp với một tên bịp tầm thường chứ không xứng với Thérèse Humbert. Hòm của ả không thể rỗng, cũng như chiếc hòm ngày xưa trong "Lâu đài Cẩm Chướng". Tờ báo cũ và đồng xu Ý trong hòm không phải do sơ ý, do bị bỏ quên. Nó là cái nháy mắt tôn vinh người đã nói câu: "Điều quan trọng không phải ở chỗ có nhiều của cải mà ở chỗ làm cho thiên hạ tin mình giầu thật!"…

Đoạn kết: y hệt mọi vụ gian lận lừa đảo từ trước tới giờ. Vợ chồng Humbert không trở lại ngôi nhà đường GrandeArmée, cũng không có mặt ở lâu đài Nước Chảy. Cảnh sát ập ngay tới đó nhưng không thấy chúng.

Chúng không còn ở trong nước. Cùng với các em trai em gái, chúng trốn sang Madrid, ẩm theo quĩ hội "Niên kim Trọn đời của Paris". Pháp yêu cầu Tây Ban Nha dẫn độ về nước và tống giam cả bọn vào tháng Mười hai năm 1902.

Ngày 8 tháng Tám 1903 Thérèse Humbert ra trước tòa cùng với chồng, hai gã em trai và đứa em gái. Hầu hết những người tới dự phiên tòa đều tỏ cảm tình với "Bà Lớn Thérèse" theo cách gọi của báo chí hồi đó. Người ta có cảm tình với tên bịp chỉ đánh những kẻ đã giầu nứt đố đổ vách nhưng vẫn còn máu tham, và xét cho cùng,

chúng bị đánh như vậy cũng đáng đời! Những cú lừa thật tài tình làm cả nước Pháp khi biết chuyện đã lăn ra cười không dứt.

Nếu nhìn vào số tiền bị lừa đảo lên tới con số khổng lồ: hàng chục tỉ frăng, tính theo thời giá có thể lên tới hàng trăm tỉ, ta thấy đoàn bồi thẩm cũng tỏ ra khoan dung. Tòa chỉ tuyên phạt hai vợ chồng Humbert năm năm tù, Romain D'Aurignac ba năm, Emile hai năm, tha bổng Marie.

Phiếm luận:

"Điều quan trọng không phải ở chỗ có nhiều của cải mà ở chỗ làm cho thiên hạ tin mình giầu thật!" Thủ đoạn của đôi vợ chồng đại bịp tuy đã cũ nhưng giờ đây vẫn đang được sử dụng nhiều và vẫn đánh lừa được nhiều người.

Chuyến du hành lên sao Kim

Đến ngày 18 tháng Sáu năm 1957 chị Paula vừa tròn năm mươi tám cái xuân. Chị làm thư kí đánh máy cho hiệp hội Các nhà Sản xuất Pho mát ở Milwaukee, bang Wisconsin. Trong ngày kỉ niệm sinh nhật của mình Paula đang sống một thời khắc đẹp nhất trong đời: được chiêm ngưỡng các tác phẩm nghệ thuật trong Phòng Tranh Quốc gia ở Washington. Lần đầu tiên trong cuộc đời đơn chiếc – Paula chưa bao giờ lấy chồng, hiện vẫn còn là trinh nữ thứ thiệt – chị quyết định đi nghỉ hè, rời xa bang Wisconsin quê hương. Nhân đọc tờ quảng cáo của một công ty du lịch hết lời ca ngợi cảnh trí của thủ đô liên bang, chị lên đường đi Washington.

Paula dừng chân trước bức họa khổ lớn. Một tác phẩm của đại danh họa Rubens có tựa đề Vệ nữ giữa thần Dê và thần Đuôi cá. Giữa bức tranh vẽ một phụ nữ mũm mĩm, phần thân dưới hiện lờ mờ qua lớp sóng biển, xung quanh có mấy người đàn ông da nâu thổi kèn thổi sáo. Đám đàn ông này là thần Dê, thần Đầu người đuôi cá, tất cả đều trần truồng. Bình thường thì Paula, vốn là người sống trong một vùng Thanh giáo rất chặt chẽ về nguyên tắc, chắc không dám đứng nhìn cảnh này. Nhưng bữa nay chị ta tự nhủ: đây là tác phẩm nghệ thuật nên mình có quyền nhìn, và chị đã không bỏ lỡ cơ hội. Đặc biệt các chi tiết trên cơ thể mấy vị thần Dê rất hấp dẫn Paula…

Đang mải ngắm những thân hình lực sĩ trong tranh, chị bỗng nghe sau lưng có người nói:

– A, Vệ nữ! Giá như biết trước…

Paula giật mình ép vội xắc tay lên ngực, quay đầu nhìn lại. Đó là một người đàn ông xấp xỉ tuổi chị. Chị lắp bắp:

– Xin lỗi, anh bảo sao?

– Không có gì, thưa chị. Mỗi khi thấy bất cứ cái gì liên quan đến Vệ nữ là tôi lại thấy trước mắt mình là vũ trụ bao la vô tận. Sao Vệ nữ, còn gọi là sao Kim, thường xuất hiện vào buổi tối và sáng sớm nên cũng được gọi là sao Hôm, sao Mai… Chị đã lúc nào quan sát kĩ chưa?

Paula nhận thấy người đàn ông ăn vận rất sang trọng, bộ đồ cắt may rất khéo. Có thể đây là một quan chức cao cấp làm việc ở thủ đô. Có khi trong Nhà trắng cũng nên…

– Thưa không. Thú thật tôi không hay để ý đến các vì sao.

– Tôi thì lại biết rất rõ sao Kim. Ta bay xuyên qua làn hơi nóng bỏng vây quanh và che lấp bề mặt nó, rồi sẽ thấy trước mắt mình những cánh đồng hoa thơm nức, rất lạ mắt chưa bao giờ gặp. Rồi đến những thành phố trắng bạc…

Người đàn ông không quen biết phóng mắt nhìn ra một điểm rất xa, vẻ như đang ở một nơi cách Phòng Tranh Quốc gia Washington hàng vạn dặm. Paula chợt có một ý nghĩ mà chị vội gạt đi ngay: người này rất giống anh chàng đứng tuổi giỏi tán gái trong tiểu thuyết Núi lửa trên sao Kim của Daphné Du Maurier, tác giả ưa thích của chị.

– Anh vừa nói về chuyện gì thế?

– Chắc chị đã từng nghe nói tới đĩa bay?

– Tất nhiên là có chứ!

Hồi 1957, đĩa bay là đề tài cửa miệng của mọi người, gần như tới chỗ nào cũng nghe nói có đĩa bay xuất hiện.

– Thế chị có tin không?

– Thú thật là tôi vô cùng bối rối, nửa tin nửa ngờ.

– Vậy ư? Tôi cam đoan với chị là có thật đấy! Chính tôi đã… À, xin lỗi, tôi chưa tự giới thiệu với chị: tôi là

Josuah Barney Paula rụt rè chìa tay.

– Tôi là Paula. Cô Paula.

Josuah Barney nghiêng mình thi lễ rồi hạ thấp giọng.

– Đôi khi thật khó giữ bí mật những bí mật mình đang nắm giữ. Tôi cần chia sẻ những điều bí mật đang đè nặng tâm trí mình với một tâm hồn nhạy cảm. Qua quan sát cách chị thưởng thức tác phẩm tuyệt vời này, tôi thấy ngay chị chính là người tôi có thể bộc lộ hết mọi điều. Chị vui lòng uống với tôi một tách sôcôla nóng nhé!

Paula lí nhí nói cảm ơn rồi theo chân Josuah Barney tới tiệm cà phê. Lúc này, những lo toan thường nhật ở hiệp hội Những Người Sản xuất Pho mát Milwaukee bang Wisconsin đã lùi xa, rất xa. Mọi thứ đều thay đổi. Paula có cảm giác cuộc đời mình vừa sang trang.

Chị ta đã không lầm.

– Tôi chuyên sản xuất ăngten tivi…

Hai mắt dán chặt vào tách sôcôla bốc khói, Paula bất giác bĩu môi thất vọng. Té ra người đàn ông giống hệt mẫu người hùng đứng tuổi giỏi tán gái của Daphné Du Maurier lại không phải là

người thân cận của tổng thống. Nhưng làm những công việc về tivi cũng không đến nỗi tồi. Năm 1957, kĩ thuật truyền hình còn rất mới, còn đầy rẫy bí mật, đối với số đông nó là một thứ khoa học huyền bí… Tuồng như đoán được ý nghĩ của người đối thoại, Josuah Barney vội nói thêm:

– Tôi có nhiều quan hệ với Nhà Trắng. Không chính thức, tất nhiên.

Paula không tiện hỏi thêm về mối quan hệ này, im lặng ngồi nghe tiếp:

– Trong khi lắp đặt một cây ăngten thì việc kì lạ xảy ra: tôi liên lạc được qua thần giao cách cảm với người sao Kim.

– Bằng cách nào?

– Cũng không biết chắc. Có lẽ trong khi điều chỉnh tôi đã vô tình bắt được tần số của họ. Và họ cho biết tôi là người đầu tiên được chọn lên sao Kim tham quan các điều kì diệu trên hành tinh. Họ hẹn đón tôi lúc nửa đêm hôm sau, ngay trước cửa nhà tôi.

Josuah Barney như chìm đắm trong mơ, không nhìn Paula cũng chẳng nhìn tách sôcôla trên bàn mà phóng tầm mắt lên một khoảng vô định trên trần nhà.

– Đúng giờ hẹn, họ tới. Đĩa bay của họ hạ xuống bãi cỏ trước nhà tôi, tỏa ra ánh hào quang xanh biếc.

– Hình thù người sao Kim thế nào?

– Như ta, nhưng nhỏ con hơn, da màu xanh lá cây… Tôi trèo lên, đĩa bay cất cánh và sau hai mươi lăm giờ ba mươi phút tôi đổ bộ xuống sao Kim. Được dẫn ngay vào phòng thí nghiệm của họ, được phổ biến điều bí mật về năng lượng của họ.

Josuah Barney ghé sát vào Paula thì thầm đôi câu. Nghe chưa rõ, chị đòi nhắc lại lần nữa.

– Bí quyết của họ là bộ phận điều biến. Một phát minh vĩ đại, vĩ đại hơn cả phát minh ra năng lượng hạt nhân. Nhờ nó ta có thể làm chủ khoảng không giữa các vì sao.

Josuah Barney nói tiếp một tràng từ ngữ kĩ thuật cao siêu, Paula ù ù cạc cạc chẳng hiểu mô tê gì hết. Có lẽ đã nhận thấy như thế nên Josuah Barney bất chợt dừng giải thích sâu thêm.

– Nói tóm lại, tôi vừa từ sao Kim trở về, và nhờ nắm được thiết kế bộ điều biến giờ đây tôi có thể chế tạo thành công chiếc đĩa bay đầu tiên của trái đất. Để thực hiện công việc lớn lao này tôi đã thành lập một hiệp hội lấy tên là "Điều biến Vạn năng".

– Sao phải lập hiệp hội?

– Chế tạo bộ điều biến tốn kém vô cùng, cần có rất nhiều vốn. Mỗi thành viên hiệp hội sẽ được một chỗ trên đĩa bay, muốn du hành lên sao Kim bao nhiêu chuyến cũng được.

Kiến thức này không khó nên Paula hiểu ngay. Chị rụt rè hỏi:

– Anh đã rủ được nhiều hội viên chưa?

– Như tôi đã nói, chị là người duy nhất tôi dám bật mí chuyện này.

– Vậy tôi xin làm người hội viên đầu tiên!… Và cũng sẽ là người đầu tiên bay lên sao Kim cùng anh, được không?

– Ôi, cô thân mến! Còn gì tuyệt bằng!

Paula mơ màng nhắm nghiền mắt, tưởng tượng mình đang rời Trái Đất trên chiếc đĩa bay, bên con người y chang người hùng đứng tuổi giỏi tán gái trong tiểu thuyết Daphné Du Maurier. Nhờ

bộ điều biến cực mạnh đẩy lên vùn vụt, chị nhìn thấy trụ sở hiệp hội Những Người sản xuất Pho mát của Milwaukee bang Wisconsin tụt xa với tốc độ chóng mặt, trong chớp mắt đã thấy mình chơi vơi giữa vũ trụ mênh mông trên đường bay tới Vệ nữ.

– Chẳng giấu gì anh, tôi có chút ít tiền tiết kiệm…

– Sử dụng vào công trình này là cách đầu tư khôn ngoan nhất đấy, thưa chị.

– Nhưng tôi cần ghé qua nhà mới thu xếp được.

– Không sao, không sao! Đâu phải một sớm một chiều đã lên tới Vệ nữ…

Trong chưa đến một tuần lễ Paula đã thanh toán xong mọi việc. Về tới Milwaukee chị xin rút lui khỏi chân thư kí đánh máy, rút toàn bộ tiền trong tài khoản gửi ngân hàng được ba mươi tám ngàn đô, kết quả của bốn mươi năm lao động nhọc nhằn, thắt lưng buộc bụng ki cóp từng đồng. Rồi trở lại Washington, đến gặp ngay Josuah Barney

Tìm ra địa chỉ anh ta, Paula hơi ngạc nhiên thấy đây chỉ là một căn phòng nhỏ nằm trong một phường loàng xoàng của thủ đô. Ngạc nhiên vì cứ đinh ninh trong bụng sẽ thấy ngôi nhà có thảm cỏ đủ rộng cho đĩa bay của người sao Kim đổ bộ. Nhưng lại nghĩ: chắc Josuah Barney có hai chỗ ở.

Ý nghĩ đó được Josuah Barney xác nhận ngay khi anh ta ra mở cửa:

– Tôi mời chị tới đây cho kín đáo. Tới nhà tôi thì dễ lộ công việc rất bem của chúng mình.

Paula đưa mắt nhìn căn phòng. Trên tường treo hai tấm ảnh màu cỡ lớn. Tấm thứ nhất là ảnh một hành tinh, chắc là sao Kim,

tấm kia là bản đồ vũ trụ trên có vẽ một vạch bút chì đỏ loằng ngoằng… Trông mới hấp dẫn, mới kích thích làm sao! Paula không kìm nổi, buột miệng hỏi: Anh có tấm ảnh nào chụp người sao Kim không?

– Rất tiếc… Họ không cho chụp. Bản tính họ hơi nhút nhát không thích xuất đầu lộ diện.

– Anh tả họ cho tôi nghe vậy.

Josuah Barney huơ tay bâng quơ vẻ như bất lực:

– Rất khó tả… Có thể nói… cao chừng một mét rưỡi… À, thưa cô Paula, cô có mang theo tấm séc không?

Paula hơi đỏ mặt đưa ra tờ séc ghi ba mươi tám ngàn đô. Josuah Barney gật đầu nhét vào túi.

– Nào ta lên đường! Thực hiện chuyến du hành vũ trụ có một không hai của chúng mình!

Với Paula chuyền du hành vũ trụ mở đầu bằng công việc ngồi đánh máy tập bản thảo cuốn sách Hai tuần lễ trên sao Kim của Josuah Barney do tác giả đích thân ngồi đọc. Việc này không khó, nó là thứ công việc chị đã làm trong bốn chục năm không ngơi nghỉ. Thoạt đầu chị thấy hơi ngán, thậm chí thất vọng nhưng sau khi gõ vài đoạn Paula phấn hứng hẳn lên: rất khác với công văn, thư từ của hiệp hội Những Người sản xuất Pho mát. Hấp dẫn hơn, say mê hơn gấp bội!

Chị nhanh chóng thông thạo, trở thành chuyên gia về sao Kim. Gõ tới trang thứ một trăm Paula đã có khả năng nhắm mắt len lỏi giữa các dòng từ trường phân cực rất nguy hiểm nằm giữa Trái Đất và hành tinh xa xôi kia. Đến trang một trăm chín lăm thì phòng thí nghiệm chứa bộ điều biến thần kì chẳng còn gì bí mật với chị ta

nữa: nó được làm bằng một chất thủy tinh hóa tỏa hồi quang màu xanh dưới ánh vầng trăng xoay quanh sao Kim…

Josuah Barney rất hào phóng nhường hẳn căn phòng cho Paula ở lại. Mỗi ngày anh ta tới đây đọc bản thảo cho chị đánh máy trong một hoặc hai giờ. Những giờ còn lại, anh rất bận. Theo Josuah Barney tiết lộ, anh bận nhiều cuộc bàn thảo tuyệt mật và tối quan trọng với những quan chức hàng đầu của Nhà trắng.

Một bữa kia Paula thấy anh ta tới cùng một người đàn ông gầy còm, hai mắt hấp hay liên tục. Anh ta giới thiệu:

– Ông McCalley chủ hiệu sách ở Washington, người đã đầu tư hai chục ngàn đô vào hiệp hội "Điều biến Vạn năng". Vậy là đã có hai vị cộng sự với tôi trong cuộc đại phiêu lưu này.

Theo yêu cầu của Josuah Barney, cô Paula đọc tập bản thảo cho vị khách mới tới nghe. Ông ta tỏ ra rất thích thú. Và có lẽ vì tin lành đồn xa nên sau đó nhiều khách lũ lượt theo nhau kéo tới căn phòng nhỏ ở Washington: một nha sĩ ở New York, một nhà buôn rượu bia ở Minnesota, một bà góa giầu sụ ở Chicago lần lượt tới tìm hiểu các điều kì diệu trên sao Kim và sức mạnh thần bí của bộ điều biến…

Hơn sáu tháng trôi qua. Đầu năm 1958, cuốn Hai tuần lễ trên sao Kim gần hoàn thành. Ngày thứ Bẩy tuần đầu tháng Giêng, sau khi làm xong công việc hàng ngày như mọi bữa Josuah Barney bất chợt báo tin:

– Cô Paula! Tôi sắp đi vắng ít lâu. Đêm nay sẽ có đĩa bay hạ xuống đón.

Cô gái già thấy tim mình thót lại:

– Thế còn tôi? Không được đi sao?

Josuah Barney thân mật ôm hai vai cô, vỗ về:

– Chưa đâu, cô Paula thân mến. Cô chưa thể đi cùng tôi chuyến này. Tôi phải lên đó trước báo tin sẽ có cô lên thăm. Người sao Kim không thích gặp người lạ. Sau ba tuần tôi sẽ trở về.

– Tôi hiểu…

– Cô đừng băn khoăn gì. Với tư cách là hội viên đầu tiên của hiệp hội Điều biến Vạn năng, nhất định cô phải là người thứ nhất lên sao Kim với tôi. Chuyến sau hai chúng ta sẽ cùng đi, chỉ hai chúng ta thôi, không có người thứ ba.

Paula cố nuốt hai dòng nước mắt.

– Đành vậy thôi. Anh hãy bảo trọng. Chú ý đề phòng những nơi có trường phùi mạnh của Borea Australis.

– Chị yên tâm đi. Tôi hứa sẽ hết sức thận trọng. Chú ý đề phòng thiên thạch nữa…

Paula không bao giờ gặp lại Josuah Barney… Tuy như vậy không có nghĩa bặt tin anh ta. Bởi lẽ một tháng sau chị nhận được một thông tin gửi từ sao Kim về làm chị sững sờ.. Thực ra lá thư đóng dấu bưu điện Eagle Pass, một làng của bang Texas, dán con tem tầm thường của US Mail. Nhưng đúng là thư tới từ sao Kim. Một quan chức chính quyền của sao Kim tên là Marcellus đã đổ bộ xuống Trái Đất, bỏ lá thư vào thùng thư bưu điện rồi bay lên ngay.

Thật buồn hết chỗ nói! Thư báo tin chẳng lành:

“Cô Paula thân mến! Tôi đau đớn báo tin: Josuah Barney đã qua đời trên hành tinh Vệ nữ. Vì cô là hội viên đầu tiên của hiệp hội Điều biến Vạn năng và là cộng tác viên trung thành nhất của anh ấy nên chúng tôi ưu tiên báo tin để cô hay.”

Cố nén đau khổ, Paula quyết định phải hành động. Cô viết thư lên tổng thống Eisenhower tường thuật cái chết thảm thương của Josuah Barney trên sao Kim do quan chức Marcellus thông báo cho cô. Ngoài phong bì đề "Thư riêng. Mật".

Nhân viên văn phòng phủ tổng thống bóc thư ra đọc rồi thản nhiên vứt vào ngăn số 3. Đây là ngăn tủ dành riêng chứa vài chục bức thư Nhà Trắng nhận được mỗi ngày từ những kẻ bị chứng tâm thần mất thăng bằng. Đến chiều, nhân viên đặc trách sẽ đem đốt bỏ hết.

Không thấy tổng thống hồi âm, Paula quyết định tới tố khổ với người độc nhất cùng hội cùng thuyền: chủ cửa hàng sách ở Washington, ông McCalley. Cô vừa lau nước mắt vừa đưa lá thư sao Kim cho McCalley. Nhưng phản ứng của con người gầy còm hai mắt hấp hay liên tục lại khác hẳn phản ứng Paula đang chờ đợi. Người ấy nói:

– Chúng ta bị lừa rồi.

– Anh không đọc thư của Marcellus ư?

– Không một người nào có đầu óc bình thường lại tin vào câu chuyện ngớ ngẩn này. Tôi sẽ khiếu kiện…

Cục Điều tra Liên bang F.B.I. tóm được Josuah Barney ở cảng Mobile thuộc Alabama. Gã hành nghề vẽ quảng cáo ngoài trời, nghề cũ gã vẫn làm từ lâu. Lúc bị bắt, gã đang vẽ bảng quảng cáo cho một nhà buôn trứng và pho mát ở Mobile, có thể coi đây là một đối thủ cạnh tranh với hiệp hội Những người Sản xuất Pho mát ở Milwaukee. Nói cách khác, Josuah Barney lại trở về điểm xuất phát ban đầu. Chuyến du hành vũ trụ kết thúc…

Josuah Barney lĩnh án năm năm tù vì tội lừa đảo. Hắn đã chiếm đoạt của người khác tổng cộng gần một trăm ngàn đô. Được đồng nào gã ném ngay vào cá ngựa đồng đó.

Hết tiền, hết ảo tưởng bay lên sao Kim, Paula đành trở về với thực tại: Milwaukee bang Wisconsin.

Phiếm luận:

Thích những cái mới, lạ, không phải là thói xấu. Thích phiêu lưu mạo hiểm càng không phải là xấu. Nhưng phải tỉnh táo mới không bị mất của và vỡ mộng.

Đồ cổ Trung Hoa

Trong mười năm cuối thế kỉ XX, mấy trăm người Pháp, Bỉ và Thụy Sĩ đã mất hàng trăm triệu frăng vì bị lừa trong những vụ đầu cơ đồ cổ Trung Hoa dỏm được bọn bịp bợm bán cho họ với giá gấp ba mươi, năm mươi có khi hàng trăm lần cao hơn giá trị thật của chúng.

Trường hợp hai vợ chồng nhà kinh doanh công nghiệp người Bỉ, có du thuyền và biệt thự trên Bờ Biển Xanh minh họa rất hùng hồn kịch bản của bọn lừa đảo thường sử dụng để làm lóa mắt hàng loạt những kẻ hám món lời béo bở, dễ ăn và dễ chùi mép. Chúng tỏ ra là những diễn viên kịch nghệ điêu luyện, có thể tùy theo diễn biến của vở kịch mà sắm vai người bán hoặc người mua, hoặc chuyên gia kiểm định cổ vật. Khung cảnh hoạt động của chúng là những phòng tiếp tân lộng lẫy, phòng trọ các đại khách sạn, cabin du thuyền hoặc trên ghế những chiếc xe đời mới, với những nhân vật đeo túi xách chất đầy giấy bạc loại lớn…

Kịch bản của chúng có năm hồi.

Hồi một mở đầu bằng cuộc triển lãm với chủ đề "Nghệ thuật Trung Hoa" đặt trong một khách sạn thành phố SaintRaphal. Hai vợ chồng nhà doanh nghiệp đi du lịch đang trọ ở Agay gần đó, tới thành phố tham quan, vào xem triển lãm. Họ dừng chân trước tủ trưng bày nhiều món đồ bằng ngọc thạch và ngà voi. Hai vợ chồng thấy ưng ý chiếc hũ đựng hương liệu bằng ngà voi đề giá 75.000

frăng. Nhà doanh nghiệp lắc đầu chê đắt. Người bán thú nhận: đây là hàng của một phu nhân sa cơ lỡ bước nhờ bán giúp để có tiền trả học phí cho con… Có thể thương lượng.

Người bán hàng ghi số điện thoại của doanh nhân, hẹn sẽ liên lạc trong trường hợp… Quả nhiên một tuần sau anh ta phôn tới nhà riêng hẹn sẽ đến gặp. Cuộc mặc cả giữa kẻ mua người bán khá gay gắt. Cuối cùng, người bán hàng đề nghị: ngay trước mặt hai vợ chồng nhà công nghiệp anh ta sẽ phôn cho phu nhân chủ sở hữu chiếc hũ. Bà này chấp thuận bán với giá 40.000 frăng. Nhà doanh nghiệp trả bằng tiền mặt, cầm tờ biên nhận bán hàng viết trên mặt sau tấm danh thiếp của người bán.

Hạ màn hồi một.

20 món đồ trị giá 5 triệu đôla

Hồi hai mở đầu bằng cuộc thăm viếng của người bán thảm. Người này tới nhà riêng hai vợ chồng nhà doanh nghiệp mời mua thảm. Lần trước anh ta đã bị từ chối. Lần này lại tới mời mua loại thảm đẹp hơn. Và như tình cờ, anh ta dừng lại ngắm nghía mãi món đồ hai vợ chồng mới tậu bày trong tủ kính phòng khách. Anh ta không ngớt xuýt xoa trầm trồ, rồi thú nhận: mình có ít nhiều kiến thức về đồ cổ và thấy món đồ này đáng giá cao hơn số tiền ông bà chủ nhà đã bỏ ra mua nó. Hơn nữa, anh có thể giúp ông bà chủ một việc: bảo một người bạn là chuyên gia về đồ cổ tới thẩm định…

Hồi ba mở màn. Hồi này có hai cảnh. Chuyên gia tới, tự giới thiệu là "nhà buôn kiêm nhà sưu tập tác phẩm nghệ thuật Trung Hoa". Anh ta không che giấu sự ngưỡng mộ chiếc hũ hương liệu, cho biết nó đáng giá 110.000 đến 115.000 frăng. Không những thế, anh ta còn trả giá 78.000 frăng tiền mặt, nếu chủ nhà bằng lòng

anh ta sẽ trả tiền mua ngay tại trận. Và không ngớt miệng tán dương loại đồ bằng ngọc thạch, dễ bán với tỉ suất lãi cao hơn nhiều… Nhà công nghiệp Bỉ vừa được 38.000 frăng ngon ơ tất nhiên rất chăm chú lắng nghe vị chuyên gia về nghệ thuật Trung Hoa.

Nóng lòng muốn nhanh chóng thu lời lớn, nhà doanh nghiệp phôn cho người đã bán chiếc hũ ngà voi cho mình hiện vẫn đang tiếp tục mở triển lãm tại khách sạn thành phố SaintRaphal, báo tin: ông quan tâm tới hai món đồ trong triển lãm. Và được trả lời: Rất tiếc, cả hai đều đã được bán rồi. Nhưng vận ông vẫn còn đỏ: một nhà sưu tập trong chỗ quen biết vừa đề nghị nhượng lại cho phòng trưng bày tám món ngà voi và ngọc thạch với giá 400.000 frăng. "Tôi không sẵn tiền mặt để mua, nhưng có thể giới thiệu ông với người bán, ông chỉ cần chi cho tôi một chút tiền hoa hồng thơm thảo là xong ngay." Cuộc thương lượng nhanh chóng đi đến thỏa thuận. Vị chuyên gia được mời tới thẩm định. Anh ta lại một lần nữa tỏ ra vô cùng thán phục con mắt tinh đời của nhà doanh nghiệp. Anh nói:

– Toàn bộ số vật cổ này trị giá 1.380.000 frăng, riêng bức tượng Phật bằng ngọc thạch cao 35cm đã đáng giá 450.000 frăng.

Anh ta rút ngay trong xắc một xấp bạc, đếm đủ 450.000 frăng để mang bức tượng đi.

Nhà doanh nghiệp người Bỉ trợn tròn mắt kinh ngạc, tưởng mình nằm mơ. Té ra trên đời này có một thương trường bí mật ở đó người ta hái tiền dễ như trở bàn tay, đồng vốn bỏ ra sinh sôi nẩy nở nhanh đến chóng mặt, như có phép lạ.

Ông không ngờ mình đã hai lần bị nhử mồi để sắp sửa chui đầu vào bẫy…

Hồi thứ tư mở đầu bằng chuyến mua hai chục món đồ do một người cháu được thừa kế của ông nội sang làm ăn và phất to bên Trung Quốc. Số đồ này do nhà sưu tập đã nói trên mua được và vui lòng nhượng lại cho nhà doanh nghiệp Bỉ với giá khá mềm: 5 triệu frăng.

Hồi năm chỉ có một cảnh: Tại ngân hàng Lambert de Seraing (Bỉ) nhà doanh nghiệp trao 5 triệu frăng tiền mặt cho nhà sưu tập đồ cổ. Trước đó, chuyên gia thẩm định đã được mời tới nhà riêng ông ta và hứa chắc như đinh đóng cột: mua lại toàn bộ, giá 17 triệu frăng.

Nhưng nhà công nghiệp Bỉ đợi mòn con mắt không thấy ai mang 17 triệu tới. Sinh nghi, ông ta mời một chuyên gia thẩm định thứ thiệt khác tới. Và ngã ngửa người khi biết kết quả: chẳng phải ngọc cũng chẳng phải ngà voi, càng không phải đồ cổ mà chỉ là những của dỏm mới từ một lò thủ công nào đó chui ra, đáng giá không quá 150.000 frăng. Chúng được gia công cho một chú Tàu chủ cửa hàng "Nghệ thuật Ngà Voi Trung Hoa" ở Bruxelles, chuyên bán sỉ những hàng mĩ nghệ làm bằng một thứ "ngà voi thực vật" hoặc bằng ngọc thạch giả, đôi khi bằng đá quí thật nhưng gắn trên giá đỡ bằng gỗ to đùng tạo thành bộ phận chủ yếu của món hàng. Chủ cửa hàng này bán đúng giá trị thật của món đồ, thường không quá 10.000 frăng, có hóa đơn hợp pháp. Bọn lừa đảo dùng những thứ đó làm mồi nhử, bố trí cả một bộ sậu sắm vai chủ phòng triển lãm, người bán hàng, người cháu được thừa kế và chuyên gia thẩm định để đóng kịch… Thực hiện xong một vụ, bọn chúng xa chạy cao bay, tới nghỉ dưỡng sức trên quần đảo Antibes

hoặc trong các khách sạnbiệt thự ở Mougins ở Toulouse, chạy xe Mercédes, xe RollsRoyce hoặc Bentley và thi thố quả lừa ở nhiều nơi khác.

Một người dân vùng Béarn vừa bị một vố theo kịch bản tương tự. Người này cũng mắc bẫy khi tới xem cuộc triển lãm trong khách sạn Lourdes: ông ta mua ba tượng nhỏ bằng ngọc thạch với giá 200.000 frăng tuy thực ra chúng chỉ đáng 2.500 frăng. Ngoài ra nhà chức trách còn phát hiện nhiều nạn nhân ở nhiều nơi trên đất Pháp: Pau, Perpignan, Saulieu, Besançon, Dijon bị băng lừa đảo này chiếm đoạt nhiều triệu frăng. Ở Dijon một vị hám lợi đã đổi một trăm đồng tiền vàng lấy một chiếc ngà voi giả.

Qua truy lùng, cảnh sát đã tóm cổ một tên bịp ở Nice, ba tên khác ở công quốc Monaco, trong số này có hai tên đã tham gia quả lừa đầu tiên từ năm 1988. Năm đó, chúng tổ chức triển lãm ở khách sạn Ruhl trong thành phố Nice. Một luật gia Nice về hưu ngụ ở Tahiti đã bị chúng lừa mất 1,6 triệu frăng.

Còn nhiều, rất nhiều nạn nhân khác. Một nhà văn Thụy Sĩ gốc Nga đã vay mượn bè bạn 4 triệu frăng để rước về một bộ sưu tập bằng ngọc thạch, được hãng bán đấu giá Christie's định giá có… 60.000 frăng. Đơn kiện của ông ta dầy mười trang kể lại: sau khi mua một đôi tượng ngà voi trong cửa hàng tầm tầm ở Cannes, ông ta thấy một kẻ tự xưng là nhà buôn đồ cổ phương Đông tới làm quen. Kẻ đó giới thiệu nhà văn với một phụ nữ giầu có ở Mougins đang muốn bán một loạt đồ bằng ngọc thạch của chồng chị ta bị khuynh gia bại sản vì thua bạc. Sau đó nhà văn bị cuốn vào cơn lốc những xe hơi loại sang đưa ông ta vào những biệt thự lộng lẫy, xung quanh tấp nập kẻ bán người mua và chuyên gia thẩm định tất cả đều dỏm như những món đồ cổ chúng mời chào mua đi bán

lại. Choáng ngợp trước những cảnh đó, nhà văn mất hết tỉnh táo và chui đầu vào bẫy.

Một doanh nhân thành phố Nice cũng bị lừa theo kịch bản trên, chỉ có điều hơi khác ở chỗ kẻ đầu tiên tiếp xúc với ông ta không phải trong một cuộc triển lãm, một khách sạn hay tại nhà ga sân bay nơi bọn chúng ưu tiên dùng làm nơi gài bẫy những anh ngố tham tiền. Mà tại một tiệm ăn. Trong khung cảnh thân tình này, ông ta gặp Lejeune một nhà chăn nuôi trâu trước đây ở Việt Nam, hiện đang nắm giữ sáu bức tượng ngà voi đời Minh do chị anh ta mới gửi sang trong chiếc đáy bí mật của hòm quà nhờ anh ta bán giúp. Bằng chứng để làm tin: phong bì lá thư đóng dấu bưu điện Hà Nội.

Nỗi lo bị trả thù

Sau khi Lejeune khơi mào, đồng bọn của hắn nhanh chóng xuất hiện: người muốn mua số hàng quí, chuyên gia thẩm định mang theo hai lọ đựng "chất thử", kể cả sáu vị khách Nhật Bản (vô hình) sẵn sàng mua mỗi bức tượng với giá bằng cả sáu bức! Thấy quá ngon, nhà doanh nhân bỏ ra 1,5 triệu frăng mua cả sáu tượng. Nhưng mãi không thấy khách Nhật Bản nào được giới thiệu tới mua lại, ông ta sực tỉnh đi báo cảnh sát hình sự.

Chỉ ít lâu sau, ông ta xin bãi nại. Vì liên tục nhận được những cú phôn, nói lấp lửng về giờ tan học của hai đứa con nhỏ Và nhìn trên phiếu của cảnh sát, ông nhận ra chuyên gia thẩm định chính là một tên trong băng mafia Napoli.

Một ông già hưu trí người Paris bị lừa mất 17 triệu frăng cũng bãi nại. Một người Ý bị lừa 50 triệu frăng Pháp trên lãnh thổ Thụy Sĩ cũng vậy.

Nhiều nạn nhân tuy của đau con xót nhưng không dám nhờ pháp luật can thiệp. Người sợ bị trả thù, người sợ bị biến thành trò cười trước thiên hạ, người sợ bị cơ quan thuế kiểm tra về nguồn gốc số tiền mặt quá lớn đã chi ra, sợ bị lộ những nguồn thu không khai báo để tính thuế v.v…

Vì vậy khó có thể thống kê đích xác số thiệt hại của các nạn nhân, chỉ ước tính con số đó khoảng nhiều trăm triệu frăng. Chỉ riêng khoản mười lá đơn khiếu kiện do bà thẩm phán Leroux của tòa án Paris đang thụ lí đã cho thấy trung bình các nạn nhân bị lừa mỗi người từ 3 đến 4 triệu frăng.

Hồi chót của vở kịch

Nếu bị đưa ra tòa, bọn tội phạm có thể lĩnh án tám tháng tù ngồi. Nhưng số bản án đã tuyên chiếm tỉ lệ rất thấp so với số vụ phạm tội vì số đông nạn nhân giữ im lặng, như trên đã nêu. Ngay cả khi họ kiên quyết theo đuổi tố tụng, bọn tội phạm cũng ít khi phải ra hầu tòa.

Bọn lừa đảo cũng có đội ngũ luật sư của chúng. Khi gặp phải đối thủ cứng rắn, bọn lừa đảo lập tức tung ra đội quân luật sư hùng hậu nhằm chặn đứng cuộc tấn công pháp lí của nạn nhân. Bằng cách thương lượng để hòa giải. Các cuộc thương lượng kiểu này thường diễn ra ở các khách sạn gần sân bay Nice, Paris, Genève hay Bruxelles.

Lí do chúng nại ra khá đơn giản: do nhầm lẫn hoặc hiểu lầm nhau trong quá trình giao dịch mua bán. Thường là do mỗi bên "xác định giá cả món hàng không giống nhau". Như vậy, hoàn toàn có thể tìm ra cách giải quyết thỏa đáng cho cả hai bên: cưa đôi phần chênh lệch. Thông thường anh chàng khờ chịu chấp thuận, vì

ít ra cũng thu hồi được một phần vốn liếng, còn hơn theo đuổi kiện cáo tốn thêm thì giờ tiền bạc.

Ngay cả khi nhà chức trách đã mở điều tra, thậm chí giữa hai phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bọn bịp vẫn có thể tranh thủ được sự chấp thuận của nạn nhân. Một thanh tra cảnh sát đã từng phá hàng chục vụ án loại này nhận xét: Trong hồi chót này của vở kịch, bọn chúng cũng tỏ ra khôn khéo, có tài đạo diễn, thông thạo khoa tâm lí và nhập vai rất đạt. Thanh tra chỉ thắc mắc một điều: nhờ đâu bọn chúng xác định rất trúng khả năng tài chính của nạn nhân để căn cứ vào đó mà đặt chỉ tiêu trấn lột?

Một giả thuyết được nêu ra: ngoài những diễn viên xuất hiện công khai trên sân khấu, bọn bịp bợm còn có những tên đồng phạm giấu mặt chuyên làm nhiệm vụ cung cấp những thông tin tối cần thiết đó để chúng không chọn lầm mục tiêu. Trong số mười một tên bị bà dự thẩm tòa án Paris hạ lệnh tống giam, có mười tên bợm chuyên nghiệp và một cảnh sát viên biến chất: phải chăng đây là phần mở đầu của lời giải?

Phiếm luận:

Nhiều người biết mình đã bị lừa, biết rõ mặt mũi kẻ lừa mình nhưng không dám tố cáo, thưa kiện vì chính họ cũng chẳng lương thiện gì nên lâm vào tình thế "há miệng mắc quai".

Doanh nghiệp cổ phần nuôi heo

Hai vợ chồng Muller rất vui, vui hết biết! Ngày chủ nhật vừa trải qua ở vùng nông thôn trong trang trại Hogeville này thực sự là một thành công mĩ mãn về mọi phương diện, vượt quá mong đợi của hai vợ chồng. Thoạt tiên họ được một bữa chén trong quán ăn ngoài trời, có món dưa bắp cải kiểu Bavière, món gatô kiểu Đức đầy ụ kem sữa. Di cư sang tận Canada cách xa nước Đức hàng ngàn đặm, những món ăn nấu theo khẩu vị quê hương khiến họ vô cùng thích thú. Sau đó lại được dịp ôm nhau khiêu vũ như một cặp tình nhân hồi trai trẻ. Chương trình kết thúc dưới bể bơi lộng lẫy giúp họ tận hưởng hết ngày đẹp trời tháng Bẩy 1962…

Chủ nhà John Schmidt đã tổ chức cho họ một ngày nghỉ hoàn hảo không chê vào đâu được. Anh ta quả là dễ thương, nhiều lần tới hỏi han tình hình ăn nghỉ vui chơi của hai vợ chồng Muller. Tuy mang bộ cánh giản dị nâu sồng kiểu nhà quê nhưng chủ nhà gây ấn tượng mạnh: mọi người cảm nhận rõ dưới vẻ ngoài tầm thường ấy thực ra anh ta là người của giới thượng lưu quyền quí.

Đã đến lúc bắt đầu tiết mục chính của chương trình, lí do chủ yếu khiến mọi người có mặt ở Hogeville hôm nay. Hai vợ chồng Muller khoác tay nhau đi về phía ngôi nhà nhỏ hơi cách biệt khu chính. Họ sắp được gặp Hans, nhỏ Hans của hai vợ chồng, nhỏ Hans cực kì thân thương…

Trong ngôi nhà nhỏ đã có John Schmidt vẫn tươi cười, lịch sự chờ sẵn, bên cạnh là Hans.

Hai vợ chồng Muller vui mừng kêu lên:

– Xinh quá, đẹp quá! Lớn nhanh như thổi!

Họ xô tới rối rít vuốt ve, sờ nắn trong khi John Schmidt đứng nhìn với vẻ khoan khoái.

Riêng Hans hình như tỏ ra lạnh nhạt trước những cử chỉ âu yếm của hai vợ chồng Muller. Chỉ thỉnh thoảng khẽ ụt ịt một tiếng: Hans là chú lợn con mới sáu tháng tuổi.

Để hiểu câu chuyện này, ta cần trở về trước một chút.

Đầu năm 1962, trong một rạp chiếu bóng ở Toronto. Ở đây đang tiến hành cuộc họp của khoảng một trăm năm chục người Đức sống trong thành phố. Số đông là thợ đúc thép, thợ làm trong các hãng sản xuất xe hơi, các hãng hóa chất.

Người vừa đứng lên tuyên bố lí do cuộc họp là Karl Zeller, chủ một cửa hàng lớn ở Toronto, hội trưởng hội kiều dân Đức. Thân hình thấp tịt, mặt đỏ như gà chọi, trang phục có phần cầu kì.

– Quí bạn thân mến, xin giới thiệu một đồng hương của chúng ta lên phát biểu cho chúng ta nghe những điều hết sức thú vị. John Schmidt sắp ra mắt quí bạn!

Cử tọa xì xào tỏ vẻ nóng lòng muốn biết chuyện gì, trong khi một người đàn ông vừa vén tấm màn nhung đỏ bước ra. Anh ta khoảng độ tứ tuần, dáng vẻ rất playboy: mắt xanh, tóc vàng, nụ cười rất điệu nghệ. Qua vài bước chân dõng dạc anh ta tới bên micrô. Cử tọa lặng ngắt chờ đón anh ta lên tiếng, và ngay từ mấy câu đầu họ đã hài lòng: diễn giả đi ngay vào vấn đề. Bằng tiếng Đức rất chuẩn anh ta nói:

– Thưa quí bạn, tôi rất thông hiểu tình hình của quí bạn. Quí bạn rời quê hương đất nước trong hoàn cảnh rất khó khăn, đôi khi đau khổ là khác. Sang tới đây lại phải lao động trong những điều kiện nhọc nhằn, lương thấp…

Nhiều cái đầu gật gật, nhiều tiếng ồ cất lên biểu thị sự đồng tình.

– Riêng tôi đã sang đất nước Canada này từ 1952 và đã gặp vận may mà quí bạn đều xứng đáng được hưởng: tôi đã thành đạt. Nhưng tôi luôn nghĩ rằng: những của cải đã giành được bằng lao động cật lực của mình không nên giữ cho riêng tôi. Tôi có nghĩa vụ tinh thần, có bổn phận phải chia sẻ với các bạn đồng hương, với tất cả quí bạn…

Tò mò pha lẫn thiện cảm chuyển thành tiếng hoan hô nồng nhiệt, tiếng vỗ tay rầm rầm. Vốn là diễn giả giầu kinh nghiệm John Schmidt đứng chờ một lúc rồi mới tiếp tục, bằng giọng tâm tình:

– Xin thưa quí bạn: tôi đã mua một mảnh đất ở Hogeville cách chỗ chúng ta đang ngồi hai chục kilômét. Tôi xây ở đó một trang trại nuôi lợn. Trang trại này sẽ được xây dựng theo cách trước nay chưa ai làm. Tôi lập ra một doanh nghiệp cổ phần lấy tên là "Người Chăn nuôi Canada" do tôi làm chủ tịch, còn anh Karl Zeller đây là tổng thư kí. Nhưng đã là doanh nghiệp cổ phần thì phải có cổ đông mới hoạt động được. Cổ đông là ai vậy? Thưa, là các quí bạn đang ngồi đây!

Trước cử tọa càng lúc càng tỏ ra say sưa, John Schmidt trình bầy cơ chế hoạt động của doanh nghiệp "Người Chăn nuôi Canada". Doanh nghiệp huy động vốn bằng cổ phần, mệnh giá mỗi

cổ phần một trăm đôla Canada (khoảng 900.000 VNĐ). Mỗi cổ phần được cấp một con lợn. Sau sáu tháng cổ đông có quyền bán con lợn đó cho doanh nghiệp với lãi suất bốn chục phần trăm được bảo đảm bằng hợp đồng. Nếu muốn giữ lại nuôi thì sẽ được hưởng đàn lợn con do nó đẻ ra. Cổ đông chỉ phải đóng góp một số tiền hợp lí mua thức ăn cho lợn, nếu chẳng may lợn chết sẽ được thay con khác không phải qua thủ tục giấy tờ, lệ phí gì. Cổ đông có thể mua nhiều con, nhưng theo John Schmidt nhấn mạnh, chỉ mua một con cũng được hưởng đầy đủ mọi quyền lợi như người mua nhiều con.

Cử tọa sôi lên phấn hứng. Họ chen nhau trèo lên sân khấu. Họ vây kín John Schmidt, bắt tay, khen ngợi hết lời. Người hùng trong ngày nhún nhường đáp lại lời khen của người này người kia trong khi Karl Zeller đứng hơi xa xa phía sau cũng cảm thấy đang được bốc lên chín từng mây xanh. Chính anh ta với danh nghĩa chủ tịch hội đồng hương đã có sáng kiến mời John Schmidt tới nói chuyện, nên dĩ nhiên cũng cảm thấy thơm lây sự tín nhiệm đối với diễn giả.

Với các cổ đông của doanh nghiệp "Người Chăn nuôi Canada" tối nay không chỉ là một thành công mà là một thắng lợi rực rỡ. Trong số một trăm năm chục người có mặt, có tới một trăm người đăng kí mua một thậm chí mua nhiều con lợn. Sáng hôm sau, thêm chừng ba chục người tới mua, không phải vì sau một đêm suy nghĩ mới quyết định mua mà vì hôm trước họ không mang theo sổ séc.

Đây mới chỉ là bước đầu. Tin tức lan nhanh như chớp trong cộng đồng người Đức ở Toronto. Sau vài tuần con số cổ đông đã lên tới một ngàn, các tờ séc tiếp tục bay đến tới tấp. Một số người chỉ mang tới một trăm đô, giá mua một cổ phần kèm theo con lợn sữa, nhiều người không thuộc diện giầu có nhưng đã ném vào doanh

nghiệp toàn bộ gia sản của mình. Có những người góp tới năm chục ngàn đô, thậm chí nhiều hơn… Phần vì ham lời cũng có, nhưng còn vì thấy đây là một cơ hội thay đổi cách sống, một cuộc phiêu lưu vào thế giới xa lạ kì thú. Như trên đã nói, tất cả các cổ đông đều là dân thành thị, công nhân nhà máy hoặc tiểu thương tiểu chủ, xưa nay chẳng hề biết nuôi lợn là như thế nào. Đối với họ, lợn chẳng qua chỉ là một nguyên liệu nấu món xúp dưa bắp cải. Giờ đây được sở hữu một chú lợn sống quả là một điều thú vị. Hơn nữa, làm cổ đông còn được hưởng những ngày nghỉ cuối tuần kì diệu. Đây mới là phát minh thần tình nhất của John Schmidt chứng tỏ gã thật sự là người có tài tổ chức siêu đẳng.

Ở Hogeviile, trên miếng đất cách Toronto hai chục kilômet, gã không chỉ xây một trại lợn kiểu mẫu mà còn xây một tổ hợp giải trí có đầy đủ quầy rượu, vũ trường, cửa hàng nhậu, khách sạn có bể bơi. Nơi đây nhanh chóng trở thành nơi sống trong mơ, thu hút mạnh cư dân vùng ngoại ô công nghiệp của Toronto. Họ tới đây vào dịp nghỉ cuối tuần để trốn chạy cuộc sống nhàm chán đầu tắt mặt tối kéo dài cả tuần lễ. Được gặp bạn đồng hương, được thưởng thức thú nuôi gia súc mà chẳng phải mó tay bận bịu chút gì và cũng chẳng cần biết chăn nuôi ra sao.

John Schmidt chăm sóc rất chu đáo các khách ngày chủ nhật của mình: gã thân chinh dẫn khách đi xem con lợn của từng người, mỗi con đều có giấy khai sinh, có tên gọi do họ đặt. Chủ nhật nào cũng vậy, chủ lợn đi thành hàng dọc theo chuồng ngắm đàn lợn đeo lập lắc tòn ten nơi cổ ghi lai lịch từng con. Sau vài phút thăm hỏi nhìn ngắm, nghe John Schmidt cung cấp vài chi tiết về tình hình sức khỏe của chú lợn, mọi người thích thú trở về khu chính…

Đại khái doanh nghiệp do John Schmidt dựng nên là như vậy. Chẳng mấy chốc, gần như toàn thể cộng đồng người Đức ở Toronto đều nuôi ít nhất mỗi người một con lợn theo cách đó, mỗi người ít nhất cũng đã tới Hogeville một lần. Mọi điều khoản trong hợp đồng đều được thực thi đầy đủ. Sau sáu tháng John Schmidt đề nghị chủ lợn bán lại với giá cao hơn giá mua ban đầu bốn chục phần trăm. Nhưng gần như chẳng ai chịu. Tất cả đều muốn tiếp tục đầu tư theo phương thức độc đáo này, vừa có lời cao vừa được tiêu khiển thoải mái. Thành thử sau một năm doanh nghiệp "Người Chăn nuôi Canada" đã trở thành một trong những doanh nghiệp năng động nhất ở Toronto, có hai chục ngàn cổ phần ứng với hai chục ngàn con lợn và hai triệu đô Canada (khoảng 18 tỉ VNĐ).

Mọi người đều phấn khởi, trước hết là Karl Zeller. Con người nhỏ thó này trước đây đâu có ngờ cái chức chủ tịch hội đồng hương với những công việc chẳng đâu vào đâu lại có thể mang lại thu nhập như thế này: tháng tháng được lĩnh lương đều đặn do John Schmidt trả theo hợp đồng đã kí.

Vì thế một ngày chủ nhật đầu tháng Chín 1963 Karl Zeller hơi ngạc nhiên khi nhận cú điện thoại của John Schmidt.

– Bạn Karl Zeller thân mến, tôi phải vắng mặt suốt ngày hôm nay, đi Montréal có chút việc. Nhờ bạn lo chu toàn mọi việc ở Hogeville giúp tôi.

Karl Zeller từ chối nhưng John Schmidt cố thuyết phục cho anh yên lòng:

– Không có gì khó đâu, đừng ngại. Chỉ cần để ý không để khách thiếu thốn gì, rồi dẫn họ đi thăm lợn nếu họ yêu cầu. Rất đơn giản thôi. Vả lại, sáng thứ Hai tôi đã có mặt rồi.

Hơi khó chịu một chút nhưng Karl Zeller đành phải lên đường tới trang trại. Lái chiếc xe Mĩ to tổ bố lao trên các con đường nông thôn thẳng tắp của Toronto anh ta dần dần trở nên vui vẻ hơn. Trong thâm tâm anh ta không khó chịu vì chuyến đi bất ngờ này. Cho tới ngày hôm nay tuy mang chức danh tổng thư kí của doanh nghiệp nhưng anh mới về Hogeville cả thảy có hai lần, mà về với danh nghĩa khách tham quan vì John Schmidt một mình điều khiển toàn bộ công việc kinh doanh, một mình gã nắm hết, một mình gã vận hành bộ máy… Hôm nay anh mới có dịp tận mắt xem xét mọi ngóc ngách của doanh nghiệp, tìm hiểu cặn kẽ cơ chế của "Người Chăn nuôi Canada".

Sau mười lăm phút chạy xe, Karl Zeller vào đỗ trong bãi xe sang trọng và tiện dụng. Hogeville đây rồi, với những ngôi nhà lộng lẫy đầy đủ tiện nghi: cửa hàng ăn, khách sạn, vũ trường, bể bơi, tất cả đều duyên dáng mời gọi. Karl Zeller nở nụ cười vui thích. Đây quả là một công trình tuyệt vời. Riêng khu nhà nuôi lợn làm anh ta hơi ngạc nhiên một chút: theo anh ta còn nhớ, trước kia hình như chúng rộng lớn hơn. Nhưng không sao, anh sẽ tới tận nơi quan sát, đó là công việc anh phải hoàn thành trong ngày chủ nhật này.

Lợn đâu hết? Karl Zeller tự nhủ: phải hỏi nhân viên trại lợn, chắc trại đông nhân viên lắm. Anh bèn đi tìm, nhưng lạ thay, hình như không có ai trông nom doanh nghiệp chăn nuôi hai chục ngàn con lợn, doanh nghiệp chăn nuôi được coi là lớn nhất nhì Hogeville. Loanh quanh hồi lâu, cuối cùng anh cũng bắt gặp một cậu phụ việc đang chở rơm lót ổ trên chiếc xe cút kít. Karl Zeller nở nụ cười thật rộng tới chặn cậu ta lại.

– Chào chú em! Ở đây có bao nhiêu đầu lợn?

Cậu phụ việc đẩy xe tránh sang bên ngoái cổ đáp:

– Hai ngàn. Có thể hơn một chút, cũng có thể kém một chút… Đi mà hỏi ông John Schmidt mới biết đích xác.

Karl Zeller suy nghĩ… Ừ phải, đã có lần anh nghe John Schmidt nói doanh nghiệp có ba trang trại khác nữa. Chắc lợn được nuôi tại đó, chỉ khi nào chủ đòi xem chúng mới được chở về Hogeville.

Karl Zeller bám theo cậu phụ việc đang đẩy xe cút kít.

– Lợn ở các trại khác có hay được đưa về đây không?

Cậu kia nhún vai.

– Tôi không biết. Đi hỏi ông John Schmidt khắc rõ.

Karl Zeller bụng bảo dạ: nhất định sẽ hỏi John Schmidt cho ra nhẽ, hỏi ngay sáng mai, ngay đầu giờ. Trong khi chờ đợi, anh tiếp tục đi thăm thú mọi chỗ trong trang trại.

Đúng là có khoảng 2.000 con lợn, nhưng không thấy con nào đeo lập lắc ở cổ. Và càng đáng ngạc nhiên hơn nữa: Karl Zeller tìm thấy vô vàn dẫy lập lắc treo theo vần chữ cái trong căn phòng liền kề trại lợn. Liếc mắt ước tính cũng phải có tới hai chục ngàn chiếc, đủ đeo vào cổ hai chục ngàn con do các cổ đông đã mua!

Vị chủ tịch khốn khổ của hội đồng hương người Đức ở Toronto chợt hiểu ra mọi chuyện. Chẳng có trang trại nào khác ngoài trại Hogeville. Các "Người Chăn nuôi Canada" đã bỏ tiền ra mua tất cả có 2.000 con lợn và… 20.000 tấm lập lắc ghi tên họ, ngày sinh tháng đẻ từng con!

Karl Zeller gạt hết các vị khách diện bộ đồ chủ nhật sang trọng đang xúm lại hỏi chừng nào họ mới được thăm thằng nhỏ Helmuth hoặc con nhỏ Frida thân thương của họ. Anh ta cuống cuồng lồng

lên, nhưng chẳng làm gì được: chủ nhật, mọi cơ quan đều đóng cửa, kể cả ngân hàng. Đành phải đợi đến sáng mai…

Sáng thứ Hai. Karl Zeller gọi như hò đò tới nhà riêng John Schmidt nhưng không có ai nhấc máy. Anh gọi tới ngân hàng hỏi số dư trong tài khoản doanh nghiệp "Người Chăn nuôi Canada". Nhân viên ngân hàng trả lời rất lễ phép:

– Một ngàn đôla, thưa ông.

Karl Zeller suýt nghẹt thở.

– Chết cha! Phải có hai triệu đô chứ!

Nhân viên ngân hàng vẫn bình tĩnh, lễ phép:

– Vâng, gần hai triệu là số có trong tài khoản hôm thứ Bẩy vừa rồi, trước khi ông John Schmidt rút tiền. Ông Schmidt đã nhận tờ séc một triệu chín trăm năm chục ngàn đôla. Allô, quí khách đâu? Allô… quí khách đâu?

Khi cảnh sát Canada nhận được tin báo của Karl Zeller và mở đầu cuộc truy lùng John Schmidt thì đã quá muộn. John Schmidt đã vĩnh viễn biến mất trong hố xí máy của nhà ga sân bay Montréal. Bởi lẽ John Schmidt chỉ là cái tên trên tờ chứng minh thư giả, từ nay sẽ không được sử dụng nữa. Trong khi đó kẻ vừa ngừng mang tên là John Schmidt đang ngồi thoải mái trên chiếc ghế hạng nhất chuyến máy bay của hãng Swissair. Sao hắn đi máy bay của Swissair? Vì khi có trong túi 1.950.000 đô Canada cần gửi vào một nơi kín đáo thì dĩ nhiên phải bay sang Thụy Sĩ.

Ở Toronto lúc này, cộng đồng kiều dân Đức náo loạn chưa từng thấy. Một số người lâm vào cảnh khánh kiệt. Với tất cả bọn họ, những ngày nghỉ cuối tuần ở Hogeville với rượu nồng dê béo, nhẩy

múa tưng bừng, vẫy vùng ngang dọc dưới bể bơi… chỉ còn là kỉ niệm, một kỉ niệm cay đắng.

Cảnh sát Canada biết khó tìm ra dấu vết John Schmidt nên họ cầu cứu Interpol. Những thông tin về tên tội phạm được họ gửi về trụ sở của trung tâm quốc tế Interpol tại SaintCloud (Pháp). Tuy không có mẫu dấu vân tay nhưng họ có ảnh John Schmidt do hắn đã từng được báo chí địa phương hết lời ca tụng, nhiều lần đăng ảnh ở chỗ trang trọng trên trang nhất. Kèm theo ảnh cảnh sát Canada tường thuật chi tiết thủ đoạn lừa bịp của John Schmidt. Vì theo kinh nghiệm, cung cách gây án của bọn tội phạm nhiều khi cũng có tác dụng tố cáo như bộ mặt của chúng. Có thể coi đó cũng là dấu vết, là tung tích, là chữ kí tên của chúng. Chỉ cần đối chiếu với những vụ gây án khác, ở những nơi khác và từ đó có thể lùng ra thủ phạm.

Trung tâm Interpol quốc tế ở SaintCloud gửi cho trung tâm Interpol quốc gia của các nước khắp thế giới lệnh truy nã John Schmidt kèm theo các thông tin do Canada cung cấp.

Điều không ai ngờ: thông tin đầu tiên về thủ phạm lại tới từ nơi gần nhất, từ Paris! Khi so sánh các thủ đoạn hành nghề của bọn tội phạm, văn phòng Interpol Pháp thấy giữa vụ án Hogeville và một vụ khác xẩy ra mười lăm năm trước, năm 1946, có những nét giống nhau đáng kinh ngạc. Đó là một vụ buôn bán chợ đen, với những con lợn "ma" do thủ phạm mang tên Pierre Lafitte thực hiện. Sau đó hắn bỏ trốn, có thể sang Mĩ.

Ít lâu sau, mảnh cuối cùng của trò chắp hình đã được tìm thấy: Interpol Đức xác minh đó là tên lừa đảo chuyên nghiệp Helmut Sturm đã rời nước Đức khi Thế chiến 2 kết thúc.

Sturm, tức Pierre Lafitte, tức John Schmidt lúc này càng có dáng playboy hơn lúc nào hết đã bị bắt trong ngôi biệt thự sang trọng của hắn ở Barcelona bên Tây Ban Nha.

Ít lâu sau cảnh sát Tây Ban Nha nhân cuộc khám xét biệt thự của hắn đã tìm ra lá bùa hộ mệnh, vật tổ của tên đại bịp. Phía sau bể bơi của gã tỉ phú, dưới cánh rừng thông đổ xuống bãi tắm biển riêng, trong túp lều gỗ có… một đôi lợn con đang ủn ỉn đòi ăn.

Phiếm luận:

Những chương trình khuyến mãi rầm rộ, những lời quảng cáo bốc lửa, những hứa hẹn đầy hấp dẫn về siêu lợi nhuận… nhiều khi chỉ là những chiêu lừa. Người nhẹ dạ cả tin, lóa mắt trước những hình ảnh bóng bẩy, bùi tai trước những lời tán tỉnh ngọt ngào rất dễ rước vạ vào thân.

Đơn đặt hàng của phủ tổng thống

Một ngày đẹp trời của năm 1979. Giám đốc thương mại công ty vàng bạc đá quí Delmaux trên quảng trường Vendôme vừa nghe có chuông điện thoại reo. Ông nhấc máy.

– Allô, công ty nữ trang Delmaux phải không? Phủ tổng thống đây. Tôi là Dumoulin des Aigrets thư kí riêng của ngài tổng thống. Nhân dịp lễ Giáng sinh đang tới gần, ngài tổng thống dự định tặng vài món nữ trang quí cho phu nhân và gia quyến. Mong ông vui lòng mang tới phủ tổng thống một số mẫu nữ trang như dây chuyền kim cương, trâm cài đầu, vòng đeo tay, vân vân… Ông mang tới tòa nhà gác cổng điện Elisées vào lúc chừng mười sáu giờ. Sau khi ngài tổng thống xem qua, ông sẽ thu về chậm lắm là vào lúc chừng mười tám giờ. Sáng mai ông sẽ được biết tổng thống ưng ý những món nào.

Giám đốc thương mại công ty Delmaux vâng dạ rối rít. Tiếp đó vị thư kí riêng của tổng thống yêu cầu giám đốc thương mại công ty nữ trang ghi thật chính xác những món ngài tổng thống định tặng thân nhân của ngài.

Ngay chiều hôm đó, theo đúng hẹn, một chiếc xe hơi kín đáo chạy tới điện Elysées. Người lái xe mang vào nhà gác cổng điện khoảng mười hai hộp chứa nhiều kim cương, ngọc lục bảo, hồng ngọc, lam ngọc và nhiều thứ quí giá khác đã được những bàn tay

vàng của những nghệ nhân kim hoàn nổi tiếng thế giới kì công chế tác. Toán vệ binh cộng hòa gác cổng tỏ ý ngạc nhiên, nhưng người của công ty Delmaux giải thích rõ: đây là những nữ trang mang tới để tổng thống chọn, cần cất giữ vào nơi tuyệt đối an toàn. Rồi sẽ có người của công ty tới thu về. Lời dặn của nhân viên công ty lập tức được đội trưởng vệ binh thực hiện.

Một giờ sau có chiếc xe thứ hai tới đậu trước cổng điện Elysées. Một ông trông chững chạc đáng kính, ria mép trắng phau, trên ve áo thoắt ẩn thoắt hiện chiếc cuống huân chương Bắc đẩu bội tinh tự giới thiệu:

– Tôi là Louis Armand Delmaux chủ công ty nữ trang lớn trên quảng trường Vendôme. Chắc các ông chẳng lạ gì: công ty Delmaux. Giấy tờ của tôi đây.

Ông già đáng kính đưa chứng minh thư cho các vệ binh cộng hòa. Họ săm soi rất kĩ. Ông khách đeo huân chương tiếp tục, không để họ có thì giờ hỏi lí do ông ta tới đây.

– Ngài Tổng thống dự định xem qua vài món nữ trang muốn mua tặng thân nhân trong dịp Noel. Công ty chúng tôi đã cử người mang tới trước đây khoảng một giờ. Nhưng chúng tôi vừa nhận điện của ông thư kí riêng ngài tổng thống báo tin: bữa nay tổng thống chưa có thì giờ xem hàng. Vì thế tôi tới để mang số nữ trang đó về công ty. Sau vài ba ngày nữa, các cuộc hội nghị của tổng thống thưa bớt, may ra chúng tôi sẽ lại có vinh dự mang tới để ngài coi qua. Thế đấy, tôi xin phép lấy lại các thứ của công ty.

Người tài xế bận chế phục gắn lon vàng của ông già đáng kính nhanh nhẹn xếp các hộp nữ trang còn niêm kín vào trong cốp. Ông già sang trọng lên xe biến mất, không rõ đi đâu.

Quả lừa thế kỉ đã hoàn tất. Cú phôn của ông thư kí Dumoulin des Aigrets gọi cho công ty vàng bạc đá quí Delmaux là cú phôn giả danh, tấm chứng minh thư trình cho các lính gác cổng điện Elysées cũng là chứng minh thư giả. Người xưng là Louis Armand Delmaux tuy trông mẽ ngoài sang trọng đáng kính thế nhưng thực ra là một tên bịp có tiền án, đặc biệt táo tợn và lì lợm.

Khốn nỗi lúc thực hiện kế hoạch bọn gian đã phạm một sai lầm nho nhỏ: khi đọc qua điện thoại bản kê những món nữ trang cần mang tới cho tổng thống chọn mua, chúng đã sa đà vì quá tham lam. Thoạt đầu giám đốc thương mại của công ty Delmaux mừng rơn trước đơn đặt hàng của vị nguyên thủ quốc gia, hơn nữa đây sẽ là dịp ngàn năm có một để uy tín của công ty Delmaux kín đáo lan rộng trong giới thượng lưu quyền quí. Nhưng thấy bản kê cứ kéo dài mãi, ông ta sinh nghi. Ông nghĩ bụng: phải chăng đây là một quả lừa? Tuy không chắc mười mươi nhưng ông ta thấy nên báo cảnh sát. Cảnh sát liên lạc với văn phòng điện Elysées và được hồi âm ngay tức thì, rất cụ thể, rất rõ ràng: tổng thống không hề có ý mua nữ trang tặng ai hết, ông Dumoulin des Aigrets thư kí riêng của tổng thống không hề gọi điện cho công ty Delmaux.

Vì thế, khi công ty Delmaux chuẩn bị cho nhân viên mang những hộp nữ trang quí tới nhà gác cổng điện Elysées, họ được lệnh của cảnh sát: chỉ mang tới những chiếc hộp… rỗng ruột. Và một giờ sau, khi ông Delmaux dỏm tới nhận lại những chiếc hộp, chỉ huy đội vệ binh không do dự đưa ngay vì anh cũng đã nhận được những chỉ thị cần thiết. Xe của "ông Delmaux" vừa chạy khỏi cổng điện Elysées chừng vài trăm mét thì bị xe cảnh sát phục sẵn ép chặt hai bên. Ông Delmaux dỏm cùng tên tài xế mặc chế phục gắn lon vàng bị còng tay đưa vào xàlim.

Phiếm luận:

Nếu ai cũng cảnh giác cao như giám đốc thương mại của Delmaux, nếu người cảnh sát nào cũng khẩn trương vào cuộc như cảnh sát Pháp trong vụ này thì bọn lừa đảo phải vào xà lim hết.

Gã hề lên làm vua

Năm 1913 đất nước Anbani lâm vào một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc do tác động của cuộc khủng hoảng đang đảo lộn toàn vùng Bancăng nẩy sinh từ mâu thuẫn giữa một bên là Hy Lạp, Serbie, Montenegro với bên kia là Thổ Nhĩ Kì, ngoài ra còn có sự dính líu của Ý và Nga khiến tình hình càng rối ren bội phần. Trong câu chuyện dưới đây, ta sẽ không đi sâu vào các diễn biến chính trị quân sự, chỉ ghi nhận một sự kiện: sau cuộc nổi dậy oanh liệt, năm 1912 nhân dân Anbani đã lật đổ ách thống trị lâu đời của Thổ Nhĩ Kì, giành được quyền độc lập. Tuy độc lập nhưng chưa có vua. Các cường quốc châu Âu hội họp nhau đã mấy tháng nay ở London bàn tính chuyện tìm một ông vua cho dân Anbani nhưng vẫn chưa tìm ra. Bởi lẽ tuy họ thống nhất với nhau ở điểm cần ban cho dân Anbani một ông vua người Âu như đã ban cho dân Hy Lạp hồi thế kỉ trước nhưng lại không thống nhất ở điểm: vị vua đó là người Pháp, người Anh hay Đức?… Cường quốc nào cũng đòi chiếc ngai vàng phải về tay nước mình, nên cuộc tranh cãi quanh bàn hội nghị kéo dài không biết đến bao giờ mới ngã ngũ…

Các cường quốc chẳng đếm xỉa đến người dân Anbani, nhưng dân Anbani vẫn có ý kiến riêng của họ. Họ không muốn có một ông vua ngoại quốc cưỡi lên đầu lên cổ mình. Hơn nữa, do phần lớn theo đạo Hồi nên họ muốn có một ông vua cũng theo đạo Hồi. Không chỉ mong muốn chung chung, họ còn có sẵn một người để

suy tôn lên ngai vàng: Halim Eddine, cháu ruột vị sultan của Constantinople (đang do Thổ thống trị, sau này đổi thành thủ đô Istambul của đế quốc Ottoman, đến năm 1923 Thổ Nhĩ Kì mới rời thủ đô về Ankara).

Tướng Essed Pacha tổng chỉ huy quân đội Anbani đang tạm quyền cai trị đất nước cũng thấy nên như vậy. Nhưng liệu Thổ Nhĩ Kì, nước vừa bị người Anbani nổi lên chống lại, có chấp thuận giải pháp này không? Vì chấp thuận giải pháp này tức là chấp thuận hòa giải với Anbani. Vấn đề rất hóc búa! Thành thử người Anbani vừa vui sướng lại vừa lúng túng trong nền độc lập mới giành được, nóng lòng chờ có ông vua của mình.

Ngày 8 tháng Tám 1913 tướng Essed Pacha nhận được bức điện ngắn gọn làm ông ta mừng không để đâu cho hết: "Hoàng tử Halim Eddine đang tới". Vị vua tương lai sẽ cặp bến Durazzo ngày 10 tháng Tám.

Tin này làm dân chúng hân hoan đến cực điểm: họ sắp có một ông vua theo yêu cầu.

Đúng ngày đã được báo trước, dân chúng kéo tới chật ních bến cảng nhỏ đó của Anbani. Đàn ông đàn bà đều diện những bộ váy áo ngày lễ nhiều màu rực rỡ, mang theo những bó hoa hồng tươi thắm nhất chuẩn bị rắc cánh hoa chào mừng Halim Eddine. Tướng Essed Pacha trong bộ đại lễ phục đứng ở hàng đầu toàn bộ số tướng lĩnh của đội quân Anbani nhỏ bé cùng với các quan chức cao nhất nước.

Họ dài cổ ngóng chờ, mãi mới thấy con tàu lâu nay vẫn chuyên chở khách từ Constantinople tới ghé Durazzo để qua Venise xuất hiện ngoài khơi. Tàu cặp bến, mọi người thấy trên boong một

người đang hùng dũng bước xuống. Nhất định đây là Halim Eddine, hoàng tử của họ, vị vua sắp tấn phong của họ!

Người đó càng xuống gần, dân chúng càng nhìn rõ dung nhan. Một người cao to, đội mũ đấu kiểu Thổ mầu đỏ chói, những lọn tóc thò dưới mũ đã ngả màu xám bạc bọc quanh gương mặt uy nghi. Chòm râu kiểu Gôloa càng làm tăng thêm vẻ oai vệ. Halim Eddine bận bộ đồ cấp tướng, ngực gắn đầy huân chương lấp lánh dưới ánh mặt trời, có tấm băng đủ bẩy màu cầu vồng bắt chéo. Theo sát sau lưng là một vị người Thổ bận áo thụng bằng lụa, đầu quấn khăn bành tổ bố. Ngắm nhìn hoàng tử, đám đông rùng mình sung sướng: hoàng tử đẹp hơn hẳn hình ảnh mọi người lâu nay vẫn tưởng tượng trong đầu. Nhiều cành hồng bắt đầu vẫy vẫy, những tiếng hét mừng rỡ đầu tiên nổi lên chào mừng.

Essed Pacha bước tới đón cháu ruột vị sultan, trong bụng thấp thỏm lo âu. Phản ứng của vị vua tương lai sẽ như thế nào khi vua là người của quốc gia vừa bị tướng chống lại? Liệu vua có ban ân cho tướng được tiếp tục cầm đầu quân đội?

Tới trước mặt Halim Eddine, tướng Essed Pacha quì mọp xuống đất, cúi dâng thanh bảo kiếm tổng chỉ huy. Ngay phút sơ kiến này Halim Eddine đã biểu thị tất cả những phẩm chất cao siêu của một vị vua. Ông từ chối thanh kiếm, nâng tướng Essed Pacha đứng dậy và ôm hôn thắm thiết.

Dân chúng òa lên reo hò tưởng chừng như trái đất nổ tung. Họ vung cánh hoa rắc lên hai vị đứng đầu quốc gia đang sóng bước đi tới cỗ xe đang chờ, theo sau là vị người Thổ tháp tùng Halim Eddine. Dọc đường từ hải cảng Durazzo về Tirana thủ đô tương lai, dân chúng đứng chật hai bên tung hô nhiệt liệt. Về tới dinh quốc trưởng, Halim Eddine chào từ biệt Essed Pacha để cùng với người

tháp tùng về nghỉ tại tư thất, một tòa lâu đài lộng lẫy đầy đủ tiện nghi cực kì sang trọng.

Essed Pacha và các quan chức cao cấp sung sướng chúc mừng nhau. Tất cả đều cảm thấy hạnh phúc khi từ nay đất nước đã có Halim Eddine. Một vị vua cực kì oai vệ, hơn nữa lại tỏ ra rất bao dung ân cần với họ.

Nhưng nếu được chứng kiến những gì đang diễn ra sau cánh cửa tư thất nhà vua, chắc chắn họ sẽ không cảm thấy mừng vui đến thế. Cả hai tên đã lột bỏ mũ đấu, khăn bành, ôm bụng cười rũ rượi, cười chẩy nước mắt nước mũi, cười lăn cười bò trên giường trên tràng kỉ, ôm ghì những chiếc gối mà cười lăn cười lộn không dứt…

Dù chúng có cười đến nghẹt thở cũng chưa đã! Bởi lẽ không dễ gì một tên trở thành vua và tên kia thành cận thần của vua khi một tên xuất thân là hề xiếc và tên kia là diễn viên trò nuốt kiếm!

Đây không phải là quả lừa đầu tiên của hai tên bợm đang ôm nhau cười trong tư thất quốc trưởng nước Anbani. Cuộc đời của chúng cho tới thời điểm này là một cuộc đời đầy sóng gió…

Vị vua tương lai hiện đang là hề xiếc tên thật là Otto Wite, người Đức, tuổi khoảng tứ tuần. Hắn móc ngoặc được với tên đồng lõa Max Schlepsig từ nhiều năm trước, trong nhà tù Barcelona bên Tây Ban Nha. Hồi đó Otto Wite đang ngồi tù về tội lừa đảo, còn Max Schlepsig thì thụ án vì một tội khác hẳn. Hắn đã định bóp cổ chết một đấu sĩ khi gã này đang định đâm lưỡi gươm đấu bò vào cổ hắn. Chúng định giết nhau chỉ vì một cô gái Pháp xinh đẹp. Nhân lúc hai gã mải kình nhau, cô gái đã tếch theo một gã người Anh.

Hai tên tù đồng hương người Đức móc ngoặc với nhau, cùng nhau vượt ngục bằng con đường chắc ăn nhất: lót tay các giám thị.

Thoát được rồi, chúng cặp kè với nhau trong một gánh xiếc rong, chu du khắp thế giới. Otto Wite sắm vai hề, Max Schlepsig vai nuốt kiếm. Nhưng đồng lương diễn viên xiếc rong không đủ xài sang, chúng cải thiện đời sống bằng đủ mọi cách, tranh thủ mọi cơ hội. Ví dụ: Otto và Max theo chân một hoàng tử Hungari sang châu Phi săn bắn, với tư cách… hề. Công việc tuy không mấy hấp dẫn, thậm chí khó chịu nhưng được trả công khá. Khốn nỗi cuộc săn kết thúc thảm hại: hoàng tử Hungari và toàn bộ số tùy tùng rơi vào tay bộ lạc Pygmée, bị họ giết sạch. Riêng hai gã người Đức thoát chết sau khi biểu diễn tiết mục nuốt lửa khiến người Pygmée tin chắc chúng là người trời nên thả ra kèm theo nhiều tặng phẩm.

Otto và Max trở về châu Âu, gia nhập gánh xiếc khác diễn lại trò cũ, điểm thêm vài tiết mục độc đáo. Tiết mục sáng giá nhất diễn ra ở London năm 1911. Năm này xảy ra vụ bức danh họa Nàng Joconde của Leonard de Vinci vẽ trên gỗ chân dung Mona Lisa hồi đầu thế kỉ XVI trưng bày trong bảo tàng Louvre ở Paris bị đánh cắp. Cảnh sát tất cả các nước châu Âu đang tận lực truy tìm mà chưa thấy. Biết thế, hai gã Otto và Max rất thản nhiên nhận chúng là kẻ ăn trộm bức danh họa, nhờ vậy chúng bán được bức tranh "cọp" rất thô thiển cho một lái buôn tranh người Hy Lạp ở Venise lấy số tiền rất lớn.

Tuy nhiên, đây mới chỉ là những món khai vị chúng dọn cho thiên hạ thưởng thức… Năm 1913 mới là năm chúng quyết định chơi đòn táo tợn nhất. Lúc này cả hai đang làm cho gánh xiếc lưu diễn ở Tirana. Ý đồ táo tợn và thần tình của chúng hình thành nhân lúc rảnh rỗi ngồi đọc báo chí địa phương: sau một hồi ngắm nghía bức ảnh hoàng tử Halim Eddine đăng trên trang nhất mọi tờ báo, chúng nhận thấy Otto giống y khuôn vị hoàng tử đang được

dân Anbani mỏi mắt mong chờ. Chỉ cần gã nhuộm tóc thành màu muối tiêu, gắn thêm bộ ria kiểu gôloa là thành người anh em sinh đôi với hoàng tử, tài thánh cũng không phân biệt nổi.

Hai tên bợm không do dự mảy may: chúng sẽ tiếm đoạt ngôi vua Anbani! Để thực hiện mưu đồ, chúng ở lại đây thêm hai tháng. Otto Wite học vài câu tiếng Anbani, vài câu đơn giản mà đã là hoàng tử Thổ Nhĩ Kì thì tất nhiên phải biết. Chúng đặt mua ở Viên hai bộ quần áo ca kịch, một là đồ cấp tướng, bộ kia là trang phục kiểu Thổ. Rồi kéo nhau tới Salonique chờ đón con tàu chạy từ Constantinople tới Durazzo, và nhờ một gã bạn ở Constantinople gửi bức điện chính thức về Anbani báo tin hoàng tử Halim Eddine sắp tới.

Trong lâu đài riêng rộng bát ngát của đức vua, Otto và Max đã ngưng cười. Vì không còn sức cười lâu hơn và vì vừa có người gõ cửa. Tướng Essad Pacha bước vào, cúi đầu cung kính mời hai gã ra dự bữa tiệc yến đã chuẩn bị xong. Hai gã cảm ơn sự quan tâm chu đáo của tướng và vui lòng hạ cố nếm đủ mười tám món sơn hào hải vị. Vừa nuốt xong miếng cuối cùng cả hai tên vội vã trở về phòng riêng. Vì tuy các đặc sản của xứ sở này rất ngon miệng nhưng lại có một phiền phức rất khó chịu: hơi khó nuốt vì người Hồi giáo kiêng uống rượu. Cũng may mà chúng đã dự liệu trước, trong hành lí mang theo có chất cay schnaps đủ để đương đầu với một cuộc bao vây cấm vận dài ngày.

Otto và Max cụng li suốt đêm và thống nhất chương trình hành động của nhà vua tương lai sẽ tập trung vào hai việc ưu tiên: thứ nhất, xây dựng hậu cung. Xưa nay vị vua Hồi giáo nào chẳng phải xây dựng một chốn hậu cung đầy tì thiếp? Thứ hai, nắm giữ ngay

chùm chìa khóa kho bạc quốc gia. Bàn bạc xong, hai gã lăn ra ngủ trong tin tưởng tuyệt đối vào hậu vận vàng son…

Sáng hôm sau, bữa lót dạ bị hai gã bỏ lại tới ba phần tư vì quá thịnh soạn không sao nuốt hết. Ăn xong, chúng tiến vào đại sảnh. Đông đủ các quần thần văn võ đã có mặt, đứng đầu là tướng Essad Pacha. Tướng run run cất giọng nửa xúc động nửa trịnh trọng tuyên bố:

– Muôn tâu hoàng tử, Người thừa biết rõ thần dân cả nước đang nóng lòng mong ngóng Người lên ngôi vua, thay vì một người Pháp, Đức hay Anh. Vì lẽ đó, chúng thần kính mong Người chấp thuận trở thành đức vua của chúng thần. Được như vậy là một vinh dự lớn cho dân cả nước, là biểu hiện đức anh minh của Người và phước lành của thánh Allah.

Cháu ruột của sultan điềm nhiên vuốt bộ ria muối tiêu kiểu gôloa, vuốt tấm băng vắt chéo vai có bẩy sắc cầu vồng. Im lặng tuyệt đối, mọi người hồi hộp, biết rõ số phận của đất nước Anbani đang bị cơn thử thách nặng nề.

Một lúc lâu sau hoàng tử Halim Eddine mới lên tiếng. Người nói tiếng Anbani chưa sõi nhưng quần thần đều cho rằng vị hoàng tử trẻ người Thổ Nhĩ Kì nói được như vậy đã là giỏi. Hoàng tử nói:

– Yêu cầu của quí vị làm ta rất vinh dự, nhưng ta tự thấy không đủ đức tài…

Đám quần thần chao đảo, xôn xao, thất vọng. Hoàng tử chậm rãi nói tiếp:

– Tuy nhiên, vì đây là thánh ý của đức Allah tối thượng, nên ta không dám từ chối nghĩa vụ cao cả này. Ta chấp thuận làm vua của quí vị, lễ đăng quang sẽ tổ chức vào ngày kia.

Tiếng xuýt xoa hài lòng tán thưởng rộn lên xen lẫn vài tiếng vỗ tay rụt rè. Vị vua sắp lên ngôi ra hiệu im lặng.

– Hãy nghe ta công bố những chỉ lệnh đầu tiên. Điều thứ nhất: nhân danh thánh Allah nhân từ và đầy sức mạnh, tướng Essad Pacha trên cương vị tổng chỉ huy quân đội phải gấp rút chuẩn bị tổng động viên toàn quốc. Vì ta sẽ tuyên chiến với Montenegro. Điều thứ hai: ta quyết định chỉ tuyển vào hậu cung những con gái của dân chúng Anbani, tuyệt đối không tuyển các công chúa ngoại quốc. Ta nhấn mạnh điều này: không nhất thiết phải là con gái nhà quyền quí mà chủ yếu phải là những cô tiêu biểu cho vẻ đẹp huyền thoại của nữ giới Anbani. Điều thứ ba: tướng Essad Pacha phải báo cáo cho ta biết đầy đủ về tình trạng tài chính của đất nước để ta có kế hoạch ban thưởng cho các vị xứng đáng với công tích từng người.

Đám quần thần cuồng nhiệt reo hò, tung hô ầm ĩ tuy đức vua tương lai hình như có ý bực mình không ưng. Khi những lệnh trên được loan báo cho dân chúng biết, sự hưởng ứng ủng hộ càng náo nhiệt gấp bội. Nhất là lệnh tuyên chiến với Montenegro. Vì từ nhiều đời nay, người theo đạo Thiên chúa của nước này vẫn là kẻ thù truyền kiếp của người Anbani theo đạo Hồi. Khốn nỗi, người Montenegro đông hơn, quân đội của họ mạnh hơn nên người Anbani không dám khiêu chiến. Nhưng giờ đây chính Halim Eddine cháu ruột sultan tuyên chiến với chúng thì có nghĩa người Anbani sẽ được Thổ Nhĩ Kì hậu thuẫn, chi viện. Tương quan lực lượng thay đổi hoàn toàn. Ngày tận số của bọn Montenegro đã tới!

Dân chúng đổ ra đường phố thủ đô Tirana, chĩa súng lên trời bắn đì đọp. Mồm hét vang lời tung hô Halim Eddine đến khản đặc cổ. Ý tưởng chỉ đưa những cô gái bản xứ thuộc từng lớp bình dân

lên giường ngủ của đức vua cũng được nhiệt liệt tán thưởng. Một ý tưởng thật cao thượng, rung động lòng người. Không ít người cảm động đến chảy nước mắt!

Ngày 13 tháng Tám 1914, ngày vui mừng tột độ của đất nước: vị vua đầu tiên của vương quốc Anbani độc lập lên ngôi báu. Các vị đứng đầu đất nước không ngớt lời ca ngợi vị minh quân: chắc được thánh Allah chỉ bảo nên Người lên trị vì đất nước dưới một cái tên mang tính chất đặc châu Âu: Otto đệ Nhất. Các cường quốc đang tranh giành nhau ở London sẽ nhận ra thiện ý nhân nhượng này và dễ dàng chấp thuận…

Nhân dịp vua Otto đệ Nhất lên ngôi, các tù trưởng tộc trưởng cả nước đều xuống núi. (Hồi này Anbani vẫn còn bị chia năm xẻ bẩy thành rất nhiều nhóm sắc tộc cát cứ trong từng địa phương và giao chiến với nhau từ nhiều thế kỉ nay). Đây là lần đầu tiên họ tề tựu đông đủ, mang theo những bộ râu dài, mặc lễ phục: quần ống phồng, đi giầy có túp, ngực quấn băng đạn sáng loáng.

Sau đại lễ cử hành trong nhà thờ Hồi giáo, một bữa tiệc chưa từng có được dọn ra. Vô số bò bê nướng, cừu sữa quay, vô số loại cá ngon nhất như cá hồi hồ, cá hồi sông nổi tiếng của vùng Bancăng được đưa ra khoản đãi…

Vua Otto đệ Nhất và viên cận thần thân tín người Thổ không khách sáo ăn rất ngon lành khiến các khách mời đều vui mừng. Tuy tích cực tranh thủ thưởng thức các món khoái khẩu, vua vẫn không sao lãng chức năng cao cả của một vị anh quân, rất chăm chú và kiên nhẫn lắng nghe các khách mời, các tù trưởng phàn nàn, khiếu nại, thắc mắc, tố cáo. Từ nhiều thế kỉ qua, họ đã không ngừng mua thù chuốc oán, đấu tranh không khoan nhượng nên mỗi người đều đưa ra một bản kê dài về hận thù xích mích với các

lân bang. Otto lúc này tỏ ra là nhà chính trị giỏi, áp dụng một phương cách thần diệu để giải quyết mọi xung đột: ban tặng vàng bạc cho tất cả mọi người khiến họ đều hài lòng tỏ ý sẵn sàng quên hết tị hiềm cũ. Otto đệ Nhất còn mở rộng ơn mưa móc tới tất cả binh lính trong đội cận vệ: mỗi người được thưởng mười đồng tiền vàng.

Cả đức vua và vị cận thần đều không ngồi lâu tại bàn tiệc. Họ khó quen với kiểu ăn tiệc mà không có giọt rượu nào, nên phải mau chóng trở về với kho schnaps.

Về tới cung, điều hai gã bất chợt chạm trán là đám ứng viên vào làm tì thiếp đang xúm xít chờ được tuyển chọn. Các cô gái đông quá, hăm hở quá khiến đám lính gác vất vả lắm mới giữ được trật tự.

Lễ đăng quang đã xong, theo lẽ đương nhiên, việc xây dựng hậu cung nổi lên thành ưu tiên hàng đầu. Đích thân nhà vua Otto đệ Nhất phải gánh vác công việc đầy khó khăn thử thách này.

Cách tuyển chọn người vào hậu cung của Otto đệ Nhất và viên cận thần như sau:

Trước hết, Max thực thi vòng sơ tuyển trong một căn phòng. Sau đó gã dẫn những cô sơ bộ đạt yêu cầu vào phòng hoàng thượng để được thử qua vòng hai gọi là vòng "quyết định". Hai vòng tuyển diễn ra trong hai ngày, nói thật chính xác: hai ngày hai đêm, trong thời gian này cấm ngặt không ai được tới quấy rầy đức vua và vị cận thần tin cậy.

Nhưng theo lẽ thường, chuyện đẹp đến mấy cũng phải có hồi kết thúc.

Đêm 15 tháng Tám tướng Essad Pacha nhận được bức điện của Halim Eddine thứ thiệt, cho biết đại ý: ông ta không hề nhận được thông báo cho biết ông được lên ngôi báu Anbani. Ngày nay, sự chậm trễ thông tin đó không thể xẩy ra, nhưng vào thời ấy và nhất là ở vùng Bancăng có chiến tranh triền miên, mọi tin tức đều phải qua nhiều ngày mới tới nơi.

Tướng Essad Pacha tức sùi bọt mép, đang nửa đêm dẫn đội cận vệ tới phá cửa cấm điện quyết bắt quả tang nhà vua dỏm và tên đồng phạm đang hú hí với người đẹp.

Lần đầu tiên Otto Wite thấy sợ. Quân lính hằm hằm vây quanh trong khi Essad Pacha lớn tiếng nguyền rủa không ngớt. Tuy sợ nhưng vì đã trải qua nhiều phen mười sống một chết nên Otto trấn tĩnh được, rắn rỏi ra lệnh cho toán vệ binh:

– Bắt ngay tên phản quốc!

Gã vua rởm chỉ tay vào Essad Pacha.

– Nó nhận tiền của bọn Montenegro hòng ngăn cản cuộc chiến thần thánh của chúng ta. Nhân danh tổ quốc Anbani, ta ra lệnh bắt giam hắn! Mấy người không tin tưởng vào trẫm hay sao? Quên mất lòng bao dung hào phóng của ta rồi sao?

Bọn lính do dự. Chúng đâu có biết mô tê gì về vụ đại bịp này! Khi bị Essad Pacha lôi đi, chúng tưởng phải đi dẹp một vụ nổi loạn nhì nhằng trong cung, ngờ đâu chính tướng Essad Pacha lại đang bị đức vua kết tội nhận đút lót của kẻ thù Montenegro, tội phản bội tổ quốc, phản bội nhà vua đã hào phóng ban cho chúng mỗi đứa mười đồng tiền vàng!

Ngay lập tức, toán lính nhất loạt hùng hổ trở ngược giáo, Otto Wite phải vất vả lắm mới ngăn được chúng không chém đầu tổng

chỉ huy ngay tại trận để biểu thị lòng trung thành với vua. Tướng Essad Pacha khốn khổ bị lính dưới quyền đấm đá túi bụi rồi lôi đi ném vào ngục tối.

Dù vậy hai tên bợm Otto và Max cáo già cũng đánh hơi thấy gió đang đổi chiều. Được các cô gái Anbani tận tình ủng hộ để đền ơn mưa móc, chúng cải trang thành phụ nữ Hồi giáo che kín mặt chuồn khỏi lâu đài. Tới Durazzo, chúng dễ dàng thuê một ngư dân Ý chở tới Bari, mang theo phần lớn tài sản của kho bạc quốc gia.

Sau quả lừa có một không hai trong lịch sử này, Otto Wite và Max Schlepsig nhanh chóng vung phí hết số vàng cuỗm được, theo qui luật "Của phi nghĩa chẳng bền lâu". Chúng lại đi làm xiếc, một tên làm hề, tên kia nuốt kiếm.

Trong thời gian dài sau đó, để cải thiện bữa ăn và có khi chỉ để nhớ lại thời huy hoàng đã qua, thỉnh thoảng Otto Wite lại diện bộ đại lễ phục của vua Otto đệ Nhất: mũ đấu đỏ chói, huân chương tự tạo đầy ngực, dải băng vinh dự bẩy sắc cầu vồng bắt chéo vai, đứng oai vệ trên bậc lên xuống của căn nhà có bánh xe để chụp ảnh.

Otto Wite qua đời ngày 13 tháng Tám năm 1958, đúng bốn lăm năm không thiếu một ngày sau khi xưng vua. Mọi người nói thêm: được thế là nhờ phúc tổ nhà hắn còn cao. Nếu lên làm vua thật, chắc hắn không thể sống dai đến thế trong vòng tay một lô tì thiếp xinh đẹp!

Phiếm luận:

Bọn lừa đảo to gan thường không loại trừ bất cứ cơ hội nào để kiếm chác. Vụ án này quả là táo tợn nhất mọi thời đại. Bài học cho cả một quốc gia.

Gọi hồn

Berthe là bà vú giúp việc vợ chồng ông Chapuis từ hai chục năm nay. Giờ đây bà đã bẩy mươi lăm, trên đầu tứ thời chùm hụp tấm khăn ren theo kiểu các bà xứ Bretagne quê hương bản quán của vú. Có lẽ đêm ngủ bà cũng vẫn đội chiếc nón nhỏ xíu cứng đơ vì hồ bột như vậy. Dưới chiếc nón, nhăn nheo một lớp da khô đét, đôi mắt nhỏ tin hin hình đuôi nheo chằng chịt vết nhăn chân chim trên chiếc mũi khoằm, sống mũi cong queo. Tất cả từng ấy thứ được dựng trên chiếc gậy bằng xương cao một mét rưỡi lọt thỏm trong tấm váy đen.

Tuy xấu xí già nua như vậy nhưng bà vú Berthe có vinh dự được làm nhân chứng duy nhất đứng khai trước tòa. Không có bà vú già này, hậu thế chúng ta không thể biết tới vụ án kì lạ xảy ra hồi thập niên đầu tiên của thế kỉ XX này.

Hai ông bà chủ của vú Berthe sống trong ngôi nhà thôn quê rất đẹp ở Lionval vùng Marly. Ông Chapuis vốn là diễn viên kịch nghệ của Nhà Hát thủ đô Bruxelles nước Bỉ, sau khi nghỉ hưu ông quyết định dọn sang Pháp. Ông mang một chứng bệnh nặng từ ít lâu nay. Bà vợ cùng tuổi bẩy mươi hai với chồng, tận tụy ngày đêm nâng giấc, thuốc thang cho ông. Đôi uyên ương già rất yêu quí nhau, đến nỗi bà con cô bác quanh vùng nghĩ: ngày nào đó một trong hai người phải ra đi theo qui luật tự nhiên, không biết người còn lại sẽ làm cách nào sống nổi. Cảnh ngộ đó quả nhiên đã xẩy ra:

ngày 4 tháng Tám 1901, nghệ sĩ sân khấu Chapuis lặng lẽ ra đi. Nỗi đau của bà vợ thật không bút nào tả xiết.

Bà vú khai trước tòa:

– Bà chủ tôi khóc lóc thảm thiết, lặp đi lặp lại không ngớt rằng bà sẽ đi gặp ông chủ ở thế giới bên kia trong thời gian không lâu mấy nữa… Bà chủ gào lên: Đợi tôi với, ông ơi! Tôi cầu xin Chúa Lòng Lành cho tôi đi gặp ông đây…

Vú Berthe kể lại như vậy, vừa kể vừa khóc thút thít trước mặt các vị thẩm phán.

Vậy là ông Chapuis đã qua đời, để lại cho bà vợ góa một ngôi nhà rất đẹp tuy không lớn, vài khoản lợi tức, mấy tấm trái phiếu, một ít nữ trang, nhiều đồ gỗ quí…

Không đáng gọi là một tài sản kếch sù nhưng cũng đủ đảm bảo cho bà một cuộc sống sung túc an bình.

Bà vú Berthe vẫn ở lại bên bà chủ, hai người nương tựa vào nhau mà sống sau khi ông chủ ra đi. Một cuộc sống buồn…

Trong khi đó, bên thủ đô Bruxelles nơi quê gốc ông bà Chapuis, người bưu tá vừa mang tới nhà ông bà Martin tờ cáo phó. Do bà quả phụ Chapuis báo tin chồng chết cho người bạn cũ của mình khi bà còn ở Bruxelles.

Bà Martin nhũ danh Victorine là người vẫn được chỗ quen biết coi là nhanh nhạy, mưu trí. Nhận được tin buồn, bà bảo chồng:

– Bà bạn Chapuis thân mến thật tội nghiệp. Lúc này chắc đang cảm thấy cô đơn, mà càng cô đơn thì nỗi đau càng thấm sâu. Người ta thường nói: có bạn tốt ở bên thì niềm vui nhân đôi, nỗi buồn sẻ nửa… Tôi phải sang ngay bên đó, kịp thời nâng đỡ tinh thần bạn tôi.

Thực ra Victorine đã chờ đợi dịp này từ lâu. Ông Chapuis mà còn sống, có cho kẹo bà cũng không dám bén mảng tới nhà. Ông không ưa mụ già điên điên khùng khùng này, đã từng bắn tin: cấm cửa mụ già điên, không cho tới nhà. Công bằng mà nói, ông ta cũng có phần hơi quá đáng. Victorine già thì có già thật, năm nay đã ngót nghét bẩy mươi rồi, nhưng bảo bà ta điên thì sai to! Victorine không điên chút nào.

Ngày 10 tháng Tám, sáu ngày sau khi ông Chapuis qua đời, bà Victorine đổ bộ xuống ga Marly, dẫn bộ tới thôn Lionval thăm bà bạn thân góa bụa. Vú Berthe là người đầu tiên trông thấy vị khách tốt bụng đang trên đường đi tới nhà. Berthe tả chân dung bà khách như sau:

– Trông như con cú già quái đản, bận toàn đồ đen, gầy trơ xương như chó đói, khoác chiếc bị lép kẹp, y chang một con mẹ cầu bơ cầu bất.

Lời miêu tả của bà vú tuy rất hình tượng nhưng chưa thật chính xác: Victorine có bộ mặt quái đản thật, nhưng phải nói chi tiết hơn mới đúng: mụ có cái đầu của loại chim kên kên… Ai đã có dịp nhìn thẳng vào mặt chim kên kên thì có thể coi như đã thấy mặt Victorine. Hai mắt tròn xoe sít gần nhau trên chiếc mỏ, đồng tử màu đen pha lẫn ánh đồng thau nhìn vào đâu cũng chằm chằm gây bối rối; nước da ám khói, môi mím chặt, hai bàn tay nhợt nhạt có vuốt dài nhọn hoắt, thân hình gầy đét như bộ xương khô, dáng đi lập cập khật khừ như kẻ sắp chết đói… Hình dáng Victorine là như vậy.

Giữa Berthe bà vú nhăn nheo xứ Bretagne và Victorine con kên kên đáng lo ngại đang tới tỏ tình thân hữu, bà Chapuis mãi mãi là

một quả phụ tốt bụng nhưng vô cùng ngốc nghếch.

Ba bà già sống chung dưới mái nhà đã được một tuần, coi như một tuần nghỉ dưỡng sức sau cơn tang tóc.

Một tối sau đó, vào khoảng bảy giờ, vú Berthe mang trà lên phòng khách. Đột nhiên vú đứng khựng: cửa phòng đóng chặt. Chuyện lạ chưa từng xảy ra bao giờ. Bà vú lưỡng lự hồi lâu cuối cùng cho rằng vụ này rất đặc biệt nên vú cần có một quyết định đặc biệt: vú khom lưng nhìn trộm qua lỗ khóa.

Thực tình bà vú không có ý dò la rình mò gì, chỉ muốn xem thử chìa khóa có cắm đấy không. Vả lại nào có nhìn thấy gì ngoài bà chủ ngồi bên bàn và chiếc áo đen của Victorine gần bên.

Tuy tự nhủ không nên tò mò xấu thói, và đã hoàn toàn yên tâm thấy cả hai bà già đều hiện diện sau cánh cửa đóng kín, nhưng bất giác vú Berthe tự nhiên dán tai vào cánh cửa. Tuy mắt kém nhưng tai vú còn thính ra trò.

Có tiếng ai đó khác lạ, khản đặc đến kì cục vừa cất lên:

– Tôi là bác sĩ đây. Bà quả phụ Chapuis hãy nghe theo lời tôi khuyên bảo: nếu bà uống số rượu vang dưới hầm rượu, sức khỏe sẽ lâm nguy. Rượu cũ lắm rồi, phải đẩy hết đi mới được.

Lần đầu tiên vú già Berthe nghi ngờ đôi tai mình. Nào có thấy ai tới nhà, mà xưa nay vẫn thế chẳng có ai tới đây bao giờ. Thế nhưng rõ ràng trong phòng có ông bác sĩ vừa nói với bà chủ. Nghĩa là bà chủ mới ngã bệnh. Không có gì đáng ngạc nhiên, tim bà chủ mệt lắm, đuối lắm rồi…

Bà vú đập cửa, đập lần nữa. Sau mấy phút mới thấy mở, Victorine ló mặt ra

– Bà Chapuis không được khỏe. Vú đưa khay trà cho tôi rồi đi nghỉ. Cám ơn nha, chúc ngủ ngon.

Sáng hôm sau, ngôi nhà xưa nay yên tĩnh bỗng chộn rộn khác thường. Victorine xắn cao tay áo, tự mình chuyển hết số rượu vang trong hầm rượu nhà Chapuis ra xe, cẩn thận nâng niu từng chai một, chẳng mấy chốc cả trăm chai vang ngon trị giá một khoản tiền không nhỏ cho người biết thưởng thức đã theo chân Victorine rời khỏi nhà.

Quả phụ Chapuis đích thân đứng theo dõi việc dọn hầm rượu, vì thế vú Berthe cho rằng mình chẳng cần biết tại sao, để làm gì. Cũng chẳng cần nói cho rõ thêm: vú là người chất phác đến mức có thể gọi là đần.

Tối hôm sau, cũng khoảng bảy giờ, cửa phòng khách lại đóng chặt. Hôm sau nữa cũng vậy. Vú già "cù lần" đi từ ngạc nhiên này đến sửng sốt khác. Lần nào giỏng tai lên cũng nghe có tiếng đàn ông nói trong phòng. Và y như rằng sáng hôm sau Victorine lại mất mặt suốt ngày, bữa mang đi một chồng drap trải giường, hoặc một rương quần áo, một bộ bàn, ghế hoặc những bộ đồ ăn bằng bạc… Dần dần ngôi nhà trở nên trống rỗng. Chỉ có một bữa xẩy ra điều ngược lại (nếu có thể nói như vậy): Victorine từ một cuộc đi xa trở về, kéo theo chiếc xe chở hàng. Những thứ mụ mang về chẳng giống chút nào với những thứ đã chở đi. Một chiếc bàn lung lay, vài chiếc ghế tựa, một ghế bành cũ kỹ, chiếc rương cà tàng. Rõ ràng đồ đạc trong nhà đã đổi chủ, còn Victorine đang dọn tới ở mang theo đồ lề của mụ. Kế hoạch an ủi quả phụ Chapuis chắc chưa dừng lại ở đây.

Bà vú bắt đầu sinh nghi. Tuy không dám nói ra nhưng bà để ý theo dõi chặt hơn. Mãi một tối kia tính tò mò của bà mới được trả công.

Dán tai vào cửa phòng khách như mọi bận, Berthe nghe có tiếng đàn ông ồm ồm nói những điều kì lạ. Người đàn ông đó bảo bà Chapuis bằng giọng thân mật:

– Anh báo cho em một tin mừng. Em sẽ không sống qua năm1904 đâu. Em chuẩn bị dần đi thì vừa, thu dọn đồ lề và mọi công chuyện của em cho gọn.

Thật không tin nổi! Thật kinh khủng! Nhưng tai bà vú nghe rành rành tiếng ông Chapuis. Không sai mảy may. Tuy ông đã qua đời, đào sâu chôn chặt từ mấy tháng nay rồi. Bà Berthe kinh hoàng tới mức lần đầu tiên trong đời, bà dám chen vào một việc không phải của mình. Bà đập cửa hét toáng lên:

– Bà chủ! Bà chủ! Cứu tôi với! Sao tôi lại nghe tiếng ông chủ vừa nói thế này? Ma chăng? Hay tôi đang phát điên?

Berthe đập cửa dữ dội… Bà Chapuis ló đầu ra, dịu dàng bảo bà vú:

– Đúng đấy bác Berthe ạ. Đúng là ông chủ đang nói chuyện với tôi. Bà chớ la lên như vậy làm rầy chúng tôi quá. Nhưng thưa bà, ông nhà mất rồi cơ mà!

– Phải, ông chủ mất lâu rồi nhưng chính ông đang trò chuyện với tôi đấy, Berthe ạ. Bác làm sao hiểu nổi! Người đã khuất vẫn có khi hiện về nói chuyện với người sống đấy chứ. Bà Victorine biết cách làm những chuyện lạ đó. Nhờ bà ấy nên tôi gặp lại được ông nhà. Tối nào ông cũng về, ông khuyên bảo tôi đủ điều. Chẳng mấy chốc tôi sẽ đi theo ông sang bên kia thế giới…

Bà vú không khoái chuyện này chút nào. Đã thế, qua khung cửa mở hé bà còn thấy cặp mắt kên kên đang nhìn mình chằm chặp như muốn xuyên thủng người bà. Rồi giọng Victorine rít qua kẽ răng, giọng thường ngày của mụ:

– Bác Berthe nghe đây! Không được nói lộ cho ai biết, nhớ chưa? Từ nay bà chủ không tiếp khách, không tiếp bất cứ ai, nhớ chưa? Ông Chapuis dặn như vậy đó, nhớ chưa?

Trong phòng khách không có ai khác, ngoài hai bà già. Bà vú tuy cù lần nhưng rồi cũng thấy ngay đây là trò phù thủy. Chỉ bọn phù thủy mới sai khiến được người chết lên tiếng. Mà rõ ràng bà vừa nghe đúng tiếng ông chủ, không nghi ngờ gì cả, đúng tiếng ông Chapuis, trăm phần trăm.

Từ bữa đó, tối nào bà vú cũng nghe tiếng ông chủ nói trong phòng khách. Nghe mãi thành quen, không thấy sợ nữa. Cái gì chẳng thế, trước lạ sau quen, kể cả việc thấy chiếc bàn độc trong phòng khách xoay tròn dưới bàn tay hai bà già đặt hờ hờ trên mặt bàn. Chiếc bàn do Victorine mang tới.

Chỉ phiền một nỗi: bà vú không được phép tham gia các cuộc hội ngộ với người của thế giới bên kia. Ít bữa sau, cánh cửa phòng khách không lần nào hé mở cho bà nữa. Muốn nắm tình hình, Berthe chỉ còn một cách duy nhất: áp tai vào cánh cửa.

Nhờ vậy bà vú nghe lỏm được nhiều lời lẽ của ông chủ Chapuis. Hình như ông muốn nắm lại quyền cai quản mọi việc trong gia đình. Đôi khi ông tranh cãi khá kịch liệt với bà vợ. Sau này đứng khai trước tòa, nhân chứng Berthe tỏ ra khá sắc sảo khi bình luận chi tiết đó:

– Nghe hai ông bà cãi lộn tôi rất lấy làm lạ. Lúc sinh thời ông chủ bao giờ cũng ý hợp tâm đầu với bà chủ trong mọi việc. Vậy mà sau khi qua đời, không hiểu tại sao ông chủ lại trái tính trái nết thế. Hễ cất tiếng là khăng khăng đòi bà chủ phải làm khác hẳn ý của bà.

Để minh họa lời khai của mình, nhân chứng Berthe kể lại một mẩu đối thoại giữa hai vợ chồng: "Em không được gửi cổ phiếu trong ngân hàng nữa.

– Ủa, chính anh bảo em gửi mà!

– Nhưng bây giờ anh không đồng ý gửi nữa. Em phải bán hết, đưa tiền cho Victorine giữ giùm. Chị ấy biết phải dùng số tiền đó vào việc gì, anh đã hướng dẫn cẩn thận rồi. Em không thạo bằng chị ấy đâu."

Một đoạn đối thoại khác cũng do Berthe thuật lại:

"Nghe nói em định bán nhà mình cho cháu gái phải không? Rồi ở chung với nó?

– Ủa, thì chính anh trối trăng như vậy mà!

– Em không được lui tới họ hàng thân thuộc nữa. Và không được tới ở chung với cháu gái. Mỗi người có những thói quen riêng, em không hợp với chúng đâu!"

Một bữa kia, có một người lạ mặt do công chứng viên bà Chapuis giới thiệu tới mua nhà. Ngay tối đó, hồn ông Chapuis lập tức hiện về với vẻ không hài lòng. " Anh cấm không được bán nhà.

– Nhưng anh ơi… em muốn vào nhà dưỡng lão nghỉ cho đỡ vất vả…

– Không được, em phải ở đây. Ở đây anh mới về với em được. Lúc nào cũng có thể ở bên em. Em gọi một tiếng là anh tới liền. Đây là nhà em, em tự do muốn làm gì cũng được, khỏi phiền ai hết. Em đi nơi khác, anh làm sao tới với em?…”

Tuy đã thề độc trước bà chủ sẽ không hé răng nhưng thỉnh thoảng bà vú Berthe lại buột miệng nói lộ đôi tí với bà con chòm xóm. Một số bà con thực ra ít lâu nay đã thắc mắc vì thấy vắng bóng bà Chapuis ở nhà thờ và ngoài nghĩa trang, dù trước kia bà là con chiên rất ngoan đạo và luôn chăm chút mộ phần người chồng yêu quí.

Bà vú giải thích cho chòm xóm:

– Chính vì rất mực yêu thương chồng nên bà chủ tôi không ra mộ nữa… Tối nào cũng trò chuyện với ông chủ tôi trong phòng khách. Bà Victorine là cô dí gọi hồn ông chủ lên cho bà. Bà chủ tôi khen cô dí hết lời, chỉ cô ấy mới gọi được hồn ông chủ và khiến hồn nói được…

Dần dà Victorine nổi tiềng giỏi bói bài, giỏi khiến chiếc bàn ma, rồi trở thành thày phù thủy cả làng biết tài. Tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa, tiếng đến tai cô cháu gái bà Chapuis và anh chồng cô ta.

Hai vợ chồng lo quá, vội thu xếp công việc, tới Lionval coi thử tình hình bà dì ra sao. Berthe được lệnh không tiếp. Hai vợ chồng kiên nhẫn nài nỉ, cuối cùng đích thân bà Chapuis phải ra gặp:

– Chú không cho tôi gặp hai cháu. Mong các người để cho tôi yên. Chẳng mấy lúc nữa tôi phải chết, đi gặp chú dưới suối vàng. Vậy hai cháu đi về đi.

Bị đuổi thẳng như vậy, hai vợ chồng người cháu không biết làm gì khác hơn là tới gặp bác sĩ của bà Chapuis. Bác sĩ thấy chẳng có triệu chứng gì đáng ngại. Tim bà Chapuis có yếu thật, nhưng bác sĩ vẫn theo dõi đều, cho toa thích hợp với bệnh trạng. Tất nhiên ở tuổi đó mà mang bệnh tim, chuyện gì cũng có thể bất chợt xảy ra, biết sao được. Về mụ phù thủy Victorine, bác sĩ nói qua nụ cười độ lượng:

– Yên tâm đi, không có gì nguy hiểm đâu. Có khi cái bà phù thủy đó lại là niềm an ủi cuối đời của bà thím già đấy. Khiến cái bàn quay tròn đâu làm chết ai hồi nào? Nếu bà thím tin là được trò chuyện với ông chồng thì cứ để mặc, đừng ngăn trở. Ngăn trở có ích gì đâu? Dư luận về phép ma chước quỉ là những lời đồn đại thường thấy nơi thôn dã, đừng bận tâm.

Hiển nhiên, ngoài bà vú Berthe, mọi người chẳng ai hay biết gì về những lời đối đáp với hồn từ chín suối hiện về. Một điều nữa mà bác sĩ cũng không hay: bà Chapuis tuân lời chồng cấm không cho dùng những thứ thuốc bác sĩ kê toa nên không tới mua tại cửa hàng dược phẩm nữa. Cũng hợp lôgich thôi, vì bà đang cần chết thật mau để đi gặp chồng. Vậy dùng thuốc trợ tim làm gì nữa?

Các buổi trò chuyện xoay quanh đề tài này giữa người chồng khuất bóng và người vợ nôn nóng mỗi ngày càng cụ thể hơn:

– Em sắp gặp lại anh rồi đó. Trong mùa đông tới đây thôi. Làm di chúc ngay đi. Không được cho họ hàng một thứ gì. Cả chiếc dương cầm đã hứa cũng lờ đi. Họ phỉnh em đấy thôi. Anh ở trên cao kia, nhìn xuống trần gian rõ mồn một nên mới biết em cần ban thưởng cho ai…

Nhìn theo luồng mắt của hồn, thấy rõ nó hướng vào Victorine.

Ngày 20 tháng Chạp năm 1904, ngày bà vú Berthe kinh hoàng nhất trong ba năm nghe lỏm các cuộc đối thoại giữa bà chủ đang sống và ông chủ đã khuất. Berthe khai trước tòa:

– Ông chủ báo phải rục hết các chai lọ đựng thuốc độc đi. Trước đó tôi chưa lần nào nghe ông nói tới thuốc độc thuốc địa gì. Suốt ba năm, thưa tòa. Mà tôi đâu có làm việc gì khác ngoài việc nghe lỏm qua cánh cửa. Ông chủ nói: Anh đợi em… Một vài ngày nữa thôi.

Ngày 20 tháng Chạp 1904, lần đầu tiên từ buổi Victorine tới nhà, bà Chapuis ra đi từ sớm, lên xe lửa tới nhà Victorine ở Saint Germain. Bà làm gì tại đó, ăn uống những gì, bà vú đâu có biết. Bà không biết, thì tất cả mọi người đều không thể biết. Lúc đi, bà Chapuis có vẻ khỏe mạnh. Hai tiếng sau, bà trở về cũng bằng xe lửa, đi qua làng, vào nhà. Tối đó mọi người được tin: bà Chapuis đột tử.

Được bà con chòm xóm cho hay, sáng hôm sau hai vợ chồng cô cháu tới nơi. Thấy bà vú thì đầm đìa nước mắt, còn Victorine ngồi nhấm nháp cà phê, thấy ngôi nhà trống rỗng, ngoài mấy món đồ nát bấy của Victorine mang tới.

Nhà đã bán xong. Bán cho Victorine.

Hai vợ chồng cô cháu phát đơn kiện Victorine về tội lừa đảo, giết người.

Berthe khai với cảnh sát tất cả những điều nghe được trong ba năm qua. Cảnh sát phải rất kiên nhẫn gặng hỏi, chắp các mẩu khai rời rạc và đôi khi lộn xộn. Rồi xét nhà. Và thấy rất nhiều, rất nhiều chai lọ đựng nhiều loại thuốc độc dưới đống tro lò sưởi, dưới bàn cầu, chôn ngoài vườn…

Mụ Victorine gân cổ cãi:

– Tôi không giết. Thứ các ông bảo là thuốc độc chỉ là thuốc trị bệnh cho bà bạn tôi. Đồ đạc tôi không tự ý lấy, mà do bà bạn tặng tôi. Nhà này do tôi bỏ tiền mua.

Giấy bán nhà đây, đúng thủ tục, đúng luật.

Giấy viết: ngày 19 tháng Chạp 1902 bà quả phụ Chapuis bán đứt cho bà Victorine Martin ngôi nhà tọa lạc tại Lionval với giá mười ngàn frăng. Đã trả hết tiền và trả ngay trước khi giao nhà, không có công chứng viên chứng kiến.

Không có công chứng viên chứng kiến, là một căn cứ để buộc tội Victorine.

Hơn nữa, khi giải phẫu thi thể bà Chapuis, bác sĩ pháp y kết luận: bà chết vì suy tim, và trong cơ thể có dấu hiệu ngộ độc.

Tòa xử Victorine tù chung thân. Không biết trong xàlim, mụ có gọi hồn bà Chapuis lên để giãi bày oan ức không. Điều này không ai biết, vì bà vú Berthe đâu có điều kiện dán tai vào cửa xà lim để nghe lén nữa.

Phiếm luận:

Nạn nhân vụ này vừa đáng thương vừa đáng trách. Đáng thương vì bà vẫn quyến luyến không nguôi người chồng đã qua đời. Đáng trách vì bà đã quá mù quáng, ý đồ mụ Victorine chiếm đoạt tài sản của bà đã rõ như ban ngày mà bà không phát hiện ra.

Hám mua xe trả góp

Maurice chủ một tiệm rượu nhỏ là một con người của hành động, nghĩa là loại người đã thích cái gì thì nhất quyết tìm mọi cách có cho bằng được, dù có phải trả giá bao nhiêu cũng không từ.

Trong tất cả những thứ anh ta mê, mê nhất là chiếc xe hơi ngoại hạng kiểu Đức. Không đêm nào Maurice không mơ thấy mình ngồi sau tay lái chiếc Turbo mới tinh khôi, đẹp như tuấn mã, mạnh mẽ như tên lửa, sang trọng như căn phòng khách sạn 5 sao… Đôi khi giật mình tỉnh giấc, tuy mặt mũi ngơ ngác như người mất hồn nhưng hai tay vẫn nắm chặt chiếc gối tuồng như đang ôm tay lái chiếc xe vừa có trong mơ. Mê tới mức đó, nhưng vẫn chưa sao kiếm ra, vì giá xe quá cao không vừa túi tiền anh ta.

May sao thời cơ chợt đến. Một người bạn báo cho Maurice biết đang có chiếc xe Đức bán với gía rẻ, và lại được trả góp nữa!

Maurice đi dọ giá, rồi nhờ hết người sành điệu này đến thợ chuyên môn kia tới xem xe. Và nghe họ tấm tắc khen: xe rất tốt, người bán ra giá chiếc Porsche 965 Turbo II này chỉ có 759.000 frăng là quá rẻ. Tất nhiên với giá này, không thể mơ tới một chiếc xe đập thùng, nhưng đồng hồ cây số chiếc Porsche 965 Turbo II này mới đứng ở con số 8.000km, tạm coi như nó mới qua thời kì rôđa chút ít, chưa nhằm nhò gì. Đã vậy, trong năm đầu, mỗi tháng chỉ phải trả có 9.000 frăng, sau đó mỗi tháng trả 18.000 frăng, chả thành vấn đề! Maurice mím môi chơi luôn.

Khốn nỗi, sự đời diễn ra không phải bao giờ cũng suôn sẻ như ta dự tính. Vì thế mới có câu "mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên." Sau một thời gian ngắn được hưởng thú chạy xe quá tốc độ trước những cặp mắt thất kinh hoặc thán phục, bỏ lại phía sau những lời ca ngợi nồng nhiệt hoặc những câu chửi rủa thậm tệ, Maurice đã nhận ra rằng kế hoạch trả góp xem chừng khó thực thi. Bởi lẽ thu nhập hàng tháng từ tiệm rượu thì ít mà các khoản chi phí thì quá nhiều. Ngoài tiền chi ăn, chi thuê nhà mặt tiền, chi học hành cho mấy đứa con, chi thuế má là những khoản trước nay vẫn phải giật gấu vá vai mới đủ, nay lại thêm tiền xăng nhớt, tiền thuê gara, tiền bảo hiểm, tiền bảo dưỡng định kì chiếc xe mới tậu, rõ ràng quá khả năng chịu đựng của ngân sách. Phải cấp tốc tìm ra giải pháp trước khi sập tiệm. Giải pháp hợp lí nhất mà Maurice nghĩ tới trước tiên tất nhiên là giải pháp đẩy xe cho người khác. Nhưng kiếm đâu ra người sẵn sàng bỏ ra một lúc 759.000 frăng mua chiếc xe đã qua tay hai đời chủ? Ngay dân cò xe chuyên nghiệp cũng không thể thực thi nổi phi vụ này.

Maurice suy tính nát óc. Ai là người có khả năng chi món tiền lớn như vậy? Ai là người anh ta có quyền đòi số tiền đó một cách hợp pháp?

Không thể là ai khác, đó là công ty bảo hiểm!

Mua loại xe sang trọng thế này, đương nhiên Maurice đã đóng bảo hiểm rồi. Giờ đây, muốn lĩnh tiền anh ta phải chứng minh xe bị tai nạn… Tai nạn gì? Khai là xe bị kẻ nào đó đốt cháy ư? Nếu thế, phải có chiếc khung xe cong queo dúm dó, đen sì. Nhưng Maurice không đang tâm đốt chiếc xe quá đẹp của mình. Khai xe bị đánh cắp xem ra có vẻ dễ nghe hơn. Ai chả biết loại xe sang trọng này từ lâu vốn là đối tượng ưu tiên của dân "quái xế". Chúng lập

thành những băng chuyên nghiệp từ A đến Z: lấy trộm, đục số, tân trang, làm biển số giả rồi mang đi tiêu thụ tại những xứ sở tận đâu đâu trên Trái Đất, tài thánh cũng không tìm lại được.

Tóm lại: khai xe bị lấy cắp là hợp lí nhất.

Tuy nhiên vẫn có một vấn đề nho nhỏ: xe đã bị đánh cắp thì phải biến mất tăm trước mọi người, không một ai trông thấy nó nữa. Vậy thì phải đem giấu thật kín, giấu tới khi nào công ty bảo hiểm chịu chi. Chỗ giấu hợp lí nhất: dưới đống rạ.

Giấu xe xong Maurice dẫn bộ tới công ty bảo hiểm, mếu máo xuất trình đủ hai bộ chìa khóa để chứng minh lòng thành của khổ chủ: không có tên đồng phạm nào được khổ chủ ủy quyền lái chiếc Porsche 965 Turbo II chạy đi biệt tăm.

Nhân viên công ty bảo hiểm không dễ tính như Maurice mong đợi. Ông ta không chịu viết séc chi tiền bồi thường mà báo cáo vụ việc lên cấp trên. Cấp trên của ông ta cũng không tỏ ra sốt sắng, thành thử Maurice phải chờ. Chờ khá lâu, vì những ngày chờ lĩnh tiền bao giờ cũng dài dằng dặc trong khi công ty bảo hiểm lại thấy là ngắn, vì họ không thích kí những tấm séc loại đó.

Chờ mãi Maurice đâm hoảng. Không chừng cảnh sát sẽ mở cuộc điều tra, sẽ bới tung tất cả mọi cây rơm trong vùng và phát hiện chiếc xe! Phải làm nó biến đi một chỗ nào kín đáo hơn…

Maurice được anh bạn chí cốt Roland mách nước, cả hai cùng tới gặp chủ một doanh nghiệp chuyên cho mướn các loại máy thi công công trình loại nặng. Ông này chẳng cần vặn hỏi lôi thôi, nhận ngay 6.000 frăng tiền Maurice thuê chiếc máy xúc trong một ngày đêm. Đây là loại máy cỡ lớn, có thể ngoạm mỗi mẻ 10 mét khối.

Roland ngồi vào buồng lái, Maurice gài số lùi đưa chiếc Porsche 965 Turbo II ra khỏi đống rạ. Chờ tới tối, mỗi người đi theo một đường đến bờ con vực sâu giữa cánh rừng công. Chiếc Porsche 965 Turbo II lao xuống vực, máy xúc nhanh nhẹn xúc quanh đó dăm gầu đất đá trút xuống chiếc xe bóng lộn lấp lánh ánh sao đêm. Chỉ trong vài phút mọi việc đã xong xuôi.

Từ sau bữa đó Maurice liên tục hối thúc công ty bảo hiểm kí tấm séc bồi thường chiếc xe bị đánh cắp. Càng ngày anh ta càng tỏ ra hung hăng, hết gọi điện thoại lại gửi thư bảo đảm tới công ty. Rồi làm đơn kiện gửi lên viện kiểm sát.

Chiếc Porsche 965 Turbo II đã biến mất tăm, mọi cuộc điều tra lùng sục đều không tìm ra dấu vết nào, chuyến này công ty bảo hiểm có mà chạy đằng trời! Maurice hí hửng…

Khốn nỗi anh ta là chủ một tiệm rượu, mà đã đứng chủ một tiệm rượu thì tất nhiên có nhiều bạn bè mà cũng không ít kẻ thù. Nhất là khi giữa các quan hệ thân hữu lại có bóng dáng các cô gái xen vào. Các cô có thể làm cho bạn bè chí cốt gây gổ cãi lộn nhau, thù ghét nhau đến xương tủy.

Maurice tuy khôn nhưng chẳng ngoan, đáng lẽ không nên tranh giành cô gái tóc nâu với Roland thì lại phạm sai lầm nghiêm trọng.

Roland là gã có đầu óc kinh doanh rất nhậy bén nên gã tính nước cờ cao, vừa rửa được hận tình vừa kiếm chác đầy túi. Gã viết cho công ty bảo hiểm mấy chữ:

“Nếu quí ông sẵn lòng trả tôi khoản tiền thưởng 75.000 frăng (tức một phần mười giá trị chiếc xe Porsche 965 Turbo II), tôi sẽ chỉ chỗ giấu chiếc xe của Maurice M.”

Nhận được hồi âm của công ty bảo hiểm, Roland chạy ngay tới chỗ hẹn, trong đầu đã có sẵn kế hoạch chi tiêu khoản tiền thưởng sắp lĩnh. Nhưng thay vì 75.000 frăng lại là… chiếc còng số 8 còng hai tay gã.

Roland đành thú nhận mọi điều. Bây giờ đến lượt cảnh sát đi thuê xe xúc, làm lại mọi việc theo chiều ngược lại và phải hết sức gượng nhẹ. Sau hai tháng nằm dưới địa ngục, chiếc Porsche 965 Turbo II đã bị hư hại nặng: tróc sơn, móp mui, nệm ghế rách nát…

Maurice không có cách gì gỡ tội lừa đảo. Một ngày tháng Bẩy năm 1992, đúng ngày đáng lẽ đại diện công ty bảo hiểm phải ra trước tòa dân sự để nghe phán quyết phải bồi thường cho vị khách hàng bị mất xe thì lại là Maurice phải đứng trước tòa tiểu hình nhận bản án bồi thường các khoản tiền mua xe còn thiếu, tiền án phí cộng với 300.000 frăng tu sửa chiếc Porsche 965 Turbo II.

Và không được trả góp!

Phiếm luận:

Người "hưởng thụ theo mức mình làm ra" mới là người khôn ngoan.

Hệ thống chữa cháy tuyệt vời

Hai vợ chồng ông Campbell ở thành phố San Diego bang California rất hài lòng: ngôi biệt thự mới của họ đã hoàn tất, mọi mặt đều đáp ứng đầy đủ ý nguyện của họ: phong cảnh xung quanh rất đẹp, hàng cây bao bọc biệt thự đã trồng xong, bể bơi họ mong ước từ lâu đã đầy nước trong leo lẻo. Mọi trang thiết bị về cấp thoát nước, điện chiếu sáng, hệ thống máy gia dụng đều vận hành trơn tru không chê vào đâu được, chim hót véo von trong mảnh vườn xinh xinh, chú chó và chị mèo đã vào vị trí, hai chiếc xe hơi đậu thoải mái trong gara, mấy đứa con đã được nhận vào ngôi trường tốt nhất thành phố, công việc của ông Campbell đang thuận buồm xuôi gió… Tóm lại, mọi thứ đều hoàn hảo.

Tuy thế, sáng nay lúc nhóm lò nướng thịt đặt ngoài hàng hiên ông Richard Campbell đã dại dột làm một điều không bao giờ được làm: do nóng ruột muốn than bắt lửa nhanh ông tưới cồn vào lò. Một luồng lửa to đùng phụt ngay lên tới tận bancông trên gác, làm mấy bông hoa glixin trên đó cháy xém. May quá, không xảy ra hỏa hoạn, không gây nguy hiểm cho ngôi nhà mới xây, cho chủ nhân đứng làm đầu bếp, thậm chí cả mấy khoanh cốt lết cũng không hề hấn gì.

Nhưng sau sự cố, cả hai ông bà Campbell đều lo lắng: họ vừa nhận ra lỗ hổng to đùng trong niềm hạnh phúc lớn lao tưởng như đã tròn đầy của họ. Hai vợ chồng mở ngay cuốn danh bạ điện thoại,

ghi hết tên tuổi địa chỉ của các công ty chuyên lắp đặt hệ thống an toàn báochữa cháy.

Trong mấy ngày sau, nhiều đại diện các công ty đó tới ngôi nhà thơ mộng của vợ chồng Campbell, tay cầm thước đi đo đạc khắp các căn phòng, từ dưới tầng hầm cho chí tầng kho, vừa tính toán vừa giải thích kế hoạch lắp đặt hệ thống báo cháy chữa cháy hoàn toàn tự động. Những họng nước gắn trên trần từng phòng sẽ trút nước xuống dập tắt mọi nguồn bắt cháy trong vài phút dù là chất cháy gì. Lẽ đương nhiên, nếu sự cố đó xẩy ra, gia chủ sẽ tốn công phơi phóng một số đồ vật, bàn ghế, nhưng nắng California hào phóng sẽ nhanh chóng làm mọi thứ trở lại bình thường. Máy hút nước sẽ làm khô ngay các tấm thảm trải sàn v.v…

Đọc kĩ tất cả các dự án được đại diện các công ty đưa ra chào hàng, vợ chồng Campbell đặc biệt chú ý tới một dự án rất hấp dẫn. Bản dự án chi tiết hơn, giải thích cặn kẽ các thiết bị kĩ thuật sẽ sử dụng, và yếu tố quan trọng nhất: giá cả hạ hơn các nơi khác. Ông Campbell giao trách nhiệm cho công ty đó, công ty Hutchinson. Ông ứng trước một khoản, sau bốn mươi tám giờ, người của công ty kéo tới khởi sự công trình. Ông giám đốc công ty Hutchinson gợi ý: gia chủ nên vắng mặt khi họ tiến hành công việc, bởi lẽ không có gì khó chịu bằng việc phải suốt ngày nghe tiếng búa nện, tiếng máy khoan gầm rú, phải sống trong cảnh lộn xộn bừa bãi khó tránh khỏi.

Hai vợ chồng Campbell đều đi làm nên không phải chịu đựng những phiền toái đó. Mỗi chiều tối trở về nhà, họ đều thấy nhà cửa được dọn dẹp sạch sẽ, không hề có dấu vết sửa sang đập phá, đúng như giám đốc công ty Hutchinson đã cam kết. Mấy nhà hàng xóm đã thuê công ty này lắp đặt hệ thống phòng chữa cháy đều tỏ ra

hài lòng với cung cách tổ chức thi công của họ: rất khoa học, gọn gàng, sạch sẽ, làm đâu dọn đấy. Hàng xóm còn mời hai vợ chồng Campbell tới nhà uống vài li và tham quan hệ thống đã gắn trong nhà họ. Tham quan xong, cả hai vợ chồng Campbell đều hể hả. Hệ thống thiết bị xem ra có vẻ cực kì hoàn hảo. Khi lên giường nằm, cả ông lẫn bà Campbell bỗng dưng bật cười khúc khích: lúc tham quan tự dưng không ai bảo ai mà cả hai vợ chồng đã có chung một ý nghĩ tức cười: định đề nghị các vị hàng xóm dễ thương cho hệ thống thiết bị của họ chạy thử xem sao.

Lẽ dĩ nhiên ý nghĩ đó không hề được nói ra. Ai lại đề nghị hàng xóm của mình dìm phòng khách ngập dưới nước để "xem thử các thiết bị hoạt động thế nào".

Vài ngày sau công trình đã hoàn tất. Vợ chồng Campbell kí biên bản nghiệm thu, thanh toán hết mọi khoản còn thiếu của công ty Hutchinson. Rồi mở tiệc rượu khoản đãi hàng xóm, cả những người đã lắp và những người chưa lắp thiết bị phòng chữa cháy, có ý muốn khoe hệ thống công trình hiện đại mới toanh của nhà mình. Nào họng nước bên ngoài nhà, nào đầu tưới trên trần các căn phòng, nào máy điện tử báo khói, bảng điều khiển đặt ở một vị trí chiến lược…

Một ông nhỏ con thích đùa máy mồm đề nghị cho chạy thử xem hiệu quả đến đâu. Bà Campbell vội ré lên:

– Chết chết, đừng nghịch dại! Cả nhà sẽ bị dìm trong nước!

Các vị khách mời đều khoan khoái cười vui. Ông Campbell nói tiếp:

– Kể cũng không đắt. Tất cả chỉ tốn có năm ngàn đô…

Sau chuyến này công ty Hutchinson nhận thêm được nhiều đơn đặt hàng trong vùng. Hàng xóm nhà Campbell đã ghi kĩ địa chỉ, số điện thoại của công ty.

Thật không may cho Campbell và tất cả các khách hàng của công ty Hutchinson. Giá như bữa khánh thành công trình, ông khách nhỏ con thích đùa cứ nằng nặc đòi: cho hệ thống phòng chữa cháy chạy thử thì hay biết mấy! Xui xẻo đã đến với gia đình Campbell: hỏa hoạn xẩy ra, thiêu rụi toàn bộ ngôi nhà thơ mộng. Đến lúc ấy mọi người mới nhận ra: tất cả chỉ là giả tạo, từ đường ống cấp nước đến vòi phun trên trần nhà, bảng điều khiển siêu nhậy và máy điện tử ngửi khói… tất cả đều là trò bịp bợm.

Lão giám đốc ranh ma của công ty Hutchinson đã tính toán rất trúng: tất cả những người gắn hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động trong nhà đều không bao giờ, vâng, tuyệt đối chẳng bao giờ nghĩ tới việc cho chạy thử.

Nhưng đi đêm có ngày gặp ma, sau vụ cháy nhà Campbell, giám đốc công ty Hutchinson đã bị bắt và bị lôi ra tòa lĩnh án tù. Trong một nhà tù không gắn thiết bị báo chữa cháy tự động.

Phiếm luận:

Dù việc kiểm tra thiết bị, dịch vụ… có làm bạn mang tiếng là "kỹ tính" thì vẫn cứ nên làm.

Hứa hẹn từ châu Phi

Năm 1993, nhiều hãng ở vùng tây nam nước Pháp liên tục nhận được những bức thư lời lẽ rất nghiêm túc từ Niger hoặc Zaire hoặc một nước châu Phi nào đó gửi tới. Thư viết bằng tiếng Anh, kê một dãy dài số điện thoại, số fax và báo cho người nhận biết: một nhân vật quan trọng và gần gũi với chính quyền nước gửi lá thư đang tìm một tài khoản bên Pháp để rất kín đáo gửi nhờ vào đó trong thời gian cực ngắn số tiền ba chục triệu đôla Mĩ.

Tuy thư không để lộ nhưng người nào tinh ý sẽ đoán biết ngay rằng đây là những đôladầu mỏ. Và nếu thấy đề nghị có vẻ tử tế này hấp dẫn mình, người đó sẽ bằng mọi cách phúc đáp càng nhanh càng tốt. Người có tài khoản cho gửi ba mươi hai triệu đó sẽ hưởng hoa hồng bằng 30 phần trăm tiền gửi, tức khoảng hơn 100 tỉ VNĐ. Mọi việc sẽ được tiến hành hết sức bí mật, không một ai, nhất là cơ quan thuế biết được.

Nhận được thư, nhiều người xé ngay quẳng vào thùng rác, một số khác báo cho cảnh sát kinh tế. Nhưng không ít người vì ngây thơ và hám lợi nên đã thử trả lời bằng thư gửi tới một hòm thư. Vài ngày sau, họ nhận được cú điện thoại chỉ dẫn các thủ tục chuyển tiền. Thủ tục rất đơn giản, rất lôgic: để chứng tỏ thiện ý của mình và bù đắp một phần nhỏ chi phí cho hoạt động tiền tệ này, người đó cần gửi tới một tài khoản ở Niger, ở Zaire hoặc một nước châu Phi khác một số tiền nho nhỏ. Rất nhỏ, gần như có tính chất tượng

trưng, nhưng như người ta thường nói "tích tiểu thành đại", nhiều dòng suối nhỏ họp thành những con sông lớn. Sau khi đóng tiền, vị chủ tài khoản hào hiệp sẽ chẳng bao giờ nghe nói tới số tiền mình đã đóng cũng như số tiền ba mươi hai triệu đôla kia nữa.

Quả lừa kiểu này có thể đến từ châu Phi mà cũng có thể từ bất cứ nước nào khác vì bọn gian hoạt động trên khắp thế giới. Interpol vừa bắt giữ sáu tên người Nigéria đã lừa của người Pháp lấy sáu triệu frăng. Thông tin mới nhất cho biết mánh bịp được gọi là "quả lừa kiểu châu Phi" này xuất hiện từ 1984. Và không chỉ ở Phi và ở Pháp mà trên khắp thế giới đều có những nhóm lừa đảo có hòm thư riêng thường xuyên gửi những đề nghị cực kì lố bịch nhưng hấp dẫn cho những người được chúng chọn kĩ.

Tuy phần đông những lá thư lừa bịp đó bị vứt vào sọt rác, song đồng thời vẫn có một số kẻ ngu trên thế giới hồi đáp thậm chí nộp tiền cho bọn chúng, nên khó thống kê đầy đủ, nhưng chỉ tính riêng trong vài tháng cuối năm 1993, các cơ quan của Interpol đã ghi nhận được bốn ngàn lá thư loại này.

Phiếm luận:

Đây là một chiêu lừa cũ rích, tuy nhiên bọn lừa đảo vẫn thành công. Cho nên vẫn cần chép lại ra đây, như một lần nhấn mạnh, bạn ghi nhớ nhé!

Kẻ mạo danh hợp pháp

Jim Allyson, chủ trại chăn nuôi ở San Gregorio, một thành phố nhỏ của California, đang ngồi trên lưng ngựa giám sát các trại viên dồn gia súc vào những khu chuồng rộng rào kín. Khoảng nửa tá người chăn bò đang hò hét vung roi phân luồng đàn gia súc. Bỗng đàn bò ở cổng một khu trại ứ lại, lồng lên, dẫm đạp lên nhau rống ầm ĩ.. Jim Allyson phóng ngựa như bay về phía đó.

– Thằng khốn nào làm ăn đoảng thế?

Một gã gầy ốm khoảng ba lăm tuổi bị đàn bò ép kín bốn bề vội dướn cao đầu để lộ bộ mặt hốt hoảng.

– Không phải lỗi tại tôi, thưa ông chủ…

Jim Allyson tỏ vẻ tức giận.

– Vẫn mày hử Williams? Mày vẫn cứ mãi mãi là đồ vô tích sự thế sao? Liệu mà dẹp cho yên rồi đi chăm sóc con ngựa giống.

Gã vừa được gọi đích danh không dám cãi nửa lời, cắm đầu lo sửa sai. Của đáng tội, dáng vẻ gã quả là chậm chạp, bộ mặt đần đần, chẳng có một nét nào dễ nhìn, thuộc loại người chẳng đáng gì.

Tuy Williams Laurens băm lăm tuổi là người làm công lâu năm nhất cho đồn điền Allyson, tới đây làm đã mười bốn năm, khi gã ta mới hăm mốt. Gã từ đâu tới? Trước đó làm gì? Chẳng ai hay. Dù sao, chắc cũng chẳng có gì đặc biệt, cứ nhìn dáng vẻ, cách ăn ở của gã là đủ biết. Trong khi các người chăn bò khác chỉ làm ở đây ba

bẩy hăm mốt ngày rồi bỏ đi, Williams Laurens lại tỏ ra khoái cái công việc cực kì nhàm chán, vô vị này. Gã ngủ trong gian nhà hẹp ngay trong trại, ngoài giờ đi chăn bò, hầu như không bao giờ thò mặt ra ngoài…

Hò hét một lúc khàn cả cổ cuối cùng Williams Laurens cũng dồn được đàn bò vào chuồng. Gã quay ngựa phóng tới chuồng chú ngựa đực giống. Tuy ngồi trên lưng ngựa, trông Williams Laurens vẫn chẳng ra sang trọng hơn: thân hình ngắn ngủn, chân vòng kiềng, tóc vàng cắt bốc, má đầy tàn hương, phảng phất đôi nét của loại trẻ vị thành niên. Lúc này gã đang nghĩ gì? Làm sao biết được! Có thể gã nghĩ con ngựa đang cưỡi là ngựa cái, phải dè chừng khi đến gần thằng ngựa đực giống. Nên gã mím môi nắm chắc dây cương. Nhưng con ngựa bất thình lình chồm lên rồi đá mạnh hai chân sau. Williams Laurens bị hất tung khỏi lưng ngựa, cắm đầu lao xuống đất. Gã nằm bất tỉnh…

Williams Laurens được đưa vào bệnh viện. Các bác sĩ cho biết vết thương khá nặng nhưng không nguy hiểm đến tính mạng. Sau vài chục phút hôn mê, Williams tỉnh dần. Gã vẩy tay gọi cô y tá. Cô y tá trấn an:

– Không sao đâu. Anh chỉ bị ngã ngựa thôi.

Nhưng cô bất giác lùi lại, mở to hai mắt kinh ngạc. Williams Laurens nhổm ngay dậy, nhìn chằm chặp vào cô bằng đôi mắt ảo giác:

– Mang bút vẽ cho tôi!

– Anh bảo sao?

– Mang cho tôi những chiếc bút vẽ. Cả màu vẽ, vải vẽ, giá vẽ.

Cô y tá nhìn anh ta, thoáng mỉm cười.

– Vâng, tôi sẽ kiếm cho anh. Chờ nhé, tôi trở lại liền…

Cô ta nói vậy, nhưng khi trở lại cô không mang theo bút vẽ, giá vẽ mà đi cùng bác sĩ Sheppard chủ nhiệm khoa đang phiên trực. Bác sĩ nhìn Williams Laurens với vẻ lo ngại.

– Không nên cử động quá nhiều, anh bạn Williams thân mến!

Williams Laurens càng lồng lộn dữ.

– Bút đâu, hử? Bút vẽ của tôi đâu?

Bác sĩ Sheppard rỉ tai cô y tá: chích cho bệnh nhân một mũi thuốc ngủ. Khi Williams Laurens đã mê man không biết gì nữa, bác sĩ gật gù.

– Chụp X quang không phát hiện tổn thương sọ não nên tôi không nghĩ tình trạng bệnh nhân có thể diễn biến như thế này. Nhưng một cú ngã cắm đầu xuống đất thì…

Một tuần đã qua. Bác sĩ Sheppard vào phòng Williams Laurens, mang theo tập hồ sơ bệnh án. Bác sĩ liếc qua hồ sơ một lần nữa, nhưng vẫn không sao hiểu nổi. Tất cả các xét nghiệm đều cho kết quả bình thường. Bệnh nhân không sốt, ăn ngủ được. Hơn nữa, anh ta vốn dĩ là người có thể trạng rất tốt, chỉ từ sau khi ngã ngựa mới có biểu hiện khác thường tuồng như bị một điều gì đó ám ảnh. Bác sĩ hỏi:

– Bữa nay thế nào, anh bạn?

– Tôi muốn vẽ.

– Tự dưng tại sao anh bạn lại thích vẽ?

– Để biết tôi là ai. Chỉ khi nào ngồi trước giá vẽ tôi mới biết rõ mình là ai. Không biết thì chịu không thấu. Bác sĩ có thấy khi không biết rõ mình là ai thì ta chịu không thấu sao?

– Anh là Williams Laurens chăn bò cho ông chủ Jim Allyson chứ là ai nữa?

– Williams Laurens hử? Nó là thằng cha căng chú kiết nào vậy? Tôi mà đi chăn bò ư? Ông không đùa đấy chứ? Bác sĩ Sheppard phân vân không hiểu. Bệnh nhân tiếp:

– Tôi van bác sĩ! Hãy giúp tôi tìm ra chính tôi. Nó đang núp ở một góc nào đó trong kí ức nhưng tôi không tự mình nắm bắt được.

Bác sĩ Sheppard càng bối rối tợn. Cách diễn đạt của bệnh nhân, các từ ngữ và cú pháp anh ta sử dụng rõ ràng không phải lối nói của một anh chăn bò. Bác sĩ thấy cần tìm hiểu cho ra nhẽ… Tình cờ ông cũng là một họa sĩ nghiệp dư nên có sẵn mọi thứ cần thiết. Ông nhẹ nhàng vỗ vai Williams Laurens.

– Được. Mai anh sẽ có những thứ anh cần.

Hôm sau, bác sĩ được cô y tá giúp một tay, mang vào phòng bệnh một giá vẽ, một tấm vải to đùng, một bó bút và bảng thuốc màu. Williams Laurens vừa trông thấy đã nhẩy cỡn lên mừng rỡ reo to:

– Đưa tôi! Đưa cho tôi nhanh lên!

Bác sĩ Sheppard nhìn bệnh nhân tíu tít chuẩn bị.

– Anh định vẽ gì? Cảnh vườn ngoài kia, hay chân dung cô y tá này?

Williams Laurens cười gằn.

– Tôi vẽ cái không hiện hữu tại đây.

Gã chăn bò cuống quít trước giá vẽ, quệt những mảng màu thật lớn thật đậm lên vuông vải trắng. Thật kì lạ, gã không bôi bác lung

tung mà đang tạo ra những hình ảnh đẹp. Rất đẹp. Thậm chí… tuyệt vời!

Bức tranh vẽ cảnh một sân khấu chói chang ánh điện, phía xa một tốp vũ nữ đang trình diễn điệu múa cancan, ở cận cảnh là một đám ông lớn mặc áo đuôi tôm đội mũ cao thành. Trông sống động như thật, từ dáng điệu các nhân vật đến ánh sáng màu sắc đều rất đẹp. Đúng là… Phải, đúng như Williams Laurens vừa kí tên ở góc dưới bên phải bức tranh: đúng là bút pháp tài tình của ToulouseLautrec! (Henri De ToulouseLautrec họa sĩ người Pháp, 18641901, chuyên vẽ tranh tả các cảnh biểu diễn tạp kĩ, các tụ điểm giải trí, là một trong những người sáng lập trường phái tranh áp phích hiện đại. Một số tác phẩm của ông hiện đang trưng bày trong viện bảo tàng thành phố Albi, quê hương ông.)

Williams Laurens buông mình xuống giường, vẻ như kiệt sức.

– Tốt. Tôi biết tôi là ai rồi.

– Không lẽ anh lại là…

– Xóm Montmartre… Cối XayĐỏ… nhớ ra tất cả những nơi tôi đã từng tới vẽ rồi… Thôi nhé, tôi xuất viện đây. Có nhiều việc để làm lắm!

Gregor O'Brady gõ cửa một căn nhà nhỏ bám cheo leo vào con đường phố dốc nghiêng tạo nên vẻ hấp dẫn riêng của thành phố San Francisco. Xưởng vẽ này quả là đắc địa, chủ nhân của nó chắc đòi cátsê rất cao. Nhưng Gregor O'Brady không ngại, anh ta đã lui tới xưởng vẽ các nhà danh họa đến mòn cả gót giày rồi. Gregor O'Brady là chủ phòng trưng bày tranh lớn nhất California.

Williams Laurens ra mở cửa. Cặp mắt họa sĩ vằn tia máu nhưng đầy cảm hứng, râu ria lởm chởm, thở ra mùi rượu nồng nặc. Gã

buôn tranh tự giới thiệu rồi vào chuyện:

– Rất sung sướng gặp người đang được cả San Francisco ca ngợi: ToulouseLautrec tái sinh. Williams Laurens càu nhàu:

– Anh muốn gì thì nói ngay ra. Nhanh lên!

Gregor O'Brady thân hình phốp pháp, bộ mặt giảo hoạt gật gật đầu.

– Tôi cũng y hệt anh, không muốn phí thì giờ. Nên xin đi thẳng vào vấn đề. Bản thân tôi không tin chuyện người chết tái sinh, tuy thiên hạ rất tin. Anh có biệt tài bắt chước ToulouseLautrec. Các bức tranh của anh sẽ không có giá như tranh thật đâu, nhưng cũng khơ khớ. Anh hãy cho tôi độc quyền đứng bán, tôi sẽ biến anh thành phú ông.

Williams Laurens vẫn như đang chìm đắm trong nguồn cảm hứng mãnh liệt khó cưỡng. Tuồng như không nghe thấy gì, chỉ đáp cộc lốc:

– Được.

Ngày 16 tháng Chín năm 1954, tòa dân sự thành phố New York xử vụ Hiệp hội các bảo tàng của thành phố khiếu kiện Williams Laurens tội mạo danh.

Khi bị cáo bước vào phòng xử, đám đông dự khán không thấy ở gã nét nào của người chăn bò chẳng đáng gì, ngày xưa có mái tóc vàng cắt bốc, có dáng vẻ tộc ngộc của chàng trai mới lớn. Trái hẳn lại, trước mắt họ lúc này là một nghệ sĩ chính hiệu: quần áo lôi thôi lếch thếch, mái tóc dài bay phất phơ, đôi mắt lúc bốc lửa lúc như chìm trong mộng…

Williams Laurens vào ngồi bên luật sư. Lúc này mọi người mới thấy các thớ thịt trên mặt gã thỉnh thoảng giật giật, người gã hơi

run.

Luật sư bên nguyên đơn lập luận:

– Williams Laurens kí tên là "ToulouseLaurec" dưới các bức tranh của anh ta. Như vậy, đây là những tranh giả mạo chứ không phải là những tranh sao chép từ nguyên bản. Anh ta phạm tội mạo danh.

Luật sư bên bị cũng có lập luận không kém thuyết phục:

– Đặc điểm của kẻ mạo danh trong lĩnh vực văn học nghệ thuật là công bố những sáng tác do mình làm ra dưới danh nghĩa người khác. Đây không phải trường hợp của Williams Laurens. Anh ta vẽ công khai trước mắt mọi người. Và luôn khẳng định chính tay anh đã vẽ ra. chứ không phải ToulouseLautrec vẽ. Bị ngã ngựa dẫn đến thay đổi tính cách, đâu phải là phạm tội?

Bên nguyên đơn đập lại:

– Không có quyền kí là ToulouseLautrec!

– Sao lại không? Khi anh ta không giấu giếm chuyện đó!

Các thẩm phán lưỡng lự rất lâu: sau sáu tháng bàn bạc cân nhắc mới ra được quyết định Williams Laurens không phạm tội mạo danh.

Phán quyết của tòa làm công luận sôi nổi hẳn lên… Như vậy là các bức tranh kì lạ này sẽ được tiếp tục ra đời! Những bức Lautrec mới toanh, hoàn toàn hợp pháp và cũng đẹp không kém những tranh của Lautrec. Chúng sẽ tiếp tục ra đời, bổ sung số tranh Lautrec mọi người đã biết từ lâu! Điều gì đã biến một gã chăn bò tầm thường, vô tích sự thành một nhà danh họa? Phải chăng hồn họa sĩ quá cố đã nhập vào anh ta?

Câu hỏi này được người dân khắp các tiểu bang của nước Mĩ bàn luận xôn xao. Nhiều chuyên gia về khoa học huyền bí tới gõ cửa căn nhà của họa sĩ ở San Francisco. Nhưng Williams Laurens không tiếp. Chỉ tiếp một mình gã lái buôn tranh Gregor O'Brady, người mang những xấp đôla ngày càng dày tới mua tranh… Vả lại, tính nết Williams Laurens đã xuống cấp nhanh chóng: gã nghiện rượu rất nặng, y hệt nhân vật danh tiếng làm mẫu cho gã.

Ngày 8 tháng Tư 1955. Gregor O'Brady tới gõ cửa căn nhà ở San Francisco. Chủ nhà Williams Laurens lê chân ra mở. Gã cất giọng lè nhè:

– Tới làm gì nữa? Tôi không vẽ được bức nào. Đi khỏi đây ngay.

Gã lái buôn không đi, trái lại đàng hoàng ngồi lên chiếc thùng gỗ nằm giữa đống lộn xộn trong xưởng vẽ. Williams này! Có lẽ tớ ngu ngốc thật, nhưng quả tình tớ đã đem lòng mến cậu. Vì thế nên nói thẳng với cậu câu này: nên dừng lại, thế là đủ rồi đó!

– Dừng cái gì?

– Trò hề của cậu.

Gregor O'Brady vung tay chặn Williams Laurens định vớ chai rượu.

– Và ngưng uống rượu luôn. Cậu đang tự hủy hoại chính mình… Nghe đây Williams, cậu rất tài. Cậu đã nghĩ ra một mánh rất thần tình để kiếm tiền. Bằng cái trò Lautrec tái sinh, cậu đã thành một tên mạo danh hợp pháp. Nhưng tớ thì không hề mắc hợm đâu nhé! Khôn hồn thì dừng lại!

Williams Laurens ném một cái nhìn đờ đẫn:

– Tớ là ToulouseLautrec thật đấy!

– Bịa! Chính cậu cũng không tin điều đó. Tớ nhắc lại: nên thôi đi thì hơn. Kiếm được chừng ấy là đủ cho cậu sống thoải mái rồi.

Họa sĩ mỉm cười, một nụ cười khó đoán:

– Ừ, có lẽ mình sắp ngưng lại tất cả…

– Vì cớ gì?

– Vì sắp băm bẩy tuổi.

– Băm bẩy thì sao?

– ToulouseLautrec ngoẻo lúc băm bẩy. Cậu biết rõ quá rồi còn gì!

Ngày 6 tháng Bẩy 1954, người ta thấy xác Williams Laurens nổi lên trong vịnh San Francisco. Gã nhẩy xuống vịnh từ cầu Cổng Vàng, cây cầu treo nối liền hai bờ. Từ sau buổi gặp lần cuối cùng với gã buôn tranh, Williams Laurens không vẽ thêm bức nào nữa.

Giữa đống đồ vứt bừa bãi trong xưởng vẽ, người ta lượm được mấy trang giấy rời viết bằng bàn tay run run. Đó là lời tự thú của Williams Laurens, chìa khóa mở toang bức màn bí mật. Ngay từ những dòng đầu tiên gã chăn bò xác nhận:

“Gregor O’Brady nói đúng: toàn bộ câu chuyện về phép lạ tái sinh đó chẳng qua chỉ là mánh khóe làm tiền thiên hạ thôi. Không hiểu sao, chẳng ai phát hiện ra!”

Williams Laurens thú nhận tiếp:

“Để đoán biết chuyện này, chỉ cần tìm ra chỗ tôi nương náu trước khi về San Francisco làm chăn bò. Đó là Paris. Tôi học Đại học Mĩ thuật ở đó. Và tin mình có tài, thậm chí có biệt tài về hội họa. Tôi đưa tác phẩm của mình cho mọi người xem, nhưng chẳng được ai đoái hoài, hơn nữa, chúng còn chế nhạo tôi. Chỉ những bức

tôi sao chép của các danh họa bậc thầy mới được họ chú ý, nhất là những bản sao của ToulouseLautrec.

Cảm thấy thất vọng, tôi trở về Mĩ, giam mình trong trang trại Jim Allyson với danh nghĩa chăn bò. Vì muốn tự trừng phạt, hay vì muốn quên? Có lẽ vì cả hai. Tôi nhập hẳn vào vai thằng đần. Như vậy yên thân hơn. Và sắp trở thành một thằng đần thật thì bị ngã ngựa.

Ngã ngựa y hệt ToulouseLautrec hồi nhỏ, cú ngã làm ông ta bị tàn tật! Thế là tôi quyết định chơi trò bịp này. Chỉ trừ Gregor O'Brady còn mọi người đều bị bịp hết.

Có điều là tôi không nhìn thấy hiểm họa. Một nhân tài như Lautrec không đời nào chịu bị mạo danh theo cách đó. Đã định đội lốt ông ta thì phải đi đến cùng. Đã vẽ như ông thì cũng phải tự hủy hoại như ông ấy.

Lúc đầu, mọi việc diễn ra như một trò đùa. Tôi nghĩ bụng lúc nào muốn dừng là sẽ dừng được ngay. Đến khi hiểu ra tình cảnh, khi Gregor O'Brady tới gặp lần cuối cùng… thì đã quá muộn mất rồi. Tôi chợt hiểu ra rằng mình sẽ không sống qua tuổi băm bẩy, tuổi Lautrec chết vì nghiện rượu. Tự tôi đã chui đầu vào bẫy…"

Bên cạnh tập thú tội có mấy bức tranh không kí tên Lautrec: đây là những bức Williams Laurens vẽ thời trẻ, những bức đã từng làm gã đau khổ vì bị người đời rẻ rúng, cười chê. Những bức chân dung thân hình vặn vẹo, méo mó, dị hình dị dạng. Gregor O'Brady nghiêng đầu ngắm nghía hồi lâu rồi gật gù phán:

– Rất thú vị! Rất khó hiểu thật, nhưng cực kì thú vị. Đáng lẽ phải coi thằng cha Williams Laurens này là một đại danh họa mới đúng. Thật đáng tiếc!…

Phiếm luận:

Sự đời nhiều khi oái oăm thế đấy! Thực tài bị chế giễu, bị ruồng bỏ đến khi dán lên đấy một cái nhãn đã nổi tiếng thì lập tức được tôn vinh hết lời.

Lô đồng hồ Thụy Sĩ

Năm 1950, sau một năm bóp mồm bóp miệng dành dụm được một số tiền kha khá, Rémy một chàng trai con nhà tử tế quyết định sang Roma nghỉ hè, chắc mẩm sẽ được hưởng nhiều thú vui mới lạ. Nhưng chỉ sau vài ngày đã cảm thấy buồn chán. Không có người đẹp xuất hiện bất ngờ, không một sự kiện nào đáng ghi nhớ, mọi thứ ở đây đều quá hoàn hảo, ngay cả thời tiết cũng đều đều đơn điệu ngày nào cũng nắng như ngày nào. Thậm chí Rémy cũng chẳng gặp chút rắc rối nhỏ nào do ngôn ngữ bất đồng vì anh nói thạo tiếng Ý. Vả lại ở Roma này, mọi người kể cả ăn mày hình như đều nói thạo tiếng Pháp.

Rémy một mình tha thẩn đi tham quan một phế tích vùng ngoại ô thành phố. Bất thình lình từ sau cây cột đá cổ kính hiện ra một sĩ quan bảnh trai tươi cười tới gặp anh và cất tiếng chào hỏi rất niềm nở. Viên sĩ quan nói tiếng Anh với giọng lơ lớ rất nhiều nắng chói, trước tiên tự giới thiệu mình là phi công một hãng máy bay Brazil, sau đó than phiền không biết tiếng Ý, cuối cùng cho biết đang cần người làm thông dịch giúp anh ta giải quyết một việc cần kíp ngay trong ngày, trước khi phải bay về Rio de Janeiro.

Chẳng mấy chốc Rémy và viên phi công Brazil đã ngồi cùng bàn trước những ly rượu vang. Phi công nói rõ việc anh ta đang cần giải quyết gấp. Anh vừa từ Thụy Sĩ về, mang theo một lô đồng hồ tuyệt đẹp mua bên đó với giá rất hời. Người bán đã cam đoan, đã thề độc

và đảm bảo khi mang về tới Roma thời hậu chiến anh sẽ bán lại lô đồng hồ đó với khoản lãi đáng nể. Khốn nỗi anh ta đang gặp khó khăn lớn: chỉ vài giờ nữa đã phải bay về nước, đã thế lại không nói được tiếng Ý nên khó lòng đẩy kịp số hàng đang nắm giữ. Mà đẩy đi với cái giá có lãi nào có dễ! Phải cò kè bớt một thêm hai vã bọt mép sôi bong bóng mới xong.

Sau khi giải bầy hết nỗi lòng gã phi công Brazil ướm hỏi: liệu Rémy có vui lòng giúp làm thông dịch trong cuộc thương lượng sắp tới không? Gã sẽ tặng Rémy một khoản phần trăm hậu hĩ trên giá bán hàng. Rémy thấy vụ này cũng hay hay: vừa kiếm được tiền, vừa có dịp thoát khỏi một ngày nhàm chán. Nhưng vẫn còn lưỡng lự chưa nhận lời, anh chưa làm công việc này bao giờ nên cũng chưa thật tự tin mình có thể giúp viên sĩ quan phi công này. Đang cân nhắc thì một người Ý ngồi bàn bên vừa trông thấy dãy đồng hồ đang được viên phi công Brazil bày lên mặt bàn đã đứng bật dậy, bước tới chỗ hai người. Anh ta lịch sự xin lỗi rồi hỏi:

– Số đồng hồ của quí ông có phải để bán không?

– Vâng, tôi bán.

Rémy tự nhiên biến thành người dịch đuổi hai thứ tiếng: tiếng Anh và tiếng Ý. Giá bán lô đồng hồ là bao nhiêu? Gã Brazil đáp: gã mua tất cả sáu chục chiếc, mỗi chiếc hai trăm frăng Thụy Sĩ, nhưng vì quá gấp nên chỉ mong bán lại hòa vốn. Gã Ý tỏ vẻ thất vọng, kêu lên:

– Trời! Những hai trăm frăng một chiếc! Mamma mia! (Mẹ ơi!) Bộ ông tưởng mọi người dân Roma này đều giầu như triệu phú Rothschild chắc?

Cò kè hồi lâu cuối cùng hai bên cũng thống nhất giá cả. Gã người Ý nhận mua mười một chiếc. Nhưng lại có trục trặc khác: anh ta không mang sẵn tiền trong túi (ngờ đâu có vụ mua bán giữa đường này!) trong khi gã Brazil lại rất vội không thể chờ anh ta về nhà lấy rồi mang tiền tới trả. Lối thoát duy nhất giúp ra khỏi tình thế này là: kiếm được một người chịu ứng tiền cho vay trước. Tất nhiên định mệnh đã chọn Rémy sắm vai này. Anh vét túi dốc hết nào frăng Pháp, nào đôla Mĩ, lia Ý… được vừa xoẳn số tiền gã Ý cần.

Gã Brazil mừng húm, vơ tiền nhét vào túi, không quên bớt lại khoản phần trăm hoa hồng và tặng thêm một đồng hồ Thụy Sĩ cho chàng trai dễ thương Rémy. Rồi vẫy taxi phóng nhanh ra sân bay cho kịp giờ. Ngồi trên xe gã thò tay ra ngoài cửa xe vẫy vẫy chào tạm biệt. Việc còn lại với Rémy lúc này là kiếm chiếc taxi thứ hai để cùng đi với gã Ý về nhà gã nhận lại số tiền đã ứng. Ngồi trên xe Rémy khoan khoái ngắm chiếc đồng hồ tuyệt đẹp trên cổ tay, thỉnh thoảng đưa lên tai nghe nó nỉ non tích tắc rất vui, hình như với giọng Thụy Sĩ thì phải! Chóng thế, mới đó xe đã dừng trước một palazzo. Trước đây hai trăm năm chắc khá nguy nga nhưng giờ đây ngôi nhà đã xuống cấp trầm trọng.

Gã Ý cáo lỗi: không dám mời Rémy lên nhà vì chị vợ đanh đá thường hay nặng lời cự nự mỗi khi chồng bất chợt đưa khách xộc vào giữa lúc chị ta đang giặt giũ, nấu ăn, tắm rửa. Gã chỉ mất vài phút ù té lên lầu rồi sẽ quay xuống ngay, trả cho thông dịch viên dễ thương người Pháp mấy ngàn lia ứng trước tiền mua đồng hồ của gã Brazil. Mong anh bạn chịu khó chờ. Để làm tin, gã Ý nhờ Rémy giữ số đồng hồ gã vừa mua.

Sau gần một giờ vẫn không thấy gã Ý xuống Rémy cùng bác tài xế taxi vào palazzo hỏi thăm đường lên tầng lầu của gã lạ mặt. Nhưng không ai trong chung cư biết gã. Rémy càng lo hơn khi thấy đây là ngôi nhà có hai lối vào từ hai con đường chạy song song. Anh chợt hiểu ra mình đã bị gã Brazil phi công dỏm và gã Ý khách hàng dỏm đánh lừa. Trong túi chỉ còn sót lại mấy chục đồng lia tiền "hoa hồng" vừa đủ trả tiền taxi. Bác tài xế nói cảm ơn với vẻ hậm hực khi không thấy Rémy chi thêm tiền boa.

Rémy buộc phải thừa nhận người mua hơn chục chiếc đồng hồ… chính là mình. Đếm đi đếm lại, anh ta thấy thiếu một. Thế là lại bị hố, mất toi một số tiền kha khá. Dù sao, cũng còn có trong tay một lô đồng hồ Thụy Sĩ. Không sao đẩy được ở Roma, anh rút ngắn thời gian nghỉ hè, trở về Pháp. Lúc thông qua hải quan, Rémy toát mồ hôi hột sợ họ phát hiện số đồng hồ Thụy Sĩ giấu kín trong vali không khai báo. Nhờ Trời phù hộ, hải quan không kiểm tra vali.

Về tới nhà Rémy long trọng tặng đồng hồ cho các cô em, cho mẹ, cho tất cả mọi người thân thiết trong gia đình. Sau vài tuần, toàn bộ số đồng hồ đó đều liệt máy nằm im. Đưa ra thợ nhờ sửa, chẳng ông thợ Pháp nào nhận sửa những chiếc đồng hồ… chỉ Thụy Sĩ ở miếng nhãn dán trên dây đeo.

Phiếm luận:

Câu "Làm phúc phải tội" của các cụ nhà ta là để ứng với trường hợp như thế này. Tuy nhiên cũng cần phải nói thêm, thói tham rẻ, tham tiền luôn là đất mầu cho bọn lừa đảo hành sự.

Một tuyệt tác nho nhỏ

Một khách hàng sộp bao giờ cũng có những dấu hiệu dễ nhận ra. Đó là những dấu hiệu gì? Xin thưa, trước hết là kiểu xe ông ta dùng. Nếu là xe RollsRoyce thì đã là tín hiệu đáng mừng cho người bán hàng. Nếu từ trên xe nhẩy xuống một anh tài xế bận chế phục sang trọng cúi khom lưng mở cửa xe thì không nghi ngờ gì nữa, đây là vị khách rất sộp!

Một chiều mùa đông đẹp trời, nói chính xác là chiều ngày 23 tháng Hai năm 1954, chiếc RollsRoyce chở vị khách sộp tới dừng bánh trước cửa hàng nữ trang trên quảng trường Vendôme ở Paris.

Chủ nhân cửa hàng đã có mặt ngay tại cửa chờ đón vị khách. Khách trạc bốn mươi, dáng vẻ còn rất tráng kiện. Nước da rám nắng sậm, cánh tay phải bó bột treo trước ngực. Đang mùa đông nên có thể đánh cuộc ông ta vừa từ một vùng chơi thể thao trượt tuyết trở về. Chẳng cần dài lời nói rõ bộ đồ ông ta đang bận và tấm pađờxuy bằng vải casơmia của ông mang nhãn hiệu một tiệm may đo nổi tiếng khắp thủ đô. Cánh tay lành lặn của ông kẹp chiếc cặp da bóng loáng.

Chủ cửa hàng nữ trang lao tới:

– Quí khách cần gì, xin mời vào.

Vị khách đưa đôi mắt thờ ơ liếc qua các món đá quí bày trong tủ kính. Xưa nay các khách sộp đều như vậy cả: rất hờ hững, rất lạnh nhạt.

– Cũng chưa biết… đại khái muốn mua một món nữ trang thật giản dị nhưng đẹp. Mua tặng bà nhà tôi, nhân dịp kỉ niệm ngày cưới. Ông hiểu ý tôi chứ?

Chủ cửa hàng rất hiểu nên đi lấy ngay một trong những món đắt giá nhất.

– Thưa quí khách, chúng tôi có món này chắc vừa ý ngài: một bông cúc bằng hồng ngọc lá bằng vàng… Một tuyệt tác nhỏ!

Vị khách sộp ngắm nghía bông cúc hồng ngọc, không bình luận nửa câu, rồi đòi xem các món khác. Trong gần một giờ đồng hồ, nhiều món hàng quí lần lượt chuyền qua tay ông khách. Toàn những món được lấy ra từ hộp, hộp được lấy ra từ két sắt rồi bỏ vào khóa chặt ngay lại sau khi khách xem qua: dây chuyền, vòng tay, hoa tai, lập lắc… Chủ cửa hàng luôn miệng ca ngợi từng món, tuy không nhiệt tình bằng khi khoe bông cúc hồng ngọc lá vàng, món hàng cao giá hơn hẳn các món khác.

Vì thế chủ cửa hàng suýt buột miệng reo to khi nghe vị khách sộp hỏi:

– Ông cho tôi coi lại bông cúc hồng ngọc được chứ?

Món nữ trang quí lập tức được lấy ra khỏi hộp. Lần này vị khách chỉ xem lướt qua.

– Ông nói đúng. Quả là một tuyệt tác xinh xinh. Tôi mua.

Tuy nhiên vẫn còn một chi tiết cần đề cập tới vì đây là cơ sở của chuyện mua bán: giá cả… Chủ cửa hàng kính cẩn nghiêng mình: khi nói tới số tiền quá lớn, thái độ tất nhiên phải rất nghiêm trang cho tương xứng:

– Hai trăm ngàn frăng, thưa quí khách… Đây là món hàng duy nhất, chỉ có một không có hai trên thế giới này. Một tác phẩm nghệ

thuật tuyệt vời thua ngài…

Vị khách rám nắng không tranh luận nửa lời, tuy cái giá vừa xướng lên có thể làm bất cứ người trần tục nào cũng phải rùng mình sởn da gà. Hai trăm ngàn hồi đó tương đương một triệu frăng loại đang lưu hành hiện nay. Vị khách không mặc cả, nhưng cho biết đang gặp một trục trặc nhỏ. Vì những lí do riêng tư, ông quyết định trả bằng tiền mặt, hiềm nỗi chỉ mang theo có một trăm ngàn frăng nên đang lúng túng chưa biết nên tính thế nào cho ổn.

Chủ cửa hàng vàng bạc đá quí không lấy làm lạ tại sao ông khách mang trong người số tiền mặt quá lớn: những một trăm ngàn frăng. Với loại khách sộp như ông này, nguyên tắc xử thế hàng đầu là không được tỏ ra ngạc nhiên về bất cứ điều gì, cho dù có đáng ngạc nhiên mười mươi. Trái lại, chủ cửa hàng tỏ ra thông cảm với băn khoăn của khách. Và đang rất sợ tuột mất vụ đẩy hàng lớn nhất trong mấy ngày qua. May sao, vị khách chợt nghĩ ra một giải pháp thần tình.

– Ông cho tôi xin mảnh giấy. Tôi sẽ viết mấy chữ nhắn bà nhà tôi mở két lấy thêm một trăm ngàn đang có sẵn ở nhà.

Người bán hàng nhanh nhẹn đáp ứng yêu cầu. Rồi kính cẩn đưa cây bút máy cho khách. Hiềm nỗi tay phải đang bó bột nên ông khách lóng ngóng mãi với cây bút trên tay trái. Rõ ràng ông ta không thuận tay trái. Loay hoay mãi vẫn chỉ nguệch ngoạc vẽ ra những con giun ngoằn ngoèo. Thất vọng quá, ông ta đưa trả bút máy.

– Chịu, không sao viết nổi. Đành phải chọn món khác ít tiền hơn. Rất tiếc bông cúc nhưng chẳng làm sao được.

Lẽ dĩ nhiên nhà buôn đá quí không chịu bỏ lỡ dịp may. Đời nào để nó vuột khỏi tay một cách ngu ngốc đến thế!

– Nếu quí khách cho phép, tôi xin được viết thay.

– Ừ nhỉ! Sao tôi không nghĩ ra sáng kiến này! Để tôi đọc cho… Thế nào nhỉ?… "Em yêu, hãy vui lòng đưa cho tài xế một phong bì đựng một trăm ngàn frăng. Và đừng để lộ cho hắn ta biết. Cũng đừng hỏi hắn anh định dùng tiền vào việc gì. Đây là một bất ngờ anh dành cho em đấy, cưng ạ. Một bất ngờ sẽ làm em rất vui lòng."

Đọc xong, vị khách có nước da rám nắng nở nụ cười rất ăn ảnh.

– Thế thôi. Ông kí luôn hộ tôi: "Georges". Ông khỏi lo lắng gì về chuyện tôi cho tài xế đi lấy tiền: vợ tôi chẳng lạ gì anh ta.

Lá thư được mang ra xe trao cho tài xế. Trong khi chờ đợi chiếc RollsRoyce chở một trăm ngàn frăng về, khách và chủ ngồi chuyện trò tào lao.

– Quí khách có biết không? Khi kí thay ngài, tôi không mạo nhận tí ty nào: tên tôi cũng là Georges.

Vị khách không vì sự suồng sã quá trớn đó mà phật lòng, trái lại còn coi đây là một ngẫu nhiên thú vị. Sau đó hai người chuyển sang những chuyện thường trao đổi trong trường hợp tương tự: thời tiết tuần qua ở Megève, giá cả trên thị trường chứng khoán, dự đoán tình hình…

Nửa giờ sau tài xế trở về mang theo chiếc phong bì tổ bố đựng đủ một ngàn tờ loại một trăm frăng, loại tiền to nhất được Ngân hàng Nhà nước phát hành thời đó. Vị khách tự tay mở phong bì, lấy các xấp bạc ra, rồi mở cặp lấy số tiền vừa đúng bằng ấy đặt sang bên. Hai món chất thành một khối hiếm người được tận mắt chứng kiến trong đời.

Vừa rối rít nói ngàn lời cảm ơn, chủ cửa hàng vừa đếm vừa kín đáo kiểm tra. Không nghi ngờ gì, đây toàn là giấy bạc thứ thiệt do Ngân hàng Pháp quốc phát hành. Chủ nhân ôm tiền bỏ vào két sắt, khóa kĩ. Rồi quay ra tiễn chân khách bước lên chiếc RollsRoyce khả kính, xúc động chào tạm biệt khách khi tài xế ngả mũ mở cửa xe cho vị khách sộp bước lên.

Chiều bữa đó, khi trở về ngôi nhà riêng lộng lẫy ở quận XVI, chủ cửa hàng đá quí vẫn còn đang mừng hết biết. Thế là đẩy được bông cúc khó bán vì quá cao giá. Đây là một niềm vui hiếm hoi và kín đáo mà chỉ những người buôn bán mới được hưởng. Để ăn mừng, ông sẽ mời vợ tối nay đi ăn nhà hàng. Bà ta đã nhiều lần ngỏ ý, nhiều lần trách móc chồng coi việc kiếm tiền quí hơn chiều vợ… Tối nay nhất định ông sẽ đền bà một đền tới số…

Lạ thay khi Marinette vợ ông ra mở cửa, trông mặt lại có vẻ không hài lòng, hơn nữa, còn tỏ ra bực bội.

– Thế nào Georges? Bất ngờ ông dành cho tôi đâu? Ông thừa biết trong két lúc này không còn một xu nhỏ sau khi tôi vét đủ một trăm ngàn frăng đưa ông. Đã thế, còn chẳng được ông cho biết đã mướn một tài xế!

Nhà buôn đá quí chợt thấy trời đất quay cuồng, hai mắt hoa lên trước bẩy sắc cầu vồng đang nhẩy múa loạn xạ. Ông nới vội cà vạt, uống vội một cốc nước lạnh, may mắn thoát được cơn đột quị suýt ập tới và dần dần hiểu ra.

Vị khách sộp là tên lừa đảo có cỡ. Hắn biết nhà riêng của ông, phái tên tài xếđồng phạm về gặp vợ ông, mang theo lá thư tự tay ông viết. Hắn đã làm nổi một việc thần tình: mua món nữ trang

quí bằng tiền – ít ra là bằng một phần tiền của chính chủ nhân cửa hàng. Hiểu ra rồi, Georges tìm cách trút tội lên đầu vợ.

– Marinette, tại sao cô dám trao một trăm ngàn frăng cho một thằng lạ mặt?

– Ủa, anh nói gì kì cục vậy Georges? Anh tự tay viết thư kí tên bảo tôi đưa mà!

– Lại còn tưởng tôi phải lấy thêm tiền mới tặng được cô món quà bất ngờ nữa chứ! Thật khờ dại hết chỗ nói!

Marinette chẳng biết nói sao, tủi thân òa khóc nức nở.

– Anh Georges! Vì tôi nghĩ mai là ngày ăn mừng kỉ niệm đám cưới của chúng mình! Ngờ đâu!

Chủ cửa hàng đá quí làm đơn tố cáo, nhưng gã gãy tay chạy xe RollsRoyce biến mất tăm. Tuy nhiên, cần nói rõ: quả lừa của hắn không mang lại lời lãi bao nhiêu, có khi chỉ hòa vốn. Những kẻ tiêu thụ của ăn cắp bao giờ cũng chỉ trả giá gần bằng phân nửa giá trị thật của món hàng, nên có lẽ hắn chỉ bán được bông cúc hồng ngọc lá vàng lấy một trăm ngàn frăng, đủ bù đắp số tiền hắn đã phải bỏ ra.

Cũng có thể hắn không bán mà đã sắm vai Arsène Lupin đời mới đem tặng cho người tình. Cũng có thể hắn chơi quả lừa này không phải vì hám tiền mà chỉ vì muốn biểu diễn chút tài mọn với đời. Dù sao đi nữa, ta buộc phải thừa nhận: quả lừa thần tình này cũng là một tuyệt tác nho nhỏ, như bông cúc hồng ngọc có lá bằng vàng ròng.

Phiếm luận:

Dù sao đi nữa, ta buộc phải thừa nhận: kẻ làm ra quả lừa này là một tay cao thủ về tâm lý. Mong bạn hãy nhớ, trước khi phải xuất ra một món tiền gì, cũng như làm bất cứ việc gì hãy kiểm tra lại yêu cầu cẩn thận bằng mọi cách, cả kín đáo và công khai.

Bán tháp Eiffel cho ve chai

Tháng 7 năm 1925. Người lái chiếc taxi đỗ đầu dẫy xe xếp hàng dài trước đại khách sạn Crillon buông vội tờ báo đang đọc xuống ghế. Một người đàn ông sang trọng vừa mở cửa xe, buông ra lệnh ngắn gọn:

– Tới tháp Eiffel.

Anh tài xế taxi đoán biết ngay mình vừa rước được vị khách loại nào: một du khách giầu có, không chừng là người Mĩ cũng nên, người ở khách sạn Crillon bước ra bao giờ cũng là người có khả năng ban tặng cho anh khoản tiền boa hậu hĩ.

Quả nhiên, khi xe dừng bánh dưới chân tháp Eiffel, người đó để lại một tờ bạc lớn và phủi tay:

– Khỏi trả tiền thừa!

Người đó lững thững dạo bước trên công viên Mars, đi đi lại lại dưới các cây cột thép. Nhưng xem ra có vẻ không phải là du khách, không tới đây với mục đích chiêm ngưỡng một công trình mĩ thuậtkĩ thuật có một không hai trên thế giới: không chụp ảnh, không luôn tay lật các trang sách hướng dẫn như những người đang có mặt quanh đây. Anh ta tỏ ra thư thái, hơn nữa trên môi luôn nở nụ cười khinh khỉnh xem thường tất cả.

Trong khi anh ta quan sát rất kĩ cây tháp từ mọi góc cạnh, xung quanh không một ai để ý tới anh. Nhưng giả sử biết được anh ta

đang suy tính chuyện gì, chắc hẳn họ sẽ cực kì sửng sốt như chưa bao giờ sửng sốt đến thế! Bởi lẽ trong đầu vị khách sang trọng nói tiếng Pháp giọng Mĩ này đang nổi lên một câu hỏi ít ai tưởng tượng nổi: cây tháp cao vút mây xanh này đáng giá bao nhiêu đôla?

Gã là Victor Lustig. Từ nhiều năm nay gã đã trúng nhiều quả rất đặc biệt, nhưng quả này mới là đỉnh cao tài nghệ của gã.

Gã sẽ bán tháp Eiffel!

Victor Lustig ra đời năm 1890 ở Hostinne bên ÁoHung. Bố mẹ rất giầu có: bố là nhà kinh doanh công nghiệp lớn, thị trưởng của thành phố. Nhờ vậy Victor Lustig được vào học trong những trường tốt nhất và tỏ ra đáp ứng được mọi mong mỏi của bố mẹ. Chú trò nhỏ học rất nhanh tiếng Pháp, tiếng Anh, có năng khiếu về môn văn học. Các thầy không ngớt khen ngợi cậu, hơn nữa còn nói với bố mẹ Victor Lustig:

– Con trai ông bà có đủ mọi tố chất để trở thành một luật gia lớn.

Tuy nhiên, một chi tiết nhỏ sẽ làm đảo lộn hết mọi thứ: đó là tính cách của bản thân Victor Lustig. Lúc mười chín tuổi, Victor vừa vượt qua các kì thi tốt nghiệp và rất muốn thành đạt trong cuộc đời, nhưng thành đạt không theo cách của thầy cô và bố mẹ mong muốn. Gã muốn thành đạt không phải sau mười năm, hai mươi năm, mà ngay tức thì. Rắp tâm như vậy, gã trốn bố mẹ lẻn đi Paris, với dự định sẽ làm giầu bằng mọi giá.

Năm 1909. Paris lúc này đang ở vào giai đoạn cực thịnh của Thời Huy Hoàng, là nơi lí tưởng cho những kẻ táo bạo, nhất là những kẻ như Victor Lustig: trẻ tuổi, đẹp trai và ít băn khoăn về đạo đức.

Sẵn được trời phú cho thân hình cao to, mái tóc vàng óng rất đẹp, cử chỉ rất điệu nghệ, nói lơ lớ giọng Mĩ nên Victor Lustig nhanh chóng được phái yếu chú ý. Nhân đó gã lao vào nghề tưởng như sẽ giúp gã nhanh chóng phất to: nghề chủ chứa.

Bóng dáng quí phái của Victor Lustig trong động chứa trên đường Lappe nhanh chóng trở nên quen thuộc với khách chơi hoa. Nhưng một sự cố xẩy ra đã khiến gã tỉnh ngộ: trong khi tranh giành khách, một địch thủ trên thương trường kinh doanh thân xác phụ nữ đã chém một nhát giữa mặt Victor Lustig. Gã chợt nhận ra mình thiếu hẳn một điều kiện để thành công trong ngành này: sự hung tợn. Gã rời bỏ Paris, không thiết cả nói lời chia tay với hai cô em út dưới quyền, một cô tóc hung cô kia tóc nâu. Victor Lustig đi tìm giầu sang ở nơi khác.

Victor nhanh chóng tìm ra bối cảnh và loại hoạt động thích hợp hơn nghề chủ chứa: các con tàu viễn dương, và nghề cờ gian bạc lận. Những phòng hạng nhất sang trọng trên các con tàu tỏ ra thích hợp với gã hơn hẳn những đường phố nóng nực của Paris. Đi lại như con thoi trên lộ trình từ Le Havre đi New York, gã làm công việc gạ gẫm các khách đồng hành chơi poker. Nhờ trí thông minh trời cho cộng với thủ đoạn gian lận tinh vi, mỗi chuyến đi gã kiếm được từ một đến hai ngàn đô.

Như vậy cuộc sống của Victor Lustig khá dễ chịu, sung túc, không nhiều rủi ro và có thể cứ thế kéo dài. Nhưng trong chuyến vượt biển thứ mười, một cuộc gặp gỡ bất ngờ đã thay đổi hoàn toàn dòng đời của gã…

Một tối kia, sau khi kiếm được vài trăm đô của một khách người Mĩ, gã thấy một ông khá sang trọng và khá lớn tuổi tới bên. Ông ta

lịch sự tự giới thiệu:

– Tôi là Nicky Arnstein. Tôi đã chú ý quan sát anh rất kĩ và rất thích anh. Anh tỏ ra rất có năng khiếu, nhưng vẫn cần được vài lời khuyên của tôi.

Không để Victor Lustig kịp nói gì, ông ta lôi gã tới quầy rượu. Hai người bắt đầu trò chuyện…

Sau chầu whisky thứ ba hai người đã cậu cậu tớ tớ:

– Victor này! Tớ cũng hành nghề y hệt cậu, cũng kiếm sống bằng cỗ bài poker. Kinh nghiệm cho tớ thấy điều quan trọng nhất không phải là chơi cho giỏi và bịp cho khéo. Mà ở chỗ: biết cách đặt đối thủ vào tình thế nó không thể trách người mà phải tự trách mình. Dù bị khánh kiệt gia tài, hắn cũng chỉ có thể tự đấm ngực mà than thở: "Tại mình hết!". Victor, cậu phải nhớ kĩ điều này: phải làm cho nạn nhân không thể trách cậu nửa lời, không thể làm gì được cậu!

Victor Lustig chưa kịp hiểu hết ý tứ thì Nicky Arnstein đã đứng lên.

– Cậu thấy cái ông đang ngồi một mình ở chiếc bàn kia không? Lão là nhà doanh nghiệp có cỡ ở Boston. Tớ đã chõm lão ngay từ khi tàu nhổ neo. Bây giờ, hãy theo dõi tớ sửa lão ta cách nào nghe!

Nicky Arnstein tới làm quen nhà doanh nghiệp đang ngồi buồn trước li rượu. Tất nhiên ông ta vui vẻ mời ngồi cùng bàn. Hai người nói vài câu tếu táo, chuyện trời nắng trời mưa, cuối cùng, như Nicky Arnstein đã tính trước, nhà doanh nghiệp đề nghị:

– Ngồi buồn, ta chơi vài ván bài giải khuây chứ?

Victor Lustig ngồi ở bàn gần đó không bỏ sót nửa câu của hai người.

Nicky Arnstein đứng bật dậy, lắc đầu.

– Không, thưa ông. Tôi không chơi bài với ông, xin đừng ép.

Nhà doanh nghiệp có ý bực, không hiểu tại sao lời mời đầy thiện chí của mình bị hắt hủi như vậy. Ông ta cố nài nỉ… Mãi Nicky Arnstein mới nhẹ nhàng đáp:

– Vì có thiện cảm sẵn với ông nên xin thú thật: chẳng giấu gì ông, tôi là con bạc chuyên nghiệp. Chắc ông thừa hiểu thế là thế nào, phải không ạ? Nên tôi không muốn ông bị cháy túi vì tôi. Xin đừng ép nữa.

Nhà doanh nghiệp trợn tròn hai mắt, nửa sợ sệt nửa khâm phục. Và bị kích thích cao độ. Chơi bài với một con bạc chuyên nghiệp, một tên cờ gian bạc lận giỏi bịp kể cũng có cái khoái của nó và cũng hấp dẫn lắm chứ! Ít ra cũng được thấy một điều gì hay hay trong cuộc hành trình nhàm chán này.

Ông gọi bồi mang sâm banh tới. Ván bài thứ nhất bắt đầu…

Qua một đêm tới sáng, ông ta đã thua năm chục ngàn đô. Số tiền rất lớn nhưng ông vẫn thấy khoái: một đêm thú vị đầy kịch tính, ông đã có chuyện để kể với bạn bè sau chuyến đi này.

Victor Lustig ngồi theo dõi từ đầu đến cuối. Gã không ngớt trầm trồ tài ba của Nicky Arnstein, cố nhập tâm bài học: bịp thiên hạ chưa đủ, còn phải làm họ không thể trách ai mà chỉ tự trách mình.

Bài học của tổ sư Nicky Arnstein sẽ được Victor Lustig vận dụng rất thần tình. Trong năm năm sau đó gã chuyển sang lộ trình ParisNew York trên những con tàu lớn nhất, chọn kĩ con mồi trong những hành khách giầu nhất… Mãi tới năm 1914 tình thế buộc gã phải thay đổi môi trường và phương thức hành nghề: gã không muốn các ván poker của mình bị ngư lôi Đức làm gián đoạn.

Victor Lustig sang định cư ở Mĩ. Tội gì không sang đó làm ăn? Gã nói thạo tiếng Anh, hơn nữa Mĩ chưa tham chiến, đây là mảnh đất đắc địa cho những tên bịp bợm.

Ở Mĩ, phong thái lịch sự tinh tế kiểu châu Âu của gã gây ấn tượng mạnh. Mọi người không ngớt lời ca ngợi vị bá tước trẻ người Áo nói tiếng Anh quá giỏi! Ai cũng sẵn sàng đặt hết lòng tin vào bá tước.

Và lẽ đương nhiên, Victor Lustig vẫn theo đúng bài bản học được ở Nicky Arnstein. Gã luôn luôn tìm cách đặt đối thủ vào tình thế không thể oán trách khiếu kiện vào đâu được.

Đây là một ví dụ trong hàng chục ví dụ về cách bịp kiểu Victor Lustig, cách bịp làm nạn nhân không sao chống đỡ nổi và không có cách gì phản công lại.

Ở Salina, một thị trấn nhỏ của Kansas, vị bá tước dỏm người Áo đánh hơi thấy một trang trại được rao bán, trên đó có một ngôi nhà bỏ hoang, lở lói, trị giá không tới mười lăm ngàn đô.

Hồi này trong túi Victor Lustig không còn một xu nhỏ, ngoài hai mươi lăm ngàn đô bằng trái phiếu giả. Nhưng gã vẫn rất tự tin, đàng hoàng bước vào trụ sở ngân hàng địa phương American Saving Bank là nơi đã mua ngôi nhà của chủ trại phá sản.

Bá tước dỏm gây ấn tượng mạnh cho chủ ngân hàng, nhất là sau khi ngôi nhà đáng giá có mười lăm ngàn đô được bá tước đặt mua với giá hai mươi lăm ngàn. Mừng hết biết, giám đốc ngân hàng hăng hái nhận lời của vị khách quí đòi đi tham quan ngay lập tức.

Cuộc tham quan nhanh chóng kết thúc vì bá tước dỏm chỉ liếc mắt nhìn qua ngôi nhà cũ kĩ, các mảnh đất bỏ hoang rồi lạnh lùng bảo giám đốc ngân hàng:

– Mai tôi mang hai mươi lăm ngàn tới cho ông. Hãy làm sẵn mọi giấy tờ cần thiết.

Hôm sau Victor Lustig vẫn ung dung đường bệ trong phong thái nhà quí tộc châu Âu bước vào Saving Bank. Giám đốc ngân hàng cúi gập mình làm hai khúc tiếp đón tận ngoài cửa rồi mời vào phòng làm việc có sẵn chai sâm banh để chúc mừng cuộc chuyển nhượng.

Victor Lustig rút túi lấy ra hai gói. Gói thứ nhất bọc giấy nâu đựng "hai mươi lăm ngàn đô". Gã hỏi giám đốc:

– Ông muốn kiểm tra lại chứ?

Giám đốc quá mừng vì đã vớ bở, không dám làm mếch lòng vị khách sộp đã mua một cơ ngơi đổ nát hoang tàn với cái giá cao hơn giá trị thực những mười ngàn đô nên vội gạt phăng:

– Không dám đâu, thưa bá tước. Chúng ta đều là bậc hiền nhân quân tử cả mà!

Gói thứ hai đựng hai mươi lăm ngàn bằng trái phiếu dỏm cũng được Victor Lustig đặt lên bàn.

– Ông giám đốc đổi số trái phiếu này giùm tôi được không?

Đang muốn kết thúc thật nhanh chóng cuộc chuyển nhượng nên giám đốc ngân hàng đứng lên mở két sắt đếm hai mươi lăm ngàn đưa cho gã.

Hai người bắt tay nhau. Giám đốc khom lưng, tên bịp mỉm cười ngạo nghễ…

Vài tiếng đồng hồ sau giám đốc ngã ngửa người: trong gói giấy nâu chỉ toàn báo cũ, trong gói trái phiếu chỉ toàn trái phiếu giả.

Giám đốc ngân hàng không chịu thua. Thuê ngay một công ty thám tử tư truy lùng tên bá tước dỏm. Các thám tử dễ dàng tìm ra Victor Lustig đang dưỡng sức trong một đại khách sạn ở New York.

Thấy hai thám tử bước vào, Victor Lustig vẫn thản nhiên như không. Hơn nũa còn cười tủm:

– Hai ông định làm gì tôi? Định bắt tôi đưa về Salina và bỏ tù? Thôi đi, làm thế chỉ tổ gây tai tiếng cho ngân hàng! Thử nghĩ mà xem: khách hàng của Saving Bank sẽ nghĩ gì khi biết giám đốc đã bán một cơ ngơi chỉ đáng giá mười lăm ngàn đô lấy những hai mươi lăm ngàn, và bị một kẻ lạ mặt đánh lừa thảm hại mất cả chì lẫn chài?… Theo tôi, hai ông nên điện thoại hỏi xem ông ta thấy thế nào?

Một thám tử tới nhấc máy, nhắc lại lời Victor Lustig cho giám đốc ngân hàng nghe. Victor Lustig không nghe thấy tiếng giám đốc trả lời thế nào, nhưng gã đã đoán biết. Gã vỗ vai viên thám tử:

– Bảo ông ta rằng tôi đòi thêm một ngàn đô. Nếu không chịu, tôi sẽ ra tự thú và đòi mở phiên tòa công khai xử tôi ở Salina.

Victor Lustig được giám đốc ngân hàng trả thêm một ngàn đô để đừng ra tự thú trước pháp luật!… Thế đấy! Nguyên tắc của Nicky Arnstein đã được vận dụng khôn khéo tới mức siêu đẳng. Đồ đệ đã vượt xa sư phụ, đàn em đã vượt xa đại ca, đúng là hậu sinh khả úy!

Đầu năm 1925. Thế chiến đi qua đã lâu. Victor Lustig không phải lội bùn chiến hào, không biết gì về những cuộc chém giết đẫm máu tại nhiều quốc gia trên thế giới. Nhưng gã không lấy thế làm phiền vì tuy thông minh có thừa nhưng ý thức công dân lại rất

thiếu. Gã trở về Paris. Lần này trở về không phải để kiếm tiền mà để tiêu tiền. Những quả lừa bên Mĩ đã mang về cho gã quá nhiều tiền nên gã muốn giải lao ít lâu. Mà giải lao thì chẳng đâu tốt bằng Paris, nơi người ta có thể mua đủ thú vui vương giả khi trong túi có dăm trăm ngàn đô kiếm được một cách dễ dàng. Lido, FoliesBergère, MoulinRouge… thủ đô hoa lệ thời Huy Hoàng chẳng thiếu thứ gì để nhanh chóng làm nhẹ bớt ví tiền của vị du khách nước ngoài.

Nhiều tháng trôi qua. Sang tháng Bẩy Victor Lustig chợt nhận ra núi tiền của mình đã tan như tuyết dưới nắng. Tuy mới 35 tuổi, mã ngoài rất bảnh trai tỏa sức quyến rũ khó ai cưỡng nổi: vóc người cao lớn, bộ mặt dễ mến và có chút gì đó của con người phong lưu mã thượng, hào hoa phong nhã, Victor Lustig đúng là hình mẫu tiêu biểu cho loại người mà xã hội thường tôn sùng là gentleman. Vậy mà hôm nay gã lại buồn thiu!

Quả tình hắn đang rất buồn, bởi lẽ hiện nay tình trạng tài chính rất đáng lo. Hắn sang Pháp với mục đích vung hết những món tiền đã kiếm được bên kia bờ Đại tây dương. Ngờ đâu đất Paris thời "Những Năm Điên Cuồng" này lại đắt đỏ đến thế, vượt xa mọi dự đoán của hắn! Các tụ điểm tiêu khiển, các quán rượu, các tiệm ăn sang trọng đều là những cỗ máy chém đứt cổ. Đàn bà con gái Paris tuy dễ dãi nhưng cũng thi nhau chặt đẹp… Thành thử chẳng mấy chốc Victor bỗng thấy mình trắng tay, không còn một xu dính túi.

Victor thở dài. Muốn có tiền trả khách sạn và mua vé tàu thủy về nước, nhất thiết phải kiếm một việc gì đó để làm. Vì vậy nên hắn mới đọc báo rất kĩ, hòng thấy một gợi ý, một nguồn cảm hứng. Nhưng Victor không tìm mấy thứ đó trong mục "Tuyển người".

Bởi lẽ nghề của Victor Lustig, thứ nghề đã giúp hắn ta trở nên giầu sụ lại hơi đặc biệt. Victor là một tên chuyên lừa đảo, nhưng là một tên lừa đảo không giống ai. Hắn đã hành nghề này từ mười lăm năm nay mà vẫn không bị trừng trị do hắn tự khép mình tuân theo một nguyên tắc hết sức nghiêm ngặt: dồn nạn nhân vào tình thế thật lố bịch tức cười hoặc thật nhục nhã tới mức không dám tố giác kiện cáo hắn. Sư phụ Nicky Arnstein đã truyền cho hắn thứ bảo bối hiệu nghiệm ấy.

Chiều nay Victor ngồi đọc báo rất chăm chú, không bỏ sót một chữ nào. Và phát hiện trên trang ba của tờ báo buổi chiều một tin đáng quan tâm: "Tòa Thị chính thủ đô Paris liệu có khả năng trang trải chi phí sửa chữa Tháp Eiffel?" Kèm theo những chi tiết về kĩ thuật, về phí tổn sửa chữa. Cuối cùng, tác giả bài báo kết luận bằng một câu hàm ý nửa bông phèng nửa chê trách: "Không lẽ chính quyền lại bán Tháp Eiffel đi?"

Gã đại bịp nở nụ cười càng lúc càng rộng. Gã đã biết phải làm gì. Nhà báo chỉ nói đùa thôi ư? Không đâu, Victor Lustig sẽ làm thật. Hắn sẽ bán tháp Eiffel!

Victor Lustig rời chiếc phôtơi, đi đi lại lại trong phòng. Rồi bấm chuông gọi bồi mang lên chai sâm banh, ngửa cổ uống một lúc hai cốc đầy. Kế hoạch hành động đã hình thành trong đầu. Tay nhà báo nào đó tưởng chỉ viết ra một câu nửa nạc nửa mỡ cho vui, nhưng Victor Lustig sẽ biến nó thành hành động. Hắn đã nghĩ ra cách để có thể chi trả mọi phí tổn trong những ngày lưu trú ở chốn Paris phồn hoa đô hội này: đứng ra bán tháp Eiffel!

Làm cách nào bán được tháp Eiffel? Với những con người bình thường khác, chuyện này khó lòng thực hiện nổi. Nhưng với Victor

Lustig thì không khó.

Hắn chọn con đường trực tiếp, tự tay lo mọi thứ, không qua cò mồi, môi giới nào hết. Trước tiên, hắn nhờ một tên bạn chí cốt chuyên nghề chế tạo giấy tờ giả làm cho hắn những tờ in tiêu đề Tòa Thị Chính Paris. Rồi gửi cho năm chủ vựa ve chai lớn nhất thủ đô, mời tới bàn một việc "cực kì quan trọng, cực kì bí mật". Vài ngày sau, đúng giờ hẹn không sai nửa phút, cả năm vị đều có mặt đầy đủ trong một phòng tiếp tân của khách sạn. Cả năm vị đều mang nét mặt căng thẳng. Họ đều biết rõ nhau, tất nhiên. Và đều hiểu sắp có việc quan trọng, nếu không tòa Thị chính lại chẳng mời cả năm người tới đây! Trong lúc ngồi chờ quan chức triệu tập họ tới gặp, không ai nói với ai nửa lời, không khí có phần lạnh nhạt. Lâu lâu mới nhếch mép trao đổi cho nhau một nụ cười ruồi, hoặc gãi gãi sống mũi, hoặc kín đáo tằng hắng… vị nào cũng giả bộ làm ra vẻ ta đây vẫn thoải mái như thường.

Mãi rất lâu sau Victor Lustig mới trịnh trọng xuất đầu lộ diện, trong bộ trang phục rất nghiêm chỉnh rất tinh tế: áo dạ hội kiểu đuôi tôm, ca vát màu sáng, túi ngực gài bông cẩm chướng. Xưa nay chưa bao giờ trông hắn oai vệ như hôm nay. Vừa nhác trông thấy hắn, các chủ vựa phế liệu đều linh cảm sẽ xẩy ra một sự kiện khác thường.

Victor ngồi xuống phôtơi, lừ lừ đảo mắt một vòng qua các vị khách mời. Rồi bắt đầu nói, thật khẽ tuy trong phòng không có ai khác.

– Thưa quí vị, hẳn quí vị không thể biết hết những khó khăn của tòa Thị chính đang gặp liên quan tới công trình kiến trúc nổi tiếng nhất, kì vĩ nhất của thủ đô, của nước ta. Tôi muốn nói tới tháp Eiffel.

Năm chủ vựa sắt vụn ngồi ngay đơ trên ghế, chờ nghe tiếp. Lúc này, Victor càng tỏ ra thận trọng tới mức những điều hắn thốt ra chỉ thoang thoảng như gió, người nghe phải giỏng cả hai tai mới nghe nổi.

– Theo yêu cầu khẩn cấp của Tổng thống nước Cộng hòa Gaston Doumergue và của ngài Chủ tịch Quốc hội, tôi đề nghị quí vị không tiết lộ điều tôi sắp công bố. Thưa quí vị… Tháp Eiffel được đem bán đấu giá. Tòa Thị chính thành phố ủy nhiệm tôi đứng ra làm chủ thầu. Đây là một thương vụ đặc biệt ngon lành: 7 nghìn tấn thép loại đặc biệt cho vị nào trả giá cao nhất!

Nghe rõ tiếng ruồi bay trong phòng. Victor mỉm cười nửa miệng. Trong lúc công bố tin này, hắn đã quan sát kĩ nét mặt từng người đối diện. Tài xét đoán tâm lí của hắn xưa nay không bao giờ sai lầm. Lúc này cũng vậy, hắn đã xác định được người nào dễ chui đầu vào bẫy nhất trong năm người đang ngồi thuỗn mặt ra kia.

Đó là người nhỏ con mặt đỏ tưng bừng đang nhấp nhổm như bị kiến đốt. Victor đã điều tra kĩ cả năm vị, và biết tường tận vị này tên là Poisson, nghĩa là Cá, một cái tên tiền định báo trước hắn sẽ mắc câu! Hắn là một gã hãnh tiến mới phất lên như diều gặp gió và đang nuôi mộng sẽ giầu to hơn nữa, giầu thật nhanh, giầu bằng bất cứ giá nào.

Ngay lập tức Victor Lustig khẳng định: Poisson sẽ là con mồi của hắn. Hắn chuyển ngay sang hồi hai.

Victor đứng lên, móc đồng hồ quả quít trong túi ra coi.

– Thưa quí vị, xin vui lòng lên xe tôi. Tôi đã chuẩn bị mọi mặt để đưa quí vị tới coi trước món hàng. Đương nhiên, mong quí vị sẽ hết sức kín đáo trong khi tham quan.

Vài phút sau Victor dừng chiếc xe hòm kính lộng lẫy hắn đã thuê sẵn dưới chân tháp. Trong bụng có phần hồi hộp vì trò chơi quá mạo hiểm, mà đây lại là thời điểm có tính quyết định. Vô phúc chạm trán một tay nhân viên đa nghi hoặc khó tính, đêm nay gã phải ngủ trong nhà đá là cái chắc. Gã cố tự trấn an "Đừng nghĩ tới chuyện đó. Mình đã bao nhiêu lần thành công rồi, đâu phải lần đầu tiên. Lúc này, ăn thua ở chỗ dám liều tới cùng."

Victor kéo theo năm chủ vựa sắt vụn thản nhiên đi thẳng tới ghisê, vượt qua đám du khách đang xếp hàng. Bằng một cử chỉ cố tình hờ hững, hắn gí vào mũi nhân viên bán vé tấm cạc có hình cờ tam tài gạch chéo, nói với giọng không cho phép bàn cãi:

– Các quí ông đây tháp tùng tôi. Chúng tôi muốn lên tháp. Trong bộ lễ phục đuôi tôm, Victor trông rõ ra dáng một quan chức nhà nước. Thành thử nhân viên không dám vặn vẹo gì, cho cả sáu người vào. Giá như lúc đầu các vị chủ vựa có đôi chút nghi hoặc nào thì giờ đây hẳn là họ đã hoàn toàn tin tưởng: người này đúng là người được nhà chức trách ủy quyền đứng ra bán tháp Eiffel.

Thế là bắt đầu một cuộc tham quan vô tiền khoáng hậu trên công trình kiến trúc nổi tiếng nhất Paris, nhất thế giới. Năm chủ vựa phế liệu chẳng ngó ngàng gì tới phong cảnh đẹp xung quanh, tranh nhau trèo lên các cầu thang, tụt xuống, nghiêng ngó qua các bao lơn, gõ gõ các gióng sắt để kiểm định chất lượng, cạo móng tay lên lớp sơn chống rỉ, đạp lên các thanh dầm, nắn nắn các bùloong… Họ quan sát, ngắm nghía tháp Eiffel như bọn lái ngựa xem ngựa trong phiên chợ.

Sau đó, cả năm vị hể hả chia tay nhau, sau lời thỉnh cầu lịch sự của Victor Lustig: mỗi vị sẽ nhanh chóng gửi cho gã một bản đặt

giá. Thực ra, hắn chỉ chờ bản của Poisson là chính. Các bản khác, hắn chẳng cần để mắt tới, thậm chí chẳng có cũng không sao.

… Sau khi nhận được thư của Poisson, hắn mời ông ta tới khách san Crillon. Vừa nhìn thấy Poisson bước vào Victor đã cảm thấy hoàn toàn yên tâm. Hắn không lầm mảy may: mặt mày lão chủ vựa sắt vụn bữa nay càng đỏ gay gắt, vẻ càng xúc động càng căng thẳng hơn bao giờ hết…

Victor vốn đã dày dạn kinh nghiệm, tìm ngay được những lời phủ dụ:

– Thưa quí ông thân mến, không giấu gì ngài, giá do quí ông trả là cao nhất. Hơn nữa, tôi rất có thiện cảm với ngài.

Lão Poisson càng cụ cựa mạnh trên ghế. Lão nới rộng cổ cồn cho dễ thở. Rồi hổn hển:

– Trời! Sung sướng quá! Bẩy ngàn tấn thép tốt nhất thế giới sẽ là của tôi! Của một mình tôi!

Victor hơi hạ giọng, nói với vẻ cùng cánh với nhau:

– Quí ông chẳng lạ gì trong những phi vụ như thế này, người môi giới bao giờ cũng được phần trăm phải không ạ?

Dĩ nhiên lão chủ vựa chẳng lạ gì luật chơi. Lão chồm lên, móc bóp lôi ra một xấp bạc nặng tay.

– Tôi đã chuẩn bị sẵn phần của ông đây. Theo thiển nghĩ, 100.000 frăng có lẽ…

Victor xua tay cắt ngang, vớ luôn xấp bạc đút túi với nụ cười thông cảm. Vỗ lên vai lão chủ vựa phế liệu và nói bằng giọng thân mật rất đúng chỗ:

– Xin chúc mừng ngài Poisson. Tháp Eiffel đã thuộc quyền sở hữu của ngài.

Ngay bữa sau Victor rời Paris. Khi lão chủ vựa hám lợi nhận ra mình bị lừa quá đau thì trong tay lão chẳng còn gì, ngoài nước mắt để khóc lóc thảm thiết.

Poisson lâm vào tình cảnh bị lừa nhưng không dám tố cáo kẻ lừa mình. Không lẽ thú nhận với cảnh sát mình đã ngu tới mức nhận mua tháp Eiffel từ một thằng lừa đảo? Mặt mũi nào đứng ra tuyên bố trước dân Paris "Tôi là người giàu nhất và ngu nhất thế giới, xin hãy ngắm, hãy chiêm ngưỡng bản mặt cái thằng tôi, thằng đã bỏ tiền mua tháp Eiffel do một tên cò mồi lạ mặt dạm bán!"

Vậy là Victor Lustig đã một lần nữa thực hiện cực kì điệu nghệ nguyên tắc: làm cho nạn nhân không còn mặt mũi nào dám tố giác, kiện cáo hắn.

Victor Lustig còn "hành nghề" trong gần mười năm tiếp theo vụ này. Và luôn trung thành với nguyên tắc của tổ sư Nicky Arnstein truyền dạy.

Một lần nữa hắn lại sang Mĩ cư trú. Ở bên đó hắn bị bắt cả thảy bốn mươi tám lần nhưng có đến bốn mươi bảy lần chỉ ngồi tù mỗi lần có hai ngày. Lí do rất đơn giản: nạn nhân của hắn xin bãi nại vì sợ khi ra tòa không phải là hắn mà chính họ mới bị chê cười, nguyền rủa, và sẽ bị mất mặt, khó bề làm ăn sau này. Lần thứ bốn mươi tám xảy ra khi Victor Lustig ở La Habana, Cu Ba, với cô nhân tình mười tám tuổi Estelle Sweeny. Hồi này hắn đang kẹt tiền nên phải tìm cách xoay xở. Hắn tự xưng là nhà sản xuất phim ở Hollywood và lấy của một thương gia người New York bốn chục

ngàn đô để "dựng một sô diễn". Tất nhiên sô diễn này không bao giờ có.

Trong vụ này Victor Lustig không áp dụng đúng phương pháp đã giúp hắn luôn thành công. Do nóng ruột, muốn nhanh chóng có nhiều đôla cung phụng người tình nên lần đầu tiên và cũng là lần cuối cùng gã mất tỉnh táo, không kiên nhẫn giăng bẫy như những lần trước. Thương gia cỡ bự đó không bị hắn đưa vào tình thế "há miệng mắc quai" nên đã làm đơn kiện hắn ra tòa. Năm 1934 Victor Luustig bị bắt, phải lĩnh án hai mươi năm tù giam. Cẩm nang của sư phụ Nicky Arnsrein không hướng dẫn cách kiếm tiền cúng nộp người tình nên Victor Lustig đã lãnh đủ.

Victor Lustig sống quãng đời còn lại trong tù. Trên tường xàlim biệt giam, hắn ghim một tấm bưu thiếp từ lâu vẫn bán cả ngàn cả vạn bản ngoài chợ: bưu thiếp in hình tháp Eiffel nổi bật trên nền trời xanh thẳm. Phía dưới, Victor Lustig tự tay viết mấy chữ: "Đã bán với giá 100.000 frăng". Niềm an ủi cuối cùng cho tên lừa đảo. Hắn chết năm 1947, sau chấn song sắt nhà tù Alcatraz.

Phiếm luận:

Bọn lừa đảo thường có ở khắp nơi, ngón nghề ngày càng tinh vi. Hãy sống trung thực, sáng suốt và không sĩ diện hão sẽ tránh được nhiều chuyện tệ hại.

Nơi cung cấp bí mật của các thần tượng

Ông Dumontier giận dữ sùi bọt mép nạt cô con gái rượu Patricia:

– Xem này, Patricia! Thế là thế nào? Mày phôn cho những ai mà tiền điện thoại những chừng này?

Ông vung mạnh tờ hóa đơn tính cước phí của công ty điện thoại Télécom vừa gửi tới.

– Thật vô lý! Làm gì mà những tám ngàn sáu trăm bốn chục frăng tiền điện thoại trong có hai tháng!

Patricia mười sáu tuổi, hơi mập, không trả lời bố. Vì chính cô cũng không hiểu. Cô bé nhớ lại: mình chỉ gọi cho bọn bạn như mọi khi, nói chuyện với chúng có hơi dài dòng tí chút nhưng làm gì đến nỗi tốn nhiều tiền thế!

Hôm sau ông Dumontier đinh ninh có sự nhầm lẫn của công ty Télécom bèn tới tận nơi để khiếu nại. Công ty yêu cầu ông cứ trả số tiền trên hóa đơn đi đã, họ sẽ kiểm tra và trả lời sau. Ông Dumontier tức lắm, dọa ngưng thuê bao, cắt hợp đồng, nhưng nghĩ đi nghĩ lại cuối cùng ông bấm bụng trả tiền rồi về, chờ kết quả kiểm tra của Télécom. Khi tờ thông báo của Télécom gửi tới nhà, ông Dumontier lại một phen nổi giận. Nhưng lần này cơn thịnh nộ của ông không nhằm vào công ty điện thoại mà trút xuống đầu cô

con gái rượu Patricia đang khóc sướt mướt sau khi hiểu ra nguyên nhân dẫn tới tờ hóa đơn làm vơi hẳn túi ông bố.

Nguyên nhân là thói đam mê của Patricia đối với các ca sĩ đang được giới trẻ mến mộ, chẳng hạn như Patrick, Rocky, hoặc Johnny v.v… Thói đam mê được các đài truyền hình, phát thanh, các chuyên san dành cho thanh niên ra rả nuôi dưỡng hàng ngày, thổi bùng lên ngọn lửa tôn sùng thần tượng nóng bỏng trong tâm trí lớp trẻ cả nam lẫn nữ. Những lời cổ động ấy vô tình đã gợi ý cho bọn lừa đảo quốc tế đặt câu hỏi: tại sao không lợi dụng tâm trạng đó để làm giầu?

Mánh của chúng khá đơn giản. Trước hết, chúng thuê đăng trên các chuyên san dành cho tuổi trẻ những mẩu tin ngắn tiết lộ vài điều bí mật riêng tư của các ngôi sao, như: sao này đang yêu sao nào, vòng 1 của siêu mẫu nào bự nhất, cuộc tình giữa sao X với MC Y vì đâu đứt gánh giữa đường v.v… và v.v… Những thông tin giật gân ấy đều kèm theo ghi chú: "Nếu bạn muốn biết toàn bộ các bí mật trong đời sống riêng của Patrick, Rocky, Johnny hoặc bất cứ ngôi sao nào khác, hãy gọi tới số điện thoại sau đây…"

Patricia, cũng như tất cả mọi cô gái hiện đại khác, rất thành thạo sử dụng điện thoại. Cô ghi ngay số máy đó vào sổ tay. Số máy tuy hơi dài nhưng không sao, nhờ nó cô sẽ biết được nhiều bí mật chưa công bố, xung quanh tất cả các thần tượng của cô và sẽ làm bọn bạn của cô lác mắt khi nghe cô kể lại những thông tin quí hiếm và tối mật ấy.

Patricia nhấc máy, nghe tín hiệu báo đường dây đang rảnh. Cô bấm số, nghe tín hiệu gọi của cô đang chạy trên đường dây, chạy rất xa. Một lúc lâu mới nghe tiếng nói khô khan của chiếc máy trả lời tự động: "Chào bạn đã đến với trung tâm cung cấp thông tin về

thần tượng của bạn, về các siêu sao thượng thặng đang được thế giới trẻ chúng ta mến mộ hết mình. Đây là danh sách: Rocky, Patrick…" v.v… Nghe rất hấp dẫn, tuy hơi dài dòng.

Sau ít phút tán gẫu Patricia rất khoan khoái được biết về chuyến công diễn mùa hè của thần tượng cô và thầm tiếc mình không có điều kiện tới dự. Sau đó cô được thông tin vài chi tiết về đời sống riêng của thần tượng.

Tuy đã biết rồi nhưng Patricia vẫn lắng nghe: một mẩu giai thoại về lần ghi đĩa album mới nhất, vài tiết lộ xung quanh bộ sưu tập của thần tượng và về người chơi bộ gõ mới trong dàn nhạc cũ, về thời thơ ấu nhung lụa hoặc nghèo túng của thần tượng… Patricia được nghe tiếp một bản nhạc mới ghi đĩa dài gần bốn phút. Cuối cùng, máy trả lời tự động nhắc Patricia đừng quên gọi lại thật sớm để nghe tiếp những tiết lộ mới toanh về thần tượng của cô. Cuộc tiếp xúc đầu tiên này không khỏi làm cô bé hơi thất vọng nhưng dù sao cô cũng cảm thấy mình vừa được qua mười phút gần như trực tiếp trò chuyện với người cô vẫn mơ gặp mỗi đêm, với người cô mong được ghì chặt trên bộ ngực (đã khá đầy đặn) của cô.

Xét đến cùng thì những điều đó chẳng tác hại gì, cũng chẳng đáng lên án là sai lầm nghiêm trọng trong công cuộc giáo dục đạo đức cho lớp trẻ. Vấn đề là ở chỗ: những tên tổ chức "dịch vụ" điện thoại này đã bố trí để thu lợi tối đa. Chúng đặt tổng đài của "trung tâm" bên nước Anh, và móc ngoặc với các công ty điện thoại của Pháp để được hưởng khoản hoa hồng đáng nể từ cước phí các cuộc gọi do chúng mời chào nhờ các quảng cáo đăng trên báo chí. Thủ đoạn ranh ma nhất của chúng: các máy trả lời tự động được bố trí ở… tận nước Úc, hoặc New Zeland. Do đó, mỗi khi Patricia hoặc

các cậu ấm cô chiêu khác nhấc máy của ông bố và bấm số máy quí báu tuy hơi dài đó, chúng không ngờ mình đang gọi tới nơi cùng trời cuối đất. Và không ngờ mình đang trải qua mười phút trò chuyện tào lao tốn kém nhất trong đời!

Bán kính mát cho vua Ai Cập

Năm 1928 thủ lĩnh Tafari Makonnen lên làm vua nước Ethiopia, sau đó năm 1930 xưng hoàng đế với danh hiệu Hailé Sélassié đệ nhất.Khi đất nước bị quân Ý xâm lấn năm 1936 ông ta bỏ trốn sang Anh và trở về nước theo chân quân đồng minh năm 1941. Năm 1974 ông bị quân đội phế truất và qua đời năm 1975.

Năm 1954 hoàng đế Hailé Sélassié sang London với tư cách không chính thức. Ông không ở trong nhà khách Hoàng gia Anh, cũng không lưu lại trong đại sứ quán nước ông mà trong một căn hộ riêng tọa lạc tại một phuờng giầu sang nhất thủ đô.

Sáng đó hoàng đế ngồi đọc báo. Mọi tin tức về kinh tế, mọi đe dọa chiến tranh đang lởn vởn trên khắp thế giới đều khiến vị hoàng đế quan tâm. Chả gì ông cũng trị vì một nước có vị trí chiến lược ở châu Phi.

Ngược lại các tờ báo London cũng rất quan tâm tới vị khách quí. Họ đưa tin khá đầy đủ khá chi tiết về mọi động thái của nhà vua, thậm chí còn tiết lộ cả nơi vua ở. Chi tiết này không lọt khỏi mắt của Philip Sanders, một đại diện thương mại cực kì năng nổ của hãng kính đeo mắt lớn nhất nước. Anh ta chớp ngay cơ hội ngàn năm có một này để làm ăn. Anh suy luận: Ethiopia là một nước chan hòa nắng chói, chắc chắn phải là một trong những nước cần nhiều kính râm, và ở nước này người có khả năng sắm loại kính râm đắt tiền nhất chắc chắn phải là ông vua của nước đó.

Ngay hôm sau Philip Sanders thắng bộ đồ lớn đẹp nhất, mang chiếc xắc tay bự nhất, đi đôi giầy mới đánh xi láng coóng đi thẳng tới phường Belgravia, tới ngôi nhà vua ở. Tới trước cửa, Philip Sanders giật dây chuông, kiên nhẫn đứng chờ người hầu ra mở cửa. Diễn biến sau đó không ngờ lại thuận lợi quá sức tưởng tượng. Đáp lại câu hỏi về lý do tới đây, anh ta nói ậm ờ: tới gặp nhà vua về một chuyện rất riêng tư. Người hầu vào tâu lên hoàng đế. Sự tình cờ đã sắp đặt sẵn mọi chuyện: nhà vua đang buồn vì quá nhàn rỗi, xung quanh không có ai để trò chuyện giải khuây, ngay cả viên sĩ quan tùy tùng cũng vắng mặt. Nghe tâu có kẻ xin vào yết kiến với lý do không rõ ràng nhà vua tò mò muốn tìm hiểu thêm. Cộng vào đó là sự khờ khạo thường tình của các bậc vĩ nhân khi xử lý những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống đời thường… tất cả những yếu tố ngẫu nhiên này đã đưa anh bán kính tới trước mặt ông Vua của các Vua.

Philip Sanders rất kinh ngạc khi được dẫn vào phòng khách lộng lẫy có đức vua nhỏ con ngồi lọt thỏm trong chiếc ghế phôtơi kiểu Queen Ann to đùng, sự tương phản càng làm chiếc ghế trở thành mênh mông. Thực tình anh ta không dám mơ tưởng tới sự tiếp đón này. Khi từ nhà ra đi anh ta chỉ muốn thử xem đề nghị của mình sẽ bị từ chối theo cách nào, nơi vua ở được bảo vệ nghiêm mật tới đâu chứ không nghĩ mình sẽ được giáp mặt một ông vua mà kẻ thấp hèn như anh được tới tận nơi chiêm ngưỡng cặn kẽ từng chân tơ kẽ tóc.

Tuy kinh ngạc hết sức nhưng anh đại diện thương mại không mất bình tĩnh. Anh kính cẩn lựa những từ lễ phép nhất trình bầy lý do xin yết kiến với tư cách đại diện độc quyền của hãng kính W. ở London. Biết rằng bên nước Ethiopia không có chi nhánh của

hãng mình, anh mạo muội xin vào gặp hoàng đế để ngài có dịp thưởng lãm những loại kính mới nhất, sang trọng nhất, hi vọng ngài ngự sẽ chọn mua được cặp kính xứng đáng với mắt rồng v.v… Hoàng đế Hailé Sélassié lặng lẽ ngồi nghe, thỉnh thoảng gật đầu tỏ ý muốn nghe tiếp.

Philip Sanders nhanh nhẹn mở xắc, bầy lên bàn trước mặt vua vài chục kiểu kính râm cho đàn ông, từ những loại có kiểu dáng kinh điển nhất đến những loại cầu kì nhất, gọng sừng, gọng đồi mồi, gọng thép, gọng bạc, gọng mạ vàng, kín đáo có, bay bướm sặc sỡ có mà quái dị cũng có. Bầy hết các kiểu các loại kính mang theo Philip Sanders vẫn phân vân không biết trong các mặt hàng của mình có thứ nào xứng đáng được cưỡi lên mũi ông Vua của các ông Vua? Biết đâu, có khi ông ta mua hết bộ sưu tập này? Hoặc đặt mua một trăm cặp cho toàn thể họ hàng thân thích ông ta? Thậm chí có khi mua một ngàn cặp cho toàn bộ các quan trong triều? Hơn nữa, có thể ông ta mua tới mười ngàn cặp để trang bị cho quân đội của ông ta? Philip Sanders thầm lặng xây đắp mộng vàng trong khi Hailé Sélassié lần lượt nhấc từng đôi kính lên ngắm nghía, hỏi thêm vài chi tiết kĩ thuật, đeo thử một cặp rồi bước ra cửa sổ nhìn lên bầu trời London tự dưng bữa nay hửng nắng. Bỗng nhà vua quay lại nhìn anh chàng bán kính, nở một nụ cười dễ thương và tuyên bố:

– Trẫm lấy đôi này.

Philip Sanders suýt nghẹn nước miếng. Nhà vua hỏi tiếp:

– Giá bao nhiêu?

Trong cuộc sống, tất cả chúng ta đều đã có đôi lần lừa dối, lừa dối vì lòng tốt, vì phép lịch sự chẳng hạn. Thầy thuốc nói dối bệnh

nhân mắc bệnh nặng: "Không sao đâu! Sẽ khỏi thôi". Sau bữa tiệc liên hoan, khách cám ơn gia chủ: "Tất cả các món ăn đều ngon tuyệt!" tuy trong bụng nghĩ thầm: "Dở ẹt! Cố nuốt mãi mới trôi".

Cho tới lúc này Philip Sanders chỉ làm công việc chào hàng, tuy trong hoàn cảnh hơi bất thường nhưng rất chính đáng, hợp pháp và lương thiện. Anh không hề có ý lừa đảo.

Nhưng khi nhà vua quyết định mua, anh ta bỗng dưng nẩy ra ý xấu.

Vua Hailé Sélassié vừa chọn xong kính, Philip Sanders nghĩ ngay: không lẽ mình cất công vào đây để chỉ bán được có một cặp kính loại xoàng với cái giá vài bảng, rồi về lĩnh khoản hoa hồng còm? Philip Sanders còn đang mải nghĩ chưa trả lời đã thấy nhà vua mở ngăn kéo để hé một xấp giấy bạc dầy cộp. Tự dưng anh ta nghe mình vừa buột miệng nói lên con số khổng lồ: ba trăm bảng. Nhà vua không hề tỏ vẻ thắc mắc gì, lấy ngay tiền trong ngăn kéo đưa cho Philip Sanders kèm theo lời cám ơn anh đã cất công tới đây. Vừa nói vua vừa đeo cặp kính mới toanh lên khuôn mặt rám nắng và gật gù tỏ ý hài lòng. Cuộc hội kiến kết thúc… Philip Sanders hí hửng ra đi.

Vài phút sau sĩ quan tùy tùng trở về. Điều đầu tiên đập vào mắt anh ta là đôi kính lạ đặt trên bàn. Anh ta hỏi và được biết: một người lạ mặt đã vào gặp, đã nói chuyện hồi lâu với vua mà không có người giám sát, bảo vệ ở bên. Sĩ quan tùy tùng giật mình hốt hoảng: ngộ nhỡ đây là một tên trộm, một thích khách thì thật là tai họa tầy đình! Tò mò, anh ta hỏi Hailé Sélassié mua cặp kính với giá bao nhiêu, và ngay lập tức anh ta lồng lên, lầm bầm chửi thầm tên lừa đảo khốn kiếp. Anh quyết tìm ra tung tích và trừng trị hắn tận mạng.

Vài tuần sau, lần theo thương hiệu in trên gọng kính, nhà chức trách Anh quốc tìm ra Philip Sanders tuy anh chàng đã khôn ngoan không để lại địa chỉ. Gã thú nhận đã qua mặt nhà vua để kiếm một món tiền khơ khớ. Đã thế, vụ đẩy hàng thần tình này không được ghi trong báo cáo hàng tuần của anh ta gửi cho chủ hãng kính. Philip Sanders bị đuổi việc, buộc phải hoàn trả số tiền thu trội và viết bản kiểm điểm xin lỗi đức vua.

Một thời gian khá lâu sau vụ này, mọi người thấy hoàng đế Hailé Sélassié nước Ethiopia vẫn đeo cặp kính mua của Philip Sanders với cái giá đã được tính lại… theo đúng giá thị trường!

Nơi lẩn trốn kín đáo nhất...

Lúc 11 giờ sáng 26 tháng giêng 1969, người gác cổng tiệm vàng bạc đá quí nổi tiếng thế giới mặc chế phục có lon, ngù lộng lẫy vừa ngả mũ chào. Công việc của bác là như vậy: ngả mũ chào khách, mở cửa đóng cửa xe hơi, khi cần thì giương ô che đầu cho họ. Lần này bác chỉ ngả mũ chào mà không phải mở cửa xe vì cả ba vị khách, hai người đàn ông một phụ nữ đều đi bộ.

Trông bên ngoài, hai người đàn ông ra dáng những hoàng tử Ả Rập hoặc gần như vậy. Đi sau họ là người phụ nữ đứng tuổi, khuôn mặt sắc cạnh không che mạng tuy bà mặc váy Ả Rập. Cả ba vị đều hình như sặc mùi đôla dầu mỏ đàng hoàng đi thẳng vào tiệm.

Người gác mở cửa mời khách vào rồi đứng nghiêm trên hè đường Hòa Bình giữa thủ đô Paris. Gần một giờ sau, anh ta lại mở cửa. Phó giám đốc cửa hàng tiễn chân ba vị khách ra tận bậc thềm. Vẫn hai vị đàn ông ra trước, phía sau là bà già, cả ba đồng thanh chào "tạm biệt" bằng tiếng Pháp pha lẫn giọng nửa Ả Rập nửa Ăngle.

Người gác cổng hờ hững nhìn theo ba vị khách, nghĩ bụng: chắc họ vừa sắm món đồ trị giá hàng triệu frăng. Bác thấy họ băng qua đường theo hàng đinh. Nghĩ bụng: dù mình có là tỉ phú, bà xã cũng không đời nào đi đằng sau mình với dáng điệu khúm núm như thế kia.

Bỗng bác trợn tròn mắt. Cảnh vừa nhìn thấy thật lạ lùng, bác chạy vội vào trong tiệm.

Ban nãy thấy ba vị khách bước vào, phó giám đốc đã tiếp đón theo đúng cung cách nhà kim hoàn nổi tiếng: không tỏ vẻ vội vàng, không khép nép, nhưng rất chăm chú quan sát. Bà khách chỉ nói tiếng Anh. Hai hoàng tử mặc bộ đồ truyền thống miền Trung Đông. Một vị thấp, béo, để ria. Vị kia cao lớn, gầy, râu quai nón. Cả hai nói tiếng Pháp chưa sõi, pha giọng Anh Ả Rập. Người lớn tuổi có vẻ quyền cao chức trọng hơn, bảo phó giám đốc:

– Cho xem tất cả các loại nhẫn trong tiệm. Tôi muốn mua một cái thật ngon.

Phó giám đốc đã quen giao thiệp với loại khách sộp từ Trung Đông tới, lẳng lặng đưa ra những món đẹp nhất, quí nhất: nhẫn kiểu cổ nạm kim cương, nạm lục ngọc, hồng ngọc… Đưa các vị khách xem hàng với cử chỉ long trọng vừa phải. Vì chiếc nhẫn trị giá hàng triệu frăng không cần quảng cáo lắm lời. Chỉ cần đưa cho khách xem với điệu bộ trang trọng vừa đủ…

Trong 45 phút liền hai "hoàng tử" lần lượt xem tất cả những chiếc nhẫn quí, cái rẻ nhất cũng ngang giá một ngôi biệt thự trên Bờ Biển Xanh. Bà già đứng phía sau, không nói không rằng. Thỉnh thoảng hai "hoàng tử" giơ cho bà ta xem một chiếc, dưới cặp mắt chăm chú không một giây xao nhãng của phó giám đốc.

Cuối cùng, "hoàng tử" cao lớn râu quai nón phán:

—Mẹ tôi chưa quyết. Xin cám ơn. Sẽ quay lại.

Ba vị khách Ả Rập đi ra, bà già vẫn đoạn hậu. Họ băng qua đường trong hàng đinh, đi lên hè.

Đây là lúc bác gác cổng dựng đứng tóc gáy, chạy vội vào tiệm túm lấy phó giám đốc:

– Ông ơi… Ba người Ả Rập vừa rồi… Hai đàn ông một bà già ấy mà!

– Ừ. Sao?

– Ông có biết họ là ai không?

– Không. Bác biết à?

– Không. Nhưng… tôi muốn hỏi: họ tự giới thiệu họ là thứ gì?

Phó giám đốc sốt ruột, bực bội cắt ngang:

– Là hai hoàng tử. Của một vương quốc nào đó. Có khi là anh em ông vua nước Kuwett cũng nên. Sao bác lại hỏi vậy?

– Vì… vì… tôi thấy họ vừa nhẩy lên xe máy!

Máu trong người phó giám đốc chợt đông cứng lại. Ông cho mở tất cả các hộp ra kiểm tra: ôi thôi, chiếc nhẫn gắn viên lục ngọc, đầy kim cương bao quanh, trị giá sơ sơ hai triệu frăng đã không cánh mà bay.

Mọi người xô nhau đuổi theo: nhưng chiếc xe máy đã mất hút.

Vừa may có chiếc xe tải nhỏ của cảnh sát chạy ngang qua. Bác gác cổng nhẩy lên, xe hụ còi phóng như bay.

Đến ngã tư Madeleine, bác gào lên:

– Kia rồi! Hai xe máy bên phải đường! Ô kìa, chúng tách làm đôi.

Đúng vậy. Hai gã Ả Rập ngồi hai xe máy rẽ sang hai con đường.

Dĩ nhiên, xe cảnh sát bỏ gã rẽ phải, lao theo gã chạy thẳng đường lớn dễ đuổi kịp hơn. Lái xe mím môi dận ga sát sàn. Vượt

qua xe máy, phanh gấp. “Hoàng tử Ả Rập” tông vào đít xe tải ngã quay đơ.

Một giờ sau, cảnh sát quận Tư ngán ngẩm thừa nhận: họ đã mắc vào mẹo vặt của bọn ăn cắp vặt: thằng chạy đường lớn nhử cảnh sát đuổi theo để thằng quẹo phải mang nhẫn thoát thân. Còn mụ già thì đã thả bộ lủi mất từ đầu.

Phải cầu cứu Interpol.

Gã tông vào xe cảnh sát là Ben Slauy, 42 tuổi, người Bắc Phi, thuộc nhóm Slauy chuyên ăn cắp vặt trong phường Goude. Một số bọn này sống ở ngoại ô Paris, một số khác ở miền Trung. Việc điều tra bọn này do thanh tra hình sự Dandi đảm trách, vì anh ta rất thạo các băng nhóm người Bắc Phi.

Qua các chỉ điểm, Dandi biết bọn Slauy có tay chân ở Tây Đức. Anh cho canh chừng cẩn mật các sân bay, các đường biên giới và tổ chức vây ráp vùng ngoại ô Paris. Nhưng anh không tin chiếc nhẫn nằm trong tay nhóm Slauy vì biết rằng tên Ben Aoma cưỡi xe máy quẹo phải là thành viên một nhóm chuyên sinh sống trên những căn nhà lưu động ở vùng ngoại ô Paris.

Tên này chưa có tiền án tuy cũng nằm trong băng trộm cắp do mẹ hắn là Hadida cầm đầu.

Chắc Hadida là bà hoàng hậu dỏm đi cùng hai hoàng tử dỏm bữa đó. Bây giờ cảnh sát không thấy mụ trong ngôi nhà bánh xe mụ vẫn ở. Con trai mụ đã mang nhẫn đi, chắc hắn đang trốn ở đâu đó.

Thanh tra Dandi phân tích: trong vụ này có hai nhóm tham gia. Một là nhóm của Slauy, tên này đã để cho cảnh sát bắt. Hai là nhóm của Aoma, hiện đang giữ chiếc nhẫn.

Nhưng vì Slauy đang ngồi tù, nhóm Aoma sẽ phải chia phần cho một đại diện của nhóm Slauy sau khi bán được chiếc nhẫn. Việc này không dễ vì giá trị chiếc nhẫn rất cao.

Giữa lúc ấy cảnh sát tìm thấy xác tên Aoma bị cắt cổ ở Havre. Các nhân chứng đều khai: hung thủ là em ruột của tên Slauy, lúc này vẫn đang ngồi tù.

Thế là rõ. Aoma đã phản bội đồng bọn: nó không chịu trả chiếc nhẫn nên đã bị thủ tiêu. Một tuần sau, ba tên trong nhóm Aoma lại bị giết, xác nổi trên cảng Génevillier.

Bọn Aoma nhất định không trả chiếc nhẫn. Nên nhóm Slauy đã tuyên chiến với chúng.

Những tuần sau đó, cuộc chiến giữa hai nhóm tiếp tục diễn ra đẫm máu. Xác chết la liệt ở Paris, Marseille, Toulouse, cả ở Frankfurt bên Tây Đức. Toàn người Bắc Phi, người của nhóm Slauy và của nhóm Aoma, nên cảnh sát không sao biết nhóm nào cầm giữ chiếc nhẫn.

Tuy vậy cảnh tàn sát này không làm thanh tra Dandi buông lơi kẻ anh cho là nhân vật chính: Hadida, mẹ đẻ tên Aoma bị giết đầu tiên và là "giám đốc" trường đào tạo ăn cắp. Mụ đã đào tạo nhiều thế hệ dân chôm chỉa cho cả hai nhóm, và được cả hai nhóm tôn sùng, coi như "mẹ nuôi". Nói cách khác chỉ mụ mới có khả năng dàn hòa giữa hai nhóm, làm chúng đình chiến với nhau. Với điều kiện không nhóm nào được giữ chiếc nhẫn. Nó phải nằm trong tay mụ.

Việc truy tìm mụ Hadida được tiến hành ráo riết. Cảnh sát lục lọi mọi xó xỉnh của các khu có dân Bắc Phi trú ngụ, tung chỉ điểm dòm ngó, đánh hơi khắp nơi. Công ty bảo hiểm treo giải thưởng

100 ngàn frăng cho ai mách tin để tìm ra chiếc nhẫn trị giá hai triệu.

Một tháng sau vụ trộm, thanh tra Dandi tình cờ được biết một mụ người Ả Rập đã bị bắt ở vùng Evơ cách đây đã lâu và bị kết án một tháng tù vì tội ăn trộm rau. Thanh tra xem phiếu tù của mụ, giật mình: mụ bị bắt ngay hôm sau ngày tiệm vàng bạc bị mất chiếc nhẫn. Thanh tra lập tức gọi điện tới trạm giam yêu cầu tả nhận dạng. Và anh hiểu ngay: mụ cáo già cố tình để cho cảnh sát bắt giam. Nhà tù là nơi chắc chắn nhất để mụ được an toàn trong cuộc chiến giữa hai băng nhóm. Và cũng là nơi cảnh sát không mò đến tìm kiếm mụ.

Mụ vừa được tha cách đây hai ngày. Rồi biến mất tăm! Nghe tin đó thanh tra Dandi chợt linh cảm thấy một điều. Anh điện cho giám đốc trại tù, yêu cầu gửi cho anh bản kê các đồ vật của mụ già gửi vào kho khi bị bắt giam. Viên thư kí trại cho biết:

– Chẳng có gì nhiều. Một cái váy rách, một chiếc ví thủng đựng 23 frăng, chiếc lược cài đầu bằng sắt tây, một chiếc nhẫn 3 xu…

Thanh tra Dandi chết lặng hồi lâu mới lên tiếng hỏi:

– Nhẫn như thế nào?

– Nhẫn to đùng, loại nhẫn dở hơi ấy mà! Của dỏm! Có viên đá xanh thiệt bự, xung quanh gắn đầy mặt đá dỏm. Ông tìm cái gì cơ?

– Không, không. Kiểm tra chút xíu cho biết thôi.

Mụ Hadida giao chiếc nhẫn chôm được cho viên lục sự nhà tù cất giữ hộ. Đây là nơi gửi gắm còn chắc ăn hơn cả ngân hàng Thụy Sĩ! Viên thư kí nhà tù tỉnh nhỏ có đời nào nghĩ rằng mụ già Ả Rập ăn trộm rau ngoài chợ lại giao cho anh ta giữ hộ chiếc nhẫn trị giá 2 triệu frăng! Mà chính đó lại là cách tốt nhất để mụ giữ được chiếc

nhẫn không bị cảnh sát bắt và có chỗ ẩn nấp an toàn không bị nhóm địch thủ giết mụ.

Sau đó cảnh sát chịu bó tay không bắt được mụ Hadida, không tìm ra chiếc nhẫn bạch kim giá 2 triệu frăng. Họ chỉ được một niềm an ủi: cuộc chiến giữa hai nhóm Slauy và Aoma chấm dứt. Một niềm an ủi quá đắt!

Kho tư liệu vô giá

Michel Chasles ra đời ở Epernon năm 1793. Ông là một nhà bác học xuất chúng, một thiên tài toán học, đã khởi xướng cuộc cách mạng hình học đưa môn này lên một tầm cao mới. Những người cùng thời đều thừa nhận tài năng và cống hiến của ông nên đã tưởng thưởng ông rất xứng đáng. Ông là giáo sư tại đại học Bách khoa dạy môn hình học ứng dụng được thành lập riêng cho ông tại khoa Khoa học cơ bản, là viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học Pháp và Viện Hàn lâm Brussels (Bỉ). Được tặng thưởng Bắc đẩu bội tinh và huân chương Copley, huân chương cao quí nhất của Hoàng gia Anh tặng các nhà bác học.

Tuy vậy, bộ óc thông thái, con người rực rỡ vinh quang và rất giầu có này có một chỗ yếu chí tử: đam mê các văn kiện cổ, sẵn sàng trả bất cứ giá nào để mua về. Nhưng cho tới năm 1862, đã xấp xỉ bẩy mươi, ông vẫn chỉ mới mua được vài món loại hai.

Bữa nay có người tới nhà riêng, báo tin đang giữ một bức thư do chính tay Molière viết. Michel Chasles vội bảo người nhà mời khách vào. Khách có lẽ chừng năm mươi, nhưng trông người rất khó đoán tuổi: lưng gù, đầu hói gần trọc lốc, đeo đôi kính nhỏ gọng sắt, hội đủ mọi nét của loại mọt sách. Khách tự giới thiệu rất nhún nhường gần như khúm núm:

– Thưa ông, tôi tên là VrainLucas quê ở Lanneray gần Châteadun.

– Tôi quê ở Chartres. Hai ta vậy gần như là đồng hương rồi.

Nhờ vậy giữa chủ và khách lập tức có mối liên hệ nồng nhiệt. VrainLucas cẩn thận lấy trong cặp da lá thư. Thư có chữ kí của nhà soạn kịch nổi tiếng Molière gửi cho một người quen mang cái tên lạ hoắc.

– Thưa ông, tôi xin 500 frăng, một cái giá vừa phải.

Viện sĩ không có ý kiến về giá cả, chỉ băn khoăn về nguồn gốc lá thư. Gã gù lưng đeo kính bước tới bên, nói nhỏ:

– Từ một bộ sưu tập đấy, thưa ông.

– Một bộ sưu tập?

– Vâng, của bá tước Boisjoudrain di tản sang Mĩ năm 1791. Ông ta chết đuối khi tàu đắm, nhưng chiếc rương đựng thư từ của bá tước đã được tìm thấy. Rương hiện nằm trong tay một ông già nghèo đói nhờ tôi bán giúp.

– Ông ta còn giữ nhiều không?

– Hàng ngàn lá thư.

Mắt nhà toán học vụt sáng lên đầy thèm muốn chẳng khác mắt trẻ con khi đi ngang cửa hàng đồ chơi bánh kẹo.

– Ông Lucas, mong ông hứa sẽ báo tôi biết mỗi khi muốn bán một món nào.

– Dạ, dạ, xin thề, nhân danh đồng hương. Đồng hương với nhau thì dĩ nhiên phải giúp đỡ nhau. Nhưng xin ông đừng để lộ tin này. Lá thư của Molière chỉ là hàng mẫu thôi. Tôi còn những món quí hơn nhiều…

Quả nhiên ít bữa sau VrainLucas trở lại mang theo nhiều món quí hơn nhiều. Nói quí vẫn chưa đúng với giá trị món hàng, vì đây

là lá thư của César gửi Vercingétorix! Và có cả thư trả lời, có thể coi là tờ thông hành của Vercingétorix ban cho người mang thông điệp của César. Thư viết bằng tiếng Pháp cổ:

"Vercingétorix chủ tướng người Gaulois trao thư này cho phép Trogus được trở về với hoàng đế César. Lệnh cho những người đọc thư này phải để Trogus tự do đi lại và giúp đỡ khi cần".

Gã đầu hói đeo kính lễ phép nghiêng mình:

– Ông già cũng xin 500 frăng. Tuy lần này có những hai món và đều là của hiếm.

Viện sĩ vội vào lấy tiền trong ngăn kéo bàn làm việc.

– Nhờ ông Lucas chuyển giúp lời tôi cảm ơn. Mong ông sớm quay lại.

Vụ lừa đảo đáng kinh ngạc nhất, khó giải thích nhất từ cổ chí kim đã mở đầu như vậy. Michel Chasles, một trong những bộ óc thông minh siêu việt nhất thế kỉ XIX đã mù quáng cả tin và bị VrainLucas lừa gạt tới mức không sao có thể lí giải nổi. Tin lá thư giả mạo của Molière là thật thì còn có thể hiểu được, nhưng tin có thư từ qua lại giữa sếp Romain với sếp Gaulois bằng tiếng Pháp cổ thì thật kì quặc! Đã vậy, trong thư sếp Gaulois lại viết "hoàng đế César", nhưng César đâu có xưng đế bao giờ, hơn nữa, chính vì có tham vọng đó nên ông ta mới bị Brutus giết. Mặt khác, chỉ cần soi tờ thư lên ánh đèn là thấy ngay hình bông huệ in bóng! Hơn nữa, thời César làm gì đã có giấy, các văn bản toàn viết lên da thú! Quả là không thể nói gì hơn về câu chuyện này ngoài việc tạm công nhận: không ai dám bịa đặt trắng trợn đến thế, nhưng lại là chuyện có thật!

Năm 1869. Bẩy năm đã qua. Trong bẩy năm ấy "ông già nghèo đói" tuy tiếc đứt ruột vẫn phải từ bỏ rất nhiều đồ sưu tập quí hiếm của mình đưa cho VrainLucas vì tình đồng hương thắm thiết mang tới bán cho Michel Chasles.

Trong kho tàng đồ sộ ấy có đủ tư liệu về đời sống riêng tư của mọi đấng vĩ nhân của mọi thời đại, mọi điều bí ẩn trong lịch sử đều được giải thích rõ ràng. Trong khuôn khổ bài viết này không thể chép lại dù chỉ rất tóm tắt toàn bộ những tư liệu hiếm có ấy, chỉ xin điểm qua vài món làm ví dụ.

Thư nàng Cléopâtre người tình Ai Cập của César viết "Con trai Césarion của chúng mình vẫn khỏe, có thể chịu đựng chuyến đi xa tới Marseille để học các điều tốt đẹp ở đó."

Thư của Alexandre đại đế gửi Aristote viết "Ta chấp thuận lời ông xin được tới xứ sở người Gaulois để học tập. Ta vẫn coi đây là quốc gia đã mang lại ánh sáng cho thế giới này".

Cô gái chăn cừu Jeanne d'Arc tất nhiên cũng có mặt. Như có phép lạ, bỗng nhiên cô biết viết! Thư cô gửi bố mẹ có đoạn "Con đã yết kiến Charles VII bàn cách tống cổ bọn Anh ra khỏi đất nước và con đã được phong làm chỉ huy đội quân của Người".

Còn nhiều nữa, kể không xiết. Michel Chasles tin những thư đó là thật, có lẽ một phần vì ông có tinh thần yêu nước rất cao, thậm chí có tư tưởng hơi sô vanh, nên rất dễ xiêu lòng trước những lời tán tụng nước Pháp quê hương ông. Cũng có lẽ vì thế nên khi thấy các nhân vật lịch sử của nhiều quốc gia khác nhau đều viết thư bằng tiếng Pháp cổ, lòng tự hào dân tộc đã làm ông mất tỉnh táo. Thư Christophe Colomb người Ý gửi Rabelais miêu tả những điều tai nghe mắt thấy ở châu Mĩ, thư của Archimède người Hy Lạp,

của Shakespeare người Anh đều bằng tiếng Pháp tuốt! Kể cả bản tuyên cáo hiếu chiến của Hốt Tất Liệt mang chữ kí của ông vua khét tiếng dữ dằn. Tuy Hốt Tất Liệt chẳng những không biết tiếng Pháp mà còn không biết chữ để kí được tên!

Để mua được những tuyệt tác ấy Michel Chasles đã bỏ ra 150.000 frăngvàng. Một gia tài khổng lồ! Phải chi nhiều như vậy, trong một thời gian dài như vậy nhưng ông không một phút nào nghi ngờ. Tuy đôi khi có xích mích với bạn đồng hương VrainLucas, nhưng chỉ vì ông ta chậm mang hàng tới bán. Có một lần, tình hình diễn ra khá nghiêm trọng. Tới mức VrainLucas nổi cáu:

– Nếu ông không hài lòng, cứ trả hết cho tôi! Tôi hoàn tiền cho ông.

Nhà bác học vội xuống nước, đấu dịu ngay:

– Thôi tôi xin, tôi xin! Từ nay trở đi sẽ không dám kì kèo gì nữa. Đừng đòi lại mà tội nghiệp! Tôi quí những tư liệu này hết mình!

Tên bịp chắc sẽ không hề hấn gì nếu Michel Chasles không phải là viện sĩ. Ông vốn dĩ là con người hào hiệp, không muốn giữ cho riêng mình được hưởng kho báu mà cảm thấy có nghĩa vụ chia sẻ với đồng nghiệp.

Nhân dịp kỉ niệm sáu trăm năm ngày sinh nhà thơ Ý Dante (12651321), ông tặng thành phố Florence bản thảo một bài thơ của Dante và được các quan chức bên đó nhiệt liệt cảm ơn, tuy bài thơ được viết bằng tiếng Pháp. Sau này, khi được kết nạp vào Viện Hàn lâm Bỉ, ông tặng viện hai lá thư của hoàng đế Charles Quint gửi văn hào Rabelais. Hai lá thư được cất giữ trịnh trọng trong Hàn lâm viện Brussels.

Viện Hàn lâm Khoa học Pháp tất nhiên được viện sĩ Michel Chasles đặc biệt ưu ái. Ngày 15 tháng Sáu 1869 ông tặng viện hai thư của Pascal gửi nhà hóa học Robert Boyle người Iceland. Hai lá thư khiến các đồng nghiệp xôn xao, thậm chí kinh ngạc: Pascal sử dụng những công thức toán học hồi đó chưa ai biết. Một đồng nghiệp của Michel Chasles thẳng thừng tuyên bố:

– Những ghi chép ông nói của Pascal thực ra đã được chép ra từ một công trình mới toanh.

Michel Chasles không nao núng nhưng bực mình. Ông tin chắc tư liệu của ông toàn là vàng mười. Tuy nhiên, cần có thêm chứng cứ khác để lí lẽ của ông có sức nặng áp đảo. Ông gọi VrainLucas tới, nói rõ tình hình. Gã bịp mỉm cười trấn an nhà bác học:

– Khỏi lo, thưa ông. "Ông già nghèo đói" có đủ bằng chứng.

Trong cuộc hội nghị viện sĩ ngày 31 tháng Bẩy, Michel Chasles đưa ra bằng chứng do VrainLucas vừa cung cấp từ bộ sưu tập của "ông già nghèo đói". Nó như một quả bom nổ giữa hội nghị các nhà bác học! Bằng chứng là lá thư Pascal gửi nhà khoa học trẻ Newton người Anh. Qua lá thư người ta thấy nhà bác học người Pháp sau khi khám phá ra định luật vạn vật hấp dẫn đã vô tư thông báo cho Newton biết các yếu tố của định luật kèm theo vài lời khuyên cha chú: "Bạn trẻ thân mến, tôi gửi cho anh mấy vấn đề xung quanh các định luật trừu tượng hóa tôi đã từng quan tâm trước đây, nhằm rèn luyện tài năng cho anh… Hãy miệt mài lao động, cần cù học tập. Đó là cách tốt nhất để tận dụng các tri thức thu lượm được. Tôi khuyên anh như vậy qua kinh nghiệm bản thân".

Thật lạ! Đa số viện sĩ Viện Hàn Lâm Khoa học Pháp tuyên bố tán thành phát hiện mới rất quan trọng này: không phải Isaac

Newton tìm ra qui luật vạn vật hấp dẫn mà chính là Blaise Pascal tìm ra từ bốn mươi năm trước.

Lẽ dĩ nhiên, bão táp lập tức nổi lên bên kia biển Manche. Viện Hàn lâm Edimbourg coi đây là một "sự giả mạo đê hèn". Sir David Brewster chuyên nghiên cứu và viết tiểu sử Newton gửi thư cho viện Hàn lâm Pháp:

"Qua nghiên cứu toàn bộ thư từ của Isaac Newton hiện được giữ tại nhà những người thân của ông đang sống ở Hurstbourne, tôi đảm bảo không có lá thư nào của Pascal gửi Newton… Hai nhà bác học danh tiếng này không hề quen nhau. Năm 1654 Newton mới mười một tuổi nên còn mải chơi đá bóng, trốn tìm là những trò hợp với tuổi trẻ con…"

Lí lẽ khá lôgic. Cho dù công nhận Pascal là người khám phá định luật vạn vật hấp dẫn đi nữa điều này trái với mọi khẳng định lâu nay thì cũng phải đặt câu hỏi: ông thông báo tin đó với một chú nhóc ở bên kia biển Manche để làm gì?

Michel Chasles lại bực mình. Có quá nhiều chống đối, quá nhiều ồn ào. May sao VrainLucas lại nhanh chân tới ứng cứu.

– "Ông già nghèo đói" có miếng phản đòn đây rồi.

Miếng phản đòn rất thần tình, giúp Michel Chasles có cơ hội tấn công. Ông trình trước viện Hàn lâm lá thư của mẹ Newton gửi Pascal cám ơn những nghĩa cử dành cho con trai bà. Thấy vẫn chưa đủ để dẹp yên mọi lời chỉ trích, bà mẹ của Pascal vào cuộc. Michel Chasles lại đọc trước viện Hàn lâm thư của bà gửi cho nhà văn Pháp SaintEvremond bày tỏ niềm tự hào về vụ con trai bà khám phá ra Định luật Vạn vật Hấp dẫn.

Khốn nỗi, rất nhiều nhà bác học danh tiếng đã chứng minh: Ở mức phát triển của thiên văn học hồi đó, Pascal không thể khám phá nổi định luật này.

Không sao! "Ông già nghèo đói" lại trao cho VrainLucas mang tới bán cho Michel Chasles miếng phản đòn khác. Ông này trình làng nhiều lá thư của Galileo gửi Pascal năm 1641, trong thư nhà thiên văn người Ý thông báo cho Pascal những kiến thức cần thiết. Thư viết cả về những vòng đai sao Thổ (mãi mười lăm năm sau đó mới được nhà thiên văn Huygens người Hà Lan phát hiện!) Mặt khác, lá thư được viết khi Galileo đã mù cả hai mắt từ bốn năm trước! Michel Chasles cãi: Galileo giả bộ mù để khỏi bị tòa Dị giáo trừng trị, Huygens đã chép lại việc khám phá các vòng đai sao Thổ khi tới thăm Pascal và đọc trộm lá thư của Galileo.

Thấy nhà bác học của mình bị tước mất tác quyền, người Hà Lan lên tiếng phản đối quyết liệt. Người Ý cũng công phẫn trước tình trạng Galileo của họ bị coi rẻ… Thế là các cuộc bút chiến, khẩu chiến nổ bùng dữ dội kéo dài ba tháng liền. Michel Chasles vẫn bình thản liên tiếp đưa ra những bằng chứng mới.

Ngày 26 tháng Mười 1869, nhà thiên văn đầy uy tín Le Verrier lâu nay vẫn đứng ngoài cuộc, đã thuyết phục các viện sĩ biểu quyết "chính thức tuyên bố không liên quan gì tới những điều huyền hoặc và sai lạc về thời gian trong những lá thư của viện sĩ Michel Chasles."

Lần đầu tiên lòng tin của nhà bác học lung lay. Có người khuyên ông khởi kiện. Ông nghe theo nhưng không khởi kiện VrainLucas tôi lừa bịp mà về tội không giao món hàng ông đã đặt:

ba ngàn lá thư nữa. Kiện vì lo gã hoảng sợ trước diễn biến tình hình sẽ mang kho báu chuốn mất. Ông khai với cảnh sát:

– Tôi sợ hắn ta bán cho nước ngoài những văn thư vô giá.

VrainLucas bị bắt. Tuy nằm trong cảnh nước sôi lửa bỏng nhưng gã không chạy trốn. Vẫn ngày ngày ra Thư viện Quốc gia tìm những tư liệu về thư từ của Galileo, của Pascal, xé trộm những trang giấy viết thư còn để trống.

Cuộc điều tra bắt đầu. Các tình tiết không mấy hấp dẫn và bị cáo cũng quá tầm thường so với những sự kiện có tầm cỡ quốc gia và quốc tế đã được đăng tải rầm rộ trên báo chí. VrainLucas sinh năm 1818 ở Lanneray gần Châteaudun đúng như gã đã khai. Như ta đã thấy, đây là một yếu tố có sức nặng trong vụ này. Con một gia đình nông dân, lúc trẻ làm ruộng, nhưng sớm có nhiều tham vọng nên gã tự học, rồi làm thơ lại ở Châteaudun, bỏ lên Paris xin một chân trong Thư viện Quốc gia (hồi đó là Thư viện Hoàng gia), nhưng bị từ chối vì chưa đỗ tú tài. Gã đành cam chịu sống nghèo với đồng lương nhân viên chào hàng lưu động cho một văn phòng nghiên cứu phả hệ. Có nhiều thì giờ rảnh rỗi, gã vào các thư viện, giải trí bằng trò bắt chước chữ kí người xưa. Và gặp ở đó người đồng hương Michel Chasles. Bắt đầu vụ lá thư Molière và các vụ tiếp theo… Trong khẩu cung, VrainLucas khẳng định khá có lí: tuy gã lập mưu lừa đảo ngay từ đầu, nhưng những diễn biến sau đó lại do nhà bác học vẽ đường, o ép gã phải làm tiếp nên quả lừa mới càng ngày càng phình to, có thể nói chính nhà bác học đã buộc hắn phải lừa đảo.

– Ông Michel Chasles đã khẩn thiết đòi tôi mang thêm nhiều tư liệu loại đó. Ông ta còn kê một danh sách dài những nhân vật tôi

phải có thư mang tới cho ông. Và nói nếu có, ông sẽ dùng làm tư liệu cho ra một cuốn sách dày.

Gã tự bào chữa bằng lập luận rất độc đáo:

– Dù cuốn sách ấy có giả mạo, có đáng ngờ trong chừng mực nào đó, nó cũng sẽ có tác dụng phổ biến kiến thức lịch sử, do đó góp phần vào sự phát triển tri thức nhân loại…

Phiên tòa xử VrainLucas mở ngày 24 tháng Hai 1870. Bị cáo, gã gù lưng hói đầu, mắt cáo già giảo hoạt sau cặp kính trắng gọng sắt, dáng điệu nông dân khù khờ trông chẳng có thớ chút nào. Nhưng mọi người tới đây không phải để xem mặt hắn. Họ chen lấn, dẫm đạp lên nhau để nhìn cái ông cao lớn mặc áo đuôi tôm đen, ve áo đỏ rực cuống huân chương Bắc đẩu bội tinh và huân chương Copley đang cố thu mình thật nhỏ trên ghế nguyên đơn.

VrainLucas nhận tội đã bán cho nhà bác học Michel Chasles tổng cộng 27.345 lá thư giả mạo, lấy của ông ta số tiền 150.000 frăng.

Nạn nhân được mời lên khai. Những người dự khán cười ồ lên, nhưng viện sĩ vẫn đàng hoàng. Mở đầu lời khai bằng câu:

– Hai chúng tôi là đồng hương…

Sau đó mới thuật lại đầu đuôi chuyện bị lừa, nhưng hễ nói tới thu phạm thì vẫn rất lịch sự, một điều "ông Lucas", hai điều "ông Lucas".

Quan tòa nêu câu hỏi đang mấp mé ở cửa miệng tất cả những người ngồi dự:

– Xin cho biết tại sao ông tin César, Cléopâtre, Archimède, Attila và tất cả các nhân vật khác đều biết tiếng Pháp?

Nhà bác học trả lời:

– Dĩ nhiên tôi cũng đã hỏi ông Lucas câu này. Và được ông Lucas giải thích: đây là những bản sao lấy từ tu viện Tours. Các tu sĩ có liên hệ với tất cả các nước nên được họ cung cấp các bản gốc để các tu sĩ dịch. Rabelais là một trong những người dịch sang tiếng Pháp.

Khi Michel Chasles về chỗ, cử tọa ôm bụng cười chẩy nước mắt. Có người hét:

– Cho viện sĩ một cái mũ tai lừa!

Chủ tọa gào khản cổ vẫn không sao lập lại được trật tự.

– Tòa chứ không phải quán xá! Đừng để tôi phải gọi đội bảo vệ tới!

Không khí phiên tòa cực kỳ thuận lợi cho luật sư trẻ Helbronner phát biểu rất hùng hồn để bênh vực thân chủ. Anh ta đưa ra một lí lẽ sắc bén: lòng yêu nước của bị cáo. Hồi này chiến tranh PhápPhổ sắp nổ ra nên tinh thần yêu nước là món trang sức thời thượng.

– Thân chủ tôi lâu nay vẫn bênh vực nước Pháp thân yêu của chúng ta, không chỉ trong thư từ giữa Pascal với Newton. Ta thấy rất rõ: Thalès cho vua người Gaulois những lời khuyên hòng cai trị chúng dân có hiệu quả hơn. Alexandre đại đế trong thư gửi Aristote hết lời ca ngợi người Gaulois. Cléopâtre cho con trai sang Marseille học. Tinh thần yêu nước đến thế chẳng đáng kính phục lắm sao?

Phòng xử rung chuyển tiếng hoan hô, tiếng vỗ tay. Mãi mới dứt để nghe tòa tuyên án: VrainLucas lĩnh hai năm tù ngồi, nộp phạt 500 frăng. Vậy là gã còn được 149.500 frăng tiền lãi. Không ai biết sau khi mãn hạn tù gã dùng số tiền lớn đó vào việc gì. Vì gã biến hẳn, không để lại dấu vết…

Điều làm mọi người cho tới nay vẫn còn ngạc nhiên là ở chỗ: Michel Chasles không coi VrainLucas là tên tội phạm. Nhiều năm sau nhà bác học vẫn còn tuyên bố:

– Không thể cho rằng kho tư liệu khổng lồ đó lại do một mình gã viết ra, một gã không biết tiếng Latinh, tiếng Ý, cũng chẳng biết tí gì về những môn khoa học được đề cập trong thư. Vì thế, chắc chắn có một bí ẩn nào đó cần tìm hiểu, không nên vội kết luận.

Không thấy Michel Chasles một lúc nào tỏ ý oán trách tên đại bịp. Qua đời năm 1880, ông tặng toàn bộ kho thư giả mạo cho Thư viện Quốc gia.

Những tờ giấy bạc đẹp hết ý

Sáng sớm một ngày năm 1960 nhiều tờ báo hàng ngày của thành phố Cannes đăng cáo phó: ông Van Goyen một thương gia đáng kính người Hà Lan tới sinh cơ lập nghiệp từ lâu tại Bờ Biển Xanh vừa từ trần. Mọi người biết tin đều kinh ngạc và buồn tiếc người chủ tiệm may mặc nổi tiếng đàng hoàng và rất thành đạt. Vài tờ báo nhắc lại trong một bài ngắn ngủi tiểu sử ông Van Goyen và quá trình kinh doanh rất thành công của ông. Không tờ nào nói động tới một khía cạnh khá đặc biệt của nhân vật này: Van Goyen là thủ phạm một trong những quả lừa lớn nhất thế kỉ XX…

Ba mươi sáu năm trước, năm 1924 ở London, Van Goyen trong bộ cánh rất bảnh bước vào văn phòng công ty Melton & Sons, doanh nghiệp in rất lớn của quốc gia. Trước đó vài ngày anh ta đã phôn cho giám đốc công ty báo trước: với tư cách đại diện chính phủ Bồ Đào Nha anh sẽ tới bàn một việc tối mật. Ông Melton giám đốc doanh nghiệp in không hề ngạc nhiên: ông đã quá quen với những cuộc bàn luận in ấn đòi hỏi phải giữ tuyệt đối bí mật.

Vào tới văn phòng giám đốc nhà in, Van Goyen đưa ra lá thư của giám đốc ngân hàng quốc gia Bồ Đào Nha. Chờ cho ông Melton đọc xong, Van Goyen nói rõ thêm mọi tình tiết không tiện viết trên giấy trắng mực đen trong thư để giữ bí mật vì đây là đại sự quốc gia. Chủ đề câu chuyện tối mật: in một lượng khá lớn giấy bạc cho ngân hàng Bồ Đào Nha. Ông Melton vẫn không hề tỏ ra ngạc

nhiên: lâu nay doanh nghiệp ông vẫn in giấy bạc cho các quốc gia chưa có thiết bị và trình độ kĩ thuật cần thiết để in ra những tờ bạc không thể làm giả. Tuy nhiên, việc đang bàn hôm nay khá tế nhị: theo lời chàng trai dễ thương Van Goyen, số bạc này có mục đích vực dậy nền kinh tế nước Angola thuộc địa Bồ Đào Nha hồi đó. Tuy chỉ là vực dậy tạm thời thôi, nhưng vẫn còn hơn để nó chìm nghỉm ngay bây giờ (quả nhiên chỉ vài năm sau nền kinh tế Angola bị suy thoái nghiêm trọng).

Van Goyen yêu cầu doanh nghiệp in Melton in hai triệu rưỡi escudo bằng giấy bạc mệnh giá năm trăm y hệt những tờ bạc escudo đang lưu hành và cũng do công ty Melton & Sons in ra vài năm trước đây. Sau khi hoàn tất, số giấy bạc này sẽ được gửi cho ngân hàng "Angola và Chính quốc", một ngân hàng mới toanh vừa thành lập để thực thi chiến dịch này. Ngân hàng Angola sẽ chịu trách nhiệm in thêm từ Angola trên tờ bạc để chặn đứng việc mang loại tiền đó sang tiêu thụ bên chính quốc Bồ Đào Nha.

Ông Melton hiểu rõ cơ chế của chiến dịch, càng hiểu rõ đòi hỏi tối mật do khách hàng đưa ra. Để cho chắc ăn, ông gọi cô thư kí riêng vào, đọc cho cô viết lá thư gửi ông giám đốc ngân hàng Bồ Đào Nha yêu cầu xác nhận đơn đặt hàng do ông Van Goyen chuyển đạt. Tiện thể, Van Goyen vui vẻ nhận sẽ đích thân chuyển lá thư tận tay vị giám đốc ngân hàng quốc gia Bồ Đào Nha.

Đương nhiên thư không tới tay giám đốc ngân hàng mà được Van Goyen mang tới cho Jao Melendez Gavial gã chủ mưu quả lừa tổ bố này. Gã là kẻ tin rằng: cách làm những tờ bạc giả tốt nhất là giao việc đó cho nơi đã in ra những tờ bạc thật. Những khó khăn bất tiện thường kèm theo âm mưu làm bạc giả như: mua giấy in và hóa chất, tuyển mộ các chuyên viên kĩ thuật, tìm địa điểm đặt máy

in, tiêu thụ sản phẩm v.v… đều bị loại trừ hết. Chỉ bằng một lá đơn đặt hàng ngụy tạo và khéo bố trí để chủ doanh nghiệp in giấy bạc cho nhà nước chấp nhận là xong! Rất đơn giản và rất thần tình!

Vài ngày sau, một giấy xác nhận đơn đặt hàng do Jao Melendez Gavial viết được gửi đi từ London. Chuyến hàng thứ nhất gồm những kiện giấy bạc loại năm trăm escudo được giao ở Porto, một hải cảng của Bồ Đào Nha trên cửa sông Douro. Dĩ nhiên, người nhận hàng chẳng ngu ngốc điền thêm từ Angola trên tờ bạc. Chúng được tung ngay ra thị trường và lưu hành trót lọt chẳng bị ai phát hiện. Tuyệt đối an toàn. Thậm chí bọn gian còn định dùng những tờ bạc đó trả công phục vụ tận tình… của Công ty In giấy bạc Melton & Sons!

Nhưng sau vài ngày chính phủ Bồ Đào Nha phát hiện có những tờ năm trăm escudo mới cứng đang lưu hành trên thị trường. Các ngân hàng bắt đầu săm soi kĩ từng tờ loại đó khi chúng lọt vào tay họ. Nhưng chẳng thấy gì khả nghi, chúng là những tờ y như thật! Cho tới một bữa kia, tình cờ một ngân hàng của Porto kế cận ngân hàng "Angola và Chính quốc" nắm được bốn tờ mang số xêri y hệt nhau. Cảnh sát được báo động đỏ. Ông chủ nhà in Melton được mời tới giải trình. Doanh nghiệp của ông ta bị chính phủ kết tội lơ là mất cảnh giác. Cùng lúc đó, chính quyền mở chiến dịch toàn quốc nhằm thu gom tất cả các tờ năm trăm escudo. Những người dân có dăm mười tờ cất giữ trong ống, trong bít tất bắt đầu la hoảng. Họ kéo tới đông nghịt trước các ngân hàng, hò hét phản đối chủ trương của nhà cầm quyền. Các lực lượng an ninh được huy động tối đa, dùng sức mạnh đàn áp đám đông. Cuối cùng, trật tự cũng

được lập lại, tuy chỉ trong gang tấc nữa là nước Bồ Đào Nha rơi vào cảnh khủng hoảng tài chính tiền tệ cực kì nguy ngập.

Tên chủ mưu Jao Melendez Gavial bị bắt, bị tòa kêu án rất nặng. Ba mươi năm sau gã chết trong tình cảnh không một đồng escudo dính túi. Riêng anh chàng trẻ tuổi người Hà Lan Van Goyen được các thánh chở che nên chỉ bị mười một tháng tù. Mãn hạn, anh ta di cư sang Pháp, làm ăn rất thành đạt như trên đã nói, được mọi người kính trọng, kể cả bác gác cổng… người Bồ Đào Nha.

Ông cố vấn thương mại

Năm 1968. Cảnh sát, các vị linh mục, các con chiên đạo Kitô toàn nước Áo vô cùng hoảng hốt: nhiều nhà thờ, lâu đài cổ bị kẻ gian lọt vào và bằng những mánh khóe táo tợn hoặc ranh mãnh chúng chọn lấy đi nhiều tác phẩm nghệ thuật tôn giáo rất giá trị. Rõ ràng đây không phải bọn trộm cắp tầm thường vì chúng chỉ cuỗm đi những thứ cực kì quí hiếm: bốn bức tranh thờ của Cremx Smith, bức GIA ĐÌNH THẦN THÁNH của Tintoret, tượng ĐỨC MẸ ĐẢO CRETE…

Cũng vào thời điểm này xuất hiện nhiều tác phẩm nghệ thuật tôn giáo do những người buôn bán đồ cổ ở Thụy Sĩ đưa ra thị trường đen, bán với giá rất cao.

Interpol công bố bản liệt kê các thứ bị mất trộm và ra sức truy tìm thủ phạm. Sau vô vàn cố gắng phối hợp giữa nhiều lực lượng, nhà chức trách tóm được tên trùm sỏ Litchka. Ở thời điểm này, giá trị số đồ cổ bị chúng lấy cắp đã lên tới một tỉ shilling tiền Áo.

Litchka có biệt danh "Bá tước Than" vì khi mới lập nghiệp gã chuyên buôn bán than. Gã muốn mau chóng phất lên để được sống phè phỡn, nhưng buôn bán than thì khó giầu. Nghĩ mãi gã nẩy ra sáng kiến thành lập "Công ty Vô danh Litchka". Công ty khởi đầu sự nghiệp kinh doanh bằng cách phát hành cuốn "Hướng dẫn Du lịch" giới thiệu cặn kẽ các món đồ lễ quí nhất trong các nhà thờ và trong các di tích lịch sử khắp nước Áo. Cuốn sách do nhiều nhà

nghiên cứu, khảo cổ, kiến trúc, hội họa và nhiều ngành khoa học khác dày công biên soạn. Bá tước Than nghiền ngẫm rất kĩ công trình biên soạn công phu này, chọn ra những món hàng ăn khách nhất và dễ đẩy nhất: tranh và tượng Đức Mẹ Đồng trinh. Công ty Vô danh Litchka chuyển hướng kinh doanh, biến thành công ty chôm chỉa tác phẩm nghệ thuật. Bá tước Than vừa hành nghề vừa chịu khó tu nghiệp, tự đào tạo thành một chuyên gia có hạng, biết đánh giá rất chính xác giá trị các tác phẩm nghệ thuật. Bữa bị cảnh sát còng tay gã bận bộ đồ rất sang trọng, ngồi xe hơi riêng loại xịn, dưới trướng có tới sáu, bảy cộng tác viên được gã trả lương hậu hĩ. Tòa kết án 5 năm tù. Nhưng sau ba năm đếm lịch gã được ân xá vì "cải tạo tốt, được coi là tù nhân gương mẫu".

Một năm sau khi Litchka tháo cũi sổ lồng, các vụ trộm đột nhiên tăng vọt: bốn nhà thờ ở tỉnh lẻ, năm nhà thờ ở ngay thủ đô Vienna bị kẻ gian đột nhập. Tất nhiên cảnh sát tới hỏi thăm Litchka.

Vị chủ tịch công ty lúc này 35 tuổi, điềm nhiên trả lời viên thanh tra:

– Tôi không hành nghề buôn đồ cổ nữa. Ông cứ hỏi các cộng tác viên cũ của tôi thì biết. Hiện giờ tôi chỉ buôn bán than và dầu madút thôi.

Viên thanh tra cảnh sát là người thông minh và khôn ngoan không kém Litchka. Nghe gã nói vậy, thanh tra lẳng lặng ra về. Sau đó hình như ông ta buông lơi vụ này, nhiều ngày yên tĩnh trôi qua. Litchka thở phào nhẹ nhõm.

Tháng Hai năm 1976.

Các lâu đài, các di tích cổ trở thành mục tiêu của bọn trộm. Chúng lấy đi các áo giáp, các vũ khí cổ. Thị trường đen bên Thụy Sĩ tràn ngập dao găm có cán chạm trổ cầu lì, kích mạ vàng, áo giáp đồng và nhiều thứ đồ chiến trận của các hiệp sĩ những thế kỉ xa xưa… Dĩ nhiên cảnh sát lại tới hỏi thăm Bá tước Than. Và dĩ nhiên gã vẫn chối.

– Xin mời quí vị cứ việc khám nhà, xét kho. Tôi có biết gì về giáo mác súng ống đâu mà buôn bán mấy thứ đó!

Cuối năm 1977.

Nhân viên bảo vệ một tòa lâu đài cổ vùng đông nam nước Áo vừa tới nhận phiên gác đêm thì nghe có tiếng động loảng xoảng. Bác vội chạy vào sân, vừa kịp trông thấy bóng người nhào tới chiếc thang dựng bờ tường. Bác giương súng bắn chỉ thiên hai phát liền. Một tên khác từ bóng tối vọt ra. Cả hai nhanh chân trèo lên thang vượt qua bức tường cao hai chục mét rồi tụt xuống bên kia tường bằng sợi dây dài. Bỏ của chạy lấy người, chúng không kịp lấy đi nhiều khí giới cổ, cả móc sắt, thang dây và nhiều dụng cụ đồ nghề khác của chúng.

Sáng hôm sau nhân viên bảo vệ lâu đài khai với thanh tra cảnh sát:

– Một tên có dáng người cao lớn đã tới tham quan lâu đài từ bữa trước. Bữa đó nó sục sạo khắp nơi, tôi cứ phải luôn mồm nhắc đấy là phòng riêng, không vào được… đi đường này ông ơi… khéo kẻo bị lạc đấy…

– Nhân dạng thế nào?

– To cao, tóc đỏ, nói giọng thủ đô.

Thanh tra cảnh sát đi tới tất cả các tiệm bán dụng cụ thể thao trong thủ đô Vienna hỏi xem tiệm nào mới bán cho một gã to cao tóc đỏ bộ đồ leo núi. Mãi mới tìm ra một chủ tiệm khai cách đây mười lăm ngày có một người như thế tới mua. Một bà khác khai: cũng vào khoảng thời gian đó có một thiếu phụ bồng con tới mua một bộ dụng cụ y hệt cho chồng chị ta.

Thanh tra cảnh sát biết Bá tước Than có người bạn cao to tóc đỏ và một người bạn khác có vợ vừa sinh con.

Cùng trong thời gian thanh tra đi dò hỏi, cảnh sát biên phòng được lệnh khám xét thật kĩ xe ô tô của bạn bè thân thuộc và cộng tác viên của Bá tước Than chạy qua biên giới. Họ tóm được một xe trước kia của công ty Litchka sau đó về hình thức đã sang nhượng cho người khác. Chiếc xe này định qua biên giới sang Thụy Sĩ, trên xe chở đầy vũ khí cổ.

Cảnh sát tới bắt Bá tước. Gã thản nhiên lấy trong tủ bọc quần áo, đồ dùng cá nhân đã chuẩn bị sẵn rồi bình tĩnh đi theo cảnh sát, chẳng hề tỏ vẻ ngạc nhiên hay lo sợ. Thanh tra cảnh sát nghĩ bụng: "Thằng này đã tính sẵn hết mọi nước cờ!"

Chỉ vài ngày sau, lâu đài FortTintin bị mất trộm một số lớn vũ khí cổ rất có giá. Vẫn viên thanh tra phụ trách chuyên án được phái tới hiện trường. Lâu đài này xây dựng trên mỏm núi đá cao, vách dựng thẳng đứng, xung quanh có tường bao dày 2m, đã từng hai lần chặn đứng quân xâm lược Thổ Nhĩ Kì. Tít tắp trên cao chót vót có một cửa sổ nhỏ. Đây là chỗ bọn trộm chui qua để vào lâu đài. Thanh tra cho rằng kế hoạch của chúng có thể như sau: hôm trước khi lấy trộm, một tên đã trà trộn trong khách tham quan vào nấp sẵn ở một chỗ trong lâu đài. Đến đêm nó mở cửa sổ cho đồng bọn

chui vào sau khi vượt qua vách núi cheo leo. Nhìn qua ống nhòm, viên thanh tra thấy rõ đường đi của chúng: những dãy cọc sắt đóng vào núi để đặt chân.Tới chỗ có gờ đá rộng chừng 20 xăngtimet chúng đi men theo đó tới chỗ cửa sổ rồi quăng dây có móc sắt lên bậu cửa và đu lên.Việc còn lại chỉ là trò trẻ con đối với chúng: nậy các cánh cửa đồ sộ, nậy tủ kiếng, lấy đi khoảng một chục món vũ khí thời thế kỉ XVI và XVII trị giá chừng một triệu shilling.

Lần theo lối đột nhập của bọn trộm theo vách núi, viên thanh tra mấy lần hoa mắt chóng mặt, trượt chân suýt ngã tan xác. Khi hoàn hồn, anh suy nghĩ và rất phân vân: không lẽ bọn công ty vô danh Litchka vẫn hoạt động trong khi tên đầu sỏ đang ngồi đếm lịch? Vì chỉ một mình nó mới đủ thông minh để nghĩ ra những kế hoạch tài tình như thế này, bọn đàn em chỉ là những tên nhãi nhép đần độn. Vả lại mọi ngả đường sang Thụy Sĩ đều đã bị khóa chặt, thị trường đồ cổ bên đó đã bão hòa tới mức những thứ mới chôm được không thể nào tiêu thụ nổi. Vậy cái tổ con chuồn chuồn nằm ở đâu?

Interpol Hoa Kì báo cho trung tâm bên Áo: một vị sưu tập đồ cổ không mấy lương thiện vừa xin hộ chiếu sang Áo với lý do không che giấu: có mối dạm bán cho ông ta ba bức Cremx Smith.

Viên thanh tra cảnh sát người Áo phụ trách chuyên án suy luận: trên thị trường không có loại này, chắc chắn đây là ba bức do Bá tước Than chôm cách đây mười năm. Như vậy, có thể công ty vô danh của gã còn đang tàng trữ cả bức GIA ĐÌNH THẦN THÁNH của Tintoret và tượng ĐỨC MẸ ĐẢO CRETE. Tóm lại, chắc hẳn công ty này phải có hẳn một kho khá lớn để chứa những của báu đó. Khi đối chiếu bản kê các tác phẩm bị đánh cắp với những tác phẩm đã bán và đã chuộc lại được, viên thanh tra thấy trong nhà

kho bí mật đó còn ít nhất chín phần mười các tang vật chưa đẩy đi được, trị giá nhiều tỉ shilling. Ngoài Bá tước Than, không một tên đàn em nào đủ tài trí quản lý, kinh doanh khối lượng hàng lớn đến thế.

…

Nhà sưu tập đồ cổ người Mỹ tới Vienna, vào trọ trong khách sạn Hilton. Dây điện thoại phòng ông ta đã bị nối vào đường dây nghe lén của cảnh sát.

Chuông reo. Sau vài câu mào đầu thường lệ, nhà sưu tập người Mỹ hỏi:

– Bao giờ ông tới?

– Tối nay.

– Một mình thôi chứ? Cùng một bạn thân.

– Lúc mấy giờ?

– Mười chín giờ. Mang theo vật liệu cho ông. Bạn tôi tới nhưng không thể ở lại lâu vì mắc công chuyện ngoài phố.

– OK. Với điều kiện bạn anh phải là người đáng tin cậy. Tôi không thể giao số tiền lớn như thế cho bất cứ ai.

– Yên tâm đi. Bạn tôi là người đàng hoàng, cả nước Áo này đều biết tiếng.

Người nói chuyện qua điện thoại với nhà sưu tập Mỹ là chủ quán rượu lâu nay Bá tước Than vẫn lui tới khi chưa bị bắt. Chủ quán cũng là khách quen của cảnh sát, đã có tiền án, say mê súng đạn, lúc nào cũng thủ "chó lửa" trong thắt lưng. Vậy là cảnh sát có cớ để gô cổ hắn. 18h30. Chủ quán rượu lên xe hơi tới chỗ hẹn. Xe mới chạy được một quãng thì bị cảnh sát chặn lại. Tiếng phanh

gấp, bánh xe xiết mặt đường bốc mùi khét lẹt, kính xe vỡ loảng xoảng. Chủ quán rượu nhẩy xuống định lẩn vào đám đông nhưng không kịp. Khám thùng xe, cảnh sát lôi ra ba bức Cremx Smith.

– Anh tới gặp ai trong khách sạn Hilton?

– Tôi không hiểu mấy ông định nói về người nào vậy?

– Đừng chối, vô ích. Hắn sắp tới khách sạn. Cảnh sát đã đón sẵn. Nói! Gặp ai?

– Bechman.

– Nói lại lần nữa! Gặp ai?

– Elster Bechman.

Thanh tra cảnh sát nổi giận. Thằng chủ quán rượu này dám lỡm cảnh sát! Ai tin được Elster Bechman giao du với hạng người như nó! Ông ta là một nhà kinh doanh ngành đào tạo kĩ thuật viên, ông chủ của hai ngàn nhân viên tài giỏi, đứng đầu một hãng hàng không lớn. Ông có máy bay phản lực riêng, có nhà nghỉ trên quần đảo Bahamas đầy thỏ và đủ loại thịt tươi roi rói. Biệt thự của ông ở Áo vô cùng lộng lẫy, mỗi lần ông mở dạ hội tiếp tân đều có đông đủ các chính khách tai to mặt lớn, các triệu phú tỉ phú, các vị nắm trong tay tất cả các ngành kinh tế chính của nước nhà, các nghị sĩ làm luật, các nhà chức trách thực thi luật… Có điều là tất cả bọn họ không biết rằng từng lời ăn tiếng nói từng cử chỉ từng hành động thầm kín nhất của họ đều bị chủ nhà bí mật ghi lại bằng một hệ thống thiết bị điện tử vô cùng hiện đại… Nhờ vậy mà tuy mới ba mươi lăm tuổi ông Elster Bechman đã được bổ nhiệm chức cố vấn thương mại của chính phủ và chắc chắn sẽ còn leo cao leo nhanh hơn nữa…

Vậy mà tên chủ quán láo xược dám khai ông là bạn hàng của nó! Thanh tra cáu tiết định giáng cho nó một bạt tai, nhưng tự kiềm chế được. Vì tên chủ quán lên tiếng cam đoan:

– Xin thề đúng như vậy. Ông chủ tôi đúng là ngài Elster Bechman. Tôi nói dối ông thanh tra làm gì nữa, vì ông chủ sắp tới khách sạn Hilton rồi.

– Có thể ông ấy tới vì công chuyện khác thì sao nào?

Chủ quán thấy không còn cách nào khác là phun ra hết mọi chuyện. Khi bị bắt, Bá tước Than bàn giao công việc cho chủ quán rượu, và gã đã tìm được một vị khách sộp: Elster Bechman. Tay này nhận mua toàn bộ số hàng với giá 10 tỉ shilling rồi đem cất giấu để bán dần từng ít một, Litchka được hưởng huê hồng và đã lĩnh trước 900 triệu. Hàng đang được cất giữ dưới tầng hầm ngôi biệt thự trong vùng núi Tyrol hết sức bí mật, chỉ một mình Elster biết chỗ, không có người thứ hai.

Đêm hôm đó, vũ hội hàng năm của thủ đô Vienna năm 1977 được tổ chức tưng bừng náo nhiệt hơn hẳn mọi năm. Mọi vị đứng đầu các cơ quan nhà nước Áo đều có mặt đông đủ. Chỉ thiếu một vị: ngài cố vấn thương mại của chính phủ, nhà tỉ phú Elster Bechman.

Mãi tới khuya chiếc RollsRoyce sơn màu bạc của ông mới tới đậu trước cổng. Người lái xe bước xuống, vào báo bộ phận tiếp tân:

– Ngài cố vấn có công chuyện gấp phải ở lại khách sạn Hilton. Ngài gửi tới các quan khách lời cáo lỗi, và xin đừng đợi.

Công chuyện gấp của ngài cố vấn chính phủ trong khách sạn Hilton là thế này: đặt lên bàn ba bức Cremx Smith, chìa tay nhận 800.000 đôla của nhà sưu tập người Mỹ. Đúng lúc cảnh sát bất

thình lình xuất hiện, tra còng khóa chặt tay ngài cố vấn thương mại.

Trong vụ này có một chi tiết nhỏ khá thú vị: tuy ăn hàng của Litchka nhưng ngài Elster chưa một lần giáp mặt hắn. Vì công ty của hắn là công ty… vô danh!

Người đội lốt kì tài nhất thiên niên kỉ

25 tháng Năm 1945, hơn hai tuần sau khi Thế chiến 2 chấm dứt. Hai người khoác áo mưa tới gõ cửa ngôi nhà sang trọng tại khu trung tâm thủ đô Amsterdam. Tuy dáng vẻ trông từa tựa bọn Gestapo ghê tởm đã từng tung hoành ở Hà Lan thời tạm chiếm, nhưng hai người này khác hẳn bọn chúng. Họ là cảnh sát quân sự Hà Lan, đặc trách truy nã bọn cộng tác với phát xít Đức.

Người đàn ông gầy yếu vừa ra mở cửa trạc khoảng năm mươi sáu mươi gì đó. Trông như đang mang bệnh, đang suy kiệt toàn thân. Trên mép để bộ ria lởm chởm lâu ngày không tỉa, trán nhăn nheo sâu hoắm.

– Henri Van Meegeren phải không? Chúng tôi cần hỏi ông đôi điều.

Chủ nhà mời hai cảnh sát vào phòng khách sang trọng.

– Ông biết Miedl chứ?

– Có, một chủ ngân hàng.

– Đúng, một chủ ngân hàng Đức, làm ăn với Hermann Goering Tổng tư lệnh không lực Đức, kẻ được chỉ định lên kế vị Hitler… Cuối 1943 ông đã bán cho hắn bức tranh Người đàn bà ngoại tình của Vermeer lấy một triệu sáu trăm năm chục ngàn flôrin, đúng không?

– Đúng. Tôi làm thế vì hắn hứa sẽ cho phép hoàn trả các bức tranh của nhiều danh họa Hà Lan.

– Ông giỡn mặt chúng tôi đấy hử? Bọn Đức đời nào chịu trả! Ngược lại, ông đã trao cho chúng một vật báu của quốc gia.

– Hai ông bắt giữ tôi sao?

– Phải. Vì tội cộng tác với quân thù. Và có thể ông sẽ lĩnh hình phạt cao nhất: tù chung thân.

Trong đôi mắt lờ đờ của con người nhỏ thó thoáng hiện vẻ lo lắng.

– Thôi thì để tôi khai thật cho rồi. Tôi không hề cộng tác với quân Đức. Trái lại, tôi đã chơi chúng một vố đau. Bức tranh tôi bán cho chúng là tranh giả.

– Tranh giả? Ai vẽ?

– Tôi. Tôi đội lốt người khác. Từ nhiều năm nay tôi chuyên vẽ giả tranh Vermeer…

Rõ ràng hai viên quân cảnh không tin nửa lời, họ thản nhiên bóp còng vào tay chủ nhà và bảo:

– Sự thật thế nào ông sẽ khai với thẩm phán. Đi theo tôi…

Trước viên dự thẩm Henri Van Meegeren vẫn giữ nguyên khẩu cung, hơn nữa còn phát triển thêm.

– Kể từ 1937 tôi đã bán cho chúng mười bốn Vermeer giả, thu được hơn bẩy triệu flôrin.

– Những bức nào của Vermeer?

– Toàn bộ số tranh đạo.

– Không lẽ bức Bữa ăn tối ở Emmaus đang bày trong bảo tàng Rotterdam và bức Chúa Giêsu trong nhà Marthe và Marie bày

trong bảo tàng Rijks ở Amsterdam đều là của giả?

– Giả hết. Tự tay tôi vẽ ra.

– Ông khai lung tung hòng trốn tội chứ gì!

Vị dự thẩm không tin. Không muốn tin! Bữa ăn tối ở Emmaus tuyệt tác của Vermeer mà lại là tranh dỏm, do con người nhỏ thó ốm đau này vẽ? Chúa Jesus và người đàn bà ngoại tình niềm vinh dự của bảo tàng Boymans không kém bức Tuần tra đêm của Rembrandt, cũng được treo ở chỗ long trọng nhất, có dây chằng đỏ ngăn khách tham quan tới gần, có thảm quí trải phía trước… mà cũng là tranh giả?

Nếu đúng vậy thì còn trời đất nào nữa! Lại còn bao nhiêu nhà phê bình hội họa của cả thế giới đã thi nhau hết lời ca tụng sự phát hiện bộ tranh đạo của Vermeer, bao nhiêu chuyên gia khảo cổ lừng danh đã cấp chứng chỉ xác nhận nguồn gốc đích thực Vermeer cho những bức họa đó nữa!… Không, không thể như vậy được! Vị dự thẩm tin chắc tên này bịa chuyện. Một tên tay sai phát xít thích bịa chuyện…

Người đàn ông nhỏ thó ốm yếu nhăn mặt thở dài.

– Tôi biết ông dự thẩm không tin. Nhưng có một cách để minh chứng lời tôi khai: xin hãy thử tài tôi.

– Bằng cách nào?

– Hãy giam chặt tôi trong nhà, trong xưởng vẽ của tôi. Tôi sẽ vẽ cho ông dự thẩm một bức Vermeer giả theo đề tài do ông chọn.

Ông dự thẩm chấp thuận và ra đề: "Giêsu dạy học trong đền"… Henri Van Meegeren được dẫn về ngôi nhà sang trọng của mình ở Amsterdam, bắt đầu vẽ dưới sự canh chừng ngày đêm của cảnh sát. Đích thân viên dự thẩm mỗi ngày một lần tới xem bức tranh dần

dần hiện trên giá vẽ. Khi bức phác thảo hoàn tất, ông ta tái mặt! Đúng thật! Đúng trăm phần trăm! Henri Van Meegeren bắt chước y hệt bậc thầy ở Delft, nhà danh họa xưa nay vẫn được coi là không ai bắt chước nổi. Một bức Vermeer đang hình thành ngay trước mắt ông ta. Một bức Vermeer dỏm!

Ông dự thẩm thấy mình đang đứng trước sự thật tàn nhẫn: đây là kẻ giả mạo tài ba nhất từ trước tới giờ, và điều này có nghĩa những bức danh họa do các bảo tàng Hà Lan mới mua về làm vẻ vang cho đất nước đều là những của đáng vứt vào sọt rác!… Henri Van Meegeren trong khi vẫn mải miết vẽ, thoáng nghe tiếng ông dự thẩm lẩm bẩm:

– Đại họa! Đây quả là một đại họa!

Henri Van Meegeren ra đời năm mươi sáu năm trước đó, năm 1889 ở Deventer một thành phố loại trung bình phía đông bắc Hà Lan. Ngay từ nhỏ đã ốm yếu còi cọc nhưng có năng khiếu mỹ thuật rất cao.

Chú bé muốn thành họa sĩ. Nhưng bố mẹ chú phản đối, chỉ chấp nhận chú trở thành kiến trúc sư. Chú đành theo học ngành kiến trúc, nhưng tới học ở thành phố Delft quê hương Vermeer vì từ lâu chú đã hết lòng ngưỡng mộ nhà danh họa này.

Năm 1912 Henri Van Meegeren thôi học kiến trúc, trở thành thầy dạy vẽ và dạy lịch sử mỹ thuật ở Delft. Và vẽ tranh. Tranh của anh ta được hoan nghênh, nhiều bức được giải thưởng, nhờ vậy cuộc sống khá sung túc. Nhưng anh ta không lấy thế làm thỏa mãn. Bóng ma của Vermeer vẫn lẩn quất trên các con đường thành phố, vẫn ngày đêm ám ảnh Henri Van Meegeren. Anh ta nhận rõ mình còn kém xa bậc thầy vĩ đại đó. Anh ao ước vẽ được như thầy.

Dần dà, anh nẩy ra một ý: cách tốt nhất để vẽ được như Vermeer là bắt chước cách vẽ của ông. Mặt khác, anh ta chúa ghét các nhà phê bình, các chuyên gia nhiều tham vọng, lắm điều, kiêu căng và võ đoán nên anh muốn trả thù, muốn chọc quê họ cho bõ ghét.

Anh ta giấu vợ, miệt mài ngốn mọi tác phẩm viết về bậc thầy hội họa của thành phố Delft. Cuốn sách quí anh ta tìm được là cuốn Kĩ thuật sơn dầu, một công trình khoa học chỉ dẫn phương pháp làm cho các bức vẽ có vẻ cổ xưa. Đọc hết cuốn sách Henri Van Meegeren lùng khắp các tiệm bán tranh cũ tìm mua những bức được vẽ cùng thời với Vermeer với giá rẻ mạt vì toàn là tranh tồi không có giá trị nghệ thuật, nhưng chúng cung cấp cho anh những thứ rất cần là gỗ làm khung và vải vẽ tranh cũ.

Để công việc tiến hành kín đáo, Henri Van Meegeren quyết định tuyệt giao với bạn bè. Năm 1936 anh ta dọn tới một biệt thự ở Roquebrune gần Bờ Biển Xanh. Trong xưởng vẽ luôn đóng kín cửa không ai được vào, kể cả chị vợ, anh miệt mài phục hồi các gam màu thời xưa. Nhiều khó khăn ập đến nhất là trong việc pha chế các tinh dầu chiết xuất từ hoa, loại dầu được dùng nhiều thời trước, nhưng dần dần Henri Van Meegeren cũng đạt kết quả mong muốn.

Anh thử làm các loại bút vẽ tương tự loại bút Vermeer đã từng dùng: không làm bằng lông lợn mà bằng lông tơ con lửng. Anh cẩn thận tới mức tìm mua những xoong nồi kiểu flamăng để làm mẫu cho các bức họa định vẽ. Chuẩn bị xong, Henri Van Meegeren cạo lớp sơn dầu trên các bức tranh tồi được vẽ cùng thời với Vermeer rồi bắt tay vào việc… Dưới cây bút của anh ta Vermeer tuy cả đời chỉ vẽ có một bức tranh đạo, từ nay sẽ phải vẽ thêm nhiều bức

khác qua bàn tay Van Mergeren, bắt đầu bằng "Bữa ăn tối ở Emmaus ".

Henri Van Meegeren phải mất sáu tháng mới hoàn thành bức Vermeer dỏm đầu tiên. Bước thứ hai khó khăn hơn về mặt kĩ thuật và mỹ thuật: làm nó cũ đi. Bức tranh được quấn quanh một ống kim loại đưa vào lò nung nóng một trăm mười độ khiến lớp sơn cứng lại như thể đã được sơn cách đây ba trăm năm, rồi căng lên khung. Thế là xong, rất hoàn hảo! Có thể đưa ra thử thách được rồi… Đầu năm 1937 Henri Van Meegeren tới Monte Carlo, tung tin có trong tay một bức Vermeer cần bán. Chuyên gia người Hà Lan Abraham Brédius lâu nay chuyên thẩm định tranh Vermeer nghe tin bèn tới Monte Carlo. Nhìn bức tranh ông ta vô cùng ngạc nhiên: kích cỡ bức tranh 1,20m x 1,17m không phù hợp với tranh của Vermeer, nhà danh họa này chỉ vẽ những bức nhỏ hơn nhiều. Đề tài lại càng gây ngạc nhiên gấp bội. Vermeer vẽ rất nhiều và rất đẹp về đề tài tôn giáo, điều lâu nay chưa ai phát hiện ra!… Tuy có nhiều điều mới lạ như vậy nhưng chuyên gia Abraham Brédius không do dự kết luận: đây là Vermeer thứ thiệt!

Tuy vậy ông ta cũng hỏi Henri Van Meegeren một câu: Bằng cách nào anh có trong tay một kì quan cỡ đó?

– Tôi bán giúp một gia đình quí phái người Ý đang lâm vào cảnh túng quẫn.

– Anh cho biết tính danh người đó được không?

– Rất tiếc, không được. Họ yêu cầu giữ bí mật để khỏi lộ cho mọi người biết thực trạng sa sút của gia đình.

Lý lẽ nghe xuôi tai. Tin đồn lan khắp nơi: Vermeer đã sáng tác một bức tranh đạo tuyệt mỹ: Bữa ăn tối ở Emmaus. Các viện bảo

tàng tranh nhau trả giá hòng mua bằng được, nhất là các bảo tàng Hà Lan. Họ quyết không để lọt ra ngoài một tác phẩm nghệ thuật được coi là báu vật quốc gia. Cuối cùng, bảo tàng Boymans của Rotterdam mua được, nhờ có Hiệp hội Rembrandt tài trợ bổ sung cho đủ số tiền khổng lồ do người bán tranh yêu cầu: năm trăm hai chục ngàn flôrin.

Trong chớp mắt Henri Van Meegeren trở thành giầu sụ tuy đáng lý ra tiền bán tranh phải chuyển cho "gia đình quí phái người Ý đang túng quẫn"! Để giải thích sự phất lên đột ngột của mình, Henri Van Meegeren nói: vừa trúng giải lớn của Xổ số Quốc gia Pháp.

Thoạt kì thủy Henri Van Meegeren chỉ muốn chứng tỏ mình có tài vẽ không thua kém bậc thầy Vermeer đồng thời chọc quê các chuyên gia các nhà phê bình hội họa. Nhưng qua vụ này anh ta thấy chuyện đội lốt Vermeer quá dễ. Máu tham nổi lên…

Năm 1939 anh ta trở về Hà Lan, tậu một ngôi nhà lộng lẫy ngay giữa khu trung tâm Amsterdam. Từ năm này đến năm 1943, anh cho ra bốn Vermeer nữa về đề tài tôn giáo, bán được mấy trăm ngàn flôrin. Năm 1943 bảo tàng Rijks bỏ ra một triệu hai trăm năm chục ngàn flôrin mua bức Chúa Giêsu trong nhà Marthe và Marie của Vermeer!

Nhiều bức Vermeer khác, vẫn xoay quanh đề tài tôn giáo tiếp tục xuất hiện và dư luận bắt đầu có ý nghi ngờ. Các giới am hiểu cho rằng nhà danh họa mất sớm nên chỉ vẽ rất ít. Hơn nữa, tất cả các bức tranh đều do một người đứng bán giúp gia đình bí mật người Ý nào đó. Bộ sưu tập quí giá xưa nay chưa ai được biết này từ đâu ra?

Thế chiến 2 bùng nổ, không có điều kiện và cũng không ai nghĩ tới chuyện làm rõ những nghi vấn trên. Khắp đất nước Hà Lan bị chiếm đóng, bọn Gestapo ngày đêm tìm diệt người Do Thái và các chiến sĩ kháng chiến, những cuộc mưu sát, khủng bố đẫm máu xẩy ra hàng ngày. Cuộc đấu tranh sinh tử tạm thời gạt sang bên mọi băn khoăn thắc mắc về nghệ thuật… Phải tới ngày Giải phóng, qua vụ bức Vermeer được bán cho Goering, quả lừa của Henri Van Meegeren mới bị đưa ra ánh sáng…

Trên đây là những tình tiết trong tập hồ sơ do cảnh sát thu thập năm 1945, sau khi bắt giữ kẻ đội lốt Vermeer. Kết quả cuộc điều tra càng chứng minh lời khai của anh ta hoàn toàn đúng sự thật. Khám xét xưởng vẽ trong ngôi nhà anh ta ở Roquebrune, cảnh sát thấy nhiều đồ dùng kiểu flamăng thời xưa: những chiếc hũ, chiếc đĩa bằng thiếc đã được dùng làm mẫu vẽ những vật trang trí trên các bức tranh. Vải vẽ tranh được đích thân giáo sư Coremans giám đốc phòng thí nghiệm trung tâm của các viện bảo tàng Bỉ dùng các phương pháp khoa học hiện đại để phân tích. Bằng kĩ thuật chiếu tia X quang, người ta thầy rõ các tấm vải vẽ tranh cùng thời với Vermeer đã được Henri Van Meegeren cạo lớp sơn cũ và vẽ đè lên. Phân tích hóa học cũng cho kết luận tương tự: sơn vẽ tranh chứa những chất keo tổng hợp mới sản xuất đầu thế kỉ XX, trong khi Vermeer đã qua đời từ giữa thế kỉ XVII.

Phiên tòa xử Henri Van Meegeren mở ngày 12 tháng Tám 1947. Các báo trên khắp thế giới đăng ảnh chụp phòng xử trông như một viện bảo tàng với những bức tường treo la liệt tranh Vermeer dỏm. Đám đông tới dự phiên tòa trầm trồ ngắm nghía, bình phẩm, xuýt xoa… trong khi bị cáo với thân hình gầy còm nhỏ nhoi, như chẳng

đáng gì lại ít được chú ý… Bị cáo không bị kết tội "cộng tác với quân địch", mà bị lên án vì tội danh khá mơ hồ "giả mạo".

Số đông nhà báo tham dự phiên tòa không tỏ ra hài lòng. Nhà chức trách Hà Lan sợ bị mất mặt trong vụ này nên họ chỉ đạo phải kết thúc phiên tòa thật nhanh. Do đó cuộc tranh luận trước tòa chỉ kéo dài có vài giờ, tuy bị cáo Henri Van Meegeren khai nhiều điều rất quan trọng: đã vẽ giả nhiều tranh của các danh họa Hà Lan khác như Pieter De Hooch, Frans Hals, Gerard Terborch… Các quan tòa lờ đi không xét, chủ tọa phiên tòa vội vàng tuyên án: một năm tù giam.

Vào tù, Henri Van Meegeren xin phép được tiếp tục hành nghề và được giám đốc nhà tù cho phép. Đơn đặt hàng bay đến tới tấp. Phạm nhân đặc biệt này có thể coi như mình vừa khai trương một ngành nghề mới: nghề giả mạo hợp pháp! Từ khắp nước, những người hâm mộ gửi đơn đặt hàng cho "người vẽ y chang Vermeer"… Khốn thay, số phận nghiệt ngã đã quyết định khác hẳn: chỉ vài ngày sau khi vào tù, ngày 31 tháng Tám 1947 Henri Van Meegeren chết đột tử vì suy tim…

Câu chuyện tới đây vẫn chưa hết. Năm 1952, nhà sưu tập người Hà Lan mua của Henri Van Meegeren từ năm 1941 bức Cène của Vermeer với cái giá một triệu sáu trăm ngàn flôrin. Mới đây nhà sưu tập được một chuyên gia người Bỉ hỗ trợ, khẳng định chất keo tổng hợp có trên bức tranh ông ta mua không nằm trong thành phần sơn vẽ mà trong chất vécni đánh bóng khung dính vào tranh. Ông ta làm đơn kiện giáo sư Coremans.

Vụ kiện lôi kéo rất nhiều chuyên gia vào cuộc. Họ đấu đá nhau kịch liệt trong bốn năm. Mãi tới ngày 4 tháng Tư năm 1956 những người thừa kế nhà sưu tập vừa qua đời mới chịu thua kiện. Họ phải

bồi thường giáo sư Coremans một số tiền lớn vì đã xâm phạm uy tín nghề nghiệp của giáo sư.

Đến đây mọi hoài nghi phân vân đã được xóa sạch. Thứ nhất: Vermeer của thành phố Delft không phải là bậc thầy trong vẽ tranh tôn giáo. Thứ hai: Van Meegeren là người vẽ tranh giả kì tài nhất thiên niên kỉ, hơn nữa, của mọi thời đại từ trước tới nay và từ nay về sau.

Người được ban phép lạ

Armand Lambert và Céleste tíu tít trong cửa hàng thực phẩm khô lúc này còn đóng kín cửa. Cửa hàng của hai vợ chồng tọa lạc giữa trung tâm Dijon. Lúc này mới bẩy giờ rưỡi sáng 18 tháng Chín 1912 nhưng là lúc phải hoàn tất trăm công nghìn việc trước khi kéo tấm cửa sắt lên: bổ sung hàng trên các dãy kệ, bỏ thêm tiền lẻ vào quầy thu ngân, lau các chai lọ một lần nữa cho sạch bóng lên v.v…

Armand bốn mươi lăm tuổi trông không lấy gì làm ưa nhìn, thậm chí còn khó coi là khác Đúng là con người chỉ quanh quẩn suốt năm trong cửa hàng lo phục vụ khách chứ ít khi ra ngoài. Nước da tai tái, thân hình gầy ốm, đôi mắt cận thị hấp háy sau cặp kính nhỏ xíu gọng sắt, má hóp, lưng còng. Tuy nhiên, khách không vì thế mà khó chịu, có lẽ vì anh ta rất lễ phép với khách, gần như xu nịnh luồn cúi tất cả mọi người.

Chị vợ Céleste là con người thầm lặng, thân hình nhỏ con, mắt xanh, tóc lợt lạt. Chị luôn cố nặn trên môi một nụ cười, tuy với một anh chồng như Armand Lambert điều này chẳng dễ…

Armand đi kiếm tay quay để cuốn tấm cửa sắt lên… Céleste có vẻ hãi:

– Armand, em sợ lắm! Anh đừng làm thế thì hơn!

Armand vừa quay maniven vừa nhún vai đáp:

– Để mặc anh. Em muốn có tiền không nào? Có muốn mua lại cửa hàng bên cạnh nhà mình không thì nói đi nào?

– Có chứ! Nhưng dù sao, làm cách đó thì…

Tấm cửa sắt cuốn đã kéo lên. Ngoài cánh cửa gỗ có mấy khách hàng đang đứng chờ. Trước khi rút chốt cửa, chủ cửa hàng xén quay đầu dặn vợ lần nữa:

– Bây giờ cô phải im đi. Dành hơi sức để chốc nữa vươn lên đúng tầm cỡ cần thiết. Chốc nữa cô phải kêu phải khóc thật nhiều và thật to!

Céleste cắn môi, lặng lẽ gật đầu. Phải, nhất định chị ta sẽ cố vươn lên ngang tầm, vì biết rõ ngày 18 tháng Chín 1912 này là ngày có ý nghĩa quyết định đối với hai vợ chồng. Vươn ngang tầm… nghĩ sâu vào chị ta thấy ngồ ngộ… nhưng lúc này Céleste chẳng còn bụng dạ nào để cười.

Buổi sáng trôi qua bình thường không xảy ra sự cố gì, tới gần giữa trưa một bà khách tới nói ra cái câu tiền định: Chị Lambert, cho tôi một cân đường.

Céleste tái mặt. Cố trả lời bằng giọng thật thản nhiên:

– Có ngay thưa bà Justin. Ông xã tôi sẽ lấy hầu bà.

Thời cơ đã tới. Armand Lambert lấy thang. Đường để trên tầng kệ cao nhất. Anh ta trèo lên thang, lên tới ngăn để đường Armand nghiêng người thò tay với lọ đường, loạng choạng mất thăng bằng. Bên dưới có tiếng thét. Bốn người khách có mặt trong cửa hàng nhào tới cùng với Céleste chị vợ chủ cửa hàng. Tuy hình như anh ta ngã không đến nỗi nghiêm trọng lắm, nhưng biết đâu đấy?

Quả nhiên Armand không gượng dậy được. Hơn nữa, còn rên rỉ:

– Céleste ơi, đau quá! Anh… Không nhúc nhích được chân nữa!

Mọi người cuống lên. Trong cửa hàng không có điện thoại, một khách hàng phải chạy bộ đi kêu bác sĩ. Mười lăm phút sau bác sĩ tới cùng lúc với sen đầm. Armand vẫn nằm bất động. Mấy người tốt bụng đặt anh ta lên cáng khiêng đi cấp cứu.

24 tháng Mười hai 1912. Ba tháng đã qua từ khi xẩy ra tai nạn. Armand Lambert và chị vợ Céleste hạ tấm cửa sắt chuẩn bị ăn bữa tiệc nửa đêm Noen… Lúc này bà con hàng xóm cũng đang chuẩn bị. Bên bàn tiệc, ai cũng ái ngại hai vợ chồng nhà Armand: năm nay họ xui xẻo quá! Tuy không gãy đoạn xương nào nhưng hai chân người chủ cửa hàng đã bị liệt, có lẽ vì dây thần kinh nào đó bị đứt, suốt ngày phải ngồi trên xe lăn….

Bà con hàng xóm đều mủi lòng thương cảm, nhưng nếu trông thấy cảnh đang diễn ra sau tấm cửa sắt cuốn họ sẽ vô cùng ngạc nhiên! Tấm cửa vừa hạ xuống chấm đất Armand đã nhẩy khỏi xe lăn, bước những bước dài trong nhà.

– Bây giờ mới đóng cửa hiệu mà còn kêu sớm! Phải cho tôi thoát khỏi cực hình ngồi suốt ngày trên xe sớm phút nào hay phút ấy! Tưởng được ngồi nhiều thì khỏe, ngờ đâu lại ngược hẳn!

Céleste cười rụt rè:

– Anh tạm quên chuyện đó đi. Chúng mình cùng ăn một bữa thật vui nha!

Armand mở cánh cửa sập bước xuống hầm rượu.

– Tất nhiên! Nhân ngày lễ trọng, tôi phải nốc cạn chai rượu ngon nhất.

Gã biến xuống hầm. Chị vợ vào gian bếp kế bên cửa hàng chuẩn bị món gà tây truyền thống. Lát sau Armand quay lên, tay cầm

chai, miệng nở nụ cười gằn:

– Bọn bác sĩ ngu hết chỗ nói! Thế này mà dám chẩn đoán mình bị chấn thương thần kinh.

Bữa Armand được chở vào nhà thương, các bác sĩ tiến hành hội chẩn tìm nguyên nhân gây tình trạng các cơ chi dưới của gã mất phản ứng hoàn toàn, và kết luận: thần kinh vận động đã bị chấn thương nặng. Sau khi ngã, tuy chỉ bị xây xát nhẹ ngoài da, không có vết thương hở, nhưng hai chân Armand gần như mất hết sức sống, nên dù thế nào đi nữa các bác sĩ cũng phải có cách lý giải hiện tượng đó. Là bác sĩ thì phải có cách giải thích mọi chứng bệnh chứ!

Nắm được bản giám định y khoa, Armand tới ngay công ty bảo hiểm nơi gã đã kí hợp đồng bồi thường số tiền lớn nếu bị tai nạn. Dĩ nhiên công ty bảo hiểm không thích thú gì, nhưng ai dám phản đối kết luận của các bác sĩ! Họ đành vuốt bụng chi số tiền bồi thường đã kí kết với khách hàng trong trường hợp bị tê liệt vĩnh viễn cả hai chân: một trăm ngàn frăng! Đủ tiền cho Armand mua lại cửa hàng kem sữa kế bên vừa bị vỡ nợ! Chưa hết… Armand cười sằng sặc bảo vợ:

– Anh đã kiểm kê tiền bán hàng hôm nay: đạt kỉ lục vượt xa mọi bữa!

Céleste gật đầu:

– Vâng. Em đã để ý thấy bữa nay cứ trong ba khách hàng vào mua hàng thì có một khách mới toanh!

Đây mới là đều đáng ngạc nhiên nhất: giả bộ bị thương tật, không những Armand ẵm được tiền bồi thường của công ty bảo hiểm mà còn làm doanh thu tăng vọt. Bà con trong phường đều xót

xa cho số phận gã ta. Nhiều cô bác mọi bữa vẫn tới mua ở các cửa hàng khác, giờ đây rủ nhau tới cửa hàng hai vợ chồng Armand để "ủng hộ người chồng đáng thương gặp rủi ro, ủng hộ người vợ tận tụy với chồng trong cơn hoạn nạn". Bà con xóm giềng tốt thật. Céleste nhìn chồng:

– Giả bộ mãi thế có gay lắm không?

– Gay chứ! Nhưng rồi sẽ quen. Vả lại, anh đâu có chịu đóng kịch kiểu này mãi. Kiếm được món khơ khớ vợ chồng mình sẽ chuồn xuống phía nam, vừa ấm áp, vừa chẳng ai biết mặt.

Tháng Ba 1913. Cửa hàng đồ khô của Armand và Céleste Lambert đã mở rộng gấp hai lần sau khi mua lại cửa hàng kem sữa kế bên, vậy mà vẫn chật cứng khách. Công việc kinh doanh ngày càng phát đạt bội phần. Vậy mà bữa nay, sau khi tấm cửa sắt cuốn đã được kéo xuống, lời lẽ trao đổi giữa hai vợ chồng không đầy vẻ lạc quan như mọi bữa. Armand nhẩy khỏi chiếc xe lăn:

– Céleste ơi, anh chịu không thấu nữa rồi!

Chị vợ vụng về an ủi chồng:

– Chịu khó ít lâu nữa…

Armand nổi khùng:

– Chịu khó cái con khỉ! Cô thử chịu xem có được không? Thử bị tra tấn hàng ngày như tôi xem! Cô có biết phải bao lâu ta mới gom đủ tiền để chuồn xuống miền nam không? Tôi tính rồi: phải ba năm là ít.

– Thoạt đầu chính mồm anh nói sẽ chịu được cơ mà…

– Tôi đã lầm, đơn giản thế thôi! Giá như bị bại liệt thật, không có lựa chọn nào khác, thì phải cắn răng mà chịu. Đằng này mình không liệt tí nào, hai chân vẫn ngứa ngáy muốn cử động nhưng

không được phép nhúc nhích lấy một li thì tức chết đi được, chịu không thấu! Céleste ơi, anh không thể…

Chị vợ hoảng hốt:

– Nhưng làm sao bây giờ? Đâm lao thì phải theo lao!

– Không chịu được nữa! Tôi sẽ ra ngồi ở khoảng giữa cửa hàng, đứng thẳng lên như lúc này này, ngay trước mặt mọi người để chấm dứt cực hình này!

– Ôi, thế thì chết mất! Anh sẽ vào tù, chúng mình sẽ phá sản, sẽ bị nguyền rủa!

Armand Lambert gục đầu xuống. Lâu nay gã vẫn là cấp trên, là ông chủ của Céleste nhưng bữa nay gã tỏ ra nhún nhường, đáng thương hại.

– Anh đã tính sai mất rồi em ạ! Đã đánh giá thấp khó khăn… Xin lỗi em, Céleste. Chúng mình tiêu đời mất rồi.

Hai vợ chồng im lặng hồi lâu. Bất chợt Céleste lên tiếng, giọng run run:

– Không đời nào! Không thể thế được!

– Em nghĩ ra mẹo gì thế?

– Ý nghĩ vừa thoáng qua làm em xấu hổ quá, anh không cần biết.

– Cứ nói anh nghe thử.

– Không.

– Nói đi Céleste. Anh ra lệnh em phải nói!

Céleste đành phải nói… Giải pháp chị ta vừa buộc phải nghĩ tới dưới sức ép của tình thế là giải pháp khá đặc biệt và khá táo bạo.

Ngày 13 tháng Tám năm 1913. Trong ngăn toa hạng nhất đoàn tàu hỏa đi Paris chỉ có hai vợ chồng Lambert. Đích đến của họ không phải Paris, họ đi Lourdes nhưng hối này chưa có đường tàu nối liền các tỉnh nhỏ nên từ Dijon phải lên thủ đô mới có tàu đi Lourdes. Thị trấn nhỏ chỉ có 17.600 dân trên dãy Thượng Pyrénées là nơi cô Bernadette Soubirous năm 1858 đã thấy Đức Bà Maria hiển hiện ban phép lạ chữa khỏi bệnh. Từ đó dòng người hành hương tới xin nước thiêng để chữa bệnh không mấy khi ngớt.

Mẹo của Céleste là: Armand Lambert sẽ đóng giả người được Đức Bà Maria ban phép lạ. Sau khi được tắm nước thiêng gã sẽ tuyên bố mình hết bệnh.

Thế là ổn. Khỏi ngồi xe lăn, khỏi vào tù vì tội lừa đảo…

Nghe vợ mách nước cờ cao Armand mừng húm nhẩy lên ôm vợ hôn chùn chụt, hai mắt ướt nhèm vì mấy giọt lệ tri ân. Sau đó gã bổ sung vào kịch bản của vợ vài nét mang dấu ấn của riêng gã: phải làm cho "phép lạ" có tiếng vang thật lớn. Để kết quả không những được đôi chân lành lặn mà còn biến gã thành một ngôi sao sáng trong vùng, trong cả nước Pháp cũng nên. Thiên hạ sẽ đô xô tới cửa hàng đồ khô của gã, mua bất cứ thứ tạp hóa gì, chỉ cốt được xem mặt kẻ đã được đức Mẹ Đồng trinh ưu ái.

Vậy là hai vợ chồng Armand Lambert đã phác họa xong một kế hoạch vừa bỉ ổi vừa thần tình. Sau tai nạn giả mang lại cuộc sống sung túc sẽ có phép lạ giả chữa lành chứng bán thân bất toại cho tên bịp và mang lại sự giầu có cho chúng.

Vì thế hai vợ chồng nấn ná mãi chờ tới khoảng gần giữa tháng Tám mới đi Lourdes. Phải chờ trong tâm trạng nóng như lửa đốt vì hàng năm, ngày rằm tháng Tám là ngày đông người tới Lourdes

hơn cả, nhờ vậy tin Armand Lambert được ban phép lạ sẽ nhanh chóng lan rộng khắp nước. Trong thời gian chờ đợi lên đường, Armand Lambert đã kiên trì ngồi lì thêm mấy tháng nữa trên xe lăn. Tinh thần chịu đựng của gã lên cao chưa từng thấy, giờ đây gã sẵn sàng đương đầu với mọi thử thách.

Trong toa tàu hạng nhất Armand mỉm cười bảo vợ.

– Bữa trở về Dijon, ta phải thuê vẽ một bức hình Đức Mẹ Đồng trinh thật đẹp lên trước mặt tiền. Và đặt lại tên cửa hàng. Đặt là cửa hàng "Người Được Ban Phép Lạ" được chứ? Em yêu quí thấy thế nào?

Céleste bĩu môi:

– Quê lắm… Em thích gọi là cửa hàng của "Nữ thánh Bernadette" cơ! Bernadette Soubirous đã mở đường cho mọi người tới dòng suối thiêng ở Lourdes, cũng tức là người mở đường cho vợ chồng mình tới cảnh giầu sang!

Hai vợ chồng không ngớt bàn luận đề tài thú vị này, bàn luận xung quanh vô số dự định tương lai khác trong suốt cuộc hành trình tới Lourdes. Hai ngày sau,15 tháng Tám là ngày trọng đại chưa từng có của hai vợ chồng… Céleste đẩy xe lăn, trồng ngực đập thình thình. Tuy một ngày trước đó chị ta đã chuẩn bị rất chu đáo, sửa sang lại dung nhan cho thích hợp với vai diễn. Cô nũng nịu hỏi:

– Con nhỏ làm đầu đã cắt tóc của em hơi ngắn phải không?

– Đâu có. Rất vừa vặn, đừng băn khoăn vớ vẩn.

– Lẽ ra em không nên mặc tấm rốp xanh dương này. Màu xanh không hợp với em.

– Báo đăng ảnh đen trắng, không đăng ảnh màu đâu mà lo.

– Ừ nhỉ. Em hồi hộp quá nên lú lẫn hết…

Một hàng dài xe lăn và cáng từ từ chuyển động theo tiếng những bản thánh ca về phía bể nước. Các bệnh nhân các người tật nguyền lần lượt được nhúng xuống bể. Armand và vợ thấy có rất đông phóng viên các báo, thợ chụp ảnh. Gã mừng húm. Hai vợ chồng đã chọn đúng ngày tốt lành.

Nhiều giờ trôi qua dưới ánh nắng gay gắt. Cuối cùng đến lượt họ. Hai chàng y tá lực lưỡng xốc nách Armand thả xuống bể nước. Gã để người chìm xuống rồi đạp chân đứng thẳng lên, hét to bằng giọng xúc động:

– Ôi… ôi! Tôi đi được rồi!

Trong đám đông trên bờ có tiếng xôn xao, chuyển dần thành tiếng reo hò, nổi bật lên là tiếng thét mừng rỡ:

– Chồng tôi đi được rồi! Chồng tôi được ban phép lạ rồi bà con ơi!

Đám đông vui mừng không sao tả xiết. Nhiều người quì vội xuống cầu nguyện, số đông chen lấn nhau cố vào thật gần kẻ vừa nãy còn bán thân bất toại mà giờ đây đã nâng được chiếc xe lăn lên cao quá đầu cho các phóng viên bấm máy lia lịa, mồm hét toáng:

– Phép lạ! Phép lạ!

Tối đó, đang ở trong khách sạn hai vợ chồng Armand Lambert nghe chuông điện thoại reo. Giọng phó thị trưởng Dijon sang sảng trong máy:

– Thưa ông Armand Lambert, chúng tôi đang nóng lòng chờ ông trở về. Chừng nào ông về?

Armand duỗi thẳng hai chân, ngửa người trên phôtơi.

– Chưa định đích xác ngày nào.

– Thưa ông Armand Lambert, xin báo trước để ông rõ: ra đón ông tại sân ga sẽ có đông đủ các thành viên hội đồng thị chính, ông giám đốc cảnh sát, đội quân nhạc, và đương nhiên có các vị chức sắc tôn giáo.

Gã chủ cửa hàng đồ khô phổng mũi. Gã đã tính đúng nước cờ. Vinh quang đang tới. Sau một lát giả bộ cân nhắc gã trả lời phó thị trưởng:

– Thôi được. Dự xong các cuộc họp đã lên chương trình ở đây, ngày 20 tháng Tám chúng tôi sẽ quay về…

Ngày 20 tháng Tám 1913. Đoàn tàu hỏa LourdesParis lao nhanh. Kể cả chặng ParisDijon, sau mười tiếng hai vợ chồng sẽ về tới nơi, về tới vinh quang và giầu có… Trong ngăn toa hạng nhất vẫn chỉ có Armand Lambert và vợ như trong chuyến đi, và hai vợ chồng vẫn tranh luận đề tài bữa đó.

– Đặt tên là cửa hàng "Người được ban phép lạ"

– Không, nghe quê lắm. Phải đặt là cửa hàng "Nữ Thánh Bernadette" mới hay.

Đúng lúc này đoàn tàu rùng mình chồm lên, tiếng phanh rít rợn người. Tàu LourdesParis vừa húc phải đoàn tàu hàng đỗ trên đường ray. Hai đoàn tàu đâm nhau không quá mạnh, không ai chết, không ai bị thương, trừ trong toa hạng Nhất có hai vợ chồng Armand Lambert…

Céleste may mắn thoát nạn, riêng anh chồng Armand bị tấm kính cửa rơi xuống chặt vào hai chân. Gã được đưa ngay đi cấp cứu.

Khi Céleste vào thăm chồng, bác sĩ cố trấn an chị ta và cũng là tự trấn an mình:

– Chồng chị sẽ sống.

– Bị thương có nặng lắm không, thưa bác sĩ?

– Có thể nói là… Vì phải giải quyết thật nhanh mới cứu sống được anh ấy, nên chúng tôi buộc phải cưa chân…

– Cưa chân?

– Vâng, rất đáng tiếc… Cưa cả hai chân.

Cửa hàng đồ khô của vợ chồng nhà Lambert vẫn giữ tên cũ. Không đổi thành cửa hàng của "Người được ban phép lạ" cũng không thành cửa hàng "Nữ thánh Bernadette". Lúc hai vợ chồng mới trở về, cửa hàng chật cứng khách, ai ai cũng muốn bày tỏ lòng ưu ái, sự thông cảm đối với Armand. Nhưng gã quá âu sầu quá buồn bã, luôn mồm thở ra nỗi tuyệt vọng không cùng. Thành thử khách hàng nghe mãi cũng thấy khó chịu, mệt mỏi trước những lời than van bất hạnh toát ra từ con người ốm o ngồi lọt thỏm trên xe lăn.

Những tháng đầu, mọi người cố an ủi gã:

– Thôi mà, ông Armand, cứ coi như trước ngày được ban phép lạ. Coi như cuộc sống của ông chẳng có gì thay đổi, vẫn như trước. Than thở làm gì cho thêm khổ!

Lời khuyên chí tình ấy chỉ làm gã càng đau khổ hơn, càng rên rỉ nhiều hơn, khó tính hơn và nóng nẩy hung dữ hơn. Khách hàng bỏ đi dần, đi mua ở các hàng khác để có sự vui vẻ. Cửa hàng phá sản, hai vợ chồng bỏ đi nơi khác. Họ xuống miền Nam chăng? Không ai biết…

Mãi tới năm 1940 khi Céleste qua đời mười lăm năm sau khi chồng chết, mọi người mới lại nhắc tới họ. Trước khi qua đời Céleste viết lời tự thú để lại cho các báo công bố. Đọc bài báo, những người ngoan đạo nói:

– Chúa đã trừng phạt hắn!

Tổng hợp ý kiến chung của những người khác:

– Đáng đời!

Một dám khách nhớ đời

Thành phố Hamburg bên Đức, năm 1992. Một thành phố bên bờ sông Elbe lịch sử, suốt ngày đêm sôi động bán buôn đủ thứ mặt hàng có trên trái đất này. Ở đây có vô vàn địa chỉ giúp thủy thủ tứ xứ vãng lai qua đây có thể quên đi những cơn sóng đại dương, nỗi cô đơn biển cả, quên hết mọi thứ trên đời kể cả những thứ không thể quên.

Tối đó ba thủy thủ người Đức: Helmut, Gunther và Armel đang nghỉ phép đẩy cửa tiệm rượu Humel bước vào. Họ chỉ tình cờ mà vào đây, không hề có ý lựa chọn. Họ tin chắc nơi đây cũng giống hệt trăm ngàn nơi khác trong thành phố: có bia tươi, xúc xích và gái Hamburg hoặc gái tỉnh khác, nước khác tới sẵn sàng giúp vui.

Sau khi nốc một hơi vài vại bia, họ đưa mắt nhìn quanh và chôm ngay được ba cô ngồi bàn bên: một cô tóc vàng rất Đức, một cô tóc nâu người Ý, một cô người châu Á có vẻ rụt rè tuy không quá mức. Ba thủy thủ toét miệng cười, gật đầu chào. Ba cô đáp lại, không hề tỏ ra sợ sệt. Sau một chầu bia băng giá đã tan hết, ba cô líu ríu kéo tới ngồi chung bàn với ba chàng thủy thủ. Nhạc từ cassette nổi lên, họ ôm nhau trên sàn nhẩy hẹp ngay bên quầy rượu. Gunther, Armel và Helmut đều vui sướng hết biết vì được làm quen với cô Marina tóc nâu, cô Mai Li da vàng và cô Ursula vạm vỡ người Hamburg. Tuy chưa cặp đôi với nhau nhưng xem chừng họ đã rất

ăn ý, thi nhau cười đùa rôm rả, cuộc vui càng lúc càng nồng. Chủ tiệm luôn tay phục vụ hết chầu bia này tới chầu kia không ngớt.

Đang mải cụng li bỗng có ai đó lên tiếng.

– Có lẽ nên kiếm một miếng gì ăn chơi đỡ đói chăng?

Cả bọn reo lên hưởng ứng. Tuy không một ai trong bọn đứng ra nhận làm chủ tiệc, nhưng tất cả đều nghĩ bụng: khỏi lo, tiệc tàn sẽ có người thanh toán sòng phẳng cho chủ quán.

Sau vài chầu bia nhắm với thịt hun khói, một thủy thủ đề nghị chuyển sang sâm banh, thứ rượu dễ làm những cô gái lạnh lùng nhất cũng phải bốc lửa tình hừng hực. Một chai, hai chai rồi ba chai sâm banh theo nhau phụt khói tống tiễn những đĩa bánh kem có ngọn. Ba cô gái tỏ ra rất khỏe không những trên sàn nhẩy mà cả trên bàn ăn. Sau bữa nhậu linh đình, họ súc miệng bằng rượu trắng schnaps. Các cô gái hình như đã quen giọng vẫn thản nhiên cụng li, thỉnh thoảng đứng lên chạy đi sửa sang sắc đẹp đôi chút rồi trở lại tiếp tục cụng li nữa.

Ba thủy thủ thấy đã đến lúc chấm dứt cuộc nhậu. Đêm đã khá khuya, lúc này là thời điểm tiếp tục cuộc vui trong tư thế khác, tư thế theo chiều ngang càng nhiều bao nhiêu càng khoái. Ý định này có vẻ dễ thực hiện vì ba cô ở chung một nhà và đều tỏ ý sẵn sàng tiếp ba chàng trai vui nhộn ở qua đêm cho vui. Gunther loạng choạng đứng dậy vẫy chủ tiệm tới bảo tính tiền.

Rõ ràng chủ tiệm đang nóng lòng chờ được khách gọi: đã tới giờ đóng cửa. Đây là toán khách cuối cùng trong tiệm. Chủ tiệm trịnh trọng bưng chiếc khay đựng tờ kê giá tiền các món đã được khách chiếu cố từ chập tối tới giờ. Gunther vừa cầm lên đã bị Armel giật

khỏi tay, đến lượt Armel lại bị Helmut giằng mất. Gunther gầm lên:

– Tớ mời các cậu đấy chứ!

Helmut còn to mồm hơn:

– Không được! Đêm rồi là đêm sinh nhật tớ, tớ bao tất!

Armel tuyên bố chắc nịch:

– Thôi thôi, dẹp hết dẹp hết! Ở đây tớ là cấp cao nhất nên tớ phải chi cho đàn em. Đúng không?

Hai gã kia nhất định không chịu. Ba cô gái tròn trĩnh cười ré lên như nắc nẻ, vỗ tay đồm độp. Nhìn cảnh ba chàng trai giành nhau quyền trả tiền bữa nhậu, chủ quán cũng thấy vui lây. Mấy thằng nhỏ thật dễ thương! Chả bù với bọn thường tới đây nhậu nhẹt rồi tìm đường lủi mất dạng, xù luôn tiền bia rượu. Chủ tiệm góp tiếng cười hể hả hòa với tiếng vỗ đùi đen đét. Tốp khách này chắc sẽ không kiểm tra bản kê tiền nhậu, chủ tiệm đã kê khống dăm mác nhưng chắc chúng sẽ bỏ qua.

Giằng co đã khá lâu nhưng có vẻ như không thể đi tới quyết định thủy thủ nào sẽ giành được vinh dự rút ví lấy ra những tờ bạc xinh xinh. Tờ hóa đơn chuyền tay nhau đã mấy vòng vẫn chưa dừng lại. Gunther vẫn là người đầu tiên tỏ vẻ chán trò chơi đã kéo dài quá lâu. Gã nói:

– Tớ có ý kiến! Ta sẽ kết luận cuộc tranh giành này bằng một cuộc thi.

Armel hỏi:

– Thi gì?

– Các cậu đều biết công trường Wilhelm cách đây hai trăm mét chứ?

Tất cả, kể cả ba cô gái đều đồng thanh đáp:

– Biết.

Gunther tiếp:

– Cậu nào chạy tới đó trước sẽ được vinh dự trả tiền bữa nhậu này.

Helmut và Armel cùng reo lên:

– Hết ý! Hoan hô sáng kiến vĩ đại!

Gunther quay sang chủ tiệm với vẻ mặt rất trang nghiêm:

– Này ông chủ! Chúng tôi gửi ba cô gái yêu kiều này làm con tin. Và xin mời ông đứng ra làm giám khảo cuộc thi. Ông sẽ phát lệnh chạy!

Chủ tiệm hồ hởi:

– Đồng ý. Lệnh xuất phát bằng chuông quầy rượu này nha!

Ba gã thủy thủ khom lưng quì gối lấy tư thế xuất phát trên bực cửa nhà hàng Humel do ba cô gái đứng giữ hai cánh cửa mở rộng hết cỡ. Trời đêm se lạnh. Chủ quán hô to dự lệnh và khẩu lệnh theo đúng qui tắc.

– Chuẩn bị!… Chạy!

Đồng thời nện một tiếng chuông thật to.

Ba gã thủy thủ đồng loạt lao vào bóng đêm. Ba cô gái cùng chủ quán vỗ tay reo hò cổ vũ nồng nhiệt hết mình. Sáng hôm sau, chủ tiệm nhăn như bị thú nhận anh ta cùng ba cô gái đã đứng chờ hơn một tiếng đồng hồ mới dám tin chắc sẽ không bao giờ thấy lại mặt

ba gã thủy thủ thích nhậu sâm banh với xúc xích hun khói. Tuy trông mặt thì cả ba tên đều có vẻ tử tế và rất dễ thương.

Người gỡ bí cho doanh nghiệp

Kenneth Phimley là tên bịp chuyên lừa đảo ở tầm cao. Không những có vẻ ngoài dễ coi, gã còn có trình độ kiến thức khá, nắm vững mọi ngôn ngữ, mọi kĩ thuật và cơ chế vận hành của thị trường tài chính quốc tế. Nhưng gã không có khả năng làm giầu bằng cách đầu cơ buôn bán chứng khoán, vì lẽ rất đơn giản: trong tay không có vốn. Tuy nghèo kiết xác nhưng Kenneth lại có thói thích xài hoang, kiếm được đồng nào là ném hết vào những trận vui suốt sáng trận cười thâu đêm trong các tiệm ăn các khách sạn có "sao". Để duy trì được cuộc sống kí sinh phè phỡn ấy Kenneth nghĩ ra một thủ đoạn khá tinh vi dựa trên tình trạng không ổn định và nhiều rủi ro của nền kinh tế thời nay, một tình trạng gây tâm lý lo âu thường trực cho nhiều giám đốc doanh nghiệp nước Anh.

Kenneth tìm đọc các tờ chuyên san kinh tế, ghi tên những giám đốc doanh nghiệp đang gặp khó khăn tạm thời và tìm cách tiếp xúc với họ qua điện thoại. Bằng những từ ngữ thích hợp, thay đổi giọng nói tùy theo hoàn cảnh từng lúc, gã cho vị giám đốc doanh nghiệp biết: phần lớn các trục trặc trong kinh doanh của ông ta đều do một đối thủ cạnh tranh xấu bụng đã thực thi nhiều thủ đoạn tình báo kinh tế để phá hoại ông ta. Nếu cần Kenneth sẽ cung cấp bằng chứng hai năm rõ mười. Và nếu ông đồng ý, Kenneth sẽ đứng ra làm trung gian giúi cho đối thủ đó một ít tiền và bằng cách đó sẽ

loại bỏ hoặc chí ít sẽ vô hiệu hóa địch thủ và cải thiện tình thế của doanh nghiệp.

Các chủ doanh nghiệp được Kenneth tiếp cận đều là những vị đang bị stress nặng và ít nhiều mắc bệnh hoang tưởng nên khi biết tin này họ đều mừng hết biết, coi đây là lời giải thích đầy tính thuyết phục và là giải pháp rất hữu hiệu sẽ cứu sống doanh nghiệp của họ.

Thấy số tiền do vị cứu tinh từ trên trời rơi xuống đòi nộp không quá lớn, không ít giám đốc doanh nghiệp chấp thuận bay sang Bỉ, sang Đức hoặc Luxembourg để gặp Kenneth (có khi đổi tên thành Edward, Williams hoặc gì gì nữa tùy từng trường hợp), giúi cho gã chiếc phong bì đầy những đồng bảng Anh để đổi lấy tập hồ sơ ghi đầy đủ chi tiết về những nguyên nhân thất bại trong kinh doanh của mình.

Cuộc trao đổi diễn ra chớp nhoáng trong phòng đợi lên máy bay. Kenneth nhận tiền xong là biến ngay, không bao giờ nán lại dù chỉ một phút để nói rõ thêm về nguồn "tài liệu tối mật" mà gã vừa cung cấp.

Trên chuyến bay trở về nhà, vị giám đốc doanh nghiệp mở tập tài liệu ra xem và thấy đó chỉ là những thông tin đã được đăng tải trên các tờ chuyên san kinh tếtài chính. Và thấy mình đã bỏ ra món tiền quá lớn để mua những thông tin có sẵn từ lâu trong văn phòng của ông ta.

Kenneth không dừng lại ở những quả lừa cò con kiểu đó, những quả lừa tuy không đòi hỏi phải tổ chức công phu nhưng tốn tiền máy bay, tiền khách sạn. Gã chuyển sang nghề sử dụng mạng lưới đàn em rất rộng, mua những bức ảnh chụp lén các vị thuộc tầng

lớp tuy rất có máu mặt của nước Anh nhưng lại đang ăn vận kiểu con nhà nghèo, thậm chí chẳng có mảnh vải che thân để đùa giỡn với các bà (hoặc các ông) không phải vợ (hoặc chồng) chính thức…

Những nạn nhân này đương nhiên cũng phải bấm bụng mang theo chiếc phong bì dầy đựng những tờ bạc in chân dung nữ hoàng Elisabeth II tới phòng đợi trong ga máy bay một nước nào đó của liên minh châu Âu.

Những vị thích đùa giỡn nhưng mất cảnh giác ấy đành chi tiền mua lại bằng chứng các vụ nghịch ngợm vô đạo đức, tuy chỉ là sinh hoạt cá nhân nhưng ở đất nước trong trắng này lại gây nhiều hậu quả nghiêm trọng cho các vị. Lần nào cũng vậy, ngay sau khi trao đổi xong Kenneth tức Edwards, Williams, tức Gregory hoặc Teddy v.v… biến ngay, biến thật nhanh nhưng bao giờ cũng đi bộ hoặc bằng các phương tiện công cộng nhằm tránh bị bám đuôi…

Do không sòng phẳng trong chia chác, Kenneth bị một đàn em tố giác. Gã bị bắt quả tang trong một khách sạn năm sao gần mũi Ail giữa lúc đang trao những tấm ảnh chụp cảnh vui đùa quá trớn của một vị quí tộc trong dòng họ hoàng gia Anh. Vừa rút tập ảnh trong túi ra, gã thấy cảnh sát Pháp và cảnh sát Anh phục sẵn gần đó xông tới. Gã vắt chân lên cổ chạy biến nhưng không thoát, bị cảnh sát tóm gáy ngay khi sắp vượt qua biên giới Pháp sang công quốc Monaco.

Kenneth lạy van nhà chức trách đừng giải hắn về thụ án bên nước Anh quê hương. Ở đó chắc chắn gã sẽ bị những người bị hắn làm săngta lâu nay thủ tiêu. Nếu không thì cũng sẽ bị một tờ báo ngày của Mỹ thuê một tên đâm thuê chém mướn dữ dằn nào đó làm thịt gã.

Tại sao một tờ báo Mỹ muốn thịt hắn? Kenneth giải thích: cách đây vài tháng gã đã bán cho họ một đôi giầy cũ lấy năm mươi sáu ngàn đô.

Giầy gì mà đắt thế? Kenneth giải thích: hắn đã cam đoan với chủ tờ báo Mỹ rằng đây là giầy của một danh nhân: Jimmy Hoffa chủ tịch liên hiệp các công đoàn Mỹ. Vài năm trước đây Jimmy đã tới chơi nhà hắn sau đó biến mất không để lại vết tích gì, ngoài đôi giầy đã vẹt gót vì Jimmy cũng là người đi bộ không mệt mỏi. Y hệt gã ta, lâu nay vẫn không mệt mỏi bôn ba khắp bầu trời Âu Mỹ…

Kenneth đã mua đôi giầy đó vài tuần trước ở chợ trời trên đường Portobello với cái giá… chỉ vài sillinh thôi!

Nghệ sĩ ngành mộc

Giữa tên làm giả và người sao chép không có sự khác biệt về hoa tay. Cả hai đều có tài tái hiện rất đúng tác phẩm của nghệ sĩ đã quá cố. Hai người này khác nhau ở chỗ: một người lương thiện, nói rõ thực chất việc mình làm, kẻ kia bất lương vì giấu biệt không chịu nói việc làm của hắn là gì.

Thế nhưng trong lịch sử lại đã từng có một người đứng giữa hai loại người này, một người không thể xếp vào loại nào được: André Mailfert. Thủ đoạn lừa phỉnh anh ta nghĩ ra và thực hiện hồi thập niên 30 quả là độc nhất vô nhị từ cổ chí kim, từ đông sang tây. Anh ta lừa dối, bịp đời, nhưng công bằng mà nói, với rất nhiều tài hoa và hơn nữa, vì một động cơ tốt đẹp nên xét đến cùng, nếu đi theo đường công khai đàng hoàng, anh ta đáng được khen ngợi và khâm phục.

Quê vùng Orléans, anh chàng André Mailfert là họa sĩ thuốc nước hồi cuối thế kỉ XIX. Anh có niềm đam mê đặc biệt với đồ gỗ cổ nhưng không có tiền mua vì loại đồ này là của vô giá. Tuy nhiên trong cái rủi có cái may: cũng vì không có tiền mua nên André Mailfert nẩy ra sáng kiến, một sáng kiến giúp anh ta giầu to. Anh nghĩ: trên đời này chắc có nhiều người ở vào hoàn cảnh như mình. Vậy tại sao không cung cấp cho họ những bản sao chép đúng với nghĩa của chúng, giống hệt bản chính? Những bản sao có đầy đủ

dáng vẻ của bản chính, cũng có giá trị thẩm mỹ như bản chính, nhưng giá lại rẻ hơn gấp bội.

Năm 1904 André Mailfert thành lập một xưởng mộc nhỏ ngay tại thành phố quê nhà, chuyên sản xuất những đồ gỗ nhái kiểu cổ. Anh ta tính toán không sai: đơn đặt hàng tới tấp bay tới. Nhiều đến nỗi năm 1913 anh phải mở rộng xưởng. Xưởng được dọn về ngôi nhà kiểu François đệ Nhất trong thành phố Orléans, tiếp tục cho ra những bộ đồ gỗ nhái kiểu cổ cực kì tinh xảo: tủ commốt đời Louis XV, ghế bành thời Nhiếp Chính, khung gương Venise, bàn giấy thời Đế Chế, bàn trang điểm đời Louis XVI và rất nhiều thứ khác.

Thành công rực rỡ này không phải do tình cờ, may mắn, do thị hiếu của khách hàng mà nhờ ở tài tỉa tót từng chi tiết nhỏ nhất đạt mức hoàn hảo không chê vào đâu được. Trừ việc pha xẻ gỗ, các khâu chế tác sau đó đều theo đúng các qui trình kĩ thuật đặc thù của từng thời đại, nhất là công thức pha chế và đánh vecni. Vẻ cổ xưa được thực hiện bằng nhiều biện pháp: đốt, làm nứt, va đập, pha thêm bụi mịn vào vecni. Nhờ vậy các sản phẩm của André Mailfert có chất lượng không gì bì kịp.

Nhiều nhà buôn bán đồ cổ đã lập lờ bán những thứ đó như đồ cổ thật, thậm chí còn bán giá cao hơn những đồ thật. André Mailfert không có lỗi trong vụ này, bản thân anh ta không hề gian dối, vả lại anh chẳng cần gian dối, công việc kinh doanh của anh vẫn tiến vùn vụt, chẳng bao lâu sau số nhân công có tay nghề rất cao làm cho anh đã lên tới hai trăm năm chục người.

Bất thình lình khủng hoảng kinh tế ập xuống. Hậu quả đợt đổ vỡ năm 1929 của thị trường chứng khoán New York lan sang Pháp năm 1931, và tất nhiên nó giáng những đòn đầu tiên xuống các

ngành kinh doanh mặt hàng xa xỉ. Ngành đồ gỗ điêu đứng, đe dọa André Mailfert phải giãn thợ. Triển vọng đó khiến ông đau lòng. Những công nhân làm việc trong xưởng của ông nói đúng hơn, họ là những nghệ nhân, thậm chí là những nghệ sĩ đều là những người yêu nghề cũng như ông. Vì không muốn nhìn cảnh sẩy đàn tan nghé, André Mailfert bóp óc tìm lối thoát. Và tìm ra một giải pháp kì tài!

André Mailfert bịa ra một dòng, một trường phái đồ mộc gọi là trường phái Sông Loire. Trường phái này đã bị tuyệt diệt, nên André Mailfert sẽ tái tạo những bản sao. Là những bản sao nhưng vì bản gốc không còn nên ông sẽ bán với giá cao xấp xỉ những đồ gỗ cổ thứ thiệt. Như vậy, thêm vào thú chơi đổ cổ, khách hàng sẽ còn được hấp dẫn bởi thú khám phá ra một điều mới lạ. André Mailfert dự tính: nếu khéo xoay xở, có khi ông còn tạo ra được một mốt mới, một phong trào đua đòi a dua nhau của những kẻ thích học làm sang.Và sản phẩm của ông sẽ đắt như tôm tươi.

Nghĩ là làm. Trên những tờ giấy thời Phục Hưng tình cờ tìm thấy trong kho của viện bảo tàng Orléans, André vẽ chừng hơn một trăm bức tranh thuốc nước, tranh thủy mặc và xêpia miêu tả những đồ gỗ kiểu lạ mắt rất đẹp trông tương tự kiểu Louis XV thôn dã. Tất cả đều bằng loại gỗ thường, màu sáng, chân đế gọn nhẹ, tủ có cửa panô, họa tiết trang trí đều bằng gỗ dát thể hiện những con tàu hoặc những lâu đài, cung điện, tuyệt đối không dùng môtip nào khác.

Vẽ xong André Mailfert lặng người vì sung sướng, ngắm những tác phẩm vừa hoàn thành. Đây chính là kiểu đồ gỗ ông sẽ chế tác nếu được phép tự mình vẽ kiểu. Kiểu của "trường phái André Mailfert"! Sau một thời gian sao chép các bậc thầy quá cố, từ nay

anh sẽ sao chép chính mình… Ông rắc bụi lên các bức vẽ, bỏ vào chiếc hòm da lợn thời xưa. Vụ lừa nhằm cứu các người làm công khỏi thất nghiệp có thể bắt đầu…

André Mailfert thấy cần bổ sung một chi tiết quan trọng. Đã là trường phái đồ gỗ Sông Loire theo lẽ đương nhiên phải có một người thầy, người sáng tạo ra nó. Thấy cú lừa của mình khá táo bạo, ông đặt tên cho bậc thầy đó là Jean François Hardy (Hardy trong tiếng Pháp có nghĩa Táo Bạo). Và cũng theo lẽ đương nhiên, ông thầy này phải có lý lịch rõ ràng. Lý lịch vị tổ sư nghề mộc thế kỉ XVIII do André Mailfert phịa ra rất chi tiết.

Cuối năm 1931 André Mailfert tung ra tập quảng cáo in rất đẹp "Trường phái Sông Loire". Các người sành điệu, các nhà chuyên môn bị cuốn hút ngay tức thì. Vì tờ quảng cáo giới thiệu trường phái này rất tỉ mỉ, có đầu có đuôi hẳn hòi. Dưới đây là vài đoạn trích:

Năm 1715 Jean François Hardy đã là học trò ưu tú của nghệ nhân nghề mộc Germain Landrin nhà cung cấp đồ gỗ cho triều đình Pháp. Jean François Hardy đã học nghề trong xưởng của thầy, phụ việc cho thầy và được thầy truyền nghề trong mười năm ròng. Sau đó còn sang Hà Lan tu nghiệp. Dọc đường Jean François Hardy dừng chân ở thành phố Lille, để lại đây nhiều công trình nghệ thuật trong lâu đài FournesenWeppes.

Từ Lille, ông tới Bruxelles làm việc ít lâu dưới quyền thầy Jan Hort rồi sang Hà Lan định cư tại thủ đô Rotterdam, trong một căn nhà gần cảng. Năm 1719 ông cưới Cornélia Van der Breught con gái một vị thị trưởng và được ba người con: Pétrus và Bernard, hai người này nối nghiệp bố ở Pháp, cô con gái út là Marguerite lấy chồng làm nghề mộc ở Nantes.

Con trai cả của Jean François Hardy hợp tác với Gaillard ngụ tại phố Con Bò, mở cửa hàng sản xuất đồ gỗ ở Orléans. Người thứ hai sinh sống ở Angers, nổi tiếng nhờ các đồ mộc tuyệt vời cung cấp cho dân thành phố và tòa giám mục. Ngoài ra, hiện nay ở Gien, Saumur và Ancenis còn dấu vết những xưởng nhỏ do các học trò của Jean François Hardy lập nên để sao chép các sản phẩm của thầy.

Điều đáng ngạc nhiên là tất cả những tên tuổi kể trên đều vắng bóng trong tất cả các công trình nghiên cứu về đồ mộc thế kỉ XVIII. Duy có cuốn Sách Lịch Tổng Hợp về Thương nhân và cuốn Ghi chép về danh nhân phát hành năm 1770 có nói tới ông như một bậc thầy nghề mộc cuối thế kỉ XVIII và điểm qua một số tác phẩm của ông…

Ngoài những chi tiết "nói có sách mách có chứng" ấy còn có hình chép lại các bức vẽ mấy món tiêu biểu cho đồ gỗ kiểu Louis thôn dã của bậc thầy, trong đó có một tủ sách, một bàn giấy, một bộ đồ phòng ngủ.

Đặc biệt tập quảng cáo còn đăng ảnh toàn thân nhà nghệ sĩ đồ mộc đứng trước biển, xa xa có cảnh đắm tàu. Cảnh này được giải thích: trên đường từ Hà Lan về Pháp, con tàu chở Jean François Hardy bị sét đánh đắm ngoài khơi tỉnh Nantes. Nhờ bám được một khúc cây nên ông và vợ con đều thoát nạn.

Một chi tiết khác trong tập quảng cáo càng cho thấy tài bịa của André Mailfert quả là vô song. Ông ta viết:

"Jean François Hardy về tới Pháp đúng vào thời điểm nước nhà đang suy sụp sau vụ Law bị phá

sản. (Law, nhà tài chính Xcốtlen sang Pháp làm ăn, thành lập Công ty An độ và Tổng Ngân hàng Pháp, vỡ nợ năm 1720 NBS). Giới thượng lưu không muốn vung phí của cải vào những món không thật bức thiết. Nên ông làm những đồ gỗ giản dị, bằng vật liệu không đắt tiền, nhưng rất đẹp mắt và tiện dụng."

Bịa ra chuyện đó, André Mailfert tin chắc: kiểu đồ gỗ của vị thầy không được ai biết tới hồi cuối thế kỉ XVIII chắc sẽ được hoan nghênh trên thị trường nước Pháp vừa ra khỏi cuộc khủng hoảng năm 1929!

Trong khi thời cơ chưa tới, André Mailfert bị chất vấn kịch liệt về khám phá của ông. Tại sao các bản vẽ của Jean François Hardy lại nằm trong tay ông? Tại sao đến bây giờ mới công bố?

Nhân buổi tiếp khách có đông đủ không chỉ các quan chức thành phố Orléans mà còn có cả các nhà sành chơi đồ gỗ cổ toàn nước Pháp André Mailfert điềm nhiên giải thích:

– Ngày 1 tháng Tám năm 1914 tôi đãi tiệc tiễn chân các chú thợ sắp ra mặt trận. Một cậu tên là Simon Hardy tặng tôi chiếc rương của ông cố nội cậu ta để lại. Và bảo tôi có thể mở ra nếu cậu ta không trở về.

– Cậu Simon Hardy sau đó tử trận ư?

– Phải. Ở trận Vauquois, năm 1916.

– Sao không mở rương ra ngay khi đó?

– Vì mãi về sau mới biết tin cậu ấy chết. Tôi nhét chiếc rương trong kho, và thực tình thì cũng quên biến đi mất. Mãi đến đầu năm nay, nhân lúc dọn dẹp mới tình cờ nhớ ra…

André Mailfert đã thành công, nói đúng ra là đã thắng lợi. Các nhân vật tầm cỡ trong giới chuyên môn đều hoàn toàn tin tưởng

vào truyền thuyết Jean François Hardy. Một tờ chuyên san nghệ thuật đã dành cho ông trọn số báo ra nhân dịp Giáng Sinh. Một nhà thiết kế bưu ảnh đã phất to nhờ in lại chân dung bậc thầy đứng trước cảnh tàu đắm ngoài khơi xa. André Mailfert được mời diễn thuyết trên đài phát thanh quốc gia, một sự ưu ái hiếm có vào thời bấy giờ, dưới sự bảo trợ của bộ Văn học Nghệ thuật Pháp.

Quan trọng hơn cả là tốp thợ của ông đã có việc để làm. Mà không ít việc! Sau khi tập quảng cáo được tung ra, ba triệu đơn đặt hàng tới tấp gửi về xưởng mộc. Các đồ gỗ làm theo bản thiết kế tìm thấy trong chiếc rương da lợn bắt đầu xuất xưởng. Như đã dự tính trước, André Mailfert bán chúng với giá cao hơn hẳn các đồ nhái kiểu cổ khác, vì loại đồ của ông không còn bản gốc. Thợ của ông chẳng những không lo thất nghiệp mà còn phải làm thêm giờ thêm ca!

Tất cả mọi người đều bị cuốn theo trò lừa phỉnh tài tình. Một chuyên gia viết bài trong tờ chuyên san về đồ mộc, chê trách André Mailfert không thật trung thành với bản vẽ của thầy. Bài viết kết thúc bằng câu: "Ông đã giết chết sự nghiệp lẫy lừng của Jean François Hardy!". Một kí giả tờ Le Figaro tìm ra nơi chôn rau cắt rốn của Jean François Hardy tại một căn nhà ở phố Sellerie thành phố Tours! Tấm bia tưởng niệm được đặt làm, chuẩn bị gắn lên di tích lịch sử đó. Kí giả này còn nhận đảm trách chức chủ tịch "Ủy ban Jean François Hardy". Viện bào tàng Blois thu xếp hẳn một gian để trưng bày các sản phẩm của André Mailfert…

Ngày nay, nếu có dịp đi trên đường Sellerie trong thành phố Tours, bạn sẽ không thấy tấm bảng cẩm thạch khắc tên nghệ nhân đồ gỗ Jean François Hardy, cũng như không thể vào thăm gian trưng bày trong viện bảo tàng Blois. Vì năm 1935, sau khi tạo công

ăn việc làm ổn định lâu dài cho số công nhân của mình, André Mailfert rút lui khỏi thương trường. Ông bán nhà, nghỉ ngơi dưỡng sức ít lâu rồi ngồi viết hồi kí. Tập hồi kí đã được ấn hành dưới tựa đề Ở xứ xở những người bán đồ cổ.

Trong cuốn sách này, André Mailfert thuật lại kì công mình đã sao chép bản thân qua trường phái Sông Loire, bằng cách đó ông đã tạo thời cơ thể hiện tài năng của chính mình, sáng tạo một kiểu đồ gỗ độc đáo.

Cuối sách, ông viết rõ: Jean François Hardy, người được đăng ảnh trên bìa nhiều tạp chí nghệ thuật và trên nhiều kiểu bưu thiếp, chỉ là tấm ảnh cũ mèm ông mua mất ba xu ở chợ trời Orléans. Đó là ảnh một cha đạo hồi thế kỉ XIX, được ông vẽ thêm mái tóc giả. Hình ảnh đắm tàu phía xa trên bức ảnh thì chính ông cũng chẳng hiểu nó có ý nghĩa gì.

Thuật lại câu chuyện của André Mailfert bên cạnh với chuyện các vụ lừa đảo khác kể cũng có phần hơi oan uổng cho ông. Vì ông chỉ tìm cách cứu những người thợ của mình, bằng đầu óc sáng tạo và đôi tay tài hoa. Hơn nữa, André Mailfert đã tạo ra một kiểu đồ gỗ: kiểu đời Louis XV thôn dã, bằng gỗ màu sáng, có những họa tiết bằng gỗ dát thể hiện những con tàu biển và lâu đài, cung điện.

Những người đã mua đồ gỗ của ông sau khi biết sự thật vẫn không thấy tiếc tiền. Tận bây giờ, những đồ gỗ kiểu Mailfert vẫn được tín nhiệm, được đánh giá cao.

Nhà sản xuất diêm

Hồi thập niên 20 Ivar Kreuger là một người Thụy Điển rất thông minh, có năng khiếu kinh doanh bẩm sinh. Quê hương ông ta có nhiều rừng nên Ivar Kreuger lao ngay vào một cuộc kinh doanh đòi hỏi rất nhiều gỗ, những chiếc que gỗ tuy nhỏ nhưng con số lên tới hàng tỉ tỉ: làm diêm, theo một phương thức riêng do ông ta nghĩ ra. Diêm của Ivar Kreuger rất tuyệt, dễ đánh lửa nhưng lại rất an toàn, không bao giờ gây tai nạn.

Có vẻ ngoài dễ nhìn nên Ivar Kreuger gây được nhiều mối giao hảo thuận lợi cho kinh doanh, mặt khác, sản phẩm ông làm ra lại có chất lượng cao. Diêm của ông bán chạy không những ở Thụy Điển mà ra cả nước ngoài rồi len lỏi vào khắp hang cùng ngõ hẻm trên thế giới. Trong cuộc sống, ai mà chẳng cần đến lửa? Khốn thay, trong khi chào bán diêm ở nhiều nước, Ivar Kreuger không ít lần bị thất vọng: tại nhiều quốc gia lớn nhỏ, việc sản xuất diêm là độc quyền của nhà nước nên một người Thụy Điển dù có biệt tài làm diêm như ông ta cũng không được phép cạnh tranh với chính quyền sở tại.

Tuy vậy, công cuộc kinh doanh của Ivar Kreuger ở thời điểm đầu thế kỉ XX này vẫn mang lại nhiều lợi nhuận, tài khoản của ông ta tại ngân hàng vẫn không ngừng đầy lên. Một bữa kia, người đứng đầu chính phủ một nước nhỏ ở châu Âu tuồng như tình cờ tiết lộ một bí mật quốc gia: nước ông đang gặp khó khăn về ngân

sách. Ivar Kreuger nhậy bén thấy ngay đây thời cơ ngàn vàng liền đưa ra gợi ý: sẵn sàng cho vay một khoản tiền lớn đánh đổi lấy độc quyền sản xuất diêm ở nước đó. Vụ nhượng quyền này sẽ tiến hành thật kín đáo, chỉ một số quan chức chủ chốt được biết. Và để việc thương lượng tiến hành trôi chảy Ivar Kreuger phóng tay bôi trơn bộ máy hành chính của nước đó bằng những khoản lót đường hậu hĩ cho các quan tham, loại quan chức ở đâu cũng có.

Lẽ đương nhiên, mọi điều khoản của bản thỏa ước đều tối mật. Chính Ivar Kreuger đã nhiều lần tuyên bố: mọi người muốn thành đạt trong kinh doanh đều phải biết giữ bí mật, bí mật là chìa khóa của thành công. Phương châm của các doanh nhân là: "Im lặng, tuyệt đối im lặng". Đối với Ivar Kreuger giữ bí mật càng quan trọng bội phần vì ông ta không những là chuyên gia giỏi làm diêm chứa hóa chất phốtpho mà còn là chuyên gia giỏi vẽ trên sổ sách chi thu. Giỏi tới mức các nhà kế toán sừng sỏ tuy đều đều kiểm tra sổ sách của ông ta nhưng chẳng phát hiện được sai trái gì. Đã thế, mỗi khi bị hỏi một câu hiểm hóc, Ivar Kreuger lập tức vung lá bùa hộ mệnh: các thỏa hiệp với chính phủ nước ngoài là bí mật quốc gia, không thể tiết lộ. Im lặng! Tuyệt đối im lặng!

Hơn nữa, nhờ tài vẽ đó Ivar Kreuger còn được nhiều ngân hàng tin cậy, coi là khách quí mang vẻ vang đến cho họ. Họ không ngần ngại cho ông ta vay những khoản tiền lớn. Những vị chủ ngân hàng có dịp tới thăm ông ta tại trụ sở choáng lộn ở Stockholm càng bái phục Ivar Kreuger sát đất vì được trực tiếp chứng kiến những cuộc đàm thoại giữa chủ nhân với các chính khách cỡ bự nước ngoài. Họ làm sao biết trong dãy máy điện thoại xếp hàng dài trong văn phòng có một máy gắn chiếc nút đặc biệt. Thỉnh thoảng Ivar Kreuger kín đáo ấn nút làm máy đổ chuông rồi nhấc máy giả

bộ trò chuyện với một bộ trưởng hoặc thứ trưởng nước ngoài nào đó để lòe vị giám đốc ngân hàng đang ngồi trước mặt. Nhiều khi chiếc điện thoại đặc biệt này chỉ đơn giản làm nhiệm vụ đuổi khéo những vị khách không mời mà đến.

Tuy nhiên, cuộc đại suy thoái kinh tế hồi cuối thập niên 20 đầu thập niên 30 đã làm chao đảo nước Mỹ rồi lan sang các nước châu Âu khiến diêm Thụy Điển cũng lao đao. Tòa lâu đài tài chính yếu ớt và tài lừa bịp để vay vốn của Ivar Kreuger vấp phải một trở ngại lớn: số nhà đầu tư giảm sút thảm hại, lãi suất cho vay tăng lên ghê gớm. Ông ta phải vắt óc nghĩ ra một mánh mới.

Một bữa kia, Ivar Kreuger vào một ngân hàng Bỉ trao cho giám đốc chếc phong bì tổ bố nói là gửi bốn trăm triệu frăng. Giám đốc ngân hàng nể mặt vị khách quí nên không mở ra kiểm tra, viết ngay giấy biên nhận. Sau đó mới té ngửa khi thấy trong phong bì chỉ có chưa tới năm triệu frăng. Được báo tin, Ivar Kreuger vội vàng mang bộ mặt ân hận tới cáo lỗi vì đã nhầm lẫn, xin trả lại tờ biên nhận cho ngân hàng. Và tất nhiên không cho biết mình đã kịp ngay lập tức dùng tờ biên nhận ấy để vay tiền ở một ngân hàng khác.

Tình hình ngày càng chồng chất thêm nhiều khó khăn mới. Không còn cách nào khác, Ivar Kreuger đành tận dụng uy tín còn sót của mình để chơi những cú tầm thuờng không ngoạn mục như xưa: làm những giấy tờ giảnhững bảng kê tài sản, những văn bản mang chữ kí giả mạo liên quan tới các ngân hàng Ý để chiếm đoạt tổng cộng tới bẩy mươi mốt triệu đôla. Nhờ vậy tuy nước đã tràn vào con tàu chở diêm của ông ta nhưng nó vẫn chưa chìm hẳn.

Mãi cũng đến lúc phải bán bớt một phần vương quốc của mình mới trụ nổi, Ivar Kreuger chuyển nhượng một công ty điện thoại

Thụy Điển cho hãng ITT (International Telephone and Telegraph) ở New York. Hãng này cử một đoàn chuyên viên kế toán sang thẩm tra sổ sách. Không còn "Im lặng, tuyệt đối im lặng" được nữa, cũng không còn giữ được bí mật quốc gia nữa. Đoàn kiểm tra phát hiện gã khổng lồ sản xuất diêm là một khổng lồ có đôi chân đất sét. Tin này được loan báo trên tất cả các chuyên san kinh tế tài chính của thế giới. Ivar Kreuger bị dồn vào chân tường, xin vay nợ của một ngân hàng Thụy Điển… Ngân hàng đồng ý với điều kiện phải để ngân hàng kiểm tra toàn bộ sổ sách kế toán. Ivar Kreuger bay sang Paris… và được tin những bản kê giả mạo của các ngân hàng Ý đã bị phanh phui toàn bộ.

Ngày hôm sau, người ta thấy Ivar Kreuger chết vì một viên đạn tự bắn vào giữa trán. Sau khi gã chết nhà chức trách phải bỏ ra mười ba năm mới gỡ xong mớ bòng bong các quả lừa rối mù của gã. Tổng số tiền bị Ivar Kreuger chiếm đoạt lớn hơn toàn bộ ngân sách quốc gia của Thụy Điển thời đó!

Những anh chàng dại gái

Sáng sớm ngày 23 tháng Mười Hai năm 1962, bến cảng Havre đầy nghẹt người đứng chờ đón con tàu viễn dương Sainte Marie từ đảo Mactinic tới. Đám đông nhiều mầu sặc sỡ gồm đa phần là người quần đảo Angti tới đón người thân từ quê nhà sang Pháp ăn mừng lễ Giáng sinh.

JeanLouis Collard không phải người quê ở đảo Angti mà là dân Paris chính hiệu. Anh tới Le Havre này với mục đích đón con tàu Sainte Marie. Năm nay hăm lăm tuổi, ngoại hình có nhiều ưu điểm đáng giá, quần áo tươm tất có thể nói là sang trọng càng tôn thêm những nét thanh tú trên diện mạo chàng trai: áo padờsuy mới tinh, bộ đồ lớn cắt may rất khéo, cavát bóng lộn…

Tàu Sainte Marie theo hoa tiêu từ từ cặp bến. JeanLouis mỉm cười khoan khoái tuy trong ví rỗng tuếch vì đã phải dốc hết những đồng bạc tiết kiệm cuối cùng để sắm bộ cánh mới! Đồng lương nhân viên quèn không được bao nhiêu nên xưa nay anh vẫn phải chi tiêu tằn tiện lắm, nhưng vừa rồi anh đã dám vung tay xài sang vì Caroline rất xứng đáng được hưởng sự hi sinh này của anh. Nàng rất xứng đáng để anh chấp nhận mọi hi sinh! JeanLouis luồn tay vào túi áo ngực bên trái, nơi tim đang đập rộn ràng, lấy ra tấm ảnh một cô gái chừng đôi mươi, tóc vàng rực, cao ráo thon thả, đẹp hớp hồn trong bộ đồ tắm bikini hai mảnh… JeanLouis ngắm bức ảnh rất kĩ tuy không phải vì sợ lát nữa sẽ không nhận ra người đẹp

khi nàng đặt gót sen xuống cầu tàu. Mới chỉ được gặp nàng một lần thôi nhưng hình ảnh nàng đã in sâu trong tâm tưởng, dù mới gặp nàng trên bức ảnh.

Cách đây hai tháng JeanLouis đã đáp lại một tin rao vặt trên tờ báo buổi chiều xuất bản ở Paris. Lời rao như sau: "Thiếu nữ người Mactinic, 22 tuổi, có nguyện vọng trở thành người mẫu, mong liên lạc với một nam giới người Paris từ 2530 tuổi để tiến tới hôn nhân nếu hợp nhau". JeanLouis Collard trả lời và vài ngày sau nhận được thư của người đẹp kèm theo bức ảnh anh đang ngắm. Thư cho biết cô Caroline Ligier đã nhận được rất nhiều thư hồi đáp lời rao trên báo của cô nhưng cô chọn JeanLouis để bắt liên lạc. JeanLouis mới là ý trung nhân của cô.

Sau nhiều ngày nhiều tuần lễ, thư từ trao đổi giữa hai người ngày càng tình tứ nồng nàn, và đầu tháng Mười Hai vừa rồi Caroline đã quyết định dứt khoát: sang Pháp gặp JeanLouis. Nhưng nàng còn vướng một trở ngại nhỏ: thiếu năm trăm frăng để chi cho cuộc viễn du. Tuy chẳng sung túc gì nhưng JeanLouis cũng sốt sắng gửi ngay năm trăm frăng cho cô. Và bằng tiền mặt theo yêu cầu của cô. Tuần rối, anh nhận được lá thư mong đợi: "Em sẽ tới Le Havre ngày 23 tháng Mười Hai bằng tàu Sainte Marie".

Đám đông đứng chờ trên bến cảng xô đẩy nhau cố lấn tới gần hơn: cầu tàu vừa thả xuống. JeanLouis thúc mạnh hai cùi chỏ cản những người đang định chen lấn vượt lên trước anh. Những tốp hành khách đầu tiên ra khỏi tàu. Chàng trai nhìn không chớp mắt vào dòng người, nơi lát nữa sẽ xuất hiện món quà Giáng sinh quí báu của anh.

Sau mười lăm phút, số người xuống tàu đã vãn. Vậy là Caroline sẽ ra cùng với những hành khách cuối cùng. Tuy ruột gan như lửa

đốt nhưng JeanLouis vẫn cảm thấy vui vui, nghĩ bụng: các cô gái đều giống nhau y hệt, cô nào cũng thích làm đỏm, phải trang điểm tí chút rồi mới chịu tới trình diện người yêu…

Đám người trên bến cảng dần dần thưa bớt, các cặp vợ chồng tái ngộ đã dắt díu con cái dìu nhau ra xe hoặc đi về phía nhà ga. JeanLouis cảm thấy lo lắng khi cần cẩu trên tàu thả xuống bến cảng một thùng khá to. Tuy ở cách xa nhưng anh cũng đọc được hàng chữ ghi trên thùng "Chuối. Công ty Xuất khẩu Mactinic". Thế là thế nào? Hàng được chuyển xuống, tức là trên tàu đã hết hành khách. Nhìn lên cầu tàu lúc này chỉ thấy thủy thủ và công nhân khuân vác đi đi lại lại, không còn một hành khách nào. Không thấy Caroline Ligier đâu!

JeanLouis càng lo lắng, bực bội hơn khi thấy trên bến còn lại khoảng năm chục người đứng túm tụm ngay đầu cầu tàu. Mà toàn là thanh niên trai trẻ trạc tuổi anh, khoảng hăm bốn hăm lăm. JeanLouis nhìn kĩ họ: tất cả đều diện thật bảnh, áo padơxuy, complê sang trọng, cavát thời trang, giầy loại xịn bóng loáng. Và anh nào cũng có vẻ bồn chồn nóng ruột, rất nhiều cậu luôn tay nâng đồng hồ lên xem…

JeanLouis chợt linh cảm có chuyện chẳng lành, bèn tới bên chàng trai đứng gần nhất.

– Xin lỗi, hình như anh đang chờ đợi ai?

– Phải, tôi đang…

– Đang đợi một thiếu nữ?

Chàng kia hình như vừa hiểu ra… Hai người gần như cùng một lúc thò tay vào túi ngực trái, túi phía trái tim, lấy ra bức ảnh và đồng thanh kêu lên:

– Caroline!

Nghe hai người kêu to cái tên đó, bốn mươi tám anh chàng diện bảnh kia đồng loạt quay nhìn, rồi chẳng ai bảo ai họ chạy đến bên hai người, tất cả đều thò tay vào túi áo ngực trái, túi phía trái tim, mỗi chàng rút ra một tấm ảnh.

Lát sau, năm chục chàng trai mặt nhăn như bị, xúm lại ngắm nghía năm chục bức ảnh nàng Caroline Ligier đẹp hớp hồn trong bộ đồ tắm bikini hai mảnh đang gửi tặng các chàng nụ cười mê li…

Cảnh sát trưởng Ferrand của thành phố cảng Le Havre vất vả lắm mới lập được trật tự trong đám thanh niên đang nhất loạt la thét, vung tay dậm chân, trên tay mỗi cậu đều có tấm ảnh chụp một cô gái rất xinh… Cảnh sát trưởng Ferrand ngơ ngác chẳng hiểu mô tê gì, nhưng cảm thấy yên tâm vì thấy bọn họ đều áo quần bảnh bao, chắc không phải đồ vô lại tụ họp tới đây làm càn. Họ đi dự đám cưới? Hay họ là thành viên một câu lạc bộ? Cảnh sát trưởng Ferrand vẫy gọi JeanLouis người đứng gần anh nhất.

– Trò gì vậy hử? Sao mấy cậu lắm mồm thế?

JeanLouis chìa tấm ảnh, hằm hằm nói:

– Nó hứa làm đám cưới nhưng chỉ ẵm một món tiền của chúng tôi rồi mất hút.

Cảnh sát trưởng Ferrand đã hiểu ra, yên chí mỉm cười khoan khoái.

– Thế hử? Cậu mất bao nhiêu tiền với con đó?

– Năm trăm frăng.

Cả đám đông hùa theo:

—Tôi cũng thế!

– Tôi cũng thế!

Chờ cho tiếng thét "Tôi cũng thế!" tắt hẳn. Cảnh sát trưởng Ferrand hỏi tiếp:

– Tên con nhỏ?

Năm chục cái mồm đồng loạt thét lên:

– Caroline Ligier.

– Chỗ ở?

Vẫn tiếng trả lời đồng loạt, rất đều chẳng khác một dàn đồng ca.

– Số nhà 23 đại lộ Cộng hòa, thành phố FortdeFrance!

– Nghề nghiệp?

– Người mẫu thời trang.

JeanLouis đính chính cho thật chính xác:

– Mới định thôi chứ chưa làm người mẫu…

Cảnh sát trưởng Ferrand cố ghìm nụ cười mỉa, ngỏ lời cám ơn rồi tiễn các chàng dại gái ra về. Còn lại một mình trong phòng làm việc cảnh sát trưởng Ferrand suy nghĩ về sự việc vừa rồi. Tuy đoạn mở đầu hơi rối rắm và kì cục nhưng phần tiếp theo chẳng có gì phức tạp. Cảnh sát trưởng đã có trong tay một cái tên, một địa chỉ và một tấm hình, tóm cổ tên lừa đảo mặc váy này chẳng có gì khó. Chỉ cần cung cấp mọi thông tin cần thiết cho các đồng nghiệp ở FortdeFrance là ổn.

Thanh tra Dominique SaintEsprit làm việc ở đồn cảnh sát FortdeFrance. Nhận lệnh đi bắt một ả mang tên Caroline Ligier ngụ tại số nhà 23 đại lộ Cộng Hòa, thanh tra coi là công việc bình thường chẳng có gì đặc biệt.

Số 23 đại lộ Cộng Hòa là một khối nhà lớn hồi đó còn ít có. Dọc hành lang đặt nhiều hòm thư, trên một cái có ghi tên Caroline Ligier. Nói chính xác thì trên biển ghi những hai tên chứ không phải một: "Benjamin Lefrançois/Caroline Ligier". Tình hình trở nên hơi phức tạp thêm một chút… Sau một hồi ấn chuông không thấy ai trả lời, thanh tra tìm gặp người gác chung cư. Người này chẳng cung cấp được thông tin gì nhiều.

– Cái ông thuê căn hộ đó viết thư báo tin chấm dứt hợp đồng… Thú thật, tôi không nhớ gì lắm về hai người đó. Ông thanh tra cảm thông cho tôi, trong chung cư có biết bao là người, lại còn cơ man khách vãng lai nữa. Bất quá tôi cũng chỉ giáp mặt ông ta có một hai lần thôi.

Bác gác chung cư dùng chìa khóa vạn năng mở căn hộ cho thanh tra Dominique vào. Cuộc khám xét chẳng phát hiện được gì đáng kể. Rõ ràng nơi tiếp nhận những lá thư của các chàng trai si tình đã bị bỏ trống từ lâu: trong nhà chỉ có vài chiếc bàn ghế kiểu dã ngoại, ngoài ra chẳng có gì khác, không một đồ dùng cá nhân nào, không một mảnh quần áo nào.

Thanh tra Dominique báo cáo lên cấp trên kết quả khám nhà… Đoán chừng hai tên gian đã đi Paris, vị sếp bèn chuyển giao hồ sơ vụ án trở lại cho các đồng nghiệp ở thủ đô.

Vì lý do đó, ngày 2 tháng Giêng năm 1963 đến lượt thanh tra Joel Rolland mở đấu năm mới bằng vụ án Caroline Ligier/Benjamin Lefrançois.

Joel Rolland thanh tra cảnh sát của Paris chỉ có trong tay tấm ảnh của thiếu phụ trẻ (họ và tên chắc là giả nên không có giá trị), anh không để mất thì giờ, bắt tay ngay vào việc. Và nghĩ ngay ra

một điều. Một điều rất đơn giản, nhưng thông thường những ý tưởng đơn giản lại là những ý tưởng tốt nhất: trong các lá thư gửi đi Caroline đều cho biết cô là người mẫu, hoặc đang có nguyện vọng làm người mẫu.Nếu quả đúng như vậy? Cứ kiểm tra thử xem sao, chẳng mất công mất sức bao nhiêu, tội gì không kiểm tra.

Cuộc kiểm tra có kết quả không ngờ! Sổ đăng kí người mẫu của các nhà thời trang danh tiếng có hình một cô gái tóc vàng, thon thả đẹp hớp hồn: cô Caroline Ligier! Mà lại là tên thật nữa chứ!

Địa chỉ ghi trong sổ cũng là địa chỉ thật nên chỉ vài tiếng đồng hồ sau thanh tra Joel Rolland đã đứng trước mặt cô gái. Đích thân cô ta ra mở cửa cho thanh tra. Vụ án tưởng chừng phức tạp té ra lại rất đơn giản!

Caroline Ligier ngoài đời trông y hệt Caroline Ligier trong ảnh, dĩ nhiên còn hơn ảnh ở dáng vẻ kiêu sa rất tự nhiên. Cô hơi giật mình sửng sốt khi nghe thanh tra Joel tự giới thiệu.

– Ủa, sao cảnh sát lại tới gặp tôi. Có chuyện gì vậy?

Thanh tra Joel Rolland rất muốn tỏ ra galăng, khốn nỗi công việc thuòng có những đòi hỏi đôi khi thật tàn nhẫn. Anh rắn rỏi đáp:

– Vụ ở FortdeFrance, cô còn nhớ chứ?

Người đẹp Caroline lập tức nổi giận:

– Thì đã sao? Tôi có quyền của tôi. Không ai ép được tôi phải lấy người tôi không yêu. Ông không thể trách cứ tôi chuyện đó…

Tuy người đẹp đang trình diễn một cái bĩu môi rất quyến rũ nhưng thanh tra Joel vẫn không mềm lòng. Anh rút túi măngtô lấy ra xấp năm chục tấm ảnh đặt xuống bàn.

– Thế cái này, chẳng lẽ cô không biết? Và cũng không lần nào gặp tên đồng phạm Benjamin Lefrançois?

Trên gương mặt yêu kiều lần lượt thoáng hiện mọi nét bối rối, bàng hoàng, chứng tỏ cô gái không hiểu.

– Ảnh nào thế này? Còn Benjamin thì tất nhiên tôi có biết, nhưng anh ta đâu phải đồng phạm của tôi, trái lại là khác.

Té ra vụ việc lại quá phức tạp, khó lần ra manh mối! Thanh tra Joel chẳng đợi được mời, buông người ngồi phịch xuống tràng kỉ.

– Mong cô vui lòng giải thích rõ đầu đuôi xem sao.

Cô người mẫu cất giọng ngọt ngào, có thể nói là du dương nữa:

– Cách đây một năm tôi có thuê tờ báo ở Mactinic đăng một mẩu tin kén chồng. Tôi cho rằng việc đó chẳng có gì sai trái.

– Đăng với mục đích gì?

– Hỏi lạ chưa! Còn nhằm mục đích gì nữa? Mục đích kiếm chồng, ông thanh tra ạ. Tôi nhận được nhiều hồi âm, nhưng tôi liên lạc với Benjamin Lefrançois, một cậu không giàu có nhưng dễ thương. Hai chúng tôi thư từ qua lại khá lâu. Anh ta rất say, đòi làm lễ cưới. Thế là…

Caroline Jigier tỏ vẻ ngượng nghịu rất đáng yêu.

– Thế là tôi quyết định sang bên đó với anh ấy, nhưng không đủ tiền. Biết tin, tự Benjamin đề nghị chi mọi khoản lộ phí cho tôi.

Thanh tra Joel bắt đầu hiểu.

– Sang tới nơi thì xảy ra chuyện gì?

– Gặp mặt tôi mới thấy rõ mình không thể làm vợ anh chàng này. Hai người chỉ gặp nhau trò chuyện một lần, rồi tôi nói thẳng với Benjamin: như thế này là đủ rồi, không thể đi xa hơn…

– Nhưng cô vẫn ở lại.

– Phải, ở lại mười lăm ngày. Không lẽ đi một chuyến như vậy mà lại trở về ngay hôm sau.

– Nghĩa là cô lợi dụng thời cơ để làm một chuyến du lịch miễn phí.

Thấy Caroline Ligier sắp sửa nổi cơn lôi đình, hai mắt long lanh trông càng hấp dẫn bội phần, thanh tra Joel miễn cưỡng giơ tay can:

– Ấy ấy, xin cô đừng giận. Tôi đâu có trách cô về chuyện đó. Chỉ yêu cầu cô nói tiếp đoạn cuối thôi.

– Đoạn cuối nào? Chuyện chỉ có vậy, làm gì có đoạn cuối?

– Đoạn liên quan đến năm chục tấm ảnh, năm chục lần năm trăm frăng, liên quan tới đám thanh niên đông đảo chờ đón cô ở cảng Le Havre trên chuyến tàu Sainte Marie…

Nghe một loạt câu hỏi dồn dập, Caroline Ligier bưng hai tay ôm đầu.

– Tôi chẳng hiểu ông thanh tra nói gì. Xin thề là không hiểu thật.

Trông nét mặt và dáng điệu cô gái, thanh tra Joel biết rõ cô rất thành thực, không đóng kịch.

– Còn nữa: tên cô ghi rõ trên hộp thư trong hành lang ngôi nhà số 23 đại lộ Cộng hòa…

Đôi mắt biếc của cô người mẫu càng lộ vẻ bối rối cùng cực.

– Nhà số 23 đường Cộng hòa là nhà Benjamin Lefrançois đấy chứ! Tôi không ở đó một ngày nào hết. Lý do tại sao chẳng cần nói ông cũng biết.

– Benjamin Lefrançois có ảnh của cô chứ?

– Dĩ nhiên! Tôi gửi tặng anh ta cùng với lá thư đầu tay mà!

Thanh tra Joel Rolland tiếc đứt ruột nhưng vẫn phải giã từ cô người mẫu xinh đẹp, không quên nói vài lời trấn an. Anh tin chắc cô ta khai đúng sự thật, và bắt đầu hình dung ra diễn biến một vụ lừa đảo hiếm có.

Thoạt tiên, anh chàng Benjamin Lefrançois người Mactinic hồi đáp lời rao đăng trên báo của Caroline Ligier. Bức ảnh nhận được sau đó đã tác động đúng như mong chờ. Khi nghe cô gái nói tới hôn nhân, anh chàng đã không ngần ngại dốc hết vốn liếng để chi cho chuyến đi của người đẹp. Nhưng sau đó, anh chàng bị người đẹp cho ra rìa. Anh ta biết mình đã bị lợi dụng: cô người mẫu không hề có ý định kết hôn với loại người như anh ta, chỉ vờ vịt để được đi một chuyến du lịch sang Angti mà thôi.

Đáng lẽ vụ này kết thúc ở đây. Nhưng Benjamin Lefrançois là một tay ranh ma. Gã thuê in năm chục tấm ảnh của Caroline, đăng lời rao trên một tờ báo phát hành ở Paris, kèm theo địa chỉ của chính gã, với tấm biển được viết thêm tên cô gái… Sau đó, gã chỉ còn mỗi một việc là: trả lời các lá thư bốc lửa, kèm theo mỗi lá thư một tấm ảnh Caroline. Các anh chàng kia cũng khờ chẳng kém gì chính bản thân gã đã từng khờ! Vừa nghe nói đến hôn nhân là các cậu lập tức vét túi dốc hết tiền ra chi trả cho chuyến đi của người đẹp. Benjamin Lefrançois đã đánh một đòn phản kích ngoạn mục lật ngược hẳn tình thế! Từ một gã đau khổ vì tình, trong túi nhẵn nhụi không còn một xu nhỏ, gã đã trở thành một tên lừa đảo có hạng.

Thanh tra Joel rất muốn tìm ra gã để xem mặt hắn ta mồm ngang mũi dọc ra sao mà bợm thế. Nhưng thật không may cho thanh tra Joel: anh không tóm cổ được Benjamin Lefrançois. Thành thử đoạn kết câu chuyện này không có hậu. Tên bịp bợm ẵm theo hai mươi lăm ngàn frăng lấy của các nạn nhân một khoản tiền khá lớn năm 1963 nên đã có thừa phương tiện để lặn sâu vào một nơi nào đó. Biến mất tăm!

Những bức tranh của trường phái hậu ấn tượng

Một ngày năm 1993, ông Niccolini ở thành phố Nice, một người được biết đến như nhà chuyên bán những bức họa nổi tiếng, ngồi đọc tờ báo hàng ngày ông ưa thích nhất: tờ Nice Buổi sáng. Ông vốn có thói quen vừa nhấm nháp bữa lót dạ vừa đọc báo để nắm bắt mọi tin tức về kinh tế trong địa phương cũng như trên cả nước. Nhà ông rất lộng lẫy, treo đầy những bức tranh của các họa sĩ nổi danh hoặc nhiều hoặc ít. Lúc này Niccolini đang ngồi dưới tầng trệt dùng làm cửa hàng chuyên bán đủ loại tranh của mọi thời đại mọi quốc gia, những bức tranh rất được các nhà chơi tranh trong vùng đầy nắng gió này ưa thích.

Sáng nay ông Niccolini không còn bụng dạ nào đụng vào món quà sáng nữa. Ông vừa đọc trong báo một bài rất đáng quan tâm. Bài báo viết về một sự kiện quan trọng liên quan tới trường phái hội họa Nga: trường phái Kiev gồm toàn những họa sĩ hậu ấn tượng, trong đó có vài người hiện còn sống.

Đến đây, ta cần lùi lại quá khứ trong giây lát. Sau khi Liên Xô sụp đổ, việc bán các tác phẩm nghệ thuật của Liên Xô cũ sang các nước phương Tây để đổi lấy ngoại tệ mạnh đang phát triển rầm rộ. Nhờ vậy, nhiều người Mỹ, Anh, Pháp rất sung sướng có dịp khám phá ra một loạt nhà họa sĩ slavo tác giả nhiều bức tranh rất mạnh mẽ, gần như hoang dã, nhiều mầu sắc, rất gợi tình, tuy có phần hơi

cổ lỗ, nhưng tràn đầy nhựa sống, rất mới lạ trước con mắt người phương Tây.

Thị trường mua bán tranh sôi động hẳn lên. Ngay tại thủ đô Paris hoa lệ, loại tranh này cũng được người yêu hội họa rất mê. Giá cả lúc này lại đang rất mềm, vì tác giả của chúng bây giờ mới được biết đến. Các tay buôn tranh nhanh chóng vào cuộc, hi vọng nếu gặp may sẽ nhận được từ cú búa bằng ngà voi của nhân viên bán đấu giá vài ba bức tranh có khả năng thăng hoa và sẽ mang về cho họ cơ hội nhất bản vạn lợi. Nhiều nhà chuyên môn cao thủ xuất hiện, một số tách ra đóng vai nhà nhập khẩu được ưu đãi, với cái tên "Nghệ thuật Slavo". Không phải ai muốn cũng có điều kiện nhẩy vào xứ sở Ucraina xa xôi đầy bí ẩn để thương lượng giá cả với các nghệ sĩ hoặc người được họ ủy quyền, rồi nhập về, tổ chức việc tiêu thụ trên thị trường. Toàn là những việc đòi hỏi nhiều công sức, thì giờ, vốn liếng. Nên suy đi tính lại, chẳng ai thích hợp với công việc này bằng một cô gái người Nga có biệt tài kinh doanh…

Đó là cô Lila Massimonova, tóc vàng, đẹp hớp hồn, dáng điệu rất Paris, lấy chồng Pháp nên rất thích hợp với vai trò môi giới. Người đẹp Lila đã tổ chức nhiều cuộc bán đấu giá, tiêu thụ được nhiều trăm bức tranh đặc sắc. Cô còn là chuyên gia về hội họa Slavo, sẵn sàng cung cấp tư liệu về các họa sĩ, quá khứ sáng tác của họ, khả năng sẽ có tác phẩm được giá cao. Cô cho biết: mỗi năm cô về Kiev bốn lần gặp tay chân để lấy thông tin về các tác phẩm sắp được các nhà sưu tập mang bán, về các họa sĩ có tài nhưng chưa được phát hiện, tóm lại, về tất cả các yếu tố tạo nên một trường phái hội họa mới toanh và hấp dẫn: trường phái Kiev.

Ông Niccolini với tư cách là nhà chuyên môn kinh doanh tranh vẽ, lọc lõi kinh nghiệm và nổi tiếng ở thành phố Nice này tất nhiên

được nhận đều đều những cuốn catalog in ảnh màu về những bức tranh thuộc trường phái Kiev sắp được bán. Catalog cung cấp cả những thông tin chi tiết về kĩ thuật như: chất liệu tranh, khung tranh, kích cỡ, tình trạng, chữ kí tác giả, thời gian vẽ và giá bán từng bức v.v…

Ông Niccolini gọi điện thoại để tham khảo ý kiến của cô Lila Massimonova, hoặc của ông Alexandre Nerdeieff cộng sự viên của cô gái. Sau đó ông gửi lệnh mua, nói rõ giá tiền tối đa ông có thể trả cho từng bức tranh. Lẽ đương nhiên có kèm theo tiền chuyên chở và các khoản lệ phí, thuế má.

Ngay sau đó ông Niccolini được thông báo tên các bức tranh ông được làm chủ sở hữu, số tiền phải trả. Vài ngày sau, xe tải lớn chở hàng tới. Ông Niccolini cẩn thận kiểm tra hàng, đề phòng mua lầm của dỏm. Chuyến hàng lần này làm ông hài lòng, không lo có lẫn những bản sao chép tô màu dựa theo mẫu in trong catalog. Và chẳng mấy chốc ông đã đẩy hết những bức tranh rất thú vị của trường phái Kiev gồm tranh phụ nữ lõa thể, phong cảnh và tranh tĩnh vật. Cô Lila Massimonova còn cẩn thận gửi cho ông những thông tin rất chi tiết về từng tác giả hiện vẫn đang ở xung quanh Kiev đang miệt mài chuyển lên mặt vải những ấn tượng "hậu ấn tượng" của họ.

Điều khiến ông Niccolini sáng nay không vui khi đọc báo là tin sen đầm vừa khám nhà cô Lila Massimonova nữ chuyên gia tóc vàng. Sen đầm được lệnh tới đây kiểm tra tình hình thu nhập của cô. Bởi lẽ các phi vụ bán tranh đều đặn của cô ở Paris mang về một khoản hoa hồng theo luật định, và vì giá bán mỗi tác phẩm đều phải ghi rõ trên sổ sách của nhân viên bán đấu giá nên cơ quan

thuế phát hiện thấy các bản khai thu nhập của Lila không khớp với số hàng bán ra.

Điều khiến toán sen đầm cực kì sửng sốt khi đột nhập vào biệt thụ cô Lila Massimonova, đó là cảnh tượng rất náo nhiệt nơi đây. Trong khoảng mười căn phòng nhỏ có không dưới mười họa sĩ người Ucraina đang mải miết sáng tác những bức họa theo trường phái hậu ấn tượng Kiev. Nhưng không phải bằng cách hồi tưởng những phong cảnh vùng slavo thời thơ ấu của họ mà đều ngồi vẽ… theo phong cảnh vùng sông Seine in trên các tấm bưu thiếp cũ.

Cuộc điều tra cho thấy người đẹp Lila tổ chức cho từng tốp họa sĩ vùng Kiev luân phiên tới trú ngụ trong biệt thụ. Họ mang theo hộ chiếu du lịch tới đây thưởng thức không khí vùng sông Seine đồng thời lao động"chui" không giấy phép, cho ra những bức họa tươi rói theo "trường phái Kiev" cổ xưa. Nhà chức trách tịch thu không dưới bốn ngàn bức.

Giá trị các bức tranh hậu ấn tượng của "trường phái hội họa Kiev" lập tức tụt dốc thảm hại. Bộ ba: Lila Massimonova, người chồng quốc tịch Pháp chủ nhân cửa hàng tranh "Nghệ thuật Slavo" và Alexandre Nerdeieff bạn thân của hai vợ chồng bị thẩm vấn. Các công ty bán đấu giá lâu nay vẫn rắn rỏi đảm bảo hàng của họ là đồ xịn lúc này đang lúng túng to. Có điều đáng ngạc nhiên ở chỗ: chưa thấy người chơi tranh nào đứng ra khiếu kiện tội giả mạo của bộ ba nêu trên.

Những bức tranh phục chế

Ngày 2 tháng Chín năm 1950 hải cảng lớn Lubeck trên bờ biển Bantich phía bắc cộng hòa liên bang Tây Đức mở lễ hội kỉ niệm lần thứ 700 ngày xây dựng nhà thờ Đức Bà. Đây là ngôi nhà thờ rất cổ kính được xây dựng từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XIV. Trong lễ hội này, một vết thương còn sót lại từ cuộc chiến tranh vừa kết thúc chưa lâu sắp biến đi…

Đêm 28 rạng sáng 29 tháng Ba 1942, trận bom của máy bay Đồng minh đã làm hư hại nặng nhà thờ, nhất là các bức vẽ trên tường hai bên và trong hậu cung. Những bức bích họa này có từ năm 1300, là niềm tự hào của nghệ thuật hội họa cổ của người Đức.

Ngay sau khi chiến tranh chấm dứt, chính quyền quyết định cho phục chế toàn bộ. Công trình được giao cho họa sĩ Dietrich Fey chuyên gia trong lĩnh vực này, dưới sự giám sát của Bruno Fendrich người quản lý nhà thờ. Công trình có qui mô quá lớn nên Dietrich Fey mướn thêm Lothar Malskat một họa sĩ trẻ chuyên ngành phục chế giúp việc.

Mọi công việc đã được hoàn tất đúng thời hạn. Hôm nay 2 tháng Chín, các quan chức chính quyền trung ương chính quyền thành phố cùng các chuyên viên hội họa danh tiếng của cả nước tới làm lễ khánh thành. Tiến sĩ Adenauer, thủ tướng liên bang đích thân tới

chủ trì buổi lễ. Ông tới xem các bức bích họa, nghe Dietrich Fey trình bầy các khó khăn khi phục chế.

– Thưa thủ tướng, thực tình chúng tôi đã gần như sáng tạo lại tất cả. Nhiều chỗ bị cháy trụi, những chỗ không cháy thì đều bị hơi bom xé nát.

– Hư hại nặng nhỉ! Anh làm thế nào mà phục chế được như thế này?

– Thưa, đó là nghề chuyên môn của tôi. Về màu sắc thì chỉ cần trên tranh cũ còn lại một điểm nguyên vẹn chừng một milimét vuông là có thể dựa vào đó mà pha màu đúng như cũ. Còn về nét vẽ thì tuy trên tranh có nhiều chỗ đứt đoạn nhưng nếu có tay nghề và có đầu óc mỹ thuật thì có thể dựa theo những mảng còn lại mà kéo dài nét vẽ nối chúng lại.

Tiến sĩ Adenauer ngỏ lời khen Dietrich Fey đã thành công xuất sắc. Dân thành phố Lubeck vào tham quan ngôi nhà thờ mới xây dựng lại cũng không ngớt trầm trồ:

– Màu sắc thật vô cùng tinh tế! Nét mặt mọi nhân vật trong tranh sống động như thật!

– Không thể nói gì hơn: đây là một kì quan!

Mọi người đều tự hào thấy thành phố cổ kính của mình đã tìm lại được tuyệt tác xứng đáng tiêu biểu cho lịch sử lâu đới của nó. Sau đó các quan chức bộ Bưu chính Tây Đức cho phát hành hai con tem in hình các bức bích họa với chú thích "Tem kỉ niệm 700 năm nhà thờ Đức Bà". Các nhà làm tem dĩ nhiên đã chọn phần chính giữa bức họa vẽ Mẹ Đồng trinh và cắt bỏ đoạn đầu phía dưới bên tay phải bức bích họa. Ở đoạn này, họa sĩ vẽ cảnh lạc viên, có cây cối xum xuê, giữa nhiều con vật có hai con gà tây trống.

Nếu nói hai con gia cầm rất bình thường này là nhân vật chính của câu chuyện sắp thuật lại sau đây, chắc nhiều bạn đọc lấy làm lạ. Nhưng sự thực là như vậy.

Trong những tháng tiếp sau buổi khánh thành nhà thờ Đức Bà Lubeck, có khá nhiều công trình nghiên cứu về những bức bích họa vừa được phục chế. Viện Nghệ thuật Kiel in hẳn một bản giới thiệu tỉ mỉ, có đoạn viết:

"Hình vẽ Đức Mẹ Đồng trinh thật tuyệt vời, các Thánh dường như quay nhìn về phía tây trong tư thế chờ đợi lời Phán xét Cuối cùng. Nhà nghệ sĩ thời Trung đại vẽ nên tuyệt tác này ở Lubeck cho tới giờ vẫn chưa xác định được là ai. Có thể là một người trong lớp họa sĩ bậc thầy thời xưa vẫn thường che giấu tung tích của mình trên tác phẩm".

Trong cuốn sách về nghệ thuật thời Trung đại Đức, một nhà nghiên cứu nghệ thuật người Thụy Sĩ cũng ca ngợi như sau:

"Các Thánh được vẽ từng nhóm ba vị là những gương mặt biểu cảm nhất. Các tông đồ, giáo trưởng, tu sĩ cũng được vẽ thành từng nhóm ba người, theo một phong cách gần như phong cách rôman. Những hình này rõ ràng cũ hơn những hình người ở gian giữa là những hình mềm mại hơn, thanh thoát hơn, hoàn toàn theo phong cách thời Trung đại, gợi cho ta nghĩ tới nhân vật trong các anh hùng ca cũng thuộc thời đại ấy".

Một trong những khách tới thưởng lãm các bức bích họa trong nhà thờ Đức Bà Lubeck yêu cầu gặp Bruno Fendrich người quản lý nhà thờ. Sau khi ca ngợi bức tranh tổng thể, vị khách cho biết lý do xin gặp.

– Rất đẹp. Nhưng có một họa tiết khiến tôi thắc mắc:

hai con gà tây.

– Hai con gà tây trống trong lạc viên phải không ạ?

Ông chê trách điều gì vậy?

– Không, không chê trách chúng mà chỉ băn khoăn về sự hiện diện của chúng trên bức tranh thôi. Gà tây là loại gia cầm xuất xứ từ châu Mỹ, cũng như khoai tây chẳng hạn…

– Quí khách tin chắc như vậy chứ?

– Chắc. Vì tôi là giáo sư dạy lịch sử ở đại học. Vào khoảng năm 1550 gà tây mới được người Tây Ban Nha nhập sang châu Âu, trong khi các bích họa này được vẽ từ năm 1300.

Bruno Fendrich hốt hoảng, trao đổi với các chuyên gia về nghệ thuật trung đại và nhiều nhà sử học. Các cuộc tranh luận bùng nổ, được báo chí phản ánh khá chi tiết. Nhưng trái hẳn với dự đoán của mọi người, kết luận của các phe đều không đặt vấn đề nghi ngờ tính chân thực của tác phẩm. Trái lại, cuộc tranh luận càng gia tăng niềm hãnh diện của cư dân Lubeck. Các kết luận nói, đại ý: Vào thời Thượng Trung cổ, thành phố Lubeck thuộc Đan Mạch, tổ quốc của người Viking hải tặc vùng biển Bắc Âu. Một người Viking có tên Erik Đỏ là người đầu tiên đặt chân lên châu Mỹ từ khoảng năm 1000, chứ không phải Christophe Colomb như một số sách vẫn ghi. Erik Đỏ và các bạn khi trở về đã thuật lại những điều mắt thấy tai nghe ở châu Mỹ cho đồng hương của họ ở các nước Scandinavo nghe. Tác giả vô danh đã nhớ lại những chuyện kể đó khi sáng tác các bích họa…

Sự việc dừng lại ở đây trong hai năm. Ngày 7 tháng Mười 1952, một người đàn ông trạc tứ tuần xin gặp Chánh cảnh sát thành phố

Lubeck. Nghe báo có người muốn gặp về vụ các bích họa trong nhà thờ Đức Bà, Chánh cảnh sát cho mời vào.

– Tôi là Lothar Malskat. Ông Chánh cảnh sát đã nghe nói đến cái tên này bao giờ chưa?

– Thú thực là chưa hề.

Người khách mỉm cười chua xót.

– Dĩ nhiên, vì thiên hạ chỉ nói tới Dietrich Fey thôi. Cái gì cũng Dietrich Fey. Nào phỏng vấn trên báo chí, nào lời khen tặng của thủ tướng, tất cả đều dành cho anh ta. Dietrich Fey đã lãnh một trăm tám chục ngàn mác tiền công, nhưng chỉ thí cho tôi có một trăm mác mỗi tuần. Tuy tôi mới là người làm hết từ đầu đến cuối! Rất tiếc! Nhưng tôi làm gì được trong chuyện này?

– Ông không hiểu. Khi nói tôi đã làm hết, ý nói tôi mới là người phục hồi các bức bích họa trong nhà thờ. Trước đó chúng bị hư hỏng quá nặng, không sao sửa lại được như cũ. Do đó Dietrich Fey đã xóa hết và bảo tôi vẽ những bức khác theo cảm hứng của mình… Mà không phải đây là lần đầu tiên hắn ta làm như vậy. Hồi tu sửa nhà thờ lớn ở Schleswig hắn đã chơi trò này rồi.

– Chuyện như thế nào?

– Chuyện đó xẩy ra từ trước Thế chiến. Dietrich Fey nhận sửa những bức tranh tường chẳng có giá trị gì vẽ từ thế kỉ XIX trong nhà thờ. Do làm ẩu khi rửa nên hắn làm bay hết mọi thứ. Hắn gọi tôi tới, bảo vẽ những bức mới. Hắn biết tôi vẽ rất nhanh và có tài bắt chước giỏi…

Chánh cảnh sát nhìn kĩ con người gầy gò, râu quai nón rất rậm, trông có vẻ không thật bình thường, hình như thuộc loại người sùng tín. Hay đây là một anh chàng thích bịa chuyện, tới đây tự

thú tội? Có thể lắm, tuy giọng anh ta lại tỏ ra thành thực khiến viên cảnh sát cảm thấy bối rối.

– Lời buộc tội của anh rất nghiêm trọng. Tại sao sau hai năm anh mới tố giác?

– Vì mấy con gà tây…

– Cái gì?

– Gà tây ở tận châu Mỹ mãi về sau mới được du nhập sang đây, nhà họa sĩ vô danh không thể vẽ chúng từ năm 1300… Quả tình tôi không hiểu vì sao thiên hạ không phát hiện ra chi tiết vô lý này. Riêng tôi thì sau khi vẽ xong, tôi ân hận tới mức mất ăn mất ngủ. Thấy mình vẽ mấy con gà tây ấy là đã bôi nhọ hương hồn người nghệ sĩ quá cố, là có tội. Tuy không phải tôi cố ý mà chỉ do không biết. Hơn nữa, tôi bị thúc ép phải vẽ thật nhanh…

Chánh cảnh sát ra lệnh điều tra về Lothar Malskat. Kết quả cho thấy anh ta khai đúng sự thật. Ra đời năm 1913 ở Konigsberg thuộc Đông Phổ, học trường Mỹ thuật và được giáo sư Dietrich Fey chuyên gia nổi tiếng trong ngành phục chế tranh tôn giáo để mắt tới.

Đúng như Lothar Malskat đã khai, anh ta có biệt tài bắt chước phong cách hội họa của mọi thời đại mọi trường phái và vẽ cực kì nhanh. Giáo sư Dietrich Fey lợi dụng tài của anh ta, nhận phục chế các bức tranh, trả công gã rẻ mạt một mác hai mươi xu một giờ, giành hết về mình phần danh tiếng và tiền công cao. Cũng đúng là Lothar Malskat đã theo lệnh giáo sư Fey phục chế các bích họa trong nhà thờ lớn Schleswig năm 1937.

Trong Thế chiến 2, Lothar Malskat đã tham chiến ở Na Uy, hòa bình lập lại, anh ta sống chật vật bằng nghề vẽ ở Hamburg. Nhưng

có lẽ trong tay còn có nhiều ngón khác. Ở Đức thời hậu chiến, những lái buôn tranh không khó tính lắm, Lothar Malskat chắc có chân trong hàng ngũ đông đảo những tên bịp bợm chuyên bán tranh dỏm dưới mác các đại danh họa như Rembrandt, Watteau, Degas, Corot, Van Gogh, Renoir, Chagall, Matisse hoặc Utrillo với lời lừa bịp "bị bọn quốc xã cướp đi trong những nước bị chúng chiếm đóng"…

Thời hoàng kim của bọn bịp bợm nhanh chóng chấm dứt, Lothar Malskat rơi vào cảnh túng quẫn. Được giáo sư Dietrich Fey vời tới làm công việc phục chế nhà thờ Lubeck, anh ta nhận lời ngay…

Tập hồ sơ do cảnh sát thu thập về Lothar Malskat là như vậy. Nhưng vì uy tín Dietrich Fey rất lớn, cảnh sát không dám vuốt râu hùm nên Fey không bị bắt giam. Thấy vậy, Lothar Malskat mướn luật sư rồi làm đơn tự tố giác mình phạm tội giả mạo. Chẳng đặng đừng, nhà chức trách buộc phải bắt giữ anh ta. Một lần nữa, Lothar Malskat lại tới đứng trước Chánh cảnh sát.

Và một lần nữa, lại lên án giáo sư Dietrich Fey với nhiều chi tiết hơn.

– Để mọi người không dám tới gần, gã Dietrich Fey đặt trước cửa nhà thờ tấm bảng đề: "Nguy hiểm! Có thể đổ tường!", dựng rất nhiều giàn giáo che kín những bức họa. Đã thế còn đứng gác ngay bên, hễ có người bằng cách nào đó lẻn vào được, hắn giả bộ ho một tiếng, tôi phải nhanh chóng lấy tấm ván che kín hết mọi thứ.

Lothar Malskat còn đưa ra một bằng chứng rất thuyết phục: tấm ảnh chụp các bức tường trong nhà thờ Đức Bà Lubeck trần trụi khi anh ta chưa vẽ tranh.

Dietrich Fey phản công, kiện Lothar Malskat về tội vu khống, cam đoan tấm ảnh anh này đưa ra là ảnh ghép, lên án Lothar Malskat là một gã bịa chuyện, chơi trội hòng làm mọi người chú ý, hoặc là một tên dở hơi…

Trong tình hình đó, chỉ các chuyên gia mới đủ thẩm quyền quyết định. Một ủy ban giám định được thành lập dưới quyền giáo sư Grundmann, người thành phố Hamburg, chủ tịch hiệp hội Bảo vệ các Di tích Lịch sử.

Kết luận của ủy ban chắc như đinh đóng cột: "Hai mươi mốt nhân vật trong tấm tranh trên bức tường gian giữa nhà thờ Lubeck không thuộc thời kì trung đại mà do Lothar Malskat vẽ".

Phán quyết này được đưa ra ngày 25 tháng Giêng 1955. Dietrich Fey lãnh hai mươi tháng tù, Lothar Malskat mười tám tháng. Song vì đã bị tạm giam đủ từng ấy tháng nên anh ta được trả tự do ngay. Anh sang định cư bên Thụy Điển, sống lương thiện bằng đôi tay tài hoa của mình…

Đến đây câu chuyện vẫn chưa kết thúc. Trái lại, diễn biến tiếp theo mới thực sự làm ta ngạc nhiên. Nó không phải là một thiên giai thoại, mà có một tầm cỡ triết lý đáng để ta suy gẫm. Nó hé lộ cho ta thấy một đặc điểm trong cách chúng ta cảm nhận cái Đẹp.

Sau bản án của tòa, các bức bích họa trong nhà thờ Đức Bà Lubeck liền bị cạo rửa sạch sẽ, không còn lại một chút dấu vết nào, các bức tường trở lại trần trụi y hệt trong tấm ảnh do Lothar Malskat chụp trước khi anh ta quét những nét sơn đầu tiên.

Tại sao?

Tại sao những bức tranh đã được thủ tướng Đức trầm trồ khen ngợi, các nhà phê bình hội họa hết lời tán dương, đã được dân

thành phố thành kính chiêm ngưỡng, được tái hiện trên hai mẫu tem thư… trong phút chốc lại trở thành tầm thường, đáng khinh? Vì chúng không xác thực ư? Nhưng điều đó có làm giảm vẻ đẹp của chúng chút nào đâu!

Đúng là những bức tranh ấy không do một họa sĩ vô danh của năm 1300 sáng tác mà do một họa sĩ của thế kỉ XX, hơi sùng tín, hơi cuồng tưởng nhưng đã để hết tâm hồn vào đó, và theo đánh giá chung thì tranh anh ta vẽ rất hài hòa với khung cảnh nhà thờ Đức Bà. Hình Đức Mẹ Đồng trinh ở giữa tranh rất đẹp, hình các Thánh trong tư thế nhìn về hướng Tây chờ đợi lời Phán Xét Cuối Cùng rất đẹp. Những bóng người lờ mờ trên gian giữa cũng rất đẹp, gợi ta nhớ tới nhân vật trong các thiên anh hùng ca. Và mấy con gà tây nữa cũng rất đẹp, những con gà đang tận hưởng cảnh lạc viên cùng với các giống loài buổi Sáng Thế. Hà cớ gì bỗng dưng phán quyết chúng không còn đẹp chỉ vì chúng không do bàn tay nhà họa sĩ vô danh nọ vẽ ra? Tuy trước đó, mọi người đều cho là chúng rất đẹp!

Tại sao?

Những kĩ thuật viên siêu hạng

Nếu bạn có dịp tiếp xúc với những tên làm bạc giả hoặc với những chuyên viên làm giấy bạc cho nhà nước, và hỏi họ: "Khâu nào khó nhất trong việc làm giấy bạc?", chắc chắn bạn sẽ nghe họ đồng thanh xác nhận: giấy in là khó nhất. Không những khó ở chỗ có bóng mờ mà còn đặc biệt khó ở chỗ thành phần hóa học của nó cực kì phức tạp, phức tạp tới mức không sao có thể làm giả được thứ giấy in đó.

Bọn làm bạc giả chỉ có một con đường: sử dụng chính các tờ bạc thật để in bạc giả. Điều này đòi hỏi trước hết các loại giấy bạc phải có cùng kích thước. Giấy bạc của phần lớn các nước đều lớn nhỏ khác nhau tùy theo giá trị tờ bạc, riêng ở Mỹ mọi tờ dù mệnh giá là một hay một trăm đô cũng đều có cùng một khổ giấy như nhau. Vì thế, về mặt lý thuyết, có thể tẩy trắng tờ một đô, in lên đó hình tờ một trăm đô. Chỉ trên lý thuyết thôi, vì mực in giấy bạc đã được pha chế theo những công thức hóa học đặc biệt nên rất khó tẩy.

Vậy mà có hai người đã làm được điều đó, hai người có lẽ là những tên làm bạc giả tài ba nhất từ cổ chí kim: Baldwin Bredell và Arthur Taylor.

Năm 1897 Baldwin Bredell hai mươi ba, Arthur Taylor hai mươi sáu tuổi. Cả hai đều làm thợ trong xưởng in cổ phiếu và trái phiếu của thành phố cảng Philadelphia, bang Pensylvania. Xuất thân từ những gia đình nghèo, họ không được học hành chu đáo nhưng đều

có những năng khiếu bẩm sinh rất đặc biệt. Baldwin Bredell là một nhân tài về cơ khí, Arthur Taylor là một họa sĩ rất có hoa tay. Tuy còn ít tuổi, họ đã được suy tôn là những thợ khắc bản in trái phiếu giỏi nhất nước. Cổ phiếu, trái phiếu phải được làm bằng những kĩ thuật tinh vi nhất để tránh bị làm giả. Cùng với tem thư, chúng là những sản phẩm gần với giấy bạc nhất.

Danh tiếng của Baldwin Bredell và Arthur Taylor lan rộng, bay đến tai những tên bất lương.

William Jacob là tay sản xuất, buôn bán xì gà. Đây là nghề mới nhất của gã, trước đó gã đã kinh doanh nhiều nghề, nghề nào cũng mờ ám nhưng mang lại lãi to. Một bữa kia, gã mời hai chàng thợ trẻ tới ăn tối. Khi tiệc tan, gã buông một câu bâng quơ:

– Thời buổi này muốn phất mạnh chỉ có một cách chắc ăn nhất: làm bạc giả.

Hai chàng trai tuy đều có tài nhưng tính nết hoàn toàn khác nhau. Baldwin coi trời bằng vung, chẳng biết sợ là gì. Ngược lại Arthur nhút nhát, sống có nguyên tắc rõ ràng. Nghe William Jacob nói vậy, anh ta đứng ngay lên:

– Bọn tôi không phải đồ bất lương!

Baldwin nắm tay bạn giữ lại.

– Để nghe ông này nói đã! Nghe ông ấy nói ta có mất gì đâu?

Tên lái buôn xì gà tủm tỉm cười.

– Các chú sẽ được cung cấp mọi phương tiện cần thiết. Tớ ứng trước mọi khoản chi. Các chú đều là những nghệ sĩ tài ba, làm việc này không sướng hơn sao? Đây mới là tác phẩm nghệ thuật thứ thiệt, các chú tha hồ sáng tạo. Làm ít lâu, sau khi đã thành triệu

phú thì các chú dừng lại, lúc đó muốn làm gì thì làm hoặc nghỉ khỏe.

Baldwin lờ đi coi như không thấy bộ mặt cau có của bạn:

– Chừng nào khởi sự?

– Ngay tức thì. Tôi sẽ mua cho mấy chú một xưởng khắc. Tới đó ở luôn cho tiện việc.

Baldwin ra sức thuyết phục Arthur, cuối cùng gã lôi kéo được thằng bạn bằng lòng nhập cuộc. Nhờ danh tiếng có sẵn của hai ông chủ trẻ, xưởng khắc mới mở đã đông khách. Hai gã tha hồ mua sắm mọi dụng cụ cần thiết để làm bạc giả, chẳng bị ai nghi ngờ gì vì đều là những đồ nghề không thể thiếu để hoàn tất đơn đặt hàng của khách.

Chúng quyết định làm thử bằng tờ giấy có mệnh giá lớn nhất: tờ một trăm đô có hình cựu tổng thống Monroe. Trước khi ra tay, chúng đi Washington đóng vai du khách vào tham quan xưởng in giấy bạc của nhà nước. Với những con mắt thành thạo, chúng ghi nhận trong đầu mọi chi tiết, mang về Philadelphia nhiều kiến thức bổ ích mới thu lượm được trong chuyến tham quan.

Về tới xưởng, chúng bắt tay ngay vào việc. Nhà họa sĩ tài ba Arthur Taylor sao chép mọi chi tiết trên tờ một trăm đô với mức hoàn hảo không chê vào đâu được. Trong khi đó nhân tài cơ khí Baldwin Bredell vẽ bản thiết kế cỗ máy ép y hệt cỗ máy ở Washington rồi mang đi cho thợ gia công bằng tiền ứng trước của William Jacob. Khi mọi thứ đã chuẩn bị xong, hai gã lo giải quyết vấn đề hóc búa nhất: giấy in.

Chúng thử nhiều công thức pha trộn giẻ sợi bông, sợi tơ tằm, ngâm vào nhiều loại dung môi, dùng nhiều loại hóa chất khác

nhau, nhưng không sao làm nổi loại giấy in đôla. Khi thì giấy quá bóng, khi không đủ độ láng, mẫu này quá mềm mẫu khác quá giòn. Tuy sự khác biệt với giấy in thật chỉ ở mức một chín một mười, dùng bản khắc của Arthur và máy ép của Baldwin chúng có thể in ra những tờ bạc giả dễ dàng qua mắt được mọi người trong thời gian vừa đủ để chúng trở thành giầu có. Đó chính là ý nghĩ của William Jacob. Hắn đã bắt đầu sốt ruột. Hắn giục đàn em:

– Mấy chú còn đợi gì nữa? Giấy bạc như thế này là ổn rồi. Anh đã tiêu thụ được cả đống…

Nhưng Baldwin và Arthur không chịu. Mặc xác William Jacob! Bọn này là nghệ sĩ chứ không phải là bọn làm bạc giả tầm thường! Hai gã cãi:

– Kể ra thì cũng vừa mắt rồi, nhưng chưa hoàn hảo. Đại ca đòi phải sáng tạo cho đại ca một tác phẩm nghệ thuật, vậy thì hãy đợi đấy. Sẽ có tác phẩm nghệ thuật.

– Có chắc không? Chắc.

Nhiều tháng trôi qua… Arthur Taylor thở dài chán nản quẳng vào sọt rác một hỗn hợp không đạt yêu cầu. Baldwin Bredell đột ngột nghĩ ra một kế mới. Hắn bảo bạn:

– Làm cách này không ổn. Không thể nào tìm ra công thức thích hợp. Chỉ có một cách giải quyết: dùng ngay giấy các tờ bạc thật.

Arthur nhún vai:

– Cũng không ổn.Ta đã thử rồi đấy mà có được đâu.

Đúng thế. Hai gã đã nhiều lần tìm cách tẩy trắng các tờ một đô bằng nhiều phương pháp hóa học phức tạp nhưng không nhằm nhò gì: hình ảnh vẫn còn lờ mờ không mất hẳn.

– Cậu có biết tại sao không? Vì chất giấy rất xốp nên mực in ngấm sâu vào tận giữa. Nếu ta tách đôi tờ bạc theo chiều dầy của nó, sẽ tẩy trắng được ngay.

– Tách đôi tờ giấy hử? Cậu có mất trí không đấy?

– Không mất trí tí nào, trái lại, tớ rất tỉnh là khác. Tớ đã nghĩ ra mẹo. Rất đơn giản. Thế này này…

Baldwin Bredell lấy tờ một đô, hí hoáy thao tác tách dần theo mép giấy. Thoạt đầu Arthur còn có ý nghi ngờ, sau một lát gã nhìn chằm chặp tờ giấy bạc trên tay Baldwin, rồi kinh ngạc la lên:

– Được, được rồi… Thần tình thật!

Quả là thần tình!… Nhưng ta chỉ biết Baldwin Bredell đã tìm ra cách rất thần tình tách đôi tờ giấy bạc thành hai mảnh bằng nhau. Thế thôi! Cách đó như thế nào thì cho tới nay vẫn được giữ bí mật. Sau này hai gã đã tiết lộ hết bí quyết với cảnh sát nhưng nhà chức trách không phổ biến bất cứ một chi tiết nào. Cũng sau đó, trong hàng chục năm qua nhiều tên làm bạc giả khác biết chuyện đã thử làm như Baldwin nhưng không tên nào thành công…

Tách đôi được tờ bạc rồi nhưng công việc vẫn chưa kết thúc. Đúng như Baldwin đã dự tính, hai nửa tờ bạc mỏng như giấy quấn thuốc lá được ngâm vào dung dịch tẩy đã trắng hẳn. Nhưng liệu nó có chịu nổi sức ép của bàn máy sẽ in lên đó hình cựu tổng thống Monroe, biến nó thành tờ một trăm đô?… Được, chịu được! Tuy mỏng dính thế nhưng tờ giấy vẫn chịu được.

Vẫn chưa xong. Bây giờ đến công đoạn dán hai nửa vào với nhau. Một lần nữa hai gã lại tỏ ra lắm sáng kiến. Chúng quấy một loại bột gì đó với nước tạo ra thứ keo không mầu, rất dính, không

làm cứng giấy khi khô. Thế là hoàn tất công việc, chỉ còn hong khô tờ bạc trong một đêm.

Sáng tinh mơ hôm sau hai gã tới chiêm ngưỡng tác phẩm của mình. Thật kì diệu! Trước mắt chúng là tờ một trăm đô thứ thiệt. Quyết định đem đi thử lửa được cả hai gã đồng tình: mang vào ngân hàng đổi lấy tiền lẻ.

Viên thủ quĩ giầu kinh nghiệm săm soi rất kĩ tờ giấy bạc: hồi này một trăm đô là một gia tài nhỏ, ít người có tờ bạc một trăm trong túi. Sau khi lật đi lật lại tờ bạc đó, viên thủ quĩ bình thản trao lại mười tờ mười đô, không thắc mắc hỏi han gì. Thành công rồi!

Những ngày sau đó, Baldwin Bredell và Arthur Taylor phù phép biến một trăm tờ một đô thành một trăm tờ một trăm đô. Khi trong túi đã có mười ngàn đô, chúng lẳng lặng đi nghỉ mát mà không báo cho William Jacob biết. Với một trăm tờ một trăm đô, hai gã tự ban thưởng những thú vui đã từng mơ ước bấy lâu: đi du lịch miền nam đất nước.

Khi gã lái buôn xì gà William Jacob tới xem tình hình, thấy xưởng in khóa cửa nhưng hắn không dám dò hỏi, tưởng chừng hai đàn em đã bị cảnh sát tóm cổ. Hắn về nhà nằm đợi tin tức… Nhiều ngày trôi qua.

Sáu tháng sau, Ngân khố Hoa kì nhận được từ Philadelphia gửi tới tờ một trăm đô nhờ kiểm tra: dấu triện đỏ trên tờ bạc hơi lạt màu một chút. Các chuyên gia kiểm bạc cho đây chỉ là một lỗi của khâu in ấn, ngoài lỗi này không thấy có dấu hiệu đáng nghi nào khác, kể cả giấy in cũng là giấy xịn.

Trong số chuyên gia đó có một người rất thận trọng. Ông ta nhúng tờ bạc vào li nước nóng để thử xem màu mực có phai không, và trợn tròn mắt nhìn: tờ bạc rời ra thành hai mảnh mỏng dính.

Ông hớt hải chạy đi kiếm người phụ trách: William P. Hazen giám đốc cơ quan Mật vụ vẫn cùng với F.B.I. lo bảo vệ tổng thống và chống nạn làm bạc giả. William tái mặt nhìn hai nửa tờ Monroe rồi vắt chân lên cổ chạy tới gặp Judson Gage giám đốc Ngân khố Trung ương. Hazen vừa thở hồng hộc vừa nói líu cả lưỡi:

– Một thằng làm bạc giả cừ nhất từ trước tới giờ!

– Trên thị trường đang lưu hành bao nhiêu tờ?

– Có trời biết!

– Phải tóm cổ nó ngay lập tức, không thì hai ta chết đầu nước.

Nói thì ngon nhưng làm đâu có dễ! William P.Hazen chẳng làm nên trò trống gì… Cực chẳng đã, giám đốc Ngân khố buộc phải đi tới một quyết định không tiền khoáng hậu: ra lệnh rút toàn bộ số giấy một trăm đô khỏi luồng lưu thông. Quyết định này làm nhân tâm cả nước xao xuyến mạnh đồng thời là lời thú nhận sự bất lực của chính quyền.

Gã lái buôn xì gà William Jacob rất nhậy bén, hiểu ngay quyết định của Kho bạc có ý nghĩa gì. Gã tức tốc chạy tới xưởng in. Vừa đúng lúc hai tên Baldwin Bredell và Arthur Taylor vừa đi du lịch trở về. Jacob giận dữ thét:

– Chúng mày lừa tao hử? Phản tao hử?

– Bình tĩnh đi, đại ca. Bọn em định thử một quấn xem sao thôi mà. Thành công to đấy chứ? Đại ca có trong tay một tuyệt tác rồi đó!

William Jacob đành xử nhũn. Khi có dưới trướng những đệ tử thiên tài như hai thằng này, phải nâng như nâng trứng hứng như hứng hoa mới được việc.

– Thôi được. Bây giờ hai chú mày phải cấp tốc cho ra những tờ trăm đô có hình lão Lincoln. Chỉ làm một loại đó thôi. Và chỉ làm một việc đó thôi.

– Nhưng khách hàng sẽ tới xưởng đặt làm đủ thứ…

– Thì các chú hét giá thật cao làm họ nản lòng. Sẽ không còn thằng nào tới nữa. Làm ngay đi! làm suốt ngày đêm!

– OK. Tuân lệnh ông chủ.

Vài tháng nữa lại trôi qua. Judson Gage Tổng giám đốc Kho bạc Nhà nước hạ bệ giám đốc cơ quan mật vụ Hazen, đưa John Wilkie lên thay. Giám đốc Mật vụ mới Wilkie mở cuộc điều tra rất ráo riết mà cũng chỉ tập trung vào những đối tượng khả nghi. Ông ta hiểu rõ chỉ những thợ khắc thợ in chuyên nghiệp mới làm được những tờ bạc giả siêu đến thế. Ông ra lệnh giám sát chặt những đối tượng này và chẳng mấy chốc đã được báo cáo: ở Philadelphia có hai gã Baldwin Bredell và Arthur Taylor đứng chủ xưởng in khắc nhưng hét giá rất cao nhằm làm khách hàng bỏ chạy. Đã thế, tờ bạc giả đầu tiên bị phát hiện trên thị trường là từ Philadelphia mà ra.

Cuộc điều tra sau đó còn cho thấy hai gã này liên lạc mật thiết với gã lái buôn xì gà William Jacob là phần tử bất hảo đã có chuyện với cảnh sát hình sự. Thế là cảnh sát có cớ để bắt giữ cả bọn. Baldwin một mực chối, chối rất hăng vì trước khi bị bắt bọn chúng đã giấu hết các bản khắc. Riêng Arthur Taylor bản tính nhút nhát và ngay từ đầu đã bị lòng hối hận không ngớt giày vò nên khai nhận ngay.

Rồi đến lượt Baldwin cũng nhận tội. Hai gã khai hết với cảnh sát, kể cả kĩ thuật tách tờ bạc làm hai mảnh. Biên bản lời khai về kĩ thuật này lập tức bị coi là bí mật quốc gia. Hai gã còn khai cả nơi cất giấu các bản khắc sau khi được lời hứa của cảnh sát: nếu khai ra sẽ chỉ bị án nhẹ.

Luật sư E.Semple nhận bào chữa cho bị cáo vào xà lim gặp hai thân chủ của ông giam chung một phòng. Vốn là một luật sư già đời kinh nghiệm, nắm giữ mọi đường dây mối nhợ của bộ máy pháp luật, ông rất tức giận trước cách đối phó ngây thơ của hai gã.

– Hai anh thật khờ hết chỗ nói! Đáng lẽ không nên nộp các bản khắc cho họ.

– Tại họ hứa sẽ giảm nhẹ án nếu nộp hết.

– Thế là đưa cổ vào tròng rồi. Sự thực ngược hẳn lại. Khi bắt được những tội phạm làm bạc giả ngoại hạng như các anh, chính quyền quan tâm chủ yếu tới việc tịch thu các bản khắc. Để đạt mục đích ấy, họ sẵn sàng nhân nhượng, có thể hứa chỉ phạt các anh án tù treo. Nhưng bây giờ thì các anh không còn trong tay cái gì để mặc cả với họ nữa. Và khi ra tòa các anh sẽ lĩnh bản án cao nhất là cái chắc!…

Sau tiết lộ của luật sư, không khí im lặng nặng nề. Nhưng Baldwin Bredell sau một hồi lâu nhăn nhó bỗng toét miệng cười.

– Luật sư có thể trì hoãn phiên tòa xử bọn tôi trong bao lâu?

– Dùng hết phép thì được khoảng một năm là cùng. Để làm gì vậy?

Baldwin không đáp. Chỉ hỏi:

– Luật sư cho vay ít tiền tiêu vặt được chứ? Để cải thiện bữa ăn hàng ngày ấy mà. Một tờ bạc lớn nếu luật sư có sẵn trong túi.

Luật sư Semple không gặng hỏi thêm, chỉ đưa tờ hai mươi đô cho Baldwin:

– Ổn chưa?

– Rất ổn. Cám ơn luật sư.

Chờ cho luật sư đi khỏi, Baldwin trình bầy kế hoạch của gã với Arthur.

– Ta sẽ làm bạc giả ngay trong xà lim này.

– Ngay tại đây? Cậu mất trí rồi sao? Làm bằng cái đếch gì?

– Sẽ có đủ hết. Bà già tao rất mập. Bà sẽ giấu mọi thứ trong xú chiêng mang vào cho ta.

Từ đây bắt đầu một vụ độc nhất vô nhị trong lịch sử tội phạm: làm bạc giả ngay trong nhà tù. Qua các buổi thăm nuôi của bà già Bredell, hai gã Baldwin và Arthur nhận được mọi thứ đồ nghề, mọi thứ hóa chất loại đặc và loại lỏng. Chúng luân phiên làm việc, lúc nào cũng phải có một tên dán chặt tai vào cửa buồng giam sẵn sàng phát tín hiệu báo động.

Baldwin tách tờ một đô làm hai mảnh, động tác hắn thành thạo tới mức làm như một cái máy, rồi tẩy trắng. Phần việc của Arthur khó hơn nhiều. Bởi lẽ muốn vẽ tờ bạc hai chục đô, điều kiện tiên quyết là phải có tấm ảnh chụp tờ bạc. Muốn tấm ảnh sắc nét, phải chụp bằng chiếc máy ảnh to đùng.

Không có máy ảnh cũng không sao! Hai gã trẻ tuổi lại một lần nữa tỏ ra là những cây sáng kiến tài tình.

Chúng đặt một mặt tờ bạc lên bản kim loại phủ gêlatin trộn hóa chất cảm quang, dùng ánh nắng để ghi hình. Hai gã thay phiên

nhau suốt ngày di chuyển bản gêlatin để tránh bóng những chấn song cửa sổ xà lim và để ánh mặt trời trải đều khắp mặt tấm ảnh.

Sau công đoạn chụp ảnh, Arthur chỉ còn việc khắc bản kẽm bằng những công cụ do mẹ Baldwin mang vào. Máy in là một khối gang nặng trên kí rưỡi, cũng do chiếc xú chiêng của bà Bredell tải vào, tuy nó có làm vẻ phục phịch của bà ta hơi quá mức hơn mọi bữa nhưng vẫn qua lọt cửa nhà tù… Vài ngày sau Arthur và Baldwin đã có trong tay một trăm tờ hai mươi đô giao cho bà mẹ tận tụy và trung thành mang đi tiêu thụ.

Hai gã xin gặp viên chưởng lý.

– Chúng tôi chưa khai hết, thưa ông. Ngoài những thứ đã nộp tòa, chúng tôi còn giữ một máy in chuyên sản xuất những tờ hai mươi đô.

– Bịa! Tôi không tin!

– Xin cứ kiểm tra. Ông sẽ thấy!

Viên chưởng lý cho kiểm tra theo thủ tục. Và ngã ngửa người khi phát hiện trong các ngân hàng Philadelphia nhiều tờ hai mươi giả, tuy không hoàn hảo như tờ một trăm nhưng cũng rất chất lượng.

Không may cho Baldwin và Arthur, tờ bạc của ông luật sư Semple đưa là loại mới ra lò, số xêri chứng tỏ nó được phát hành sau khi hai gã đã vào đếm lịch. Nên cảnh sát buộc lòng phải thừa nhận một sự thật cay đắng: chúng làm bạc giả ngay trong xà lim! Không che giấu nổi lòng khâm phục tài nghệ của hai gã, họ hỏi:

– Các cậu làm cách nào mà thánh thế?

Baldwin Bredell và Arthur Taylor chẳng còn gì để giấu giếm nữa. Đành thú nhận kì công kiệt xuất đưa hai gã lên hàng đầu

những tay làm bạc giả tài tình nhất thế giới.

Không biết có phải vì thán phục tài chúng mà hội đồng xét xử đã tỏ ra nhẹ tay, mở lượng khoa hồng với hai tên tội phạm. Tòa chỉ tuyên phạt mức nhẹ nhất: bẩy năm tù giam cho mỗi tên.

Sau khi mãn hạn, hai tên đồng phạm đã có những số phận hoàn toàn khác nhau. Gã Arthur Taylor nhút nhát, bị lương tâm cắn rứt không nguôi đã chết yểu trong những năm hai mươi. Riêng Baldwin Bredell đã vượt lên số phận, tu tỉnh hoàn lương, trở thành người thợ khắc rất nổi tiếng, mãi tới năm 1952 mới bình thản từ giã cõi đời khi tám mươi tám tuổi. Lúc đó, người ta đã gần như quên giai thoại khó tin về kẻ làm bạc giả kì tài. Trừ các thế hệ cảnh sát. Tuy sau khi ra tù, Baldwin sống rất lương thiện nhưng vẫn bị cảnh sát bí mật theo dõi. Cho tới khi lão nhắm mắt xuôi tay họ mới thực sự yên tâm thở phào nhẹ nhõm: bí quyết của lão vẫn được giữ kín. Lâu nay họ vẫn lo mất ăn mất ngủ, sợ lão trở chứng bất chợt rỉ tai một thằng làm bạc giả hậu sinh có hoa tay và nhiều tham vọng nào đó:

– Này chú em! Tách tờ đô làm hai tờ có gì khó đâu! Nhìn tao làm đây này… Dễ ợt!

Những người tí hon trong lòng đất

Hai vợ chồng nhà Winston đang lục đục to. Chị vợ Sarah núp dưới gầm chiếc bàn lật ngược làm vật che thân, anh chồng Lucius cầm nồi cháo khô queo đập lên bàn choang choang trước mặt mười một đứa con đang mếu máo gào khóc như ri.

Bỗng có tiếng thét từ dưới gầm bàn:

– Thằng quỉ Lucius! Mày giết chết tao rồi!

Lucius to như hộ pháp, cao một mét chín, nhân viên giết mổ tại lò sát sinh San Francisco, người duy nhất trong lò mổ có thể cõng nửa con bò trên lưng đi băng băng.

Vì thế nên chiếc bàn bị anh ta dùng nồi đập đã nhanh chóng sụm làm mấy mảnh, từ phía dưới không còn tiếng kêu khóc nữa… Carole đứa con gái đầu lòng mười bẩy tuổi rú lên kinh hãi, bà con xóm giềng ập sang. Mấy người đàn ông khỏe nhất giữ chặt gã hộ pháp, cảnh sát kéo tới. Sarah Winston được lôi từ dưới gầm bàn lên, đầu méo mó bê bết máu khiến mọi người tưởng chị ta đã hết sống.

Bà con chỉ mặt gã hung thủ giết vợ, cảnh sát khóa tay lôi đi. Họ tưởng chỉ can thiệp để chấm dứt một vụ vợ chồng hục hặc, đâu có ngờ sắp phát hiện ra chủ nhân một thế giới khác lạ và ma quái dưới lòng đất!

Lucius Winston đã trấn tĩnh lại, thậm chí còn sụt sùi khóc vì tưởng mình đã giết chết vợ. Viên cảnh sát canh chừng anh ta hỏi đầy ác ý:

– Lại còn khóc hử? To khỏe như vâm thế kia mà không biết làm gì khác ngoài việc choảng vợ?

– Giận quá hóa điên đấy, thưa ông… Từ nhiều tuần nay tôi đã bảo cô ấy thôi đi nhưng Sarah không nghe, cứ mang cúng hết cho nó.

– Chị ấy phản bội anh ư?

– Ngoại tình ấy à? Không, Sarah không phải loại người như thế, nhưng cô ấy hóa điên mất rồi. Ông nghĩ mà xem, ai lại mang hết tiền dành dụm trong mười năm nộp hết cho nó. Kèm theo cả chiếc đồng hồ vàng của bố tôi để lại và toàn bộ tiền lương trong tuần nữa. Chỉ thiếu nước lột sơ mi của tôi ra mà dâng cho nó. Và lại còn nói là để làm việc từ thiện. Vì thế tôi nổi cáu.

– Anh bị lừa hử? Thế thì nện thằng lừa đảo chứ sao lại nện vợ?

– Biết nó ở đâu mà nện? Hình như nó sống trong lòng đất! Và có trong tay một đạo quân hùng hậu, đụng vào nó là mình tiêu đời!

– Lucius Winston! Không được nói lung tung!

– Tôi nói thật đấy, xin thề!

– Chẳng ai sống nổi trong lòng đất… anh nghe ai nói bậy bạ thế?

– Sarah… Chính Sarah vợ tôi nói, và cô ấy đã quyên góp hết mọi thứ cho chúng: tiền để dành, đồng hồ vàng…

– Từ từ… Kể cho có đầu có đuôi. Nó là ai vậy?

– Tôi chưa gặp lần nào, chỉ nghe Sarah nói tên nó là Arthur Bell. Nó có nhiều bí quyết rất lợi hại. Vì thế vợ tôi phải cho nó tiền để hai vợ chồng được "che chở và sung sướng". Nếu không cho thì chúng tôi sẽ bị những kẻ sống dưới lòng đất móc mắt và giết chết bằng thứ gì đó không biết, hình như một thứ tia chúng có chứa trong đầu. Tôi không tin nhưng Sarah vốn rất ngây thơ, tin đủ thứ vớ vẩn. Dù sao tôi cũng không nên uýnh cô ấy, phải không ạ? Tôi biết lỗi rồi, xin ông cho phép tôi vào thăm cô ấy.

Tội nghiệp Lucius Winston, gã khổng lồ bốn lăm tuổi có hai bàn tay chuối mắn. Gã thú nhận đã nốc một vại bia với bè bạn, nhưng bia không hợp với gã, hễ nhấp môi vào là đầu óc quay cuồng, biến gã thành người khác, nhất là uống lúc lòng không dạ đói. Tối hôm đó, một tối tháng Sáu năm 1937, lại đúng vào một tối trên bàn ăn gần như trống trơn chỉ có một nồi cháo loãng cho gã và mười một đứa con. Đã thế còn phải nghe Sarah tuyên bố:

– Nhà ta sẽ húp cháo trong bẩy năm liền. Là thành viên "Phong trào Từ thiện", chúng ta phải chịu nghèo đói, rũ bỏ hết mọi của cải trần thế để sau này sẽ được sở hữu một ngôi nhà đẹp cực kì trên một hành tinh khác, có bể bơi, thác nước, mỗi ngày chỉ phải làm việc bốn tiếng ngoài vườn cảnh. Và chúng mình sẽ là những người sống sót trong số hai trăm triệu người còn lại trên trái đất. Arthur Bell đã tuyển chọn vợ chồng con cái ta.

Nói xong, người đẹp Sarah nhỏ con, cùn mòn vì đẻ quá nhiều ngước đôi mắt ngất ngây nhìn đức ông chồng khổng lồ. Tuy hộp sọ bị nứt sau cuộc đụng độ với nồi cháo và cái bàn nhưng chị ta không đến nỗi phải lìa đời.

Nghe thủng câu chuyện, viên cảnh sát biết ngay mình đang đứng trước một vụ bịp có cỡ hồi đó đang nở rộ như nấm độc ở California, trung bình mỗi năm một vụ. Mỗi năm một vụ nhưng nạn nhân lên tới dăm ba trăm có khi vài ngàn người. Bọn bịp giả danh đủ thứ: nhà truyền giáo, Chúa phục sinh, thầy tiên tri biết trước ngày Tận thế, giáo chủ các thứ giáo phái quái gở. Nhiều khi chúng còn tự tay sát hại nạn nhân hoặc thuê bọn giết mướn…

Nắm được vài mẩu tin do chồng Sarah và đàn con cung cấp, hai cảnh sát điều tra đi lùng Arthur Bell sống trong tầng hầm một chung cư thuộc quyền sở hữu của hắn ở San Francisco.

Cuộc tiếp xúc không dễ dàng. Arthur thạo luật, nhất định không cho cảnh sát vào chỗ hắn nếu không có lệnh khám nhà, hắn lánh mặt chẳng khác chuột cống núp trong hang, chỉ cử một "thư kí riêng" thườn thẹo như đàn bà làm trung gian giữa hắn và mặt đất.

– Ông chủ tôi không chịu được ánh sáng ngày. Ông chỉ sống trong bóng đêm, không tiếp các ông được. Vả lại ông chủ không làm gì sai trái. Nếu các ông cần điều tra thì đi hỏi thầy cãi của chúng tôi, luật sư Ronald…

– Những ai ở dưới đó?

– Ông chủ và tôi.

– Ai trên các tầng lầu?

– Nói rồi mà: không có ai. Chúng tôi cần yên tĩnh, hãy đi hỏi luật sư của chúng tôi.

Thủ tục tố tụng không đơn giản, bởi lẽ không ai khiếu kiện Arthur Bell. Chỉ một mình Lucius Winston muốn làm đơn nhưng chính anh ta lại đang bị kết tội âm mưu giết người nên luật sư

Ronald dễ dàng đặt điều kiện: thân chủ của luật sư chỉ có thể tới làm nhân chứng trong phiên tòa xử Lucius. Hơn nữa, Lucius Winston có bằng chứng gì cho thấy anh ta là nạn nhân một vụ lừa đảo không? Hoàn toàn không!

– Thưa mấy ông cảnh sát, người này toan giết vợ và để chối tội anh ta vu vạ cho một người lương thiện bằng cách dựng đứng những chuyện vớ vẩn. Mời mấy ông trở lại đây khi đã thu thập đủ chứng cứ, nhưng chắc chẳng có đâu. Thân chủ tôi là nhà khoa học, có đủ tài sản để hiến thân cho nghiên cứu khoa học… Nếu gã kia dám liều mạng nói thân chủ tôi là kẻ lừa đảo, tôi sẽ lập tức thực thi mọi thủ tục để khiếu kiện gã là kẻ vu khống…

Cánh cửa văn phòng luật sư lịch sự khép lại sau lưng hai điều tra viên tức sùi bọt mép.

Quận trưởng cảnh sát cũng tức không kém.

– Chà chà, có lẽ trong thành phố này một tên bịp bợm hạng bét lại dễ sống hơn một công dân lương thiện hơi say xỉn vì bia… Các anh làm thế nào thì làm, nhất thiết phải thâm nhập vào đường dây của thằng cha này! Tôi muốn biết nó làm những gì, lấy của ai những "đồng đôla tạo thành tài sản riêng", nhanh nghe! Trường hợp không phát hiện được gì hơn thì hãy rình chộp quả tang hắn đang vi phạm thuần phong mỹ tục với thằng đang sống chung với hắn dưới cái vỏ thư kí riêng.

– Không ngon ăn đâu sếp ơi. Chúng có thò mặt ra bao giờ đâu.

– Sao, không bao giờ thò mặt ra? Thế chúng ăn bằng cái gì?

– Cũng không biết được. Bà con trong phường nói không lần nào thấy chúng ngoài đường. Đồ ăn thức uống đều có người mang đến tận nơi.

– Ồ, thế thì tóm lấy một tên rồi cậy mồm nó ra bắt nó khai!

– Rõ, thưa sếp.

– Chúng có thư từ gì không?

– Không thấy thư từ báo chí gì. Bưu tá không bao giờ dừng chân trước nhà chúng. Chúng ranh ma lắm, nếu có tống tiền thiên hạ chắc cũng không tống tiền qua những rao vặt trên báo mà trực tiếp với nạn nhân, không giấy tờ không hợp đồng gì hết. Theo tôi, phải tìm cách khai thác chị vợ Sarah Winston.

– Khốn nỗi bác sĩ cho biết lúc này chưa hỏi han gì chị ta được. Họ còn lo chị ta sẽ bị giảm trí nhớ. Gã chồng tuy phải trả giá vụ này, nhưng tôi cho rằng gã khai thật. Một con người khốn khổ như gã không thể bịa ra những chuyện tầy đình cỡ này. Cậu phải chịu khó thâm nhập các đối tượng, chắc chắn không chỉ một mình chị Sarah Winston đã cúng "tiền để dành" cho Arthur Bell.

– Phiền một nỗi hai chúng tôi bị lộ mặt mất rồi.

– Thì kiếm một chỉ điểm, phụ nữ càng tốt. Vì tôi cảm thấy quả lừa của tên này dễ ăn với phụ nữ hơn.

Tìm đâu ra một nữ chỉ điểm bây giờ? Hai viên cảnh sát bóp trán suy tính hồi lâu và nẩy ra sáng kiến: tuyển chọn trong số gái điếm vừa bị bắt giữ trong đêm. Người được chọn là Mina. Cô ta được lệnh tẩy sạch phấn son, đóng bộ trang phục của công nhân, được huấn luyện cấp tốc về vai trò cần sắm và được hứa hẹn: xong việc sẽ được tự do. Kế hoạch được báo cáo lên quận trưởng cảnh sát, Quận trưởng phê duyệt với lời phán xanh rờn "Biện pháp nghiệp vụ của cảnh sát chúng ta không phải bao giờ cũng trong sạch. Chúng ta phải bơi trong môi trường thối nát thì đôi khi phải sử dụng những biện pháp không sạch sẽ thôi."

Mina cao một mét sáu hai, nặng năm chục kí, mẹ Nhật Bản bố da trắng không rõ tung tích. Cô ta thấy sắm vai chỉ điểm tốt hơn ngồi tù đến mốc meo nên hăng hái nhập vai. Cô lê gót trong phường Arthur Bell cư trú, tìm cách làm quen dần với những môn đồ lui tới nhà hắn ta.

Chẳng bao lâu sau Mina đã lật được tẩy của Arthur Bell. Các môn đồ tự nguyện rời bỏ mọi của cải trần thế, bán sạch nhà cửa, nữ trang, thu vén mọi khoản dành dụm mang tới cúng cho hắn. Đổi lại, họ được gì? Không rõ! Muốn được ông thầy bật mí, phải cống nộp thật nhiều tiền. Nhưng Mina không có thứ gì khác ngoài số vốn tự có nhỏ nhoi trên tấm thân hèn mọn, nên chưa đủ tiêu chuẩn xứng đáng gia nhập "Phong trào Từ thiện". Cô bèn tung tin: gia đình cô rất khá giả. Và cô sẵn sàng rũ bỏ hết để đổi lấy ân sủng của đấng Tối cao. Ngay lập tức Mina được hồi báo: hãy mang bằng chứng tới, dưới dạng một xấp đôla. Thật nan giải! Lấy đâu ra đôla bây giờ? Dĩ nhiên quận trưởng cảnh sát không chịu bỏ tiền ra đầu tư.

Suy tính hồi lâu Mina đưa ra sáng kiến:

– Hãy cho em tự kiếm tiền trong một tuần. Nhưng phải có bảo vệ hẳn hoi vì đây là lãnh địa riêng của một vài tên bảo kê. Em sẽ chia cho các ông một nửa tiền công.

Quận trưởng nhẩy dựng lên: không lẽ cảnh sát lại đứng ra làm ma cô chủ chứa? Thế thì không còn giời đất nào nữa! Nhưng cô điếm nhỏ con Mina có ngay lý lẽ rất thuyết phục:

– Liệu mấy ông có cách nào kiếm ra năm trăm đô trong một tuần lễ? Không chứ gì? Coi như các ông không biết em làm gì. Vả lại em làm là để kiếm tiền phụ giúp cho việc điều tra nhanh đến

kết thúc, chú có phải gì cho riêng em đâu! Đồng ý chứ, ông quận trưởng, một tuần thôi!

Sau đúng một tuần, cô Mina thực hiện xong hợp đồng. Năm trăm đô giúp gia nhập "Phong trào Từ thiện" để điều tra, và năm trăm đô bỏ túi riêng (có khi hơn thế không chừng!)

Có tiền dắt theo, Mina được đưa xuống hầm sâu, sẵn sàng giỏng tai nghe một gã cuồng tưởng thuyết giáo về Chúa trời hoặc một cái gì tương tự.

Nhưng không phải thế, sự thực còn ghê gớm hơn nhiều, hơn cả trong tiểu thuyết giả tưởng. Arthur Bell xuất hiện trong tấm áo thụng dát kim tuyến óng ánh, đầu trọc lốc úp một thứ trông như vương miện vua chúa thời Trung cổ nhưng tua tủa ăngten. Thân hình nhỏ thó, da nhợt nhạt, móng tay dài và cong, trông gã bệnh hoạn như một con bọ. Ngồi xuống cỗ ngai đá hoa cương dưới ánh đuốc phập phùng, gã lên tiếng:

– Các con đang ngồi trong tiền sảnh của vương quốc dưới lòng đất. Ta là đức vua của loài người, tới ngự trên hành tinh này để tuyển chọn những người có diễm phúc được sống dưới sự chở che của đạo quân vô hình do ta thống lĩnh. Hãy sống nghèo bẩy năm trên mặt đất này để rồi sẽ sống hạnh phúc trong một thế giới không có bọn ác và bọn thiếu đức tin.

Nghe xong mẩu diễn văn ngắn đó, các tín đồ lần lượt tới đặt dưới trướng mọi khoản mồ hôi nước mắt của mình. Cánh cửa sập lật nhào trút hết tiền bạc và đồ trang sức xuống lòng đất sâu hun hút.

Con bọ tiếp:

– Khi thời vận tới ta sẽ quét sạch nghèo đói và chiến tranh khỏi mặt đất. Vì ta đại diện cho một giống siêu nhân. Đạo quân của ta cũng gồm toàn những người nhỏ con như ta vì tất cả đều sống trong những hang động giữa lòng quả đất. Đầu chúng đều bằng kim loại, bộ óc bằng sắt của chúng có khả năng phóng ra những tia làm nổ mắt người thường từ khoảng cách nhiều ngàn kilômet. Một ngày kia, chiến tranh mới sẽ bùng nổ quét hết loài người trên mặt đất, chỉ còn lại các con là những tinh túy trong nhân loại, với số lượng vừa chẵn hai trăm triệu, không thừa không thiếu một người và sẽ được cai trị bởi sức mạnh của magma nguyên thủy, của lửa trong lòng đất và đạo quân vô hình của nó. Các con sẽ sung sướng hơn bao giờ hết. Mỗi con được cấp một ngôi nhà trị giá hai mươi lăm ngàn đô, với trang thiết bị nội thất cực kì môđéc. Con em các con được vui chơi trong những bể nước xanh ngắt, ăn những trái cây thơm ngon nhất trong vườn địa đàng. Không lo bị chiến tranh quấy rối niềm hoan lạc vĩnh cửu vì đã có đạo quân của ta ngăn chặn từ xa… Tất cả những điều ta vừa tiết lộ phải được các con giữ tuyệt đối bí mật. Và phải khắc sâu vào lòng: không được giữ lại bất cứ thứ của cải trần thế nào, mọi thứ các con sẽ kiếm được đều phải trao tặng hết cho 'Phong trào Từ thiện'… Đó là cái giá phải trả để thâu tóm hết thế giới vào tay các con!"

Nói xong con bọ biến vào trong hang, gã thư kí trung thành một lần nữa căn dặn những người vừa được khai tâm thụ pháp phải tuyệt đối giữ bí mật, khỏi bị đạo quân nhỏ con có bộ óc thép giết chết bằng những tia sát thủ. Và nhớ dốc hết túi, hết két sắt ra mà đổ xuống chiếc hầm sâu này, nếu không ông Thầy sẽ ném những kẻ không vâng lời trở lại mặt đất cho chết cùng với những tỉ người thiếu đức tin kia.

Mina, cô điếm làm việc cho cảnh sát San Francisco nghĩ thầm: quả là phương pháp thần tình để moi tiền bọn ngu. Thần tình hơn bản giao kèo giữa cô với nhà chức trách nhiều. Qua thăm hỏi nhiều loại người trong phường, cô biết Thầy Arthur Bell đã hành nghề hai năm nay và đã dụ được 14.000 người trưởng thành đủ mọi lứa tuổi tới cúng cho hắn toàn bộ tài sản.

Vai trò chỉ điểm kết thúc, Mina về báo cáo kết quả với cảnh sát San Francisco. Vụ việc được đưa ra mổ xẻ ở cấp tối cao. Làm cách nào bẫy được Arthur Bell? Phải gài bẫy vì tuy nghe có vẻ phi lý nhưng cho tới lúc này chưa thể ghép hắn vào tội danh nào. Mọi người đều tự nguyện mang của cải tới nộp cho hắn, và cũng chẳng có bằng chứng vật chứng nào. Hắn không làm hại đến ai, không kích động bạo lực hoặc đồi trụy. Năm 1937 này, luật pháp chưa có điều khoản nào cho phép bắt giữ một kẻ lừa đảo đang trở thành tỉ phú dưới hầm sâu.

Ngay chị chàng Sarah Winston sau khi lành các vết thương cũng không thừa nhận mình bị lừa, tệ hơn nữa, chị ta đòi li dị và giữ quyền nuôi con. Tòa xử chị ta được kiện, vì chị là nạn nhân của bạo lực gia đình.

Ngồi trong xà lim Lucius Winston gần như phát điên.

– Thả tôi ra! Thả tôi ra! Tôi sẽ bóp cổ thằng chó đẻ đó! Thể nào tôi cũng bóp chết nó!

Trưởng quận cảnh sát nghĩ bụng: đây là giải pháp hay nhất. Khốn nỗi Lucius đang bị kết tội âm mưu giết người, không thể thả anh ta ra dù gã có nộp tiền bảo lãnh bởi lẽ chính anh ta đã nhận tội "giết người"… Lucius sẽ bị kết án, ít ra cũng sáu năm tù ngồi, nhờ được hưởng những tình tiết giảm nhẹ. Ngồi tù sáu năm, bị vợ

bỏ, con cái phân tán trong nhiều trại cô nhi vì tình trạng sức khỏe không cho phép mẹ chúng có thể nuôi dậy từng ấy đứa! Làm gì mà chẳng phát điên!

Sáu năm trôi qua…

Năm 1942 Lucius Winston mãn hạn tù sớm vài tháng. Hung hăng như con bò mộng hóa dại, anh ta tự mình đi điều tra với ý định sẽ thu hồi của cải, chiếc đồng hồ vàng của bố và nếu có dịp sẽ thộp cổ tên Arthur Bell nộp cho cảnh sát.

Qua điều tra tự mình, Lucius Winston được biết hết bi kịch này sang bi kịch khác qua hàng trăm trường hợp thương tâm. Phần lớn các giáo đồ của tên đại bịp đã chết trong khốn khó, một số đã tự sát, một số khác đã gia nhập những hội nhố nhăng khác.

Nhưng anh không tìm ra Arthur Bell. Hắn biến mất tăm, ẩm theo số của cải lấy được từ tay mười bốn ngàn người dại dột, có khi đông hơn cũng nên. Cảnh sát San Francisco chỉ thấy dưới căn hầm bỏ trống một đống vỏ đồ hộp, một cỗ ngai bằng đá, một ngăn rỗng có cửa sập bên trên.

Lẽ đương nhiên, họ chẳng thấy một người nhỏ con nào có bộ óc thép núp dưới lòng đất.

Những viên kim cương nóng bỏng

– Sir Julius Wernher, mời ngài coi đây!

Henri Lemoine tháo chiếc ghim cài cavát đang găm trên khăn quàng lụa tơ tắm thắt rất điệu nghệ quanh cổ. Chẳng riêng gì cách quấn khăn quàng, tất cả mọi thứ trên người anh ta đều rất nghệ sĩ: mái tóc vàng lượn sóng tự nhiên, bộ râu quai nón và ria mép tỉa mảnh. Anh ta còn rất trẻ, mới khoảng ba mươi, thuộc loại người được cuộc đời mỉm cười ưu ái ngay từ buổi đầu…

Sir Julius Wernher cầm chiếc ghim cavát ngắm viên kim cương tuyệt đẹp cẩn trên ghim và ngạc nhiên:

– Anh cho rằng tự anh…?

Sir Julius Wernher không phải một người tầm thường. Ở đầu thế kỉ XX này, ông là một trong những nhân vật quan trọng nhất của Liên hiệp Anh. Ông là giám đốc điều hành De Beers, công ty khai thác mỏ nổi tiếng nhất và nhiều kim cương nhất thế giới tọa lạc tại thuộc địa trù phú nhất của Nữ hoàng: Nam Phi.

Sir Julius Wernher khác hẳn chàng trai đang đối thoại với ông, nếu không muốn nói là trái ngược hoàn toàn. Tóc hoa râm, thân hình thẳng cứng trong bộ áo đuôi tôm, có thể coi ông là hình mẫu tiêu biểu cho giới doanh nhân Anh quốc: thận trọng, tỉnh táo, riết róng, chi li. Cho nên ngày 5 tháng Năm 1905 này ông chủ động

hẹn gặp Henri Lemoine tại trụ sở công ty De Beers ở London thì không phải do tình cờ, ngẫu hứng. Sir Julius Wernher không bao giờ làm ăn theo ngẫu hứng.

Trước vẻ sửng sốt của Sir Julius Wernher, chàng trai Henri Lemoine lắc đầu:

– Không, thưa ngài Julius, viên kim cương này không phải do tôi chế tạo. Nhưng tôi hứa đúc được những viên y hệt, nhờ phép lạ của điện năng.

Im lặng hồi lâu trong văn phòng bát ngát, oai vệ, trang trí toàn loại đồ gỗ sậm màu tạo không khí rất trang nghiêm. Cuối cùng ông già người Anh đưa trả viên kim cương cho chủ nhân của nó và hỏi:

– Anh đòi bao nhiêu cho bộ thiết bị sản xuất kim cương nhân tạo?

– Mười ngàn bảng (tương đương khoảng 1 tỉ VNĐ).

Sir Julius Wernher rút ngăn kéo lấy ra một bó giấy bạc to đùng.

– Chừng nào anh bắt tay vào công việc?

– Khi tôi quay về Paris.

– Tôi muốn cộng tác với anh. Tôi sẵn sàng đưa thêm cho anh tám chục ngàn bảng sau khi anh sản xuất được viên kim cương đầu tiên để công ty tôi được quyền cưa đôi với anh khi đi vào khai thác. Yêu cầu như vậy có đúng mức không?

– Rất phải chăng, thưa ngài. Chắc tôi sẽ thành công sau chừng một tháng nữa.

– Nhanh thế?

Henri Lemoine mỉm cười khiêm tốn, ấn số giấy bạc vào chiếc rương nhỏ xách tay và đáp:

– Về mặt kĩ thuật không đến nỗi quá phức tạp. Có thể nói: rất giản đơn là khác. Toàn bộ bí quyết nằm trong hai thứ bột: một thứ trắng một thứ đen và trong khả năng tương hợp của chúng với điện năng.

Chàng người Pháp lấy ra chiếc phong bì gắn xi trong rương.

– Đây, thưa ngài. Tôi đã ghi hết trong này. Qui trình chế tạo rất giản đơn, bất cứ người nào am hiểu về hóa học cũng thực hiện được. Phong bì này sẽ được tôi giao cho ông chưởng khế của tôi, với yêu cầu chuyển giao cho ngài trong trường hợp tôi đột ngột qua đời. Lẽ đương nhiên, phải trao tận tay ngài và chỉ một mình ngài thôi. Cảm ơn. Anh rất chu đáo, anh Henri Lemoine!

– Khi tôi chuẩn bị xong, liệu ngài có hạ cố sang Paris?

– Dĩ nhiên tôi sẽ hoãn hết mọi công việc để sang đó. Việc này quan trọng hơn tất cả mọi việc khác.

– Vậy thì xin tạm biệt Sir Julius. Mong sớm gặp lại ngài. Tôi sẽ gửi điện tín.

Hai người bắt tay nhau, chàng trai Pháp có dáng vẻ nghệ sĩ rời văn phòng oai vệ của công ty Mỏ Kim cương De Beers.

Còn lại một mình, Sir Julius Wernher trầm ngâm suy nghĩ… Con người nổi tiếng chín chắn này không hề bị lóa mắt. Ông biết rõ: rất có khả năng mình đang đối đầu với một tên bịp. Nhưng ông chưa có căn cứ nào để khẳng định một cách tuyệt đối. Vấn đề là ở chỗ đó!

Hồi đầu thế kỉ XX này, điện năng vừa mới được khám phá. Nó còn ẩn chứa nhiều bí mật chưa được giải thích, thiên hạ còn đang gán cho nó nhiều quyền uy kì bí. Không có gì đáng ngạc nhiên: cách thời chúng ta đang sống vài chục năm, năng lượng hạt nhân

cũng đã được thần bí hóa như vậy. Cho nên không ai nghi ngờ kĩ thuật dùng tia phóng điện để làm ra kim cương nhân tạo. Trong cuốn tiểu thuyết kinh dị Quỉ nhập tràng Frankenstein rất ăn khách hồi đó và hiện nay vẫn còn được ưu thích, nhân vật Nhà Bác Học đã dùng điện tạo ra một sinh vật. Tuy mọi người đều biết là chuyện giả tưởng, nhưng đây là thời các phát minh khoa học xuất hiện như vũ bão, nhiều phát minh hết sức kì lạ khiến lòng tin vào sự tiến bộ của khoa học kĩ thuật gần như tuyệt đối. Vì thế, vị giám đốc điều hành những mỏ kim cương lớn nhất thế giới không thể không tin vào lời cam kết chắc nịch của Henri Lemoine.

Chính Henri Lemoine cũng suy tính như trên. Gã thực sự là một nhà khoa học: đã tốt nghiệp đại học Mỏ, chuyên ngành hóakhoáng sản. Nhưng về mặt đạo đức thì gã không được sáng láng như mặt trí tuệ. Từ thuở còn để chỏm, gã đã tỏ ra có năng khiếu làm trò ảo thuật. Bố mẹ bắt gã vùi đầu vào học nên gã không có dịp trổ tài. Giờ đây, thời cơ đã đến. Gã sẽ kết hợp khoa học với ảo thuật, sẽ trình diễn hiệu quả tuyệt vời của sự kết hợp đó…

Về tới Paris, Henri Lemoine thiết lập phòng thí nghiệm của gã trong căn hộ hai phòng trên đường Lecourbe, giữ rịt chìa khóa cho riêng mình. Công việc lắp đặt không mất nhiều thì giờ, vì toàn bộ thiết bị phòng thí nghiệm chỉ vỏn vẹn có mỗi một thứ: chiếc lò nung điện. Sau ít ngày chạy thử, gã gửi bức điện tín sang London cho Sir Julius Wernher.

Sir Julius bỏ hết mọi công việc khác chạy ngay sang cho kịp ngày 12 tháng Sáu 1905, ngày thử thách lớn. Vị doanh nhân người Anh hơi trề môi sửng sốt khi bước vào phòng thí nghiệm không mấy qui mô này nhưng được chủ nhân trấn an ngay với nụ cười thản nhiên:

– Kín đáo là yêu cầu Số Một, thưa Sir Julius Wernher. Và xin đừng quên rằng những phát minh làm đảo lộn thế giới thường được thực hiện trong những căn phòng xoàng xĩnh y hệt phòng này.

Vị giám đốc của De Beers rút mù soa phủi bụi trên mặt ghế rồi ngồi xuống. Henri Lemoine bưng lò nung chạy điện tới đặt lên mặt bàn, cắm điện, mở nắp lò rồi đi lấy hai chiếc hộp nhỏ. Gã dốc chiếc hộp thứ nhất vào miệng lò, vừa dốc vừa trịnh trọng tuyên bố:

– Bột màu trắng đây!

Đến chiếc hộp thứ hai:

– Bột màu đen đây!

Sau đó gã đậy nắp lò, ấn chiếc nút đỏ. Tiếng lèo xèo trong lò. Sau một phút, gã lại ấn chiếc nút đỏ lần nữa.

– Mời ông mở nắp và tự mình quan sát.

Sir Julius Wernher khó kìm giữ bàn tay mình khỏi run run khi mở nắp lò lấy ra vài viên sỏi nhỏ màu nâu và kêu lên:

– Thứ gì thế này? Trông như bort…

Gã người Pháp tới nhìn.

– Đúng là bort, thưa ngài. Chưa ra được sản phẩm mong muốn, nhưng kết quả rất đáng khích lệ. Công thức hóa học của hai thứ này tương tự nhau. Nhưng thao tác của tôi chưa đạt mức kĩ xảo, cần luyện thêm tay nghề chút nữa.

Giám đốc điều hành De Beers gật gù nhìn mấy món màu nâu sậm trên lòng bàn tay… Bort là thứ kim cương thô, chất lượng rất kém không thể chế tác thành đồ nữ trang, chỉ dùng để mài những

viên kim cương loại xịn. Kết quả được như thế này cũng đã khá, tuy về mặt lợi ích thương mại thì chẳng đáng quan tâm.

– Rất đáng khen đấy, anh Henri Lemoine. Nhưng rất tiếc, tôi chỉ đưa anh số tiền đã hứa khi nào anh làm ra những viên kim cương xịn.

– Tất nhiên rồi, thưa Sir Julius. Tôi cũng rất tiếc về sự cố này, nhưng chắc chắn lần thử sau sẽ thành công. Ngài quay lại đây ngày mai được chứ? Doanh nhân người Anh gật đầu.

Henri Lemoine đã cố tình trình diễn màn đầu bằng một thất bại nửa vời. Như tất cả các diễn viên, nhất là các diễn viên ảo thuật, gã nắm rất vững thủ thuật "tăng dần liều lượng". Nếu tung hết tủ ra ngay từ đầu, khán giả sẽ không thấy hết giá trị của trò diễn, trái lại, nếu biết cách làm khán giả càng lúc càng căng thẳng, càng tò mò càng hồi hộp thì…

Quả nhiên hôm sau, cũng vào khoảng giờ đó doanh nhân đáng kính người Anh lại có mặt trong căn hộ hai phòng trên đường Lecourbe. Sir Julius Wernher căng thẳng đến cực độ. Cả đêm qua không chợp mắt được lấy nửa phút, lúc này ông lại đang nôn nóng phập phồng chờ đợi kết quả: lò nung sẽ cho ra thứ gì? Bort hay kim cương?

Henri Lemoine làm lại những động tác bữa qua: đổ vào lò nung hộp bột trắng, bột đen, ấn nút đỏ… mở nắp.

– Mời ngài tới coi thử. Lần này chắc được.

Tuy Sir Julius Wernher là người Anh, người Anh xưa nay vẫn nổi tiếng "phớt tỉnh Ăngliê", nhưng bữa nay ngài không sao giữ được vẻ điềm đạm cố hữu nữa. Ngài nhẩy bổ tới bên lò và bất giác hét lên:

– Lạy Chúa!

Lòng bàn tay Sir Julius Wernher mở rộng để lộ giữa đám xỉ và than khoảng hai chục viên kim cương trong suốt, tuy kích cỡ hơi nhỏ nhưng rất tinh khiết, còn nóng hôi hổi. Sir Julius Wernher cố nuốt trôi nước bọt, cố kìm hãm nhịp tim đang đập loạn xạ. Nghĩ bụng: có thể là trò bịp, nhưng cũng có thể là sự thật. Và nếu đây là sự thật, ngành công nghiệp đá quí sẽ lộn tùng phèo! Những công ty như De Beers chỉ còn nước đóng cửa sớm, các vị chủ mỏ đi nơi khác tìm chốn nương thân… trừ phi liên kết được với Henri Lemoine. May mà ngài đã sáng suốt đính ước với gã! Dù thế nào đi nữa, ngài phải nhanh chóng trở về London ngay. Nhưng trước hết, phải giữ lời hứa với gã để làm tin. Sir Julius Wernher rút túi lấy ra nhiều giấy tờ.

– Anh có nhận bằng séc không, anh Lemoine thân mến? Tôi không mang theo số tiền mặt lớn như vậy. Còn đây là hợp đồng liên kết khai thác, mong anh vui lòng kí vào.

Henri Lemoine nhận tờ séc ghi trả cho gã tám chục ngàn bảng Anh rồi kí vào bản hợp đồng cua đôi với công ty De Beers lợi nhuận từ kĩ thuật sản xuất kim cương nhân tạo.

Hối hả về tới London, Sir Julius Wernher triệu tập ngay Angus MacPhresp kĩ sư trưởng của công ty tới gặp. Ngài đặt hai chục viên đá lấp lánh dưới mũi kĩ sư trưởng, nói qua nguồn gốc của chúng, rồi hỏi:

– Anh nghĩ thế nào?

Angus mỉm cười:

– Thưa ngài, tôi đang nghĩ ngài vừa kí một hợp đồng không đáng kí. Những viên kim cương này không đáng giá tới tám chục

ngàn bảng.

– Đừng đùa! Tôi trả số tiền đó không phải để mua mấy viên này mà để cưa đôi sản lượng của Henri Lemoine… Kĩ sư trưởng nghiêm mặt không cười nữa.

– Tôi không đùa đâu, thưa ngài. Bản thân tôi đã nhiều năm nghiên cứu lĩnh vực này và đi đến kết luận: không thể làm ra kim cương với sức nóng năng lượng điện, trừ phi đạt được độ nung lên tới nhiều ngàn độ. Khốn nỗi trình độ khoa học kĩ thuật hiện tại chưa làm được điều đó.

– Nghĩa là theo anh thì đây là trò bịp?

– Nếu ngài cho phép, tôi xin thưa: đúng là trò bịp.

– Anh khuyên tôi phải làm gì bây giờ?

– Bắt hắn làm lại cuộc thí nghiệm trước mặt một tay chuyên nghiệp.

– Được. Anh sẽ đi với tôi sang Paris.

Angus MacPhresp lại tủm tỉm:

– Thưa, tôi không định nói về nghề chuyên môn của tôi, mà nghề của hắn ta. Xin hãy mang theo ngài một tay làm trò ảo thuật chuyên nghiệp…

18 tháng Chín 1905.

Căn hộ nhỏ hẹp hai phòng trên đường Lecourbe lại có người tới. So với hai lần trước, lần này thêm một người thứ ba có nước da rám nắng do Sir Julius Wernher dẫn tới và giới thiệu là kĩ sư trưởng của công ty De Beers. Người này xin được xem chiếc lò điện. Sau khi liếc qua, anh ta tỏ ý hài lòng. Henri Lemoine vẫn bình

tĩnh, lặp lại các thao tác cũ: đi lấy hai chiếc hộp nhỏ, lần lượt đổ vào lò nung kèm theo lời giới thiệu:

– Bột trắng đây!… Bột đen đây!…

Gã đóng nắp lò, ấn nút đỏ, sau chừng một phút gã dõng dạc tuyên bố:

– Xin vui lòng mở nắp và tự ngài đánh giá. Chú ý kim cương vẫn còn nóng!

Sir Julius Wernher thò tay vào lò, rồi rút ra chìa lòng bàn tay về phía Henri Lemoine cho gã nhìn rõ.

– Ồ Henri! So với lần trước, anh đã tiến bộ vượt bậc. Lần này anh sản xuất được những viên kim cương đã mài gọt tinh tươm.

Henri Lemoine cố ghìm mình khỏi buột miệng chửi thề…. Gã vừa nhìn thấy giữa đám xỉ đen, giữa hơn một chục viên kim cương nhỏ có một viên to đùng đã được gia công hoàn chỉnh đang tỏa sáng lấp lánh rực rỡ… Sir Julius Wernher tủm tỉm:

– Xin giới thiệu đây là nhà ảo thuật lừng danh Frank Gregor hiện đang trình diễn ở London một trò tên là "Magicus". Tôi đã nhờ anh ấy bỏ viên kim cương này vào bằng một động tác ảo thuật, y hệt anh đã làm.

Nhà ảo thuật Frank Gregor gật đầu:

– Anh đã phù phép khi mở lò. Nhưng mới ở trình độ tài tử khéo tay, chưa đạt mức chuyên nghiệp. Nên quá lộ liễu.

Henri Lemoine tái mặt, nới vội khăn quàng cổ để thở hồng hộc.

– Ngài định xử trí thế nào đây?

Sir Julius Wernher quắc mắt, nhưng rồi chỉ nói:

– Để xem đã.

Ông bỏ đi cùng với diễn viên ảo thuật.

Henri Lemoine đã gặp may hết biết: không bị trừng phạt… Sau nhiều ngày gã vẫn không thấy phản ứng gì của Sir Julius Wernher và của công ty De Beers. Rõ ràng vị giám đốc điều hành công ty không khiếu kiện vì sợ nổ ra xicăndan làm mất mặt ông ta và mất mặt công ty. Henri Lemoine ẩm trót lọt món tiền lớn: chín mươi ngàn bảng (tương đương 10 tỉ VNĐ), tiền trả cho một màn diễn không thành thạo, theo đánh giá chuyên môn của nhà ảo thuật Frank Gregor.

Nhưng Henri Lemoine quá tham lam, không biết dừng lại đúng lúc. Gã tiếp tục săn tìm những con mồi khác, bằng cách trưng bản hợp đồng với De Beers làm bùa hộ mệnh. Tin lành đồn xa tin dữ đồn xa, chẳng bao lâu trong giới kinh doanh tài chính lan truyền tin một kĩ sư người Pháp đã tìm ra kĩ thuật làm kim cương nhân tạo. Cổ phiếu của công ty De Beers sụt giá thảm hại, buộc Sir Julius Wernher phải đâm đơn khiếu kiện.

Ngày 17 tháng Ba 1906 Henri Lemoine phải ra trước tòa. Một phiên tòa rất nhiều kịch tính. Gã táo tợn lớn tiếng kết tội Sir Julius Wernher đã bầy mưu.

– Ông ta định làm sụt giá các mỏ kim cương để sang tên chúng với giá rẻ. Tôi chỉ là tay sai của ông ta mà thôi. Tôi biết trước sớm muộn quả lừa của tôi sẽ bị lật tẩy, nhưng phải sau một thời gian đủ để ông ta thực hiện được âm mưu…

Nghe cũng có lý, thành thử doanh nhân người Anh đã phải tốn rất nhiều công sức trước tòa chỉ để chứng minh ông ta là… một anh khờ. Cuối cùng Henri Lemoine, tên bịp ranh ma quá tham lam đành gục đầu nhận bản án sáu năm tù.

Chưa hết.

Theo quyết định của tòa, chiếc phong bì gắn xi đựng công thức chế kim cương nhân tạo do Henri Lemoine giao cho Sir Julius Wernher quyền tự tay mở trong trường hợp gã đột ngột qua đời, đã bị tòa tịch thu ở nhà chưởng khế. Vị chánh án cho công bố trước tòa.

Henri Lemoine không xí gạt Sir Julius Wernher chí ít cũng trong một điểm duy nhất này: công thức làm kim cương nhân tạo hết sức… đơn giản. Nó như thế này:

1. Phải sắm một lò nung điện.

2. Chuẩn bị muội khói và đường trắng ở dạng bột.

3. Nung hỗn hợp bột ở một trăm hai mươi độ để luyện thành kim cương.

4. Khi đạt nhiệt độ cần thiết, lấy ngay kim cương khỏi lò khi chúng đang còn nóng bỏng tay.

Phu nhân ngài cố vấn

Edith Nagel ngồi trước bàn uống cà phê trong cửa hàng Vũ Trụ, một trong số những nơi hiếm hoi còn có khá đông khách lui tới hồi mùa xuân năm 1946. Bà khẽ nhăn mặt, bỏ thêm hai viên đường xăccarin vào tách nước sắc hoa đoạn giả làm cà phê. Thời cửa hàng lừng danh nhờ món sôcôla thơm lừng, bánh kem béo ngậy đã lùi xa. Đó là thời trước Thế chiến 2, trước chế độ tem phiếu hà khắc, trước cái chết của chồng bà, vị cố vấn Tòa án Tối cao.

Bà góa phụ năm mươi lăm tuổi vẫn được bè bạn gọi là "bà Cố vấn". Và vẫn chăm chút bề ngoài sao cho xứng với danh hiệu cao sang đó. Bà mặc toàn loại hàng có màu sắc kín đáo màu xám, màu hoa cà sẫm, hoặc màu lá héo, ngoài ra mọi thứ trên người đều sang trọng nhưng không lộ liễu.

Edith Nagel chăm chú ngoáy nhẹ thìa trong tách nước sắc hoa đoạn. Góa phụ vẫn giữ được đôi mắt xanh biếc rất đẹp tuy lúc này hơi thoáng buồn, làn da mặt vẫn mịn màng tươi tắn tuy mấy năm vừa qua là mấy năm vô cùng khắc nghiệt đối với bà.

Cái chết của ông chồng thật sự là một thảm kịch. Vì Edith Nagel rất yêu chồng và vì từ khi kết hôn tới nay bà hoàn toàn sống dựa vào chồng. Trong nhiều năm giữ cương vị cao trong ngành xét xử ông ta đã gom góp được rất nhiều tiền để đầu tư cho vợ dưới dạng những món nữ trang đắt giá, những đồ cổ hiếm quí và những tác phẩm nghệ thuật có một không hai. Ông không còn nữa, nhưng

bà vẫn sung túc, có thể yên chí sống trong giàu sang đến tận lúc thở hơi cuối cùng. Khốn nỗi Edith Nagel lâu nay đâu có biết đến giá trị đồng tiền vì chỉ quen sống ỷ lại, để mặc chồng một mình lo mọi thứ cho mình an hưởng.

Cuối năm 1945, tình hình bỗng đột ngột thay đổi. Tòa thị chính Vienna chủ trương cứu trợ những nạn nhân chiến tranh thiếu chỗ ở, ra lệnh cho Edith Nagel đang sống độc thân trong căn hộ thênh thang giữa trung tâm thủ đô phải nhận một người vào ở chung.

Vài ngày sau khi nhận lệnh, Edith Nagel thấy một phụ nữ mang tờ phiếu đóng dấu tòa thị chính tới gặp.

Chị Marguerite Hafner là vợ góa một quân nhân tử trận trong chiến đấu nên được thị trưởng cấp chỗ ở.

Chẳng bao lâu sau khi Marguerite về ở chung, hai người đã kết bạn rất thân. Marguerite là con người bản chất hoàn toàn khác với Edith Nagel: rất năng động, quyết đoán, có đầu óc thực dụng nhậy bén. Thoạt đầu chị ta giúp bà chủ nhà vài việc lặt vặt, sau đó xin tình nguyện làm người quản lý của cải trong nhà. Chị ta điều hành mọi việc chi thu rất giỏi, chủ nhà rất hài lòng. Bà cố vấn thầm nghĩ: Trời đã thương tình phái đến cho mình một người vừa là bầu bạn thân thiết lại vừa là nhà kinh doanh giỏi.

Lúc này Marguerite đang ngồi cùng Edith Nagel trong cửa hàng Vũ Trụ đông nghẹt khách hàng. Chị ta mặc bộ đồ màu tối đã hơi cũ, đội chiếc mũ cài lông chim trông khá tức cười. Edith Nagel tủm tỉm nhìn và bất giác cười nụ. Đây là cuộc dạo chơi hàng tuần của hai người nên họ thư thả ngồi uống nước, không vội ra về. Ở Vienna thời hậu chiến, chẳng có nhiều thú tiêu khiển cho những người nhàn rỗi như họ giết bớt thì giờ thừa thãi.

Bỗng Edith Nagel ngẩng đầu lên nhìn người vừa cất tiếng ngay bên. Người đó nói:

– Xin lỗi bà… Cho phép tôi…

Chàng trai mới chừng ba mươi đang nghiêng người thi lễ, lịch sự tháo găng và lột mũ cầm tay. Gương mặt trông lịch lãm, hàng ria mép vàng xén tỉa cẩn thận, tóc chải gọn gàng. Edith Nagel ngước nhìn có ý hỏi. Chàng trai nói tiếp:

– Cửa hàng không còn bàn rảnh. Mong được quí bà cho phép ngồi cùng bàn…

Hai phụ nữ không lấy thế làm điều. Ở Áo cũng như ở Đức, khi vào những nơi công cộng như thế này mọi người đều sẵn sàng ngồi chung bàn với nhau dù chẳng hề quen biết. Khác với nhiều nước châu Âu khác như Pháp chẳng hạn.

Nên bà cố vấn nở nụ cười mời chàng trai ngồi xuống bên. Anh ta tự giới thiệu: Klaus Vogler. Trước tách nước hoa đoạn, hai người trao đổi càng lúc càng say sưa theo chủ đề: văn học. Chàng trai cũng đã đọc hết mấy cuốn tiểu thuyết vừa xuất bản như bà cố vấn, nên cuộc bàn luận có điều kiện kéo dài. Càng kéo dài bà Edith Nagel càng thích thú, gần như thán phục chàng trai dễ thương, thông minh, trình độ văn hóa cao.

– Chắc anh là giáo sư văn học.

Chàng trai mỉm cười cáo lỗi.

– Văn học là niềm đam mê nhưng tiếc rằng đó không phải là nghề của tôi. Tôi kinh doanh về thương mại, thưa quí bà.

Sau một giờ ý hợp tâm đầu, họ chia tay nhau. Klaus Vogler nghiêng mình cúi hôn tay Edith Nagel rồi quay sang nghiêng mình hôn tay Marguerite từ nãy vẫn ngồi im không tham gia bàn luận

câu nào. Nhiều bà bạn của bà cố vấn ngồi trong cửa hàng đã theo dõi cảnh này từ xa, đưa mắt nháy nhau nửa thích thú nửa trách móc. Tuy các bà đều không biết Edith Nagel khi chia tay đã hẹn Klaus Vogler tuần sau sẽ tới nhà cùng bà bàn luận văn chương…

Uống cạn tách nước, Edith Nagel nhìn Marguerite với vẻ ngây thơ, mãn nguyện:

– Không ngờ lại có cuộc gặp gỡ dễ chịu đến thế…

Một tuần sau, chuông cửa ngôi nhà lộng lẫy của bà cố vấn reo lảnh lót. Edith Nagel lao vội ra đón khách. Bữa nay chàng trai càng sang trọng, càng lịch sự bội phần. Chàng cầm trên tay một bó hoa hồng thật lớn. Edith Nagel tỏ vẻ ngượng nghịu.

– Đừng bày vẽ thế này, anh Klaus! Mời anh vào chơi, tôi đã chuẩn bị sẵn vài món ăn nhẹ. Tự tay tôi làm hết.

Hai người phụ nữ ngồi cùng với chàng trai quanh chiếc bàn trải khăn ren. Chủ nhà thết cà phê thứ thiệt, đặc biệt có món bánh sừng bò do Edith Nagel chế biến theo đúng công thức thời tiền chiến: ruột hạnh nhân, áo phủ kín sôcôla. Edith Nagel không để lộ: bữa tiệc nhỏ này đã ngốn của bà một món tiền lớn ngoài chợ đen, chính xác là đã phải đánh đổi bằng một chiếc nhẫn vàng có đính hồng ngọc. Nhưng Edith Nagel đâu có tiếc! Đây chỉ là món nữ trang không dùng tới, bà còn vô số những món nữ trang loại này. Còn rất nhiều!

Cuộc gặp không sôi nổi bằng lần trước. Gần như chỉ một mình Edith Nagel lên tiếng. Marguerite xưa nay chẳng để ý gì đến văn chương nên lúc này chỉ lo không bỏ phí một mẩu nhỏ nào của bữa tiệc, tập trung toàn bộ tâm trí vào món bánh sừng bò. Klaus Vogler

thì nói năng có vẻ dè dặt, phải chăng vì khung cảnh quá sang trọng nơi đây làm anh ta bối rối, choáng ngợp?

Tiệc tan, khách đã ra về từ lâu nhưng bà Edith Nagel vẫn chưa ngớt lời khen ngợi chàng trai tuyệt vời nọ. Trưa hôm sau bà càng phấn khích hơn gấp bội khi nhận được lá thư cảm tạ của chàng. Đọc xong, bà đọc cho người ở chung nhà cùng nghe. Và khen nức nở:

– Chị thấy không, Marguerite? Anh ấy có lối diễn đạt cực kì lịch sự! Và lại còn kết thúc lá thư bằng câu này mới hay chứ: "Xin phép được đặt lên bàn tay ngà ngọc của quí bà một ngàn nụ hôn…" Marguerite tủm tỉm:

– Chị nên phúc đáp lại anh ấy. Trên giấy viết thư có in địa chỉ của anh ta đấy.

Edith Nagel đỏ bừng mặt.

– Làm thế sao tiện!

Marguerite cố thuyết phục:

– Với một người ở tuổi như chị và ở cương vị như chị, có gì đáng ngại đâu? Mà chị chỉ viết là anh ấy luôn được chờ đón ở nhà chúng mình thôi mà.

Bà cố vấn chấp thuận. Thực ra trong thâm tâm, bà đã thầm mong Marguerite thuyết phục bà theo hướng đó. Hôm sau, Marguerite mang thư của bà chủ nhà đi bỏ vào bưu điện. Đây là việc của chị ta, người phải lo mọi việc cụ thể và trần tục trong nhà.

Hai người ngong ngóng chờ hồi âm… Ba tuần, rồi một tháng trôi qua, vẫn không có gì. Edith Nagel cố giấu kín nỗi bồn chồn không để Marguerite nhận thấy. Tuy sáng nào bà cũng lao vội ra

đón người bưu tá rồi tiu nghỉu trở vào. Tính tình trở nên trầm uất, dễ cáu gắt.

Mãi rồi lá thư mong đợi cũng tới. Điều khác lạ là ở chỗ: không gửi đi từ Vienna mà từ Badgastein, khu thể thao mùa đông gần Salzbourg.

Đúng là thư của Klaus Vogler, nhưng tin tức chẳng có gì vui. Chàng trai bị sưng phổi nặng phải nằm viện, chưa biết bao giờ mới lành bệnh. Buồn chán trong cô đơn, nhân lúc bất đắc dĩ phải nằm dài anh ta tranh thủ viết thư cho người đã để lại trong lòng mình những cảm xúc đáng nhớ. Thư còn viết về những cuốn tiểu thuyết anh đọc, kèm theo lời phàn nàn phải trả viện phí quá cao nên không có điều kiện mua nhiều sách như anh mong ước. Cuối thư, anh ta nhắc tới món sừng bò tuyệt diệu và ở cuối thư không quên "xin phép đặt lên bàn tay ngà ngọc… một ngàn nụ hôn".

Edith Nagel đọc đi đọc lại lá thư không biết bao nhiêu lần. Và thấy lòng mình xao xuyến, thổn thức. Bà ân hận xót xa vì đã bao lần thầm trách anh ta lãnh đạm không trả lời lá thư của bà. Mình mang tội với anh ấy. Phải làm một cái gì đây để chuộc lại lỗi lầm.

Một lần nữa Marguerite lại là người hiến kế.

– Nếu chị muốn, tôi sẽ mang vài món đồ đi bán rồi gửi tiền cho anh ấy. Như vậy, anh ấy sẽ sớm trở lại với chúng mình.

Edith Nagel chấp thuận ngay lập tức. Bà nhờ Marguerite mang bán một ít nữ trang, gửi ngay tiền tới bệnh viện Badgastein. Và nhất định đòi tự tay gửi kèm một ít bánh sừng bò sôcôla để làm vui lòng bệnh nhân.

Marguerite chạy đi lo mọi việc, hai ngày sau chị ta báo cho Edith Nagel biết: mọi ý muốn của bà cố vấn đã được thực hiện chu

đáo.

Lá thư sau của Klaus Vogler được gửi đi từ Ý, nơi chàng trai nghỉ dưỡng sức. Anh nhiệt liệt cám ơn bà cố vấn đã gửi tiền và gửi bánh sừng bò ngon tuyệt cho anh. Và thư sau thì báo tin: lại đang gặp khó khăn vì không may bị kẻ gian lấy hết vali trên đường sang Ý.

Một lần nữa, bà cố vấn nhiệt tình tháo gỡ khó khăn cho Klaus Vogler, và cũng lại Marguerite chịu trách nhiệm gửi tiền tới địa chỉ ghi trong lá thư nước Ý.

Thư từ tiếp tục được trao đổi giữa hai người, kéo dài nhiều tháng, nhiều năm.

Điều kì lạ là ở chỗ chàng trai tuấn tú này hình như bị sao quả tạ chiếu vào nên gặp hết tai nạn này đến rủi ro khác. Cũng may là mỗi lần như vậy anh ta đều được bà cố vấn kịp thời gửi tiền cứu viện kèm theo lá thư đầy tình cảm thân thương và lời chúc mau lành để sớm trở về gặp lại. Chiếc rương nữ trang vơi dần nhưng Edith Nagel không hề nuối tiếc mảy may. Vàng bạc châu báu này liệu có giúp được gì cho bản thân bà? Bằng cách này, ít ra bà cũng chi dùng chúng cho một điều tốt đẹp, cho một người xứng đáng được hưởng. Hơn thế nữa, việc bỏ của ra trợ giúp như thế này làm cuộc sống của bà đầy đặn lên, bà không còn đơn chiếc nữa, và cảm thấy mình sống có ích…

Các bà bạn tốt bụng không ngớt bình phẩm về Edith Nagel. Bà cố vấn trở thành đề tài bàn luận được ưa thích nhất.

– Dù sao thì chị ấy cũng đã lớn tuổi rồi, còn đa mang đèo bòng thế làm gì cho cực! Xét cho cùng, chị ấy đáng thương hơn đáng trách…

Một vài bà còn tìm cách làm Edith Nagel thức tỉnh, cắt đứt quan hệ với gã trẻ tuổi rõ ràng đang lợi dụng bà để cuỗm hết tài sản. Nhưng trước mọi lời khuyên can, mọi lời cảnh tỉnh ít nhiều thiện ý, Edith Nagel một mực đáp lại:

– Các vị lầm to rồi! Tôi tuyệt đối tin tưởng anh ấy…

15 tháng Sáu năm 1953.

Bà cố vấn Edith Nagel thư từ với Klaus Vogler thấm thoắt đã bẩy năm, nhưng mới chỉ giáp mặt anh ta có hai lần: một ở cửa hàng cà phê Vũ Trụ trong lần gặp đầu tiên, và lần thứ hai trong bữa ăn nhẹ tại nhà riêng, một tuần sau lần gặp thứ nhất.

Hôm nay, nhận lá thư cuối cùng của Klaus Vogler, bà Edith Nagel ngồi thừ ra một lúc lâu, đăm chiêu suy nghĩ rất lung. Thậm chí còn cảm thấy choáng váng. Thư gửi đi từ Nice (Pháp), báo tin Klaus Vogler vừa được thừa kế một biệt thự sang trọng trên bãi biển. Để được chính thức làm chủ sở hữu ngôi nhà, anh chỉ cần trả lệ phí thừa kế là xong. Thư ghi rõ số tiền phải trả. Và viết thêm: vì biệt thự quá rộng cho một người nên anh muốn mời ân nhân quí mến Edith Nagel đến ở chung. Tùy ý thích của bà, dĩ nhiên. Nếu thuận tình, bà chỉ việc bán hết của cải và sang Pháp với anh.

Edith Nagel suy tính miên man, qua nhiều ngày vẫn chưa quyết định được. Lần này nữa, Marguerite lại là người đưa ra cách xử trí đầy thuyết phục. Cuộc đời như bóng câu qua cửa sổ, tội gì không an dưỡng tuổi già tại nơi khí hậu tuyệt vời của Bờ Biển Xanh? Có hàng vạn người ở tuổi của chị về nghỉ hưu tại đó. Hơn nữa, sang đó tha hồ hưởng sự hiện diện của Klaus Vogler. Còn phải đắn đo gì nữa, chị có người thừa kế nào đâu? Marguerite này sẽ lo toan mọi bề để của cải của chị được trả giá cao nhất v.v…

Nghe bùi tai, Edith Nagel gật đầu. Và trong cơn ngây ngất, bà gửi thư cho Klaus Vogler báo tin sẽ bán hết, sẽ sang ở cùng chàng. Tất nhiên thư có kèm theo tờ ngân phiếu đủ chi trả lệ phí thừa kế cho Klaus Vogler.

Ngày 18 tháng Bẩy 1953, người ta thấy một phụ nữ sang trọng tản bộ trên sân ga phía Tây của Vienna, bên đoàn tàu đi Nice. Dáng đi chứng tỏ bà đang rất căng thẳng. Lần cuối cùng Edith Nagel băn khoăn tự hỏi: liệu có nên mạo hiểm thế này ở tuổi sáu hai? Thôi, khỏi phân vân làm gì nữa, vì đã quá muộn mất rồi. Đã đâm lao thì phải theo lao… Lát nữa Marguerite sẽ tới, mang theo vali hành lý, vé tàu, và chiếc tráp đựng toàn bộ gia sản mang theo sang Pháp… Ôi Marguerite thân thương, cho đến phút cuối cùng trên đất Áo này, chị ta đã gánh vác mọi việc chu toàn. Cuộc đổi đời của Edith Nagel một phần do công sức chị ấy mang lại!

Nhưng mãi không thấy Marguerite tới. Trưởng ga tuýt còi… Edith Nagel nghĩ bụng: "Vô lý, không thể thế được!" Nhưng sự thực là như thế: đoàn tàu đi Nice từ từ lăn bánh mang theo mọi giấc mơ mọi hi vọng của bà cố vấn.

Chỉ còn lại một mình bà ta trên sân ga vắng ngắt. Bất chợt bà Edith Nagel oà khóc nức nở. Một lúc sau, một anh nhân viên nhà ga tới bên, vụng về đặt tay lên vai bà. Sao vậy, quí bà? Có chuyện gì thế?

Edith Nagel báo cáo toàn bộ sự việc trong bẩy năm qua với cảnh sát trưởng. Câu chuyện của bà đứt nối kèm theo nức nở sụt sùi nhiều nước mắt nên không thật gãy gọn nhưng cảnh sát trưởng nhanh chóng hiểu ra: người phụ nữ cao tuổi này bị một tên vô lại

trẻ mê hoặc, với sự tiếp tay của người bạn thân thiết và trung thành Marguerite.

Việc đầu tiên của cảnh sát trưởng là tìm ra tên Klaus Vogler khốn kiếp. Qua những lá thư của gã kỉ vật duy nhất nằm trong tay bà cố vấn, lúc này là chứng cứ duy nhất trong tay cảnh sát cảnh sát trưởng thấy đây là một gã di chuyển rất nhiều trên lãnh thổ châu Âu. Qua Interpol, cảnh sát thủ đô Vienna thông báo cho đồng nghiệp ở Nice. Vậy mà một tuần sau đó, nhà chức trách Áo lại tóm được Klaus Vogler ở Salzbourg, nơi gã ta định cư từ nhiều năm nay. Khi cảnh sát tới, mọi bằng chứng đều cho thấy gã không hề có ý định chạy trốn. Ngay lập tức Klaus Vogler bị giải về Vienna tới trước viên cảnh sát trưởng phụ trách điều tra vụ án.

Trong trụ sở cảnh sát, Klaus Vogler tỏ vẻ cực kì công phẫn, kịch liệt chối tội. Nhưng cảnh sát trưởng cắt ngang lời gã:

– Vụ sưng phổi ở Badgastein, anh còn nhớ chứ? Và vụ mất hành lý ở Ý, chắc anh chưa quên? Khoản lệ phí để hưởng quyền thừa kế ngôi nhà tưởng tượng ở Nice không phải là một kỉ niệm nhớ đời ư? Toàn những vụ mới toanh cả, quên sao được, phải không?

Klaus Vogler càng lồng lên:

– Ông cảnh sát trưởng nói gì kì vậy? Tôi có tới Badgastein hồi nào đâu! Mà cũng chẳng sang Ý, không tới Nice. Cả đời chưa một lần ra khỏi biên giới nước Áo. Từ năm 1946 tới giờ tôi vẫn đóng đô ở thành phố Salzbourg này, vì phải đảm trách chức trưởng phòng thương mại của một hãng buôn lớn.

Cảnh sát trưởng đấm bàn quát:

– Thế cái tên Edith Nagel có giúp anh nhớ lại chuyện gì không? Chắc anh lại chối không lần nào gặp bà ta, không hề viết thư cho

bà ta?

Một lát im lặng. Kẻ tình nghi dường như đang cố moi móc trong trí nhớ.

– Ông vừa nói tới bà tên gì? Edith Nagel ư…Thực tình tôi không quen.

– Anh gặp bà ấy lần đầu tiên năm 1946 trong cửa hàng cà phê Vũ Trụ rồi được mời về nhà bà ta ăn nhẹ…

Từ nãy giờ cảnh sát trưởng lúc này mới thấy bộ mặt Klaus Vogler sáng lên:

– A, nhớ ra rồi. Một bà lớn tuổi, rất sôi nổi. Sau bữa tiếp tôi tại nhà riêng, bà ta viết thư cho tôi. Tôi không trả lời, vì nghĩ có thể đây là chuyện… tán tỉnh lăng nhăng. Vả lại ngay sau đó tôi phải rời Vienna để trở về Salzbourg.

Cảnh sát trưởng vung tay rất điệu nghệ lẳng xấp thư lên mặt bàn. Klaus Vogler trợn tròn mắt đọc mấy lá, tái mét mặt kêu lên:

– Một kế hoạch quái quỉ, một âm mưu ghê tởm! Đây không phải chữ tôi, hơn nữa, tôi đã nói tôi chưa hề ra khỏi Salzbourg. Ông cứ việc kiểm tra!

Cảnh sát kiểm tra và rất kinh ngạc nhận thấy Klaus Vogler khai đúng sự thật. Anh ta chẳng dính líu gì vào vụ này. Mọi chuyện đã diễn ra ngoài ý định của anh. Bọn gian đã lợi dụng tên anh để dựng lên vụ lừa đảo khó tưởng tượng này.

Vậy thủ phạm là ai? Còn ai vào đây nữa, ngoài Marguerite Hafner, người ở chung nhà, người bầu bạn, người đại diện trong làm ăn của Edith Nagel!

Interpol phát lệnh truy nã toàn châu Âu, kèm theo ảnh mụ tội phạm gian ngoan…Cảnh sát Pháp gô cổ mụ ở Paris.

Tại phiên tòa xét xử Marguerite Hafner mở tháng Mười 1955, mụ tường trình mọi chuyện với thái độ trơ trẽn, vô liêm sỉ.

– Khi thấy cậu trai ấy gây xúc động mạnh cho Edith Nagel, tôi nghĩ ngay chuyện có thể lợi dụng. Tôi xúi bà ta viết thư, và tôi là người viết thư trả lời lại. Trong lúc bà ấy đang mơ màng tới chàng Klaus thì tôi là người ngồi viết những lá thư hồi đáp của chàng ngay trong phòng bên…

Marguerite Hafner từ chối không chịu tiết lộ tên những kẻ giúp mụ mang thư ra bưu điện, từ rất nhiều địa điểm khác nhau. Có thể đó là những nhân tình mụ lén lút quan hệ không để bà cố vấn biết. Dù thế nào đi nữa, mụ cũng đã phải lĩnh án năm năm tù ngồi. Bà cố vấn đáng thương chỉ thu hồi được một phần nhỏ tài sản của mình. Song điều khiến bà ta đau khổ hơn cả lại là sự đổ vỡ những ảo tưởng những mộng mơ kéo dài trong bẩy năm. Trong bẩy năm đằng đẵng ấy, bà đã đuổi theo một bóng ma. Tưởng mình có một bạn tình phương xa, tưởng mình đang sống có ích cho một người thân thương dù biết bị hắn đào mỏ, ngờ đâu mình vẫn là người đàn bà đơn chiếc, một mình một bóng!

Tòa mời Klaus Vogler lên khai với tư cách nhân chứng. Sự xuất hiện của anh làm bà cố vấn bị cú sốc mạnh, Chắc là cú sốc cuối cùng và cũng là cú sốc nặng nhất. Bà Edith Nagel thấy một người đàn ông tóc vàng từ từ đứng lên. Bà đã viết thư gửi cho người đó trong bẩy năm liền, đã vì người đó mà bà gần như khánh kiệt gia tài, bà đã chấp nhận đến chung sống với người đó trong quãng đời còn lại của mình… Thế mà từ lúc khai mạc phiên tòa tới giờ, bà vẫn không nhận ra. Tuy người đàn ông đó ngồi ngay trước mặt bà, cách có vài hàng ghế!

Thật hay giả?

– Ông Genet! Ới ông Genet!

Người vừa được gọi khoảng năm mươi tuổi, tóc bóng nhẫy, bụng phệ, mặt đỏ như gà chọi, lúc nào bên mép cũng lủng lẳng điếu thuốc ướt nhèm. Trông anh ta không dễ nhìn mấy, nhưng anh ta cóc cần sự đánh giá của người xung quanh.Từ ngày góa vợ tới giờ anh ta vẫn sống một mình, chẳng thiết làm đẹp với ai. Điều duy nhất trên đời này được Genet quan tâm là tiền, cụ thể là tiền cho thuê nhà hàng tháng. Genet làm một nghề đáng kính trong nhiều nghề đáng kính khác: bán giấc ngủ cho mọi người.

Nói anh ta làm nghề bán giấc ngủ vì không còn cách nào khác để gọi công việc Genet làm khi cho thuê những căn phòng có sẵn đồ đạc trong ngôi nhà của anh ta ở Clichy: một ngôi nhà cũ kĩ, năm tầng, không chút tiện nghi tối thiểu, tường nứt nẻ lở lói bên trong chất đống những con người nghèo khổ không có khả năng tìm chỗ nương náu tốt hơn. Bản thân chủ nhà ngụ dưới tầng trệt, trong những điều kiện chẳng tốt gì hơn các người thuê nhà, nhưng Genet cóc cần quan tâm đến điều kiện sinh hoạt của mình….

– Tôi cần nói chuyện với ông, ông Genet!

Lucienne Lefèvre, người đang ới Genet là bà hàng xóm, ngụ trong căn đối diện. Sáu mươi tuổi, nhưng trông già hơn thế nhiều. Chồng bà ta chết trận ở Verdun trong Thế chiến 1, nghĩa là chưa

lâu lắm, vì xin nói cho rõ: lúc xẩy ra vụ này là tháng Bẩy năm 1937. Genet hỏi:

– Chuyện gì thế, bà Lucienne?

Bà góa hạ thấp giọng:

– Vào trong vườn nhà tôi cái đã. Chuyện này không nói ngoài đường được…

Thấy lạ, Louis Genet theo bà hàng xóm vào mảnh vườn nhỏ trước căn hộ bà góa.

– Chuyện về người thuê căn phòng tầng bốn của ông, gã Người Ý ấy mà!

– Ông Victor Vincenzo ư? Ông ta đâu phải người Ý, người Pháp đấy!

– Tôi vẫn quen gọi lão ta là lão Người Ý… Ông có theo dõi giờ giấc của lão ta không? Ngày nào cũng ra đi lúc sáu giờ kém mười lăm rồi trở về nhà lúc mười giờ đêm. Chắc vì ông ta phải đi làm xa.

– Thế ông có biết lão ta làm gì không?

– Không. Tôi không có thói tọc mạch. Vả lại, tháng nào ông ta cũng trả tiền nhà sòng phẳng, thì hỏi làm gì? Đối với tôi, trả tiền nhà đúng hẹn là điều quan trọng nhất mà tôi quan tâm. Từ khi về đây ở đã được một năm, ông ta chẳng gây chuyện gì rắc rối cho tôi.

Trông vẻ mặt Genet thấy rõ anh ta đang bực, mắt nhìn bà góa không chút thiện cảm nào. Nhưng bà già vẫn tiếp tục:

– Tôi hỏi ông câu đó vì không tin chắc sáng sáng lão ra đi như thế để tới chỗ làm.

– Xin lỗi, tôi không hiểu bà định nói gì…

– Có gì mà không hiểu. Lão chẳng đi làm ở đâu hết, mà làm việc ngay tại nhà ông. Tôi nói thế vì thế này, ông hãy nghe cho kĩ vì lạ lắm cơ! Ngày nào về tới nhà, lúc độ mười một giờ là lão bật đèn lên rồi để đèn chong chong suốt đêm. Mãi đến sáu giờ kém mười lăm sáng mới tắt, lúc lão ra khỏi nhà.

Người bán giấc ngủ kinh ngạc há mồm, mẩu thuốc vàng khè suýt rơi. Đây là lần đầu tiên anh ta biết có người thuê nhà của anh ta để nằm ngủ nhưng lại không ngủ ở nhà.

– Chẳng lẽ ông ta không ngủ hết đêm này sang đêm khác?

– Không ngủ. Thoạt tiên tôi nghĩ lão để đèn nằm ngủ. Những kẻ lập dị như vậy chẳng thiếu. Nhưng không phải. Vẫn thấy rõ bóng lão ta ngồi sau cửa sổ. Có bữa lão còn mở toang cửa sổ cúi xuống nhìn dáo dác như thể tìm ai.

– Chắc chờ đón một người đàn bà…

– Chẳng có con mẹ nào tới. Đàn ông cũng không. Cả đêm chẳng có ma nào. Tôi biết chắc vì nhiều đêm tôi không chợp mắt được lấy một phút.

– Bà nghĩ thế nào?

Bà già góa càng hạ thấp giọng:

– Nếu ông Genet muốn biết tôi nghĩ thế nào thì nghe tôi nói nha! Lão là một tên hội kín, một tên khủng bố!

– Chui cha!

Louis Genet toát mồ hôi hột, đưa tay run run vuốt mái tóc bóng nhẫy, nghĩ bụng: “Mụ cú già này nói không sai.” Anh ta nghĩ thế vì hồi 1937 này chỗ nào cũng thấy xầm xì chuyện âm mưu này, hội kín nọ. Đảng Bịt Mặt cực hữu với hành tung rất bí mật đang thả

sức hoành hành, gián điệp của bọn Phát xít Ý, của bọn Quốc xã Đức nhan nhản khắp nơi, ngoài ra còn có đủ loại băng nhóm vô chính phủ cũng đang đục nước béo cò, thừa gió bẻ măng.

Tuy vậy Genet cũng còn lưỡng lự, chưa thật tin Victor Vincenzo thuộc loại người đó. Hắn là người Pháp chính cống tuy mang cái tên rất Ý, sinh ra ở Colombes gần đây, người thuê nhà đàng hoàng nhất hội, bao giờ cũng trả trước tiền nhà ngay ngày đầu tháng… Dĩ nhiên, nếu được tổ chức của hắn chu cấp thì trả như vậy chẳng có gì khó.

Lucienne Lefèvre hỏi:

– Thế nào? Ông định làm gì? Báo cảnh sát chứ?

Louis Genet bất giác giật nẩy, lúng túng đáp:

– Tôi… tôi còn nghĩ xem sao đã.

Báo cảnh sát thì chính anh ta sẽ chết đầu nước. Cảnh sát tới sẽ thấy ngay ngôi nhà cho thuê của anh ta không hợp chuẩn. Họ sẽ báo đội cảnh sát chuyên trách nhà cho thuê tới. Hết làm ăn! Đã thế sổ sách lại không minh bạch lắm: từ lâu nay Genet vẫn trốn thuế.

– Có lẽ tôi sẽ tự lo vụ này. Cám ơn bà Lucienne.

– Ông cho tôi biết kết quả, nha!

Louis Genet lúng búng vài lời hứa hẹn rồi bỏ đi. Trong bụng rất lo, lần đầu tiên trong đời lo muốn chết. Tuy thực ra tính mạng anh ta đâu có bị ai đe dọa.

Suốt ngày hôm đó Louis Genet cân nhắc thiệt hơn. Nửa muốn báo cảnh sát, vì biết rõ một mình mình khó lòng đối phó nổi với những phần tử cực kì nguy hiểm đó. Nhưng cuối cùng lòng tham vẫn mạnh hơn. Không thể để họ vào khám nhà, khám sổ! Vả lại, theo lời mụ già bép xép bên kia đường cho biết thì Victor Vincenzo

không tiếp khách bao giờ. Một chọi một, nếu tận dụng yếu tố bất ngờ, may ra sẽ nắm được phần thắng. Hơn nữa Genet lại có súng, một khẩu súng không giấy phép, tất nhiên!

Mười một giờ đêm… Trong căn phòng tầng trệt tắt hết đèn giả bộ đã đi ngủ Genet giỏng tai nghe tiếng giầy lệt xệt của người thuê tầng bốn. Tim đập như trống làng nhưng Genet kiên quyết ra tay. Sẽ chờ đến nửa đêm, chờ cho tới lúc tên đó bắt đầu làm công việc bí ẩn của hắn mới xông vào bắt quả tang. Sẽ tóm được hắn lúc hắn đang làm gì đây? Đang chế bom? Đang giải mã những chỉ thị mật? Đang dùng radio gửi điện liên lạc với đồng bọn?

Nửa đêm. Genet run cầm cập, quần áo sũng mồ hôi nhưng vẫn quyết tâm, rón rén trèo cầu thang lên tầng bốn, tay phải cầm súng, tay trái cầm chìa khóa phòng. Tới trước cửa, anh ta nhẹ tay đút chìa vào ổ khóa đã được tra nhớt đầy đủ, bất thình lình đẩy bật cửa.

– Mẹ kiếp, cái quái gì thế kia?

Căn phòng hẹp tồi tàn, trần dột, tường mốc, sàn mọc rêu xanh chất đầy những thứ lạ mắt. Những bản kẽm, một máy ép, nhiều chậu axit, nhiều lọ hóa chất, nhiều hộp sơn… Vừa thấy kẻ đột nhập, gã Victor Vincenzo tóc nâu cao lớn vội giơ hai tay xin hàng.

– Đừng bắn!

– Anh làm gì trong nhà tôi?

– Làm bạc giả, loại một ngàn frăng. Bị ông phát hiện ra thế này thì chết tôi rồi!

– Làm giả tờ một ngàn hử?…

Ngay lập tức, người bán giấc ngủ buông súng, cười tủm tỉm. Té ra không phải một tên phản loạn mà một kẻ làm bạc giả! Genet

khoan khoái thở dài đánh sượt! Chứa chấp tên này không nguy hiểm là bao… Gã thuê nhà buông phịch người xuống chiếc ghế duy nhất trong phòng.

– Khó lòng giấu nổi ông. Chắc ông phát hiện ra qua giờ giấc đi đi về về của tôi?

– Phải. Anh sơ hở ở chỗ đó.

– Đêm đêm tôi làm việc tại đây. Sáng ra, tới ngủ ở một căn phòng khác và đi tiêu thụ bạc giả. Vì thế làm ông sinh nghi: thằng cha này ngủ vào giờ nào? Tôi đoán thế có đúng không?

Vừa nghe tên gian thú tội Louis Genet vừa tới gần các đồ nghề. Trên bàn máy ép có tờ một ngàn frăng còn ướt. Ba tờ nữa kẹp bằng kẹp quần áo trên sợi dây căng ngang qua phòng. Anh ta lấy một tờ, dùng đầu ngón tay xoa xoa, giơ lên soi vào ánh ngọn đèn trần, gật gù và buột miệng khen:

– Giống ra phết!

– Ông khắt khe quá đấy! Tôi đã mất nhiều năm luyện tay nghề và tự cho mình đã đạt tới mức hoàn hảo. Đáng tiếc là chỉ có chiếc bàn ép tay này nên mỗi đêm chỉ cho ra được có một tờ.

– Trông rất giống, nhưng vẫn có vẻ bạc giả.

– Xin lỗi! Tôi thì cho là tuyệt hảo. Sáng sớm mai, ông mang đi đổi thử sẽ thấy ngay…

Victor Vincenzo đưa nốt ba tờ kia, kể cả tờ còn ướt trên bàn ép cho Genet.

– Ông mang đổi tất tật thử xem. Nếu có một tờ bị từ chối, thằng này không còn là Victor Vincenzo nữa!

Gã bán giấc ngủ thầm tính toán… Chẳng dại gì báo cảnh sát. Mang tội chứa chấp làm bạc giả là cầm chắc bị phá sản, có khi còn bị coi là đồng phạm và vào nhà đá. Dù sao, chưa nên vội hành động. Tốt nhất là chờ xem…

– Tôi không muốn trong nhà có chuyện rắc rối. Tôi nhốt anh trong này, rồi tính sau.

Sáng sớm hôm sau tuy bị bà Lucienne Lefèvre săn đón rối rít nhưng Genet không dừng bước, đi thẳng tới quán cà phê quen. Gã uống một tách đen, mua một gói thuốc, trả tiền bằng một tờ một ngàn. Chủ quán nhét ngay vào túi, trả lại tiền thừa. Louis Genet lấy làm lạ, hỏi chủ quán:

– Có chắc là bạc thật không? Mình nghi nghi hình như sơ ý nhận nhầm một tờ giả…

Chủ quán lấy tờ bạc ra săm soi một lúc.

– Những tờ bạc giả kiểu này mỗi ngày tớ thu vào cả đống! Bạc thật đấy, khỉ ạ!

Đầu óc gã bán giấc ngủ rối tung… Không lẽ mình gặp may vớ được một thằng làm bạc giả siêu hạng ngay dưới mái nhà? Một thằng biết làm những tờ bạc y như thật! Ôi chao, nếu đúng thế thì mình giầu to đến nơi!

Phương pháp tốt nhất để biết chắc là phải liều. Liều nhưng đảm bảo kết quả trăm phần trăm. Louis Genet đi thẳng tới Ngân hàng Quốc gia, tới ghi sê tiền lẻ. Lấy hết can đảm đưa ra cả ba tờ do Victor Vincenzo chế tạo và hỏi nhân viên thu ngân:

– Tôi là tiểu thương. Tôi nghi nghi ba tờ bạc này là bạc giả. Phiền ông kiểm tra giúp.

Nhân viên thu ngân mân mê hồi lâu, lấy kính hiển vi ra soi lần lượt từng tờ qua ánh đèn. Anh ta mỉm cười:

– Cả ba tờ đều từ lò chúng tôi cho ra. Anh chẳng có gì phải lo…

Trên đường từ ngân hàng trở về gã bán giấc ngủ Clichy có đủ thì giờ tính toán kế hoạch. Gã sẽ hợp tác với Victor Vincenzo. Nhất định Vincenzo không dám từ chối vì sợ bị tố giác. Hắn sẽ phải tiếp tục in bạc giả, hai bọm sẽ chia đôi. Mà không phải bằng chiếc bàn ép tay, không phải với sản lượng một tờ một đêm đâu nhé! Không làm ăn kiểu cò con nữa! Phải làm lớn!

Thấy cánh cửa bật mở Victor Vincenzo chồm lên. Trợn tròn cả hai mắt:

– Hú vía! Tưởng anh dẫn cảnh sát về!

– Đâu có! Anh là một thiên tài thực sự. Không ai nỡ bắt giữ thiên tài.

– Ông không tố giác tôi chứ?

– Không… Này anh bạn! Cỗ máy ép chuyên dùng làm giấy bạc giá bao nhiêu?

– Ôi, cực kì đắt, ông ơi! Nếu rẻ, tôi đã mua từ khuya!

– Bao nhiêu?

– Mười triệu.

– Chờ chút, tôi sẽ quay lên. Xin lỗi nhé, cứ phải nhốt anh lại. Anh là của quí mà!

Vừa bước xuống thang gác Genet vừa tính toán: cho thuê nhà chui gộp với tiền trốn thuế gã được lãi năm triệu, vậy là còn thiếu một nửa. Phải cộng tác với một người nữa mới xong. Nhưng với ai đây? Không thể để lộ chuyện này cho người khác biết.

Nghĩ một lát, gã đập tay lên trán cái bốp! Còn ai vào đây nữa, ngoài mụ già bép xép bên kia đường, mụ Lucienne Lefèvre! Chắc mụ có tiền để dành, hơn nữa, đằng nào cũng phải cho mụ một chân, nếu không rất có thể mụ sẽ báo cảnh sát.

Louis Genet vào gặp Lucienne trong vườn nhà. Mụ già xăng xái:

– Thế nào? Chịu nói cho bà già này biết chuyện chứ?

– Vâng, tôi sẽ nói hết, thưa bà Lucienne. Hơn nữa, còn mách cho bà một mánh làm ăn ngon lành nữa kìa.

– Mánh gì vậy? Nói đi, ông Genet!

Lucienne Lefèvre có món tiền để dành và cũng có máu tham không kém người hàng xóm nên không ngần ngại hợp tác với Genet. Và không chịu thua kém một đồng. Nên chỉ vài ngày sau Genet đã có đủ mười triệu mang lên cho gã thuê nhà.

Victor Vincenzo quì mọp trước mặt chủ nhà:

– Ngàn lần cám ơn! Ông quả là cứu tinh của tôi!

– Không phải cứu tinh mà là người ủy quyền. Hãy nhanh chân đi mua máy rồi vào việc! Có ngay…

Victor Vincenzo biến mất, ẳm theo năm triệu của Genet và năm triệu của mụ góa. Biến mất, nghĩa là một đi không trở lại. Trong vụ này Victor Vincenzo thu được mười triệu frăng, nói chính xác là 9.996.000 frăng thôi, bởi lẽ phải trừ đi bốn tờ một ngàn frăng hắn đưa cho Louis Genet. Đó là bốn tờ bạc xịn, thứ thiệt trăm phần trăm do Ngân hàng Pháp quốc phát hành.

Tất cả ngay từ đầu chỉ là màn kịch do Victor Vincenzo dàn dựng. Hắn biết chắc: những hoạt động ban đêm của hắn sớm muộn nhất định sẽ bị lộ, "xưởng in bí mật" sẽ bị phát hiện. Lòng tham

không đáy của con người giúp hắn thực hiện thành công phần còn lại của mưu mẹo ranh ma. Khi có trong nhà một kẻ có tài làm ra những tờ bạc giả hoàn hảo tới mức được các chuyên gia ngành ngân hàng xác nhận là bạc thật, liệu có mấy ai cưỡng nổi sự cám dỗ?

Sở dĩ quả lừa ngoạn mục này được kể lại với đầy đủ chi tiết như trên là do sau đó khá lâu Victor Vincenzo đã bị tóm cổ vì một vụ chẳng đáng gì. Hắn tường thuật với cảnh sát mọi thành tích trong cuộc đời bịp bợm của hắn, qua đó người ta thấy Louis Genet không phải là nạn nhân duy nhất. Trước gã ta, nhiều người có nhà cho thuê đã mắc hợm. Mà chẳng ai dám khiếu kiện, tố giác hắn trước pháp luật. Khai báo với nhà chức trách rằng mình đã góp vốn cho kẻ làm bạc giả và bị hắn cuỗm mất quả là điều khó!

Victor Vincenzo không bị xử phạt về những vụ trên. Các cơ quan pháp luật không thể buộc hắn vào tội gì. Hắn không làm ra một tờ bạc giả nào, cũng không ép buộc ai mà tự các kẻ tham lam mang tiền đến nộp cho hắn.

Tên tuổi Victor Vincenzo được ghi vào hồ sơ lưu trữ của Interpol với danh tính một tên đại bịp trong những tên đại bịp xuất sắc nhất của thời đại. Những quả lừa của hắn chẳng những không vi phạm pháp luật mà còn đáng được coi là… ít vi phạm đạo đức nhất. Bởi lẽ các nạn nhân của hắn chẳng đáng được thương xót chút nào!

Thầy bói chữ

Khoảng giữa trưa, chuông điện thoại đổ hồi trong đồn cảnh sát Greenhill, một vùng dân cư ở ngoại ô Boston, Mỹ. Trung úy cảnh sát Brian Clifton nhấc máy.

—Allo! Báo cáo trung úy, cảnh sát viên Hamilton đây. Tôi vừa phát hiện có án mạng trong ngôi nhà số 216 đại lộ Lincoln. Một thiếu phụ trẻ bị giết trong nhà riêng cô ta.

Viên cảnh sát Hamilton ngưng một lát rồi tiếp bằng giọng gần như tâm sự.

– Một vụ cực kì… khó chịu đấy, thưa trung úy.

Vài phút sau trung úy Brian bước vào ngôi biệt thự sang trọng kiến trúc theo kiểu mặt tiền có hàng cột rất đồ sộ. Viên cảnh sát Hamilton đứng chờ sẵn trên bực cửa, sau lưng anh ta là một phụ nữ trạc sáu mươi, vẻ mặt thất thần.Viên cảnh sát dẫn thủ trưởng đi qua gian tiền sảnh lát đá cẩm thạch, vừa đi vừa báo cáo thêm:

—Tôi đang đi tuần tra ngoài đường thì bà giúp việc đây gọi. Xác nạn nhân hiện nằm trong phòng khách.

Hamilton đẩy cánh cửa. Trung úy Brian trông thấy ngay người phụ nữ nằm dưới thảm trải sàn. Người chết có lẽ là một phụ nữ rất đẹp: cao ráo, tóc nâu, mới khoảng hăm lăm tuổi. Váy áo rất sang trọng, chắc do một nhà thời trang nổi tiếng nào đó đo may. Trên đỉnh đầu có vết bầm tím chứng tỏ nạn nhân bị hạ gục bằng một

vật nặng. Trước khi chết, thiếu phụ chắc đã chống trả quyết liệt nên mọi đồ đạc trong phòng đều bị vứt tung tóe.

Trung úy cảnh sát ngẩng lên hỏi bà giúp việc đang đứng nhìn, người run cầm cập.

– Đây là ai vậy?

– Cô Dolores Shapman, thưa ông cảnh sát.

Trung úy Brian nheo nheo mắt ngẫm nghĩ, cố lần theo kí ức.

– Nghe quen quen. Cô này từ Mexico di cư sang đây phải không?

– Thưa, đúng.

Trung úy nói tiếp, vừa để cảnh sát viên Hamilton nghe, vừa để chính mình cũng nhớ lại.

– Người này là con gái Bob Shapman, kẻ bị tình nghi là thủ phạm nhiều vụ dùng hung khí trấn lột. Thấy nguy cơ sắp bị tóm cổ, hắn bỏ trốn sang Mexico. Năm 1928 hắn và vợ bị một tên thủ hạ giết chết, sau đó tên này cũng bị cảnh sát Mexico bắn hạ. Hồi đó tôi đã nghe tin con gái hắn ta rời bỏ tổ quốc đi nơi khác, không ngờ thị lại sang đây.

Trung úy bảo cảnh sát viên Hamilton:

– Theo tôi vụ này chẳng có gì khó chịu như anh nói. Bọn bất lương thanh toán lẫn nhau, đơn giản thế thôi.

Hamilton đằng hắng dọn giọng rồi nói.

– Trung úy nghĩ thế vì trung úy chưa sang xem phòng kế bên đấy ạ.

Phòng kế bên là thư phòng, bày biện khá cầu kì. Hai tủ sách lớn che kín hai bức tường phòng, trong tủ toàn những sách thuộc loại

quí hiếm. Tuy vậy trung úy cảnh sát chỉ chú ý tới bức tường thứ ba. Anh đứng ngây người, há hốc mồm kinh ngạc dán mắt lên tường. Một lúc lâu mới thốt lên:

– Thật khó tin!

Trước mắt trung úy là bức tường gần kín những khung ảnh lồng kính chụp những nhân vật nổi tiếng nhất thành phố, tất cả không dưới năm chục tấm, tấm nào cũng có mấy dòng chữ của nhân vật trong ảnh đề tặng chủ nhân ngôi nhà. Trung úy Brian bước tới gần, tình cờ tới trước tấm ảnh chụp tổng giám mục X. trên ảnh có dòng chữ "Em Dolores yêu quí, xin hãy nhận tình thương mến và lòng biết ơn sâu sắc của anh". Ngay bên tổng giám mục là ông thị trưởng, tiếp đó là ngài thượng nghị sĩ, ngài chánh án tòa án thành phố… tất cả các vị tai to mặt lớn này đều viết những lời thật cảm động tặng Dolores Shapman.

Trước những tấm ảnh đó, trung úy Brian bất giác ôn lại quá trình mười lăm năm tận tụy với nghề của mình. Năm nay mới băm lăm, anh đã lập nhiều thành tích xuất sắc, được toàn thể đồng đội coi là người sẽ vươn tới đỉnh cao trong ngành. Nhưng bữa nay đứng trước bức tường này, anh tin chắc con đường sự nghiệp của mình sẽ chấm dứt từ đây. Dù có tài thánh cũng không thoát khỏi tổ ong vò vẽ khủng khiếp này. Trung úy ngập ngừng hỏi bà giúp việc.

– Những vị trong ảnh này là thế nào với bà chủ?

– Thưa, mấy quí ông đó là khách hàng của cô chủ tôi.

Trung úy Brian gần như muốn ngã khuỵu xuống.

– Khách hàng ư? Là khách thế nào?

– Là khách hàng ạ. Cô chủ tôi là nhà thông thái, có tài… dạ, tôi không nhớ mọi người gọi đó là tài gì. Chỉ biết cô chủ chuyên môn đọc chữ của người khác viết.

Nghe xong trung úy Brian cảm thấy dễ chịu hơn: thì ra nạn nhân là người xem tướng chữ, một nhà chiết tự chứ không phải là… như anh thoạt tưởng. Anh lùi lại vài bước, ngắm kĩ bức tường. Một vụ thanh toán lẫn nhau của bọn bất lương, đơn giản thế thôi ư? Không, đừng tưởng bở! Trong tất cả các quí ông đang mỉm cười với anh, người xoàng nhất cũng chỉ vẫy nhẹ tay cũng đủ sức hất đổ sự nghiệp của anh. Nhưng tất cả lại đều là những kẻ tình nghi mà anh phải dò xét, thẩm vấn, trong cuộc điều tra sắp tới!

Ba ngày sau, trung úy cảnh sát Brian tổng hợp các thông tin thu thập được. Dolores Shapman đúng là đã bị sát hại bằng một hung khí nặng, có thể là một món đồ mỹ nghệ bày trong phòng. Hạ thủ xong nạn nhân, nó đã lấy đi. Các chuyên viên sau khi khám xét kĩ mọi ngóc ngách đã lấy được bốn kiểu dấu vân tay, trong đó ba kiểu có rất nhiều gần như khắp mọi chỗ: của nạn nhân, của bà giúp việc, và của một người chắc là rất thân quen, có thể là nhân tình Dolores. Về người này, bà giúp việc không cung cấp được thông tin gì tuy trung úy Brian đã gặng hỏi rất lâu. Bà ta không biết gì vì mỗi ngày bà chỉ tới làm việc vào buổi sáng và chẳng quan tâm gì tới việc riêng, tới các khách hàng của cô chủ. Thậm chí chưa từng giáp mặt bất cứ người nào trong đám khách hàng danh tiếng của cô chủ, bởi lẽ Dolores chỉ tiếp khách vào buổi chiều.

Trung úy Brian chú ý nhiều nhất tới dấu vân tay thứ tư. Các chuyên viên phát hiện ra nó phía dưới mặt một chiếc bàn kê ngay trong phòng. Rõ ràng đây là dấu tay tên giết người. Nó đã cẩn thận

tìm cách xóa sạch mọi dấu vết trước khi tẩu thoát, nhưng như thường vẫn xẩy ra, nó vẫn bỏ sót.

Trung úy lái xe chạy trên các con đường phố của Boston, mặt nhăn như chiếc bị rách. Việc gay go nhất đang chờ anh. Dấu tay thứ tư là của ông Thị trưởng, ngài Thượng nghị sĩ hay Đức tổng giám mục? Không lẽ lại là của nhà Tỉ phú lừng danh thế giới? Anh sẽ phải tìm biết sự thật. Phải tới gặp từng người một trong tất cả những vị tai to mặt lớn kia.

"Xin đức cha thứ lỗi, kính mong đức cha gí ngón tay trỏ vào hộp mực này rồi áp lên tờ giấy này. Kính xin đức cha đừng ngại, đây chỉ là thủ tục thông thường thôi ạ. Mọi người liên quan tới một vụ án mạng đều phải qua thủ tục này…"

"Xin ngài thượng nghị sĩ ấn mạnh ngón tay hơn chút nữa…"

"Thưa Vua Dầu mỏ, mong ngài không phiền trách tôi đã đến quấy rầy ngài. Tôi là cảnh sát hình sự đang thực thi công vụ…"

Mới chỉ tưởng tượng đến đây, trung úy Brian đã biết mình không có đủ can đảm tới vuốt râu từng ấy con hùm. Anh thừ người tính kế thoát khỏi tình thế hiểm nghèo. Nghĩ mãi, nghĩ mãi cuối cùng Brian cũng tìm thấy ánh sáng ở cuối đường hầm, tìm thấy cứu tinh: thẩm phán Flint, người có bức ảnh treo ở chỗ dễ thấy nhất trên bức tường trưng bày ảnh.Trung úy đã nhiều lần gặp ông thẩm phán để phối hợp công tác, hai người không những đã quen biết nhau mà còn có thiện cảm với nhau. Điều tra vụ án mạng qua thẩm phán Flint tuy không dễ nhưng đây là phương án khả thi duy nhất.

Trung úy Brian thu hết can đảm khi bước qua cánh cửa bọc da của văn phòng vị thẩm phán hàng đầu trong thành phố. Thẩm

phán Flint rời khỏi ghế, đứng lên niềm nở tiếp Brian. Ông đã trạc lục tuần, người cao lớn, dáng oai vệ nhưng lần nào gặp trung úy ông vẫn tỏ vẻ thân mật.

– Anh bạn thân mến! Lâu lắm chúng mình không gặp nhau rồi đấy. Quên ông bạn già này rồi chăng? Nào, mời ngồi… Vụ án nào đưa anh tới đây thế?

Trung úy cảnh sát rụt rè ngồi ghé vào mép ghế phôtơi, hít một hơi thật dài rồi nói:

– Vụ Dolores Shapman vừa bị giết hại.

Thẩm phán Flint chống hai ngón tay bên phải xuống mặt bàn, miệng vẫn mỉm cười hỏi tiếp:

– Nạn nhân là người như thế nào? Anh nói tôi nghe thử…

Trung úy Brian ngớ người nhìn ông thẩm phán.Con người lâu nay anh vẫn suy tôn là hiện thân của lòng chính trực, của đạo đức trong sáng, vậy mà lại giả bộ không biết Dolores là ai. Lão này giả dối quá chừng!

Thấy trung úy ngồi im, mặt thộn ra như người chợt nhận ra mình đi lạc đường, thẩm phán Flint sốt ruột nhắc lại:

– Nạn nhân như thế nào? Nói đi chứ anh Brian.

Trung úy thầm nguyền rủa số mệnh tàn nhẫn buộc anh phải tiêu hủy sự nghiệp ngay từ ngày đầu tiên mở cuộc điều tra. Nhưng lương tâm nhà nghề khiến anh vẫn cứ đặt nhiệm vụ lên trên hết.

– Bữa nay tôi tới gặp ông thẩm phán với tư cách ông là nhân chứng trong vụ cô Dolores bị giết hại. Bởi lẽ ông là một trong những người biết rõ nạn nhân.

Flint bật khỏi chiếc ghế đang ngồi.

– Cái gì? Tôi thậm chí chưa một lần nghe nói đến cái tên của người này. Anh điên rồi ư?

Đâm lao phải theo lao, dù nguy hiểm đến mấy trung úy vẫn cứ phải tiếp tục. Anh mở cặp da, rút bức ảnh lồng khung kính có lời đề tặng.

– Mời ông thẩm phán nhìn qua thì biết.

Đến lượt thẩm phán Flint hốt hoảng. Ông líu lưỡi, lắp bắp đọc:

– "Tặng Dolores Shipman, nàng phạm tội có quá nhiều sức quyến rũ và tài năng nên tôi kết án nàng phải chịu đựng tình thương mến của tôi đến chung thân"… Trời Đất Quỉ thần ơi! Tôi không sao hiểu nổi! Thế này là thế nào?

– Có phải chữ ông đây không?

– Đúng chữ tôi. Thế mới lạ!

Ông thẩm phán níu chặt cánh tay trung úy cảnh sát.

– Anh Brian thân mến! Tôi xin lấy danh dự thẩm phán mà thề độc với anh rằng tôi không hề viết mấy lời ngu ngốc ấy. Và cũng chưa lần nào gặp thiếu phụ đó. Anh có tin tôi không?

Trung úy cảm thấy trong lòng đang xen lẫn nhiều ý nghĩ trái ngược, rối tung như mớ bòng bong. Nhưng đồng thời cũng le lói một tia hi vọng nhỏ nhoi. Lần đầu tiên anh thấy hé mở một lối thoát cho mình. Nhìn thẩm phán Flint lâu nay vẫn là thần tượng được mọi người dân thành phố ái mộ tôn sùng nhưng giờ đây chỉ là một ông già đang van vỉ cầu khẩn mình với vẻ thành thực hiện rõ trên gương mặt và qua giọng nói, trung úy cảm động đáp:

—Tin, tôi rất tin. Tuy tình hình xem ra có vẻ đầy bí ẩn, nhưng chắc chắn tôi sẽ tìm ra sự thật. Dù có phải thức trắng nhiều đêm

nhìn vào các bức ảnh đó.

– Ủa, thế ra còn có nhiều bức ảnh khác?

– Nhiều. Ảnh của tất cả những vị tên tuổi ở Boston.

Quá xúc động nên thẩm phán Flint không biết nói gì hơn khi tiễn chân trung úy cảnh sát Brian ra về, ông chỉ nói:

– Cầu Chúa che chở và giúp anh tìm ra sự thật!

Trung úy Brian không phải thức trắng nhiều đêm để khám phá bí ẩn các lời đề tặng trên các tấm ảnh. Anh đã nghĩ ra một mẹo trước đây chưa lường tới: tháo khung kính, nghiên cứu trực tiếp bề mặt các tấm ảnh. Phân tích kĩ bằng những biện pháp nghiệp vụ, trung úy kết luận: trên tất cả các tấm ảnh chỉ có duy nhất hai dấu vân tay, của Dolores và của một người thứ hai, chắc là gã phó nhòm. Những dấu tay này cũng là những dấu in khắp mọi chỗ trong căn phòng. Ngược lại, không phát hiện dấu tay bất cứ vị khách hàng nào của Dolores trên các tấm ảnh của họ. Viết lời đề tặng rồi kí tên bên dưới mà không để lại dấu vân tay là điều không thể…

Vậy là bài toán đầu tiên, bài toán hắc búa nhất đối với trung úy Brian đã có lời giải. Chính Dolores Shapman với tài xem chữ sẵn có đã bắt chước chữ viết của các nhân vật trên ảnh. Nhưng thị lấy mẫu ở đâu? Trung úy tự nhủ sẽ làm rõ điểm này. Trước mắt cần tìm ra gã phó nhòm bí ẩn rồi sẽ tính chuyện kia sau. Mỗi việc đều có thời điểm thích hợp của nó.

Gã phó nhòm chẳng phải một con người bí ẩn. Trung úy Brian dễ dàng tìm ra gã ta. Đó là Jack Crowley nhà nhiếp ảnh được tín nhiệm nhất thành phố. Tất cả các nhân vật tiếng tăm nhất đều là

khách hàng của nhà chụp ảnh chân dung rất tài ba này. Vì thế nên Jack có trong tay ảnh của tất cả bọn họ.

Bữa xẩy ra án mạng, Jack không có nhà. Anh ta đâu phải tay xoàng: đích thân chánh văn phòng phủ tổng thống gọi Jack tới Washington thực hiện một loạt chân dung tổng thống và gia đình.

Dĩ nhiên, khi Jack trở về Boston sau khi hoàn thành nhiệm vụ cao cả, trung úy Brian đã chờ sẵn ở nhà ga.

– Chào anh Jack Crowley! Xin vui lòng đi theo tôi. Tôi có tin dữ cần báo anh biết và nhiều câu hỏi cần anh giải đáp.

Đưa Jack về tới phòng làm việc của mình trung úy mới cho Jack biết tin người tình của gã đã bị giết. Gã phó nhòm tái mét mặt, không cầm nổi nước mắt tuôn ra, luôn tay vò nát chiếc khăn tay lụa rồi thổn thức:

– Mong trung úy thứ lỗi. Vụ này quá bất ngờ, quá khủng khiếp!

Trung úy Brian miễn cưỡng:

– Tôi thông cảm, chia sẻ nỗi đau buồn của anh… Nhưng anh cũng phải thông cảm với tôi: tôi cần hỏi anh để biết rất nhiều điều, hơn nữa tôi sẽ tỏ ra tọc mạch nữa cơ…

Phó nhòm Jack ngẩng đầu nhìn trung úy, tỏ vẻ kiên quyết:

– Tôi sẽ làm hết sức mình tiếp tay trung úy tìm ra kẻ giết hại Dolores Shapman.

– Rất cảm ơn, Jack Crowley! Anh đã đưa những bức ảnh đó cho Dolores nhằm mục đích gì?

– Trước hết xin nói để trung úy biết Dolores là con người như thế nào. Chắc trung úy đã biết cô ấy sang đây từ bốn năm nay sau khi bố mẹ cô ấy bị giết. Sang đây hòng thay đổi môi trường sống, có

điều kiện làm lại cuộc đời. Sẵn có tiền trong tay cô ấy theo học khoa chiết tự và rất thành công… Dolores có năng khiếu về môn này. Cô tin chắc với tài đó cô sẽ có cuộc đời tốt đẹp. Nhưng chẳng có điều gì suôn sẻ đến với cô ấy Jack thở dài não nuột.

– Tôi gặp Dolores vào thời điểm đó. Giữa lúc cô ta đang tuyệt vọng vì toàn gặp xui xẻo trong làm ăn.

Không có khách, vì phường cô ấy sống ở Boston là một phường gồm toàn những người giầu sang, sống theo những nguyên tắc chặt chẽ, không có lòng nhân ái, khoan dung. Họ biết rõ tung tích cô ta nên tuy Dolores cũng khá giầu có nhưng mọi người vẫn coi cô chỉ là con tên tướng cướp Bob Shapman.

Trung úy Brian hơi sốt ruột.

– Khỏi kể lể về người dân Boston. Tôi hiểu rõ họ không kém gì anh. Hãy đi thẳng vào vấn đề chính.

Gã phó nhòm buồn rầu nhìn trung úy.

– Những gì tôi vừa nói chính là chìa khóa của vụ án mạng này. Có lẽ vì muốn chuộc lại những lỗi lầm trong quá khứ tuy không phải do cô ấy gây ra nên cô ấy có tham vọng rất lớn về mưu cầu danh giá, rất thiết tha hội nhập vào xã hội thượng lưu của thành phố. Cô nghĩ ra mẹo dùng các bức ảnh. Trong khi tôi là người quen biết tất cả bọn họ, do nghề nghiệp của tôi lâu nay. Ông trung úy hiểu chứ?

– Hiểu. Dolores làm cách nào để giả mạo chữ kí của họ?

– Rất đơn giản. Tôi đưa cho cô ấy các tấm séc họ trả tiền công tôi chụp ảnh. Thế là đủ để cô ấy viết những lời họ đề tặng y như thật trên các tấm ảnh. Mẹo của cô ấy rất ăn tiền. Từ sau đó rất đông khách hàng tới lui. Nhưng theo tôi biết thì Dolores chủ yếu

không nhằm kiếm tiền mà cần những ảo tưởng. Ngắm mãi các tấm ảnh, đọc mãi những lời đề tặng ngọt lịm cuối cùng chính cô cũng tin đó là sự thật.

Trung úy cảnh sát Brian lạnh lùng nhìn thẳng vào mắt gã phó nhòm.

– Jack Crowley! Anh đã đi Washington đúng vào ngày Dolores bị giết?

Jack hình như hơi chột dạ.

– Vâng, chắc ông trung úy cũng biết bữa đó tôi có đơn đặt hàng của nhà nước.

Mắt gã chợt ánh lên sắc lẻm như ánh dao cạo.

– Trung úy hãy tin tôi. Tôi không giết Dolores và có thể giúp trung úy tóm cổ tên sát thủ.

– Bằng cách nào, nói nghe thử?

– Tôi biết rất kĩ ngôi nhà đó. Còn ông trung úy thì chi biết những gì ông vừa trông thấy. Giả sử có đồ vật nào bị lấy đi liệu ông trung úy có biết không?

Jack Crowley rút trong ví một tấm ảnh.

– Tôi chụp Dolores đứng trước bức tường trưng bày các tấm chân dung. Theo ông trung úy, trên tường có bao nhiêu tấm ảnh?

Trung úy Brian Clifton đã thuộc lòng con số.

– Bốn mươi chín.

Jack dùng ngón tay đếm trên tấm ảnh gã vừa lấy ra cốt để Brian nhìn theo.

– Thưa trung úy, có tất cả vừa tròn năm chục cơ đấy. Ít ra cũng trước khi hung thủ lấy đi tấm ảnh chụp nó!

Vài giờ sau trung úy cảnh sát Brian ngồi trong phòng làm việc của Francis Miller giám đốc ngân hàng tư nhân Miller & Miller. Ông ta là một nhân vật rất quan trọng đang vận động tranh cử ghế thượng nghị sĩ và hạ gục vị thượng nghị sĩ đương nhiệm. Ảnh ông Miller tuy có trong tấm do Jack Crowley chụp, nhưng sau khi xẩy ra án mạng thì biến mất tăm, không hiểu tại sao, bằng cách nào.

Francis Miller tiếp trung úy Brian rất niềm nở. Người muốn nhận được nhiều phiếu bầu tất nhiên phải niềm nở với cử tri, đặc biệt với các cử tri cảnh sát.

– Rất sung sướng được tiếp trung úy. Ông cần tôi giúp gì, xin cho biết.

Trung úy quyết định đánh đòn phủ đầu thật mạnh.

– Có đấy. Tôi đang cần ông cho biết ông làm gì ngày 16 tháng Hai, lúc mười giờ ba mươi phút, thời điểm cô Dolores Shapman bị giết chết?

Đòn hiểm đã trúng đích. Vị chủ ngân hàng ứng viên thượng nghị sĩ lúng búng không ra hơi:

– Nhưng… Có chuyện gì…? Sao ông lại hỏi tôi…?

Lúc này trung úy Brian đã có đủ can đảm đặt câu hỏi mà lúc sắp mở cuộc điều tra anh nghĩ mình sẽ không dám nêu ra:

—Thưa ngài Miller, mong ngài vui lòng nhúng ngón tay vào hộp mực này rồi ấn lên tờ giấy này. Chắc ngài thừa biết tên hung thủ đã lấy đi tấm ảnh chụp nó treo trên tường nhà nạn nhân Dolores và xóa hết mọi dấu vết. Tất cả, trừ một dấu tay bỏ sót dưới mặt bàn.

Thế nào, ông Miller? Ông vui lòng nhúng tay vào hộp mực chứ?

Nhà tỉ phú biết khó thoát nên phải cúi đầu nhận tội.

—Tôi có nghe nói nhiều về tài đoán chữ của cô Dolores Shapman và tham vọng về địa vị xã hội của cô ta. Tôi đến thương lượng làm ăn với cô ấy. Thương lượng như thế này: nếu Dolores bắt chước chữ ông thượng nghị sĩ đương nhiệm để viết những lời làm mất thanh danh ông ta, tôi sẽ mở đường cho cô ấy vào thế giới thượng lưu.

Francis Miller ôm đầu gục xuống.

– Khốn nỗi tôi không hiểu rõ bản chất cô ta. Một ả khùng. Ả dám hù dọa tôi, vâng, ả đã hù dọa tôi. Ả lật ngược vấn đề, nói sẽ không giả mạo chữ ông thượng nghị sĩ kia mà sẽ giả mạo chữ tôi nếu tôi không giới thiệu và bảo lãnh ả gia nhập cộng đồng những người có vai vế ở Boston. Thế là hai người đánh lộn. Điên tiết lên, tôi không còn đủ sáng suốt nữa. Vớ được bức tượng đồng trên bàn, tôi…

Trung úy cảnh sát Brian Clifton khoái chí mỉm cười. Cuộc điều tra đầy rủi ro nguy hiểm đã kết thúc, cấp bậc trung úy của anh vẫn vững như đinh đóng cột, hơn nữa, tiền đồ thăng tiến của anh càng được củng cố hơn bao giờ hết. Anh liếc mắt lên bàn làm việc của vị chủ ngân hàng, nhìn những trang viết của nhà tỉ phú rải đầy mặt bàn. Trung úy kết luận:

– Xét cho cùng, Dolores Shipman tuy giỏi khoa chiết tự nhưng cũng đã phạm một sai lầm lớn khi hành nghề: không đoán ra nét chữ của ông là chữ của kẻ giết người.

Vụ lừa gây bạo loạn

Đêm khuya, mưa tuyết dầy đặc, vậy mà một chiếc xe hơi vẫn phóng nhanh trên quốc lộ số 6, từ Paris chạy về phía nam. Người ngồi ghế bên cạnh tay lái trạc hơn tứ tuần, trông vẻ cũng khá: nhỏ nhắn, mặt mày nhẵn nhụi, đôi mắt đen tinh nhanh, miệng rất biểu cảm. Anh ta quay sang người cầm lái:

– Nhanh nữa!

– Tôi cố hết mình rồi đó. Đường xá đóng băng thế này thì…

Quả thật mặt đường phủ một lớp váng băng trơn tuột, chạy xe thế này rất nguy hiểm. Xe chạy một quãng dài vẫn không thấy có bóng người. Cũng dễ hiểu: tối nay đã 24 tháng Chạp năm 1933, lễ đón Noel, nếu không có việc quá gấp thì chẳng ai dại gì lao xe trên đường.

Việc gấp của hai người trên xe là như thế này: trong ngày, cảnh sát đã phát lệnh truy nã tên tội phạm đang chạy trốn.

LỆNH TRUY NÃ! CẦN TRUY NÃ TÊN SACHA STAVISKY, TỨC ALEXANDRE SERGE, SINH NGÀY 20 THÁNG MƯỜI MỘT NĂM 1886 Ở SLOBODKA (NGA). YÊU CẦU TÍCH CỰC TÌM KIẾM, NẾU PHÁT HIỆN RA HẮN HOẶC CÓ NHỮNG THÔNG TIN GIÚP TRUY TÌM HẮN XIN HÃY BÁO NGAY CHO GIÁM ĐỐC CẢNH SÁT HÌNH SỰ. NẾU AI BIẾT BẤT CỨ THÔNG TIN NÀO MÀ KHÔNG BÁO CẢNH SÁT SẼ BỊ LIÊN ĐỚI TRÁCH NHIỆM!

Đối với Stavisky nhiều năm nay đổi tên thành Serge Alexandre giờ phút này quả là nghiêm trọng. Trước mắt không có cách nào khác: tìm nơi lẩn trốn, rồi sẽ tính sau. Để tìm nơi trốn, gã cầu cứu tên bạn thân René Pigaglio. Tên này nghĩ ngay tới việc chở Stavisky về một trại hè vẫn bỏ trống khi mùa đông tới, ở làng Servoz vùng Savoie.

Đường càng lúc càng trơn, khó chạy xe, hai gã đành bỏ xe lên tàu hỏa đi tiếp chặng đường còn lại. Nhưng khi tới được Servoz thì lại gặp trở ngại khác: trại hè quá trống trải ngập trong tuyết không sao trụ nổi. Phải tìm thuê một biệt thự vậy. May sao một người trong làng, bà Dussay đang có ngôi nhà nghỉ "Argentières" chưa sử dụng tới. Bà bằng lòng cho thuê trong mấy ngày nghỉ lễ Noel.

René Pigaglio lo thu xếp mọi việc, Stavisky không lộ mặt. Sau khi René đã thỏa thuận xong mọi điều kiện với chủ nhà, gã mới chui vào phòng khóa chặt cửa. Hai khách trọ yêu cầu chủ nhà bảo bác làm vườn nấu nướng rồi bày sẵn lên bàn ăn, không được tiếp xúc với khách.

Những biện pháp đề phòng này hơi lộ liễu, nhưng tình thế buộc phải thế. Lúc này các cửa khẩu dọc biên giới, các hải cảng sân bay đều bị kiểm soát chặt. Trên toàn nước Pháp, hàng ngàn lính sen đầm và nhân viên cảnh sát, an ninh đang sục sạo khắp nơi. Vụ án rất nghiêm trọng, cực kì nghiêm trọng. Gần như một quốc gia đại sự.

Alexandre Stavisky, gọi tắt là Sacha, là con một người Do Thái gốc Nga bỏ ra nước ngoài định cư rồi xin nhập quốc tịch Pháp năm 1900. Ngay từ nhỏ, gã đã tỏ ra có đầy đủ mọi thói hư tật xấu của kẻ bất lương. Bố là nha sĩ, gã bắt đầu sự nghiệp bằng việc chôm vàng

làm răng giả cho khách trong tủ của bố. Mười bẩy tuổi, gã thôi học ở trường để chuyển sang học thói dâm dật của các bà hơn tuổi.

Năm 1908, Alexandre Stavisky hai mươi hai tuổi. Đây cũng là tuổi gã thực hiện thành công quả lừa lớn đầu tiên trong đời, với sự tiếp tay của Abraham Stavisky ông nội gã, người có lẽ đã truyền dòng máu bất lương sang gã ta. Tháng Tám năm đó hai ông cháu kí hợp đồng thuê rạp hát FoliesMarigny trong một tháng, tuyển dụng một đội ngũ nhân viên đông đảo gồm nghệ sĩ, diễn viên, nhạc công, kĩ thuật viên ánh sáng v.v… Mỗi người phải kí quĩ một khoản tiền mặt. Gần hết hạn hợp đồng thuê rạp, hai ông cháu biến mất, ẵm theo mười hai ngàn frăng.

Quả lừa đổ bể. Alexandre ra tòa năm 1912, khi ông nội gã đã chết. Gã mướn luật sư Albert Clémenceau, em trai thủ tướng Georges Clémenceau đứng ra bào chữa cho gã. Ngay từ đầu gã đã linh cảm được một điều rất quan trọng: có ô dù trong giới cầm quyền sẽ dễ thoát khỏi lưới pháp luật. Quả nhiên gã chỉ bị kết án có mười lăm ngày tù được hưởng án treo, nộp phạt hai mươi lăm frăng, sau khi đã đút túi mười hai ngàn frăng!

Thế chiến bùng nổ. Stavisky bị động viên, nhưng tháng Giêng 1915 được xuất ngũ. Hơn nữa, do đã phục vụ trong đơn vị chiến đấu nên được hưởng chế độ mặc nhiên đặc xá. Nhờ vậy trong lúc nhiều người khác gục chết trên chiến trường thì gã lại có trong tay một bản lý lịch tư pháp hoàn toàn trong sạch để thực thi nhiều mánh vớ bở: tiêu thụ séc giả, buôn lậu ma túy, làm sếp sòng bạc lậu thuế, lập công ty ma để lừa gạt. Tất nhiên không tránh khỏi bị nạn nhân khiếu kiện, bị nhà chức trách truy tố nhưng lần nào gã cũng được trắng án. Có lẽ ngay từ hồi đó gã đã có những ô dù loại cao cấp.

Chỉ riêng cơ quan cảnh sát không bị gã tung hỏa mù. Họ đã ghi nhận về gã như sau: “Alexandre Stavisky là điển hình của bọn gian xảo có thể làm bất cứ chuyện bất lương nào. Hắn sử dụng rất khôn khéo các mối liên hệ do hắn thiết lập trong rất nhiều giới khác nhau”.

Nhưng như người đời vẫn nói: “Đi đêm ắt có ngày gặp ma”. Năm 1926, Stavisky bị tóm cổ sau vụ đánh cắp cổ phiếu trong một sở giao dịch chứng khoán. Cảnh sát trưởng Pachot người mất rất nhiều công sức đuổi bám vô ích Stavisky trong nhiều năm tưởng đã rửa được hận. Nhưng đúng bữa phải ra trước viên dự thẩm để khai cung, Alexandre Stavisky bốc hơi ngay trong phòng ông ta. Chắc cũng nhờ có tay trong giúp sức.

Người cha của gã lúc này đã già, tới gặp cảnh sát xin nộp một triệu frăng tức toàn bộ tài sản của ông ta để bồi thường các khoản trộm cắp của con. Cảnh sát từ chối kiểu dàn xếp bất hợp pháp này. Staviskybố quá tuyệt vọng bèn tự sát.

Cảnh sát trưởng Pachot nhất quyết không buông tha con mồi. Được một đặc tình chỉ cho biết tên gian đang ẩn náu trong một biệt thự lộng lẫy ở MarlyleRoi, ngày 28 tháng Bẩy 1926 Pachot tổ chức một cuộc bố ráp đại qui mô đúng lúc Stavisky đang mở tiệc có cả tình nhân Arlette Simon người mẫu thời trang của hãng Chanel tham dự. Cùng bị bắt với Stavisky có mười thực khách tới dự tiệc, riêng Arlette vẫn được tại ngoại vì đang mang thai.

Lần đầu tiên Alexandre Stavisky phải vào nhà đá ngồi mười tám tháng chờ ra tòa. Nhưng ngày 22 tháng Mười hai 1927 gã được trả tự do vì “có khối u trong ổ bụng”. Mười lăm ngày sau gã cưới Arlette Simon đã sinh một con trai, sau này sẽ sinh tiếp một con

gái với gã. Phiên tòa xét xử Stavisky sẽ không bao giờ có. Chỉ tính từ 1926 đến 1933 gã được tới mười chín lần hoãn xử, vì có ô dù ở bộ Tư pháp trong đó có luật gia André Hesse nghị sĩ quốc hội, cựu bộ trưởng. Có thể có cả trong tòa án Paris. Vì thế mặc dầu cảnh sát trưởng Pachot đệ trình nhiều báo cáo về tội lừa đảo của Stavisky nhưng các vị có trách nhiệm chính của tòa đều nhắm mắt làm ngơ…

Trong khi đó Stavisky biến mất tăm, không ai nghe nói tới gã nữa. Đồng thời xuất hiện một nhân vật mới trong giới thượng lưu và giới tài chính: Serge Alexandre.

Từ nay tên đại bịp Stavisky núp dưới cái tên mới này để đánh quả, những quả lớn gấp bội ngày trước, và thành công ngay quả đầu tiên. Biết quĩ Tín dụng thành phố Orléans được quyền phát hành tín phiếu bảo đảm bằng đá quí, Serge Alexandre bèn lập ra "Công ty Nữ trang", đưa giám định những viên lục ngọc thứ thiệt rồi đánh tráo bằng thứ giả khi quĩ Tín dụng cho vào két. Giám đốc quĩ cứ thế cho phát hành tín phiếu được bảo đảm bằng đồ ve chai! Serge Alexandre còn cho ra đời một loạt doanh nghiệp với những tên rất kêu, có sự tham gia của nhiều nhân vật tên tuổi. "Doanh nghiệp Xây dựng Công ích" với chủ tịch hội đồng quản trị là Hudelo cựu giám đốc sở cảnh sát, "Doanh nghiệp Lắp đặt Nông cơ", "Doanh nghiệp Chỉnh trang phường La Muette". Cố vấn cho Serge Alexandre thành lập các doanh nghiệp là René Renoult cựu bộ trưởng bộ Tư pháp. Gã mua hẳn một tờ báo làm cơ quan ngôn luận và quảng cáo: tờ Ý Chí.

Quả lừa ở Orléans được Serge Alexandre lặp lại ở Bayonne với qui mô lớn hơn. Gã thuyết phục thị trưởng mở hiệu cầm đồ của thành phố do Teissier tay sai thân tín của gã làm chủ. Cũng như ở

Orléans, các tín phiếu đều được bảo đảm bằng đá quí dỏm: chiếc nút bình nước bằng pha lê đáng giá một ngàn rưỡi frăng được định giá tới sáu trăm ngàn frăng v.v… Vậy mà bộ trưởng bộ Lao động và Thương mại Dalimier còn viết trên báo ca ngợi sáng kiến của thị trưởng Bayonne: "Gửi tài sản vào đây quả là an toàn. Tôi tin chắc cơ quan chính quyền và các hội đồng quản trị, nhất là trong vùng Bayonne sẽ nồng nhiệt tiếp nhận dịch vụ này." Ngoài bộ trưởng, còn có nhiều nhân vật tai to mặt lớn khác lên tiếng ủng hộ, tướng có, đại sứ cũng có. Do đó, các cá nhân các tổ chức chen nhau đổ xô tới mua tín phiếu. Một mình công ty bảo hiểm "Tin Cậy" đã đăng kí tới hai trăm ba mươi tám triệu tín phiếu.

Serge Alexandre và vợ Arlette giầu to và trở thành một trong những ngôi sao sáng của Paris. Chúng tậu một căn hộ ở Claridge, một biệt thự ở Vaucresson, một lò ngựa đua, một rạp hát, cặp kè bên nhau đi du lịch khắp các tụ điểm ăn chơi nổi tiếng…

Tuy nhiên, không phải ai cũng mù cả, nhất là cảnh sát trưởng Pachot. Anh liên tiếp gửi tràn ngập tòa án Paris bằng dòng thác những báo cáo vạch mặt Serge Alexandre đích thị là Stavisky. Nhưng không hiểu vì sao tất cả các báo cáo của anh đều biến mất.

Thực hiện thủ đoạn lừa bịp kiểu này, tên gian bao giờ cũng ở trong tình thế phải càng ngày càng dấn sâu hơn vào tội lỗi. Vì sớm muộn cái tổ con chuồn chuồn cũng lộ mặt, tên gian buộc phải bồi thường cho vụ đổ bể này bằng kết quả lừa đảo trong một vụ khác lớn hơn. Do đó Serge Alexandre dự tính đánh một quả cực kì táo tợn mà cũng trúng cực kì lớn, nhằm vào những phiếu bồi thường chiến tranh cho các điền chủ Hungaria bị tước đoạt. Nhưng cần được phép của chính phủ mới có thể làm ăn bên ngoài nước Pháp. Gã làm đơn xin phép, nhưng bị từ chối.

Họa vô đơn chí: cùng lúc đó quả lừa ở Bayonne bị phanh phui. Một công ty bảo hiểm đứng đơn khiếu kiện. Giám đốc tiệm cầm đồ Teissier bị bắt và khai nhận hết. Nhưng hắn cũng đã kịp báo động Stavisky bằng cú phôn cộc lốc:

– Bọn ta tiêu đời rồi!

Stavisky là kẻ đa mưu túc kế. Ngày 24 tháng Chạp 1933 xảy ra một tai nạn tàu hỏa khủng khiếp ở gần Lagny làm hai trăm người chết. Được tin, gã tới gặp ngay một người quen là thanh tra cảnh sát Bonny, đề nghị nhét chứng minh thư của gã vào xác một nạn nhân không thể nhận dạng được nữa hòng làm mọi người tưởng gã đã tử nạn. Bonny từ chối. Anh ta biết gió đã đổi chiều…

Không còn đường nào khác Alexandre Stavisky đành nghe theo René Pigaglio, một trong những tên lâu nay vẫn quay quanh quĩ đạo của gã: chạy về trốn ở trại hè Servoz…

Chui rúc trong nhà nghỉ "Argentières", tên đào tẩu Stavisky vô cùng buồn chán. Hắn đã sai René Pigaglio trở về Paris xoay ít tiền nên chỉ còn một mình ru rú trong phòng, liên lạc với bác làm vườn bằng những mảnh giấy luồn qua khe cửa… Mãi bác ta cũng sinh nghi: ông khách trọ này sao kì cục, không thò mặt ra ngoài một lần nào?

Bác báo cảnh sát.

Đúng lúc đó René Pigaglio từ Paris trở về cùng với Henri Voix một tên đàn em và ả nhân tình Lucette. Cả bọn chúng cùng với Stavisky đã đánh hơi thấy hiểm họa nên kéo nhau đi tìm nơi ẩn náu khác. Chúng dừng chân ở Chamonix, trong ngôi nhà nghỉ mang tên "Chốn Cũ". Nấp kín trong đó nhưng Stavisky không hề

ảo tưởng: báo chí toàn nói về hắn. Buồn nhớ vợ con gã cắt hình Arlette trên báo dán khắp các bức tường.

Cảnh sát vồ hụt Stavisky ở Servoz nhưng đã tìm ra dấu vết gã. Cảnh sát trưởng Charpentier phụ trách phá án được tin báo: một chiếc hòm gỗ ghi hai chữ S.A. vừa được gửi tới Chamonix. Ngày 8 tháng Giêng anh được tin cam đoan Stavisky Alexandre đang ẩn náu ở "Chốn Cũ"…

Lúc mười bốn giờ, vòng vây sen đầm xiết chặt ngôi nhà. René Pigaglio, Henri Voix và ả Lucette đi mua sắm chưa về. Cảnh sát trưởng Charpentier mở khóa cửa, vào cùng với ông chủ nhà Chatou. Nhà chỉ có một tầng trệt trống vắng không người và một phòng khóa chặt cửa. Cảnh sát trưởng không tìm cách mở cửa mà quay lại bảo một thanh tra đi cùng chủ nhà Chatou xuống sục sạo dưới tầng hầm. Chẳng biết họ sục sạo kĩ tới mức nào mà mất những một tiếng rưỡi đồng hồ! Khi hai người quay lên, họ thấy Charpentier vừa gác máy sau khi nói chuyện với Paris. Cảnh sát trưởng tới đập cửa căn phòng. Bên kia cửa có tiếng hỏi:

– Ai?

– Nhân danh pháp luật, tôi ra lệnh mở cửa!

Thay vì tiếng trả lời, một phát súng vang lên chát chúa. Hai lính sen đầm đập vỡ một ô kính nhẩy vào mở tung cửa chính. Cảnh tượng thật hãi hùng: Stavisky nằm trên tấm thảm trải chân giường, sọ vỡ tung, máu chảy thành vũng. Bên cạnh có khẩu súng cỡ 6, 35, trên bàn ngủ đặt lá thư tuyệt mệnh gửi Arlette.

"Vợ yêu quí của anh,

Anh những muốn tạo cho em một cuộc sống vật chất đầy đủ hơn nhưng không được. Em rất can đảm nên có thể buôn bán nhì

nhằng để kiếm sống và nuôi dạy hai con cho đàng hoàng. Khi nghĩ rằng mình đã từng có biết cơ man của cải nhưng lại để em trong cảnh khốn khó như vậy, anh càng muốn biến đi cho rồi đời…"

Vụ này gây ồn ào dữ dội trong công luận. Tờ Hành động Pháp công bố lá thư của bộ trưởng Lao động và Thương mại Dalimier khuyến khích mua tín phiếu ở Bayonne. Bộ trưởng Dalimier phải từ chức, kéo theo toàn bộ nội các Chautemps.

Xicăngđan càng ngày càng phát triển mạnh. Một nghị sĩ đại biểu quốc hội ở Paris bị cáo buộc nhận của Stavisky mỗi tháng năm trăm ngàn frăng. Nhiều nghị sĩ khác cũng đã nhận tiền hối lộ của gã: thị trưởng Bayonne, ba bốn nghị sĩ khác, thượng nghị sĩ René Renoult. Báo chí còn đăng tải lá thư của chủ tịch danh dự hội đồng nhà nước gửi cho Stavisky than phiền không nhận được tiền thù lao xứng đáng.

Số tiền bị tên bịp chiếm đoạt qua các quả lừa của hắn lớn quá sức tưởng tượng. Chỉ riêng quả lừa ở Bayonne đã mang vào tay hắn một trăm sáu chục triệu frăng. Nếu đề án Hungaria được duyệt, hắn có thể vớ số tiền lớn gấp năm lần…

Gây ồn ào còn ầm ĩ hơn là câu hỏi: có đúng Stavisky đã tự sát? Không mấy ai tin điều này. Tờ Le Figaro khi đưa tin về thảm kịch đã viết bài dưới tựa đề: "Một cái chết rất hợp thời". Tờ Con Vịt châm biếm: "Stavisky tự sát bằng phát đạn bắn vào đầu từ khoảng cách ba mét. Thế mới biết thế nào là có cánh tay dài!"

Đòn châm biếm rất cao thủ, nhưng không đúng sự thật: phát đạn không bắn từ cách xa ba mét mà ngay sát sạt! Thực ra thì điều khiến công luận nghi ngờ là đường đi của viên đạn. Kết quả khám nghiệm cho thấy Stavisky nổ súng khi đang ngồi. Nhưng trong

phòng không có chiếc ghế nào. Mặt khác, cô vợ Arlette thề thốt cam đoan gã không hề có súng. Tất nhiên lời khai này không được nhà chức trách coi trọng. Xét sâu vào sự việc, điều đáng ngờ nhất là thái độ của cảnh sát. Tại sao cảnh sát trưởng Charpentier tách ông chủ nhà ra khỏi phòng, đẩy ông ta xuống tầng hầm trong một tiếng rưỡi? Rõ ràng anh ta lợi dụng thời gian ấy để xin chỉ thị ở Paris. Cấp trên đã chỉ thị những gì? Không ai biết.

Dù sao, sau khi xét kĩ mọi tình tiết, khó có thể bác bỏ khả năng Stavisky tự sát. Căn phòng xảy ra bi kịch đúng là đóng kín khi Charpentier đập cửa. Bên trong đúng là có người hỏi "Ai?", sau đó có tiếng súng. Nếu không phải Stavisky bắn thì ai bắn? Kết luận: dù có những chi tiết không rõ ràng, dù cách tự xử này không phù hợp tính cách của tên đại bịp vô liêm sỉ, nhưng không có lý lẽ nào đủ vững chắc để bác bỏ khả năng Stavisky đã tự sát. Gã thấy rõ không sao thoát khỏi bị trừng phạt nên đã chọn con đường biến đi, như trong thư để lại cho vợ…

Alexandre Stavisky chết rồi, nhưng vụ Stavisky mới chỉ bắt đầu. Đây là một sự kiện rất quan trọng trong lịch sử nước Pháp.

Năm 1933 tình hình kinh tế Pháp sa sút nghiêm trọng. Nước Pháp không bị ảnh hưởng cuộc đại suy thoái năm 1929 vì nền kinh tế quá yếu, giờ đây đến lượt nó bị quất một đòn nặng. Những vụ phá sản, vỡ nợ hàng loạt xảy ra khắp nước, công nhân thất nghiệp, người lao động đói khổ, dân tình bất an. Ngay các tầng lớp trung lưu cũng bị đòn đau. Những người bất mãn tập hợp trong mặt trận truyền thống của bọn cực hữu gồm một bộ phận giáo hội, bọn cựu binh sĩ và một lô một lốc những tên quá khích cực đoan: bọn bảo hoàng, bọn đang mong xảy ra những sự kiện như bên kia sông Rhin (Đức) hoặc bên kia dãy Alpes (Ý).

Tất cả những phe phái ấy đều cần có một cái cớ, một ngòi nổ, một bung xung: đó chính là Stavisky. Gã là người Do Thái, bị một số kẻ coi là tiêu biểu cho một giống người "vô đạo vô lương vô tổ quốc, chỉ biết có đồng tiền". Một bộ phận người Pháp cho mọi người Do Thái đều là Stavisky tất. Y hệt trong vụ đại úy Dreyfus hồi cuối thế kỉ XIX, một không khí đầy căm thù tràn ngập trên mặt các báo.

Hơn nữa, Stavisky không phải là thủ phạm duy nhất. Đồng lõa với hắn là cả một dây dài các chính khách đã bao che, tiếp tay cho hắn, tuyệt đại đa số là người của đảng cấp tiến, nhiều người là hội viên Tam điểm. Do đó vụ bê bối này là thời cơ để phái hữu thanh toán mối hận xưa. Chúng dựng đứng cái gọi là "âm mưu phản loạn của bọn Do Thái liên kết với hội Tam điểm".

Ngày 6 tháng Hai 1934, các bè đảng cánh hữu tổ chức mít tinh tại quảng trường La Concorde nhằm lật đổ chế độ. Chúng hét vang những khẩu hiệu "Nước Pháp của người Pháp!" và "Đả đảo bọn ăn cắp!" Ẩu đả xảy ra, hai mươi người chết, hai ngàn người bị thương.

Nhưng hậu quả của sự kiện ngày 6 tháng Hai lại ngược hẳn với dự tính của bọn chủ mưu. Trước hiểm họa đe dọa sự tồn vong của chế độ, cánh tả nhanh chóng tập hợp lực lượng, tiến hành phản công. Những người cộng sản và xã hội đoàn kết chặt chẽ giành thắng lợi lớn trong cuộc bầu cử năm 1936. Vụ Stavisky trở thành một trong những nguyên nhân dẫn tới Mặt trận Bình dân.

Cánh hữu không cam chịu thất bại. Chúng sẽ phản kích khi nước Pháp bị phát xít Đức chiếm đóng. Vụ Stavisky trở thành một nhân tố gây nội chiến đã đầu độc cuộc sống người dân Pháp trong suốt hai chục năm.

Bà khách sộp

Màn 1

Giữa một sáng mùa hè năm 1939, thiếu phụ rất sang trọng có vẻ đẹp rất kiêu sa bước vào cửa hàng vàng bạc lớn nhất nhì thủ đô Paris, tạm gọi là cửa hàng Crussol. Chỉ nhìn dáng đi của thiếu phụ cũng có thể đoán biết đây là một quý bà thượng lưu quí phái. Vì thế chủ cửa hàng vội vàng chạy ra nghênh tiếp, ân cần đón ý khách muốn mua gì.

Thiếu phụ trẻ tự giới thiệu qua loa:

– Tôi là Rosel vợ giáo sư Alexandre Rosel.

Đương nhiên người chủ cửa hàng vàng bạc chẳng lạ gì vị giáo sư bác sĩ khoa tinh thần kinh kiêm phẫu thuật viên nổi tiếng khắp nước này. Thiếu phụ tiếp:

– Chúng tôi sắp kỉ niệm mười năm ngày làm lễ cưới. Chồng tôi định mua tặng tôi một chuỗi hạt kim cương, nhưng muốn để tôi được tự chọn món nào ưng ý nhất. Tôi không quan tâm tới giá cả lắm đâu, nhưng tất nhiên không muốn làm chồng tôi bị khánh kiệt vì món quà này.

Fernand Crussol, chủ cửa hàng vàng bạc đá quí càng cười tươi hơn, vẫy tay gọi nhân viên bưng tới vài mâm bọc nhung đỏ bày mấy món nữ trang tuyệt đẹp phóng ra những tia sáng rực rỡ lóa mắt.

Sau một giờ ngắm chọn, ướm thử, thiếu phụ đã tìm được thứ vừa ý, nàng mỉm cười khẽ hỏi chủ cửa hàng giá món đồ vừa chọn. Fernand Crussol xuýt xoa ca ngợi sự tinh tế của vị khách trong nghệ thuật trang điểm và tỏ ý tiếc: chuỗi kim cương tuy đắt giá và cực kì đẹp nhưng cũng chưa xứng với vẻ kiều diễm của nàng. Thiếu phụ nhún vai, nói:

– Trước khi quyết định dứt khoát có mua hay không, tôi cần hỏi qua chồng tôi đã. Tôi ưng là một chuyện, còn phải xem chồng tôi có đồng ý không. Tôi đề nghị: trong vài ba ngày tới, ông mang đến tận nơi cho giáo sư coi. Tôi sẽ phôn cho ông biết giờ giấc thích hợp.

Ông Crussol trịnh trọng tiễn chân vị khách ra về. Ông kính cẩn nghiêng mình chào khách, liếc nhìn thiếu phụ bước lên chiếc xe lộng lẫy do một tài xế bận đồng phục trắng toát lái đi.

Màn 2

Vài giờ sau, thiếu phụ đó tới xin gặp giáo sư Alexandre Rosel tại phòng mạch của ông. Ngay lập tức giáo sư bị người đẹp hớp hồn. Kiểu cách trang phục, mùi nước hoa, các đồ nữ trang trên người nàng, chiếc mũ nàng đội đầu, chiếc xắc nàng cầm trên tay, tất cả đều hoàn hảo đều tuyệt mỹ khiến giáo sư bần thần cả người.

Thiếu phụ ỏn ẻn giải thích lý do đưa nàng tới:

– Em là vợ Fernand Crussol, chủ cửa hàng vàng bạc đá quí chắc giáo sư có biết qua. Em rất lo lắng cho sức khỏe anh ấy. Chúng em xây dựng với nhau đã lâu, nhưng giờ đây em mới nhận ra một sự thật phũ phàng: công việc kinh doanh ám ảnh chồng em tới mức trùm lấp hết cuộc sống riêng tư của hai vợ chồng. Suốt ngày suốt đêm anh ấy chẳng nói gì khác với em ngoài chuyện đã bán được

thứ này, sắp bán thứ kia và đang mơ ước bán tiếp những gì… Những bạn bè thân thiết nhất cũng bắt đầu xa lánh chúng em, vì ngay trong các cuộc vui anh ấy cũng luôn mồm chào bán hết món nữ trang này đến món kia cho họ. Em thật khó có thể kham nổi tình thế này…

Nước mắt lưng tròng, thiếu phụ van vỉ:

– Mong giáo sư rủ lòng thương, cho chồng em tới gặp giáo sư trong một ngày nào gần đây để giáo sư cho ý kiến xem có cần điều trị không?

Giáo sư Alexandre Rosel xem sổ hẹn, cho biết hai hôm sau thiếu phụ có thể đưa chồng tới để giáo sư khám bệnh. Một ân huệ đặc biệt do giáo sư chiếu cố địa vị xã hội, nhân cách người chồng và dung nhan người đẹp. Được lời như cởi tấm lòng, thiếu phụ nhiệt liệt cám ơn và tiếp:

– Thưa giáo sư, xin đừng ngạc nhiên nếu thấy chồng em đề nghị giáo sư mua một món nữ trang nào đấy. Như em vừa thưa, bán hàng là nỗi ám ảnh của chồng em. Vì thế, xin giáo sư vui lòng giả bộ nhập cuộc chơi với chồng em. Nếu không có gì trở ngại, em xin phép được ngồi ngoài phòng đợi kia. Sự hiện diện của em sẽ giúp chồng em bớt căng thẳng lo lắng. Tất nhiên anh ấy sẽ vào một mình gặp giáo sư trong phòng khám.

Giáo sư Alexandre Rosel thấy ý kiến này rất hay.

Lát sau Fernand Crussol chủ cửa hàng nữ trang nhận được cú phôn của "bà khách sộp" dặn ông hai ngày sau tới gặp chồng bà ta, giáo sư Alexandre Rosel.

– Tôi sẽ cùng ở đó tiếp ông. Mọi chuyện trông cậy ở ông.Nàng cười giòn giã, gác máy.

Màn 3

Khi Fernand Crussol theo đúng ngày giờ đã hẹn tới nhà giáo sư Alexandre Rosel, ông ta được đưa vào phòng đợi và được bà khách sộp tiếp đón rất niềm nở. Thiếu phụ tỏ ý băn khoăn hỏi ông có mang món hàng tới không? Fernand Crussol vội lấy chuỗi kim cương trong chiếc hộp bọc nhung cho bà khách trông thấy.

Thiếu phụ gần như reo lên:

– Chắc chắn ông nhà tôi sẽ rất thích!

Tần ngần một lát, thiếu phụ tiếp:

– Tôi vừa nẩy ra một ý hay: để dễ dàng thuyết phục giáo sư hơn nữa, tôi sẽ cho giáo sư thấy nó đẹp biết chừng nào khi tôi đeo trên tấm áo dạ hội. Như vậy ông chẳng cần mất nhiều thì giờ trình bày cũng đạt được kết quả mỹ mãn. Ông vui lòng chờ tôi một phút nha! Tôi vào thay đồ xong sẽ quay lại gặp ông.

Người đẹp ra khỏi phòng khách, mang theo chuỗi kim cương.

Màn 4

Lát sau Fernand Crussol được đưa vào văn phòng giáo sư Alexandre Rosel. Sau thủ tục chào hỏi, giới thiệu, hai người bắt đầu trò chuyện. Fernand Crussol nhiệt liệt ca ngợi Rosel về món hàng sắp mua. Giáo sư tuy hơi ngạc nhiên nhưng không yêu cầu giải thích ngay, nghĩ bụng: đúng như cô vợ đã báo trước, người này luôn bị chuyện bán hàng ám ảnh!

Sau một hồi chuyện vãn, tình cờ Fernand Crussol nói tới "bà Rosel" đúng lúc giáo sư Alexandre Rosel cũng vừa nói tới "bà Crussol". Cả hai đều chưng hửng ngỡ ngàng vì cả hai đều chưa lấy vợ! Họ kể rõ đầu đuôi cho nhau nghe hết sự tình. Fernand Crussol

suýt lên cơn đột quị khi nhận ra mình đã trao chuỗi kim cương quý giá cho một ả hoàn toàn không quen biết, không rõ tung tích.

Hạ màn

Giáo sư Alexandre Rosel gọi người phụ việc vào, nghe anh ta báo cáo: thiếu phụ xưng là bà Fernand Crussol ngồi đợi chồng trong phòng chờ để vào gặp giáo sư Alexandre Rosel đã ra về cách đây nửa giờ, không nói đi đâu cũng không nói bao giờ quay lại.

Trong màn kịch lừa đảo do ả xinh đẹp thủ vai chính này không chỉ Fernand Crussol bị thua thiệt. Giáo sư Alexandre Rosel cũng bị vạ lây thị phi danh tiếng: sau đó vài ngày ông bị chủ cửa hàng vàng bạc đá quí đệ đơn kiện trước tòa về tội tòng phạm lừa đảo. Giáo sư mất khá nhiều công sức và tiền thuê luật sư mới chứng minh được mình hoàn toàn vô tội trước cơ quan pháp luật.

Máy rút tiền ATM

Bạn đang cư ngụ tại Paris hoặc một thành phố lớn khác. Nhân ngày nghỉ cuối tuần bạn đi dạo phố phường. Khi từ nhà ra đi bạn không có ý định mua sắm gì, chỉ đi dạo chơi để thư giãn thôi. Bất chợt thấy món đồ lâu nay đã định mua nhưng mãi bây giờ mới thấy có. Sờ vào túi bạn sực nhớ ra: không mang đủ tiền. May sao, trong túi bạn có tấm thẻ xanh. Bạn tới bên chiếc máy rút tiền tự động để rút dăm bẩy tờ bạc từ tài khoản gửi ngân hàng của mình.

Động tác rất đơn giản: bạn đút tấm thẻ xanh vào khe theo đúng chiều đúng góc, lập tức trên màn hình hiện ra dòng chữ yêu cầu bạn chờ giây lát, sau đó nó yêu cầu bạn gõ lên bàn phím dọc bốn chữ số mật mã riêng của bạn. Chờ chút nữa, máy yêu cầu bạn gõ số tiền muốn rút từ tài khoản của mình. Chờ thêm vài giây, bạn sẽ thấy những tờ hai trăm, một trăm frăng xinh đẹp ló ra từ khe rút tiền. Thế là xong… Nhưng đó là trường hợp bình thường.

Đôi khi có sự cố xẩy ra: máy không cho bạn rút tiền. Do thẻ xanh của bạn bị tiêu từ. Hoặc do bạn đòi rút quá số tiền mình có. Cũng có khi vì bạn gõ sai mã số. Trong trường hợp này bạn có cơ hội được lặp lại lần thứ hai. Nếu lần thứ hai này bạn lại tái phạm sai lầm thì ôi thôi! Vĩnh biệt tấm thẻ thân thương! Máy nuốt chửng nó vào bụng và đưa ra lời khuyến cáo: mời quí khách vui lòng tới chi nhánh ngân hàng trong giờ hành chính để lấy lại thẻ. Đây là biện pháp khôn ngoan của ngân hàng nhằm ngăn chặn tên lấy cắp

thẻ gõ hú họa nhiều mã số khác nhau với Hy vọng may ra dò trúng tủ mã số của người có thẻ.

Ngày nghỉ cuối tuần đó bạn thản nhiên đút tấm thẻ xanh của mình vào khe một chiếc máy rút tiền kiểu hơi lạ mắt, bạn gõ mã số, và, lạ thay! Tuy gõ không sai một con số nào nhưng máy không cho bạn có cơ may thứ hai. Nó lạnh lùng bảo: "Quí khách đã nhầm lẫn nghiêm trọng, xin mạn phép tạm giữ thẻ, quí khách vui lòng tới ngân hàng lấy lại" v.v… Bạn vừa ngạc nhiên vừa giận dữ, thấy mình chẳng những không rút được tiền mà còn mất khả năng tiêu xài bằng số tiền mình gửi ngân hàng.

Sáng sớm thứ Hai tuần sau, ngay đầu giờ bạn tới chi nhánh ngân hàng đòi trả chiếc thẻ xanh quí báu. Một nhân viên với vẻ mặt xen lẫn ngạc nhiên và ân hận thông báo: thẻ không có ở ngân hàng.

– Xin cáo lỗi cùng quí khách. Tôi đã kiểm tra năm lần bẩy lượt trong khoang chứa thẻ thu hồi nhưng quả tình không thấy!

Cực kì khó hiểu và đáng lo! Hơn nữa, ít lâu sau đó, bạn nhận được tờ thông báo của ngân hàng cho thấy rõ: tấm thẻ xanh bạn nói đã bị máy rút tiền nuốt chửng trong ngày nghỉ cuối tuần nọ sau đó đã được dùng để chi trả nhiều khoản mua sắm. 3.000 frăng mua hàng ở tiệm này, 1.500 frăng mua ở chỗ kia, 785 frăng ở cửa hàng thứ ba! Khủng khiếp quá!

Từ sau bữa đó, bạn sa lầy trong một vụ rắc rối động trời. Chi nhánh ngân hàng một mực khẳng định tấm thẻ xanh của bạn không hề bị máy của họ nuốt vào bụng, ngược lại chính bạn mới là kẻ xấu bụng, là tên lừa đảo trắng trợn đã vừa đánh trống vừa la làng, cố tình sử dụng nó để tiêu xài phi pháp và vu vạ cho ngân

hàng đã vô cớ tịch thu thẻ của bạn. Bằng chứng: các lần mua hàng từ sau lần nghỉ cuối tuần đó đều sử dụng đúng mã số của bạn, loại chữ kí điện tử tối mật chỉ một mình bạn nắm giữ.

Sau nhiều tuần, có khi nhiều tháng, may ra bạn có thể chứng minh mình mắc tiếng oan, nếu nhà chức trách bắt được quả tang kẻ gây nên bao điều đau khổ cho bạn: một tên trộm tài ba đã lợi dụng giờ các ngân hàng đóng cửa mà đánh cắp ngay tại các máy rút tiền tốt nhất thế giới. Hắn chỉ cần vài phụ kiện lặt vặt và ít cuốn băng keo là xong.

Lúc đút tấm thẻ của bạn vào khe máy, nếu bạn không hờ hững sơ ý mà chú tâm quan sát thì sẽ thấy ngay chiếc máy rút tiền trông hơi kì cục. Nó có một khe giả nối với màn hình kiểm soát. Khi bạn gõ mã số cũng là lúc bạn vô tình gõ vào bàn phím một chiếc máy tính bỏ túi có bộ nhớ, máy này cũng được gắn bằng băng keo đè lên trên bàn phím máy rút tiền. Nó lẳng lặng ghi nhớ mã số của bạn và báo cho bạn tới thu hồi thẻ ở ngân hàng "trong giờ hành chính". Thế là bạn cụt hứng bỏ đi. Vừa thoáng thấy bạn rời khỏi máy rút tiền, tên bất lương cao thủ lập tức ba chân bốn cẳng lao tới và chỉ sau vài động tác nhanh như chớp, nó đã thu hồi "khe máy" của nó kèm theo tấm thẻ của bạn cùng với chiếc máy tính bỏ túi ghi đầy đủ bốn con số bí mật của bạn.

Mươi phút sau, tên bất lương đã có thể tranh thủ giờ các cửa hàng còn mở cửa mà mua gấp một số hàng do bạn phải è cổ chi tiền bằng tài khoản gửi ngân hàng. Số dư trong tài khoản càng lớn, vết thương của bạn càng đau.

Ông chủ ngân hàng

Alfred Beamon mở đầu "sự nghiệp" lừa bịp năm 1910, lúc vừa tròn ba mươi ba tuổi. Do tình cờ Alfred Beamon biết tin ngân hàng Merchant National trong một thành phố nhỏ của bang Indiana, Mĩ, sắp chuyển trụ sở đến chỗ mới.

Merchant National Bank là một ngân hàng thương mại loại nhỏ nhưng có uy tín lớn của bang nông nghiệp Indiana. Ngày tháng họ dọn tới trụ sở mới đã được ấn định cụ thể, chính xác từng giờ. Tin này khiến Alfred Beamon nảy ra một dự định táo bạo. Gã tiếp xúc với chủ ngôi nhà, kí hợp đồng thuê ngôi nhà trong một tuần kể từ sau giờ phút ngân hàng Merchant National dọn đi.

Một tuần sau Alfred Beamon bước vào trụ sở cũ của ngân hàng cùng với nạn nhân của gã. Cảnh tượng nơi đây vẫn bình thường như mọi bữa, không có dấu hiệu gì chứng tỏ ngân hàng Thương mại Quốc gia đã dọn đi, hình như họ đã hoãn lại vài ngày. Trước các ghi sê vẫn tấp nập khách hàng, phía sau cửa ghi sê vẫn có các nhân viên đang bận rộn với giấy tờ sổ sách. Nhân viên Sở Bưu chính oằn vai vác vào những bao nặng, bên trong chắc chất đầy giấy bạc các loại, séc, trái phiếu, kì phiếu…

Alfred Beamon ăn vận rất sang trọng, để bộ ria mép rất ấn tượng, dùng chìa khóa treo ở sợi xích bằng bạc móc vào áo gilê mở cửa phòng làm việc của gã treo tấm biển "Văn phòng Giám đốc". Gã ngồi vào bàn giám đốc, mời vị khách ngồi, mời hút xì gà. Sau

đó, gã mở tập hồ sơ dầy cộp, bắt đầu thuyết trình kế hoạch kinh doanh đầy hứa hẹn và tối mật chỉ vài ba nhân vật quan trọng trong đó có gã nắm được mọi chi tiết. Rồi kết luận:

– Quí khách nên nắm ngay thời cơ ngàn vàng này. Ở nước Mĩ chúng ta chưa bao giờ có cơ hội đầu tư ngắn hạn nào mang lại lãi suất cao như lần này.

Vị khách từ nãy vẫn chăm chú nghe không bỏ sót một câu, bây giờ lẳng lặng gật đầu. Alfred Beamon vừa dứt lời, khách mở ngay chiếc cặp da to đùng trao cho người ông ta đinh ninh là chủ ngân hàng Thương mại Quốc gia năm chục ngàn đôla để đầu tư vào cuộc kinh doanh ăn chắc mười mươi này. Alfred Beamon kí nhận, trao cho vị khách tờ biên lai in tiêu đề Merchant National Bank. Tất nhiên gã không nói cho khách biết gã đã chôm những tờ biên lai này ở các chi nhánh chính hiệu của ngân hàng Thương mại Quốc gia.

Ngay hôm sau, các phòng làm việc của trụ sở ngân hàng được dọn sạch sẽ, không còn bàn ghế, không có nhân viên làm việc cũng chẳng có ma nào tới giao dịch. Vị khách bữa qua tới giải quyết nốt vài chi tiết còn dở dang lúc này mới té ngửa nhận ra mình là nạn nhân của mánh lừa từ nay được giới chuyên môn gọi là mánh "nhà hàng lớn": các khách hàng, nhân viên ngân hàng, nhân viên bưu chính chở các bao tải tiền mà ông đã nhìn thấy bữa ông chui đầu vào bẫy thực ra chỉ là bọn vô lại, bọn gái điếm được tên đại bịp thuê đóng kịch trong một ngày… Alfred Beamon thì đã trốn kĩ ở một nơi nào đó rất xa và khó tìm giữa rừng rậm các bang của Hoa Kì với những luật lệ rất phức tạp. Quả lừa của gã càng thành công trót lọt vì nạn nhân không khiếu kiện, không để lộ tung tích. Vì

không muốn mất uy tín? Hay vì bản thân cũng có mắc mứu với các cơ quan pháp luật, với thuế vụ?

Sau vụ này Alfred Beamon tiếp tục thực hiện thành công khoảng hai chục vụ khác cũng bằng thủ đoạn y hệt. Tuy cũng đôi lần bị nạn nhân túm được và truy tố ra tòa vì họ không đòi lại được tiền. Có những lần Alfred Beamon áp dụng thủ đoạn trên với ít nhiều biến tấu khá ngoạn muc. Gã tới xin trực tiếp gặp giám đốc một ngân hàng cỡ nhỏ trong một vùng nông nghiệp. Giám đốc đang mong có khách hàng mới nên sẵn sàng mở rộng cửa đón tiếp. Sau vài phút trò chuyện, Alfred Beamon thuyết phục được giám đốc ngân hàng tin gã sắp gửi vào một khoản tiền lớn. Gợi được lòng tin đó rồi, gã ngỏ ý muốn nhờ giám đốc một việc nhỏ, không quan trọng, giúp được thì tốt, không được cũng chẳng sao: cho gã được sử dụng phòng làm việc của giám đốc để gặp riêng khách hàng giải quyết một vụ làm ăn gấp gáp và tối mật…

Giám đốc ngân hàng mỉm cười vui vẻ rời chiếc phôtơi bề thế đi ra ngoài một lát, nhường văn phòng của mình cho vị khách trong chốc lát. Đúng lúc đó, tên đàn em của Alfred Beamon rình sẵn bên ngoài dẫn vào trụ sở ngân hàng một người trông rõ ràng có máu mặt. Alfred Beamon mở cửa phòng giám đốc mời khách vào. Lát sau vị khách ra khỏi ngân hàng với vẻ mặt hớn hở: ông ta vừa trao cho giám đốc ngân hàng lúc này là Alfred Beamon toàn bộ số tiền dành dụm hoặc toàn bộ vốn liếng của mình để đầu tư với lãi suất cao chưa từng thấy.

Vài ngày sau, nạn nhân nhận ra mình bị lừa bèn làm đơn kiện. Trong nhiều vụ tương tự vụ này, giám đốc thứ thiệt của ngân hàng bị nghi là đồng phạm, bị thẩm vấn, bị tạm giam… Và họ phải tốn nhiều công của mới minh oan được mình vô tội.

Qua những quả lừa như vậy Alfred Beamon chiếm đoạt của thiên hạ tới tám triệu đô. Giới giang hồ đặt cho gã biệt danh "Người đeo găng xanh" vì mỗi khi đi "giao dịch" gã luôn đeo đôi găng tay màu xanh, lái chiếc xe màu xanh, phân phát những tấm danh thiếp cũng màu xanh. Một nhà văn Mĩ thấy cuộc đời tên lừa đảo công khai và tái phạm nhiều lần này cũng có đôi chút "thi vị" nào đó nên đã cao hứng viết một bài dài về hắn ta đăng trên một tờ tuần báo lớn của Mĩ!

Nhưng mọi chuyện đều phải có hồi kết thúc. Năm 1956 Alfred Beamon tắt thở, trong túi không còn lại một xu nhỏ. Vốn liếng kiếm được, gã đầu tư vào kinh doanh bất động sản. Tuy lúc này kinh doanh hợp pháp, lương thiện, nhưng tài kinh doanh hợp pháp của gã thua xa tài làm ăn bất hợp pháp nên gã thua sạch.

Tập hồi kí của nhà tỉ phú

Vào một ngày tháng Mười hai năm 1970, William Marlow đang ngồi trên sân thượng ngôi biệt thự Ibiza của anh ta tọa lạc tại quần đảo Baléares. Anh phóng tầm mắt ra xa tuy không chú tâm nhìn bất cứ thứ gì. William Marlow chỉ ngồi nghỉ ngơi cho thư giãn đầu óc thôi. Nửa nhà văn, nửa playboy, anh chàng ba mươi tuổi người New York này đang tận hưởng những ngày thư giãn xứng đáng: nhà xuất bản lớn nhất nước Mĩ và lớn nhất thế giới MacGrawHill vừa cho ra lò cuốn tiểu thuyết của anh, một cuốn tiểu thuyết rất ăn khách. Trong khi chưa quyết định làm tiếp công việc gì William tranh thủ hưởng chút nắng Địa Trung hải và suy nghĩ thêm. Viết cuốn tiểu thuyết nữa chăng? Không, văn chương không phải là món khoái khẩu của William! Tốn nhiều công sức lắm mới hoàn thành được một cuốn sách chứ đâu có dễ! Trừ phi cho ra được một cuốn mang lại khoản nhuận bút kếch sù mới bõ công…

Nằm dài trên chiếc ghế tràng kỉ ngay trước mặt William là cô vợ mới cưới Edna hăm lăm tuổi, tóc nâu, khá xinh. Cô đang chăm chú đọc tờ tạp chí có số phát hành lớn nhất nước. Cô ngẩng lên nhìn chồng:

– Cái lão Hughes này hay thật! Tiếc quá, báo không cung cấp nhiều thông tin về lão ta cho mọi người biết.

Edna đưa tờ tuần báo cho chồng. William lơ đãng liếc qua bài báo viết về nhân vật kì lạ nhất thế kỉ 20: nhà tỉ phú Howard

Hughes.

Howard Hughes (19051976)2 là một trong vài ba người giầu nhất thế giới, năm 1950 đã có số tài sản trị giá 2 tỉ đôla. Ông là chủ nhân nhiều nhà máy sản xuất máy bay trực thăng, thủy phi cơ và oanh tạc cơ, nhiều sòng bạc lớn và nhiều hãng phim, rạp chiếu bóng. Rất mê lái máy bay, đã lập kỉ lục bay vòng quanh Trái Đất năm 1938 trong 91 giờ 14 phút 28 giây. Nhưng từ 1958 ông ta đột nhiên lui về ẩn dật, kiên quyết không tiếp xúc với bất cứ ai, ngoài năm người thư kí riêng chịu trách nhiệm điều hành vương quốc của ông ta theo lệnh của chủ…

Tác giả bài báo cho biết anh ta đã tìm cách đột nhập vào nơi nhà tỉ phú ở ẩn nhưng thất bại vì ông ta có hẳn một binh đoàn bảo vệ. Bài báo đăng kèm theo bức ảnh nhà tỉ phú chụp từ mười hai năm trước cùng bản sao một lá thư tự tay ông ta viết, có chữ kí hẳn hoi…

Đọc xong bài báo William Marlow đăm chiêu suy tính: Howard Hughes đúng là một nhân vật độc nhất vô nhị trên thế gian này. Tuy còn đang sống nhưng lại xa lánh hẳn cuộc sống. Tuy hoàn toàn có khả năng hoạt động như mọi người nhưng lại không chịu làm gì. Vậy nếu có ai hoạt động thay ông ta, ví dụ viết hồi kí của ông ta chẳng hạn, ông ta sẽ phản ứng ra sao? Ông ta sẽ đính chính, sẽ vạch mặt kẻ mạo danh? Chưa chắc, bởi lẽ ông ta đã cắt đứt mọi liên hệ với xung quanh… Nghĩ tới đây William Marlow vỗ đùi khoan khoái: tiểu sử Howard Hughes quả là một đề tài hấp dẫn. Nó sẽ mang lại một khoản tác quyền khổng lồ! Trong đầu William Marlow lập tức hình thành một kế hoạch rất chi tiết.

Từ mười hai năm nay, nhà tỉ phú vẫn núp kín trong những nơi ở ẩn bí mật không hề thò mặt ra ngoài, nên William sẽ đóng vai

nhà trung gian, được Howard Hughes ủy nhiệm đi giao dịch với nhà xuất bản. Và ông ta sẽ chỉ đạo anh bằng văn bản (mẫu chữ viết và chữ kí đã do tờ tuần báo cung cấp)…

William nhìn cô vợ trẻ:

– Edna cưng ơi! Anh vừa nghĩ ra tựa đề cuốn sách sắp sáng tác: Hồi kí của Howard Hughes.

Cô vợ giật mình:

– Anh có điên không đấy?

– Chẳng điên chút nào! Hơn nữa, anh còn nghĩ ra mánh đầu tiên phải thực hiện nữa cơ!

William lấy tờ giấy, rút bút máy ra, nói tiếp:

– Mánh đầu tiên là bắt chước y chang chữ kí của lão.

Dưới nắng ấm chan hòa cảnh sắc mùa đông trên đảo Baléares, nhà vănplayboy William Marlow mê mải tập kí cho thật giống chữ kí của tỉ phú Howard Hughes… Trên chiếc bàn gần đó, có cuốn sách anh ta vừa được in và đã mang về cho tác giả một số tiền nhuận bút khá xôm. Cuốn sách đó mang tựa đề: Giả mạo… Phải chăng đây là sự tình cờ của số phận?

Cuối tháng Giêng 1971. William Marlow mang bộ mặt rám nắng và thư thái sau kì nghỉ ngơi thoải mái về New York, tới gặp bà phụ trách bản thảo sách văn học của nhà xuất bản MacGrawHill.

– Chào bà Nancy!

– Ủa, anh William đấy ư? Chào anh. Nắng Baléares đã làm anh trẻ hẳn ra. Anh có tác phẩm mới cho chúng tôi rồi chứ? Chắc lại một cuốn trường thiên tiểu thuyết?

William Marlow làm ra vẻ dửng dưng.

– Hiện giờ thì chưa. Tôi vừa nhận được vài chữ của Howard Hughes hỏi thăm, nhân đó nẩy ra một ý hay.

– Anh là bạn ông Howard Hughes đấy à?

– Bà ngạc nhiên sao?

Bà phụ trách văn học lắc đầu… Ở William Marlow chẳng có gì khiến mọi người phải ngạc nhiên, dù là chuyện khó tưởng tượng nhất. Anh ta là một người gan lỳ tướng quân, có sức quyến rũ quái đản nhất nên có thể lọt vào những nơi thâm nghiêm kín cổng cao tường nhất, giàu sang nhất. Bà Nancy vội đáp:

– Đâu có… Xin bỏ qua tính tò mò con nhà nghề của tôi. Ý hay anh vừa nói tới là ý gì vậy?

– Tôi đã hỏi xem thử ông ta có muốn viết hồi kí không.

– Ông ta nói sao? Chắc hẳn là đồng ý chứ?

– Tôi đang đợi trả lời…

Theo lẽ thường tình, sau khi William Marlow ra về bà phụ trách văn học vội báo cáo ngay với ban giám đốc. Hai tuần sau, khi William Marlow gọi điện tới báo tin nhà tỉ phú Howard Hughes chấp thuận viết hồi kí, bộ máy nhà xuất bản MacGrawHill lập tức chuyển động hết tốc độ. Đích thân vị giám đốc mời William Marlow tới gặp.

McGrawHill là một doanh nghiệp rất lớn, vừa xuất bản nhiều thể loại sách vừa kinh doanh tài chính, thông tin, media và nhiều dịch vụ kể cả đầu tư. Trụ sở chính mới xây năm 1931 ở số nhà 330 đường số 42 New York cao 142 m, 33 tầng lầu.

William Marlow chẳng hề tỏ ra bối rối mảy may khi gặp Ông Chủ Lớn của nhà xuất bản lớn nhất thế giới, trước canh bạc lớn gã

sắp đặt cược. Gã thản nhiên để lên bàn vị giám đốc ba lá thư, cả ba đều mang chữ kí của Howard Hughes. Giám đốc MacGrawHill không nghi ngờ gì: đúng là chữ kí nhà tỉ phú. Trong lá thư thứ ba, Howard Hughes đề nghị William Marlow viết tiểu sử của ông ta. Gã hỏi giám đốc:

– Ông thấy thế nào?

– Tuyệt vời! Không thể tưởng tượng nổi chuyện này.

– Thưa ông, phải nói đây là vụ làm ăn lớn nhất thế kỉ mới đúng. Nếu ông muốn tôi nhận đề nghị của Howard Hughes, xin vui lòng chi cho tôi một trăm năm chục ngàn đô.

– Xong ngay.

Khoản tiền khá lớn nhưng giám đốc MacGrawHill không do dự, không mặc cả. Hơn nữa còn thầm lo ngay ngáy William Marlow sẽ đi gặp một nhà xuất bản khác và được họ trả hậu hĩ hơn. William nói:

– Tốt. Ta sẽ thực hiện như thế này nhé! Ông Howard Hughes đã chỉ đạo tôi qua điện thoại. Ông ta dặn đi dặn lại: nhà xuất bản chỉ tiếp xúc với một mình tôi. Nếu có ai khác xen vào, ông ta sẽ hủy bỏ hợp đồng.

– Tôi hiểu.

– Một trăm năm chục ngàn đô là tiền ứng trước cho cá nhân tôi. Khi kí hợp đồng, ông Howard Hughes đòi năm trăm ngàn đô tiền tác quyền.

Số tiền quá lớn nhưng giám đốc nhà xuất bản không kì kèo. Tác phẩm xứng đáng được trả số tiền đó, vì Hồi kí của Howard Hughes nhất định sẽ mang lại hàng triệu triệu đô…

– Toàn bộ số tiền sẽ trả cho tôi bằng séc kí danh mang tên tôi. Tôi sẽ chuyển sang tài khoản của ông Howard Hughes qua một thủ tục do ông ta sẽ qui định riêng cho tôi.

Đây là giây phút quyết định. Đòi hỏi như vậy rất có thể gây nghi ngờ… Nhưng William Marlow yên tâm ngay khi thấy người đang đối thoại không có phản ứng gì. Chọn Howard Hughes quả là một nước cờ thần tình: con người thích những trò bí ẩn bệnh hoạn như lão tất nhiên phải đề ra những yêu cầu quái dị như vậy. Chẳng có gì đáng ngạc nhiên!

– OK, được thôi, không có gì phải bàn. Giờ đây anh định làm gì?

– Tôi đi Puectô Ricô. Một mình, tất nhiên… Và xin báo trước: nếu ông cử luật sư, thám tử hoặc bất cứ kẻ nào bám đuôi tôi, Hughes sẽ biết ngay vì ông ta có thừa phương tiện trong tay và sẽ hủy hợp đồng ngay tức thì.

– Không có chuyện bám theo anh đâu. Tôi cho thảo hợp đồng ngay. Chúc anh may mắn, William thân mến!

William Marlow ra về. Gã trốn kín một chỗ đúng nửa tháng, trong khi không khí nhà xuất bản MacGrawHill sôi lên sùng sục, từ giám đốc đến người chạy giấy đều xúc động hết biết!

Ngày 5 tháng Ba 1971 William Marlow quay lại, tờ hợp đồng trên tay. Gã đặt lên bàn Ông Chủ Lớn, với vẻ rất thư thái lâu nay vẫn tạo nên sức quyến rũ khó cưỡng lại.

– Xong. Ông lão kí rồi đó. Ông kiểm tra đi!

Giám đốc nhà xuất bản tất nhiên muốn kiểm tra nhưng không tự mình làm chuyện đó. Ông triệu tập ba chuyên viên chiết tự giỏi nhất Hợp chủng quốc Hoa Kì tới. Ba vị soi kính lúp lên bản hợp đồng… Đây là giây phút quyết định thứ hai đối với William

Marlow. Nhưng gã vẫn bình tĩnh, tin tưởng. Gã đã bỏ ra ba tháng liền, ngày đêm tập viết tập kí y hệt Howard Hughes, thành thạo tới mức gã đã viết đã kí giả chữ viết chữ kí của nhà tỉ phú một cách hoàn toàn tự nhiên, như cái máy… Sau nhiều phút săm soi từ mọi góc độ, ba chuyên viên soi chữ đặt kính lúp xuống.

– Không mảy may nghi ngờ gì, đúng là nét bút ông già tỉ phú.

Giám đốc nhà xuất bản cám ơn ba chuyên viên. Chờ khi họ đã ra về, ông rút túi lấy tấm séc. William Marlow liếc nhanh qua rồi gật đầu:

– Năm trăm ngàn đôla đúng tên tôi. Rất tốt.

Giám đốc MacGrawHill hơi có vẻ bối rối:

– William này! Xin được hỏi anh câu này: anh làm cách nào chuyển tiền cho ông già Howard? Hỏi thế không phải nghi ngờ gì anh, nhưng vì tôi phải thanh toán với hội đồng quản trị nhà xuất bản, mong anh thông cảm…

– Có khó gì đâu! Tôi đã kí một tấm séc năm trăm ngàn đô trao cho ông lão. Tôi sẽ mang tờ séc này sang mở tài khoản bên Thụy Sĩ và ông lão sẽ sang đó rút tiền ở tài khoản tôi.

– Hughes sẽ sang đó?

– Không. Bà vợ ông ta. Ông Howard đã viết thư ủy quyền.

– Thế ra ông ta đã lấy vợ u?

– Ông hỏi gì kì cục vậy? Howard đã có mười hai năm để làm đủ thứ chuyện! Rồi ông sẽ đọc trong Hồi kí vụ ông lão bí mật lấy vợ cùng với nhiều chuyện bí mật giật gân khác.

– Hấp dẫn thật! Cầu mong anh sớm hoàn thành tác phẩm.

– Tôi đã bắt đầu đặt bút rồi, thưa giám đốc. Tôi đã ghi băng hàng chục giờ tự thuật của ông lão, giờ tôi đang bắt đầu sắp xếp lại và viết ra giấy.

William Marlow bắt đầu làm việc thật, nhưng làm việc không phải điểm mạnh của gã. Đáng lẽ phải tự mình làm tất, gã lại tuyển dụng một tên đồng phạm: Gerald Cheney, bạn thân từ thuở hàn vi, chuyên về sưu tầm tư liệu. Gã phân công Gerald lùng trong báo chí tất cả những bài viết về quãng đời công khai của nhà tỉ phú. Phần còn lại, quãng đời ở ẩn sẽ do gã phịa ra. Tài phịa của William Marlow không đến nỗi tồi…

Trong nhiều tháng sau đó, William Marlow sống một cuộc sống khá nền nếp. Từng kì đều đặn đi Puectô Ricô viện cớ đi ghi băng các lời tâm sự của Howard Hughes, nhưng thực ra là đi tìm thú tiêu khiển trên các bãi biển, các quầy rượu trong những khách sạn loại sang. Trở về New York, trên bàn đã có sẵn một chồng bài báo viết về nhà tỉ phú do Gerald Cheney sưu tầm. Cứ thế, dần dần tập bản thảo dầy lên…

Giám đốc nhà xuất bản không dại theo dõi William Marlow ở Puerto Rico nhưng vẫn bí mật cho điều tra bên Thụy Sĩ. Tin tức thu thập ở đây làm ông ta yên chí lớn. Quả thật William Marlow đã chuyển tiền tới Zurich, sau đó vài ngày một người đẹp tóc nâu xưng tên là Helga Hughes đã tới lĩnh và chuyển vào một tài khoản đánh số…

Năm 1971 trôi qua trong bối cảnh đó… Sắp tới lễ Giáng sinh, William Marlow ngồi trong ngôi nhà của gã ở New York đang cố tưởng tượng những hoàn cảnh kì lạ khiến Hughes hội ngộ người đẹp Helga sau này sẽ trở thành Hughes phu nhân thì nghe chuông

điện thoại reo. Cú điện thoai của giám đốc tờ tuần báo nổi tiếng Life, tờ báo đã đăng bài gợi ý cho gã bầy ra trò bịp này.

– Thưa ông William Marlow, chúng tôi được biết ông đang viết tập Hồi kí của tỉ phú Howard Hughes. Ông nghĩ sao nếu chúng tôi chi hai trăm năm chục ngàn đô để được quyền đăng trước trên báo?

William Marlow đồng ý ngay. Và chợt nhận ra một điều: giám đốc Life chưa nhìn thấy một chữ nào mà đã dám hứa một số tiền nhuận bút cao như vậy chứng tỏ gã đã dại dột không hét giá cao hơn. Gã lập tức gọi cho nhà xuất bản MacGrawHill,

– Lão Howard Hughes tham lam vừa trở mặt. Lão đòi thêm một triệu đô!

Giám đốc nhà xuất bản phản đối, thậm chí nổi giận.

– Đừng hòng thêm dù chỉ một xu! Lão đã kí toẹt vào hợp đồng rồi. Dù sao đất nước này cũng có pháp luật chứ và dù là gì đi nữa lão cũng phải tuân theo pháp luật!

– Lão cho biết: nếu ông không chịu, lão sẽ trả lại ông năm trăm ngàn đô và chấm dứt tuốt…

Hai người tranh cãi hồi lâu cuối cùng đi đến thỏa thuận William Marlow sẽ "làm hết sức mình để đưa Howard Hughes trở về với lẽ phải", sau đó gã đi ngay Puerto Rico… Một tuần sau trở về mang theo bộ mặt mệt mỏi của nhà thuyết khách vừa trải qua những đấu tranh ngoại giao căng thẳng. Gã reo lên với giám đốc MacGrawHill:

– Ông phải cám ơn tôi đi! Tôi đã kéo nhuận bút bổ sung xuống còn tám trăm năm chục ngàn. Giá cuối cùng rồi đó, nhận hay không tùy ông.

– Lão định nhận tiền cách nào?

– Như trước. Ông viết séc đứng tên tôi, vợ lão sẽ nhận tiền bên Thụy Sĩ.

– Thôi được! Nhưng xin báo trước: đây là lần cuối cùng!

Người Mĩ vẫn có tiếng kinh doanh giỏi. Giám đốc nhà xuất bản lớn nhất của họ cũng không đứng ngoại lệ. Ông ta không đến nỗi mất hết trí khôn. Ông đã mơ hồ cảm thấy vụ Hughes đòi thêm tiền có lẽ là chuyện bịa, William Marlow có thể là tên bịp bợm. Tuy nhiên chính ông ta đã chấp nhận rủi ro, thậm chí đã tính toán chi li: lợi nhuận từ cuốn tiểu sử Howard Hughes mang về rất lớn nên dù mất thêm tám trăm năm chục ngàn đô cũng chẳng đi đến đâu.

Và ông ta không chịu để tấm séc bổ sung này biến mất hút. Ông thuê một công ty thám tử tư theo dõi nhất cử nhất động của William Marlow. Công ty này cho biết: William Marlow vẫn làm như lần trước: chuyển khoản sang một ngân hàng Zurich. Cuộc giám sát khít khao tại trụ sở ngân hàng đó cho thấy bà Hughes xinh đẹp tới đây chuyển số tiền vào một tài khoản đánh số…

Tuy nhiên, cuộc điều tra tiếp theo nhanh chóng vạch ra một điều bất ngờ: người tự xưng Helga Hughes vợ nhà tỉ phú thực ra là Edna Marlow vợ của William Marlow.

Ngày 20 tháng Giêng 1972 nhà xuất bản MacGrawHill đệ đơn kiện William Marlow. Cảnh sát nối tiếp công việc của công ty thám tử tư. Ba lá thư của Howard Hughes gửi cho William Marlow được mang ra phân tích lại. Lần này do đại úy MacNally chuyên viên hàng đầu khoa đoán chữ của Cục điều tra Liên bang F.B.I. tiến hành. Đại úy kết luận: cả ba đều là thư giả mạo gần y hệt chữ viết

và chữ kí của nhà tỉ phú, và muốn bắt chước được như thế này cần phải bỏ ra công sức rất lớn, khó tưởng tượng nổi.

Kết luận có phần mập mờ khiến giám đốc nhà xuất bản không dám vội quyết định. Hơn nữa sau khi nộp số tiền bảo lãnh rất lớn, William Marlow được tự do vẫn gân cổ cãi với vẻ tự tin lâu nay:

– Bọn đoán chữ sinh ra là để chuyên môn đoán lầm thôi. Bằng chứng: ba chuyên viên lần trước đã nói ngược hẳn chuyên viên lần này!

Về vụ cô vợ gã đóng giả phu nhân Hughes, gã chẳng cần thanh minh:

– Đúng là tôi đã nói dối. Nhưng nói dối theo lệnh ông Hughes đấy. Ông ta bắt tôi đưa Edna vợ tôi nhập cuộc để đánh lạc hướng mọi người, giữ bí mật vụ viết hồi kí này.

Có đúng vậy không? Giám đốc nhà xuất bản phân vân tợn. Bọn tỉ phú có thể nghĩ ra đủ chuyện điên rồ khó hiểu, nhất là tỉ phú Hughes. Hơn nữa, William Marlow mang tới nộp khoảng một ngàn trang hồi kí đã viết xong. Các chương viết về quãng đời công khai của Hughes là những miêu tả xác thực, còn những chương viết về cuộc ở ẩn chưa ai biết đến thì rất hấp dẫn… Giám đốc MacGrawHill rất muốn tin như thế. Rất muốn tin William không lừa dối, tin mình không trả món tiền lớn đến thế cho một tên bịp bợm, tin mình đang nắm trong tay bản thảo cuốn sách lừng danh thế kỉ… Từ giám đốc đến người chạy giấy ở MacGrawHill, mọi người lại chứa chan hi vọng…

Nhưng chỉ vài ngày sau niềm hi vọng của họ đã tan biến như bong bóng xà phòng. Điều mà William Marlow tưởng không bao giờ xẩy ra bỗng chốc trở thành sự thực. Sau mười bốn năm nấp kín

và im hơi lặng tiếng Howard Hughes quyết định tái xuất giang hồ. Ông ta triệu tới Bahamas bẩy phóng viên đã biết ông trước kia và cho phép họ phỏng vấn.

Một cuộc phỏng vấn không giống ai, khác hẳn những cuộc phỏng vấn thường thấy, kể cả những cuộc phỏng vấn các nguyên thủ quốc gia! Có thể nói đây là một cuộc phỏng vấn kiểu Howard Hughes! Các kí giả ngồi trong một phòng, Howard Hughes ngồi trong phòng khác không ai biết đó là phòng nào, ở đâu. Lão phát biểu qua một hệ thống video rất hiện đại thời đó: lão nhìn rõ các phóng viên nhưng những người này chỉ nghe được tiếng lão chứ không thấy mặt.

– Mấy chú nhận ra tiếng tôi chứ?

– Dạ, nhận rõ, thưa ngài Hughes.

Howard Hughes nói với mỗi người vài câu, gợi lại một chi tiết nào đó trong lần gặp nhau ngày xưa.

– Sau những lời trò chuyện vừa rồi, mấy chú đã tin chắc đang nói chuyện với tôi chưa nào?

– Dạ, tin chắc rồi thưa ngài. Chúng tôi đang được vinh dự tiếp chuyện ngài tỉ phú Howard Hughes..

– Vậy thì thế này nha, hãy cố mà nghe cho rõ: tôi chưa một lần nào gặp kẻ mang tên William Marlow.

Nó chắc chắn là một tên lừa đảo, một thằng đại bịp….

Vậy là chẳng còn nghi ngờ gì nữa. MacGrawHill mất đứt một triệu rưỡi đô, tuần báo Life mất hai trăm năm chục ngàn đô. Vào túi William Marlow hết!

Vụ việc gây chấn động mạnh không chỉ ở Mĩ mà trên khắp thế giới. Trong một thời gian dài các phương tiện thông tin đại chúng

không viết không nói về chuyện nào khác ngoài chuyện quả lừa của William Marlow. Tờ Newsweek địch thủ của Life khấp khởi mừng thầm trước nỗi bất hạnh của địch thủ, ra sức khoét sâu thêm nỗi đau của địch thủ bằng cách đăng ảnh William Marlow ngay trên trang bìa, dưới tựa đề: "Tên bịp số 1 trong năm"…

Ngày 16 tháng Sáu năm 1972 William Marlow bị điệu ra trước tòa án liên bang ở New York cùng với cô vợ Edna và gã bạn thân Gerald Cheney. William lãnh án hai năm tù giam, Edna cũng lĩnh án hai năm tù nhưng được huởng án treo, chỉ phải chịu hai tháng tù ngồi, hai vợ chồng nộp phạt mỗi tên mười ngàn đô. Nhà sưu tầm tư liệu Cheney bị sáu tháng tù.

Nộp phạt hai chục ngàn đô sau khi ẵm gọn một triệu bẩy trăm năm chục ngàn nên William Marlow chẳng lấy gì làm buồn khổ. Trái lại là khác! Bạn đọc có đoán được William Marlow dùng thì giờ rảnh rỗi bất đắc dĩ trong tù vào việc gì không? Xin thưa: gã lại viết văn!

Gã đã lầm bữa bảo cô vợ Edna: sau cuốn Giả mạo gã sẽ viết tiếp Hồi kí của Howard Hughes. Nhưng do số phận run rủi nên sau cuốn Giả mạo cuốn gã viết tiếp lại là… Hồi kí của William Marlow. Cuốn này tuy không đáng gọi là tác phẩm của thế kỉ, nhưng vì tác giả đã từng lên bìa tờ tuần báo có uy tín Newsweek, lại được tặng danh hiệu "Tên bịp số 1 trong năm" nên cuốn sách hội đủ mọi yếu tố kích thích trí tò mò của thên hạ. Sách lại bán chạy như tôm tươi. Thành thử khi mãn hạn tù William Marlow vẫn là một nhân vật nổi tiếng và rất giầu tiền.

Câu chuyện kết thúc như thế quả là không phù hợp với đạo đức và mong muốn của thiên hạ chút nào, nhưng biết làm sao được! Sự đời đôi khi vẫn oái oăm trái khoáy như vậy!

Tên bịp... "trách nhiệm hữu hạn"

Một người bé nhỏ tay cắp cặp, cổ đeo cravat, bận bộ đồ màu xám, kính trắng oai vệ bước vào phòng khách một ngân hàng ở Paris. Anh ta hỏi bà nhân viên tiếp tân bằng giọng rất lịch sự:

– Chào bà. Tôi muốn mở tài khoản. Xin gặp ông giám đốc được chứ?

Lúc này đang tháng Bảy, ngân hàng không đông khách. Một nửa số dân Paris đã đi nghỉ mát các nơi. Những người còn ở lại đều làm việc với thái độ thoải mái: họ thấy mình cũng có quyền nghỉ ngơi đôi chút.

Giám đốc ngân hàng tới gặp khách.

– Chào quí khách. Quí khách cần mở tài khoản phải không ạ? Quí khách đã là khách hàng của chúng tôi chưa ạ?

– Chưa. Tôi vừa mới thành lập một doanh nghiệp nhỏ trong phường ta. Mở tài khoản ở đây thuận tiện cho tôi hơn ở chỗ khác.

Vị khách bé nhỏ tươi cười, trông thật dễ mến. Ông cho biết: mới thành lập công ty quảng cáo Publicité, một công ty nhỏ bé thôi, nhưng chắc chắn rất ăn khách. “Bản điều lệ của công ty đây, ông xem qua cho biết”.

– Quí công ty kinh doanh mặt hàng gì vậy, thưa ông…

– Pilon, tên tôi là Jean Pilon. Tôi nhận quảng cáo cho tất cả mọi ngành nghề, mọi doanh nghiệp. Không có ngành nào cho tôi

thu nhập thật lớn, ăn thua ở số lượng nhiều. Tôi đăng quảng cáo lên các báo, tạp chí. Nếu khách hàng ủy nhiệm tôi tìm cách gài các mẩu quảng cáo vào chỗ nào thích hợp nhất. Ba bên đều có lợi.

– Mở tài khoản không có gì khó khăn, thưa ông Pilon. Ông định gửi bao nhiêu?

– Gửi khoản tối thiểu để mở sổ. Đến tháng Chín hoặc tháng Mười tôi mới nhận được các khoản tiền công đầu tiên. Mới khởi động bao giờ chả thế, chắc ông không lạ. Tạm tạm với 5 triệu frăng đã.

– Doanh thu ước tính của ông độ bao nhiêu?

– Xem nào… Hơi khó ước lượng. Chỉ biết chắc là sang tháng Chín tôi sẽ thu về 100 triệu.

– Không tồi.

– Mức trung bình thôi vì tôi còn phải chịu phí tổn kinh doanh, thuế má… Nói là trung bình vì hiện giờ vài dòng rao vặt, một tấm biển quảng cáo con con tốn từ 5.000 đến 50.000 frăng, có khi hơn. Mỗi tháng tôi nhận được vài nghìn món như thế. Khách trả tiền ngay khi đặt hàng, tôi chỉ trả tiền đăng lên báo sau 30 ngày. Do đó số dư tài khoản của tôi có lúc rất cao, lúc lại tụt xuống rất thấp.

– Vâng, tất nhiên phải thế. Xin cho biết dứt khoát: ông mở tài khoản với số tiền là bao nhiêu?

– Năm triệu.

– Đứng tên ai?

– Tên công ty Publicité TNHH.

Ai cũng biết: công ty TNHH là công ty "Trách nhiệm Hữu hạn". Jean Pilon, giám đốc công ty Publicité đúng là chỉ có trách nhiệm

hữu hạn thôi, sau đây bạn đọc sẽ rõ.

Giám đốc ngân hàng thấy vị khách này thật đáng kính, dễ thương: ông ta nộp ngay 5 triệu để mở tài khoản.

… Tháng Bảy chậm rãi trôi qua, tháng Tám không mưa nhiều. Nước Pháp ngủ yên trong nắng ấm mùa nghỉ. Cả ông Pilon cũng ngủ yên trên một bãi biển nào đó cùng với vợ và mấy đứa nhỏ tua tủa xẻng cuốc bằng chất dẻo. Tài khoản của công ty Publicité cũng ngủ yên trên số tiền 5 triệu frăng, không tăng cũng không giảm.

Ngày 3 tháng Chín, ông Pilon điềm tĩnh cắp cặp tới ngân hàng. Đến thẳng quầy, ông hỏi nhân viên ngân hàng:

– Chào. Chắc ông có số séc đứng tên tôi?

Nhân viên ngân hàng đáp:

– Để tôi xem lại đã, thưa ông.

– Tôi là công ty Publicité, 121 đường Hầm Rượu.

– Vâng, có. Xin ông kí vào đây cho.

– Cám ơn. Sắp nhiều việc lắm. Trong ngành tôi khách hàng chi trả bằng séc rất nhiều. Tuy mỗi séc giá trị không lớn, nhưng lại thường tới dồn dập.

– Vâng, vì sắp hết nghỉ năm đến nơi. Thiên hạ bắt đầu làm ăn.

Càng đi sâu vào mùa đông, tài khoản số 5051 của công ty Publicité càng nhộn nhịp séc nhập tiền. Toàn những séc nhỏ nhưng chúng làm tăng đều đều số dư tài khoản. Từ 5 triệu ban đầu lên 15 rồi 30, rồi 80 triệu và đến tháng Chín đã thành 150 triệu. Ngày 10 tháng Mười có thêm một số séc trị giá khoảng 5 6 triệu nữa.

Ông Pilon gửi tiền vào tài khoản rất đàng hoàng, minh bạch. Tất cả các séc đều hợp lệ không mảy may có chút gì đáng nghi ngờ, chứng tỏ khách hàng của ông rất nghiêm chỉnh.

Chiều 15 tháng Mười, ông Pilon tới gặp giám đốc ngân hàng. Giữa hai người có quan hệ làm ăn đứng đắn với nhau, bàn tính chuyện gì cũng dễ dàng chóng vánh. Chào ông Pilon. Công việc trôi chảy chứ?

– Rất tốt, cám ơn.

– Ông không gặp trở ngại gì do phía chúng tôi chứ?

– Không, hoàn toàn không. Ngân hàng của ông tạo mọi điều kiện thuận lợi cho tôi làm ăn. Nhân đây mong được ông chỉ dẫn cho đôi điều. Tôi đang trù tính một việc mới.

– Sẵn sàng. Tôi rất vui khi được giúp ông.

– Có người định cùng với tôi làm một việc khá lớn. Nhưng nó đòi hỏi phải có trong tay số vốn cũng khá lớn. Xin ông cho biết trong tài khoản của tôi hiện có bao nhiêu?

– Để tôi xem trong sổ… Vài khoản chi không đáng kể… Còn suýt soát 157 triệu.

– Vậy tôi có thể sử dụng 150 triệu chứ ạ?

– Có thể. Chắc chắn là được, không có vấn đề gì. Không vì thế mà tài khoản của ông hết giá trị chi trả.

– Nhưng… Có điều là… Chiều mai tôi có lĩnh được bằng tiền mặt không?

– Nếu ông cần. Nhưng cầm số tiền khá lớn thế thật ra cũng không tiện lắm.

– Tôi biết. Khốn nỗi tôi không thể để tuột áp phe này được. Tôi cũng không muốn mang của nợ ấy trong người, nhưng chắc ông thông cảm, làm ăn nhiều khi phải mạo hiểm một chút.

– Hẹn ông ngày mai. Chúng tôi sẽ sẵn sàng vào buổi chiều.

– Khoan. Tiện thể, tôi ký luôn séc chi.

– Mai cũng được, ông Pilon!

– Đằng nào cũng thế. Đây, ông cầm lấy. Ngày mai 16 giờ tôi sẽ tới.

Xưa nay ông Pilon vẫn thế: sòng phẳng, đủ thủ tục, hợp lệ… Ông ký luôn tấm séc 150 triệu trích ở tài khoản của công ty Publicité giao cho chủ ngân hàng tuy mai ông mới nhận tiền. Ông tin tưởng bạn hàng, bạn hàng tin tưởng ông.

Hôm sau đúng 16 giờ ông Pilon tới nhận 150 triệu bỏ vào cặp.

Lúc 16 giờ 15 phút ông Pilon ra về.

Và biến mất tăm không để lại dấu vết gì.

Cuối tháng Mười ấy, một ông Dupont ngụ tại quận XVI thủ đô Paris mở tập thư mới nhận được, bóc phong bì màu xanh đọc:

Phòng Thuế Quận XVI

GIẤY BÁO

Thưa ông Dupont,

Thuế doanh thu niên khóa 19611962 của ông thành tiền là…… cộng thêm 10% tiền phạt nộp thuế chậm tổng cộng thành……. Ông phải đem số tiền đó nộp cho Trưởng phòng Thuế trước ngày…

Ông Dupont nổi giận: làm gì có chuyện ông dây dưa tiền thuế? Ông viết thư trả lời luôn:

Thưa ông Trưởng phòng Thuế quận XVI,

Hân hạnh báo ông tường: tôi đã nộp đủ thuế niên khóa 19611962 đúng ngày chót hạn là ngày 15 tháng Chín, bằng tấm séc số… kí ngày 15 tháng Chín.

Vài ngày sau ông Dupont lại nhận được chiếc phong bì màu xanh:

Phòng Thuế Quận XVI gửi ông Dupont,

Sau khi kiểm tra kĩ, xin báo ông rõ: chúng tôi chưa nhận được tiền thuế của ông như ông đã phúc đáp trong văn thư số… ngày…

Lần này ông Dupont nổi cáu thật sự, ông trực tiếp đến gặp trưởng phòng thuế, đưa cho xem cuống séc, số tiền trừ vào tài khoản của ông, ngày chi trả v.v…

Cơ quan chức năng điều tra vụ việc mất một tháng trời. Đến tháng Mười một mới kết luận xong: tấm séc của ông Dupont do một ngân hàng nhỏ của phường đã lĩnh và chuyển vào tài khoản của người tên là Pilon giám đốc công ty quảng cáo Publicité.

Cuộc điều tra tiếp theo làm dựng tóc gáy trưởng phòng thuế của vài ba quận, của các quan chức cao cấp thành phố Paris, của Bộ Tài chính nước Pháp: ông Pilon giám đốc công ty trách nhiệm hữu hạn đã thực hiện một kì công độc nhất vô nhị.

Chúng ta hãy trở lại ngày 15 tháng Chín, vào lúc nửa đêm xem ông Pilon làm gì.

Ông lái chiếc xe xinh xắn chạy đến con phố nhỏ, dừng trước ngôi nhà treo tấm biển "Phòng Thuế Quận XVI". Ông đến chỗ gắn thùng thư, đảo mắt nhìn xung quanh rồi thò tay.

Nếu có ai đứng xa nhìn, có thể nghĩ ông đang bỏ vào đó một phong bì, như nhiều người khác đã đến bỏ trước ông. Thực ra ông đang móc lấy một, hai, một xấp phong bì trong thùng. Liếc mắt

qua các địa chỉ người gởi, ông chọn lấy một số, còn lại bao nhiêu ông bỏ trả vào thùng. Nếu lấy đi hết, sáng mai trưởng phòng thuế sẽ sinh nghi… Sau đó ông Pilon lên xe tiếp tục cuộc hành trình.

Ông nắm rất vững tình hình, biết rõ thùng thư của phòng thuế quận nào chứa nhiều món béo bở: quận có nhiều người phải đóng thuế cao. Hơn nữa ông Pilon còn là nhà tâm lí học cừ khôi nắm rất vững tâm lí người dân Pháp.

Ông thừa biết: người Pháp không thích đóng thuế cho nhà nước, nhưng họ bị ép phải đóng thuế nên bao giờ cũng đợi đến hạn chót mới nộp: trước nửa đêm 15 tháng Chín hàng năm.

Thu hoạch xong ông Pilon về nhà, bắt đầu hành nghề. Ông mở chiếc phong bì thứ nhất: tấm séc của ngân hàng X chuyển vào tài khoản Public số tiền…

Ông Pilon là một nghệ sĩ có tài nên ông chữa ngay "tài khoản Public" thành "tài khoản Publicité". Dễ ợt: chỉ thêm có ba con chữ ité.

Ông có sẵn trong tay đủ các loại màu mực, bút bi, bút sắt và hoa tay của người chuyên chép thuê viết mướn.

Bằng cách đó ông Pilon hái được 150 triệu trong có một đêm. Những ngày sau ông gửi dần từng ít một những tấm séc đó vào tài khoản của ông.

Phòng thuế các quận sau một thời gian mới gửi giấy báo phạt 10 phần trăm tới những người dây dưa tiền thuế, như ông Dupont nói trên. Công việc ngập đầu, phong thuế làm sớm hơn sao được?

Tất nhiên trò xiếc của Pilon chỉ diễn được có một lần. Pilon không diễn lại một lần nào nữa. Không ai tìm được tông tích nhà ảo thuật này.

Xét cho cùng, mọi người coi Pilon là một tên bất lương "không đến nỗi". Vì sau vụ này chẳng ai kiện được ai, chẳng ai phải bồi thường hoặc phải chịu tù tội. Tất cả các ông Dupont đều có đầy đủ chứng cớ họ đã đóng thuế đủ và đúng, đã bỏ séc vào thùng thư của phòng thuế, và phòng thuế phải chịu trách nhiệm canh giữ thùng thư của mình. Chính Bộ trưởng Bộ Tài chính đã qui định như vậy.

Chỉ có Nhà nước là bị mất tiền!

Trại bò kiểu mẫu

Bác Dubourg chủ trại bò Moulin ở thành phố Enfreville vùng Calvados là một nông dân lực lưỡng. Ít nói, ít cười, ít giao tiếp với xung quanh… Không biết bác có giả ngô giả ngọng không, nhưng mỗi khi ai hỏi điều gì có ý tọc mạch bác đều gạt đi "Đếch biết!" Đặc biệt khi bị ai đòi tiền, bác đều hét toáng lên "Hượm đã!" Tuy bác rất sẵn tiền nhờ có trại bò sữa rất nổi tiếng trong vùng. Một đàn bò thừa kế của ông bố, ông bố thừa kế của ông nội, mỗi con đều có một cái tên nghe rất êm tai: Vàng, Bạc, Ngọc, Cưng, Đẹp v.v… Những con bò vùng Nócmăngđi có cặp mắt hiền, được nuôi nấng đầy đủ, cho sữa nhiều kem béo ngậy. Cũng chính vì những con bò Vàng, Ngọc v.v… của Dubourg là những nhà vô địch về số lượng và chất lượng sữa nên mọi người đều trầm trồ không dứt.

Từ nhiều năm nay Dubourg đều đều mang đàn bò quí của mình đi dự các cuộc thi gia súc và đều đều yêu cầu cơ quan kiểm định sữa tới đánh giá lượng sữa do đàn bò của bác sản xuất. Không những chỉ đánh giá số lượng mà kiểm tra cả chất lượng, thành phần chất béo trong sữa, tỉ lệ bơ lấy được từ sữa. Và cũng từ nhiều năm nay bác Dubourg đều đều lĩnh được giải thưởng về bò, năm được giải về sữa, năm được giải về bò cái, năm được giải về bò đực giống cho những con "Đô vật", "Lực sĩ", "Lê dương", hoặc được giải về bò cái tơ, về bê con. Bốn bức vách chuồng và cổng chuồng bò của bác treo đầy bằng khen, huy chương vàng bạc các cỡ.

Danh tiếng đàn bò của Dubourg còn thể hiện rất cụ thể trên giá bán các sản phẩm của bác: sữa, bò cái tơ, bò sữa, bò mộng, bê. Giá bán sản phẩm càng leo thang, các tờ frăng xinh đẹp càng chảy nhiều vào chiếc máy giặt là nơi bác cất giấu sau khi đã biến chúng thành đồng frăng vàng. Cô con gái rượu độc nhất của bác, cô Erméline sẽ mang về nhà chồng khoản hồi môn đáng nể, khi cô kiếm được tấm chồng đáng mặt nối dõi bố vợ đứng ra điều hành trại bò.

Nói tóm lại: từ nhiều năm nay các con bò sữa "Dubourg" đều có tên trong HBN Herd Book Normand cuốn sách về phả hệ các con bò tốt nhất thuộc giống Nócmăng. Sách ghi rất chi tiết nguồn gốc, tổ tiên, thành tích trong quá khứ, đảm bảo chắc chắn chất lượng đàn con cháu của các chú bò mộng Đô vật, Lực sĩ, Lê dương… Chủ của chúng, bác Dubourg nổi tiếng là người nuôi bò giỏi nhất chăm nhất. Hơn nữa, từ mấy tháng nay bác là đầu đề câu chuyện cửa miệng của cư dân trong vùng, nhất là ở Ủy ban Quốc gia Kiểm định Chất lương Sữa. Bởi lẽ con Đẹp của bác đã phá mọi kỉ lục về năng suất sữa: mỗi tuần cho tới tám chục bi đông, tổng cộng trong một năm nó cho tới mười một ngàn năm trăm mười lăm kí sữa, đạt danh hiệu "recordcow" đứng đầu bảng giống bò sữa cao sản toàn thế giới. Chất lượng sữa của nó lại rất tuyệt: với sản lượng như trên, có thể làm ra bẩy trăm bốn chín ki lô bơ tươi Nócmăng.

Khi được hỏi nhờ bí quyết nào bác đạt được thành tích cao như vậy, Dubourg không giải thích dài dòng, chỉ bật mí một điều chẳng giật gân lắm: từ nhiều tháng nay bác sử dụng trong trại bò một tù binh Đức tên Hans. Sau khi được trả tự do Hans không về quê gã ở Saxe bên nước Đức, vùng đất lạnh nơi gã có một trang trại xác xơ hiu quạnh. Vả lại, gã là kẻ tứ cố vô thân, về bên đó cũng chẳng có

người thân thích nào, chẳng thà ở lại nước Pháp cho yên thân. Thoạt đầu Hans làm mọi công việc linh tinh trong trại, sau đó thấy gã tỏ ra mê đàn bò nên Dubourg giao cho gã lo toàn bộ, từ chăm sóc, cho ăn uống đến vắt sữa, tóm lại, Hans chịu toàn bộ trách nhiệm về đàn bò danh tiếng có tên trong HBN, đàn bò đang làm Ủy ban quốc gia Kiểm định Chất lượng Sữa phải kinh ngạc.

Từ ngày được giao việc chăm sóc đàn bò, Hans tỏ ra rất thành thạo. Điều được anh ta giữ rất nghiêm ngặt là giờ giấc, giờ cho ăn, giờ vắt sữa. Theo anh ta, nếu không làm như vậy bò sẽ căng thẳng thần kinh, bị sưng vú khiến năng suất và chất lượng sữa giảm mạnh. Khi vắt sữa, phải vỗ về chúng, phải khéo nói nựng làm chúng vui vẻ đồng tình. Thức ăn của bò được Hans đặc biệt quan tâm chọn lọc kĩ. Kĩ tới mức khiến anh chăn bò Lemarchant vào trại làm việc trước Hans từ lâu phải nhún vai lẩm bẩm: đồ dở hơi! Mỗi khi nhân viên Ủy ban Quốc gia Kiểm định Sữa tới làm việc, Hans tổ chức rất chu đáo: mỗi nhân viên đều được dành một vị trí nhất định, không đi lại lăng xăng để bò khỏi sợ, người tới kiểm tra một số con như con Vàng, con Ngọc không được khoác blu trắng vì màu sáng sẽ làm chúng hoảng loạn. Khi vắt sữa để kiểm tra chất lượng Hans bận chiếc tạp dề rất rộng dài chấm đất. Đàn bò được đặt trên một thảm rơm dầy, rất khô, giữa chuồng còn có thêm những bó cỏ dự trữ xếp thành bức tường dài. Mọi thứ đều chu đáo, sạch sẽ, ngăn nắp không chê vào đâu được. Đã thế, hai bố con Dubourg đều rất ân cần niềm nở tiếp chuyện khách, nhất là cô con gái Emerline luôn nở những nụ cười tươi, đưa những khóe mắt nồng nàn kèm theo những li rượu táo thơm phức tô điểm cho không khí cuộc kiểm tra bớt nhạt nhẽo buồn tẻ.

Lần kiểm tra nào cũng cho kết quả quá tốt khiến Ủy ban Kiểm định sinh nghi. Họ yêu cầu chính quyền tiếp tay, tổ chức một cuộc kiểm tra bất thình lình theo kiểu đột kích. Một lực lượng sen đầm hùng hậu được huy động.

Sáng một ngày nọ, trước con mắt hốt hoảng của dân làng, lính sen đầm rầm rộ hành quân tới trại Moulin. Súng lục lăm lăm trên tay, lính từ xe tải nhẩy xuống xông thẳng vào trại và kéo tới bao vây chuồng bò đúng lúc Hans và Emerline đang vắt thứ sữa có hàm lượng kem cao nhất nước. Viên chỉ huy sen đầm hô lớn, chẳng khác trong một vụ săn bắt cướp:

– Giơ tay lên! Cấm động đậy!

Mấy con Vàng, Ngọc, Cưng ngạc nhiên trố mắt nhìn, ve vẩy đuôi.

Cuộc võ trang kiểm tra không đến nỗi vô ích. Sen đầm phát hiện trong túi tạp dề Hans có mấy chiếc nút chai bằng kim loại có ren vặn, loại nút vẫn dùng để đóng các túi chườm nóng bằng cao su. Họ lật tấm nệm rơm trải dưới bụng mấy con bò sữa và phát hiện mấy túi chườm trong đó còn sót một ít chất lỏng. Sau này kết quả phân tích sẽ cho biết chất lỏng đó là kem sữa. Từ những túi đựng kem này thò ra những ống cao su nhỏ dẫn đến các xô sữa dưới bụng bò…

Bị thẩm vấn hai bố con Dubourg một mực nói không hay biết gì. Tuy Dubourg nhận có chi tiền thanh toán một khoản mua vật liệu của cửa hàng tạp hóa trong làng nhưng không biết đó là tiền mua những chiếc túi chườm nóng. Anh chăn bò Lemarchant thì khẳng định cả Dubourg lẫn Emerline đã thông đồng với Hans trong vụ này, sở dĩ anh ta không dám khai báo vì sợ bị mất việc, mất luôn

căn nhà được cấp trong trại để vợ con có chỗ nương thân. Hans bị bắt giam. Gã khai: phải tạm thời bổ sung thêm kem vì đàn bò vừa bị một đợt sưng vú nên hàm lượng kem trong sữa của chúng bị giảm. Kem bổ sung đã được hâm nóng lên bốn mươi độ để hòa tan ngay vào sữa mới vắt ra. Toàn bộ thiết bị đều được giấu kín dưới tấm tạp dề vừa dài vừa rộng của gã. Cô Emerline con gái chủ trại thực hiện "mĩ nhân kế", dùng khóe mắt, nụ cười và rượu táo đánh lạc hướng chú ý của các thành viên Kiểm định Quốc gia.

Từ nay đàn bò của Dubourg bị xóa tên trong cuốn Herd Book Normand. Lão tức giận, tháo hết huy chương giải thưởng thi bò sữa vứt đầy trên lối đi tới trại. Hans bị đuổi việc. Những con Vàng, con Ngọc, cục Cưng v.v… tạm thời được giao cho một chủ trại khác, con trai của Dubourg trông nom. Chúng vẫn giữ kỉ lục về lượng sữa, nhưng hàm lượng chất béo trong sữa không còn như xưa. Tất nhiên là không phải vì nhớ tiếc bàn tay vỗ về của anh chàng Hans và những lời âu yếm anh ta nói với chúng bằng tiếng Đức!

Sau phát hiện bữa đó các nhân viên Ủy ban Kiểm định Chất lượng Sữa hậm hực nguyền rủa tên Hans kẻ đã đánh lừa họ bấy lâu, mặc dù họ đã được bằng khen về vụ phá án lừa đảo xuất sắc này.

Trên thị trường chứng khoán

Khi chuyện này xẩy ra hồi giữa năm 1981, Camille Moreau ba lăm tuổi đang làm cho một hãng xây cất nhà tại một thành phố lớn miền trung nước Pháp. Camille Moreau là nhân viên thương vụ, chịu trách nhiệm thương lượng với khách mua nhà. Nhờ bề ngoài dễ nhìn, tính tình xởi lởi dễ gây cảm tình nên anh thường bán được hàng. Hơn nữa, anh còn là người có lương tâm nghề nghiệp, thường căn cứ vào thu nhập của khách để góp ý về kế hoạch trả góp phù hợp nhất. Bản thân anh cũng giỏi về kinh doanh tài chính, tiền tiết kiệm của anh đều đầu tư vào thị trường chứng khoán, tất nhiên chỉ ở mức khiêm tốn thôi.

Không hiểu sao tự dưng chị vợ bỏ rơi anh ta. Một cô bạn gái khuyên: để khỏi suy sụp tinh thần, nên tham gia các việc từ thiện. Camille Moreau nghe theo lời khuyên đó và tại Hội Từ thiện Thiên Chúa giáo của thành phố anh có dịp làm quen với René Degros, được mọi người xung quanh kính cẩn gọi là "Ông René". Ông này khá kì cục. Tuy đã bẩy tư nhưng vẫn nhanh nhẹn hoạt bát, hết mình với việc từ thiện đồng thời cũng nhậu nhẹt hết mình. Mọi người xầm xì: lão có bí quyết gia truyền nên mới giầu có thế và khỏe mạnh thế; lão là một vị thánh sống trên thị trường chứng khoán, lão đầu tư vào chỗ nào cũng thu được những món lợi nhuận thần kì.

Camille Moreau thường bàn luận với "Ông René" nhiều lần về đề tài mua bán chứng khoán. Dần dần thấy đã thân nhau, Camille đánh bạo hỏi dò bí quyết làm ăn của Ông René.

"Ông René" tủm tỉm cười.

– Làm gì có bí quyết nào! Dễ như trở bàn tay thôi!

Nhìn lão ta, không ai nghĩ lão là một kẻ phiêu lưu. René trông già hơn tuổi, trán hói chỉ còn lơ thơ vài sợi tóc bạc, đeo cặp kính trắng tổ bố, trông như một ông ngoại nghiêm chỉnh, thậm chí, một cụ cố rất hiền từ. Lão giải thích cho Camille Moreau:

– Mình mua bán trên thị trường các nước châu Á và đầu tư vào những thiên đường thuế vụ với những công cụ rất đặc biệt. Thạo một chút thì không lo gặp rủi ro.

– Ông đạt hiệu suất bao nhiêu?

– Mười phần trăm tháng.

– Xin lỗi, tôi nghe chưa rõ.

– Một trăm hai chục phần trăm một năm. Cứ thử đưa cho lão một ít tiền rồi sẽ thấy.

Rất cảnh giác, Camille Moreau chỉ đưa thử cho "Ông René" mười ngàn frăng. Một tháng sau "Ông René" trả cho Camille một ngàn frăng, sau đó cứ đều đều mỗi tháng lại đưa một ngàn frăng. Camille Moreau bắt đầu tin cậy, giao cho ông ta những món tiền lớn hơn và kể chuyện với bạn bè. Thế là chẳng mấy chốc Camille không những mang gửi tiền của mình cho "Ông René" mà gửi cả tiền của bạn bè thân quen.

Camille đã chui đầu vào bẫy. Diễn biến tiếp theo là cái mà bọn bịp bợm gọi là "cục tuyết lăn". Một cái tên quá đẹp dùng cho một

mánh lừa quá bỉ ổi…

Hai năm đã qua… Camille Moreau đã bỏ nghề bán chỗ ở, chính thức sắm vai nhà tư vấn đầu tư. Nhưng đó chỉ là vỏ bọc. Thực ra anh ta đã trở thành người cộng tác với René Degros, chuyên lo việc giữ sổ sách ghi tài khoản của khách hàng, đồng thời đóng vai người dắt mối, gọi nôm na là cò. Sau khi mách cho tất cả bạn bè quen biết thân sơ đều đã có phần trong những khoản đầu tư thần kì, gã đi chiêu mộ khắp nơi và chỉ nhận phần hoa hồng rất khiêm tốn. Nhưng vì tiếng lành đồn xa, một đồn mười mười đồn trăm nên tổng hợp lại thì đã có những khoản tiền rất lớn qua tay Camille. Nhờ vậy anh ta sống khỏe như chưa bao giờ được thế.

Camille Moreau biết mình đang làm một việc phi pháp, vì không được phép nhưng lại thực hiện chức năng của ngân hàng. Biết vậy nhưng gã tự trấn an: mình đâu có làm gì sai trái, xét đến cùng chỉ là làm dịch vụ, giúp đỡ mọi người có chỗ đầu tư. Tuy thế Camille vẫn rất thận trọng. Các tài khoản tiền gửi đều đánh số, sổ sách giấy trắng mực đen đều hạn chế ở mức tối thiểu, dùng xong là cho ngay vào máy nghiền giấy. Các khoản tiền gửi của mọi người đều bằng tiền mặt, nhận xong Camille trao cho "Ông René", ông này hàng tháng lại đưa đủ tiền lãi cho Camille.

Dù vậy Camille Moreau vẫn thắc mắc: tiền này từ đâu ra? "Ông René" vẫn kín miệng như bưng không tiết lộ mảy may. Chỉ cho biết một điều duy nhất: ông ta liên lạc với một nhà đầu tư ngoại quốc và có nhiều chỉ điểm tài giỏi tại các thị trường chứng khoán toàn thế giới.

Ngoài chuyện đầu tư khó hiểu, "Ông René" vẫn tỏ ra là con người đáng kính. Tuy đã già nhưng vẫn rất tận tụy với công việc cứu giúp người bất hạnh, có mặt trong mọi cuộc họp của các tổ

chức từ thiện, được mọi người trong thành phố hết sức quí mến kính trọng.

Nhiều tháng qua. Các khoản tiền gửi ngày càng nhiều, ngày càng lớn, tổng cộng lên tới nhiều tỉ frăng. Lớn tới mức làm Camille thấy choáng ngợp, rồi phát sợ. Anh thuê một thám tử tư. Không nói động tới hoạt động ngân hàng chui mà chỉ cho thám tử biết: anh định làm ăn lớn với René Degros nhưng vì cảnh giác nên muốn hiểu kĩ về đối tác.

Không bao lâu sau Camille được biết rõ sự thật: "Ông René" già nua đáng kính và tốt bụng không phải con người tử tế. Ông ta đã bỏ vợ và hai đứa con để nhập bọn với giáo phái Emmaus, sau đó bỏ đi vì bị cha Pierre buộc tội biển thủ công quĩ. Điều đáng ngạc nhiên là viên thám tử không phát hiện chút gì về hoạt động ngân hàng chui, chứng tỏ "Ông René" giữ bí mật rất cừ, cũng có thể vì viên thám tử thiếu tinh thần trách nhiệm không đi sâu. Tuy nhiên anh ta cũng tìm hiểu được ít nhiều tình tiết liên quan tới lĩnh vực này: "Ông René" đã 14 lần phải ra tòa vì hành nghề ngân hàng bất hợp pháp.

Camille Moreau thấy cần phải hành động ngay. Nhưng suy tính mãi, lật đi lật lại bài toán đến nát óc vẫn không tìm ra cách giải quyết. Không thể tố giác lão vì như vậy là tự tố giác mình, sẽ phá sản và vào tù là cái chắc. Bỏ của chạy lấy người cũng không xong, vì chắc chắn có một số khách hàng biết rất rõ về anh sẽ truy kích đến cùng, khó bề chạy thoát. Vả lại, dù sao Camille cũng còn có chút lương tâm, không nỡ bỏ mặc những người đã tin tưởng anh, thậm chí giao phó cả cơ nghiệp cho anh.

Suy tính mãi cuối cùng Camille Moreau quyết định ở lại. Cố tự thuyết phục: sau mười bốn lần ra tòa vì tội gian trá chắc "Ông

René" đã tu tỉnh, đã tìm ra cách làm ăn chính đáng, đằng sau những vụ đầu tư thần kì của ông ta không có gì mờ ám, đúng là những vụ đầu tư trên thị trường chứng khoán châu Á và tại những thiên đường thuế….

Năm 1986. Điều Camille Moreau định làm: bỏ chạy tháo thân, lúc này lại do chính "Ông René" thực hiện. Lão thông báo cho Camille:

– Bạn Camille thân mến! Tôi sắp lên tuổi tám mươi, sức khỏe không còn được như xưa. Đành phải tìm đường rút lui thôi.

Camille Moreau không ngạc nhiên. Anh ta đã nhiều phen tự hỏi không hiểu bằng cách nào "Ông René" vẫn còn hoạt động mạnh đến thế ở tuổi của ông ta. Anh không ngạc nhiên nhưng không còn hồn vía nào nữa vì vẫn chưa biết những nơi đã bỏ vốn vào đầu tư là chỗ nào, đã thế anh lại sắp bị đội quân khách hàng hùng hậu kéo tới đòi mỗi tháng khoản lãi suất mười phần trăm tiền gửi. "Ông René" trấn an:

– Khỏi lo! Tôi sẽ giới thiệu anh liên lạc với đại diện của tôi ở ngoại quốc.

Ngày 4 tháng Mười hai 1986 Camille Moreau tới khách sạn Evian gặp công dân Thụy Sĩ tên Franz Ferney khoảng ba mươi tuổi. Anh ta rất lịch sự đi thẳng vào việc:

– Đề nghị chúng ta gặp nhau tại đây vào mỗi thứ Bẩy hàng tuần. Anh mang tới đây tiền gửi của khách trong tuần, nhớ là phải bằng tiền mặt. Tôi mang về Thụy Sĩ gửi và thứ Hai tuần sau mang tiền lãi tới đây cho anh.

Camille Moreau chắc mẩm phen này được biết thêm ít nhiều về những nơi đầu tư thần kì. Nhưng câu trả lời của Franz Ferney

cũng y hệt câu trả lời của "Ông René":

– Đơn giản thôi. Ta đầu cơ chứng khoán trên thị trường mấy nước châu Á và kinh doanh tại những thiên đường thuế…

Mọi việc lại tiếp tục như trước, với qui mô lớn hơn nhiều. Camille Moreau có thêm nhiều tay chân ở các tỉnh lớn. Mỗi tuần anh gom tiền nộp cho Franz Ferney từ hai đến năm triệu frăng tiền mặt, Franz Ferney mang sang Thụy Sĩ, thứ Hai tuần sau trở lại mang theo tiền lãi trao cho Camille.

Tai họa không còn xa, trái lại, đang ập đến. Camille Moreau cảm nhận rất rõ tuy không muốn tin có chuyện đó. Quả nhiên, sáu tháng sau, gã không thấy Franz Ferney tới gặp mình ở khách sạn Evian nữa. Hắn đã bốc hơi! Đã lặn mất tăm!

Camille Moreau còn lại một mình với số tiền gửi khổng lồ của khách. Chẳng còn cách nào khác ngoài cách trả tiền lãi hàng tháng cho khách bằng những khoản tiền gửi mới nhận. Đây là cách duy nhất để khỏi đổ bể!

Và Camille Moreau chợt nhận ra sự thật kinh hoàng: không có thị trường chứng khoán châu Á cũng chẳng có thiên đường thuế nào! "Ông René" sau đó là Franz Ferney đã làm cái anh ta sắp làm: trả tiền lãi cho khách hàng cũ bằng tiền gửi của khách hàng mới! Một biện pháp có thể áp dụng với điều kiện quĩ vốn ngày càng lớn, nhưng cuối cùng thì thảm họa là tất yếu không sao tránh khỏi!

Đây là mánh lừa đảo có tên "cục tuyết lăn". Tên bịp có thể đút túi những khoản tiền lớn nhưng phải biết rút lui đúng lúc. Khi thấy tình hình nguy ngập, nó phải bày mưu để trút trách nhiệm lên đầu một thằng ngu, thằng này sẽ gánh tội cho thằng trước.

Camille Moreau hiểu ra rằng mình chính là thằng ngu đó. Nhưng vì không còn lựa chọn nào khác, vì muốn ngày thảm họa càng lâu tới càng tốt nên gã đành lao đầu vào thứ lôgic ma quái đó, vào cuộc chạy trốn điên rồ đó. Mỗi ngày càng cần có nhiều tiền hơn để trả lãi cho khách, tuy biết rồi đây sẽ mang những món nợ khổng lồ. Gã tuyển mười tám tên cò mồi trên khắp nước Pháp. Những tên cò rất đắc lực, làm việc rất hiệu quả, rủ được rất nhiều người tham gia đầu tư. Trong số cò này, có một số nhân viên ngân hàng, nhiều viên chức và một thanh tra cảnh sát!

Camille Moreau không sợ khách khiếu kiện gã trước tòa. Vì bản thân họ cũng phạm pháp, há miệng mắc quai. Tiền họ gửi phần lớn là những thu nhập bất hợp pháp, những khoản doanh thu không khai báo, trốn thuế. Họ cũng đã được bọn cò cho biết số tiền họ gửi sẽ được chuyển ra nước ngoài, tiền lãi sẽ chuyển về nước. Nghĩa là họ tham gia việc xuất khẩu bất hợp pháp đồng frăng. Tất nhiên trong thực tiễn số tiền này không hề ra khỏi nước Pháp, nhưng họ vẫn có thể bị buộc tội: chấp thuận phạm tội.

Không lo bị khách hàng tố giác, khiếu kiện, Camille Moreau chỉ lo việc luân chuyển tiền mặt quá lớn và ngày càng lớn sẽ bị phát hiện. Quả nhiên sự việc đã diễn ra đúng như vậy. Ngày 17 tháng Mười Một năm 1988, đội Cảnh sát Tài chính quăng mẻ lưới bắt giữ một lúc mười bảy người. Trong đó đương nhiên có Camille Moreau. Trong máy tính của gã có danh sách tất cả những người gửi tiền. Họ đều có thể bị truy tố nhưng các cơ quan điều tra và tòa án đều chủ trương khoan hồng nhằm tránh gây xìcăngđan…

Cuộc phiêu lưu kết thúc bằng sự khánh kiệt của không ít người. Cư dân thành phố ngó mặt nhìn nhau tưng hửng, tiếc của buốt ruột mà không dám kêu to. Riêng các chủ ngân hàng vui nổ trời.

Lâu nay họ bị la ó vì đưa ra lãi suất tiền gửi chỉ có sáu phần trăm, giờ đây khách hàng nườm nượp kéo tới tìm họ, nhiều người trong số đó có vẻ mặt tiu nghỉu như mèo bị cắt tai.

Tháng Mười Hai năm 1992, tòa tiểu hình số 12 của Paris mở phiên xét xử các tên tội phạm. Công tố viên đề nghị những mức án nghiêm khắc. Tháng Hai 1993 tòa tuyên án: Camille Moreau ba năm tù, có sáu tháng được hưởng án treo, nộp phạt một triệu ba trăm ngàn frăng. "Ông René" lĩnh án ba năm tù, có ba mươi tháng được hưởng án treo, nộp một triệu frăng tiền phạt. Bọn tay sai, cò mồi của Camille Moreau cũng lĩnh án tù nhẹ nhưng bị phạt tiền nặng; trong bọn họ có tám người được miễn tố…

Mánh lừa cuối cùng bằng thủ đoạn "cục tuyết lăn" bị phát hiện đã kết thúc như vậy. Nhưng chắc chắn sẽ còn nhiều vụ tương tự sẽ xẩy ra trong tương lai, vì trên đời này vẫn còn rất nhiều kẻ vì tham mà mất hết tỉnh táo, mất hết ý thức về đạo đức.

Cần nói rõ, và nhắc đi nhắc lại mãi mãi rằng: lãi suất đầu tư lên tới mười phần trăm tháng, hoặc hơn nữa, nhất định là chuyện bịp bợm.

Vị khách mua đồ cổ

Bà Gousset Faure thừ người ngắm chiếc tủ commốt cổ rất đẹp kiểu Louis XVI. Bà nhớ như in: đây là món quà của cô em con ông chú ruột tặng khi bà lấy chồng. Năm 1993 này, chồng bà đã qua đời từ lâu, bà đã nghỉ hưu cũng đã lâu, cuộc sống tuy không khó khăn túng thiếu nhưng bà Gousset Faure tính chuyện bán chiếc tủ đồ cổ kiếm vài triệu chi tiêu vào những khoản thiết thực hơn. Mặt khác, giữa khung cảnh trang trí toàn những thứ đời mới, bà thấy chiếc commốt thời Louis XVI hơi lạc điệu.

Ngay chiều hôm đó, bà Gousset thuê đăng trên báo mấy dòng rao vặt: "Bán một commốt đời Louis XVI, đồ cổ thứ thiệt, có bảo đảm, tình trạng tuyệt hảo. Có thể tới xem và thương lượng giá cả. Liên hệ điện thoại số…"

Vài ngày sau bà Gousset nhận được cú điện thoại. Người gọi là đàn ông có giọng nói rất dễ nghe, lời lẽ rất lịch sự chứng tỏ ông ta là người đàng hoàng. Ông ta hỏi chủ nhà về chiếc tủ, giá bán, màu sắc mặt đá cẩm thạch, tình trạng các ngăn tủ, các núm bằng đồng. Cuối cùng, ông khách hỏi có được cùng với một người bạn tới xem tủ không, và mong chủ nhà cũng thông cảm, mua một món hàng quí như thế này dĩ nhiên phải nhờ chuyên gia về đồ cổ tư vấn giúp.

Bà Gousset Faure vui lòng hẹn ông khách một cuộc gặp tại nhà.

Khi hai vị khách tới, họ tạo ngay ấn tượng rất tốt cho bà chủ nhà. Họ ăn vận sang trọng, cử chỉ khoan thai nền nã, nói năng lịch

sự. Liếc mắt nhìn qua căn hộ, họ không ngớt lời ca ngợi cách bài trí rất đẹp mắt rất hợp thời, và cũng gật gù tỏ ý tiếc: chiếc commốt đúng là hơi cô đơn giữa khung cảnh đầy nữ tính. Họ xem rất kĩ chiếc tủ cổ, lật ngược mặt tủ bằng cẩm thạch, đóng mở các ngăn kéo nhiều lần, nằm bò ra sàn nhà tìm xem dấu đảm bảo của nghệ nhân đóng tủ, thăm dò khả năng chủ nhà hạ bớt giá… rồi ra về sau khi hứa trong vòng hai ngày tới sẽ trả lời dứt khoát. Một người đưa tấm danh thiếp ghi địa chỉ: một thành phố ở khá sâu trong nội địa.

Hai giờ sau bà Gousset Faure nhận được cú điện thoại của một người đàn ông nhưng nghe giọng nói không phải giọng của một trong hai vị khách vừa tới xem tủ. Người đó rào đón khá dài dòng rồi mới tự giới thiệu mình cũng buôn bán đồ cổ và cho biết: một giờ trước đây ông ta vừa tiếp hai vị khách ăn vận sang trọng tới mua một số đồ cổ bằng bạc. Nhưng ông ta sinh nghi khi họ đề nghị thanh toán bằng thẻ ngân hàng, trên thẻ ghi một cái tên phụ nữ dễ nhớ vì không phổ biến lắm. Vì thế ông ta từ chối và tìm trong danh bạ điện thoại số máy của bà Gousset Faure để hỏi xem bà có bị mất tấm thẻ ngân hàng đó không.

Bà Gousset Faure buông máy chạy vội vào phòng ngủ, mở xắc tay tìm chiếc ví. Tấm thẻ ngân hàng mọi khi vẫn kẹp trong mảnh bìa cất kĩ trong ví đã không cánh mà bay. Bà lục tung tất cả, dốc hết mọi thứ trong ví ra bàn. Không hồ nghi gì nữa, hai tên giả bộ nhà buôn đồ cổ đã chôm mất rồi. Bà lại chạy ra cầm máy nói rõ sự tình và cám ơn con người tốt bụng đã báo cho bà biết tin chẳng lành.

Bà hỏi: tôi phải làm gì bây giờ? Ông chủ cửa hàng đồ cổ tốt bụng khuyên:

– Điều duy nhất cần làm và phải làm ngay lập tức là báo cho bộ phận cấp thẻ của ngân hàng biết tin bà bị mất trộm thẻ để họ kịp thời từ chối mọi giao dịch mua bán bằng chiếc thẻ đó.

– Vâng vâng, ông nói đúng quá. Tôi phải đi tìm số điện thoại của họ ngay…

– Khỏi mất thì giờ tìm kiếm, thưa bà. Số máy đó tôi đã thuộc nằm lòng để đề phòng các sự cố tương tự. Bà ghi nhé: 38 42 67……. - Nhớ gọi ngay kẻo không kịp!

Bà Gousset Faure cuống quít cám ơn một lần nữa, gác máy, bấm số điện thoại bộ phận thẻ tín dụng của ngân hàng.

Sau vài ba hồi chuông, có người nhấc máy. Rồi giọng một phụ nữ cất lên trong ống nghe, thản nhiên, rất nghề nghiệp:

– Phòng thẻ tín dụng nghe!

Bà Gousset Faure vẫn hơi cuống, cố trấn tĩnh để trình bầy sự việc: cách đây hai tiếng đồng hồ có hai người đàn ông đã vào nhà lấy trộm thẻ tín dụng của bà để trong xắc tay. Bà yêu cầu từ chối chi trả.

Người phụ nữ đang tiếp chuyện từ tốn hỏi rõ họ tên bà Gousset Faure, địa chỉ, ngân hàng phát hành thẻ, số thẻ (may mà bà còn giữ được mấy con số ghi các lần mua gần đây bằng miếng plastic quí giá). Sau khi hỏi thêm vài chi tiết nữa, nhân viên ngân hàng hỏi:

– Mã số của bà là gì? Phải biết mã số mới làm thủ tục từ chối chi trả được.

Bà Gousset Faure thuộc làu mã số của mình nên trả lời được ngay. Rồi yên chí gác máy. Sáng mai bà sẽ ghé ngân hàng lĩnh chiếc thẻ mới. Và qua kinh nghiệm nhớ đời vừa rồi, bà sẽ hết sức

cảnh giác đề phòng bọn kẻ trộm giả danh buôn bán đồ cổ. Cha tổ bọn bay! Tao đã kịp thời chặn tay chúng mày rồi đó! Đừng hòng lấy được nửa xu từ thẻ tín dụng của tao!

Hôm sau, khi đọc bản kê số dư tiền gửi ngân hàng bà Gousset Faure choáng váng nhận ra sự thật cay đắng: thẻ tín dụng của bà vẫn có giá trị, hai tên lừa đảo đã dùng tấm thẻ đó mua nhiều món hàng trị giá hơn hai ngàn frăng. Thế là thế nào? Bà đã thông báo bị mất thẻ, đã yêu cầu không chi trả cơ mà?

Chẳng có gì khó hiểu. Ông chủ cửa hàng mua bán đồ cổ tốt bụng cũng là tên bịp, nó nhanh nhảu cho bà số máy nói là của bộ phận cấp thẻ tín dụng nhưng thực ra là máy của một cabin điện thoại công cộng. Ở đó, bồ nhí của nó đã chực sẵn, sắm vai nhân viên bộ phận cấp thẻ để hỏi mã số PIN của bà Gousset Faure. Rồi hai đứa khoác tay nhau đi mua sắm thoải mái!

Việc nhẹ lương cao

Trong phòng tiếp tân ở thành phố MontréalBắc, chàng trai 20 tuổi tóc vàng hùng hồn tuyên bố trước gần hai trăm thính giả tụ tập trong phòng đang cuồng nhiệt vỗ tay hoan hô rầm trời:

– Tôi chạy xe Porsche, mỗi tháng thu nhập ba bốn ngàn đô tuy chỉ phải làm việc mỗi ngày chừng vài ba giờ. Quí vị hoàn toàn có thể sống cuộc đời trong mộng như tôi. Từ hôm nay, quí vị bắt đầu một cuộc sống khác…

Chàng trai chưa học hết cấp ba này hứa hẹn mang lại giàu sang phú quí cho mọi người có mặt tại đây qua việc mang bán những loại thuốc chống béo phì.

Chị Diane là một trong số những người tới đây sau khi đọc mẩu rao vặt trên báo hứa cung cấp việc làm cho mọi người có yêu cầu. Nhưng chị tới không phải để kiếm việc làm như họ, vì chị là phóng viên điều tra của một tờ tạp chí lớn tờ Sélection, đang muốn viết một phóng sự về thị trường lao động.

Sau diễn giả trẻ tuổi, khoảng mười người nối chân nhau lên diễn đàn chứng minh: làm giầu là chuyện dễ ợt. Họ thuộc nhiều tầng lớp xã hội, nhiều lứa tuổi, không xấu xí cũng chẳng đẹp mã. Tất cả đều thề thốt nặng lời rằng họ sống rất sung túc nhờ bán loại sản phẩm chống mập đó. Mấy người đầu chỉ tiết lộ khoản thu nhập vừa phải, mấy diễn giả lên sau cho biết họ thu nhập những khoản tiền đáng nể: từ 4.000 đến 7.000 đô mỗi tháng, mà chỉ cần làm việc bán

thời gian! Và chỉ đầu tư một số vốn rất nhỏ. Chúc mừng quí vị gia nhập kênh bán hàng hình chóp nón: mua hàng, bán lại và tuyển thêm người cùng làm như mình. Thế là phất to! Cách bán háng này bây giờ được gọi là bán háng đa cấp.

Điều họ không nói ra là: trước khi được chạy xe Porsche, quí vị sẽ trầy da tróc vẩy.

Một cặp vợ chồng lên diễn đàn nói họ thu nhập 200.000 đô mỗi năm. Nhờ loại thuốc chống mập này bán chạy như tôm tươi do hiệu quả rất cao. Hãy nhìn xem: bà kia giảm được 6 ký, khỏi luôn bệnh đái tháo đường và bệnh cholestérol cao. Còn bà này nữa, giảm được 8 ký và hết cả đau khớp. Xen kẽ lời các diễn giả, nhạc disco càng lúc càng rầm rộ chói tai, đám đông vỗ tay từng nhịp. Chị Diane cảm thấy như đang dự nghi lễ của một giáo phái bí ẩn nào đó… Nhà tâm lí học Gilles Vachon phân tích: tiếng nhạc giật gân, tiếng vỗ tay hoan hô, lời các nhân chứng hòa quyện vào nhau tạo thành bầu không khí đầy điện hút tâm trí tất cả mọi người, tạo tâm lí tương tự nhau, gọi là tâm lí đám đông, có người gọi một cách hơi hoang dã là tâm lí bầy đàn. Bạn khó có thể cưỡng nổi: sức ép tập thể của đòi hỏi tương hợp mạnh tới mức nó vô hiệu hóa khả năng chống trả của bạn, làm cùn mòn khả năng phê phán khả năng phân biệt phải trái của bạn. Nó làm bạn tất yếu đi tới kết luận: đây là cơ may đổi đời.

Kênh bán hàng hình chóp nón (MLM: Multi Level Marketing) là gì? Để bạn đọc dễ hình dung, xin giới thiệu mô hình của một công ty dược phẩm Trung Quốc. Ông A mua thuốc một lần với số tiền 200 đô sẽ được coi là nhân viên chào hàng sơ cấp của công ty. Sau đó, nếu A giới thiệu được 3 người mua hàng với số tiền 200 đô một lần và tổng số tiền mua hàng của toàn bộ những người do A giới

thiệu đạt được 1.000 đô thì A trở thành nhân viên chào hàng cấp 1. Quyền lợi của A lúc này là được hưởng 24% tiền thưởng trực tiếp cộng với 19% tiền thưởng gián tiếp. Cứ thế A cố gắng leo dần lên đỉnh chóp nón để trở thành nhân viên chào hàng cấp 5 (nắm trong tay mạng lưới người chào hàng với tổng thành tích tích lũy đạt 600.000 đô và một số điều kiện khác). Lên tới cấp này A sẽ được hưởng 40% tiền thưởng trực tiếp cộng với 35 % gián tiếp. Ngoài ra còn có thể được những phần thưởng như đi du lịch, được tặng ô tô, được công nhận là Giám đốc Danh dự của công ty và nhiều ưu ái hấp dẫn khác…

Để leo tới những đỉnh cao đó, A phải ra sức tuyển mộ thật nhiều người bán hàng cho công ty để được hưởng phần trăm doanh số bán hàng của họ, và bản thân A cũng phải mua hàng của công ty. Còn nếu bất tài, A sẽ lẽo đẽo mãi ở đáy hình chóp nón và nhìn công sức mình bỏ ra bị các nhân viên chào hàng cấp trên xà xẻo mất phần lớn.

Ngay tại cuộc họp kể trên, chị Jeanne Goujon 20 tuổi được bà bạn Nicole ra sức dụ mua túi hàng của một công ty nhận bà ta làm nhân viên chào hàng trong mạng lưới hình chóp của công ty. Jeanne khôn khéo từ chối, hẹn sẽ suy nghĩ và trả lời sau trên điện thoại. Một tuần sau chị Diane phóng viên tờ Sélection hỏi Jeanne đã nhận việc làm mang lại thu nhập vài ngàn đô/tháng chưa. Jeanne cười đáp: “Chắc cũng có một ai đó thành công trong nghề này, nhưng bữa ấy không thấy người may mắn ấy tới dự họp. Em hẹn bừa Nicole như vậy để khỏi bị bà ta chèo kéo dai như đỉa bám.”

Nhà tâm lí học Gilles Vallon nhận xét: “Jeanne xử trí rất sáng suốt. Tuy bị sức ép mạnh của bà Nicole cộng với không khí đầy

kích động trong phòng họp nhưng cô ta đã thoát ra được bằng cách hẹn gặp lại sau. Jeanne tránh được cạm bẫy trong khi rất nhiều người khác đã mắc hợm. Đó là những người thất nghiệp đang cần tiền, những người sống cô đơn đang cần không khí tập thể, những người bị o ép trong công việc đang cần được tự do. Họ có những nhu cầu mãnh liệt nên dễ rơi vào tay bọn bịp bợm."… Nhà tâm lí học viết tiếp: "Đừng tưởng chỉ những người đơn chiếc, ít học, túng thiếu mới bị mắc bẫy. Tuy họ là những mục tiêu lí tưởng cho bọn bịp nhắm vào, nhưng thói tham tiền và sự khờ dại không dễ bị bằng cấp quét sạch. Tôi biết có những luật sư, những nhà tâm lí học cũng bị chúng lừa dối. Và những nạn nhân này lại làm tăng thêm uy tín cho chúng dễ bề nhử thêm nhiều người khác vào tròng".

Trường hợp cô Denise là một ví dụ. Đã tốt nghiệp cấp ba, cô gửi lí lịch tới nhiều công ty xin việc làm nhưng đều bị từ chối vì chưa có kinh nghiệm. Mãi tới bữa bạn trai của cô cho biết chủ anh ta đang cần những người có bằng cấp như cô. Đây là công ty Lợi nhuận Quốc tế, chuyên tuyển mộ nhân viên cho các công ty danh tiếng đại loại như Coca Cola. Bữa Denise tới dự tuyển, công ty đòi cô đóng 1.800 đô để trở thành cộng tác viên. "Em do dự, hỏi họ liệu em có thể vào làm mà không đóng tiền không? Không, họ đáp. Bạn bè khuyên em đừng đóng tiền, nhưng vì muốn thử xem sao nên em cứ đóng. Công việc họ giao cho em không đúng như đã hứa hẹn: thay vì làm công việc tuyển chọn nhân viên cho các công ty nổi tiếng, em chỉ giúp khách hàng viết lí lịch. Hỏi thì được trả lời: Rồi sẽ có dịp gặp gỡ các công ty đó. Rồi sẽ, rồi sẽ, cứ thế mãi…"

Một tháng sau họ bảo Denise đóng 5.000 đô để mở một chi nhánh. Cô từ chối. Ba tháng sau, chủ của cô bị ra tòa về tội lậu

thuế. Denise mất toi số tiền thế chân, cộng với mấy tháng lương, tất cả lên tới 4.000. Nhiều người khác mất hàng chục ngàn đô. Vì ai muốn vào làm cũng phải thế chân từ 1.800 đến 2.500 đô. Người cấp trên của Denise đã bán hết cơ nghiệp đóng 10.000 đô hòng có việc làm đỡ vất vả và có thu nhập ổn định hơn nghề buôn bán vặt ông ta đang làm.

Tuy gã chủ công ty Lợi nhuận Quốc tế phải ra hầu tòa, nhưng Denise và các nạn nhân khác chẳng thu về được đồng nào. Những vụ án tương tự đều kết thúc như vậy, vì bọn lừa đảo thường ẩm tiền trốn biệt, hoặc không đứng tên sở hữu một khoản tài sản nào. Mặt khác, phần lớn các nạn nhân đều không khiếu kiện vì "cần có quyết tâm lớn và biết sắp xếp thì giờ, công việc, nhất là phải có nhiều tiền mới theo đuổi được vụ kiện", luật sư Philippe Trudel giải thích. Hơn nữa, số tiền bị mất thường tương đối không lớn nên các nạn nhân thấy nên quên đi cho nhẹ mình, để thì giờ lo việc khác. Một phần cũng vì họ sĩ diện không muốn tỏ ra mình là người khờ khạo. Denise thú nhận: "Các luật sư lo vụ kiện tập thể của bọn em đều tỏ ý không hiểu tại sao em lại ngây thơ tới mức để bọn chúng lừa dễ dàng như vậy".

Hiện nay Denise điều hành phòng y tá của một bệnh viện. Cô nói: "Chỗ làm đầu tiên trong đời đã để lại cho em một nỗi hãi hùng ghê gớm. Vì thế em kiếm một chỗ làm ăn chắc trong khu vực phục vụ công cộng và sẽ không bao giờ rời bỏ". Cô kết luận: "Bọn lừa đảo ấy có thể sẽ dựng lên nhiều doanh nghiệp ma, hứa hẹn những chỗ làm béo bở và bóc lột nhiều nạn nhân khác nữa, mặc dầu lí lịch tư pháp của chúng dầy đặc tiền án tiền sự. Tại sao không ai kiểm tra, ngăn chặn hành vi vô nhân đạo của chúng?"

Những lời hứa tạo công ăn việc làm béo bở thời nào cũng có, vì thời nào cũng có bọn lừa đảo. Các lời rao "Việc cần người", các "Thông báo tuyển dụng" nhan nhản trên các trang báo, trên cột điện và trên Internet. Chúng đặc biệt nở rộ như nấm độc sau mưa khi nền kinh tế quốc gia đi vào giai đoạn suy thoái. Vì ở thời kì này, tính tham lam tăng vọt trong bọn bịp bợm cũng như trong các nạn nhân của chúng. Bọn lừa đảo có cơ hội tận dụng thói tham lam và khờ dại của thiên hạ.Vì vậy, đầu thập kỉ 90 đã chứng kiến sự nẩy nòi của hàng loạt tên bịp có cỡ. Một ví dụ: Công ty Trợ giúp Việc làm Quốc gia với lời hứa chắc như đinh đóng cột: bất cứ ai tới yêu cầu cũng sẽ kiếm được việc làm, chỉ cần nộp 200 đôla lệ phí làm hồ sơ. Nộp xong, bạn cứ việc dài cổ mà chờ. Mỗi lần tới hỏi kết quả đều được trả lời: bạn không đáp ứng đủ tiêu chuẩn của nhà tuyển mộ. Hoặc: chúng tôi vừa giới thiệu một người có những tiêu chuẩn y hệt bạn, chắc chắn sắp tới lượt bạn, hãy kiên nhẫn đừng sốt ruột. Luật sư Jean Pierre Fafard đã thay mặt 2.000 nạn nhân quả lừa này đưa vụ việc ra tòa. Công ty Trợ giúp Việc làm Quốc gia bị buộc tội lừa đảo, nhưng không phải bồi thường một xu nhỏ cho các nạn nhân vì… nhà chức trách không tìm thấy bất cứ khoản tài sản nào của tên bịp.

Việc làm tại gia là quả lừa có tính kinh điển. Chị Diane thử gửi cho một hộp thư 41 đôla để mua một cuốn niên giám đăng tên nhiều doanh nghiệp đang cần thuê hàng trăm người làm việc tại nhà. Những thông tin này đều do Văn phòng Bảo vệ Người làm Tại Gia sưu tầm và đăng tải. Đây là một tổ chức bịp bợm ở Ontario, chúng khéo chọn được cái tên dễ gây tin tưởng. Các người đứng ra tuyển mộ đều làm ăn tận bên Mĩ, số đông cho địa chỉ là một hộp thư. Tất cả đều hứa trả công cao cho một công việc rất nhẹ nhàng,

đại loại như lắp ráp một món đồ đơn giản, có thể vừa xem tivi vừa làm cũng được và chỉ sau ba phút là hoàn thành một sản phẩm. Việc nhẹ, thu nhập cao, được làm tại nhà, còn gì thú vị bằng?

Dĩ nhiên ai muốn làm việc cho họ cũng phải đầu tư. Một doanh nghiệp loại đó đòi ứng viên nộp 120 đô, sẽ được hoàn trả khi bạn gửi cho họ những sản phẩm đầu tiên. Luật sư Philippe Trudel cho biết: một thân chủ của ông đang thất nghiệp đã mắc bẫy. Công việc được giao: sơn những con vịt gỗ. Và để đạt được mức tiền công đã hứa, ông này phải làm việc cật lực 15 giờ/ngày.

Nào đã hết! Sản phẩm của bạn có được chấp nhận không đã! Năm 1994, tạp chí Tự cứu điều tra một doanh nghiệp thuê thợ lắp ráp những bông hoa tai. Trong số 630 người nhận việc về làm ở nhà, chỉ có 268 người làm ra những nữ trang đáp ứng yêu cầu của chủ. Những người kia mất đứt khoản tiền thế chấp.

Sau khi chuyển tới Montréal Bắc, chị Diane kết luận bài phóng sự điều tra của mình: "Hôm sau tôi tới tòa báo làm việc với tâm trạng vui vẻ hơn bao giờ hết. Thật hạnh phúc khi được làm một công việc thực sự, trong một phòng làm việc đàng hoàng, cứ mỗi nửa tháng lại được nhận tờ ngân phiếu trả lương. Ngồi đây tôi không khỏi đôi khi lại nghĩ tới những người tôi gặp trong cuộc họp hôm đó. Trong số họ, bao nhiêu người đã tin vào những lời đường mật của bọn bịp bợm? Bao nhiêu người sẽ tới dự cuộc họp sau? Chắc sẽ rất đông, và bọn lừa đảo biết trước như vậy". Đúng như nhà tâm lí học Gilles Vachon nhận định: "Bọn lừa đảo tuy không có bằng tiến sĩ tâm lí như tôi, nhưng chúng nắm rất vững bản chất con người và rất thạo cách mê hoặc họ".

Lời khuyên của các luật gia kinh tế:

* Không bao giờ giao dịch với những doanh nghiệp mà trụ sở chỉ là một hòm thư.

* Không giao dịch với một cơ quan giới thiệu việc làm khi họ không cung cấp được cho bạn danh sách những chủ doanh nghiệp mà họ có liên hệ công tác.

* Nên biết: những doanh nghiệp đàng hoàng khi giao việc cho người gia công tại nhà bao giờ cũng cung cấp đủ mọi phụ kiện cần thiết. Nếu không, đó chỉ là những kẻ theo đuổi mục đích đẩy hàng của họ cho bạn.

* Nên tìm hiểu xem đằng sau doanh nghiệp tuyển dụng bạn là cái gì. (Ở Québec, người dân có thể tới văn phòng Chánh Thanh tra các định chế Tài chính để được thông tin về các doanh nghiệp). Hãy cảnh giác với những công ty cổ phần mà cổ đông là những doanh nghiệp không có tên mà chỉ là những con số.

* Nếu người tuyển mộ bạn có vẻ không đáng tin cậy, bạn hãy tới tìm hiểu tại tòa án hoặc cơ quan cảnh sát. Có thể sẽ thấy hồ sơ phạm pháp của hắn tại đó.

* Nếu thấy lời hứa về công việc, về mức lương quá đẹp để có thể là sự thật, bạn hãy nghe theo linh tính của mình: bỏ chạy ngay và chạy thật xa!

Viên thuốc cường dương

Hình dáng Léopold Mader thiếu tá quân đội Áo trông rất oai vệ: cao lớn, râu muối tiêu, dáng điệu cứng cỏi, giọng nói nghiêm nghị… tất cả những nét cần có để xứng danh sĩ quan bộ Tham mưu. Ông ta biết rõ mình có địa vị cao sang tới mức nào trong xã hội: ở Áo cũng như ở tất cả các nước châu Âu, quân đội là niềm tự hào, là ước mơ cháy bỏng của mọi công dân. Nhất là bộ Tham mưu, nơi tập trung mọi tinh hoa của quân đội.

Bữa đó, sau khi làm việc ở Học viện Quân sự thiếu tá Mader trở về ngôi nhà công vụ dành riêng cho ông ta ở trung tâm thủ đô Viên. Ngồi một mình trong văn phòng, thiếu tá lướt qua các tờ báo trong ngày rồi bóc tập thư do sĩ quan tùy tùng vừa đặt lên bàn. Ngay lập tức, thiếu tá để ý chiếc phong bì dầy nhất bằng giấy cứng, bên trong hình như có một vật nho nhỏ.

Mader hơi lạ, bóc ngay phong bì. Một tờ thông báo in photo rơi ra. Góc trên có tiêu đề Charles Francis, nội dung tờ thông báo viết:

“Thưa quí ngài,

Dùng viên thuốc cường dương do chúng tôi bào chế theo phương pháp khoa học hiện đại nhất, quí ngài sẽ có đầy đủ sức mạnh cần thiết để chứng minh tình yêu của quí ngài mãnh liệt biết chừng nào…”

Tiếp theo là những lời lẽ rất kêu, ngợi ca hiệu quả kì diệu của liệu pháp do bác sĩ Charles Francis phát minh.

Kèm theo thông báo có một viên nang tròn trịa, màu xám.

Thiếu tá Mader vuốt râu mép, đắn đo hồi lâu… Ông đã thấy các báo quảng cáo rầm rộ vụ này từ khá lâu nay. Giờ đây nhà sản xuất lại có thêm sáng kiến gửi hàng mẫu đến tận nhà. Nhưng sao lại gửi cho ta? Thiếu tá hơi phật ý thấy mình có tên trong danh sách khách hàng thân thiết được nhà sản xuất thuốc cường dương dự kiến tuyển chọn. Nhưng dù sao cũng phải thừa nhận một sự thật còn khó chịu hơn nhiều… Nét mặt hờn dỗi của cô bồ nhí Eloa những lần thiếu tá không đáp ứng được chiếc thùng không đáy của cô ta…

Tờ thông báo kết luận "Thử tức là chọn". Thiếu tá nghĩ bụng: tại sao không thử? Ta bí mật dùng thuốc, ai biết được chuyện ma ăn cỗ?

Mader rót li nước, nuốt chửng viên thuốc… và buông rơi ngay chiếc li vỡ tan tành, hai tay chụp vội lên cổ rồi ngã vật xuống thảm.

Tội nghiệp thiếu tá! Tưởng không ai hay biết vụ thiếu tá dùng thuốc nhằm thỏa mãn đòi hỏi của cô bồ nhí, nhưng cái chết của ông lại làm cả nước Áo bàn tán sôi nổi, thậm chí vụ thuốc "Cường dương"còn làm cho cả hoàng đế François Joseph cũng phải để mắt rồng xem xét.

Ít phút sau khi tin dữ phát ra, đại úy quân cảnh Johann Kluck đã có mặt tại hiện trường. Bác sĩ gia đình của nhà Mader đứng đợi đại úy ngay bên cạnh xác chết. Bác sĩ chỉ tay xuống thảm:

– Da mặt xanh tím. Có mùi đặc trưng của cyanure K. Không nghi ngờ gì nữa: nạn nhân bị ngộ độc.

Đại úy Kluck phân vân: nguyên nhân nào khiến một sĩ quan tham mưu được trọng vọng như thiếu tá Mader phải tự sát? Bất

chợt đại úy trông thấy tờ quảng cáo trên bàn. “Kèm theo một viên làm mẫu”. Đại uý bất giác giật nẩy mình. Chết cha! Đây là án mạng!

Đại úy Kluck trở về văn phòng, trong đầu suy nghĩ rất lung. Sĩ quan tham mưu mà bị ám sát là chuyện cực kì nghiêm trọng. Phải làm rõ vụ này, nếu không thì đi đứt uy tín của cơ quan An ninh Quân đội. Sĩ quan tham mưu cũng là con người nên cũng có cuộc sống riêng tư. Phải rà soát kĩ mới tìm ra manh mối: do tình, tiền hay do ganh tị, thù riêng? Đại úy quyết săm soi từng chi tiết đời tư của nạn nhân trong hiện tại và trong dĩ vãng, và tìm hiểu sâu về Charles Francis bí ẩn, người phát minh ra môn thuốc thần…

Tin tức về vụ đầu độc xuất hiện ngay trong ngày trên trang nhất các báo chí thủ đô, do đó diễn biến tiếp theo của vụ án bỗng chuyển sang hướng khác hẳn.

Một sĩ quan mang vẻ mặt rất xúc động tay cầm tờ bào mới ra lò chạy vào phòng làm việc của đại úy Kluck.

– Báo cáo, tôi là trung úy Briesach sĩ quan bộ Tham mưu. Tôi vừa được tin về thiếu tá Mader. Sự việc này rất nghiêm trọng, thưa đại úy.

Trung úy rút trong túi lấy chiếc phong bì bằng giấy cứng màu vàng.

– Báo cáo đại úy, tôi vừa nhận được bữa qua. Mời đại úy xem: cũng là tờ quảng cáo của Charles Francis, cũng có một viên mẫu.

Đại úy Kluck tái mặt.

– Trung úy cho rằng… chúng định giết hai sĩ quan tham mưu?

– Không phải hai, mà bốn! Trung úy Fischer và đại úy Steiner cũng nhận được lá thư y hệt. Khi rời cơ quan ra về, ba chúng tôi cứ

chọc nhau mãi về thứ thuốc này và không ai muốn dùng thử. Nên mới thoát chết!

Mặt đại úy Kluck từ tái mét chuyển thành nhợt nhạt. Bốn sĩ quan tham mưu bị đầu độc! Thế là vụ này mang tầm cỡ quôc gia rồi! Đại úy vội tới ngay Bộ Quốc phòng. Và được đích thân bộ trưởng chỉ thị:

1. Kiểm nghiệm ngay ba viên thuốc.

2. Rà soát xem còn ai nhận được nữa không.3. Truy lùng và bắt giữ ngay Charles Francis.

Sau đó bộ trưởng xin yết kiến vua François Joseph.

Ngay hôm sau Kluck đã thực thi xong các chỉ thị của bộ trưởng. Các viên thuốc gửi cho ba sĩ quan nêu trên đều lèn chặt cyanure. Phòng xét nghiệm còn cho biết một chi tiết: bột thuốc độc được nhồi trong viên nang rất vụng về, nhất định không phải do một bàn tay chuyên nghiệp của bác sĩ hoặc dược sĩ… Ngoài ba sĩ quan tham mưu trên không còn ai khác nhận được tờ quảng cáo kèm theo viên thuốc mẫu của Charles Francis.

Đại úy Kluck bắt giữ Charles Francis không mấy khó khăn. Gã là công dân Anh sang định cư ở Vienna vừa tròn một năm. Do tội mạo nhận là bác sĩ, gã bị trục xuất khỏi nước Anh, rồi gả lẻn sang Áo kinh doanh món thuốc do hắn sáng chế.

Charles Francis khoảng sáu mươi, còm nhom, tóc hoa râm, đôi mắt gian xảo sau cặp kính lão. Khi đại úy thẩm vấn gã ta, nhiều sĩ quan cao cấp bộ tham mưu cùng ngồi dự làm gã giả danh bác sĩ khiếp đảm, ngồi thu lu trên ghế. Gã chối bai bải:

– Không phải tôi. Xin thề tôi không dính dáng vào vụ này. Các viên thuốc tôi bào chế đều vô thưởng vô phạt.

Kluck gí tờ quảng cáo vào mũi lão.

– Cái này cũng không phải của ông chứ? Không kí tên Charles Francis thì cái gì đây? So chữ kí trong thư với chữ kí trên tờ quảng cáo, chữ của ông chứ của ai vào đây? Chối làm gì vô ích!

Lão già trợn tròn mắt nhìn tờ giấy và lộ rõ vẻ thất vọng.

– Chúng giả mạo chữ kí! Thật kinh tởm! Chúng có âm mưu gây án mạng, chứ tôi làm vụ này phỏng có ích gì!

Đại úy quát:

– Để lĩnh thưởng của bọn Anh! Ông chẳng lạ gì mối quan hệ giữa nước tôi với nước Anh đang xấu đi!

Nghe quát thế Charles không còn hồn vía nào nữa.

– Tôi chẳng hiểu ông nói gì. Chỉ biết tôi vô tội.

Đại úy hỏi thêm nhiều câu nữa nhưng chẳng thu thập được gì hơn. Charles Francis bị giải vào trại phạm binh.

Các cơ quan An ninh, cơ quan Tình báo quân đội được lệnh điều tra xem có bàn tay nước ngoài không. Đại úy Kluck tiếp tục trong phạm vi hình sự. Và thu ngay được kết quả.

Thiếu phụ trẻ Gretel nhân viên bưu điện xin gặp đại úy.

– Tôi đã biết hung thủ từ ngày hôm kia. Hắn tới ghi sê đưa các bì thư nhờ gửi vì bì thư quá dầy bỏ không lọt thùng thư. Tôi để ý ngay vì cả bốn lá thư đều gửi cho các sĩ quan.

Đại úy Kluck chồm lên khỏi ghế.

– Mặt mũi hắn thế nào?

– Hắn ta còn trẻ, đẹp trai. Khoảng ba mươi, áo quần rất sang trọng, tóc nâu, mắt xanh, ria ngắn, đeo kính một mắt.

– Nói giọng lơ lớ?

– Không, giọng Đức rất chuẩn.

Kluck đã thấy nhẹ nhõm trong lòng tuy hình dáng như vậy có thể là của vô số người… Theo thói quen nghề nghiệp, đại úy gặng thêm:

– Trang phục có gì đặc biệt không?

Cô nhân viên bưu điện nghĩ một lát.

– Không thấy gì đặc biệt. Ông lạ gì, các quân nhân đều mặc như nhau cả.

Kluck suýt nghẹt thở.

– Hắn là quân nhân ư?

– Vâng. Là sĩ quan đeo quân hàm trung úy.

– Của quân đội nước nào?

Thiếu phụ tỏ vẻ ngạc nhiên rồi đáp:

– Của quân đội ta chứ của ai nữa?

Kluck cố gặng xem hắn thuộc quân binh chủng nào nhưng trình độ hiểu biết của Gretel không cao tới mức đó, cô chỉ biết gã trung úy đó không phải là hải quân.

Đại úy chưa nén được cơn xúc động thì một nhân chứng thứ hai xin gặp. Lothar Scheffel, nhân viên pha chế thuốc bước vào, nhưng không tỏ ra hăm hở lắm.

– Có lẽ điều tôi sắp nói không liên quan tới vụ này. Nhưng tôi thấy vẫn cần bào cho đại úy biết vì tôi thấy nghi nghi. Chuyện như thế này: cách đây một tuần có ông khách tới hỏi muốn nhồi thuốc bột vào viên nang thì phải làm thế nào. Tất nhiên tôi không hướng dẫn.

Đại úy vội thúc anh ta nói tiếp:

– Tin này rất quan trọng, quan trọng hơn anh tưởng. Nhân dạng thế nào?

Nhân viên pha chế dược phẩm tỏ vẻ bối rối.

– Đây là lí do tôi vừa nói có lẽ chuyện này không dính dáng tới vụ án… Vì người đó là một quân nhân.

Đại úy không tự chủ được nữa, hét toáng lên:

– Cấp bậc? Binh chủng?

Nhân viên pha chế không do dự:

– Trung úy. Pháo binh.

Cấp trên của Kluck được phi báo ngay. Tuy khó tin có sĩ quan quân đội định giết chiến hữu nhưng họ bật đèn xanh cho Kluck tiếp tục vì cơ quan An ninh, Tình báo không phát hiện có dấu hiệu nước ngoài.

Về mặt kĩ thuật, không có gì khó. Kluck ra lệnh tập trung toàn bộ lí lịch các trung úy pháo binh, chọn ra những chàng trong độ tuổi ba mươi, tóc nâu, mắt xanh. Rồi mời cô Gretel nhân viên bưu điện và Lothar nhân viên pha chế dược phẩm tới

Trên bàn làm việc, Kluck bày ra vài chục tấm ảnh chụp các viên trung úy. Cả hai nhân chứng không do dự, chỉ tay vào một tấm:

– Người này!

Phía sau tấm ảnh ghi: trung úy Adolf Hofrichter. Bản lí lịch nằm ngay trước mắt đại úy Kluck. Lí lịch ghi nhận xét "Là sĩ quan xuất sắc, thể hiện những phẩm chất tinh thần và phẩm chất quân sự rõ rệt nhưng có quá nhiều tham vọng thường bột phát một cách lộ liễu. Do khuyết điểm này nên không được tuyển vào bộ Tham mưu. Nhưng có tên trong danh sách dự bị, đứng hàng thứ tư".

Nói cách khác, nếu có bốn chiếc ghế trống trong bộ Tham mưu, Adolf Hofrichter tự khắc được một chiếc.

Kluck triệu tập Adolf Hofrichter tới. Đúng như đại úy đã hình dung, anh ta khá điển trai với bộ ria mép tỉa xén công phu, đeo chiếc kính một mắt… Nhưng từ con người anh ta toát ra một cái gì rất nham hiểm, rất độc ác. Một vẻ gì đó thật lạnh lùng, tàn bạo.

Đại úy không rào đón không úp mở:

– Chúng tôi biết hết rồi, Adolf! Tại sao đang là sĩ quan mà anh lại biến thành tên giết người?

Adolf Hofrichter biết không thể chối tội, thản nhiên khai hết.

– Do vợ tôi tất cả… Tháng trước cô ấy đọc bài báo tường thuật cuộc dạ hội của giới thượng lưu trong thành phố, có các sĩ quan bộ Tham mưu tới dự. Bài báo có đoạn viết về trung úy Biesach. Cô ấy cười và bảo tôi: "Giá như lấy anh này em đã có vinh dự được làm vợ một sĩ quan tham mưu và đi dự tiệc rồi". Cô ấy nói đùa thế thôi, nhưng tôi chịu không thấu.

Gã đăm đăm nhìn đại úy:

– Tôi mong ước được vào bộ Tham mưu từ nhiều năm nay. Tôi biết rõ tại sao không được vào. Do tôi không biết cách, không biết vờ vịt. Tất cả bạn bè tôi đều có tham vọng như tôi nhưng chỉ những kẻ khéo che đậy lòng tham dưới những lời lẽ mĩ miều mới được trọng dụng Nhưng tôi không biết làm như chúng nó nên không được cấp trên nhận xét tốt. Và tôi biết rõ bốn tên đang chặn đường tôi. Không sao tự kiềm chế được, thế là tôi… Adolf nhăn nhó khai tiếp:

– Đọc quảng cáo thứ thuốc của Charles Francis trên báo, tôi nghĩ ngay ra kế hoạch thủ tiêu các vật cản đường. Viên "thuốc

cường dương cho quí ông suy yếu" quả là thứ họ đang cần. Tôi giả mạo chữ kí của Charles Francis, photo tờ quảng cáo. Kiếm cyanure không khó, vì ai cũng có thể mua cả kí lô để làm ảnh.

Hung thủ hùng hồn kết luận:

– Tôi sai lầm ở chỗ đánh giá thấp tinh thần cảnh giác của chúng nó. Nên chỉ có một thằng bị: thiếu tá Mader.

Nó là tên ngu nhất trong bọn.

Trung úy Adolf Hofrichter bị điệu ra tòa án binh. Nhưng không ai biết phiên tòa đã diễn ra như thế nào. Theo lời đồn, đích thân vua François Joseph đã ra lệnh xử kín và thân chinh tới phiên tòa can thiệp, gỡ cho Adolf khỏi lĩnh án tử hình để vụ án càng ít gây ồn ào càng tốt. Hung thủ chỉ lĩnh án hai mươi năm tù.

Tên sát thủ ngoại hạng này còn được một dịp may cũng ngoại hạng. Đáng lẽ đến năm 1929 nó mới hết hạn tù nhưng năm 1918 Áo bại trận trong Thế chiến 1, quân đội phải giải giáp kéo theo cả hệ thống nhà tù quân đội. Các phạm binh được thả ra. Đa số bọn chúng là những quân nhân vô kỉ luật nhưng cũng có một số là những tên tội phạm hình sự, trong đó có Adolf Hofrichter. Sợ chuyển bọn này về nhà tù thường phạm sẽ gây rắc rối to về nhiều mặt nên vào khoảng cuối năm 1918 chính quyền quân sự thả Adolf và các tên khác. Từ đó không ai thấy tung tích hắn ta nữa.

Chẳng bao lâu sau nước Áo bước sang một giai đoạn bi thảm nhất trong lịch sử đất nước, giai đoạn những tên nhiều tham vọng nhất, vô liêm sỉ nhất nhẩy lên vũ đài chính trị, tha hồ làm mưa làm gió. Chắc chắn Adolf Hofrichter không bỏ lỡ cơ hội ngàn năm có một này để thực hiện tham vọng của nó. Y hệt tên đồng hương người Áo, kẻ cũng có cái tên trùng với tên hắn: Adolf Hitler.

Dịch vụ giới thiệu việc làm

Năm 1993 thanh niên nam nữ Pháp thât nghiệp rất đông, con đường đi kiếm công ăn việc làm cũng nhiều gian truân trắc trở không kém đường ra mặt trận. Một số ít thành công, số thất bại đông gấp nhiều lần.

Tuy thế Eric Remolieu một thành viên thâm niên trong đội quân thất nghiệp vẫn hi vọng: anh là một chàng trai tử tế, vẻ ngoài dễ coi, đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự với tấm bằng lái xe tải hạng nặng. Để tăng thêm cơ may đánh bại các đối thủ khác, anh thuê đăng lên mục "Người tìm việc" báo tin anh đang cần một chỗ lái xe tải đường dài. Quả là sáng kiến hay: ngay hôm sau Eric nhận được cú phôn của một người đàn ông có giọng nói nhiệt tình cho biết người đó là đại diện một công ty lớn vùng Tây Nam. Công ty đang cần một lái xe tải thay chân một lái xe vừa bất chợt ngã bệnh. Công việc phải hoàn thành: chở một chuyến hàng giữa Anh quốc và Tây Ban Nha trong mười ngày, ngoài tiền công còn được thêm mỗi ngày ba trăm năm chục frăng lộ phí.

Eric Remolieu thích được nhận một công việc dài hơi hơn, nhưng tự an ủi: dù sao đây cũng là bước khởi đầu thuận lợi, nếu mình làm việc tốt cộng với đôi chút may mắn được ông chủ tín nhiệm có thể sẽ có một chỗ làm ổn định theo hợp đồng hẳn hoi. Người đàn ông có giọng nói nhiệt tình hẹn Eric sáng mai tới gặp.

Hôm sau tới chỗ hẹn, Eric gặp người bữa qua đã trao đổi trên điện thoại. Anh ta tự giới thiệu là Albert, trông dễ có thiện cảm. Ngay sau cái bắt tay đầu tiên, Albert đã tỏ ra rất hồ hởi thân tình. Thấy Eric thưa bẩm có vẻ trịnh trọng anh ta vỗ vai:

– Đừng khách sáo nghe, cậu với tớ đều là dân lao động với nhau, cứ đối xử như anh em một nhà cho dễ…

Albert rất thông thạo công việc, hướng dẫn Eric Remolieu làm các giấy tờ cần thiết, dặn dò các mánh khóe đi đường, cách bịt mắt thuế quan, cách chọn chỗ ăn chỗ ngủ dọc đường, địa chỉ các quán trọ hiệu ăn ở Pháp ở Anh và Tây Ban Nha…

Lúc sắp chia tay, đại diện công ty nhắc cậu lái xe tải một chi tiết suýt quên:

– Nhân thể tớ dặn thêm cậu một điều: nhớ mang theo một ít tiền mặt để tiện chi xài dọc đường. Khi hoàn tất chuyến đi, công ty sẽ hoàn trả cho cậu.

Eric Remolieu hồn nhiên đáp:

– Tôi có ba ngàn frăng trong tài khoản vãng lai. Có nên rút hết không?

Albert gạt đi:

– Đừng! Rút làm gì nhiều thế? Hai ngàn là đủ.

– Vâng. Tôi đi ngay.

Albert sốt sắng:

– Tớ cùng đi với cậu cho vui.

Albert hẹn: ngày mai lúc mười bốn giờ sẽ khởi hành, Eric nhớ mang theo xắc du lịch và đừng quên mang áo len và áo mưa đề phòng thời tiết thay đổi, “Thời tiết nước Anh rất đỏng đảnh. Ta

phải chuẩn bị đối phó với nó". Lúc chia tay, gã Albert dễ thương có bộ ria mép trông rất ngầu bảo Eric Remolieu đưa gã số tiền hai ngàn frăng để gã đổi giúp ra bảng Anh và đồng peseta của Tây Ban Nha.

– Tớ có mối quen, đổi nhanh và được tỉ giá cao hơn. Đừng mang đi đổi ở ngân hàng cậu sẽ bị chúng nó ăn hết.

Eric Remolieu lúc này đã mơ màng tưởng mình đang lái chiếc xe bóng loáng bon bon trên các nẻo đường nước Pháp nên không ngần ngại đưa cho Albert chiếc phong bì đựng hai ngàn frăng.

Hôm sau đúng mười bốn giờ kém năm phút Eric Remolieu đã có mặt ở bến xe, chờ Albert tới dẫn đi giới thiệu với sếp và nhận xe. Chờ hơn một tiếng vẫn không thấy vị đại diện Albert mà cũng chẳng thấy người nào của công ty Tây Nam tới. Eric phôn tới công ty theo địa chỉ Albert đã dặn. Công ty cho biết: họ không có đại diện mà cũng chẳng có nhân viên nào tên Albert. Công ty chỉ biết: ít lâu nay trong vùng xuất hiện một tên lừa đảo thường áp dụng quả lừa y hệt tên "Albert" đó.

Cô gái già hám hư danh

Mỗi khi Madeleine lê chân ngoài phố, chẳng ai để mắt nhìn cô. Còn cô ta thì luôn cúi gằm mặt như muốn tránh con mắt soi mói của người qua đường, tuy thực ra có ai thèm để ý đến cô đâu!

Năm đó Madeleine ba mươi tuổi nhưng nếu cô nói mới đôi mươi hoặc đã năm mươi cũng đều được người nghe chấp nhận chẳng ai cãi lại… Bởi lẽ cô thuộc loại người không có tuổi, vì cô xấu gái quá. Tuy trên người không có chỗ nào khó coi, cô chỉ xấu gái một cách chung chung, một vẻ xấu xí không có tên gọi. Nhưng như thế lại giúp cô rất hợp với khung cảnh tỉnh lẻ cô đang ở. Một tỉnh nhỏ không sức sống, đang thoi thóp giữa mùa hè năm 1924. Một tỉnh nhỏ không bao giờ xẩy ra chuyện gì đáng nói, y hệt cuộc sống của cô Madeleine không bao giờ có chuyện gì đáng để mọi người nói đến cô. Trừ phi xẩy ra một phép lạ gì đó…

Từ lâu nay Madeleine Bertin vẫn sống cô độc, không đi làm, không hoạt động xã hội. Bố mẹ đã qua đời mấy năm nay, để lại khoản thừa kế giúp cô đủ sống, chẳng cần làm nghề gì, chẳng cần ai giúp giập vẫn sống được. Hình như số phận buộc cô phải sống đơn chiếc, đơn chiếc và cô độc.

Đã thế Madeleine lại mang nhiều bệnh oái oăm. Từ lâu cô bị lao phổi với những di chứng càng ngày càng trầm trọng. Hai chân bị lở loét rất đau, chữa mãi không đỡ. Mỗi bước chân đi là một cực hình, có những ngày cô không sao rời khỏi căn phòng đang ở.

Bệnh tật hành hạ khổ sở như thế khiến Madeleine phải tìm nơi ẩn náu trong đức tin, trong tôn giáo và trở thành người phụ nữ từ thiện. Những khi đôi chân vui lòng đưa đi, cô tới nhà thờ giáo xứ làm những việc phúc đức.

Cha xứ hết sức nâng đỡ Madeleine, luôn khuyên cô hãy nhẫn nại chờ một thế giới tốt đẹp hơn sẽ thu nhận cô. Cô gái quá lứa nhỡ thì cũng biết rằng đối với mình không có giải pháp nào khác, cô chẳng còn hi vọng một điều gì tốt lành trên thế gian này.

Nhưng một bữa kia, khi buổi lễ kết thúc, cha xứ bảo Madeleine:

– Con thử tới Lourdes xem sao. Nhiều người tới đó đã thu được kết quả không ngờ.

Lourdes nguyên là một thương trấn lớn với nét đặc trưng là một pháo đài nổi lên giữa thành phố trên vách đá dốc đứng. Năm 1858, sau khi có tin Đức Mẹ hiện ra với cô Bernadette Soubirous trong một hang đá nhỏ tên là Massabielle bên bờ sông Pau chảy qua thành phố, Lourdes trở thành một trong các trung tâm hành hương của tín đồ Công giáo khắp thế giới. Hàng năm có khoảng hơn 5 triệu khách hành hương tới Lourdes, trong đó có khoảng 60.000 bệnh nhân và người tàn tật đến cầu nguyện, xin phép lạ chữa bệnh. Ngay trong tháng Ba 1858 Catherine Latapie bị cố tật ở tay phải tuyên bố chị khỏi bệnh sau khi nhúng tay xuống suối, khỏi bệnh rồi đẻ luôn trong năm một bé trai về sau được cử làm linh mục.

Sau Catherine Latapie có 7000 người, đa số là phụ nữ tuyên bố đã được Đức Bà Lourdes chữa khỏi bệnh, nhưng Tòa Thánh Roma chỉ công nhận 67 trường hợp, gần một nửa số trường hợp này xẩy ra trong 50 năm đầu của hiện tượng Đức Bà xuất hiện. Hàng năm

có khoảng hơn 5 triệu khách hành hương tới Lourdes, trong đó có khoảng 60.000 bệnh nhân và người tàn tật đến cầu nguyện, xin phép lạ chữa bệnh.

Nhưng những năm gần đây số người báo tin được hưởng phép lạ ngày càng ít. Khi được hỏi: "Trong tương lai liệu có còn những phép lạ như trước kia không?" linh mục Jacques Perrier cai quản giáo xứ Lourdes mỉm cười đáp: "Tôi đâu phải thầy bói!"

Nghe cha xứ khuyên Madeleine đắn đo rất lâu, sợ chặng đường dài vất vả, lại vì đã quen sống cô đơn từ lâu nên cô sợ cả những người sẽ gặp trên đường đi tới Suối Thánh Lourdes. Nhưng dần dần Madeleine vượt qua mọi nỗi sợ, quyết định lên đường.

Cha xứ ra tận sân ga tiễn chân cô lên tàu hỏa đi Lourdes. Và chỉ ba ngày sau, cha tiếp một nữ tín đồ với vẻ cực kì xúc động tới báo tin vui:

– Thưa Cha… Cô Madeleine… Một phép lạ! Một cô bạn ở Lourdes vừa phôn cho con báo tin Madeleine đã đi lại bình thường như mọi người!

Đúng là đã xẩy ra một phép lạ. Tin lan nhanh trong thành phố làm không khí sôi động hẳn lên. Từ trước tới giờ không hề có chuyện gì khác thường xẩy ra ở đây, bây giờ bỗng có chuyện long trời lở đất, một phép thần!

Nhân đây cần nói rõ: hồi đó mọi người chưa biết gì về các bệnh y học ngày nay gọi là bệnh tâm thể. Khi mắc bệnh này cơ thể có những triệu chứng bị rối loạn nhưng nguyên nhân chủ yếu do trục trặc về tâm lí dù không bị tổn thương về tâm thần kinh. Loại bệnh này nhiều khi tự khỏi nếu những trục trặc tâm lí được giải tỏa, không cần thuốc thang gì.

Madeleine là một trường hợp như vậy. Thấy cô hết bệnh, mọi người do thiếu kiến thức khoa học nên lầm tưởng cô là người được tuyển chọn để thụ hưởng phép lạ của Đức Mẹ Đồng trinh ở Lourdes. Từ sự ngộ nhận đó, mọi người coi Madeleine là nhân vật rất quan trọng, quan trọng hơn và đáng tôn kính hơn ông thị trưởng, ông cảnh sát trưởng, thậm chí hơn cả đức giám mục!

Một tuần sau, biết tin Madeleine từ Lourdes trở về, hầu như toàn thể cư dân thành phố đều ra ga chờ đón. Trên hàng đầu đám đông cuồng nhiệt có thị trưởng và vị giám mục đứng bên dàn nhạc thành phố.

Đoàn tàu giảm tốc độ tiến vào sân ga rồi dừng lại. Người được hưởng phép lạ xuất hiện… Đám đông mừng rỡ hoan hô vang trời át hẳn đoạn nhạc mở đầu của dàn kèn đồng. Cô Madeleine nhanh nhẹn nhẩy xuống. Một bé gái ôm bó hoa tới tặng. Madeleine nhận hoa nhưng ngỡ ngàng không hiểu, ngó người nhìn đám đông đen đặc sân ga. Hai tay buông thõng cô đứng sững như trời trồng.

Thị trưởng đọc diễn văn chào mừng. Vẫn chưa hết hẳn cơn bàng hoàng Madeleine ghi nhận lõm bõm vài mẩu "đây là vinh dự lớn cho thành phố ta… ánh hào quang từ cô Madeleine phản chiếu trên mỗi người chúng ta…"

Cô Madeleine vẫn nghi nghi hoặc hoặc, chắc ông thị trưởng đang nói về một ai khác. Nhưng tên cô được ông nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong bài diễn văn "Madeleine Bertin… cô Bertin… Madeleine Bertin…" Đúng rồi, không hồ nghi gì nữa, ông thị trưởng đang nói về cô.

Đến lượt vị giám mục bước tới, nắm hai tay cô thật chặt, thật lâu rồi hôn lên trán cô, thì thầm một hồi với vẻ rất xúc động…

Madeleine vất vả len qua đám đông đang nhiệt liệt hoan hô mình để ra khỏi cửa ga. Cô lúng túng không biết nên cám ơn ai, nên mỉm cười với ai vì thấy ai cũng chen lấn, xô đẩy xung quanh để tới thật gần cô, tiếng gọi tên cô vang lên từ tứ phía… dường như ai cũng mong được cô ném cho một liếc mắt thoáng qua là đủ khiến họ hạnh phúc tột cùng…

Quả là vừa có một phép lạ. Không chỉ lạ ở chỗ Madeleine bỗng dưng hết đau chân đi lại bình thường mà còn ở chỗ Madeleine từ một cô gái tăm tối không ai để ý không ai biết chợt biến thành niềm vinh quang của cả thành phố, được tất cả mọi người chiêm ngưỡng, quí trọng, yêu mến.

Một tốp phó nhòm xông tới xin phép chụp ảnh.

– Xin quí cô cho một nụ cười thật tươi… Xin quí cô nhìn thẳng vào ống kính! Thế, thế! Cám ơn nhiều nhiều!

Lần đầu tiên trong đời môi cô nở một nụ cười làm vẻ mặt khó coi biến đổi hẳn, rạng rỡ, tỏa sáng.

Sau đó Madeleine phải trả lời phỏng vấn của giới nhà báo, trong đó có một số kí giả từ thủ đô Paris về đây săn tin. Paris, nơi cô không bao giờ mơ ước được đặt chân tới, nơi lâu nay cô vẫn coi là chốn thâm cung bí ẩn không thể lọt vào… vậy mà đang có những người từ đó về đây, vì cô!

Hôm sau chùm tin về người được hưởng phép lạ tràn ngập các trang báo. Lâu nay cô Madeleine chỉ đọc các ấn phẩm tôn giáo nhưng hôm nay cô mua trọn bộ các tờ báo xuất bản trong vùng, kể cả các tờ báo lớn của Paris. Tờ nào cũng chạy trên trang nhất những hàng tít lớn "CÔ GÁI ĐƯỢC ĐẶC ÂN Ở LOURDES", "LÀNH BỆNH NHỜ PHÉP LẠ" Ảnh cô phủ kín nhiều trang báo.

Khuôn mặt lâu nay làm cô xấu hổ, khuôn mặt lâu nay không ai muốn nhìn bây giờ đang mỉm cười.

Ngày tháng trôi qua, cuộc sống thường nhật với vô vàn lo toan đè nặng lên mọi người. Nhưng không vì vậy mà mọi người hết chiêm ngưỡng hết tôn sùng Madeleine. Mỗi khi cô vào nhà thờ cầu nguyện thể nào cũng có mấy chục người vào theo, nhập bọn với những người chực sẵn trong đó để ngắm nghía, chỉ trỏ, bàn tán, trầm trồ… Bước chân của Madeleine trên đường phố dẻo hơn, nhanh nhẹn hơn. Cô nhận thấy mọi người đều dễ thương hơn, cuộc sống của mình tươi đẹp hơn trước rất nhiều. Đêm đêm cô thường mơ những giấc mơ kì diệu…

Ba tháng sau.

Báo chí hết viết về Madeleine Bertin. Bao giờ chẳng thế, tin tức thời sự trên mặt báo phải luôn cập nhật, độc giả bao giờ cũng đòi hỏi những sự kiện mới, những nhân vật mới, những ngôi sao lạ, những tin giật gân mới. Sau ba tháng người dân thành phố đã quá quen với Madeleine, họ không quay đầu nhìn lại mỗi khi gặp cô ngoài đường, không ai nhào tới bắt tay, không ai mỉm cười với cô từ xa nữa. Madeleine trở lại với dáng đi cũ: cúi gằm mặt xuống đất.

Trước lễ Giáng sinh năm ấy vài ngày, mọi người dân thành phố xôn xao vì một tin đặc biệt nghiêm trọng chưa từng thấy: có kẻ khốn kiếp nào đó tung ra rất nhiều thư nặc danh ghê tởm, chửi rủa cô Madeleine thậm tệ bằng những lời lẽ cực kì thô bạo. Thư nặc danh không chỉ gửi cho nạn nhân mà cho cả ông thị trưởng, vị giám mục, các quan chức chủ yếu, các nhân vật tai to mặt lớn trong thành phố.

Phóng viên các báo lại ùn ùn kéo tới xin gặp cô. Đã thạo tiếp các nhà báo nên cô dõng dạc tuyên bố cô cực lực phản đối bọn ngoại đạo không tin vào phép lạ. Chúng là một bọn thiếu đức tin nên không ngần ngại phỉ báng một thiếu phụ tử tế, chúng trắng trợn xâm phạm danh giá một con chiên ngoan đạo.

Cảnh sát mở cuộc điều tra nhằm tìm ra thủ phạm. Họ đối chiếu chữ viết thư với chữ các học sinh trung học trong thành phố, chữ các viên chức trong cơ quan nhà nước, các chủ tiệm buôn, dò hỏi trong nhiều từng lớp người… Cuộc điều tra rất công phu tỉ mỉ được cảnh sát thực hiện với tinh thần trách nhiệm rất cao nhưng không mang lại kết quả. Đã thế, trong khi cuộc điều tra đang được thực hiện ráo riết thì những lá thư nặc danh lại dồn dập xuất hiện trong một tháng liền, lời lẽ vẫn thô bỉ bạo liệt như trước. Rồi cơn lũ tố giác lại chấm dứt cũng đột ngột như khi xuất hiện. Nó chấm dứt khi báo chí có dấu hiệu mệt mỏi trước sự kiện đã trở thành nhàm chán, đơn điệu, không còn tính giật gân lúc đầu. Thỉnh thoảng mới có tờ lá cải nhắc tới trong mục Tin Vặt.

Vài tháng nữa lại trôi qua. Người dân trong thành phố nhỏ lại bận rộn với những lo toan thường nhật, trở lại với những thói quen cố hữu trong cuộc sống. Cô Madeleine cũng trở lại như cũ: một con người vô danh. Một cô gái già không có tuổi, một khuôn mặt có ở trên đời mà cũng như không…

Nhưng dân thành phố cũng như dân cả nước Pháp vẫn còn có dịp nói tới Madeleine Bertin. Lần này họ nói tới cô trong hoàn cảnh rất bi thảm chứ không huy hoàng như lần thứ nhất, không êm ả như lần thứ hai.

Ngày 14 tháng Tư năm 1925 người qua đường phát hiện cô Madeleine nằm trên vỉa hè gần nhà thờ lớn của thành phố, hình như mất khá nhiều máu. Trước khi được vực vào bệnh viện cô còn kịp gắng gượng tố giác: Một gã đàn ông tấn công tôi. Không nhìn rõ mặt. Đâm tôi nhiều nhát dao…

Một lần nữa Madeleine lại lên trang nhất các tờ báo. Tờ có số phát hành cao nhất chạy hàng tít dài trên trang nhất "NGƯỜI THỤ HƯỞNG PHÉP LẠ BỊ TẤN CÔNG RẤT HÈN MẠT! CẢNH SÁT ĐI ĐÂU HẾT RỒI?"

Cảnh sát vẫn có đó và đang rất phân vân. Bởi lẽ kết luận của bác sĩ khám nghiệm nạn nhân làm họ rất khó hiểu. Bác sĩ nói:

– Các vết thương đều rất nhẹ. Nói chính xác thì đó chỉ là những vết trầy xước. Có thể do tự cô ta gây nên bằng một con dao nhíp.

Cảnh sát tới khám nhà cô ta. Họ tìm thấy những tờ giấy y hệt loại giấy viết những lá thư nặc danh. Đọc trên mặt sau những tờ giấy thấm, cảnh sát dễ dàng nhận ra những đoạn y hệt trong những lá thư đó.

Bị thẩm vấn, cô Madeleine nhanh chóng thú nhận.

– Tôi sợ bị mọi người quên. Tôi muốn mọi người vẫn chú ý đến tôi như hồi tôi đi Lourdes.

Cô vụng về giải thích động cơ các hành vi ngớ ngẩn của mình. Sau khi khỏi các vết loét ở chân, cô thấy mình đang là kẻ sống trong mờ nhạt tăm tối phút chốc được mọi người trọng vọng, được tung hô lên tận mây xanh. Nhưng chỉ được ít lâu lại rơi vào tối tăm trong khi cô đã quá quen với vinh quang, không thể sống thiếu ánh hào quang rực rỡ ấy, không thể thiếu niềm vinh quang cô đã quá quen và đã nghiện nặng. Bằng bất cứ giá nào cô phải được mọi

người bàn tán, ca ngợi, sùng bái, cần thấy báo chí viết những bài dài, đăng ảnh về Madeleine, cần được người qua đường chào hỏi ca ngợi.

Tuy từ thuở mới lớn cô đã cam phận sống cuộc đời mai danh ẩn tích, đứng ngoài mọi thú vui trần thế nhưng sau sự kiện bất ngờ năm ấy cô không thể sống như vậy được nữa. Đột nhiên được biết như thế nào là sống thực, cô không muốn lại rơi vào cảnh sống mà như chết trước kia.

Tòa mở lượng khoan hồng không phạt tù, chỉ bắt Madelene nộp một khoản tiền phạt tượng trưng. Sau đó không ai nghe thấy nói đến cô gái già hám hư danh đó nữa.

Kiểu xe tiết kiệm nhiên liệu

Năm 1974 cuộc khủng hoảng dầu mỏ lần thứ hai gây khó khăn cho cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng trên thế giới. Nhất là cho người tiêu dùng Mĩ là những người thích chạy những loại xe to đùng ngốn xăng như thùng không đáy. Xăng lên giá kéo mọi thứ lên giá theo buộc các công dân tốt của nước Mĩ phải có ý thức tiết kiệm mọi nguồn năng lượng để cân bằng thu chi cho ngân sách quốc gia. Vì lẽ đó nên trong toàn quốc đã dấy lên một phong trào rầm rộ thu hút từ người công nhân bình thường đến các kĩ sư, các ông chủ nhiều phương tiện thông tin đại chúng có thế lực nhất lao vào cuộc tìm kiếm những giải pháp khả thi hòng tiết kiệm tối đa các nguồn năng lượng, nhất là các năng lượng không thể tái sinh. Hồi này, rất nhiều bộ óc tài giỏi, nhiều trái tim đầy nhiệt huyết đua nhau đưa ra nhiều kiến nghị, nhiều giải pháp cực kì ngoạn mục thậm chí khó tưởng tượng cho cuộc khủng hoảng năng lượng.

Một hướng nghiên cứu được chú ý hơn cả vì thiết thực hơn cả là thiết kế những chiếc xe hơi cải tiến có mức tiêu hao xăng thật thấp. Nhiều kiểu xe loại đó được giới thiệu trên các phương tiện thông tin, tại các cuộc triển lãm với những cô người mẫu bắt mắt không kém chiếc xe.

Một tối kia, kênh truyền hình được người xem trong cả nước yêu thích nhất giới thiệu một kiểu xe hoàn toàn mới: kiểu Tyler. Những người làm cuốn phim tài liệu khoa học này càng bội phần

hào hứng khi biết tác giả kiểu xe mới toanh chạy trên ba bánh này lại là một phụ nữ yếu đuối: Loretta Walsbergson tóc vàng, nhiều da lắm thịt, mẹ của năm đứa con.

Buổi chiếu phim thành công rực rỡ: chiếc Tyler với thùng bệ được thiết kế theo đúng nguyên lí khí động học đã gây chú ý trong khán giả. Mọi người được biết người phát minh ra nó đang tìm kiếm nguồn vốn để sản xuất hàng loạt, chiếc Tyler trắng toát có kiểu dáng rất tiện dụng được trình chiếu trên tivi mới là chiếc xe mẫu. Chị Walbergson đang tập hợp cổ đông nhằm thành lập công ty sản xuất kiểu xe hơi mới toanh của chị.

Ngay hôm sau, các tấm séc của cổ đông tới tấp bay tới trụ sở chính của công ty mới thành lập mang cái tên rất hôlíút: United Art Motor Corporation. Nhiều công dân Mĩ có trong tay khoản tiền chắt bóp trong cả cuộc đời đã mừng húm, coi đây là dịp ngàn năm có một để đổi đời để trở thành nhà đầu tư. Họ đã thấy chiếc Tyler chạy thử một vòng trong trường quay, sau đó các kiểm nghiệm bằng máy nóc điện tử đã xác minh khả năng nó tiết kiệm nhiên liệu được tới bẩy lăm phần trăm. Tốc độ chạy tối đa do người thiết kế công bố tuy có kém những con quái vật khổng lồ do Detroit và các nhà máy khác sản xuất nhưng vẫn có thể chấp nhận được khi nó lăn bánh trên các xa lộ nước Mỹ, nơi tốc độ chạy xe bị giám sát rất gắt gao. Do tiêu thụ ít nhiên liệu nên đương nhiên chiếc Tyler ít gây ô nhiễm môi trường, một ưu thế hết sức quan trọng ở thời buổi vấn đề môi trường đang bắt đầu được nhiều nhà khoa học lên tiếng cảnh báo, và như thế cũng đồng nghĩa với việc tiết kiệm được túi tiền. Không nghi ngờ gì nữa, chiếc Tyler khi ra đời hàng loạt nhất định sẽ nhận được sự ưu ái của đông đảo gia đình người Mĩ, nhanh chóng trở thành thứ không thể thiếu "the must" đối với họ.

Trong những tháng sau đó, chị Walbergson lắm thịt nhiều mỡ bỏ ra rất nhiều thì giờ và công sức để gây dựng cơ sở tài chính nhằm đưa Tyler lên dây chuyền sản xuất hàng loạt. Mục "thị trường tài chính" trên các tờ báo lớn không mấy khi vắng tên nhà kinh doanh năng động này. Tuy nhiên, có lẽ vì Walbergson mải lo hoàn tất hồ sơ vay ngân hàng những khoản tiền lớn nên chưa có thì giờ lắp đặt nhà xưởng. Dần dần một số cổ đông bắt đầu lo lắng, họ thuê nhiều kĩ sư chuyên ngành xe hơi tới kiểm tra kĩ chiếc xe mẫu đã giới thiệu trên tivi. Các chuyên viên này hơi giật mình khi phát hiện bên trong chiếc thùng xe được tạo dáng và sơn phết rất bắt mắt là cả một mớ táp nham. Hình thức bên ngoài gây ấn tượng thậm chí gây ảo tưởng đến nỗi không ai đánh dấu hỏi về những thứ bên trong. Động cơ chiếc Tyler là động cơ cỗ máy xén cỏ được chắp vá thêm vài bộ phận phụ chằng buộc bằng dây kẽm và bằng những chiếc mắc áo kim loại. Chắc nó không thể đạt được tốc độ nhà thiết kế đã hứa với các cổ đông.

Chưa biết nên quyết định thế nào, ban Thanh sát của California chuyên theo dõi các đề nghị vay vốn bèn ra quyết nghị từ nay sẽ bác bỏ mọi lá đơn xin vay bổ sung của Walbergson với lí do rất mập mờ "hồ sơ không bình thường".

Do đó càng ngày nghi ngờ càng tăng cao. Một số chuyên viên khác bắt đầu săm soi kĩ tính cách, lai lịch của người đẹp đang định tham gia đội ngũ những nhà sản xuất xe hơi. Và họ đều ngã bổ chửng khi phát hiện tác giả chiếc Tyler kì diệu cũng được lắp ghép hỗn tạp không kém chiếc xe: tên cúng cơm của thị là Loretta Bergson (không có Wal) và không phải là mẹ của năm đứa con mà là… bố chúng! Nhân vật kì quái này thật ra là Denis R. Bergson,

một gã đực rựa bỗng dưng nẩy ra ý muốn thay đổi giới tính bằng thuốc uốn tóc và tống vào bụng nhiều thứ nội tiết tố liều cao.

Mưu đồ bại lộ và đổ sụp. Nhà thiết kế xe hơi bị cảnh sát tới hỏi thăm. Hắn bộc lộ hết chân tướng: một tên tội phạm bị nhà chức trách bang Florida truy nã từ lâu vì tội chuyên làm đủ thứ hàng giả tung ra thị trường.

Bergson bị điệu ra tòa án bang California, bị kết tội trộm cắp và lừa đảo trên thị trường chứng khoán. Hắn chống án, bị tòa bác. Bị tống vào nhà đá, nhưng không hiểu sao chỉ sau ít lâu hắn biến mất tăm, không biết bằng con đường nào…

Thời gian trôi qua… Chín năm sau nhân vật LorettaBergson lại được nhắc tới liên tục trên truyền hình, nhưng lần này không phải do hắn chủ động. Các cơ quan công luận chủ trương rà soát lại một số vụ nghi án chưa kết luận dứt khoát, một số điều bí ẩn chưa được làm rõ trong các cơ quan công quyền. Đài truyền hình kêu gọi quảng đại công dân Mĩ nhớ lại những việc cũ và kịp thời báo cho biết mọi thông tin có thể giúp tìm ra tên đại bịp đã bốc hơi từ gần một thập kỉ qua, không để lại dấu vết gì. Hưởng ứng lời kêu gọi đó, trong toàn quốc nổi lên một cuộc săn lùng ráo riết. Nhiều lời tố giác từ khắp nơi đổ về tràn ngập tổng đài điện thoại của hãng truyền hình. Nhiều thám tử nghiệp dư hăng hái vào cuộc. Và như tình cờ, tại một thành phố cỡ trung bình của bang Texas cũng mang tên Tyler, cảnh sát tìm ra Loretta Denis dưới cái tên mới: Gloria Louise Stemperly, nhiều thịt lắm mỡ hơn xưa.

Bị bắt giữ, "nàng" một mực khẳng định mình đã hoàn toàn thay đổi giới tính. Nhưng qua khám nghiệm, các nhà chuyên môn thấy dưới vẻ bề ngoài rất thuyết phục, dưới chiếc mini giúyp cũng cỡn

vẫn là gã đực rựa tồng ngồng chính hiệu. Năm 1989 Denis lại quay lại nhà đá tiếp tục đếm nốt hai chục cuốn lịch còn nợ.

Cái xác ướp

Tối tháng Mười năm 1920, tòa tư thất của ngài Quí tộc Spencer ở London đèn sáng hết cỡ. Giới thượng lưu tề tựu không thiếu vắng một ai, vì các buổi dạ tiệc của Ngài Spencer vốn là món không thể bỏ qua. Chúng nổi tiếng lộng lẫy nhất hạng. Mà đêm đó, Ngài Spencer còn chơi sang hơn tất cả mọi đêm, phá hết các kỉ lục về trí tưởng tượng về mức xa xỉ.

Chủ nhân tòa nhà tự tay đôn đốc việc biến nó thành sa mạc. Vâng, biến tòa nhà thành một bãi sa mạc theo đúng nghĩa. Không đồ đạc bàn ghế, toàn bộ sàn nhà trong ngoài trên dưới, các cầu thang gác đều phủ một lớp cát dầy. Bồi bếp đều là thanh niên da đen váy cộc, mình trần. Có cả một con lạc đà ngơ ngác diễu đôi bướu qua các căn phòng.

Đêm dạ tiệc này khác hẳn các đêm trước, vì Ngài Spencer sắp chia tay xã hội thượng lưu London trong nhiều tháng… Ngài là một nhân vật quan trọng ở thủ đô. Mới trạc ngũ tuần nhưng trông già trước tuổi, có lẽ do hậu quả của đủ thứ quá đáng đã thành quen trong cuộc sống của Ngài. Thân hình hơi phị, được tân trang thường xuyên bằng kem nền, phấn thơm cho thêm phần sáng láng… Bỏ qua nhược điểm ấy, phải công nhận Ngài rất thạo cách ăn diện. Các bộ đồ lớn đều do tay thợ giỏi nhất cắt may, trên ve áo lúc nào cũng trưng một bông phong lan trắng muốt.

Phụ với Spencer tiếp khách có George Bertrand cũng là một gương mặt sáng chói của cuộc sống London. Các bà quý phái phát điên phát cuồng lên vì mái tóc đen nhánh bờm xờm rất điệu nghệ, đôi mắt xanh trong veo thơ mộng, bộ ria sắc mảnh, nhất là vì nụ nốt ruồi trên gò má bên phải vẽ nên nét chủ yếu trong sức quyến rũ của chàng trai. Nói tóm lại, George thâu tóm trên con người anh ta toàn bộ hình ảnh cậu công tử bột hồi cuối thế kỉ trước, hình ảnh mà năm 1920 này mọi người tuy cho là lỗi thời nhưng vẫn rất bắt mắt. Đã thế, George cũng diện bảnh không thua kém Ngài Spencer, chỉ khác ở chỗ quần áo anh ta rất khít và thay vì cài bông phong lan màu trắng, trên ve áo lúc nào cũng tươi tắn một bông màu hồng.

Từ nhiều năm nay Spencer và George vẫn cùng nhau mở tiệc tiếp khách, đêm nay là đêm cuối cùng của hai người tại thủ đô. Sáng mai họ sẽ lên tàu đi Phi châu, đi từ Ai Cập tới Nam Phi, nơi George làm chủ một mỏ vàng anh chưa có dịp tới thăm.

Dạ tiệc thành công không chê vào đâu được. Khách được mời ngồi trên cát, dưới bóng cọ, bóng dừa chuyện trò vui vẻ. Mấy kẻ độc mồm không ngần ngại khẳng định Ngài quí tộc và anh bạn trẻ lên đường làm chuyến lữ hành trăng mật của cặp đồng tính. Spencer cầm ly sâmbanh trên tay, ra sức trấn an những tâm hồn nhạy cảm:

– Quí vị thân mến! Có những người phao tin tôi không thích đàn bà. Nói thế hơi quá. Xin bảo đảm với quí vị, tôi vẫn đang cố chịu đựng họ…

Hội tiệc kết thúc rất khuya.

Khi một cậu hầu tới dắt lạc đà đi trả vườn thú, mặt trời đã đứng sào. Spencer và George đã lên đường từ lâu. Các vương tôn công tử của London sẽ thiếu vắng họ biết chừng nào! Tuy vẫn còn có dịp bàn tán nhiều về họ.

Nhiều tuần trôi qua. Từ châu Phi, Ngài Spencer đều đều gửi thư về cho bạn bè đông đảo. Thư nào cũng tràn đầy nhiệt tình đầy phấn khởi. Hai người đã tới Alexandry, tham quan Ai Cập, xuôi sông Nil tới Xuđăng sau đó họ đi kiệu xuyên suốt châu Phi… Tóm lại, cuộc viễn du đầy tình đầy thơ trên mọi phương diện.

Tháng Mười hai 1920. Thư Spencer miêu tả rất cặn kẽ niềm vui vừa tìm được ở Nam Phi. Mỏ vàng của người bạn chí cốt George quả là một kì quan. Những cục quặng to bằng nắm đấm, bọn da đen trần trụi đào vàng dưới nắng trông đẹp như những vị thần. Ngài ngắm không chán mắt..

Đi mãi cũng phải quay về. Đầu năm 1921, Ngài Spencer báo cho bạn hữu London biết: dù quyến luyến nơi này nhưng hai người đang trên đường về. Họ lại xuyên qua châu Phi trên kiệu. Tới bờ sông Nil họ chợt nảy ra ý tạt qua sa mạc Nubia thay vì lên tàu thủy tiếp tục lộ trình đã định. Sa mạc Nubia không đảm bảo an toàn lắm đâu, nhưng rất hấp dẫn…

Sau đó, tháng Ba 1921, các bạn của Ngài Spencer nhận được tấm bưu thiếp có vài dòng viết vội: “George mất tích giữa sa mạc. Không sao tìm thấy. Tôi về nước”.

Một tháng sau Ngài Spencer về tới cảng Southampton. Rất nhiều người ra đón. Ngài thay đổi nhiều quá, phải có người dìu đi. Tuy nước da rám nắng nhưng mặt vẫn lộ rõ vẻ hoang mang. Và trên ve áo không gài bông phong lan, một điều chưa từng có.

Mọi người xúm lại hỏi, Ngài chỉ lắc đầu:

– Không bao giờ gài phong lan nữa! Không bao giờ!

Từ đó Spencer giam mình trong tòa tư thất London. Chấm dứt các dạ tiệc điên cuồng. Ngài quí tộc chỉ còn là con người bị số phận đè nặng.

Nhưng sự việc không dừng lại ở đây. Trong trụ sở Scotland Yard, trung úy cảnh sát Douglas Robertson nghiên cứu nhiều lần tập hồ sơ vụ George Bertrand mất tích. Trung úy Douglas mới ba mươi, giỏi giang, đang nhiều triển vọng, đặc biệt anh có một đức tính tuy khá phổ biến của người Anh nhưng ở Douglas nó phát triển tới đỉnh điểm: sự tinh tế.Vì vậy anh được cơ quan giao điều tra vụ án tế nhị này.

Anh hoàn tất đầy đủ mọi nghi thức xã giao, rồi tới nhà Spencer. Chủ nhân ngồi gục trong ghế bành, các cửa sổ đều đóng kín. Ngài quí tộc tiếp khách trong bầu không khí ảm đạm.

Trung úy kính cẩn chào rồi nói với giọng hết sức lễ phép.

– Thưa ngài, chúng tôi mạn phép cho rằng vẫn còn đôi chút hy vọng tìm thấy ông George còn sống. Có thể ông ấy đã bị một bộ lạc du mục nào đó bắt cóc. Vì vậy, mọi thông tin về vụ mất tích mà Ngài vui lòng cung cấp sẽ vô cùng quí báu cho chúng tôi. Ngài Spencer thở dài não nuột.

– Thật khốn khổ! Tôi nào có hay biết gì. Cả hai chúng tôi đang ở giữa sa mạc, lúc khoảng 6 giờ chiều. Cần thú thực với ông: sau bữa trà chiều hai chúng tôi có cãi lộn một chút. Chuyện chẳng đâu vào đâu. Nhưng George là người… biết nói thế nào đây… là người rất lãng mạn nên không chịu nổi mấy câu trách móc của tôi. Ông ấy bỏ đi một mình, đi sâu vào sa mạc. Lúc đó, tôi cho đấy chỉ là

một cơn nóng giận thoáng qua thôi. Nào ngờ đêm xuống vẫn không thấy George về. Tôi và bọn hầu cận đành đợi sáng mới đi tìm. Chẳng làm gì được… Lỗi tại tôi hết, tôi ân hận suốt đời…

Douglas nhẹ nhàng hỏi sơ qua vài chi tiết địa hình nhưng Spencer không cung cấp được. Từ bé Ngài vốn vẫn dốt môn địa lí. Hai người bữa đó lại ở giữa sa mạc mênh mông. Ngài chỉ nói vậy. Douglas cám ơn và ra về, anh biết có ở lại thêm cũng vô ích.

Trung úy tiếp tục cuộc điều tra. Anh có thói quen đã làm việc gì thì làm thật nghiêm chỉnh. Được cấp trên cho phép, anh quyết định tới tận hiện trường. Trước tiên anh tới Nam Phi, tới tham quan mỏ vàng. Giám đốc mỏ xác định: ông chủ George Bertrand đã nghỉ lại đây nửa tháng cùng với Ngài Spencer. Sau đó hai ông đi theo hướng bắc để về nước Anh. Ngoài ra, giám đốc còn tiết lộ với chàng điều tra viên trẻ của Scotland Yard: mỏ vàng này là một tài sản khổng lồ, là một trong những mỏ quan trọng nhất Nam Phi.

Douglas đi theo hướng bắc, đi theo con đường cách đây ba tháng Spencer và George đã từng đi. Mỗi khi tới một làng anh lại đưa bức hình mang theo người, hình của George Bertrand với mái tóc bờm xờm điệu nghệ, bộ ria thanh mảnh, nốt ruồi trên gò má phải… Lần nào dân địa phương cũng gật đầu, chỉ tay ra hiệu:

“Phía bắc, ông này đi lên hướng bắc…”

Douglas lần theo dấu chân George đến tận bờ sông Nil. Khi chớm tới rìa sa mạc thì mất hút. Các bộ lạc du mục anh gặp không nhận ra tấm hình. Rõ ràng George đã mất tích ở sa mạc Nubia…

Trở về văn phòng trong trụ sở Scotland Yard, trung úy Douglas đành xếp vụ này lại. Nhiều năm trôi qua… Trung úy được tuần tự thăng cấp, trở thành một chỉ huy cảnh sát hình sự Anh, và cũng

quên dần ngài quí tộc lập dị cùng với người bạn đồng hành trẻ tuổi của ông ta…

Mười năm sau, tháng Ba 1931, Douglas buộc phải mở lại tập hồ sơ cũ theo qui định của luật pháp. Theo qui định này, sau mười năm kẻ mất tích phải được chính thức coi là đã chết và do đó di chúc của George được mở ra.

Bản di chúc ngắn gọn nhưng tác động như một trái bom:

"Tôi để lại toàn bộ tài sản, kể cả mỏ vàng của tôi cho người bạn chí cốt: Ngài Spencer".

Biết tin này, giới quyền quí London sôi nổi bàn tán. Ngài Spencer quen sống kiểu đế vương đã ném gần hết của cải gia tộc qua cửa sổ. Phen này nhờ được mỏ vàng của George ông ta lại trở thành một trong những triệu phú giàu nhất nước… Từ đó có thể nghĩ rằng…

Tất nhiên trung úy Douglas cũng nghĩ như mọi người. Anh gặp lại Ngài Spencer. Lần này anh không tới nhà mà mời ông ta tới văn phòng. Vị quí tộc tỏ ra rất buồn phiền.

– Thật khổ, giá như tôi biết trước…

– Nghĩa là Ngài không hay biết gì về tờ di chúc mang lại quyền thừa kế…

– Tuyệt đối không biết. Bữa trước nghe tin này tôi phát bệnh luôn.

Viên trung úy của Scotland Yard lại hỏi về diễn biến vụ mất tích, nhưng anh thấy ngay mình chỉ mất thì giờ vô ích. Ngài Spencer nói thế nào chả được! Chuyện xảy ra giữa sa mạc hoang vu không có nhân chứng, nếu có thì là những thổ dân dễ bị ông ta

mua chuộc. Không hề có bằng cớ để buộc tội ông ta, thậm chí không có bằng cớ đã xảy ra án mạng…

Douglas tung các nhân viên cừ nhất của anh vào cuộc. Anh ra lệnh mở cuộc điều tra, song đúng là điều tra vô thời hạn. Vì không có kết quả. Các chứng cứ thu thập được còn mơ hồ hơn cuộc điều tra trước đây. Dấu chân George vẫn dừng lại trong sa mạc Nubia, không xa hơn… Một lần nữa, Douglas tự nhủ: có khả năng là một vụ mất tích thật. Anh cho qua, lần này là lần thứ hai.

Thế chiến bùng nổ. Ngài Spencer tuy có mỏ vàng trong tay nhưng không tiêu xài vung vãi như trước khi xảy ra tấn thảm kịch. Trái lại, ngày càng thu mình trong tòa tư thất London. Cho đến năm 1948 thì Ngài qua đời trong cô đơn. Chỉ vài ba người ưa hoài cổ mới còn nhớ những thú chơi điên rồ của Ngài hồi xa xưa…

Mùa hè năm 1950.

Douglas Robertson đã thành quan chức cao cấp của Scotland Yard và sắp sửa về hưu. Ông nghỉ phép, đi du lịch sang Ai Cập. Lần đầu tiên ông trở lại đất nước này từ sau vụ SpencerBertrand, nghĩa là cách đây gần ba chục năm. Từ rất lâu rồi ông không còn bận tâm đến nó nữa…

Như mọi du khách khác, khi tới Cairo ông không thể không tham quan viện bảo tàng đồ cổ. Cả buổi chiều hôm đó, ông dạo quanh các phòng trưng bày, tận hưởng không khí mát rượi của các căn phòng tranh tối tranh sáng trong khi ở ngoài nắng nóng như đổ lửa. Và cũng như nhiều người Anh khác, Douglas rất thích thú các hiện vật của Ai Cập cổ đại… Nhất là các xác ướp. Bảo tàng trưng bày rất nhiều xác ướp xếp dựa vào tường thành từng dãy dài trong hàng loạt phòng. Ông Douglas đặc biệt xem kĩ những xác

không còn mặt nạ, mọi nét vẫn được bảo tồn một cách kì diệu qua hàng ngàn năm. Có những xác không chút nhăn nheo, tưởng chừng đây là những người vừa nằm xuống ngủ trong chốc lát sẽ tỉnh giấc.

Như xác chàng trai này chẳng hạn, quanh mình quấn kín băng… Douglas cúi đọc tấm bảng đồng nhỏ gắn trên quách: "Đạo sĩ ở Iris Khoảng hai ngàn năm trước Công nguyên". Trông chẳng khác một người đương đại. Mọi nét đều rất mới, có thể dễ dàng hình dung anh ta diện bộ đồ của thế kỉ XX.

Bỗng Douglas thấy choáng váng, đưa vội hai tay đỡ cổ. Ông thấy khó thở quá, nhà cửa quay cuồng, ông phải dựa vào tường cho khỏi ngã. Những người đứng gần đó vội chạy tới vây quanh. Ông gạt họ ra. Rồi cố nén cảm giác ghê tởm, ông tới bên xác ướp… Tuy không thấy được mái tóc đen lượn sóng bị giấu dưới lần băng, tuy bộ ria thanh mảnh đã bị cạo nhẵn nhưng chiếc mũi kia, cặp môi kia không lẫn vào đâu được, nhất là mụn nốt ruồi trên gò má phải… Cái nốt ruồi tạo nét quyết định vẻ quyến rũ của George Bertrand hồi năm 1920.

Douglas lao như điên vào phòng giám đốc bảo tàng, nói rõ mối nghi ngờ đầy khủng khiếp của mình. Giám đốc mở phòng lưu trữ lấy ra tập hồ sơ đầy bụi và thông báo:

– Xác ướp do một chuyên gia Ai Cập học rất nổi tiếng trao tặng bảo tàng năm 1934. Căn cứ vào các đồ trang trí, bảo tàng xác định đây là một đạo sĩ của Iris thuộc triều đại XI.

Douglas không tự kiềm chế được, chồm dậy:

– Nguồn gốc? Nói rõ nguồn gốc xem nào!

Giám đốc viện bảo tàng hắng giọng:

– Theo tư liệu tôi có, hình như nhà Ai Cập học đó đã mua xác ướp này của một bộ lạc du mục. Chắc đây là bọn chuyên cướp phá các ngôi mộ cổ. Thực tình mà nói, mua như vậy là bất hợp pháp, nhưng biết làm sao được, thưa ông?… Vụ mua bán này đã thực hiện ở sa mạc Nubia…

Douglas cám ơn giám đốc. Ông tới trụ sở trung tâm của cảnh sát Ai Cập, đánh bức điện: "Gửi gấp phim X quang chụp hàm răng George Bertrand mất tích ở sa mạc Nubia tháng Ba 1921".

Hai ngày sau, trong phòng thí nghiệm của bảo tàng Cairo, chuyên viên cảnh sát hình sự đối chiếu phim chụp hàm răng của người mất tích với hàm răng xác ướp. Làm xong việc anh ngẩng lên, mặt tái xanh: Không nghi ngờ gì. Chỉ là một người!

Tuần sau đó, Douglas Robertson về London. Ông tới tư thất Ngài Spencer lúc này do con trai ông ta làm chủ. Mới đầu, người con tỏ vẻ dửng dưng, nhưng càng nghe quan chức Scotland Yard nói anh ta càng cảm thấy ghê rợn.

– Ông già anh không lần nào kể lại chuyện này? Không lần nào nói bóng gió xa xôi gì sao?

– Xin ông chờ một lát… Trong số giấy tờ bố tôi để lại có lá thư đề "Không được mở trước năm 1960". Nhưng có lẽ ta nên lấy ra đọc ngay bây giờ.

Con trai Ngài Spencer tới mở két sắt. Lấy lá thư ra, hai tay run lẩy bẩy phá niêm xi, liếc qua rất nhanh rồi lẳng lặng đưa cho viên sĩ quan cảnh sát. Mặt anh ta trắng bệch như tờ giấy.

Douglas cầm lá thư đọc… Trong hơn ba chục năm làm cảnh sát hình sự, chưa bao giờ ông thấy một lời thú tội kì lạ như vậy của kẻ giết người:

“Tôi, người thứ hai mươi hai của dòng họ quí tộc Spencer, thú nhận đã ám sát George Bertrand ngày 8 tháng Ba 1921. Cách đó một năm, George cho biết đã làm di chúc để lại tài sản cho tôi. Đó là lúc tôi nẩy ra ý giết anh ấy. Tôi đưa ra chương trình du lịch châu Phi, xếp đặt mọi chi tiết của chuyến đi. George khốn khổ không nghi ngờ gì. Tới sa mạc Nubia, tôi hạ gục anh ta bằng một phát súng lục. Tối hôm trước, tôi đã sa thải hết bọn hầu. Giết xong, tôi đợi có đoàn lữ hành đi ngang qua vì tôi biết dân du mục Nubia thường mua xác chết đem ướp để bán cho người thích chơi. Tôi bán xác George cho đoàn du mục đầu tiên đi qua…”

Hung thủ chết từ lâu rồi, vụ án không còn được đưa ra xem xét về phương diện tư pháp.

Con trai Ngài quí tộc Spencer biết dòng họ mình đã bị vấy máu. Anh tuyên bố từ bỏ quyền sở hữu mỏ vàng đáng nguyền rủa nọ, và được phép đặc biệt của Hoàng gia, anh từ bỏ luôn tước hiệu quí tộc mình được quyền thừa hưởng từ người bố.

Ngài Quí tộc Spencer thứ hai mươi ba từ nay chỉ là một ông Smith bình thường.

Một đại gia đình

Trong những năm 1920 ở Bắc Mĩ có rất nhiều gia đình mang cùng một họ. Có những họ gốc Đức, gốc Ý, gốc Anh, Ireland hoặc Scotland… dấu tích còn lại của những đợt di dân ồ ạt trước kia. Có những họ tầm thường chẳng có tiếng tăm gì, cũng có những họ thành danh hoặc quyền quí. Tuy cùng họ với nhau, nhưng số đông chỉ là những bà con rất xa, nhiều trường hợp chỉ là bà con trong tưởng tượng…

Năm 1919 nhiều tờ báo đưa tin về sự ra đời một hiệp hội với tham vọng tập hợp tất cả những ai mang họ Drake. Tổ tiên dòng họ này ngày xưa ba trăm năm chục năm trước là một tướng hải tặc khét tiếng đã từng theo lệnh nữ hoàng Anh Elisabeth đệ nhất (15331603) ngang dọc khắp Đại Tây dương chặn đánh các con thuyền Tây Ban Nha từ Mĩ về chở theo vô số vàng bạc cướp của bộ lạc Inca, ngọc của thổ dân Colombia. Mọi người đều biết rõ hải tặc Francis Drake người được nữ hoàng sủng ái đã qua đời vào tháng Tám 1595 và để lại tờ di chúc tả chi tiết mối tình tội lỗi với nữ hoàng. Elisabeth đệ nhất không muốn lộ chuyện nên đã can thiệp để văn bản đó không được chính thức in trong cuốn Đại thư về Thừa kế, cuốn sách mà bất cứ ai cũng có thể tham khảo.

Norman Wheelock một gã người London biết chuyện bèn nẩy ra ý định: phổ biến cho tất cả những người Mĩ mang họ Drake hiểu rõ: do tờ di chúc của Francis Drake không được ghi lại nên gia sản

của ông ta chưa được chia cho các người thừa kế. Do đó, từ hơn ba trăm năm nay vô số đá quí và vàng bạc châu báu vẫn nằm chờ tại một nơi sâu thẳm nào đó của một ngân hàng Anh quốc chờ những người có quyền thừa kế lên tiếng… Nhưng từng người mang họ Drake đơn thương độc mã đấu tranh giành quyền thừa kế thì không thể thành công. Phải thành lập một hiệp hội mới đủ sức mạnh, mới có tiền thuê mướn luật gia, nhân viên lưu trữ tàng thư và hàng loạt chuyên viên các loại các cỡ cao thấp mới mong giành quyền được hưởng kho báu kếch xù này.

Norman Wheelock áp dụng một thủ đoạn hàng chục năm sau sẽ thành thông dụng trên thương trường châu Âu: thành lập một hội mang tên "Những người thừa kế Drake". Ai muốn vào hội chỉ cần đóng một khoản hội phí khiêm tốn. Dĩ nhiên, những người Mĩ mang họ Drake dù sao cũng giới han trong một số lượng nhất định, hiệp hội muốn khuếch trương sức mạnh cần mở rộng cho tất cả những người tự nguyện tham gia. Muốn được coi là tự nguyện tham gia thì đóng hội phí. Và sẽ được chủ tịch Norman Drake hứa cho hưởng một phần "quan trọng" của gia sản dòng họ Drake khi chia chác.

Norman Wheelock tổ chức ra một mạng lưới thu hội phí của những ứng viên xin hưởng thừa kế, một mạng lưới tỏa đi khắp lãnh thổ Hợp chủng quốc Huê kì y hệt những người chào hàng lưu động. Trong nhiều năm liền, mỗi người trong bọn họ gửi về địa chỉ của Norman Wheelock ở London mỗi tuần hai ngàn năm trăm đôla. Để luôn luôn hâm nóng nhiệt tình của hội viên, Wheelock cho ra mắt một tạp chí chuyên bàn về kho vàng họ Drake, về diễn biến cũng như kết quả cuộc đấu tranh giành quyền thừa kế…

Để mọi hoạt động của hội được hợp pháp Wheelock cấm đàn em không được sử dụng dịch vụ của bưu điện. Mọi thư từ giao dịch, chuyển tiền đều bằng điện báo qua đường cáp viễn thông quốc tế. Khốn nỗi màng lưới càng mở rộng gã càng khó giám sát bọn đàn em. Một số tên không chấp hành đúng qui tắc đã bị cơ quan bưu điện Anh khởi kiện. Bẩy đại diện của Wheelock bị tố giác phạm tội gian lận cước phí bưu điện. Tên trùm lừa đảo từ nhiều năm nay sống hoang phí bằng tiền đóng góp của hội viên cũng bị bắt, bị dẫn độ sang Mĩ lĩnh án mười năm tù. Gã chống án. Song các hội viên vẫn tin tưởng giấc mộng của họ là có thực.

Được tạm thời tự do có bảo lãnh, Wheelock đã trót đâm lao nên buộc phải theo lao, tiếp tục như cũ. Lại bị bắt, lại vào tù và sau đó bẩy năm, gã chết trong tù. Sau khi gã chết, các hội viên hội "Những người thừa kế Drake" vẫn còn tin. Thậm chí cho tới tận ngày nay nhiều người trong bọn họ vẫn còn tràn trề hi vọng.

Thiết tưởng đã đến lúc cần nói rõ cho họ hiểu: tờ di chúc của Francis Drake không làm nữ hoàng Elisabeth đệ nhất bận tâm chút nào, bởi lẽ vụ nữ hoàng cặp với Sir này chỉ là "chuyện nhỏ" so với những vụ khác của bà ta. Vì bà chẳng cần che đậy điều đó nên di chúc của Sir đã được chính thức ghi lại đầy đủ ngay từ thời đó. Và những ai muốn được thừa kế số gia sản khổng lồ ấy cần phải chứng minh nguồn gốc hợp pháp của mình trước tháng Tám năm 1625…

Dịch vụ dọn nhà thuê

Một ngày mùa hè năm 1947. Thủ đô Paris vắng tanh, rất đông người dân thành phố đã lợi dụng ngày nghỉ để tạm lánh về vùng quê xả hơi, nhất là những người có khả năng tậu một chiếc xe riêng. Martin là một trong những người may mắn đó. Anh là một nhà mê sưu tập các đồ quí hiếm, tuy còn trẻ nhưng đã rất nhàn hạ chẳng phải làm lụng vất vả vẫn sống sung túc bằng lợi tức các cổ phiếu trái phiếu, tóm lại Martin là một trong số ít người trần tục được hưởng hạnh phúc trên cõi đời trầm luân khổ ải này. Hôm nay Martin cũng đi về vùng quê nghỉ chơi vài ngày. Bà Michalon người gác cổng đáng mến được dịp ra đứng ngoài cổng hít thở không khí…

Bỗng có chiếc xe tải chuyên làm dịch vụ dọn nhà tới dừng bánh trước mảnh vườn nhỏ. Ba người đàn ông bận đồ bảo hộ lao động, mặc mayô để lộ những hình xăm lạ mắt từ trên cabin nhẩy xuống, tới gặp bà Michalon. Cả ba đưa tay lên mũ kết chào theo kiểu nhà binh rồi hỏi:

– Nhà ông Martin đây phải không bác?

Bà gác cổng đáp:

– Phải. Nhưng chủ nhà đi vắng vài ngày. Các anh có việc gì cần gặp ông Martin?

Người có vẻ như người phụ trách chung xịu mặt:

– Ông ta không có nhà ư? Thật lạ! Thế mà ông chủ chúng tôi lại sai mang tới giao cho ông Martin chiếc rương kiểu cổ.

– Rương kiểu cổ hử? Sao tôi chẳng thấy ông ấy nói gì, chẳng dặn gì tôi.

– Thế ư? Có lẽ ông ta quên. Nhưng có đúng đây là nhà ông Martin chuyên sưu tầm các tác phẩm nghệ thuật không?

– Đúng phóc, tôi nói rồi mà!

– Phiền quá. Không lẽ bọn tôi cất công chở tới đây rồi lại chở về. Hơn nữa, khi ông Martin về mà không thấy rương nhất định sẽ làm ầm lên, chủ chúng tôi sẽ cho chúng tôi lãnh đủ.

Bà Michalon bối rối không biết nên xử trí cách nào. Tò mò, bà tới bên chiếc xe nhìn lên thùng xe. Trên xe có chiếc rương kiểu Nócmăng chạm trổ tinh vi, được lót kĩ bằng chăn len, đứng im lìm như đang chờ một quyết định thích hợp. Bà Michalon nghĩ bụng: họ đã mang chiếc rương quí thế kia tới thì cho họ mang lên nhà ông Martin trên lầu hai cho gọn việc.

Vài phút sau bà Michalon mở khóa căn hộ vắng chủ, ba người đàn ông lực lưỡng vừa hò dô ta vừa khiêng chiếc rương Nócmăng vào đặt tại tiền sảnh căn hộ nhiều phòng, phòng nào cũng bầy nhiều tủ kính đựng những vật quí, những sách hiếm, đồ cổ… Bà Michalon còn hào phóng rút tờ bạc để "boa" mấy chàng trai rất dễ thương của công ty dịch vụ dọn nhà thuê. Xong đâu đấy, bà đóng cửa khóa kĩ, rồi đứng trên hành lang nhìn chiếc xe tải từ từ lăn bánh chở theo ba chàng trai đang thò tay ra cửa xe vẫy rối rít chào tạm biệt.

Chiều hôm đó, bà Michalon ngạc nhiên thấy chiếc xe tải quay lại. Anh chàng có dáng chỉ huy tới gặp bà:

– Thưa bác thân mến, bọn con lại phải quấy rầy bác lần nữa. Bọn con giao hàng lộn địa chỉ mất rồi! Chả là chiếc rương hồi sáng chúng con mang lên nhà ông Martin trên lầu là của một ông khác cũng tên là Martin và cũng là người thích sưu tầm đồ cổ. Nhà ông ấy ở cuối đường đằng kia cơ. Chờ mãi không thấy mang rương tới ông ấy gọi điện cho công ty bọn con, vì thế bọn con mới biết đã giao hàng không đúng địa chỉ. Mong bác thông cảm, cho bọn con lên lấy lại chiếc rương.

Bà Michalon hơi bực mình nhưng cũng phải đi lấy chìa khóa căn hộ ông Martin, lạch bạch trèo lên lầu hai mở cửa. Mấy nhân viên công ty dịch vụ dọn nhà thuê lại lấy chăn bọc kín chiếc rương chạm trổ công phu rồi khiêng xuống xe tải. Có lẽ sau gần một ngày làm việc đã thấm mệt nên lần này họ khiêng chiếc rương ỳ ạch hơn lần trước. Tuy vậy họ vẫn sòng phẳng hoàn lại bà Michalon khoản tiền "boa" được bà tặng lúc sáng.

Hai ngày sau anh Martin trở về. Bà Michalon tươi tỉnh hỏi thăm tình hình đi nghỉ mát và rất hồn nhiên thuật lại chuyện chiếc rương. Martin nhún vai cho là chuyện chẳng đáng quan tâm: anh không hề đặt mua rương, người ta giao lầm địa chỉ thì người ta lấy đi, chuyện rất bình thường.

Nhưng khi bước vào nhà, Martin đứng khựng như trời trồng ngay bậc cửa. Nhiều đồ vật quí trong nhà đã không cánh mà bay. Những món nữ trang trong ngăn bàn cũng biến mất sạch.

Thì ra trong chiếc rương "giao nhầm địa chỉ" có một tên trộm nằm thu lu. Sau khi rương được khiêng vào nhà, hắn chui ra và tha hồ khua khoắng mọi thứ. Có đủ thì giờ tung hoành, hắn tha hồ lựa chọn những thứ quí nhất, tuy nhỏ gọn nhưng đắt giá. Sát giờ

hẹn lại chui vào rương nằm chéo khoeo chờ đồng bọn. Khi ba tên nhân viên công ty ma làm dịch vụ dọn nhà thuê quay lại sửa sai, khiêng chiếc rương hơi nặng hơn trước đi giao cho khách hàng cũng là lúc chúng khiêng tên trộm và tang vật đi theo.

Quả lừa như trong phim ở ngoài đời này rồi đã trở thành phim: câu chuyện là nguồn tư liệu "giật gân" cho nhà đạo diễn Jean Dréville làm bộ phim mang tựa đề Sao y bản chính với diễn xuất của Louis Jouvet và Jeanne Marken.

Hội tự sát

Một ngày năm 1953, viên giám đốc sở Tuyển mộ Lao động của thủ đô Matxcơva ngồi thừ mặt suy nghĩ sau khi đọc xong lá đơn viết tay khá nắn nót. Thật khó hiểu! Chỉ trong ba tháng, đây là người dân Mátxcơva thứ tư xin tình nguyện đi làm việc ở Yakut! Tên anh chàng này là Vladimir.

Hồi đó, người Matxcơva nào tình nguyện đi Siberi cũng đã được coi là dũng cảm và bây giờ cũng vẫn thế, phải là người như thế nào mới dám dấn thân vào nơi xa xôi quanh năm phủ tuyết đóng băng ấy. Đã tình nguyện đi Yakut thì hoặc là điên rồ, hoặc phải có động cơ gì thật đặc biệt. Bởi lẽ Yakut, vùng cực đông Siberi là nơi mùa đông hàn thử biểu xuống tới âm 40°C. Mùa hè, trời khá đẹp, nhưng chỉ trong một tháng thôi, khoảng từ 15 tháng Bẩy đến 15 tháng Tám. Đẹp trời ở đây nghĩa là hàn thử biểu không bao giờ chỉ trên 0°.

Đặc điểm thứ hai của vùng Yakut là mật độ dân số cực kì thấp. Hồi những năm 50 này, thống kê cho thấy trên mỗi kilômet vuông chỉ có 0,2 người dân sinh sống. Trong ba tháng Yakut tăng thêm được bốn người, thật như muối bỏ bể, nhưng tích tiểu thành đại, vẫn cứ được tính là thành tích của Sở Tuyển mộ Lao động thủ đô trong công cuộc phân bố lại dân cư. Giám đốc sở Lao động nghĩ vậy. Nên ông hăm hở cộp dấu đỏ lên giấy thông hành của Vladimir.

Vậy là Vladimir đàng hoàng lên đoàn tàu hỏa xuyên Siberi. Tàu chạy qua Kubichev, Novorsibirsk… Tám ngày ròng rã dưới những cánh rừng thông đóng băng, rừng phong đông lạnh, xen lẫn những đầm những hồ nước như đã hóa thạch. Cuối cùng, tàu tới Yakut, mọi người xuống tàu. Mọi người ở đây chỉ là Vladimir và một bao thư, cả hai cùng rơi xuống và lún sâu chân dưới lớp tuyết dày phủ kín sân ga.

Ông giám đốc sở Tuyển mộ Lao động không thể biết Vladimir tình nguyện tới nơi đèo heo hút gió này chẳng phải vì dư thừa nhiệt huyết đi xây dựng tổ quốc, mà để thực hiện một âm mưu riêng. Hồi thập niên 50, khá nhiều đức ông chồng bất mãn thường thực thi mánh khóe mà họ đặt cho cái "bí danh" vừa rùng rợn lại vừa khôi hài: tự sát kiểu Yakut.

Vì sao Vladimir bất mãn tới mức ấy?

Anh ta lấy phải một cô vợ rất dữ tợn, có thể coi cô ta là một nặc nô ác ôn, luôn bắt nạt chồng từ những việc nho nhỏ tới những việc lơn lớn

– Vladimir… muốn hút thuốc thì ra ngoài kia! Cấm tuyệt đối hút trong nhà!

Kèm theo lệnh là ngón tay nần nẫn chuối mắn chỉ ra ngoài cầu thang gác.

Ra hút thuốc ngoài cầu thang ngôi nhà tập thể loại rẻ tiền, Vladimir có cơ hội gặp mấy ông bạn cùng cảnh ngộ. Họ bàn luận, so sánh kẻ hơn người kém, kẻ khổ ít người khổ nhiều… Cùng hội cùng thuyền nên họ dễ ý hợp tâm đồng, thành thử chiều chiều mỗi khi đi làm về, Vladimir đều tự nguyện dừng chân ngoài cầu thang đứng rít thuốc cùng với bè bạn, không vào nhà để khỏi bị mụ vợ

đuổi ra. Tình thật mà nói, Vania vợ anh là người đanh đá dữ dằn nhất trong khu chung cư này, đã vậy ả còn được trời phú cho thân hình lực lưỡng, bắp tay cẳng chân chẳng thua kém tay chân Hộ pháp là mấy. Vladimir không nể sợ sao được?

Vladimir rất muốn li dị Vania, ở Liên Xô hồi đó vợ chồng li dị nhau tuy không thành cơm bữa như hiện nay, nhưng cũng không quá khó, hơn nữa hai vợ chồng Vladimir lại chưa có con. Khốn nỗi, theo luật định, sau khi bỏ nhau anh chồng phải chi một khoản tiền gọi là trợ cấp dinh dưỡng cho người vợ cũ. Chi đều đều hàng tháng, cho tới khi chị ta tái giá mới hết nợ!

Vania biết tỏng ý định của chồng, nên đã nhiều phen cảnh cáo trước:

– Anh lãnh lương kĩ sư, còn tôi chỉ được mấy đồng rúp còm tiền công xá của nhân viên kiểm tra đường tàu điện ngầm. Hơn nữa, tôi còn mẹ già. Vả lại, tôi chẳng có lỗi gì trong vụ li hôn này, tất cả là do anh gây nên! Mấy lại, nói gì thì nói, luật đã qui định rõ, có chạy đằng trời cũng không thoát nổi tay gái này!

Vladimir biết chắc mình sẽ phải chi món trợ cấp cho Vania suốt đời, vì rõ ràng không có khả năng Vania chịu đi bước nữa! Chính chị ta đã tuyên bố lập trường bất di bất dịch như sau:

– Tớ sẽ kiếm một thằng nhân tình thật đàng hoàng, không nửa người nửa ngợm như cậu! Và chỉ tuyển nó làm nhân tình thôi, không cho nó làm chồng chính thức. Thế là tớ sẽ ngồi mát ăn bát vàng, lĩnh đều đều tiền trợ cấp của cậu cho tới chết! Nghe thủng chưa hử Vladimir? Cậu sẽ phải chi tiền trợ cấp tớ cho tới khi cậu lăn cổ ra chết!

Nghe mãi những điệp khúc kiểu đó, thần kinh Vladimir dù có bằng inox cũng không thể chịu đựng nổi. Một tối kia, vừa hút thuốc ngoài cầu thang, Vladimir vừa than thở với anh hàng xóm Léonid Bornitchuk:

– Léonid ơi, mình chịu hết nổi. Sống với mụ này trong căn hộ chỉ có hai phòng vừa bằng hai lỗ mũi, lại thêm cả bà mẹ vợ trong ấy nữa, mình chắc chết luôn! Có những đêm mình cảm thấy như đang bị lưu đầy biệt xứ trong một nhà tù khổ sai nào ấy…

Tất nhiên Vladimir có phóng đại lên chút ít, chỉ nói cho hả giận vậy thôi. Nhưng anh hàng xóm tốt bụng nghe xong, bèn ngó nghiêng liếc nhìn cánh cửa các hộ quanh đó xem có đóng kín không, rồi làm vẻ mặt nghiêm trang ghé sát tai Vladimir thì thầm. Đại ý: anh ta có một diệu kế rất mầu nhiệm, chắc ăn trăm phần trăm, nhất định sẽ giải thoát được Vladimir khỏi con mụ nặc nô. Kế này đã được ông anh con chú con bác của Léonid hiện đang sống ở Siberi áp dụng thành công mĩ mãn. Thực tình mà nói, áp dụng nó kể ra cũng hơi mệt, có thể nói là gian khổ nữa, nhưng hiệu quả rất cơ bản! Theo chỗ anh ta biết rõ, đã có ba người thực hiện và cả ba đều thành công. Đó là phương pháp mang mật hiệu: “tự sát kiểu Yakut”.

Thoạt nghe, Vladimir cho đây là trò đùa của cánh đàn ông bất hạnh, họ tưởng tượng ra như vậy để tự an ủi thôi. Nhưng càng nghe anh bạn hàng xóm thuyết trình, Vladimir càng chứa chan hi vọng.

Một tuần sau, qua sáu đêm vắt tay lên trán suy tính kĩ từng đường tơ kẽ tóc, Vladimir quyết định hành động. Việc đầu tiên là công khai đối đầu với Vania: anh châm một điếu thuốc, hút ngay

trước mũi chị ta. Rồi tông cửa đi thẳng một mạch, không ngoái đầu nhìn lại. Một tháng sau, Vladimir được tòa chấp nhận cho li dị vợ, với điều kiện phải chi mỗi tháng một khoản trợ cấp dinh dưỡng.

Đây là màn thứ nhất vở kịch tự sát của Vladimir.

Hai tuần sau, bắt đầu màn hai: anh tới trình diện vị giám đốc sở Tuyển mộ Lao động Matxcơva, tình nguyện đi Yakut ở vùng cực đông Siberi, vào làm trong mỏ than đá. Giám đốc thấy trong ba tháng có những bốn người tình nguyện như vậy thì lấy làm lạ, nhưng những người tình nguyện như anh này là của quí hiếm, từ chối sao được!

Sau cuộc hành trình dài, Vladimir tới mỏ than Yakut. Trong nhiều tháng sau đó, cảnh im lặng ngàn năm của rừng taiga trùm kín Vladimir. Tuy nhiên, ở Matxcơva, các thư chuyển tiền trợ cấp vẫn đều đặn tới tay Vania… Tuy có chậm vì phải nằm tám ngày đằng đẵng trên tàu hỏa, nhưng vẫn tới đều đều.

Một bữa kia, Vania nhận được thư chuyển tiền kèm theo bức hình chụp Vladimir với mấy dòng chữ:

“Em Vania yêu quí, anh không giận em đâu. Ở đây, không thể ra đứng ngoài cầu thang để hút thuốc được. Trời lạnh quá, những âm 40o cơ! Không biết liệu anh có thể chịu đựng nổi hai năm như thời hạn hợp đồng không?”

Bức ảnh cho thấy một anh chàng Vladimir ốm trơ xương, hai gò má nhô cao, hố mắt sâu hoắm, thân hình như bị tấm áo lông nuốt chửng. Vania nhún vai, ném bức hình vào hộc bàn, rồi mang tờ ngân phiếu đi lĩnh tiền. Vladimir xưa nay vẫn là kẻ đớn hèn, đúng phóc như chị ta vẫn nghĩ.

Ba tháng nữa trôi qua, mỗi tháng mang về cho Vania một thư chuyển tiền. Rồi một bữa nọ, Vania lại nhận được một bức ảnh nữa, và hiểu rằng từ nay sẽ hết nhận được thư chuyển tiền.

Ngày 17 tháng Giêng 1954, giữa mùa đông Siberi, trong ngôi nhà tập thể của mỏ than Yakut trên bờ sông Lêna, kĩ sư Vladimir Mikhailovitch đã qua đời vì sưng phổi. Tiết trời đang lạnh tới âm 400 C nhưng kĩ sư chủ quan chỉ mặc phong phanh tấm áo mỏng đi ra ngoài trời. Một cách tự sát! Theo người ta nói, đây là cách tự sát thông thường của người dân địa phương, người Yakut, những người cho đến nay vẫn trú ngụ trong những túp lều da lạc đà. Khi nào chán cảnh chịu rét, họ chủ động đi tìm cái rét và đi luôn sang thế giới bên kia!

Ngay hôm đó, theo tục lệ người Nga, thi hài Vladimir được đặt trong cỗ quan tài mở nắp, bày giữa gian phòng đông đặc bạn bè. Cũng theo tục lệ Nga, người ta mặc lên người Vladimir bộ complê đẹp nhất, bắt chéo hai tay trên ngực, đặt nhiều vòng hoa quanh cỗ quan tài kê trên hai niễng gỗ. Các bạn anh cụng li tơi tới. Sau đó, cha xứ tới ban phước lành, rẩy nước thánh là tuyết nấu chảy trên bếp than đặt trong phòng. Khi cha làm lễ, một anh bạn trèo lên ghế, bấm máy ghi hình Vladimir nằm cứng đơ trong hòm. Ánh đèn flash lóe sáng…

Xác chết nhỏm đầu lên, hét:

– Chụp thêm một pô nhìn nghiêng!

Toàn bộ cảnh tượng trên đây chỉ là cảnh được dàn dựng, do một tổ chức quốc tế qui tụ những anh chồng li dị vợ! Cốt lõi của mánh này là xin tình nguyện đi khai thác mỏ ở Yakut. Theo chính sách chung hồi đó, thời hạn hợp đồng là hai năm. Ở nơi này, bọn họ nếu

không phải là những đức ông chồng bỏ vợ thì cũng là những gã độc thân. Tóm lại, những kẻ dễ dàng thông đồng với nhau.

Trong mấy tháng đầu, anh chồng phải đều đặn gửi khoản tiền trợ cấp về cho vợ cũ ở Matxcơva, nhằm ru ngủ tinh thần cảnh giác của mụ ta. Sau đó ít lâu, gửi về tấm hình chụp anh chồng dở sống dở chết vì rét. Chuyện này không khó. Giai đoạn cuối cùng: anh chồng tổ chức đám tang của mình trong căn phòng toàn những bạn thân tín nhất.

"Người chết" phải bao nhậu, chi tiền chụp bức hình mình nằm đứ đừ trong quan tài, xung quanh có đông đủ bạn bè mang vẻ mặt đưa đám, có cả vị cha xứ dỏm làm lễ rửa tội nữa. Sau đó, toàn bộ "hồ sơ" được gửi về cho cô vợ cũ, để cô ta chôn cất luôn khoản tiền trợ cấp dinh dưỡng.

Với những bằng chứng trên giấy trắng mực đen và rất đúng nghi thức, đúng tục lệ đúng pháp luật như thế, cô vợ nhất định phải tin chắc mười mươi rằng kẻ phải trợ cấp cho mình đã đi sang thế giới bên kia thật rồi. Chả thế, cho tới lúc này, mọi vụ trước đều trôi chảy. Các bà bị mất khoản tiền trợ cấp chưa có bà nào chịu lặn lội tới tận nơi xa xôi ngàn dặm ấy để kiểm tra hư thực. Tất nhiên, các đức ông chồng sau hai năm hết hợp đồng vẫn phải tránh xa Matxcơva, tìm chốn nương thân ở đâu đó có khí hậu tốt hơn trên đất nước mênh mông này, và khôn khéo mai danh ẩn tích một thời gian dài, thậm chí suốt đời.

Hai năm chịu đựng Siberi để vĩnh viễn thoát khỏi bàn tay sắt của Vania! Vladimir cho rằng cái giá này không đến nỗi quá đắt. Anh ta tự cho mình là khôn ngoan, đã tìm ra con đường đưa tới hạnh phúc.

Than ôi, Vladimir đã đánh giá quá thấp Vania! Chị ta không như những bà vợ tầm thường, nhẫn nhục khác. Vania gửi thư cho giám đốc mỏ than, hỏi thẳng:

– Chồng tôi, kĩ sư Vladimir Mikhailovitch khi chết có để lại di vật gì đáng giá hoặc tiền bạc mong ông giám đốc cho biết để tôi thừa kế theo luật định.

Ông giám đốc mỏ té ngửa! Kĩ sư Vladimir vẫn sống, vẫn lĩnh lương đều đều của mỏ cơ mà!

Nhà chức trách mở cuộc điều tra. Thế là kĩ sư Vladimir cùng các đồng phạm phải lĩnh án phạt: lao động tại Yakut suốt đời.

Năm 1954 vụ này gây công phẫn dữ dội ở Nga. Tờ Izvestia (Tia Sáng) kịch liệt lên án "băng mafia của những "thằng chồng khốn kiếp" mưu toan rũ bỏ trách nhiệm cao cả bằng những thủ đoạn bỉ ổi!"

Một nguồn tin thông thạo cho biết Vladimir đã được phép rời khỏi Siberi năm 1970. Nhưng không thấy nói anh ta có thoát khỏi chị vợ Vania quá quắt hay không.

Khách hàng của công ty bảo hiểm

Benny Windsurf làm công cho một hãng chế tạo vũ khí, có bạn thân là James Mulburough. Tháng Bẩy năm 1990, đôi bạn mang theo các bà vợ làm một cuộc tham quan vùng núi.

Thời tiết hôm đó rất đẹp, họ dừng chân hạ trại bên bờ một dòng suối. Không khí hết sức vô tư vui nhộn, vừa chuẩn bị chỗ nghỉ họ vừa trêu chọc nhau: cả bốn người đều "tốt bụng" chẳng ai kém ai, đều dư thừa chất mỡ, chứng tỏ cả bốn người đều là những kiện tướng trong khoa ẩm thực và chắc chắn đều phải xách đèn đỏ trong các cuộc thi thể thao. Lời bình luận càng rôm rả, các chuỗi cười càng giòn tan. Trong khi hai bà nội trợ lo dọn bữa, mở các lon nước ngọt, hai đức lang quân sắm vai phó nháy, chụp các bà ở mọi tư thế đáng yêu. Sau đó, họ mở bản đồ tìm lối trèo lên điểm cao nhất có thể từ đó nhìn rõ toàn cảnh vùng núi non sông nước này.

Sau một hồi bàn cãi, cả bốn người nhất trí đi theo lối mòn tắt ngang sườn núi lên cao điểm. Lối mòn men theo một bên là vách đá dựng đứng, bên kia là vực sâu đầy bụi gai lúp xúp. Bốn người bám lưng nhau trèo lên. Benny Windsurf dẫn đầu vì là người thông thạo địa hình nhất, đã từng tới đây chơi nhiều lần từ hồi nhỏ.

Bắt đầu vào đoạn đường nguy hiểm, Benny quay lại định nhắc nhở anh bạn James Mulburough và hai người phụ nữ đang thận trọng dò dẫm bước theo sau. James bất ngờ dẫm lên một phiến đá

hẫng chân. Sức nặng thân hình anh ta làm phiến đá rời ra, lăn xuống khiến James mất thăng bằng rơi tõm xuống vực không kịp kêu lên một tiếng. Tai nạn xẩy ra trong chớp mắt. Ba người rú lên thất thanh:

– James! James!

Benny và hai người phụ nữ ngó xuống vực gọi hồi lâu, nhưng không nghe trả lời cũng không nhìn thấy người vừa lâm nạn. Liệu anh ta có còn sống không? Phải tìm đường xuống dưới ấy xem sao. Để lại hai thiếu phụ rên khóc sướt mướt, Benny Windsurf thận trọng tụt xuống vực, vừa đi vừa gọi:

– James, cậu ở đâu? James ơi…

Benny xuống mãi, len lỏi giữa các bụi gai vướng nhằng nhịt. Mãi mới nghe loáng thoáng tiếng rên rỉ đâu đó. Nhìn lên trên đồi anh thấy hai thiếu phụ cũng đang run rẩy tụt xuống. Nếu lại thêm một người ngã nữa thì nguy to!… Benny lắc đầu, tiếp tục xuống nữa và tìm thấy James Mulburough. May quá James vẫn còn sống, đang lẩm bẩm những gì không hiểu nổi, mãi Benny mới nghe được từng mẩu nhát gừng:

– Lưng… đau quá… hai chân…

Benny biết ngay tình hình rất nguy kịch. James tuy còn sống nhưng vết thương chắc rất nặng, có khi bị chấn thương cột sống cũng nên. Phải làm gì bây giờ? Chắc phải leo lên trên kia, chạy đi tìm người tới cấp cứu, mà phải tìm được một tốp cứu nạn chuyên nghiệp có cáng có kĩ thuật chuyên môn mới ổn. Di chuyển người bị chấn thương cột sống không đúng phương pháp dễ làm bệnh nhân thành người bại liệt suốt đời.

Hai thiếu phụ đã xuống tới nơi. James lờ đờ mở mắt nhìn trong khi họ cố an ủi anh ta, lau bộ mặt đầy đất nhễ nhại mồ hôi cho anh. Benny trèo trở lại con đường mòn, lên tới nơi nhìn xuống anh thấy rõ James đã bị ngã từ trên cao mười mét xuống vực, may mà có nhiều bụi cây cản lại nên chấn thương được phần nào giảm bớt.

Trên đường đi tìm người cứu giúp Benny Windsurf nhớ lại câu chuyện James đã nói với anh vài ngày trước. Bữa đó James than thở: mình là thợ thủ công, thu nhập thấp nên không có khả năng mua bảo hiểm phòng khi đau ốm hoặc chẳng may bị tai nạn có tiền thuốc thang chữa chạy. Gọi đội cấp cứu tới, chở vào bệnh viện, điều trị trong một thời gian chắc sẽ kéo dài, dưỡng bệnh v.v… tất cả những thứ đó đều phải chi tiền vì ở nước Mĩ này không có dịch vụ y tế miễn phí, người nghèo không được hưởng chế độ an sinh xã hội. James làm sao có thể được chữa trị?

Hai giờ sau, khi xe cấp cứu chạy vào cổng bệnh viện thì James Mulburough đã lại bất tỉnh vì quá đau đớn. Hai bà vợ phải trở về nhà lo mấy đứa nhỏ, chỉ còn lại một mình Benny lo thủ tục nhập viện cho nạn nhân. Sau khi suy tính kĩ càng, anh đã có quyết định dứt khoát. Khi nhân viên phòng tiếp bệnh nhân nhập viện hỏi lai lịch người bị nạn, anh điềm nhiên khai tên bệnh nhân là Benny Windsurf, khai luôn số sổ và công ty bảo hiểm của mình cho nhân viên bệnh viện ghi vào bệnh án….

Vài ngày sau Janet vợ James vào thăm chồng. Được Benny cho biết chuyện mạo danh, chị ta tự giới thiệu mình là “vợ bệnh nhân Benny Windsurf”, nhân viên bệnh viện chẳng ai thắc mắc gì. Khi tỉnh lại James rất ngạc nhiên thấy các bác sĩ y tá đều gọi mình là Benny nhưng đang còn thở chưa ra hơi nên James không cải chính. Chỉ tới bữa vợ anh và Benny vào thăm, rỉ tai nói rõ “mẹo

vặt" anh mới hiểu rõ ngọn ngành nhưng lờ đi không nói với bệnh viện vì chính anh cũng đang lo chưa biết sẽ thanh toán viện phí bằng gì.

James Mulburough đội tên Benny Windsurf được các bác sĩ mổ các vết thương, được chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo trong nhiều ngày, nhiều tuần rồi xuất viện. Công ty bảo hiểm thanh toán mọi phí tổn. Vợ chồng James, vợ chồng Benny thở phào nhẹ nhõm. Vậy là James thoát chết, và sau ít ngày tập luyện anh sẽ đi lại bình thường. Dĩ nhiên vợ chồng James vô cùng biết ơn anh bạn tốt bụng Benny, tình bạn càng thắm thiết hơn xưa gấp bội. Cuộc sống của họ tiếp tục dòng chảy phẳng lặng như xưa…

Nhưng tại công ty bảo hiểm, các nhân viên không khép hồ sơ một cách đơn giản như ta tưởng. Bao giờ họ cũng rà soát kĩ các trường hợp họ đã bồi thường trong năm. Không rà soát được toàn bộ mà chỉ kiểm tra một số vụ theo phương pháp ngẫu nhiên. Và vụ tai nạn của khách hàng James "Benny" tình cờ rơi trúng vào diện được kiểm tra lại. Thanh tra viên của công ty tới hãng sản xuất vũ khí, yêu cầu cho xem sổ ghi ngày nghỉ việc của Benny Windsurf là người "đã được đưa vào bệnh viện cấp cứu và được cứu sống qua một phẫu thuật rất tốn kém, đã phải nằm bất động tại đây trong nhiều tuần". Thanh tra viên sửng sốt khi phòng lao động của hãng cho biết: Benny Windsurf không nghỉ việc ngày nào! Chuyện gì kì cục khó hiểu vậy?

Dĩ nhiên công ty bảo hiểm vào điều tra trong bệnh viện và nhanh chóng tìm ra câu trả lời. Đã có chuyện đánh tráo lai lịch, công ty bảo hiểm đã chi trả viện phí cho người không phải là khách mua bảo hiểm của công ty.

Mười lăm phút sau khi tổ con chuồn chuồn bị phát giác, anh bạn tốt bụng Benny Windsurf bị chủ ném ra vỉa hè không được một đồng trợ cấp nào… Báo chí lập tức làm ầm lên: tình bạn của anh là rất đáng trân trọng, không thể đối xử với anh một cách tàn nhẫn như vậy. Qua phỏng vấn, Benny cho biết anh đã từng cảm thấy hối hận, đã nhiều lần định thú thật với công ty bảo hiểm và cùng nhau dàn xếp vụ này cho êm thấm. Nhưng vì thấy khó tìm ra giải pháp thích hợp nên đành buông xuôi mặc cho tạo hóa xoay vần, chỉ còn biết cầu Chúa sao cho vụ cho vụ lừa đảo vì tình thương bạn này sẽ kết thúc tốt đẹp.

Tháng Năm 1993, đôi bạn tri kỉ bị cảnh sát tới bắt tại nhà riêng, còng tay lôi đi như những kẻ sát nhân gớm ghiếc. Tại phiên tòa, đại diện các quan chức bộ Y tế, bộ Lao động Xã hội lớn tiếng thề thốt: dù James Mulburough không được bảo hiểm nhưng chẳng cần Benny Windsurf cho đội lốt anh ta vẫn có thể được chữa trị đầy đủ chu đáo!

Họ nói vuốt đuôi thế thôi. Tòa xử Benny Windsurf bẩy tháng tù, "đồng phạm" James Mulburough chín tháng tù, hai bị can phải liên đới bồi thường cho công ty bảo hiểm các khoản tiền đã chi trả lầm, ngoài ra đôi bạn còn phải nộp phạt sáu mươi ngàn đôla.

Chút may mắn duy nhất: hai người được giam chung một xà lim để sưởi ấm nhau bằng tình bạn thắm thiết.

Hai phạm nhân vừa được áp giải vào trại giam thì ngay trước cổng nhà tù, dân chúng đã kéo tới rất đông, mang theo nhiều panô, biểu ngữ, băng rôn phản đối phán quyết của tòa. Cuộc tranh đấu lan rộng thành phong trào rầm rộ đòi cải thiện chế độ an sinh xã hội của nước Mĩ, nơi có tới ba mươi lăm triệu công dân không được

hưởng chút phúc lợi cứu trợ xã hội nào. Tại nhiều nơi liên tiếp diễn ra những cuộc biểu tình dưới khẩu hiệu: "Sức khỏe là quyền lợi, không phải là tội lỗi!"

Khi ra tranh chiếc ghế tổng thống thứ 43 của nước Mĩ, ứng viên George Bush đã cam kết sẽ cải thiện tình hình đáng xấu hổ kể trên. Nhưng rồi các cử tri Mĩ và dân chúng vẫn phải chờ cho đến giờ!

Một ông ba bà

Hai vợ chồng Vacherot ngồi ăn tối trong buồng ăn tại nhà riêng của họ tọa lạc trên đường Vaugirard, Paris. Đang là năm 1982.

Anh chồng Gaston Vacherot hai mươi tám tuổi, bảnh trai, tóc nâu, ria nâu, đôi mắt đầy nhiệt tình, cao lớn, dáng vẻ lịch sự. Cách ăn mặc cũng rất chững chạc, nhất là từ khi lấy Augustine. Nhờ món gia tài kếch xù của cô vợ, anh đang từ kiếp sống du mục thuở son rỗi chuyển thành nhà trưởng giả định cư trong giầu sang. Vậy mà lúc này Gaston lại rút chiếc đồng hồ quả quít trong túi ra xem với vẻ bực bội.

– Em yêu, anh buộc lòng phải tạm xa em trong nửa giờ. Anh phải tới ga Orsay đón một người khách tỉnh lẻ.

Augustine ngạc nhiên:

– Anh được cử đi đón khách? Sao luật sư Constant sếp của anh không đi đón?

Gaston mỉm cười:

– Anh được cử đi vì anh là thư kí thứ nhất. Đây là dấu hiệu được luật sư tín nhiệm. Sau này anh sẽ được thay ông luật sư lên điều hành văn phòng này.

Augustine thở dài não nuột:

– Đành vậy, anh Gaston. Nhưng em rất tiếc buổi sum họp tối nay, sao mà ngắn thế!

Cô nhìn chồng đắm đuối. Rõ ràng Augustine rất mực yêu thương chồng, tình yêu mãnh liệt khiến bộ mặt khó coi của cô có được đôi nét hấp dẫn. Ngoài khoản hồi môn đáng nể quà tặng của ông bố đại lí hối đoái rất giầu cô chỉ mang về cho chồng một mái tóc vàng và đôi mắt dịu dàng là hai nét đáng yêu duy nhất trên thân hình xương xẩu to đùng của cô…

Đã tới giờ, Gaston chia tay cô vợ đang thở dài thườn thượt, dặn sẽ trở về lúc mười một giờ đêm.

Chồng đi rồi, Augustine cố nhấn chìm nỗi sốt ruột chờ mong trong công việc thêu thùa… Bao giờ cũng vậy, hễ Gaston vắng nhà là y như rằng Augustine ngơ ngẩn như người mất hồn… Thì giờ chậm chậm trôi đi…

Đã mười một giờ. Tiếng chuông cửa mong đợi không thấy vang lên. Augustine ra cửa sổ nhìn xuống đường chờ đón cỗ xe ngựa mang chồng về. Nhưng đường phố vắng tanh. Nhiều phút rồi nhiều giờ trôi qua, càng lúc Augustine càng lo tợn. Từ chỗ nghĩ chồng vướng mắc công việc phải trễ giờ trở về nhà, dần dần cô thấy rất hoang mang rồi lo sợ thực sự. Trời vừa hửng sáng cô chạy vội tới đồn cảnh sát.

Cảnh sát trưởng Cournet chăm chú lắng nghe lời khai báo của Augustine. Anh trấn an:

– Nếu chồng chị chẳng may gặp tai nạn, chúng tôi sẽ biết tin ngay…

Anh nhìn thẳng vào mặt thiếu phụ, nói tiếp:

– Nhưng theo tôi đây có lẽ chỉ là một vụ bỏ nhà đi hoang.

Thiếu phụ bực tức quát to:

– Không đời nào! Anh Gaston là người chồng mẫu mực nhất trên đời! Không bao giờ có chuyện đó!

Cảnh sát trưởng Cournet tiễn chân khách ra về:

– Nhiệm vụ buộc tôi phải đặt ra mọi giả thuyết. Trước mắt, tôi muốn sự việc diễn ra theo giả thuyết ít nghiêm trọng nhất. Và điều chị nên làm lúc này là trở về nhà nghỉ ngơi. Nếu có sự kiện gì mới tôi sẽ tới báo…

Sự kiện mới xuất hiện ngay chiều hôm đó. Một người qua đường mang tới nộp cảnh sát chiếc ví ông ta nhặt được trên bờ sông, gần cầu dẫn nước Auteuil. Trong ví có nhiều giấy tờ của Gaston Vacherot.

Trên đường đi tới nhà hai vợ chồng Vacherot, cảnh sát trưởng Cournet cảm thấy khá phân vân. Anh là một cảnh sát cực kì thính nhậy, ít khi nhầm lẫn. Ngay lần đầu gặp Augustine anh đã đánh giá chị ta là con người tiêu biểu cho các cô vợ bị chồng ruồng rẫy. Nhưng lúc này đây, chứng cứ buộc anh phải thừa nhận vụ này đang đi theo một chiều hướng khác hẳn.

Augustine hoàn toàn suy sụp khi nhìn thấy chiếc ví của chồng. Sau phút tuyệt vọng, chị ta dần dần trấn tĩnh lại, trả lời khá rõ ràng mọi câu hỏi của cảnh sát trưởng.

– Hai anh chị vừa rồi có cãi lộn không?

– Tuyệt đối không. Gaston là hiện thân của sự ân cần.

– Chị có thấy anh thay đổi tính nết chút nào không? Chẳng hạn như tỏ vẻ âu sầu buồn bã…

Câu hỏi làm Augustine rất ngao ngán:

– Anh Gaston không đời nào tự sát. Tối hôm qua chồng tôi vẫn như mọi bữa: vui vẻ, hồn nhiên, vô tư lự.

Cảnh sát trưởng Cournet không ngạc nhiên trước câu trả lời, thản nhiên ghi vào sổ tay. Bản thân anh cũng không nghĩ Gaston tự sát. Khi định nhẩy xuống sông tự tử, chẳng ai nghĩ tới việc rút ví để lại trên bờ. Quá lắm cũng chỉ cởi bớt quần áo ngoài là cùng. Hơn nữa, trong vụ này còn có tình tiết khác…

– Vừa nãy chị nói chồng chị tới ga Orsay đón một thân chủ của luật sư Constant?

– Vâng, thưa cảnh sát trưởng.

– Rất tiếc là không phải vậy. Trước khi tới đây tôi có ghé qua văn phòng luật sư và được biết văn phòng không chờ đón khách hàng nào sẽ tới vào tối qua.

Nghe vậy Augustine cảm thấy như đất sụt dưới chân. Đầu óc choáng váng, cô chợt nhìn thấy lờ mờ một Gaston bí ẩn trước đây chưa bao giờ cô nghĩ tới.

Cô bất giác kêu lên:

– Anh ấy nói dối tôi ư? Vì cớ gì?

Cảnh sát trưởng thở dài:

– Tôi đang muốn biết thật nhanh vì cớ gì anh ấy nói dối chị. Mong chị vui lòng cho phép tôi lục soát các giấy tờ riêng của anh ấy.

Augustine gật đầu, dẫn cảnh sát trưởng vào phòng làm việc riêng của chồng. Phòng được bài trí rất sang trọng và tiện nghi. Sau ít phút, cảnh sát trưởng lấy ra một xấp thư buộc nơ, mở ra đọc.

– Chị đã có lần nào nghe nói đến người phụ nữ tên là Hortense Lemoine?

Augustine Vacherot ngã ngồi xuống ghế.

– Không… Chưa bao giờ! Nó là… nhân tình chồng tôi?

– Phải. Nhưng chị khỏi lo. Xấp thư này có từ trước đám cưới chị. Và chính vì cưới chị nên anh Gaston đã cắt đứt cô này.

Đôi mắt Augustine tỏ vẻ van lơn:

– Ông cảnh sát trưởng cho rằng người phụ nữ này có liên quan đến vụ Gaston mất tích?

Cảnh sát trưởng Cournet phác một cử chỉ tỏ ý bất lực.

Tôi không rõ. Tôi sẽ lần theo mọi dấu vết và hi vọng sẽ nhanh chóng báo chị biết nhiều tin vui. Xin phép cho tôi giữ mấy lá thư này…

Qua xấp thư cảnh sát trưởng biết rõ Hortense Lemoine làm người mẫu cho các họa sĩ, ngụ trong xóm Montmartre. Cảnh sát trưởng tới ngay địa chỉ cô ta. Lúc ở nhà Augustine anh giấu không cho cô này biết nội dung các lá thư. Lời lẽ những bức đầu như bốc lửa, nếu không muốn nói là cháy rừng rực. Những lá tiếp theo, ở khúc giữa, thuộc loại sướt mướt: Hortense than thở bị người tình lạnh nhạt. Khúc cuối chất đầy thù hận. Được Gaston báo tin sẽ cưới Augustine, Hortense tức giận viết: “Này, hãy đợi đấy. Anh chắc đã thừa biết: gái này chẳng thiếu một ngón nghề nào!”

Hortense Lemoine ở trong một phòng nhỏ trang trí đẹp mắt. Chủ nhân đẹp còn gấp ngàn lần cảnh nội thất. Tóc nâu, mắt biếc đã là của hiếm có trên đời, những phần còn lại trên gương mặt và thân hình lại cân đối hài hòa đến nỗi cảnh sát trưởng không sao rời mắt đi chỗ khác nổi.

Cảnh sát trưởng đưa cho cô nàng bức ảnh Gaston. Cô ta kêu lên:

– Lạy Chúa! Anh ấy bị sao rồi?

– Mất tích!… Cô mới gặp anh ấy trong thời gian gần đây phải không?

Thiếu phụ cố trấn tĩnh lại.

– Không gặp lại lần nào. Từ khi anh ấy lấy vợ.

Cảnh sát trưởng bỏ tấm ảnh vào túi.

– Cô nói dối. Cô đã nối lại với Gaston Vacherot từ hơn một năm nay. Đừng chối! Trước khi tới đây tôi đã hỏi nhiều người ở gần cô.

Hortense lúc này như đứa trẻ bị bắt quả tang ăn vụng.

– Vậy à… vậy thì… vâng, Gaston đã quay lại với tôi. Vì buồn cô vợ quá. Hai chúng tôi sống với nhau rất hạnh phúc, không một va chạm dù nhỏ.

– Tối qua cô có gặp anh ấy không?

– Không.

Cảnh sát trưởng Cournet bước ra cửa. Tôi sẽ kiểm tra, thưa cô Lemoine.

Hai ngày sau đó không mang thêm thông tin gì cho cảnh sát trưởng Cournet. Không có xác chết trôi trên sông Seine. Cũng không có dấu hiệu Gaston Vacherot còn sống. Mãi tới ngày 8 tháng Mười mới xuất hiện một nhân chứng: người đánh xe ngựa.

– Thưa cảnh sát trưởng, tôi thấy ảnh người mất tích trên báo. Tôi đảm bảo với ông rằng chính tôi đã chở anh chàng đó cách đây chưa tới nửa tháng. Anh ta không đi một mình. Đi với một cô tóc nâu mắt xanh.

Cảnh sát trưởng lắng nghe rất chăm chú.

– Bác có nghe lỏm được đôi ba câu họ nói với nhau không?

– Sao không? Hai anh ả cãi lộn không ngớt trong xe. Tôi không hiểu họ nói những gì, ngay sau khi đã xuống xe họ vẫn còn vặc nhau thậm tệ. Cô ả như phát điên, lặp lại mãi câu: "Anh mà bỏ tôi là tôi cho đi đứt luôn!" Cảnh sát trưởng Cournet bắt đầu hiểu ra.

– Người đàn ông nói gì?

– Im thin thít. Chỉ thấy lắp bắp không ra tiếng. Anh ta lúng túng cố vỗ về cho cô ả nguôi giận.

Hortense Lemoine bị bắt ngay hôm đó. Tới trước mặt cảnh sát trưởng, cô nàng chối kịch liệt. Thậm chí còn tỏ vẻ căm phẫn vì bị nghi ngờ.

– Gaston là người duy nhất tôi yêu trên đời này. Tại sao tôi lại giết anh ấy?

– Vì tội định bỏ rơi cô.

– Nhưng từ bữa quay lại với nhau chúng tôi có lần nào cãi lộn đâu!

– Lúc ngồi trên xe ngựa cũng không?

– Đấy chỉ là lời nói gió bay thôi, chẳng có ác ý gì… Hơn nữa, thử hỏi tôi làm cách nào giết nổi anh ấy rồi vác xác ném xuống sông?

Cảnh sát trưởng Cournet có vẻ sốt ruột:

– Khó gì! Cô nhờ một thằng đồng phạm xuống tay giết Gaston! Thiếu cha gì bọn đó ở xóm Montmartre nhà cô.

– Không đúng!

Có lẽ không đúng thế thật, nhưng mọi chuyện vẫn dừng lại ở đó cho tới ngày 15 tháng Giêng 1883, Hortense Lemoine bị ra trước tòa đại hình vùng Seine về tội giết người. Một vụ giết người không

có xác người bị giết bởi lẽ Gaston Vacherot vẫn không xuất hiện, dù còn sống hay đã chết.

Trước tòa Hortense vẫn một mực kêu oan. Tòa cũng chẳng có bằng chứng gì để kết tội. Không tìm ra động cơ khiến bị cáo giết người duy nhất cô ta yêu, cũng không chứng minh được bằng cách nào cô gái yếu ớt kia có thể hạ sát chàng trai khỏe mạnh rồi vứt xác xuống sông Seine.

Đáng lẽ tòa phải xem xét kĩ những tình tiết đó, nhưng khốn nỗi bị cáo đã hai lần nói dối trong quá trình điều tra nên đoàn bồi thẩm có định kiến sẵn với bị cáo. Ngoài ra, họ còn cho rằng bị cáo rất có thể đã mượn tay một tên tòng phạm tuyển mộ trong đám xã hội đen lúc nhúc ở xóm Montmartre. Tóm lại, đoàn bồi thẩm tin chắc Hortense đã giết tình nhân khi anh ta định ruồng bỏ mình. Hortense Lemoine bị tòa tuyên phạt mười năm tù giam.

Đi theo cảnh sát áp giải về trại giam Hortense vẫn khăng khăng kêu oan. Vụ Gaston Vacherot mất tích chìm dần trong quên lãng… Ít ra cũng trong sáu tháng.

Ngày 12 tháng Bẩy năm 1883, viên cảnh sát trực ban báo cảnh sát trưởng Cournet: có người tới gặp anh để cung cấp thông tin về vụ Gaston Vacherot. Cảnh sát trưởng cho mời vào, tuy trong bụng chẳng hi vọng gì nhiều.

Người đó bước vào với vẻ lúng túng ngượng ngùng. Vừa nhác thấy anh ta cảnh sát trưởng giật mình sửng sốt đến nỗi phải bám chặt vào bàn: người tới cung cấp thông tin về Gaston Vacherot không phải ai khác, chính là Gaston Vacherot! Cảnh sát trưởng chưa kịp hoàn hồn thì vị khách lên tiếng:

– Chắc tôi phải có đôi lời giải thích với cảnh sát trưởng?

Cảnh sát trưởng Cournet lúng búng:

– Phải, có lẽ thế…

Gaston Vacherot ngượng ngùng bắt đầu kể câu chuyện khó tin của anh:

– Thưa cảnh sát trưởng, đây là chuyện về đàn bà. Nhưng không phải chuyện về bà vợ chính thức cũng chẳng phải chuyện bà bồ nhí của tôi, mà một cô thứ ba…

Cảnh sát trưởng há hốc mồm, ngơ ngác nhìn khách. Lại còn có thêm một cô thứ ba nữa! Anh chưa phút nào nghĩ tới tình huống này! Anh lặng im ngồi nghe tiếp.

– Thưa cảnh sát trưởng, tôi quả thật chẳng chê trách cô Augustine được câu nào. Cô ấy là người vợ gương mẫu. Nhưng có điều là tôi không yêu cô ấy, còn cô ấy thì lại yêu tôi quá mức. Thành thử chẳng mấy chốc sau khi lấy nhau tôi đã quá ngán những tiếng thở dài và những ánh mắt đắm đuối của cô ấy. Thế là tôi nối lại với Hortense… Và lại phạm sai lầm chết người. Vì chẳng bao lâu sau cô bồ này cũng cư xử với tôi y hệt cô vợ chính thức. Cũng thở dài sườn sượt, cũng mắt nhìn đắm đuối, cũng đòi tôi phải dành tất cả cho cô ấy. Khi tôi nói sẽ chia tay nhau, cô ấy nổi một trận lôi đình khủng khiếp.

Gaston lau mồ hôi trán.

– Tình thế trở nên cực kì nghiêm trọng: đáng lẽ chỉ phải gánh vác một cô, tôi lại gánh những hai cô. Đúng lúc đó, tôi gặp Sylvia Mercier.

Sylvia là nhà báo, có tính cách rất độc lập, không phải loại phụ nữ bám riết lấy đàn ông. Chúng tôi thích nhau ngay khi vừa quen. Và tôi nẩy ra ý định: chia tay hai cô kia để đi với cô này.

Sylvia đồng ý ngay. Chúng tôi quyết định tới sống ở London. Ngày 5 tháng Mười vừa rồi, tôi bỏ nhà đi, cố tình để lại chiếc ví trên bờ sông Seine.

Bộ mặt Gaston sa sầm:

– Tôi định làm mọi người tưởng tôi đã tự tử. Xin thề độc trước cảnh sát trưởng là đúng như vậy. Cho tới hôm qua tình cờ đọc tờ báo Pháp, tôi mới biết sự việc đã không diễn ra như dự tính. Hortense bị tình nghi giết người, bị kết án tù. Không thể để cô ấy bị oan như vậy. Tôi vội vàng xuống tàu trở về. Đấy, câu chuyện là như thế…

Ngay hôm đó Hortense Lemoine được trả tự do. Cô làm đơn kiện Gaston trước tòa, đòi bồi thường mười ngàn frăng. Nhưng đơn bị tòa bác. Bởi lẽ bỏ lại chiếc ví của mình trên bờ sông không phải là một hành vi phạm tội, hơn nữa, chính người tình một thuở của cô đã minh chứng được anh ta không hề có ý hãm hại cô. Tuy không được nhận một xu nhỏ qua sự can thiệp của pháp luật nhưng Hortense vẫn được bồi thường hậu hĩ. Qua vụ án, tiếng tăm cô nổi lên như cồn, các bậc hiền nhân quân tử thi nhau chèo kéo cô, cô nhanh chóng trở thành một nhân vật được mến mộ trong giới ăn chơi quyền quí.

Cô Augustine đáng thương và sùng đạo không dám li hôn, chấp nhận li thân và chia đôi tài sản.

Gaston Vacherot thoát khỏi hai người tình cũ, về ở hẳn Paris cùng với cô Sylvia mới toanh của anh.

Luật sư Constant vốn là người có tư tưởng khoáng đạt, nhận anh trở lại làm việc cho ông. Sau đó Gaston lên thay ông điều hành văn phòng luật sư…

Ngôi nhà có ma

Ông thị trưởng gò tấm thân phì nộn nặng nhọc ngồi xuống thân cây đổ, nhìn ngôi nhà trước mặt: nhà xây gạch, rất lớn, rui mè bị hỏa hoạn thiêu cháy gần hết, những mảng tường nứt nẻ xiêu vẹo có thể đổ ụp bất cứ lúc nào, vài thanh sắt cong queo rỉ sét gợi hình dáng một hành lang cũ không còn tồn tại, những dây leo rừng lủng lẳng trên cửa sổ, mấy bụi cây dại mọc kín khu vườn khiến nó giống một cánh rừng hoang… Thị trưởng đã từng thấy những ngôi nhà có vẻ kiêu kì, hoặc xấu xí, hoặc đáng nghi là ổ trộm cắp, còn ngôi nhà linh mục Dumley kia thì đầy vẻ bí ẩn, gợi lên cảm giác rờn rợn kinh hãi… Không những vì vẻ hoang phế mà còn vì kiểu kiến trúc quái gở của nó, vì vị trí của nó giữa hai rặng cây um tùm vừa che kín ánh mặt trời vừa rì rầm không ngớt giữa làn gió ẩm lạnh ngày đêm quét qua ngọn đồi vùng Essex này.

Vì thế chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi từ nhiều năm nay du khách người Anh kéo tới đây rất đông để tham quan những phế tích điêu tàn, nghe người hướng dẫn kể những chuyện ma rùng rợn, ngoài ra còn có rất nhiều người hành nghề khoa học huyền bí tới làm những thí nghiệm kì lạ giữa bóng tối âm u lạnh lẽo và mùi ẩm mốc nghẹt thở.

Cũng vì thế nên thị trưởng Carrroll bữa nay phải tới trước "ngôi nhà có ma thiêng nhất nước Anh" để quyết định một việc tối quan trọng: phá bỏ hay để mặc nó với các con ma thiêng?

Thị trưởng Carrroll do dự, chưa biết nên quyết định thế nào. Ông đứng lên, đi tới gần ngôi nhà. Gương mặt đầy vẻ đăm chiêu với chiếc cằm hai ngấn, ông nhướng đôi mắt nhỏ xanh biếc qua cặp kính lão nhìn vào khuôn cửa chính đang thấp thoáng ẩn hiện những bóng đen mơ hồ. Cuộc họp do ông cầm trịch sắp bắt đầu.

Cuộc họp tiến hành trong gian phòng lớn duy nhất còn sử dụng được của ngôi nhà linh mục Dumley. Những người tham dự phiên tòa xét xử số phận ngôi nhà ngồi trước bức tượng hai tu sĩ cụt mũi đứng hai bên đỡ thùng lò sưởi. Họ là thành viên hội đồng thành phố và các nhân chứng. Ngồi mấp mé trên mấy chiếc ghế xiêu vẹo mang vào từ ngoài vườn, họ lắng nghe viên thư kí tòa thị chính tóm tắt vụ việc. Viên thư kí để râu, cận thị nặng, giương mục kính hắng giọng đọc to tờ biên bản:

– Hồi thế kỉ XIII, tại vùng quê nọ của nước Anh, người ta xây dựng một tu viện. Trong số tu sĩ có một người đã bỏ trốn, mang theo một nữ tu. Sau đó tu sĩ này bị bắt và bị xử tử, nữ tu bị chôn sống trong tường tu viện. Suốt nhiều thế kỉ qua hồn ma hai người bị bắt và người đánh xe không có đầu thường hiện lên cùng với chiếc xe chở họ.

Viên thư kí ngừng đọc. Thị trưởng đưa đôi mắt ti hí liếc nhìn xung quanh. Trong cử tọa, một người giơ tay xin phát biểu: mục sư Wesson.

– Tôi có một nhận xét nhỏ.

Thị trưởng gật đầu:

– Tôi sẵn sàng nghe.

Mục sư Wesson tiếp:

– Truyền thuyết do ông thư kí vừa nêu không chính xác. Diễn biến các sự kiện cho thấy một truyền thuyết khác hẳn.

Ông thị trưởng bất giác thở dài.

– Vậy là có những hai dị bản. Vấn đề lại càng thêm phức tạp. Thôi được, ta sẽ cân nhắc thêm. Mời ông thư kí tiếp tục.

– Đến thế kỉ XIV, mục sư Herbert Veal xây tại địa điểm này một tu viện. Mục sư ở tại đây cùng bà vợ và mười bốn người con, không gặp rắc rối gì. Con trai cả của ông nối nghiệp cha lên làm mục sư. Ngày 28 tháng Bẩy năm 1900 hồn ma nữ tu xuất hiện lần đầu tiên, sau đó tình hình trở lại yên tĩnh như trước, nhưng đây là sự yên tĩnh trước cơn bão lớn. Năm 1928, ngày 2 tháng Mười, mục sư Harry Wesson được bổ nhiệm về phụ trách ngôi nhà linh mục Dumley.

Viên thư kí lại phải dừng lời vì bị mục sư Wesson cắt ngang lần nữa.

– Xin phép nhận xét: câu chuyện ông thư kí vừa kể có dụng ý, không khách quan. Sự thực là trước khi tôi được cử về đây, ngôi nhà linh mục Dumley này đã do con trai mục sư Herbert Veal phụ trách trong ba chục năm. Và anh ta đã khẳng định: ngôi nhà có ma. Hơn nữa, chính anh ta đã nói trước khi chết: anh ta sẽ làm tất cả những gì cần làm để giữ liên lạc với người sống. Ý kiến tôi là như vậy, thưa thị trưởng.

Viên thư kí giương mục kính đọc tiếp:

– Năm 1929, thấy ngôi nhà linh mục Dumley có ma, mục sư Wesson báo tin cho tòa soạn báo Daily Mirror. Tòa soạn tờ báo cử John Jewel một phóng viên chuyên điều tra các vụ ma quái về tìm hiểu tình hình. Cuộc điều tra của John Jewel bắt đầu ngày 12

tháng Sáu năm 1929. John Jewel ghi nhận: anh bị ném đá và nhiều thứ linh tinh khác, phía sau các tấm gương soi có tiếng gõ, bà giúp việc trông thấy ma hiện lên.

Cử tọa nhốn nháo làm viên thư kí lại phải dừng lời. Chuyên gia phát hiện ma John Jewel, thấp lùn, to ngang, đầu hói, mũi khoằm, cằm bạnh, cổ bò mộng lớn tiếng:

– Xin lỗi nhé! Đừng nghĩ sau khi tôi tới mới có những hiện tượng kì quái đó! Nghĩ thế là sai bét! Chúng xẩy ra từ rất lâu trước đó. Tôi chỉ làm nhiệm vụ thông tin cho bạn đọc biết thôi.

Các nhân chứng xôn xao. Ông thị trưởng kiên quyết:

– Chuyện đó sẽ xét sau. Yêu cầu để ông thư kí tiếp tục tường trình vụ việc theo những sự kiện đã được biết.

Viên thư kí sốt ruột, tăng tốc độ đọc cho chóng xong.

– Ngày 16 tháng Mười năm 1930 mục sư Wesson sợ quá phải bỏ ngôi nhà linh mục Dumley đi nơi khác. Suốt sáu tháng sau đó, không có người phụ trách ngôi nhà. Cuối cùng các giáo chức phải cử mục sư Georges Forsyte tới trụ trì. Trong hai năm tiếp theo, các hiện tượng quái dị liên tiếp diễn ra với nhiều sắc thái khác nhau. Tháng Giêng 1932, một số nhà thông linh tới định thử trừ tà, kết quả có làm các hồn ma đỡ quậy phá nhưng chỉ được ít lâu chúng lại xuất hiện y hệt trước kia. Tháng Năm 1937 John Jewel tuyên bố sẽ làm rõ mọi nghi vấn và vào ở hẳn trong ngôi nhà. Anh ta dẫn tới đây nhiều nhà thông linh để bắt liên lạc với người nữ tu bị chôn sống. Các hiện tượng càng rộ lên. Nửa đêm 27 tháng Hai 1939, ngôi nhà linh mục Dumley bỗng dưng bốc cháy dữ dội. Nhiều nhân chứng trông thấy những bóng đen hình thù kì quái đi lại giữa ngọn lửa. Sau đó, càng có nhiều nhà nghiên cứu về ma quỉ, nhiều nhà

thông linh tới điều tra trong các khu nhà đổ nát khiến khu vực này luôn náo động. Hội đồng thành phố phải ra quyết định: làm rõ vụ việc. Nếu quả thật có những hiện tượng khác thường như đã nêu trên, các phế tích sẽ được bảo tồn. Ngược lại, sẽ bị triệt phá vì để lại cũng chẳng có tác dụng gì.

Viên thư kí tháo kính đặt xuống tập hồ sơ. Ông thị trưởng tiếp lời:

– Những nhân chứng nắm được tình hình đều có mặt đông đủ tại đây. Ta sẽ nghe quí vị đó lần lượt cho ý kiến. Sau đó hội đồng thành phố sẽ biểu quyết. Nào… xin mời mục sư Wesson vui lòng thuật lại những ngày mục sư trụ trì ngôi nhà linh mục Dumley.

Mục sư Wesson nói:

– Tháng Mười năm 1928 vợ chồng tôi tới đây. Cảm tưởng đầu tiên khi vừa tới đã rất thê thảm. Ngôi nhà vừa bất tiện vừa xuống cấp nặng. Nhưng điều làm chúng tôi băn khoăn hơn hết là những lời đồn đoán về nó. Tôi không tin nên rất buồn khi thấy con chiên của mình đinh ninh ngôi nhà bị ma ám. Tuy không tin nhưng vẫn phải thừa nhận trong các phòng thỉnh thoảng dội lên tiếng chân bước, tiếng người nói lào xào, tiếng huýt gió qua cửa sổ lá sách. Rồi những cánh cửa ra vào và cánh cửa sổ tự dưng bật ra, sập vào. Ban đêm, trong các phòng không người ở có ánh đèn chợt sáng chợt tắt. Vợ tôi mướn một cô gái mười sáu tuổi, rất nhí nhảnh rất bạo dạn giúp việc nội trợ. Cô bé không sợ ma nên vẫn cứ ở lại tuy thỉnh thoảng lại thấy trên thảm cỏ bóng một nữ tu thấp thoáng rồi biến mất khi cô bé tới gần. Một tối kia, cô ta thấy gần nhà có cỗ xe ngựa "kiểu cổ", có hai ngựa kéo chạy xuyên qua các thân cây. Và một người đàn ông không đầu nhô lên sau bụi rậm. Cô ta đuổi theo, bóng ma biến mất. Thấy vậy, tôi báo cho ông Rice biên tập viên

báo Daily Mirror biết. Ông Rice thấy đây là đề tài thú vị nên ra sức khai thác gây thành một đợt quảng cáo rầm rộ thu hút hàng đống người hiếu kì thay nhau lũ lượt kéo tới suốt ngày này sang ngày khác. Một công ty xe ca tổ chức dịch vụ đưa đón khách tham quan đi tới đi lui. Không khí ồn ào, ô nhiễm làm tôi quá mệt mỏi nên quyết định dọn đi nơi khác. Chỉ có vậy thôi, thưa thị trưởng.

Mục sư Wesson ngồi xuống. Thị trưởng Carrroll quay sang một người tóc húi cua, thân hình dài ngoẵng như cây sào.

– Thưa ông Rice biên tập viên của Daily Mirror. Ông đáp ứng thông tin của mục sư Wesson như thế nào?

– Cũng như mọi nhà báo khác. Tôi tới ngay ngôi nhà Dumley. Nhưng vì không hiểu biết gì về ma quỉ nên tôi kéo theo vị chuyên gia về khoa học huyền bí: ông John Jewel.

– Xin nói rõ ông đã thấy những gì.

– Ngay tối bữa chúng tôi vừa tới đã thấy nhiều chuyện lạ. Khi đi dọc theo thảm cỏ John Jewel và tôi đều thấy những bóng ma hình dạng lờ mờ thoắt ẩn thoắt hiện sau các bụi cây. Chập tối trở về nhà, chúng tôi suýt vỡ đầu vì viên gạch bông từ trên mái hiên rớt xuống. Lát sau, một đài nến bằng thủy tinh đỏ lăn xuống cầu thang, đập vào lò sưởi gang và vỡ tan dưới chân chúng tôi. Một bàn tay vô hình ném cục băng phiến to đùng trúng giữa cánh tay tôi. Ngay sau đó hàng vốc sỏi từ trên lầu tuôn xuống tiền sảnh. Chưa hết. Tự nhiên các chuông nhỏ trong nhà đồng loạt reo, chìa khóa cửa nhẩy khỏi ổ rơi xuống sàn. Thấy vậy John Jewel quyết định gọi hồn ma lên xem sao. Anh ta ngồi trong một căn phòng cùng với vợ chồng ông mục sư Harry Wesson, hai cô em của vị mục sư tiền nhiệm và cô thư kí của John Jewel. Tôi nghe rõ tiếng anh ta khấn:

“Nếu oan hồn đang lẩn khuất đâu đây tối nay, xin hiển hiện để người dương gian cúng vái”. Tất cả chúng tôi đều nín thở. Vài giây sau, có tiếng cọt kẹt từ chiếc bàn trong toalet. Rồi một tiếng gõ vào gương chiếc tủ phấn gỗ gụ. Không nghi ngờ gì nữa: oan hồn đang hiển hiện. John Jewel hỏi hồn có vui lòng trả lời vài câu hỏi chăng, theo qui ước truyền thống: gõ ba tiếng là có, một là không, gõ hai lần là câu hỏi không rõ ràng hoặc hồn không biết. Ngay lập tức có ba tiếng gõ rất nhanh rất mạnh phát ra từ tấm gương gắn trên tủ phấn gỗ gụ. John Jewel hỏi: có phải hồn là mục sư tiền nhiệm ở Dumley, anh ruột của hai cô ngồi đây?

Có ba tiếng gõ xác nhận. John Jewel lại hỏi:

– Tiếng chân bước trong nhà của hồn phải không?

– Phải.

– Hồn muốn quậy phá ai không?

– Không.

– Hồn có băn khoăn tiếc nuối vì không kịp làm điều gì khi còn sống không?

– Không.

John Jewel định chuyển sang phương pháp dùng bảng chữ cái để trò chuyện nhanh hơn nhưng hồn ma trả lời không rõ ràng, chắc vì không nắm vững kĩ thuật thông tin này, tuy vẫn tỏ ý muốn nói chuyện nữa. Khoảng hai giờ sáng, lúc hai ngọn đèn đã vặn lên hết cỡ, căn phòng sáng rực, tất cả chúng tôi đều chứng kiến cục xà phòng tự động nhẩy khỏi hộp đập mạnh vào miệng xô nước rồi nẩy tưng tưng trên sàn nhà. Hộp đựng xà phòng đặt trên lavabo ở cuối phòng, cách xa chỗ chúng tôi đang ngồi bên bàn phấn gắn gương.

Vì thế, thưa quí vị, ngay hôm sau tôi rời Dumley vì đã biết chắc ở đây có ma ám.

– Cám ơn ông Rice. Mời ông John Jewel phát biểu.

Phía trên cái cằm vểnh ngược, chiếc mồm rộng đến mang tai của John Jewel thốt ra tiếng khàn khàn đơn điệu:

– Trước hết xin báo cáo ông thị trưởng: ngay từ tối đầu tiên, những hiện tượng trên đã hoàn toàn thuyết phục tôi, tôi lại càng tin hơn vì những gì xẩy ra sau đó. Chứ khi mới đặt chân tới Dumley tôi không có chút định kiến sẵn nào. Trước đó, khi nghiên cứu các truyền thuyết các dư luận đồn đoán tôi đã kết luận là chuyện ma quỉ này không có thật. Hồi thế kỉ XIII thầy tu và nữ tu sĩ nọ không thể chạy trốn bằng xe ngựa bởi lẽ rất đơn giản: hồi đó chưa có xe ngựa. Mặt khác, thời đó tại vùng này không có tu viện hoặc nhà dòng nào được xây cất. Sau hết, tôi không tin người ta có thể chôn sống một nữ tu. Nhưng về sau, khi đã liên lạc được với các hồn ma ở Dumley tôi mới biết sự thật: một nữ tu người Pháp tên MarieLaure đã từ Havre tới đây lấy chồng người địa phương Dumley này và bị chồng bóp cổ chết rồi chôn dưới chỗ chúng ta đang ngồi.

Thị trưởng hỏi:

– Ông John Jewel! Ông vừa nói tới một số sự kiện khác. Ông có thể nói rõ hơn không?

– Sự thể là thế này. Lúc tôi đang ăn tối với mục sư Wesson, nước trong ly của tôi đột nhiên biến thành mực. Hiện tượng này và nhiều hiện tượng khác nữa diễn ra ngay trước mắt nhiều người, trong số đó có ông kĩ sư âm thanh của BBC tới làm phóng sự cùng

với nhiều nhân chứng được tôi mời tới, và đương nhiên có cả mục sư Forsyte và bà mục sư tới đây ở thay thế mục sư Wesson.

Mục sư Forsyte gầy như que củi, già như Bành tổ, bị bệnh phong thấp nặng. Mọi người phải nhăn mặt dỏng tai mới nghe được tiếng ông già thều thào kể chuyện các cuốn sách trong thư viện bỗng dưng nằm la liệt dưới đất, bàn ghề chổng ngược cả bốn vó, một hôm ông già nghe tiếng bà vợ Susan gọi tên mình tuy lúc đó bà không có nhà v.v…

Bà Susan còn trẻ và đẹp, rất sôi nổi khi kể câu chuyện của mình. Bà cho biết sức khỏe suy sụp rất nhanh khi về sống trong ngôi nhà vừa bất tiện vừa lắm bí ẩn. Và kể ra rất nhiều hiện tượng lạ bà đã tận mắt chứng kiến. Nào là bất ngờ bị một cú đấm khi đi ngang qua hành lang tối mò, sợ quá nên lúc nào cũng phải quấn khăn choàng thật kín để để phòng các con ma dữ đòn. Nào là các bức tường đang sạch sẽ bỗng dưng phủ đầy nét nguệch ngoạc, thậm chí ngay trước mắt một hôm bỗng hiện dòng chữ “Susan, đốt nến, cầu nguyện, cúng lễ”. Phải chăng oan hồn cô nữ tu Pháp đòi bà đọc kinh siêu thoát cho cô?

Chịu hết nổi, tháng Giêng 1935 cụ mục sư Forsyte ốm yếu và bà vợ trẻ thấm mệt đành bán xới ngôi nhà linh mục Dumley. Nhà báo John Jewel tới thay, ở đó ba năm. Vừa đủ thì giờ để phát hiện những chiếc xương người, có lẽ của người nữ tu bị chôn sống dưới tầng hầm. Trong ba năm được các hồn ma hàng ngày tới thăm, John Jewel viết được hai cuốn sách làm ngôi nhà linh mục Dumley được cả nước biết đến với cái tên “Ngôi nhà có ma thiêng nhất nước Anh”.

Ông thị trưởng quay nhìn mấy nhân chứng từ nãy vẫn chỉ nhếch mép cười ngạo mạn. Ông hỏi:

– Mấy vị chắc không đồng tình?

Bà vợ mục sư Wesson, sáu mươi tuổi, tóc trắng như cước, nét mặt gần như vô cảm lên tiếng trước tiên.

– Sau khi rời khỏi ngôi nhà linh mục Dumley, tôi suy nghĩ rất dữ và trái hẳn với ông nhà tôi, tôi không còn tin có ma có quỉ gì ở đây nữa. Ánh đèn ông ấy thấy lóe lên trong các phòng không người có thể chỉ là ánh đèn pha ôtô lấp loáng sau tán lá cây. Con nhỏ đã kể cho chúng tôi lắm chuyện kì quái là một đứa rất tò mò và thích đùa. Nó bịa ra những chuyện đó để giỡn mặt bọn tôi, để thử gân bọn tôi, và cũng có khi để bọn tôi quan tâm tới nó.

– Cám ơn bà. Mời vị kia phát biểu.

Chàng trai cao to, nét mặt tươi tỉnh, đứng lên.

– Tôi là tài xế xe ca đã chở khách hiếu kì tới đây trong suốt một năm.Tôi cam đoan những tiếng động mà các vị ở trong ngôi nhà linh mục Dumley nghe thấy chẳng có gì bí hiểm. Bởi lẽ rất đơn giản: các căn hầm đều nhung nhúc những chuột là chuột. Rui kèo xà gồ thì bị mối chén rỗng. Gió lùa hun hút qua đó suốt ngày đêm. Có một bữa, sau khi đổ khách gồm toàn những nhà thông linh và chờ lúc họ bắt đầu làm trò khỉ, tôi núp trong bóng tối, bịt mũi nói ồm ồm xưng mình là oan hồn mục sư Bull. Quí vị tin hay không thì tùy, nhưng sự thật là các nhà thông linh đã tưởng thật. Chính tôi cũng đã chở những pháp sư cao tay định tới trừ tà. Ông thị trưởng có biết họ trừ tà bằng thứ gì không? Họ đốt lá oải hương khô! Tất nhiên chẳng ăn thua mẹ gì, họ bèn thử rẩy nước thánh… Tóm lại toàn trò trẻ con!

Một chàng trai trang phục rất bảnh, từ London về đây với chủ định rõ ràng cũng đứng lên nói:

– Thưa thị trưởng, theo yêu cầu của ông, tôi đã phân tích các chữ viết trên tường. Kết luận: tất cả đều do bà Susan Forsyte viết.

Nhiều tiếng thét phẫn nộ nổi lên. Một giọng the thé át tất cả: giọng bà Susan Forsyte. Bà ta la lớn:

– Tôi làm thế để làm gì? Phải, để làm gì mới được chứ? Trả lời đi, trả lời ngay!

Lúc này thám tử Kendall mới đứng lên, mặt lạnh như tiền, áo mưa vắt cánh tay.

– Xin thưa: vì bà thấy nhàm chán đến muốn chết trong ngôi nhà mốc meo này. Vì bà không nghĩ ra mẹo nào khác để buộc mục sư Forsyte rời khỏi đây. Tiếng tăm của ngôi nhà ma do John Jewel tạo dựng nên đã cho bà một cơ hội quá tốt. Và bà đã theo bước anh ta với quá nhiều sáng tạo. Thưa ông thị trưởng! Có thể ở cuối thế kỉ trước ngôi nhà linh mục Dumley này đã từng bị bọn quỉ con tinh quái và bọn người bị ma ám vào đây quậy phá, nhưng hiện nay thì John Jewel mới là kẻ bầy trò lòe bịp này, làm mất hết uy tín hòn đảo thân yêu của chúng ta.

Cái trán hói của John Jewel đang ngồi giữa những tiếng nguyền rủa bỗng vã mồ hôi hột ướt đầm. Viên thám tử tiếp tục:

– Ban lãnh đạo mới của tờ Daily Mirror từ lâu đã nắm được bộ hồ sơ về vụ này nhưng chưa tiện công bố. Hôm nay, vì vụ việc đã mang tính chất chính thức với sự có mặt của ông thị trưởng và quí vị trong hội đồng thành phố nên tôi được ủy nhiệm thông báo những tư liệu trong hồ sơ này với quí vị. Trong hồ sơ có ghi vụ một nhà báo đã ở đây với John Jewel ba ngày đêm, sau khi chứng kiến một số hiện tượng phát tiếng động khó hiểu anh ta đã túm lấy người John Jewel. Và thấy trong túi anh này chứa đầy sỏi, thắt

lưng gài một viên gạch. Anh ta hỏi những thứ đó định dùng làm gì, nhưng John Jewel không giải thích được… Tòa báo đã nghiên cứu các hiện tượng ở đây và đều thấy có cách giải thích. Ly nước biến thành mực chẳng hạn: chỉ việc bỏ vào nước một viên hóa chất. Chắc ông John Jewel sẽ bắt bẻ tôi: muốn làm được như vậy, phải nhanh tay lắm mới làm nổi. Đúng thế, thưa ông! Tài nhanh tay ấy, ông ta đã có sẵn từ lâu. Vì, thưa ông thị trưởng, chắc ông không biết trước khi làm chuyên gia săn bắt ma quỉ, ông John Jewel đây đã từng là… nhà ảo thuật trong một gánh xiếc!

John Jewel nhún vai. Ông thị trưởng quắc mắt:

– Ông làm thế nhằm mục đích gì, ông John Jewel?

Thám tử Kendall trả lời thay gã ta:

– Để kiếm cơm, thưa ông thị trưởng. Những cuốn sách, những bài báo viết về ngôi nhà linh mục Dumley "Ngôi nhà có ma thiêng nhất nước Anh" đã mang về cho anh ta vô khối tiền bạc.

Ông thị trưởng đứng phắt lên:

– Thôi khỏi! Thưa quí vị, khỏi cần nghe thêm nữa! Mời các vị trong hội đồng thành phố cho biểu quyết.

– Ai đồng ý giữ lại ngôi nhà đổ?

Không ai nhúc nhích.

– Ai đồng ý phá bỏ?

Các cánh tay nhất loạt giơ cao. Nhất trí trăm phần trăm.

Hậu duệ của Sa hoàng cuối cùng

Thời Sa hoàng Nicola đệ Nhị còn trị vì nước Nga, một vị tướng của triều đình cho ra đời một thằng con trai. Nó là chắt của Sa hoàng đệ Nhất nên ông tướng bố nó đặt tên nó là Alecxan Wonfer. Khi nó mới được 5 tuổi thì ông tướng chết. Sa hoàng Nicola đệ Nhị đưa nó vào cung làm cận hầu.

Lúc Alecxan Wonfer lên 10 là năm 1917, cuộc Cách mạng tháng Mười Nga thành công. Wonfer phải vào trại cải tạo. Ba năm sau nó trốn lên một chiếc tàu Đức, chạy sang Stertin trên bờ biển Baltic.

Năm 1920 cả gia đình Wonfer gồm: mẹ hắn, hắn và năm chị em gái tụ họp ở Berlin trong cảnh nghèo rớt mùng tơi vì đã phải bỏ của chạy lấy người. Wonfer lúc đó mới 17 tuổi nhưng đã ra vẻ một chàng quí tộc: cao lớn, đẹp trai, dáng vẻ điệu bộ đài các cao ngạo. Chỉ phải mỗi tội: không một xu dính túi. Lúc tàu tới sân ga Berlin, toàn bộ cơ nghiệp của bẩy người chỉ có bẩy va li quần áo tàng tàng, trong túi Wonfer chỉ còn vừa đủ tiền thuê người khuân bẩy chiếc va li về khách sạn.

Wonfer thuê khách sạn loại sang chứ không thích loại xoàng. Và một mình nuôi sáu miệng ăn không ngồi rồi: người mẹ bốn mươi tuổi và năm chị em, tất cả đều là những mụ đàn bà con gái quen thói ăn chơi lêu lổng chẳng biết và chẳng thiết làm gì để kiếm sống. Chính Wonfer cũng thế nốt. Mà dù có kiếm ra việc làm điều

vô cùng khó ở nước Đức thời những năm 1920 cũng không nuôi nổi sáu cái tàu há mồm quen ăn cao lương mĩ vị, mặc lụa là gấm vóc và tiêu tiền như rác kia! Cả nhà bẩy con người chẳng bao giờ bàn tính chuyện làm ăn lương thiện. Nhà quí tộc dòng dõi vua nước Nga mở đầu sự nghiệp bằng những trò ăn cắp vặt vãnh, sau đó được mẹ và các cô chị cô em nhiệt liệt khuyến khích, tiếp tay rất hiệu quả.

Dĩ nhiên đi đêm mãi ắt có ngày gặp ma. Một bữa kia, hắn và một cô ả bị bắt quả tang, bị truy tố ra tòa. Ngay trong lần đụng độ đầu tiên với cơ quan pháp luật Wonfer đã tỏ ra thông minh xuất chúng, khéo chối tội nên được tòa tha bổng "không phải chịu trách nhiệm hình sự" trong khi ả kia không sáng ý bằng hắn nên phải lĩnh ba năm rưỡi tù ngồi.

Năm 1926 cả bọn thấy chán thành phố Berlin không hiếu khách, bỏ đi lập nghiệp ở Vienna thủ đô nước Áo. Hồ sơ tư pháp của chúng được cảnh sát Đức chuyển cho Interpol.

Ở Vienna, nhà quí tộc Wonfer thi thố tài nghệ qua nhiều màn diễn xuất sắc, nhiều màn được dân chúng truyền tụng như những chuyện huyền thoại tân thời.

Nguyên tắc cơ bản chủ đạo mọi hành động của Wonfer là nguyên tắc "viễn chinh". Để thực thi nguyên tắc này hắn thuê một xe hơi có tài xế, đưa người mẹ cùng đi với một cô em. Xe rong ruổi trên đường, chở bộ ba đến những thành phố ăn chơi, những sòng bạc sầm uất nhất như BadenBaden, Lugano, Monte Carlo…

Một chiều thứ Năm, hắn tới cửa hàng bán đồ lông thú ở BadenBaden đòi xem những tấm áo lông đẹp nhất. Hắn tỏ vẻ ưng ý chiếc măng tô lông cáo trị giá gần hai chục ngàn đôla.

– Tôi định mua tặng cô vợ chưa cưới nhân buổi dạ hội trong dịp nghỉ cuối tuần sắp tới. Nhưng tôi còn phải biết chắc cô ấy ưng ý mới mua.

Chủ tiệm đon đả:

– Để tôi cho nhân viên ra mặc thử ngài coi.

Cô người mẫu của cửa hàng khoác chiếc áo lộng lẫy lên mình, uốn éo đánh mông vài lần trước cặp mắt soi mói của nhà quí tộc ngồi chễm chệ trên phô tơi. Nhòm một lúc lâu rồi ngài phán xanh rờn:

– Cô này không cùng khổ người với vị hôn thê của tôi. Phải chính cô ấy mặc thử tôi mới yên tâm.

Wonfer gọi điện về khách sạn. Mẹ hắn nhấc máy.

– Mẹ ơi! Mẹ đưa Irina tới đây giúp con được không hử mẹ? Vừa kiếm ra tấm áo lông thú khá đẹp nên con muốn cô ấy tới đây thử xem có ưng ý không.

Người mẹ viện ra đủ thứ khó khăn này nọ. Nhà quí tộc vật nài:

– Con cho tài xế đánh xe về rước mẹ và Irina. Mẹ chỉ mất độ một tiếng đồng hồ là xong thôi mà! Chiều con một chút đi, mẹ yêu!

Người mẹ trả lời cho biết bà đang bận nhiều chuyện quan trọng hơn chuyện đi thử áo. Thất vọng, nhà quí tộc đành nhượng bộ:

– Thôi vậy, con tuân theo ý mẹ chứ biết làm sao giờ! Để con hẹn với cửa hàng.

Hắn quay sang chủ cửa hàng:

– Mẹ và vị hôn thê của tôi chưa thể tới ngay bữa nay. Ngày mai, khoảng năm giờ chiều, được không?

– Dạ, được ạ.

– Tôi trả tiền trước. Ông phải giữ chiếc áo này cho tôi.

Wonfer trao tấm séc 20 ngàn đôla.

Hôm sau đúng giờ hẹn, nhà quí tộc, mẹ và cô vợ chưa cưới của hắn trở lại cửa hàng áo lông thú. Thấy khách chuẩn bị ra về mang theo tấm áo, chủ cửa hàng tỏ vẻ bối rối. Ông ta muốn kiểm tra xem tờ séc có bảo chứng không. Nhà quí tộc ngạc nhiên:

– Ủa, thế ông chưa kiểm tra ư? Cứ việc!

Lúc này đã hơn năm giờ chiều, quá giờ làm việc của ngân hàng. Chủ cửa hàng không sao gọi được, đứng tần ngần nhìn vị khách bỏ áo vào hộp. Người mẹ, cô vị hôn thê, nhà quí tộc và ngay cả gã lái xe cũng đều có vẻ không bằng lòng. Nhà quí tộc lên tiếng, giọng hơi xẳng:

– Tôi đưa séc từ hôm qua, ông đã có thừa thì giờ để kiểm tra. Tôi cũng đã cho ông địa chỉ khách sạn tôi thuê. Và đã nói cần chiếc áo này cho dịp nghỉ cuối tuần của vị hôn thê tôi. Nếu có chuyện gì khúc mắc ấy là tôi phòng hờ thế chứ chắc chẳng có chuyện gì ông hẳn biết nơi tìm tôi và sáng thứ Hai tôi sẽ cho người mang áo trả lại ông.

Chủ cửa hàng thấy rõ trục trặc này do mình gây ra nên cúi đầu chấp thuận để khách mang áo đi.

Sáng thứ Hai tuần sau đó, ngân hàng trả lời chủ cửa hàng áo lông thú: tờ séc chẳng đáng giá một xu, sổ ngân phiếu đứng tên giả không có giá trị mảy may.

Chủ cửa hàng đành ngậm quả bồ hòn làm ngọt, chịu mất toi chiếc áo 20 ngàn frăng.

Một mẹo khác được Wonfer đặt tên là "bản nhạc cuối tuần" do hắn bỏ ra nhiều công sức tạo ra với nhiều khúc biến tấu lịm người.

Ví dụ: hắn gửi một số tiền khá lớn vào ngân hàng gần nơi hắn định khua khoắng rồi tới cửa hàng đòi mua món hàng thật cao giá. Khi chủ cửa hàng điện hỏi nhà băng tất nhiên được xác nhận tờ séc hắn đưa có giá trị vì có bảo chứng đàng hoàng. Chủ cửa hàng để khách lấy hàng đi. Mươi phút sau Wonfer tới ngân hàng phàn nàn: chủ cửa hàng đòi thanh toán bằng tiền mặt. Ngân hàng cho hắn rút số tiền vừa gửi. Thế là Wonfer vừa chôm được hàng vừa rút được tiền.

Một hôm có chiếc RollsRoyce dừng bánh trước cửa tiệm kim hoàn lớn trên quảng trường Vendome, Paris. Trên xe bước xuống nam tước Volfgard rất trẻ, ăn bận cực kì sang trọng. Nam tước vào tiệm, ngỏ ý muốn xem những món nữ trang quí hiếm nhất. Chủ tiệm hớn hở đưa ra nhiều món quí giá, đặc biệt là viên ngọc "Trái Lê" rất to rất sáng, hình thon thả trái lê, một viên ngọc rất hiếm trị giá bằng cả một gia tài: khoảng 2 triệu frăng Nam tước có vẻ chần chừ.

– Viên ngọc khá đẹp. Nhưng tôi muốn món quà tặng của tôi phải là thứ gì thật độc đáo.

Chủ tiệm săn đón vị khách sộp.

– Thưa ngài, món này là độc đáo đấy chứ ạ.

– Chỉ một viên thì chưa thật đẹp. Vả lại mọi người thường hay kiêng được tặng một viên duy nhất. Nếu có hai viên y hệt nhau, món quà sẽ giá trị gấp bội.

– Ôi, làm sao có được hai viên ngọc y hệt nhau, thưa ngài. Không thể kiếm đâu ra một trái lê thứ hai cũng sáng cũng trong như thế này và kích cỡ cũng ngang bằng nhau. Dứt khoát không

đâu có. Giả dụ có thì hai viên ngọc giống hệt nhau như viên này là thứ vô giá không ai mua nổi.

Đúng như chủ tiệm kim hoàn nói, viên ngọc này trị giá hai triệu, nếu có hai viên để gắn lên đôi bông tai chẳng hạn thì giá của nó tăng lên tới 6 triệu.

Sau một hồi cân nhắc suy tính, vị nam tước quyết định:

– Tôi bằng lòng mua. Nhưng ông phải cố tìm cho tôi một viên nữa y hệt viên này. Tôi sẽ đợi và sẽ trả một giá thỏa đáng.

Ông ta đưa tờ séc mang tên nam tước Volfgard rồi bỏ túi viên ngọc. Chủ tiệm hỏi:

– Xin nam tước cho biết nếu có viên thứ hai ngài sẽ trả cho tôi bao nhiêu?

– Ba triệu.

– Tôi sẽ cố hết mình. Nhưng xin thưa thật: ngài đừng quá trông chờ.

Mấy tháng liền sau cuộc mặc cả này, nam tước Volfgard tức Wonfer ba bốn lần dừng chiếc RollsRoyce trước của tiệm kim hoàn trên quảng trướng Vendome, thò đầu ra cửa xe hỏi:

– Có chưa?

Chủ tiệm nháo nhào chạy ra.

– Thưa nam tước chưa. Rất tiếc!

Nhiều tháng trôi qua. Mỗi tháng nam tước ghé một lần. Vẫn chưa kiếm ra hử? Này, tôi trả 4 triệu. Cố lên!

Tháng nào nam tước bận công việc không tới được thì tài xế tới hỏi:

– Kiếm được hàng cho nam tước chưa, ông chủ tiệm?

– Nhờ anh thưa giúp: chúng tôi vẫn cố sức tìm nhưng chưa có. Xin nam tước thứ lỗi.

Dần dần tất cả các chủ cửa hàng nữ trang của Paris đều biết tin chủ tiệm kim hoàn trên quảng trường Vendome đang lùng một viên ngọc "Trái Lê" cho vị khách sộp.

Một bữa kia, ông chủ tiệm kim hoàn lớn nhất trên đường Saint Honoré mừng hết biết khi một thiếu phụ tới dạm bán viên ngọc "Trái Lê" tuy với giá hơi đắt: 4 triệu. Ông điện hỏi chủ tiệm trên quảng trường Vendome:

– Có rồi. Họ đòi những bốn triệu, chưa kể phần trăm cho tôi. Lấy không?

Chủ tiệm Vendome không do dự:

– Lấy đại đi.

Chủ tiệm Saint Honoré mở két trả cho em gái Wonfer 4 triệu do thằng anh nó mua cách đây mười một tháng ở cửa hàng trên quảng trường Vendome với giá 2 triệu.

Trung tâm Interpol quốc gia của rất nhiều nước theo dõi tỉ mỉ các phi vụ làm ăn của Wonfer nhưng chịu bó tay không sao biết hết và thống kê nổi số vụ và số tiền hắn kiếm được bằng những thủ đoạn lừa bịp láu cá và luôn có sự trợ lực hữu hiệu của mẹ hắn hoặc chị em hắn. Những vụ lừa đảo của Wonfer diễn ra khắp nơi: Venice, Paris, Brussels, Budapest, Tyrol, Bồ Đào Nha, Milan, Grenoble, New York… Thỉnh thoảng lắm Wonfer mới chịu vào nghỉ chân trong tù vài bữa ngắn ngủi, đặc biệt lần nào bị bắt hắn cũng tìm được cách gỡ tội cho mẹ hắn. Vì thế mẹ hắn chỉ ngồi tù tổng cộng có ba tháng.

Năm 1949 mẹ Wonfer tám mươi chín tuổi, hắn năm mươi tư. Tóc Wonfer đã điểm bạc, vẻ mặt trở nên chững chạc, dày dạn, tinh nhanh hơn trước, trông càng có vẻ cao sang quí phái hơn. Do đó hắn làm ăn càng thuận lợi hơn. Nhưng đi đêm lắm cũng có ngày gặp ma: Wonfer cũng vấp một vố khá đau.

Ngày 15 tháng Giêng năm đó Wonfer cùng mẹ hắn vào viện bảo tàng. Trong viện trưng bày nhiều bức tranh trong đó có một bức của nhà danh họa Goya. Hai mẹ con đứng lặng hồi lâu ngắm nghía, trầm trồ rồi bình luận cho tới khi chuông báo hết giờ tiếp khách tham quan. Sau khi ban tặng nhân viên bảo vệ nụ cười đầy thiện cảm của người mẹ kèm theo khoản tiền boa hậu hĩ của người con, hai mẹ con ra về. Bức Goya cũng biến theo như trong trò ảo thuật.

Khốn nỗi bà Wonfer đi đâu cũng bế theo một con khỉ con trên ngực. Đặc điểm này đã được Interpol thông báo khắp nơi. Vì thế ông chủ một khách sạn bên Thụy Sĩ thấy bà khách vãng lai tới thuê phòng mang theo con khỉ con tinh nghịch, ông báo ngay cảnh sát. Bức Goya được thu hồi ngay sau đó: bà Wonfer quấn bức tranh quanh bụng. Cảnh sát Thụy Sĩ gô cổ cả hai mẹ con. Chiếu cố cái tuổi tám chín của mụ già, nhà chức trách thả mụ ra, chỉ truy tố một mình Wonfer.

Tại phiên tòa họp ở Berlin, bị cáo Wonfer có vẻ mệt mỏi, đau yếu, hình như đang bị vi trùng lao phổi tấn công mạnh. Hắn năn nỉ đoàn hội thẩm:

– Quí ngài nhìn tôi thì biết tôi đang mắc bệnh nặng. Quá nghiêm khắc với tôi là quí ngài đẩy tôi vào tay tử thần. Tôi già rồi, yếu lắm rồi, tôi đáng được quí ngài mở lượng khoan hồng. Thực tình bây giờ tôi không còn sức để sống đời lang bạt kì hồ như trước

nữa. Cũng không còn sức tái phạm bất cứ tội gì. Không còn sức chịu đựng những lo âu dằn vặt của kiếp giang hồ. Xin quí ngài rủ lòng thương xót kẻ này. Mãn hạn tù tôi sẽ lập gia đình tử tế, rẽ cuộc đời chuyển sang hướng khác.

Tòa tin lời hắn ta. Hơn nữa, trong những người ngồi dự phiên tòa có một bà mệnh phụ rất giầu có ở Berlin đứng lên dõng dạc tuyên bố: sẵn sàng kết hôn với tên đại bịp già có đầu óc lãng mạn, và sẵn sàng trang trải mọi khoản nợ nần của lão.

Wonfer bị kết án ba năm rưỡi tù giam, tuy hắn đáng phải lĩnh án tù chung thân mới đúng. Nghe tòa tuyên án xong Wonfer kính cẩn cúi mình mỉm cười nói: Cám ơn quí tòa.

Hai tháng sau khi mãn hạn tù Wonfer kéo cả nhà về Roma. Trời xui đất khiến thế nào không biết, hắn gặp một họa sĩ chuyên vẽ tranh phiên bản. Wonfer bỏ ra một món tiền nhỏ mua bức tranh chép theo mẫu một bức của danh họa Vermeer. Hắn mang tới cho Valetta một họa sĩ thuộc trường phái hiện đại, tài năng và danh tiếng đều rất bình thường, thuê vẽ trùm lên phiên bản Vermeer một bức tranh khác. Rồi chuẩn bị mang đi Mĩ. Hắn bắt đầy tớ đóng gói thật cẩn thận bức tranh có thể còn chưa khô hẳn và giải thích:

– Bức tranh của Valetta che giấu một tài sản khổng lồ đấy nha. Vì thực ra nó là bức tranh của đại danh họa Vermeer người Hà Lan hồi thế kỉ XVII. Tôi thuê Valetta vẽ đè lên trên là để che mắt bọn hải quan, khỏi bị chúng đánh thuế cao. Sang tới Mĩ tôi tẩy bỏ lớp ngoài, Vermeer của tôi sẽ hiện ra nguyên vẹn.

Xong đâu đấy Wonfer đuổi việc cả hai người đầy tớ.

Đêm trước bữa lên đường sang Mĩ Wonfer bảo mẹ phôn cho hải quan cửa khẩu tố giác nhà quí tộc Wonfer đang âm mưu mang lậu

sang Mĩ một bức Vermeer.

Nhân viên hải quan hỏi theo thủ tục:

– Hải quan cửa khẩu đây. Ai gọi?

– Khỏi cần biết tên tôi. Chỉ cần biết tôi là một người đầy tớ vừa bị ngài Wonfer sa thải rất vô lí.

Hôm sau ở trạm hải quan Wonfer xuất trình bức tranh. Thanh tra hải quan hỏi:

– Ông chỉ mang theo một bức này?

– Vâng.

– Ông khẳng định đây là tranh Valetta?

– Vâng.

– Vậy mời ông đi theo tôi.

Trong phòng kế bên, một chuyên viên của hải quan tẩy lớp thuốc vẽ ở một góc bức Valetta. Bên dưới lộ ra một lớp thuốc vẽ, cũ hơn. Wonfer tỏ ra vô vùng ngạc nhiên.

– Chết tôi rồi! Ai ngờ bức Valetta lại vẽ trên mảnh vải cũ như thế này!

Thanh tra hải quan mỉm cười chế giễu:

– Thôi thôi, xin ông đừng vờ vịt nữa. Và đừng hòng qua mặt con cáo già này. Vải thưa che sao được mắt thánh. Ông thừa biết đây không phải một mảnh vải cũ mà một Vermeer thứ thiệt ông định mang chui sang Mĩ!

– Vermeer thứ thiệt ư? Ai bảo các ông thế? Mấy ông điên hết rồi!

– Thôi đừng lắm mồm. Một người đầy tớ bị ông nhẫn tâm đuổi ra vỉa hè đã tố giác ông.

Dĩ nhiên hải quan cho Wonfer đối chất với hai người giúp việc cũ. Dĩ nhiên hai người này đều chối không hề tố giác ông chủ cũ. Nhưng Wonfer khăng khăng nói một trong hai người đã vu cáo, đã tìm cách trả thù chủ cũ một cách hèn hạ, làm gì có chuyện mang lậu thuế Vermeer ra nước ngoài v.v… và v.v…

Nhà chức trách không quan tâm tới chuyện có ai trả thù ai không, họ chỉ quan tâm tới bức Vermeer suýt bị xuất khẩu lậu thuế.

Trong phòng thí nghiệm, các chuyên viên vừa hoàn tất việc bóc lớp vỏ Valetta phủ ngoài bức gọi là Vermeer. Thế là dù đã gân cổ cãi lấy cãi để, nhà quí tộc Wonfer vẫn cứ phải đóng thuế hải quan khá nặng tính theo tỉ lệ phần trăm giá trị bức Vermeer được định giá 28 triệu frăng. Nét mặt Wonfer trông thật thảm hại khi móc ví lấy tiền nộp thuế, tay run run chìa ra nhận tờ biên lai ghi:

Hải quan cửa khẩu X… nhận của nam tước Wonfer số tiền…. triệu Mác là tiền thuế hải quan đánh vào bức Vermeer trị giá….. triệu Mác.

Vậy là từ lúc này trở đi bức Vemeer dỏm của Wonfer nghiễm nhiên được hải quan chính thức cấp giấy công nhận là Vermeer thứ thiệt và còn định giá cho nó nữa! Wonfer mang sang Mĩ tiêu thụ, thu một khoản lãi kếch sù!

Vụ bịp bợm nổi tiếng khắp thế giới này là tác phẩm cuối cùng của cháu gọi Sa hoàng Alếchxăng đệ Nhất bằng cụ cố nội. Sau đó hắn già đi rất nhanh. Mẹ hắn chết lúc chín mươi tuổi. Không còn người cộng sự đắc lực nữa, các mánh lừa đảo của hắn xuống cấp nhanh chóng, mất hết tính tinh khôn, trở thành rất tầm thường. Đã thế, khi đã bước sang chặng cuối đời Wonfer lại mắc chứng

đồng tính dục. Hắn bị cảnh sát Đức bắt ở Luxembourg cùng với thằng nhỏ cặp bồ. Tòa án Berlin đưa hắn ra xử tội.

Nhiều người thời đó tuy lên án tên lừa đảo nhưng lại ca tụng Wonfer là người thông minh, có tài và tay không vấy máu.

Đó là do họ không biết rõ lai lịch hắn ta.

Theo Interpol thì từ năm 1941 Wonfer đã là tội phạm hình sự bị giam trong trại tập trung. Tại đây hắn được bọn phát xít cho hưởng nhiều đặc ân, mẹ hắn được thường xuyên vào thăm để chuyển ra ngoài những đồ nữ trang và vật quí hiếm do hắn tước đoạt của các tù nhân khi họ bị ném vào trại. Vì Wonfer là một tên chỉ điểm rất đắc lực của bọn SS.

Không nhận thêm một đôla nào nữa!

Năm 1929 Hoa Kì rơi vào cơn đại suy thoái nghiêm trọng nhất trong lịch sử đất nước, do sản xuất thừa mứa, thị trường bị bão hòa không tiêu thụ nổi, nạn đầu cơ tiền tệ tăng vọt, người thất nghiệp xếp hàng dài dằng dặc trước các quầy xúp bố thí.

Tám mươi ba tỉ đô la thu nhập quốc dân không cứu nổi người Mĩ rơi tõm xuống vực thẳm suy thoái. Nhiều người thuộc tầng lớp trung lưu bị khánh kiệt, một số nhà kinh doanh cỡ bự nhẩy lầu tự tử.

Những kẻ ranh ma thì tin rằng: muốn sống sót qua cơn bão tố này phải biết xoay sở mánh mung thật giỏi. Nhưng mánh mung thần tình đâu có đến ngay! Trong khi chưa nghĩ ra diệu kế, mọi người Mĩ kể cả người lương thiện lẫn bọn ranh ma kéo tới bao vây các phòng tuyển dụng lao động và tìm đọc mục "Cần người" trên các báo.

Bữa đó một người đang xếp hàng chờ đến lượt lĩnh đĩa xúp bố thí bỗng phát hiện ở cột Rao vặt trên tờ NewYork Post dòng thông báo kì cục, in chữ to, đóng khung trang trọng. Thông báo viết:

"HÃY GỬI CHO TÔI 1 ĐÔ LA, SỐ NHÀ 35 ĐẠI LỘ 12. HAROLD WILLIAM"

Thằng cha nào đó to gan thật! Gửi cho tôi một đôla, nghe ngon nhỉ! Thời buổi này kiếm ra một đô đâu có dễ. Nó là thằng nào mà phách lối dữ vậy? Hay đây chỉ là một trò quảng cáo nhì nhằng gì đó?

Nhưng nghĩ cho kĩ thì thấy cũng lạ, cũng đáng quan tâm tìm hiểu đầu đuôi. Một thông báo với nội dung như thế, lời lẽ như thế, in chữ to mà lại đóng khung nữa thì thật đáng quan tâm. Người thuê đăng thông báo phải tiêu tốn không phải một mà nhiều đôla…

Mọi người bàn tán về cái tin này trong quán cà phê, câu chuyện to nhỏ râm ran truyền qua tai nhau càng làm tăng thêm sự chú ý đến lời thông báo kì cục.

– Bác biết chưa? Có người đăng báo đòi một đô và còn cho cả địa chỉ đàng hoàng nữa cơ.

– Ôi dào, chuyện vớ vẩn! Nhưng dù sao cũng thấy đăng trên báo hẳn hoi.

– Bác nghĩ đó là quảng cáo của một doanh nghiệp mới ra đời?

– Không đâu, chỉ là một trò quảng cáo nhăng nhít gì đó thôi.

– Nhưng là quảng cáo thứ gì? Có lẽ cũng nên tìm hiểu xem sao.

Hôm sau, vẫn trên tờ New York Post lại có dòng thông báo y hệt hôm trước nhưng in bằng khổ chữ to hơn, đậm hơn:

“HÃY GỬI CHO TÔI MỘT ĐÔ LA, SỐ NHÀ 35 ĐẠI LỘ 12. HAROLD WILLIAM”

Dư luận càng xôn xao, mọi người lại thi nhau phỏng đoán.

– Tôi cho rằng phía sau thông báo này có một cái gì đó… Có thể thằng cha này đã nghĩ ra một mánh làm ăn mới trên thị trường

chứng khoán.

– Với một đô la làm vốn? Chuyện nực cười!

– Đừng tưởng chỉ có chừng đó nếu nhiều người tham gia.

Hôm sau nữa, vẫn trên tờ báo đó lại có dòng thông báo đó, nhưng bằng khổ chữ to hơn hôm trước:

"HÃY GỬI CHO TÔI MỘT ĐÔ LA, SỐ NHÀ 35 ĐẠI LỘ 12. HAROLD WILLIAM"

Chắc phải có chuyện gì nên người ta mới đăng thông báo dai dẳng như vậy mà không cung cấp thêm chi tiết nào. Thế là sau ba ngày trong bạn đọc của báo New York Post tờ báo nhiều độc giả nhất trong những tờ báo lớn nhất thành phố bỗng nẩy sinh một tâm lí rất khác lạ. Tâm lí này nhanh chóng lây sang rất nhiều cư dân địa phương dù không phải là bạn đọc của New York Post.

Không ai rõ bằng cách nào, qua miệng những ai mà một thông tin được truyền tới tai tất cả mọi người, từ bà tiểu thương từng trải đến cụ già hưu trí đa nghi, từ kẻ cầu bơ cầu bất đến nhà kinh doanh lõi đời.

"Cái ông HAROLD William này là một nhà hảo tâm rất có lòng từ thiện, một tỉ phú hơi điên điên. Ông sẽ gửi cho mỗi người đã tỏ lòng tin cậy ông một món quà tuyệt vời. Ông làm điều đó để nâng cao tinh thần mọi người giữa thời buổi khó khăn này. Đó là một người theo chủ nghĩa lí tưởng, một người Mĩ chân chính đầy lòng tin tưởng vào vận mệnh nước nhà".

Ngày thứ tư, vẫn trên báo New York Post, bằng khổ chữ càng lớn càng đậm hơn:

"HÃY GỬI CHO TÔI MỘT ĐÔ LA, SỐ NHÀ 35 ĐẠI LỘ 12. HAROLD WILLIAM" Vẫn chỉ ngắn gọn có thế, vẫn khô khan như

ra lệnh.

Thế là có ngay một tin đồn khác phi nước đại khắp thành phố. Lần này là một thông tin đảm bảo chính xác, xuất phát từ một nguồn rất đáng tin cậy;

"Đây là một nhà kinh doanh thiên tài, sắp khai trương một công ty công nghiệp cực kì vĩ đại với những trái phiếu cực kì nhỏ: mỗi người chỉ góp vốn một đô la thôi. Ông ta không nhận hơn một đô, ông kiên quyết từ chối những người muốn góp quá một đô".

Nhưng chẳng có ai hân hạnh được gặp ông William. Người có bộ mặt lầm lì, đeo cổ còn nhựa trắng ngồi nhận tiền, viết biên lai chỉ là người làm thuê cho nhà tỉ phú. Anh ta luôn mồm:

– Tôi đâu có biết, tôi chỉ có trách nhiệm nhận tiền, đếm tiền, còn dùng tiền vào việc gì thì không rõ.

Anh luôn mồm hối thúc mọi người:

– Xin lẹ lẹ cho. Phía sau quí vị còn đông lắm. Năm giờ chiều chúng tôi phải đóng cửa rồi.

Ngày thứ năm trên tờ New York Post hiện ra mấy dòng hơi khác trước nhưng vẫn ở vị trí cũ:

"XIN LƯU Ý: TÔI CHỈ NHẬN MỘT ĐÔ LA CỦA QUÍ VỊ ĐẾN 15 THÁNG NÀY LÀ HẾT HẠN"

Địa chỉ vẫn như cũ: số 35 đại lộ 12, Harold William.

Thời hạn cuối được thông báo là ngọn roi quất mạnh làm mọi người cuống cuồng sợ bỏ lỡ dịp may. Đám đông xô đẩy nhau chạy tới góp một đô. Nhân viên phát thư của Bưu điện thành phố ôm hàng núi thư bảo đảm tới giao cho người gác cổng ngôi nhà số 35. Trong dòng lũ thư bảo đảm này có rất nhiều tờ một đô la, đôi ba tờ

séc và cả những góp ý, những yêu cầu cung cấp thêm thông tin, có đôi ba lời nguyền rủa, chửi bới.

Điều làm mọi người ngạc nhiên: mọi số tiền vượt quá một đô đều bị trả lại. Harold William đích thực là người tuân thủ nghiêm ngặt lời hứa, rõ ràng đây không phải là chuyện lừa đảo ấm ớ… Thái độ đó gây ấn tượng mạnh mẽ trong công luận.

Ngày thứ sáu không thấy có thông báo trên tờ New York Post. Ngày thứ bẩy không. Ngày thứ tám cũng không.

Ngày thứ chín có dòng thông báo đóng khung trên báo New York Post:

"QUÍ VỊ CHỈ CÒN HAI NGÀY ĐỂ GỬI MỘT ĐÔ LA CHO TÔI. QUÁ HẠN NÀY ĐỒNG ĐÔ LA CỦA QUÍ VỊ SẼ BỊ TỪ CHỐI THẲNG THỪNG"

Trước ngôi nhà số 35 đường 12 đúng là đang xẩy ra một cuộc chiến kinh hoàng. Viên cảnh sát túc trực tại đây hốt hoảng xin cấp trên tăng viện để tổ chức một đội bảo vệ trật tự thật hùng hậu. Đang có tới mấy trăm ngàn người chen lấn, xô đẩy, dẫm đạp nhau trên đại lộ, người người giơ co tay cầm tờ một đô. Giờ hết hạn càng tới gần, các nhà góp vốn càng cuồng nhiệt.

Thấy có cuộc tập hợp khác thường, du khách, khách vãng lai dừng lại hỏi chuyện và một số đông trong bọn họ cũng nhào vô nhập cuộc. Một đô trong thời buổi này là quí nhưng dù sao vẫn chỉ là món tiền nhỏ. Vả lại, biết đâu đấy… Cuộc sống rất bấp bênh, tương lai mịt mùng chưa biết sẽ ra sao, mỗi cơ may dù nhỏ cũng không thể bỏ qua.

Cảnh sát nắm tay nhau lập thành hành lang dẫn vào cửa ngôi nhà số 35, trong nhà có nhân viên thu ngân mặt lầm lì đeo cổ cồn

nhựa trắng ngồi viết biên lai. Tuy nhiều lúc cau có nhưng anh ta vẫn chịu khó trả lời mọi người, đại ý: đúng năm giờ chiều ngày mai quầy thu ngân sẽ đóng cửa hẳn. Dứt khoát không nhận thêm một đô la nào nữa. Ông Harold William không chấp nhận bất cứ trường hợp ngoại lệ nào, bất cứ một đặc quyền đặc ân nào.

Dòng người xếp hàng càng lúc càng di chuyển với tốc độ nhanh hơn. Đã xẩy ra vài cuộc xô xát. Một số tên gian lận đã nộp một đô rồi nhưng lại len vào xếp hàng định giở trò man trá góp thêm một đô nữa. Chúng bị đám đông cảnh giác theo dõi, kịp thời vạch mặt bọn bất lương. Vả lại chúng rất khó thực thi thủ đoạn gian manh đó: nhân viên thu ngân lầm lì đeo cổ cồn nhựa trắng mỗi lần nhận một đô đều đòi xem chứng minh thư và viết biên lai theo đúng họ tên ghi trên đó. Anh ta giải thích "luật qui định như vậy, ông chủ chỉ thị như vậy, tôi không thể làm khác". Đã thế, anh ta lại nhớ mặt rất giỏi và lập một bản kê tên những người đã đóng tiền theo vần chữ cái. Không có cách gì qua mặt được người nhân viên đầy trách nhiệm và già đời kinh nghiệm này.

Ngày cuối cùng đúng ngày 15 tháng đó người tới đóng một đô la đông tới mức nhân viên thu ngân suýt bị xé xác khi định đóng cửa ít phút đi ăn trưa. May mà anh ta kịp nhận ra tình hình căng thẳng có thể bùng nổ nên đã bấm bụng nhịn đói để tiếp tục cho ra những tờ biên nhận một đô.

Đúng năm giờ chiều, CHẤM DỨT, không nhận một đô la nào nữa. Nhân viên thu ngân đóng chặt cửa, lẻn ra cổng sau tìm gặp nhân viên công lực van nài họ giải tán đám đông đang nổi cơn thịnh nộ. Nhờ họ giải thích giùm: ông Harold William giữ vững cam kết danh dự của ông, lúc này giờ cuối cùng của ngày cuối cùng

đã hết, nhà số 35 phải đóng cửa không nhận thêm một đô la nào nữa.

Sau đó nhân viên thu ngân lầm lì tháo bỏ chiếc cổ cồn nhựa trắng, trùm kín người trong áo padờxuy và biến mất trong New York mênh mông. Biến mất trong Hợp chủng quốc Hoa Kì vĩ đại đang giữa thời buổi suy thoái kinh tế, bọn găngxtơ thả sức tung hoành, các băng nhóm xã hội đen thanh toán nhau khốc liệt.

Chỉ một mình gã nhân viên lầm lì đeo cổ cồn nhựa trắng cóc sợ con ác quỉ đại suy thoái kinh tế. Hắn đã có 300.000 đôla trong túi. 300.000 chứ không ít hơn. Tên hắn là Harold William. Lúc này mặt hắn không lầm lì nữa, chiếc cổ cồn nhựa trắng đã bị hắn vứt vào bô rác từ lâu.

Buộc tên Harold William vào tội gì đây? Lừa đảo chăng? Lạm dụng tín nhiệm chăng? Thoạt nhìn thì đúng như thế thật. Trong những ngày những tuần những tháng sau, các đồn cảnh sát phường, quận, các tòa án chìm ngập trong thư khiếu nại, tố giác, kiện cáo. 300.000 người trót khờ dại giờ đây tức giận, buồn bã than thở không nhận được tí gì tuy đã bỏ ra một đôla. Nhưng họ nhầm to: chẳng phải mỗi người đều đã được nhận một tờ biên lai có chữ kí của Harold William, trên đó Harold William chẳng hứa hẹn gì. Chẳng hứa hẹn gì nên Harold William chẳng phải cho lại gì, lẽ đời là như thế. Gã chỉ đăng lên báo mộ dòng chữ rất rõ nghĩa không ai có thể hiểu sai, hiểu khác đi: "Hãy gửi cho tôi một đôla" Thế thôi, không nói để làm gì. Đó là quyền của gã. Gã còn nói trước: quá thời hạn qui định gã sẽ từ chối không nhận thêm một đồng nào nữa và gã đã làm đúng như vậy. Các tờ biên lai gã cấp đều ghi danh theo đúng luật định "Nhận của ông Mỗ số tiền một đôla".

Tòa án Mĩ không thể bỏ công sức mở 300.000 hồ sơ về 300.000 vụ kiện mỗi vụ đòi lại một đô la. Mặt khác, những người nộp đơn khiếu kiện sau khi biết phí tổn theo đuổi vụ kiện cao gấp hàng ngàn hàng vạn lần một đô đều ngậm quả bồ hòn làm ngọt, rút đơn thật êm. Chỉ còn biết đấm ngực tự trách mình quá ngu.

Thế là vụ việc chìm xuồng luôn. Chẳng có bên nguyên nên cũng chẳng có bên bị.

Thấy người ta đòi một đô, anh móc túi cho người ta một đô. Chẳng có gì trái pháp luật. Người xin và người cho đều hành động theo đúng luật định.

Harold William là ai?

Hồ sơ vụ này chỉ ghi lại bóng dáng mơ hồ của một gã thấp bé, lầm lì, đeo cổ áo giả bằng nhựa trắng… qua lời tả của một số người đã tự nguyện cúng tiền cho hắn ta. Hắn để ria hay không để ria? Người nói có kẻ nói không, chẳng ai chịu ai. Dù đúng dù sai thì cũng chẳng quan trọng gì, bởi lẽ sau đó chẳng ai gặp lại hắn, chẳng ai nghe nói tới hắn nữa. Chẳng bao giờ.

Những vụ bạc giả động trời

Lí lẽ của những tên làm bạc giả là "muốn có nhiều tiền để tiêu xài xả láng, cách tốt nhất là tự tay vẽ ra tiền". Hơn thế nữa, đã từng có những tên xâm lược coi bạc giả là thứ vũ khí mầu nhiệm để đánh gục đối phương như đã từng xẩy ra trong Thế Chiến 2.

Hồi đó tên Himmler đầu sỏ Gestapo, bộ trưởng bộ Nội Vụ của Đức Quốc xã cùng với thống đốc xứ BohemeMoravi là Reinhard Heydrich đặt kế hoạch tung một số bạc giả rất lớn sang Anh quốc hòng làm kho bạc nhà nước Anh sập tiệm kéo theo muông vàn rối ren kinh tế và chính trị khiến nước Anh không còn sức đứng cạnh các nước đồng minh trong cuộc chiến chống phát xít Đức. Mặt khác với số sterling giả này chúng có thể đổi cho các nước trung lập lấy đôla Mĩ là thứ chúng rất cần.

Kĩ sư Bernhard Kruger nhận lệnh tổ chức in những tờ bạc Anh giả với yêu cầu rất khắt khe nêu trong chỉ thị tối mật của Heydrich: "Đây không phải là làm giả mà là thực thi một cuộc phát hành bổ sung giấy bạc không được cho phép. Các tờ bạc phải hoàn hảo tới mức các chuyên viên người Anh cừ khôi nhất cũng tìm thấy gì khác với bạc thật". Chiến dịch mang tên "Bernhard" ra đời.

Bernhard biến khu 19 của trại tập trung Sachsenhausen thành xưởng in, dồn về đây tất cả các tù nhân Do Thái thạo nghề đồ họa. Khi khối 19 chật cứng, Khối 18 được thành lập thêm sau khi thống đốc Heydrich bị giết chết.

Công nhân và kĩ thuật viên Do Thái biết rõ ngày họ thành công cũng là ngày khai tử tất cả những người dính líu vào việc này. Bọn phát xít sẽ thủ tiêu họ để bịt đầu mối. Biết thế nên họ bảo nhau trì hoãn công việc, thực hiện nhiều cuộc phá hoại ngầm.

Tên kĩ sư Bernhard liền hạ tối hậu thư qui định ngày phải hoàn tất mọi việc, nếu không tất cả sẽ phải vào phòng hơi ngạt.

Đúng ngày qui định, đồng sterling giả ra đời, trông y như thật. Nhưng cuộc chiến đã bắt đầu xoay chuyển theo hướng bất lợi cho bọn phát xít Đức. Vì thế chúng không có điều kiện dùng máy bay rải số tiền đó xuống nước Anh như dự tính. Số bạc giả được dùng vào việc khác: mua sự đồng lõa của nhiều quan chức triều đình nhà vua Ý để giải thoát Mussolini bị giam giữ ở Gran Sasso, mua những tài liệu mật do Bazna đánh cắp trong tòa đại sứ Anh ở Ankara (Thổ Nhĩ Kì), mua vũ khí của các nước tự xưng là trung lập, mua 200 tấn vàng ròng của Liên Xô… qua trung gian của một người ở Thụy Điển.

Tuy nhiên số công nhân, kĩ thuật viên Do Thái không bị hành quyết vì mùa xuân 1944 phát xít Đức vẫn còn cần làm bạc giả, lần này là đôla Mĩ. Một gã người Ucraina tên Salomon Smolianof đã từng ngồi tù vì tội làm bạc giả được Bernhard mời tới trại làm bạc giả của hắn. Sau 225 lần thử, Salomon cho ra những tờ 50 và 100 đô la giả y như thật. Nhưng Hồng Quân đang tiến đến gần trại trong cuộc tấn công vũ bão buộc kĩ sư Bernhard phải chuyển toàn bộ tù nhân Do Thái, máy móc và số đô la mới in về trại Mauthausen. Ngày 2 tháng Năm 1945 kĩ sư Bernhard bỏ trốn. Ngày 6 quân Mĩ chiếm trại, thả hết những người làm bạc giả bất đắc dĩ. Trước đó các thùng đôla bị bọn Đức ném xuống hồ Toplitz, số thùng đang chở trên xe tải bị chết máy giữa đường thì bị chúng

ném xuống sông Traun đang mùa nước lũ. Mấy ngày sau những thùng này bị vỡ, giấy bạc trôi kín mặt sông. Dân hai bên bớ và các chú lính Mĩ được một phen hốt bạc thỏa thích.

Sau Thế Chiến 2 có lẽ không chính phủ nước nào in bạc giả để phá hoại nền kinh tế các nước khác. Nhưng kẻ làm bạc giả để mưu lợi cá nhân thì không thiếu. Có nhiều tên hành nghề riêng lẻ. cũng không ít những băng nhóm liên quốc gia có tổ chức khá chặt chẽ, hoạt động khá hiệu quả trong thời gian dài khiến ngân hàng nhiều nước và các trung tâm Interpol quốc gia, quốc tế phải tốn nhiều công sức và tiền của mới triệt hạ được.

Hồ sơ Interpol có ghi một vụ khá li kì. Vụ này đã đăng trong Những vụ lừa đảo nổi tiếng thế giới tập 1 dưới tựa đề "Bạc giả có giá hơn bạc thật" nhưng những tư liệu tìm thấy sau đó cho biết thêm một số chi tiết thú vị, từ tính danh các can phạm cho đến quá trình phá án của cảnh sát Paris. Xin mời bạn đọc nhàn lãm.

Thủ phạm vụ bạc giả gây chấn động nước Pháp và nhiều nước châu Âu khác thời hậu Thế chiến 2 là Cseslaw Bojarski người Pháp gốc Ba Lan, đã tốt nghiệp hai bằng kĩ sư cơ khí và kiến trúc. Bojarski in bạc giả trong mười lăm năm, sau khi đã tuồn ra thị trường tiêu thụ được trên ba triệu frăng mới bị phát hiện. Tác phẩm đầu tay của anh ta là tờ 100 frăng cũ xuất hiện năm 1950. Mãi 13 năm sau, năm 1963 các chuyên viên ngân hàng mới nghi ngờ tờ bạc 100 frăng in hình Napoleon Bonaparte do một nhân viên mới nhận trong ngày. Lúc kiểm tiền, các chuyên viên có bàn tay vàng cực kì nhậy cảm nhận thấy một cách mơ hồ hình như tờ bạc có cái gì đó hơi khác thường đang tạo cảm giác là lạ nơi ngón tay họ. Nó hơi dày quá? hay có một nét nào vẽ sai trên hình chim trên hoa văn? Những tờ bạc đã qua tay nhiều người trong quá

trình lưu thông khó tránh khỏi có những khiếm khuyết nhìn bằng mắt thường không thể thấy được. Vì thế các nhân viên thu ngân tuy không thật yên tâm nhưng sau hồi lâu ngắm nghía thường chép miệng bỏ chúng vào với những tờ khác. Hôm sau lại đưa ra lưu thông. Thảng hoặc có người thận trọng hơn, mang tờ bạc đó tới cấp trên. Quan chức cấp trên ngắm nghía, cân nhắc hồi lâu trên tay rồi phán:

– Tôi cho rằng anh bé cái nhầm rồi. Tờ bạc này hoàn toàn hợp pháp. Anh thấy cái gì đáng nghi nào? Mẹ kiếp! Nếu đây là bạc giả, tôi sẽ kiến nghị Ngân hàng Pháp quốc tuyển ngay cái thằng làm ra nó vào biên chế chính ngạch để nó phục vụ nền tài chính quốc gia.

Tuy nhiên cái kim bọc lâu ngày cũng phải thò ra. Nhiều tờ bạc bị nghi ngờ được để riêng ra rồi giao cho những chuyên viện đặc biệt của Ngân hàng Pháp quốc giám định. Họ tuyên bố: Đây là bạc giả chính hiệu. Họ đã cặm cụi nhiều ngày đêm trong những phòng thí nghiệm đặc biệt có trang bị nhiều máy móc rất tinh vi mới khám phá được đôi nét khác lạ trên những tờ bạc đó. Giấy in là thứ rất khó làm giả nhưng giấy in những tờ bạc này hoàn toàn giống loại giấy của Kho bạc Nhà nước về mọi chỉ tiêu: tính năng cơ lí, hóa học… Qua nhiều xét nghiệm công phu mới phát hiện ra đôi chỗ khác biệt trên vài mảng đậm nhạt của tấm hình chìm. Trên hình vẽ có bốn điểm hình như tên làm giả cố tình sửa cho vừa mắt hắn; ngôi sao trên góc trái bớt đi một vạch nhỏ, một tàu lá xanh có vết gãy li ty, lọn tóc trên má trái Bonaparte hơi rậm hơn, con số 100 gần mép tờ bạc hơn trong tờ bạc thật khoảng vài phần mười milimet.

Ngân hàng báo động, các cơ quan chức năng vào cuộc. Nhưng cuộc điều tra của cảnh sát trên toàn lãnh thổ nước Pháp cũng như

của Interpol trên hầu khắp thế giới đều dậm chân tại chỗ. Cảnh sát trưởng Benhamou người đã lập chiến công phá rã sáu ổ làm bạc giả chỉ trong mười lăm tháng cũng chịu bó tay. Chỉ còn một kế cuối cùng: ngồi im chờ thủ phạm mắc sai lầm.

Quả nhiên, khoảng cuối tháng Chín 1963 một tên trong bọn đã mắc sai lầm: dùng một xấp bạc giả mua hẳn một xêri kì phiếu Kho bạc Nhà nước. Trước đó bạc giả chỉ được chúng dùng từng tờ một, để lẫn trong các tờ thứ thiệt.

Cảnh sát tới hỏi cô nhân viên đã nhận xấp bạc giả đó. Qua lời khai của cô, một nhân viên thứ hai nhận ra người chủ xấp bạc đó là khách hàng đã đôi lần tới gửi ngân phiếu đi các nơi, tính danh và địa chỉ người đó vẫn còn ghi trên cuống ngân phiếu. Người khách hàng đó là Chuvaloff ngụ tại số 4 Quảng trường Champeret.

Cảnh sát bí mật theo dõi, ghi đầy đủ những chuyến mua sắm lặt vặt, những lần mua kì phiếu Kho bạc, những hắn tới thăm Antoine người Thụy Sĩ em rể anh ta chủ một cơ sở dịch thuật ở Paris… Tuy thế cảnh sát vẫn chưa biết nhân vật chính, người chủ thực sự của những tờ bạc giả là ai. Họ tin chắc Chuvaloff liên lạc với ông chủ qua trung gian một người thứ ba.

Ngày 17 tháng Giêng 1964 cảnh sát thấy Chuvaloff tay không đi vào nhà em rể Antoine, khi quay ra trên tay có chiếc cặp da. Cảnh sát giữ lại, mở cặp khám xét. Trong cặp có hai tờ kì phiếu Kho bạc mệnh giá 1000 frăng và 100 tờ Bonaparte dỏm.

Chuvaloff khai:

– Antoine mua mỗi tờ Bonaparte với giá 62,5 frăng, nhưng người bán đòi trả bằng kì phiếu hoặc bằng vàng. Chắc anh ta

không tin giấy bạc của Nhà nước. Nhưng anh ta là ai thì tôi không biết.

Bị thẩm vấn Antoine khai:

– Tôi chỉ là nạn nhân thôi. Tôi trót vay của anh ấy 200 000 frăng và không trả được nợ khi đáo hạn. Anh ấy buộc tôi phải đẩy những tờ bạc giả này từng tờ một cho đến khi trừ hết nợ.

Mỗi tờ được tính 62,5 frăng, chẳng bao lâu Antoine trả hết nợ. Nhưng thấy ngon ăn nên hắn cứ tiếp tục dài dài.

Lời khai của Chuvaloff không làm cảnh sát trưởng Benhamou hài lòng vì chưa khai ra kẻ chủ mưu. Bị thúc ép tới số, cuối cùng Antoine mở miệng khai: đó là Cseslaw Bojarski ở số nhà 33 đường Renart. Cảnh sát lao ngay tới.

Bojarski tỏ vẻ sửng sốt thậm chí tức giận khi cảnh sát bỗng dưng ập vào đầy nhà, đã thế lại không úp mở chụp ngay lên đầu gã cái mũ "làm bạc giả".

– Cứ việc khám nhà, tôi cho khám đấy. Cứ thả sức lục soát. Đó là nghề của mấy ông mà!

Cảnh sát lần lượt khám xét từng căn phòng, trèo lên ghế chọc chọc lên trần nhà, bò bốn chân soi mói từng tấm sàn, chui vào gầm giường, khiêng tủ, lật bàn chổng bốn vó… cậu nào cậu nấy toát hết mồ hôi hột. Nhưng chẳng thấy gì. Sau gần một ngày trời mới vào tới phòng cuối cùng, do Bojarski đi trước dẫn đường. Cảnh sát trưởng đi thẳng tới trước chiếc két sắt, giơ tay ra hiệu chủ nhà mở khóa. Trong két có 615.000 frăng bằng kì phiếu Kho bạc, nhiều thỏi vàng, hàng xâu đồng tiền vàng.

Cảnh sát trưởng hỏi:

– Ông lấy đâu ra lắm của thế?

– Có gì đáng ngạc nhiên? Tôi là kĩ sư cơ khí và kiến trúc sư, kiếm ăn không đến nỗi tồi.

Cuộc thẩm vấn tại sở cảnh sát Paris không mang lại kết quả, Bojarski một mực kêu oan. Nhưng cảnh sát trưởng Benhamou tin chắc như đinh đóng cột: xưởng làm bạc giả nhất định nằm trong ngôi nhà số 33 đường Renart.

Cảnh sát trưởng lại hỏi tiếp; Ông tậu nhà hồi nào?

– Cách đây hai năm.

– Lúc mua, ngôi nhà vẫn như hiện trạng chứ?

Kĩ sư Bojarski hơi chần chừ;

– Không, lúc đó là mảnh đất trống. Tôi mới cất nhà.

– Là kiến trúc sư, chắc ông tự tay vẽ thiết kế và giám sát thi công?

– Phải.

Ngay sáng hôm sau cảnh sát trưởng dẫn một toán cảnh sát đi cùng với kĩ sư Bojarski về ngôi nhà số 33. Họ lục soát trong tám tiếng. Khi gõ lên sàn căn phòng có chiếc két sắt họ nghe tiếng hơi khang khác. Cảnh sát lột thảm, soi kĩ từng xăngtimet vuông tấm nhựa trải sàn và phát hiện có một mảnh rời được gắn khít tới mức nếu không có cặp mắt thám tử nhà nghề lâu năm thì không thể thấy được. Một viên cảnh sát mím môi định nhấc lên nhưng mảnh nhựa đó không nhúc nhích nửa li. Viên cảnh sát sờ tay mò mẫm một lúc rồi nhấn mạnh vào một điểm. Tiếng động cơ điện kêu vo vo, mảnh ván nhựa lật nghiêng để lộ một khung cửa có cầu thang dẫn xuống dưới hầm. Cảnh sát trưởng tìm thấy công tắc, bật đèn sáng choang rồi bước xuống cầu thang.

Tuy đã từng đặt chân vào nhiều xưởng vẽ, nhiều nhà in bí mật của bọn làm bạc giả nhưng ông ta không khỏi sửng sốt khi xuống căn hầm chỉ vỏn vẹn dăm ba mét vuông nhưng được trang bị như một phòng thí nghiệm khoa học với những dụng cụ quang học hiện đại: máy chụp, máy phóng… rồi máy xay bột giấy, mực in đủ màu, hóa chất, máy xén, máy in v.v…

Bojarski hết đường chối cãi. Viên kĩ sư 52 tuổi thú nhận:

– Một mình tôi thiết kế, lắp đặt tất cả những thứ này trong điều kiện hoàn toàn bí mật, ngay vợ tôi cũng không biết trong nhà có xưởng in này. Sau khi xuống hầm và đóng cửa sập, cầu thang sẽ tự động rút lên trần hầm để không choán chỗ. Trừ các thiết bị quang học phải mua, mọi thứ khác đều do tôi tự chế. Mấy cái máy này hơi gây ồn khi vận hành nên tôi tự làm lớp cách âm phủ vách hầm. Chiếc máy kia dùng để làm giấy bạc cũ đi sau khi ra lò.

Kĩ sư Bojarski chỉ vào chiếc máy trông như cái trống nhỏ xoay quanh trục giữa thẳng đứng, nói tiếp:

– Tôi cho cát và đá nhỏ vào trong trống. Tờ bạc được quay trong đó ít phút là thành cũ mèm, khó phân biệt thật giả.

Kĩ sư chợt sôi nổi hẳn lên.

– Giấy in mới là tuyệt tác đáng tự hào của tôi. Nó không khác tí nào so với giấy in bạc của Ngân hàng Nhà nước. Chẳng nói dài dòng chắc ông cảnh sát trưởng cũng hiểu tôi đã bỏ vào đó biết bao công sức và tâm trí. Ông muốn biết qua công thức chế biến ư? Đại khái là trộn giấy vấn thuốc lá với một tỉ lệ thích hợp giấy than, ngâm nước javel cho mủn ra rồi đưa qua máy cán cho thật nhuyễn.

Kĩ sư trình bày tiếp công thức pha chế mực in sao cho giống mực thật, cách sao chép các hình vẽ, hoa văn, đặc biệt khó là cách

làm các hình chìm.

Kĩ sư kết luận:

– Tôi xui quá. Bị các ông tóm đúng lúc tôi quyết định ngưng sản xuất. Ông cảnh sát trưởng thấy đấy, tôi không làm thêm một mảnh giấy in nào nữa.

Ba triệu frăng đã được Bojarski tung vào lưu thông trót lọt. sai lầm của anh ta là đã tuyển thêm Antoine vào đường dây. Antoine lại đưa tên Chuvaloff vào, nó là tên vô kỉ luật không tuân thủ qui tắc tối quan trọng là chỉ tiêu thụ từng tờ một.

Kĩ sư Bojarski có hai con trai đang học trường trung học phổ thông, bản thân anh ta sống rất giản dị không tiêu xài xa hoa phù phiếm.

Trả lời câu chất vấn "Ông cần gì đến lắm tiền thế?" anh thú thật:

– Từ năm 1984 tôi bị chứng thoát vị đĩa cột sống, phải thường xuyên mặc áo bó. Lo sẽ tới ngày bị tàn phế, vợ con lâm vào cảnh nheo nhóc khốn khó nên tôi quyết định mình còn sống ngày nào thì phải cố làm ra thật nhiều tiền để lỡ có bề nào thì vợ con cũng không quá gieo neo…

Phiên tòa xử bộ ba can phạm tội "In và lưu hành bạc giả" diễn ra trong khung cảnh khá đặc biệt. Tất cả các nhân chứng, điều tra viên, cảnh sát… vừa kịch liệt lên án hành vi trái pháp luật gây tổn hại nặng nề cho lợi ích quốc gia và quyền lợi công dân… lại vừa hết lời ca ngợi tài ba của kĩ sư Bojarski. Thậm chí một quan chức của Ngân hàng Nhà nước còn khẳng định:

– Chỉ một mình anh ta đã làm nổi việc mà ngân hàng tôi phải huy động tới mười hai chuyên gia cực kì giỏi mới làm được.

Bojarski than thở với luật sư của anh:

Tôi ngửa tay đi xin việc hết cửa này đến cửa kia mà chẳng nơi nào thèm nhận vào. Tại sao Ngân hàng Pháp quốc không tuyển dụng tôi? Có việc làm đàng hoàng, can gì tôi phải làm bạc giả? Thêm vào đó, tôi có khả năng giúp Ngân hàng phát hiện bất cứ loại bạc giả nào.

Hội đồng xét xử tuyên án hai mươi năm tù ngồi cho Bojarski. Gã Chuvaloff lĩnh 5 năm, một mình Antoine được tha bổng vì có công tố giác tội phạm.

Hậu quả sự nhẹ dạ

Ngồi trong quán giải khát ven con đường lớn giữa trung tâm thành phố Montreal bên Canada, cô Claire nhích người vài tấc nhường chỗ cho chàng trai từ nãy vẫn ngắm cô không chớp mắt nhưng chẳng nói gì. Chàng ta cao lớn, tóc vàng, trang phục gọn gàng: quần màu xám nhạt, áo xanh dương, thắt cravat. Chàng lịch sự ngỏ lời:

– Xin lỗi cô. Tôi đường đột với cô như thế này thật không phải. Nhưng vì nói tiếng Pháp không thạo nên tôi rất bỡ ngỡ khi tới thành phố này.

Claire cũng như tất cả mọi cô gái xinh đẹp khác trên đời chẳng lạ gì cách "vào đề" theo kiểu này. Anh chàng mở đầu không hay hơn các chàng trai khác, nhưng cô thầm công nhận anh chàng thật dễ gây cảm tình. Hơn nữa lúc này Claire chưa rũ hết nỗi buồn vừa chia tay với một chàng trai mà cô đã tưởng mình rất yêu. Cô hơi mỉm cười, đáp:

– Anh nói tiếng Pháp được đấy chứ!

– Thật vậy sao? Xin tự giới thiệu: Harry, mới từ New York sang đây. Lần đầu tới Montreal nhân có công chuyện làm ăn buôn bán tại thành phố này. Lát nữa tôi phải tới khách sạn Nữ hoàng Elisabeth nơi tôi đã gọi điện thoại mướn phòng nhưng chưa biết nó ở đường nào. May ra cô biết chỗ, nhờ cô chỉ giúp.

Dĩ nhiên Claire biết khách sạn Nữ hoàng Elisabeth, biết tới mức ngay tối hôm đó cô đã cùng ngồi một bàn trong Nữ hoàng Elisabeth với chàng trai mới quen, rồi cùng chàng đi coi phim đến tận khuya.

Đêm tháng Tám, trời ấm áp dễ chịu. Harry tiễn chân cô gái về tận nhà. Tới cửa, chàng dừng lại, ướm hỏi:

– Em tới nghỉ cuối tuần với anh nhé!

– Nghỉ hết cả mấy ngày cuối tuần thì dài quá. Một tối thứ Bẩy thì được, với điều kiện em ra về lúc tám giờ tối.

– Đồng ý.

– Anh định đưa em đi đâu?

– Anh có người anh họ có nhà riêng trong khu Laurentide. Một nơi rất nên thơ. Gia đình người anh đó lại đi nghỉ cuối tuần ở quê. Ta sẽ tới đó dạo chơi.

Claire hơi do dự, rồi gật đầu nhận lời. Chàng trai tỏ ra rất đàng hoàng, nghiêm chỉnh, dễ thương.

Hôm sau, hôm sau nữa, hai người lại gặp nhau quanh bàn nước. Cô gái đã thấy xiêu xiêu: Harry đẹp trai, hình như có địa vị kha khá, mức sống sung túc. Khi trò chuyện, đôi mắt chàng chứa chan âu yếm khiến Claire tưởng như nhẫn cưới của anh đã đeo vào tay mình.

Chiếc xe Harry mướn để chở Claire đi chơi là chiếc Ford mui trần dời mới nhất. Claire sung sướng hưởng làn gió thổi tung mái tóc, cười như trẻ con, cảm thấy cuộc hội ngộ tưởng chừng bình thường đang trở thành thiên tình sử cô mong ước từ lâu.

Harry đạp phanh dừng xe trước ngôi nhà rộng rãi của người anh họ, liếc nhìn Claire đắm đuối. Nhìn ngôi nhà, cô gái phấn khởi reo lên:

– Ôi, giá được sống trong ngôi nhà này thì sướng biết mấy!

Khi đặt chân lên bậc tam cấp dẫn vào nhà, Claire thấy người tan ra trong hạnh phúc. Chắc buổi chiều nay sẽ kết thúc bằng một lời tỏ tình đằm thắm nhất.

Hai người vào bếp. Harry lấy chai uýtki trong giỏ đồ ăn chàng mang theo, rót đầy hai li. Claire khẽ kêu:

– Li của em đây ư? Lạy Chúa, em sẽ xỉn mất thôi!

– Khi lần đầu tiên đặt chân vào ngôi nhà mang lại hạnh phúc cho mình, bao giờ cũng phải uống cạn một li đầy. Tục lệ từ ngàn xưa như vậy, và anh vẫn tin.

Claire không dám từ chối: chàng vừa nói đến hai từ hạnh phúc.

Mười phút sau cô bắt đầu ngây ngất, bất giác cô phá lên cười.

– Anh Harry! Chắc em xỉn thật rồi! Khiếp quá!

Harry tủm tỉm, rót đầy li cô gái lần nữa.

– Không sao đâu. Ở đây thoáng đãng nên em hơi bị ngợp đấy mà. Cạn li này nữa, em sẽ dễ chịu hơn.

Cô gái ngửa cổ làm một hơi cạn li.

– Chà chà, người nóng ran như lửa đốt ấy. Nhưng em bắt đầu thấy ngon.

Sau li thứ ba, Harry lôi mạnh cô gái vào lòng, hôn lên môi. Claire không chống cự. Tuy chưa lịm hẳn nhưng đã gần như mê. Khi chàng trai chiếm đoạt thân thể cô, cô gần như không hay biết mình đang làm gì nữa…

Ba tiếng sau Claire mới tỉnh. Gian bếp đầy ắp nắng khiến cô chói mắt, cố gượng ngồi dậy nhưng lại ngã vật xuống sàn bếp lát gạch bông màu huyết dụ. Cô chợt nhận ra mình đang nằm dưới đất, đầu nhức như búa bổ. Và sau mấy phút nữa mới nhận ra mình gần như trần truồng, váy vén cao, nịt vú tuột dây đeo lòng thòng trên ngực.

Cách đó vài bước chân, Harry ngồi trên ghế đẩu giương mắt nhìn chằm chặp với vẻ ghê tởm.

– Dậy mà rửa mặt đi, nằm ườn mãi thế! Đàn bà con gái khi ngủ mà dãi nhớt nhoe nhoét đầy mặt thế kia trông tởm lắm!

Claire cố kìm nước mắt, bám vào mép chiếc bàn bếp cố lết tới bồn rửa chén bát. Nỗi tủi nhục trong lòng dìm mặt cô gục xuống nhưng cô vẫn thấy mọi thứ xung quanh, từ tường bếp đến sàn nhà đều quay tít làm cô lợm giọng muốn ói, tưởng chừng sắp chết đến nơi.

Harry nheo mắt sủa tiếp:

– Đã bảo rửa mặt đi mà! Rửa xong ta sẽ sửa sang đôi chút cho gọn.

Đến lúc này cô mới hiểu ra: gã cố tình đổ rượu cho cô say mềm, còn cô thì đã để hắn sai khiến như một con ngốc. Dần dần cô nhớ lại đôi ba cử chỉ mơ hồ lộn xộn của mình và chợt nhận ra rằng không những mình đã để mặc hắn muốn làm gì thì làm mà còn tiếp tay cho hắn là khác! Claire uất ức đến nghẹt thở.

– Tại sao anh xử sự như vậy? Tại sao? Thật đáng ghê tởm!

– Ghê tởm à? Đứa nào đáng ghê tởm?

Harry nhẩy khỏi ghế chồm tới nắm tóc cô gái lắc rất mạnh.

– Đứa nào tởm? Chính chúng mày, luôn giả bộ đoan trang nhưng thực ra chỉ lo khêu gợi đàn ông chúng tao mới đáng tởm!

Claire run bần bật, cố há to miệng hít một hơi thật dài rồi kêu lên một tiếng thật to.

Harry quát:

– Kêu to nữa lên! Mặc sức kêu, không ai nghe thấy đâu. Mày biết rồi đó, cách đây những mấy cây số mới có người ở.

Rửa mặt xong Claire nhìn bóng mình trên lớp gạch màu nâu huyết dụ ốp trên tường.Váy, áo đều rách toạc, tóc tai bù xù.

– Anh để tôi về. Tôi hứa sẽ không nói ra vụ này… tôi van anh, hãy cho tôi về…

Vừa nói xong Claire nhận ngay ra sai lầm khi thấy Harry mỉm cười đắc ý. Khóc lóc van xin chỉ tổ làm hắn càng hành hạ cô nhiều. Hắn là một tên có máu tàn bạo, thích tìm thú vui trong đau đớn của người khác. Hình thức có vẻ đàng hoàng, quần xám nhạt, sơmi xanh dương, cravat nền nã chỉ là cái vỏ che đậy một tên bạo dâm nguy hiểm. Linh tính mách bảo Claire: cách tự bảo vệ tốt nhất là giả bộ tảng lờ, coi như không có chuyện gì. Quả nhiên sau một hồi lải nhải chửi bới nguyền rủa thậm tệ Harry lại tới ngồi xuống ghế, nôn ra những lời thô tục.

Claire vẫn làm ra vẻ không thèm để ý tới hắn, thản nhiên sửa sang lại trang phục… Cô kiên nhẫn chờ lúc nó mệt mỏi, sơ ý, cô sẽ chạy khỏi đây.

Nhưng mãi vẫn không thấy dấu hiệu gì. Đã thế, sau hồi lâu lải nhải nhục mạ cô gái, Harry lại lấy chai whisky ra, rót liên tục vào li, ngửa cổ nốc hết li này đến li khác giữa không khí im lặng, ngột ngạt đầy lo lắng và căm hờn của gian bếp hẹp. Hắn cắm một điếu

xì gà gộc vào mồm, nắn túi tìm diêm. Không thấy, hắn tới kiếm trong tủ buýp phê. Thời cơ đã đến… Claire chồm dậy, lướt qua bên cạnh Harry chỉ cách nửa bước chân, chạy vụt ra hành lang.

Khốn thay cho cô! Tuy Harry đã nốc vào bụng cơ man là rượu nhưng nó vẫn còn nhanh nhẹn, động tác vẫn còn đủ chính xác. Nó đuổi kịp Claire ngay ngoài hành lang, lôi cô về, đẩy cô ngã lăn xuống tràng kỉ.

– Có biết người ta thường làm gì với bọn con gái như mày không?

Nó xoay tròn quanh cô gái, ném xuống những tia mắt cháy bỏng căm ghét.

– Nghe đây! Người ta rạch mặt nó ra, đánh dấu lên mặt! Cắt nát mặt nó! Biết chưa?

Nó rút dao trong túi, bấm chốt hãm. Lưỡi dao bật ra trong tiếng "cách" khô khan. Bộ mặt đẹp trai vụt trở thành hung dữ, các thớ thịt trên mặt hắn giật giật liên hồi. Rõ ràng hắn đã rắp tâm từ trước nên mới thủ sẵn dao trong người.

– Người đẹp đừng cựa quậy, nghe!

Harry gầm gừ vung dao xông tới đâm mạnh một nhát vừa đúng lúc Claire lăn mình chồm dậy. Nhát dao không trúng người, chỉ sượt qua ngực. Claire tiếp tục né tránh các đòn sau tuy không tin mình sẽ thoát chết. Claire bị hung thủ đâm trúng nhiều nhát làm váy áo rách toang nhiều chỗ, mình đỏ lòm máu. Cô đinh ninh sẽ chết đến nơi.

Chợt cô thoáng thấy trên tủ sách có con chim bằng đồng giang đôi cánh rộng. Đó là nắp két nước trên xe ô tô kiểu cổ lỗ sĩ hiện chỉ còn triển lãm trong các viện trưng bày đồ cổ: nắp két nước xe

ChernardWalker. Bên cạnh là một loạt nắp két nước kiểu cổ khác, cái nào cũng to đùng, nặng chịch. Claire vớ ngay chiếc to nhất…

Sau này Claire không nhớ bằng cách nào cô đã vớ được nó trong lúc cuống quít chống đỡ, né tránh các nhát dao của tên Harry.

Và cũng không hiểu bằng cách nào mình đã nện trúng giữa sọ gã hung ác. Khi gã ngã lăn đùng dưới sàn, giẫy đành đạch vài cái rồi năm thẳng đơ, Claire cũng không biết mình đã giết chết gã. Ngơ ngác như người mất hồn Claire ngồi nhìn xác chết trong nhiều giờ. Mãi đến lúc trời tối cô mới đứng lên, rửa ráy mặt mũi chân tay, sửa sang thân hình cho có vẻ bình thường. Nhưng dù vẻ bên ngoài đã trở lại bình thường, từ lúc này trở đi cô không còn bình thường như trước nữa.

Claire không báo cảnh sát. Nghĩ mình đã phạm tội nặng cộng với nỗi khiếp đảm kéo dài khiến đầu óc cô mê muội không suy nghĩ tỉnh táo được.

Trên xe có chiếc áo mưa. Claire khoác áo che kín các vết thương và váy áo rách bươm, rồi lái chiếc Ford ra bỏ ngoài cửa ngõ thành phố, đi bộ nốt quãng đường còn lại. Dọc đường cô không gặp ai, lúc mười giờ rưỡi đêm đó Claire về tới phòng riêng. Bố mẹ cô đều đã ngủ say. Có nhiều cơ may cảnh sát sẽ không tìm ra sự liên quan giữa cô với tên hung thần tàn bạo cô đã buộc phải hạ sát để tự vệ.

Một tháng sau tháng Chín năm 1975 tình cờ Claire đọc trên tờ Montreal một mẩu tin ngắn đăng trên mục Tin Vặt. Tin cho biết cô thày bói Linda có khả năng “siêu minh cực cảm” sẽ tìm ra hung thủ bí ẩn đã giết Harry em trai cô ta trong biệt thự của hai chị em ở Laurentide.

Claire cắt bài báo bỏ vào xắc tay. Suốt ngày hôm đó, trong đầu lúc nào cũng bị bài báo ám ảnh không dứt. Tối đến, ngồi một mình trong phòng riêng cô mở xắc lấy mảnh bào đọc đi đọc lại trong nỗi hoảng sợ càng tăng cao. Một nỗi sợ khó hiểu. Claire không tin chuyện bói toán dị đoan, cô nghĩ mụ thày bói này chắc chả làm nên trò trống gì, không thể phát hiện ra cô, nhưng cô vẫn sợ. Sợ kinh khủng! Tuy biết là ngớ ngẩn, vô lí nhưng Claire vẫn cảm thấy như mình bị theo dõi bị giám sát. Đêm đó, sau khi đọc lại lần nữa mẩu tin, Claire không dám tắt đèn trên bàn ngủ, cứ để ngọn đèn chong chong đến sáng.

Chỉ sau vài ngày, nỗi ám ảnh đã chiếm hết tâm trí, bám chặt đầu óc cô gái không một phút buông tha. Claire mua hàng đống sách về khoa học huyền bí, về các môn cận khoa học, ngốn ngấu mọi bài báo viết về các khả năng siêu tự nhiên, về các hiện tượng khác lạ, siêu phàm. Cái tên Linda trở thành ác mộng không chỉ đêm đêm mà ngay giữa ban ngày. Claire sụt mất mấy kí thịt, người gầy tọp hẳn.

Cuối tháng Chín 1975 Claire thấy trên báo một bài đóng khung nổi bật. Bài báo viết: “Cô thày bói nổi tiếng Linda vừa quyết định tới ngôi biệt thự Laurentide nơi em trai cô bị giết một cách dã man. Cô Linda tuyên bố: tới hẳn nơi xẩy ra án mạng cô sẽ vẽ được chân dungrobot của hung thủ”.

Hôm sau, một bác sĩ y khoa ở New York lên truyền hình giải thích rất nghiêm túc: khả năng kì diệu của các thày bói nhờ một số đặc điểm riêng trong não họ tạo nên. Đặc biệt có một số thày bói “siêu sáng” nhờ có hệ thần kinh thị giác rất nhạy cảm. Nếu độ nhạy này suy giảm, họ sẽ mất khả năng nhìn thấy những vật không hiện diện trước mắt.

Thứ lí thuyết ngớ ngẩn bậy bạ ấy đáng lẽ làm Claire bật cười. Nhưng vì cô đã giết người một hành vi hoàn toàn trái với bản tính của con người, nhất là phụ nữ, và tuy thực hiện trong trường hợp tự vệ chính đáng nhưng nó khiến cô mất hết năng lực phê phán, khả năng suy nghĩ bị tê liệt. Những hình ảnh đẫm máu ghê rợn luôn theo đuổi Claire, dần dần làm tiêu tan lí trí, cô không còn phân biệt được thực tiễn và ảo giác

Vài ngày sau Linda tới Montreal, lên truyền hình tuyên bố sẽ họp báo và tại cuộc họp báo đó, cô ta sẽ tiết lộ một điều cực kì quan trọng.

Vừa nghe xong Claire lập tức gọi điện thoại tới đài truyền hình.

– Đài truyền hình S.R.C đây! Tôi nghe.

– Xin vui lòng cho biết: trong thời gian lưu lại Montreal, cô thày bói Linda ở địa chỉ nào?

– Bà là ai, vui lòng cho biết quí danh.

– Tôi là Claire.

– Bà cầm máy chờ ít phút.

Nhân viên tổng đài nối máy cho Claire liên lạc với hàng loạt phòng ban, mãi cô mới gặp được một người chịu dành vài phút trả lời:

– Tôi làm sao biết thày Linda đang ở đâu! Chắc ở trong biệt thự của thày ở Laurentide…

Ngay trong hôm đó Claire mượn xe ông bố chạy tới Laurentide. Một giờ sau, cô tới nơi cô đã cho gã Harry tiêu đời. Đêm đã khuya nhưng trong bếp vẫn còn ánh đèn, thỉnh thoảng có bóng người lướt qua phía trong cửa sổ.

Tay nắm chắc chiếc tuốcvit, Claire tới trước nhà, bước lên bậc tam cấp, vặn núm cửa nhưng không mở được, Linda đã cẩn thận khóa trái cửa ra vào.

Claire đập cửa. Sau vài giây, tiếng đàn bà khàn khàn hỏi vọng ra:

– Ai đó?

– Claire, bạn gái của em trai bà.

Nhìn qua ô kính cửa sổ, Linda không thể ngờ cô gái xinh đẹp mảnh dẻ kia lại là người giết em trai mình. Bà ta mở cửa.

Nhanh như chớp Claire ập vào, thét:

– Đừng hòng hại ta!

– Cô nói gì vậy? Ai hại cô?

– Thằng em mụ là một thằng điên!

Cô thày bói Linda khoảng sáu mươi, phấn son lòe loẹt, mười ngón tay đeo hơn chục chiếc nhẫn màu sắc sặc sỡ, đúng là hình mẫu loại người hành nghề mê tín. Bà ta trợn tròn mắt:

– Cô em vào lộn nhà rồi!

Linda vừa lắp bắp vừa lùi dần vào gian bếp vì thấy Claire rút tuôcvit ra.

– Không lộn không lầm đâu! Đây là nơi thằng em mụ cưỡng hiếp ta rồi còn định giết ta!

Linda khiếp hãi rú lên:

– Cô định làm gì với cái kia?

Vừa rú Linda vừa đưa tay bưng mặt, tránh mũi nhọn đang chĩa thẳng vào mắt.

– Khéo, khéo, kẻo chọc vào mắt tôi!

Cô thày bói đã bị dồn tới sát chân tường gian bếp.

Claire thét lớn:

– Mày sẽ không nhìn thấy gì nữa. Mày sẽ không tố giác được tao. Đời nào tao để mày làm điều đó!

Claire vừa hét vừa đâm tới tấp.

Người thợ lát nền nhà bằng gạch bông màu huyết dụ chắc không ngờ sẽ có máu đổ lên đây nhiều thế. Linda nằm thẳng đơ dưới sàn, hai tay bắt chéo trên ngực. Hai mắt bị mũi thép nhọn đâm thấu vào tận óc. Cô thày bói hết sống.

Sáng hôm sau mọi người mới phát hiện ra vụ án mạng. Chỉ trong hai tháng, hai vụ giết người xẩy ra tại cùng một nơi này! Cảnh sát Canada sôi lên. Họ đoán một tên mất trí nào đó đã thực hiện vụ này sau khi thấy Linda trên truyền hình. Họ lục lại danh sách những người đã gọi điện thoại tới đài truyền hình hỏi thông tin về Linda. Dĩ nhiên trong đó có Claire. Cảnh sát so sánh vân tay cô với với dấu vết trên cán chiếc tuốcvit cô vứt lại trên hiện trường. Các dấu tay hoàn toàn khớp nhau. Vả lại, bố Claire thừa nhận chiếc tuốcvit là của ông.

Bị bắt giữ, Claire thuật lại câu chuyện của cô. Có lẽ cô sẽ không bị xử tội, quá lắm cũng chỉ bị đưa vào bệnh viện tâm thần trong một thời gian.

Nhưng Claire đã tự vẫn trong xà lim tam giam, sau nhiều đêm la hoảng không ngớt:

– Nó kia kìa… nó trừng mắt nhìn tôi. Đuổi nó đi, tôi van các ông hãy đuổi nó đi! Hai con mắt nó làm tôi phát điên lên!

Đợt xổ số "Người Đẹp Thời Thượng"

Anh chàng John Tilberry đột nhiên biến thành chàng trai lúng túng nhất thế giới vì bỗng chốc trở thành người đa thê, nói chính xác hơn: người có những hai vị hôn thê trong một lúc. Cô thứ nhất do thỏa thuận giữa hai gia đình, cô thứ hai do may mắn trúng số độc đắc. Đọc tới lần thứ mười lá thư vừa nhận, anh ta những muốn tự xỉ vả vì tội trót dại mua tấm vé xổ số đợt đặc biệt "Người Đẹp Thời Thượng" cách đây vài tuần.

Quả thật đây là một đợt xổ số không giống ai: đợt xổ số chỉ có một giải thưởng độc nhất đã là đặc biệt rồi, hơn nữa giải thưởng này lại độc nhất vô nhị, trước kia và mãi mãi sau này không bao giờ có lần thứ hai: "Người Đẹp Thời Thượng" sẽ về làm vợ người trúng số. Mẩu quảng cáo đăng trên các báo Anh hồi đó những năm mở đầu thế kỉ XX đã khiến dư luận bàn tán rầm rầm. Trong mẩu quảng cáo ấy, một phụ nữ cho biết sẽ đứng ra tổ chức một đợt xổ số đặc biệt, người trúng giải sẽ được cô ta về sửa túi nâng khăn. Cô giải thích: ông bố cô đã gạt hết mọi anh chàng rắp ranh bắn sẻ, trong khi cô đã đem lòng thầm yêu trộm nhớ một chàng trai nọ. Nhưng vì phải đợi chờ cô quá lâu không chịu nổi nên mới đây chàng vừa kết hôn với một cô gái khác. Cô chán nản, không biết có cách nào lấy được một người bạn đời vừa ý nên đành nhờ số phận mang về cho cô người chồng do Chúa an bài. Mẩu tin được kí tên

“Người Đẹp Thời Thượng” kèm theo công thức Còn tiếp, y hệt các truyện nhiều kì.

Cuộc bàn luận, tranh cãi nổi lên khắp nước. Ở quê hương nhà đại thi hào Shakespeare tuy phụ nữ đã vài phen ngồi lên ngôi báu nhưng các bậc hiền nhân quân tử vẫn có thói quen đòi hỏi giới nữ phải kín đáo hơn. Do đó, giới mày râu rất chú ý đến người phụ nữ táo tợn này, phần vì tò mò phần vì ngưỡng mộ, và không ít người ao ước có nàng trong vòng tay.

Những ngày sau, số phát hành các tờ báo tăng vùn vụt, cứ như thể đa số đàn ông Anh vẫn chưa có vợ, hoặc đang sắp sửa lấy vợ. Kể cũng dễ hiểu tình trạng sôi sục này: khối Liên hiệp Anh từ cổ chí kim chưa bao giờ có chuyện phụ nữ tự dâng mình làm giải độc đắc của một đợt xổ số. Bản thân chuyện này tự nó cũng khiến mọi người ngạc nhiên, nhưng cái thu hút sự chú ý, tính tò mò, lòng mong đợi của mọi người lại nằm trong hai từ Còn tiếp ngắn gọn trong ngoặc đơn: (Còn tiếp). Bởi lẽ sau khi đọc hết mẩu quảng cáo mọi người vẫn chưa nhận được thông tin rõ ràng nào về nhân vật nữ đó. Cô hay bà ta bao nhiêu tuổi? Tính cách ra sao? Của hồi môn lớn hay nhỏ? v.v… Trúng giải một phụ nữ, hay đấy, nhưng vấn đề là chất lượng cái giải ấy trong trường hợp này là “chất lượng” giải thưởng người phụ nữ ấy ra sao…

Trong những ngày sau đó, người dân cả nước Anh hàng ngày xếp hàng xô đẩy nhau từ sáng sớm tinh mơ trước các tòa soạn các kiốt bán báo hòng tìm được những thông tin tiếp theo. Quả nhiên, sau bốn ngày lại có mẩu tin kí tên “Người Đẹp Thời Thượng”. Nàng nhắc lại tóm tắt lời giao ước cũ rồi cung cấp một số chi tiết về thân thế nàng: hai mươi hai tuổi, thân hình rất đẹp với nhiều đường cong tuyệt mĩ, gương mặt rất khả ái, được giáo dục rất chu

đáo, rất đa cảm đa tình (trích nguyên văn trên các báo). Như lần trước, cuối mẩu tin cũng có hai từ trong ngoặc đơn: (Còn tiếp). Đoạn tiếp theo xuất hiện hai ngày sau, nó nổ tung như một trái bom cực mạnh: "Người Đẹp Thời Thượng" hai mươi hai tuổi, thân hình rất đẹp, gương mặt rất khả ái, đa cảm đa tình… tuyên bố: ngoài những thứ vô giá đó còn tặng thêm món hồi môn 10.000 bảng. Hồi đó, 10.000 bảng là một gia tài đáng nể. Một cô gái kèm theo 10.000 bảng làm giải thưởng xổ số! Quả là điều chưa từng có trên trái đất này và chẳng Ăngiê một tí tẹo nào!

Mẩu quảng cáo ngày tiếp theo cho biết vài chi tiết có tính chất kĩ thuật. Vé sẽ được bán tại một số quầy treo biển riêng. Ngày mở thưởng nhằm ngày 12 tháng Tư ở Leicester dưới sự giám sát của ngài Pitt quan chức tòa án. Ngài Pitt cũng sẽ đích thân báo tin may mắn cho người trúng thưởng. Chi tiết kĩ thuật cuối cùng: giá vé vô cùng rẻ, chỉ vài đồng xu penny, ai cũng có thể mua được.

Mẩu tin trên như thùng xăng tưới vào đám cháy, lôi cuốn gần như toàn bộ đàn ông nước Anh lao vào cuộc. Bởi lẽ đợt xổ số được ngài Pitt quan chức tòa án nổi tiếng nhất có tín nhiệm nhất Leicester đứng bảo lãnh chứng tỏ đây là chuyện nghiêm túc đáng tin cậy.

Khắp nơi trên nước Anh đều có những phái viên của "Người Đẹp Thời Thượng" mang vé tới giao cho các điểm bán. Người mua dễ dàng nhận ra các điểm bán nhờ những tấm danh thiếp kín đáo dán trên cửa kính: "Người Đẹp Thời Thượng. Vé bán tại đây". Cách bán vé rất chặt chẽ: mỗi tờ vé đều có cuống đánh số thứ tự và số dự thưởng, người mua ghi họ tên và địa chỉ vào cuống vé do người bán lưu giữ cẩn thận. Thấy cung cách làm ăn chặt chẽ thế, các công dân vương quốc Anh dưới sự trị vì của minh quân Eduard

Đệ thất càng vững lòng tin tưởng. Các chàng trai nghèo khó cũng dốc nhẵn túi mua một hai chục vé hòng trúng một lúc cả giai nhân lẫn sang giầu. Không ít vị đã có vợ có con đàn cháu đống cũng mua giấu mua giếm dăm chục vé hòng đổi đời nếu gặp may trúng thưởng.

Ngày 2 tháng Tư, tức mười ngày trước khi mở thưởng, các báo đăng một mẩu tin nhỏ. Tin nói rõ: trước nhiệt tình của đông đảo công dân khối Liên hiệp Anh, "Người Đẹp Thời Thượng" sẽ công bố món quà tặng bất ngờ trên số báo ngày mai. Quả nhiên sáng sớm ngày 3 tháng Tư, hình ảnh người đẹp đang được cả vương quốc ưu ái, thèm muốn, xuất hiện trên mặt mọi tờ báo. Nước Anh đồng loạt ồ lên một tiếng trầm trồ trước gương mặt tươi xinh được đóng khung trang trọng. Mọi trái tim Ăngiê không còn phớt tỉnh nữa mà thi nhau xúc động mạnh tới mức số vé tồn đọng trên các quầy lập tức bay vào túi những người đang đấm ngực tự trách mình đã mua quá ít. Chủ các điểm bán vé số "Người Đẹp Thời Thượng" nhao nhao đòi cấp tốc bổ sung thêm thật nhiều hàng. Ở London, một dãy dài các chàng si tình đứng xếp hàng suốt năm tiếng liền trước quầy bán vé để chờ xêri vé mới. Những tờ vé số đã biến thành những lá thư tỏ tình của "Người Đẹp Thời Thượng" gửi tới các chàng trai khắp nước.

Mới chiêm ngưỡng dung nhan người đẹp trên báo, quả tim John Tilberry đã mê li rơi rụng. Vứt bỏ bộ mặt phớt tỉnh mọi ngày, anh ta chạy một vòng quanh khu Brighton kiếm bằng được một tá vé số với giá gấp đôi vì khan hiếm nên bị bọn đầu cơ trên chợ đen đẩy lên, dù anh ta đã có vị hôn thê xinh đẹp Mary Lowfordt với khoản hồi môn kếch sù là Nhà máy làm phômai của ông bố. Kể ra thì John cũng có lí do tương đối chính đáng: anh rất ghê mùi phômai,

một nỗi sợ dư âm thời niên thiếu: Hồi đó bà bán thực phẩm cho gia đình John đã nhốt chú bé vào hầm chứa loại phômai Chester rất nặng mùi để trừng phạt chú bé tinh nghịch. Từ lâu nay, anh vẫn chưa tìm ra cách giải bài toán hóc búa của mình, nhân dịp này anh muốn thử thời vận xem sao. Biết đâu chỉ bỏ ra vài bảng, anh sẽ thực hiện được giấc mơ huy hoàng: ngồi trên cỗ xe ngựa lộng lẫy buông lỏng tay cương rong ruổi dọc đại lộ Brighton với người đẹp được cả nước Anh thèm muốn, thỉnh thoảng vẫy tay chào những kẻ giờ đây đang dè bỉu anh là thằng đào mỏ mạt hạng; chung quanh ghế ngồi của hai vợ chồng sẽ chỉ toàn hoa hồng và violet, tịnh không có mùi phômai…

Giấc mơ quá đẹp tưởng là viển vông ngờ đâu lại thành sự thật! John Tilberry cầm trên tay tờ thông báo chính thức đưa tin mừng: anh đã trúng giải thưởng cuộc xổ số "Người Đẹp Thời Thượng". Cô gái trẻ hăm hai tuổi, xinh đẹp và còn lành lặn về mọi mặt cùng với 10.000 bảng, tất cả đã thuộc quyền sở hữu của anh.

John lật đi lật lại tờ thông báo trên tay, trong lòng rộn ràng xao xuyến khó tả. Người vừa mới xây dựng những giấc mơ hão huyền nhất giờ đây lại phân vân bối rối cực kì. Bỗng dưng John cảm thấy mình có tội to. Tội gì? Chính John cũng không tự giải thích nổi, chỉ cảm thấy sợ, rất sợ cô gái từ trên trời rơi xuống cùng với trận mưa giấy bạc. Chỉ chút xíu nữa là anh ta gửi trả lại tờ thông báo trúng thưởng, với hàng chữ trên phong bì do anh sẽ tự tay viết: "Không có địa chỉ này".

Sau hồi lâu suy nghĩ nát óc, John nhận ra rằng mọi dự định của anh, ngay những dự định hợp lí nhất cũng chỉ liên quan đến cá nhân mình mà thôi, người đẹp kia chỉ là một bóng ma, là cái vỏ bên ngoài, nhưng rồi đây anh sẽ phải tính đến sự hiện diện của nó. Cô

gái vừa trẻ vừa đẹp, có khoản hồi môn đáng nể và có những ý tưởng cách tân mạnh mẽ như vậy ắt không phải là cô gái bình thường. Cô sẽ nghĩ gì về John? Sẽ xử sự ra sao khi thấy anh đưa cô vào căn hộ chỉ có hai phòng bé tẹo ngoảnh mặt ra sân sau? Sắc diện anh có đủ hấp dẫn? Đầu óc anh có đủ thông minh? Liệu anh có ngang tầm cô gái, có xứng đôi vừa lứa cô ta?… Những câu hỏi đó khiến John băn khoăn lo lắng, mất hết hào hứng nhận giải.

John Tilberry đang mải mê cân nhắc thì có tiếng gõ cửa. Một cậu đánh xe ngựa mặc lễ phục cúi rạp người chào, hỏi tính danh chủ nhà rồi hai tay kính cẩn đưa lá thư và thưa:

– Tôi xuống dưới kia chờ phúc đáp của quí ông.

Chẳng cần phải là Sherlock Holmes cũng đoán ra ai là tác giả bức thư viết trên loại giấy siêu hạng sực nức mùi nước hoa quí phái.

John ngượng nghịu đỏ bừng mặt, lúng búng vài lời cám ơn rồi mở phong bì lấy ra đọc lá thư do bàn tay giải độc đắc thảo ra. Anh bụm miệng cho khỏi hét to vì quá sung sướng, đọc lại thư lần nữa để tin chắc mình không ngủ mê.

Trong lá thư "Người Đẹp Thời Thượng" vừa gửi cho John Tilberry cô viết đại ý: chàng trai cô ta đã chọn trước đây và đã lấy vợ, bây giờ đã được tự do vì người vợ mới qua đời. Chàng vừa ngỏ ý nối lại tình xưa, lấy cô làm vợ. Thư viết tiếp: Tuy nhiên, nếu người trúng thưởng có yêu cầu, cô sẽ về làm vợ anh ta, và dù anh ta quyết định như thế nào mặc lòng, số tiền 10.000 bảng vẫn được trao cho anh.

Trong nháy mắt John Tilberry đã sẵn sàng giấy mực, cầm lên tay cây bút đẹp nhất để hồi âm cho cô vợ vừa chưa cưới lại vừa là

vợ cũ. Thư viết: suốt đời anh sẽ tiếc chảy máu mắt vì không lấy được cô gái hấp dẫn nhường ấy, anh khước từ đặc ân này với cõi lòng tan nát, nhưng anh không thể cưỡng lại những tiếng nói thắm thiết của trái tim chung thủy, không thể chia tay với người đã đính hôn với mình… Cuối thư, John lơ đãng ghi thêm dòng Tái bút, vừa ngỏ lời xin lỗi vừa hỏi lúc nào và ở đâu anh có thể nhận số tiền 10.000 bảng để chôn vùi hình ảnh người đẹp trong quên lãng.

Thư trả lới tới rất lẹ. "Người Đẹp Thời Thượng" cám ơn tấm lòng độ lượng hải hà của John và chỉ dẫn mọi chi tiết trả lời các câu hỏi của John. Vài ngày sau, đích thân ngài Pitt quan chức tòa án tới trao 10.000 bảng cho John Tilberry. Anh ta nhanh chóng rời nước Anh, tới định cư tại vùng Riviera.

Quả là một câu chuyện đẹp pha nhiều mùi vị tình sử…

Nhiều năm sau, đúng lúc John Tiberry đã vung phí gần nhẵn nhụi số vốn từ trên trời rơi xuống, tình cờ một bữa kia anh gặp người làm việc cho văn phòng ngài Pitt, vị quan tòa của Leicester. Tay bắt mặt mừng, John gợi chuyện và lái dần tới vụ mở xổ số "Người Đẹp Thời Thượng". Nhân viên của ngài Pitt hồi trước mỉm cười đáp bằng giọng bí ẩn:

– Vụ xổ số "Người Đẹp Thời Thượng" hử? Thôi, ta nói sang chuyện khác thì hơn…

Câu trả lời úp úp mở mở không thỏa mãn John Tilberry. Anh ta vật nài vừa đủ để người kia phun ra điều anh ta rất muốn tiết lộ. Do đó John biết được điều khó tin dưới đây.

"Người Đẹp Thời Thượng" chưa từng xuất hiện trên cõi đời này. Đợt xổ số có cái tên đầy ma lực đó do một tên lừa đảo cực kì tinh khôn nghĩ ra. Tên tuổi gã không được tiết lộ, có thể do lộ ra sẽ làm

xấu mặt chính quyền. Gã ta đóng vai bố đẻ người đẹp để đăng các mẩu quảng cáo, phân phối vé, thu tiền, tổ chức cuộc quay số do ngài Pitt trực tiếp chủ trì. Bức ảnh đăng trên báo là ảnh cô bồ của gã ta.

Cảnh sát mở cuộc điều tra kín và ước tính gã đã phát hành 100.000 vé. Trừ đi tiền hoa hồng của đại lí và các khoản chi lặt vặt như đăng báo, in danh thiếp v.v… gã thu lời không dưới 40.000 bảng qua phi vụ này. Tất nhiên phải trừ đi 10.000 bảng nữa chi cho người trúng thưởng một cách sòng phẳng. Với số lãi đó, gã bịp đại tài thả sức vứt qua cửa sổ một căn nhà nào đó trên lục địa châu Âu, lương tâm không mảy may cắn rứt. Người duy nhất có thể khiếu kiện là người trúng thưởng. Chỉ một mình anh ta biết rõ mọi chi tiết của vụ lừa đảo tinh vi này. Nhưng người ta không thấy John Tilberry có ý kiến gì, tên thật của anh ta cũng không ai biết.

Có lẽ vì trong vụ này, John cảm thấy gần như tự hào mình là nạn nhân duy nhất được tên đại bịp thỏa mãn đầy đủ mọi yêu cầu.